Nguyễn Xuân Khánh

HỒ QUÝ LY

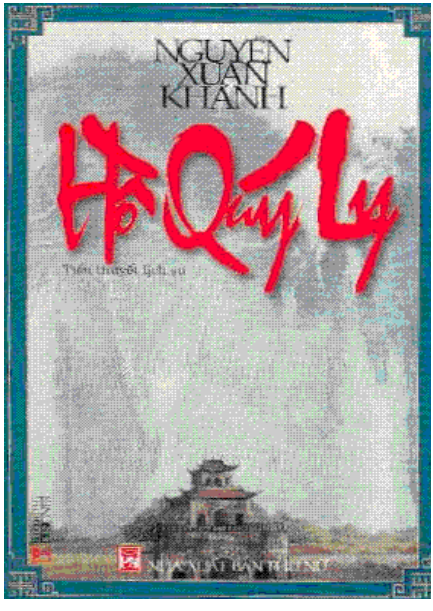

vnthuquan.net

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Chương 1

Hội thề Đồng Cổ

Hội thề Đồng Cổ là ngày lễ lớn của Thăng Long. Nó được cừ hành vào ngày mồng bốn tháng tư hàng năm. Đó là một lễ hội thuần Việt rất được dân kinh đô xem trọng ở thời Lý Trần, tiếc rằng đã bị các triều vua sau này nho hoá bỏ mất.

Sách cổ chép rằng vua Lý Thái Tông, thủa còn là thái tử, phụng mạng vua cha đi đánh Chiêm Thành, năm Canh Thân (1020), khi đến vùng Đan Nê, An Định, Thanh Hoá, đóng quân dưới chân một quả núi. Canh ba đêm ấy, trong cõi mộng mung lung, nhà vua chợt thấy một dị nhân, mình cao tám thước, mày râu cứng nhọn, mặc áo giáp, tay cầm binh khí, đến trước cúi đầu tâu rằng: “Tôi là Thần núi Đồng Cổ, nghe tin thái tử đem quân đi dẹp giặc phương Nam, tôi xin theo giúp phá giặc, để lập chút công nhỏ”. Thái từ cả mừng vỗ tay khen ngợi rồi tỉnh dậy. Sau đó tiến quân đánh chiếm quả nhiên toàn thắng. Khi trở về qua núi Đồng cổ, thái tử sửa sang lễ tạ rồi rước thần vị về kinh đô Thăng Long. để giữ dân, hộ nước. Đền thờ lập sau chùa Thánh Thọ, thuộc địa phận thôn Đông, phường Yên Thái (làng Bưởi). Khi Lý Thái Tổ chết, thái tử lên ngôi vua, tức vua Lý Thái Tôn. Đêm nằm mộng thấy thần Đồng Cổ đến báo rằng: “Ba vị em vua là Vũ Đức Vương, Đông Chinh Vương và Dực Thánh Vương âm mưu làm phản”. Lúc vua tỉnh dậy. Sai Lê Phụng Hiểu dàn quân bố trí phòng bị.

Sự việc xảy ra quả đúng như giấc mộng. Loạn ba vương được dẹp tan. Đến đây, vua xuống chiếu xây đàn thề ở miếu Đồng Cổ, và hàng năm cứ đến mồng bốn tháng tư thì trăm quan hội họp làm lễ ăn thề. Năm nay, ông vua già Trần Nghệ Tông cho mở hội thề to hơn mọi năm. Tháng hai, viên quan coi việc tế lễ đã cho thợ đến sửa sang miếu thờ, cạo rêu, quét vôi, tô tượng, thay những câu đối cũ. xây dựng lại những chỗ đổ nát, sửa sang cây cối, trồng hoa, lát đường... và soát xét lại đồ tế khí. Đồ tế khí ở đây có hai thứ có thể gọi là linh vật của đất nước.

Thứ nhất là chiếc chuông chùa Yên Tử. Hồi vua Trần Thái Tôn bỏ nhà lên núi Yên Tử định cắt tóc đi tu, quan thái sư Trần Thủ Độ kéo cả triều đình lên theo, cầu xin vua về cho hợp lòng dân. Việc đi tu của vua không thành. Khi vua chia tay, Phù vân quốc sư nghĩ phải có cái duyên hạnh ngộ lớn thì mới có một ông vua lên tận chốn núi cao hẻo lánh này để tìm Phật. Ông bảo nhà vua: “Trong núi không có Phật. Phật ở trong lòng người”. Tuy nhiên, để kỷ niệm cái duyên kỳ ngộ ấy, phù vân quốc sư tặng nhà vua Đại Hồng Chung ở chùa Vân Yên đem về kinh đô.

- Tâu bệ hạ. Đây là chiếc chuông quý truyền mấy trăm năm suốt triều nhà Lý. Đại Hồng Chung ít khi dùng đến, chỉ dùng vào dịp đầu xuân. Mỗi năm khi chuông rung lên là mây mù ùn ùn kéo đến. Mây trắng che kín đầu Yên Từ. Chuông gọi mây xong lại gọi mưa. Khi hồi chuông dồn dập binh boong ngân nga lần thứ hai thì những hạt nước li ti nằm trong mây sữa run rẩy, rồi chúng bay lượn quấn quít với nhau và thành những hạt to rơi xuống. Mưa rào. Đó là phật lộ. Mong rằng tiếng chuông của đức Phật từ bi được vang lên trên kinh thành Thăng Long. Mong rằng nước mưa của Phật từ bi sẽ nhuần thấm

trong lòng người dân kinh kỳ.

Chiếc chuông Yên Tử đem về được treo ở chùa Thánh Thọ. Mấy năm trước, nhà sư Phạm Sư Ôn tập họp dân lưu tán đói khát nổi loạn. Giặc thày chùa kéo về kinh thành Thăng Long đốt phá. Ông vua già Trần Nghệ Tông, ông vua trẻ Trần Thuận Tôn và cả hoàng gia phải rời kinh đô đi lánh nạn. Đội cấm quân phía hữu kinh thành đóng binh ở chùa Thánh Thọ. Đội quân này đã gây cho quân nổi loạn nhiều thiệt hại. Tức giận, toán giặc thày chùa đã tàn phá, đốt trụi khu chùa thắng cảnh đẹp nhất Thăng Long. Cũng may khi giặc rút, nhân dân đã chữa cháy, cứu được tháp chuông. Giặc thày chùa mà lại đốt chùa. Ông vua già thở dài, và chẳng lẽ để chiếc chuông linh thiêng nằm chơ vơ giữa hoang phế, nên ông đã sai mang chuông đến đền Đồng Cổ.

Chiếc linh vật thứ hai ở đây là chiếc Đại Đồng Cổ. Đền Đồng Cổ thực ra thờ thần trống đồng. Khi vua Lý Thái Tôn rước linh vị thần Đồng Cổ ra kinh đô Thăng Long, các vị bô lão đã xin vua rước cả trống thờ luôn theo. Nhà vua không nỡ mang linh khí của nhân dân địa phương đi. Nhà vua truyền rằng: “Linh vật của nhân dân phải giữ lại đây. Ta muốn thờ thần ở hai nơi. Thần sẽ là thần hộ quốc, nhưng cũng vẫn còn là thần hộ dân địa phương”.

Vì vậy đền Đồng Cổ Thăng Long thờ thần Trống Đồng mà suốt hơn hai trăm năm không có trống đồng. Đến năm Mậu Ngọ (1258) vua Trần Thái Tôn đại thắng quân Nguyên lần thứ nhất. Nhân dân vùng An Định, Thanh Hoá cũng đào được chiếc Đại Đồng Cổ, chiếc trống đồng cỡ lớn, to gấp rưỡi chiếc trống đồng trên núi Đồng Cổ. Các vị bô lão nói: “Vượng khí của non sông xuất hiện để chào mừng một thời thịnh trị”. Nhân dân liền rước chiếc Đại đồng cổ lên Thăng Long

tiến vua, để đưa vào thờ ở miếu thần hộ quốc. Vua Trần Thái Tôn nói:

- Thực là điềm trời giúp nhà Trần ta, binh khí phải đủ bộ. Có âm phải có dương. Mỗi khi nghe tiếng Đại Hồng Chung Yên Tử ngân nga lánh lót, ta cứ thấy băn khoăn như thiếu vắng một cái gì. Hoá ra tiếng chuông là thanh cao thanh nhẹ phải có tiếng thanh trầm thanh đục của chiếc Đại Đồng Cổ mới tạo ra được cảm giác hoà hợp. Bây giờ linh vật đủ đôi, âu cũng là điềm trời muốn giúp ta điều hoà âm dương.

Lệ nhà Trần năm nào cũng có hội thề Đồng Cổ. Nhưng chỉ có những năm đặc biệt, như vào năm thắng giặc, hoặc vua mới lên ngôi mới đem linh khí Đại Hồng Chung và Đại Đồng Cổ ra rước.

Vậy năm nay là năm gì mà ông vua già Trần Nghệ Tôn lại sai quan tư tế chuẩn bị khám soát cả chuông thần và trống thần. Tự đặt câu hỏi vậy thôi, chứ thực ra dân Thăng Long đã tự biết câu trả lời. Cứ nhìn những sự kiện xảy ra trong những năm gần đây thì rõ. Quân Chiêm Thành do vua Chế Bồng Nga đã mấy lần tấn công uy hiếp. đại binh của họ tiến gần sát kinh đô. Những nô tì theo nhà sư Phạm Sư Ôn nổi loạn đã tràn vào Thăng Long, đốt phá ba ngày đêm. Vua Trần Duệ Tôn đem quân vào đánh Chiêm Thành bị tử trận. Vua Trần Phế Đế bị ông vua già truất ngôi rồi giết chết. Ông vua già Trần Nghệ Tôn làm thái thượng hoàng suốt ba đời vua. Nghệ tôn cho con út là Thuận Tôn lên ngôi vua. Đất nước chao đảo thế này mà quyền hành lại nằm trong tay một ông vua già và một ông vua trẻ nít. Trong khi đó, thế lực của quan thái sư Quý Ly thì càng ngày càng mạnh.

Ông vua già Nghệ Tôn lo lắng là phải. Ông phải nhớ đến hội thề. Ông phải nhờ đến thần hộ quốc. Ông muốn tiếng chuông vàng, tiếng

trống Đồng Cổ sẽ vang động làm thức tỉnh trăm quan. thức tỉnh thần dân trong nước. Các cụ tổ nhà Trần. lúc giặc Nguyên xâm lấn, trong cơn nguy cấp, đã gióng trống thần, đã khua chuông thiêng, gọi thần linh hộ quốc về giúp sức. Và tổ tiên của nhà Trần đã thành công phá tan giặc nước. Đến đời ông, phút này đây, chẳng là cơn nguy cấp sao. Vậy thì ông cũng phải dùng đến chuông thiêng, trống thiêng. Chính đích thân quan bình chương Lê Quý Ly chỉ đạo tổ chức ngày hội thề Đồng Cổ. Thái bảo Trần Nguyên Hàng lo việc nghi lễ cho tôn nghiêm, việc rước xách cho linh đình, thiên tử thân hành làm việc tế lễ. Thượng tướng quân Trần Khát Chân lo việc quân cơ cho nghiêm ngặt.

Trước mấy hôm, quan thượng tướng đã sai quân đi sửa đường, sửa cầu từ nội điện đến đền Đồng Cổ. Từ tối hôm trước, suốt dọc đường vua đi đã được cắm cờ, và có quân lính túc trực từng quãng để xem xét động tĩnh, đảm bảo an toàn. Ngày mồng bốn tháng tư, từ lúc gà gáy sáng, quan tể tướng Lê Quý Ly dẫn trăm quan đến điện Đại Minh, ăn mặc lễ phục chỉnh tề, chờ sẵn ở sân chầu. Thượng hoàng Trần Nghệ Tôn và đức vua Trần Thuận Tôn mặc quần áo màu vàng. Trời rạng sáng, hai vua ngự ra cửa điện. Trăm quan quỳ lạy hai lạy, rồi tung hô vạn tuế.

Đúng giờ xuất hành, trên lầu cửa Hữu Lang điện Đại Minh, chuông trống nổi lên. Đám rước bắt đầu. Dân chúng Thăng Long cũng dậy từ gà gáy như vua quan. Người từ khắp làng quê cũng đổ về Thăng Long đi trẩy hội thề. Dọc đường, cắm cờ suốt từ cửa Tây tức Quảng Phúc Môn đến đền Đồng Cổ, người che kín hai bên đường.

Đám rước rất dài, chừng vài dặm. Người trong đám rước chừng vài ngàn người.

Đầu tiên là đội vụt roi dẹp đường. Đó là những chức quan nhỏ, tay cầm chiếc roi làm bằng tơ nhuộm đỏ. Họ lặng lẽ vút chiếc roi vào trong không trung. Sáu ông quan hàng nhị phẩm. tam phẩm cưỡi voi dẫn đường, một bên hàng văn, một bên hàng võ. Hai hàng voi bước chân đủng đỉnh. Những chiếc lọng đỏ, lọng tía lắc lư nghiêng ngả theo nhịp voi đi, những bác quản tượng áo nẹp đỏ phải ngoái đầu nhìn đằng sau, sao cho những chú voi đừng quá nhanh.

Sau voi là cờ biển. Phải nói một rừng cờ. Những đội quân hàng ngũ chỉnh tề, cán vờ đặt trên vai đều tăm tắp. Đội cờ ngũ hành gồm những lá cờ xanh, đỏ, vàng. trắng đen. Tiếp đến là đội cờ nhật nguyệt. đội cờ nhị thập bát tú, đội cờ thanh long, đội cờ bạch hổ, đội cờ chu tước, đội cờ huyền vũ.

Đội đồng văn làm người trẩy hội nức lòng. Người cai cầm cái trống khẩu chỉ huy. Một chiếc trống cái có lọng che, người khiêng. Chiêng to cũng vậy. Rồi một đội sinh tiền, một đội trống bản. Tiếng trống theo nhịp rước rộn vang với những bài bản nhịp nhàng, làm nức lòng người.

Cá đội lọng làm người ta hoa mắt vì mầu sắc. Những chiếc lọng hoa, lọng xanh, lọng đỏ... Những chiếc tàn, chiếc tán thêu bằng chỉ ngũ sắc có tua phất phơ trước gió.

Sau lọng đến quạt: quạt lông công, quạt lông trĩ, quạt trắng, quạt đen, quạt to, quạt nhỏ...

Đội nhã nhạc cung đình, cả đời người dân mới được thầy vài lần. Một trăm nhạc công mang đàn sáo, tấu lên những điệu nhạc lạ lùng chỉ sáng tác dành riêng cho vua nghe. Hoà vào điệu nhạc là một đoàn cung nữ đẹp như một bầy tiên, cổ tay dẻo quẹo rung lên những chiếc quạt lụa.

Đội lọng vàng đi ngay trước kiệu vua. Hai chiếc kiệu cũng mầu vàng. Rèm kiệu cũng màu vàng. Cả bầu trời vàng rực lên làm loá mắt con người. Quân cấm vệ, binh khí tuốt trần, cưỡi ngựa đi hai bên. Những tên lính canh đường quỳ sụp xuống, thiên hạ hai bên đường cũng quỳ sụp xuống theo khi vua qua.

Đền Đồng Cổ nằm trên một khu đất cao nhìn ra dòng sông Tô Lịch và Hồ Tây. Ngôi đền năm gian nằm giữa một rừng cây muỗm, cây nhân. Hai bên cửa đền là một dãy hoàng lan và ngọc lan. Ngay trước cửa đền là đàn thề nằm giữa một khoảng đất rộng. Chung quanh khu đền có xây tường bao.

Hôm nay, hai cánh cửa lim ở cổng chính tam quan mở rộng đón hai vua. Khi đoàn rước đến, các đội cờ, đội quạt, đội binh tản ra dưới khu rừng bàng nằm ngoài khu đền để nhường chỗ cho kiệu vua và trăm quan vào trong. Đội đồng văn và nhã nhạc đến ngồi ở hai gian bên. Nhạc tấu vang lừng. Cuộc lễ bắt đầu.

Chiếc trống đồng và chiếc Đại Hồng Chung được đạt ở gian giữa đền. Đích thân nhà vua rót rượu lễ. Quan Thái sư Lê Quý Ly đánh ba hồi trống đồng, thượng tướng quân Trần Khát Chân đánh ba hồi chuông. Ngoài sân thái bảo Trần Nguyên Hàng sai giết ngựa trắng, lấy máu pha rượu đổ vào cái chậu lớn đặt trên đàn thề. Cửa đền đóng kín; các bộ, các viện, các sảnh các các cục kiểm điểm sổ quan xem ai vắng mặt ngày hội thề đều bị phạt tiền rất nặng.

Ông vua già Trần Nghệ Tôn leo lên đàn thề, sau ông là ông vua con Trần Thuận Tôn, kế đến quan binh chương Lê Quý Ly, thượng tướng Trần Khát Chân, Thái bảo Trần Nguyên Hàng.

Trần Nguyên Hàng cầm tờ thề đứng trước trăm quan, xếp theo chức phẩm, im phăng phắc dưới chân đàn thề. Hàng dõng dạc đọc:

“Làm tôi phải hết lòng trung, làm quan phải giữ thanh bạch, làm con phải giữ tròn đạo hiếu. Nếu làm con mà bất hiếu, làm tôi mà bất trung thì thần minh tru diệt”.

Trong đền, trống đồng và chuông quý lại vang lên một hồi, rồi nhã nhạc tấu lên. Trăm con mắt đổ xô về nhìn vào ông vua già Trần Nghệ Tôn. Họ nhìn vì chính thượng hoàng Nghệ Tôn là người đã đòi hỏi phải làm cuộc lễ này thật tốn kém linh đình; đáng lẽ như mọi năm thì cuộc lễ này chỉ đơn giản thôi. Họ nhìn vì ai ai cũng biết, nhưng chẳng ai nói ra, rằng thượng hoàng là người nhiều tâm sự nhất lúc này. Thượng hoàng bày vẽ linh đình để làm gì? Để cứu vãn một tình huống chẳng thể cứu vãn nổi chăng? Để tự đánh lừa mình, sau đó để đánh lừa toàn dân, rằng triều đại nhà Trần vẫn còn đang thịnh trị, vẫn còn đầy nét vàng son chăng? Để thăm dò xem lòng dân còn hướng về nhà Trần tới mức nào? Để thăm dò trăm quan xem còn trung thành với triều đại nhà Trần đến mức nào? Hay để biểu dương lực lượng, để đe doạ kẻ thù, để khơi gợi lòng trung trinh của một kẻ mà ông đã có một thời rất trọng, rất yêu? Hay chỉ là một sự nuối tiếc, sự giãy giụa tuyệt vọng? Con thú chết ắt phải giãy, một triều đại sắp chết cũng giãy giụa, phải chăng đây là sự giãy giụa vàng son? Ông vua già mạt vàng bệch, đứng oai nghiêm mà đờ đẫn. Ông biết mọi người đang nhìn mình, nhưng ông chẳng muốn nhìn mặt ai lúc này; những khuôn mặt quá quen thuộc, những khuôn mặt ông đã nhìn hàng ngàn lần, hàng vạn lần, có những khuôn mạt đã ở với ông từ tấm bé, những khuôn mặt đã hả hê nhận từ ông biết bao ân sủng. Còn lúc này, họ nhìn ông, họ chờ đợi gì ở ông; ngược lại thì đúng hơn, ông đang chờ đợi ở họ, ông đang cần họ. Ông thầm kêu lên: “Các người ơi! Hãy ngọ nguậy cái óc lên một chút. Hội thề này là cái

gì? Một tiếng trống ngũ liên. Một lời kêu cứu. Một lời động viên đấy. Ta bị buộc chân, buộc tay rồi. Ta bị bịt miệng lại rồi. Một sự trói buộc ngọt ngào. Ta làm gì còn có thể ra sắc lệnh cứu giá, cứu nguy. Họ luôn ở bên ta. Thì đây một sắc chỉ! Hội thề là một sắc chỉ kêu gọi sự trung trinh. Các người đã hiểu rồi chứ...".

Từ lúc lên kiệu ở điện Đại Minh, tay ông vua già luôn run bắn. Ông không thể làm chủ được hai bàn tay; để tránh mọi người nhìn thấy, ông phải giấu chúng vào hai ống tay áo, ông thọc bàn tay nọ vào ống tay áo kia và đặt chúng trước ngực. Nhưng kỳ lạ chưa, từ lúc rót rượu trong đền, đôi bàn tay ông bỗng nhiên bình tĩnh trở lại, chúng hết run rẩy. Và lúc này, cầm chén rượu máu, bàn tay ấy bỗng cứng cáp như hồi ông còn trẻ. Đáng lẽ theo nghi lễ, ông không phải nói một lời, nhưng ông đột nhiên cao hứng, nói rất to và dõng dạc: "Kẻ làm tôi bất trung thì thần minh tru diệt" Trần Khát Chân đứng bên cạnh hai vua bỗng quỳ xuống và hô to:

- "Thượng hoàng vạn tuế!".

Trăm quan dưới đàn thề cũng quỳ rạp tất cả và tung hô vạn tuế. Trần Nghệ Tôn giơ cao chén huyết tửu uống ực một hơi. Xong rồi, ông quay sang quan thái sư Lê Quý Ly, ông muốn tìm trên nét mặt của quan thái sư một biến đổi; một nét lo âu chẳng hạn, một tia mắt tức giận chẳng hạn, một cái nhếch mép thách đố chẳng hạn... Song, nét mặt Quý Ly vẫn lạnh tanh như mọi lúc Quan thái sư chỉ đỡ lấy cái chén mà ông vua già đang giơ trước mặt.

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Chương 2

Quan kiểm pháp Nguyên Trừng vừa đi thanh sát Thanh đô trấn về. Người ngây ngất mệt mỏi nên ông không đi dự hội thề. Buổi sáng sớm người thư lại tâm phúc vào bẩm công việc, nhưng Trừng không dậy nổi; đến quá trưa ông mới gượng dậy. Lão bộc pha cho ông một ấm trà, rồi bưng cháo nóng đến. Ăn bát cháo xong, Trừng mới thấy khỏe khoắn lên đôi chút. Ông ăn mặc tề chỉnh từ hậu đường bước sang thư phòng.

Bảy năm về trước khi Nguyên Trừng cưới quận chúa Quỳnh Hoa, con Thái bảo Trần Nguyên Hàng, thái sư Quý Ly định xin vua cắm đất cho người con cả xây dựng phủ đệ, nhưng Nguyên Trừng xin cho được về ở cùng ông ngoại.

Dòng dõi họ Phạm vốn là danh y truyền thế. Đời Trần Anh Tông cụ Phạm Bân làm quan thái y nổi tiếng một thời. Tiếp đến đời con trai cũng làm thầy thuốc. Cháu cụ Phạm Bân là Phạm Công cũng nối nghề tổ và là danh y đương thời. Phạm Công đẻ ra Phạm Thị là vợ quan thái sư và là mẹ Nguyên Trừng. Người cậu ruột của Nguyên Trừng đi hái thuốc ở vùng Yên Tử, không may bị mưa rừng hãm trong núi, rồi bị lũ cuốn mất tích. Do vậy, Nguyên Trừng về ở với ông

ngoại cô đơn. Điền trang nhà họ Phạm rộng chừng vài chục mẫu nằm bên hồ Lục Thuỷ. Giữa trang có chiếc ao sen vài sào nhìn ra hướng đông, bên phải ao sen là nhà ở của Nguyên Trừng, bên trái ao là nhà thuốc của cụ Phạm Công, còn gọi dược thảo am. Từ ao sen có con ngòi thông ra hồ Lục Thuỷ. Ông lại cho người lấy đá đẽo gọt bắc cầu qua con ngòi. Hai bên đường, từ hữu sang tả ngạn ao, trồng hoè, tạo nên phong cảnh thật thanh u, kỳ thú.

Viên thư lại đã ngồi chờ ở thư phòng, khi thấy Nguyên Trừng bước ra, ông đứng dậy thi lễ. Nguyên Trừng lặng lẽ ngồi xuống bên cái kỷ. Anh ta nói:

- Dạ bẩm đức ông - Tôi đã cho người đi lấy tin tức ở các nơi.

Nguyên Trừng mệt mỏi gật đầu. Ông lơ đãng, nửa suy nghĩ, nửa lắng tai nghe. Giọng người thư lại đều đều, vô cảm. Trừng khoát tay nói:

- Xin ông chỉ kể lại những điều đáng chú ý nhất.

- Sáng hôm nay, ở Quảng Phúc môn có một thư sinh trà trộn vào đám người đi xem, định ngăn đường dâng thư lên đức thượng hoàng. Anh ta chưa kịp làm đã bị cấm vệ quân bắt.

- Chắc lại một cuồng sĩ dâng sớ phản đối chính sách phiền hà của quan thái sư cha ta - Nguyên Trừng buồn rầu lắc đầu - Nào thay tiền đồng bằng tiền giấy ư. Nào hạn nô hạn điền ư... Có phải vậy không?

Người thư lại cười nửa miệng:

- Dạ, không phải. Lá thư chỉ là một tờ giấy hồng trên đó viết bằng một nét bút như rồng bay phượng múa, nét bút của một tay đại bút làm cho bất cứ ai đã theo nghề nghiên bút đều phải tấm tắc khen.

- Câu chuyện của ông làm ta chú ý rồi đấy. Này, nhưng chẳng lẽ anh ta chỉ định khoe chữ đẹp thôi sao? Ông nói ta nghe dòng chữ trên

đó...

- Dạ trên đó là dòng chữ: “Cung chúc đại y sư”

- Một lời chúc tụng ư?... à, cũng có thể là một lời mai mỉa... Hay... chỉ là một lời kín đáo. Này, thế cha ta xử sự ra sao?

- Thưa đức ông, quan thái sư chỉ cười. Và người im lặng hồi lâu rồi nói: Thả hắn ra.

- Vậy sao... Nhưng mà... Thế là phải... Thôi ông cho ta nghe tiếp những sự việc ở đền Đồng cổ.

- Trăm quan có mặt đầy đủ. Chỉ vắng mặt mấy người mắc bệnh, trong đó có ông Sử Văn Hoa đang chữa bệnh ở chùa Sùng Quang.

- Ta biết Sử tiên sinh ốm đã mấy tháng nay.

- Đức Thượng hoàng Trần Nghệ Tôn, hôm nay, hầu như khỏi bệnh. Người đọc câu minh thệ: “Làm tôi bất trung thần minh tru diệt!” giọng sang sảng dõng dạc, to hơn tất cả mọi người. Buổi lễ được quan thái bảo Nguyên Hàng tổ chức rất chu đáo, lại được thượng tướng quân Khát Chân đôn đốc nên rất nghiêm ngặt chẳng xảy ra điều gì đáng tiếc. Duy chỉ xảy ra một việc rất nhỏ.

- Việc rất nhỏ?...

Vâng... Khi đến lượt đức vua Trần Thuận Tôn uống huyết tửu, người đã run tay...

- Rượu thề bị đổ à?

- Thưa đức ông, không, mới chỉ sóng sánh...

- Sóng sánh?

- Chỉ có một giọt rượu rớt ra, rơi xuống áo long bào, nhưng không ai trông thấy.

- Không ai trông thấy sao lại biết?

- Chỉ một mình quan nội thị đứng đằng sau thái sư trông thấy.

- Thế cha ta có trông thấy không?
Dạ, dạ... gia thần không biết... Nhưng nhưng ông nội thị nói rằng quan thái sư mắt lúc nào cũng lặng lẽ nhìn chén rượu của người minh thệ.
- Đúng, đúng... Cha ta... à... không ai biết được... Ông cũng không biết được... cha ta mà cả đến ta... Này... Thế đức ông Trần Khát Chân thì sao?
- Không ai nhận thấy một điều gì khác lạ...
- Sao lại khác lạ - Trừng nhìn thẳng vào đôi mắt bối rối của người thư lại. Rồi ông chợt nhớ ra một điều - Bây giờ ngươi làm ngay cho ta một việc. Hôm qua, quan thượng tướng có viết thư mời ta tối hôm rằm đến dự tiệc thưởng hoa, ông hãy sai người đến ngay Trại Mai báo rằng ra nhận lời. Ta sẽ đến.
Khi người thư lại quay ra, Nguyên Trừng gọi ông lão bộc chuẩn bị qua cầu, sang thăm ông ngoại.
***
Nguyên Trừng đi men bờ ao sen, ra con đường hoè, ngang qua cầu đá dẫn đến dược thảo am nơi ở của cụ Phạm Công. Khu trại bây giờ được gọi là Dinh ông Trừng, nhưng dân gian vẫn quen gọi là Trại Thuốc. Cụ Phạm Bân hồi làm thái y dưới thời Trần Anh Tông, có công to đã chữa khỏi bệnh hiểm nghèo cho hoàng tử, nên được vua ban cho đất, mở trại bên hồ Lục Thuỷ .
Ông cụ sưu tầm cây thuốc ở khắp nơi đem về trồng thêm, thành thử trại thuốc đã biến thành một rừng cây. Nhưng phần lớn cây thuốc lại là những cây hoa nên trại của nhà họ Phạm đã trở thành một vườn hoa lạ. Ta gặp ở đây dáng dấp một hoa viên dân dã, hoang dại. Vắt ngang dòng nước nhỏ, có cây cầu đá rồi tiếp tới một đường hoè. Sau

ao sen là một rừng bàng lá đỏ. Ở một góc trại là một bãi lau trắng để nuôi loại sâu tên gọi “đông trùng hạ thảo”. Dọc bờ khe nước, những luống rau diếp dại, bồ công anh, rau vòi voi, cây cỏ xước, cây xấu hổ tía... Những nô tì trồng những ruộng sâm, ruộng tam thất, ruộng nghệ đen... Bốn mùa ở đây hoa nở. Mầu xanh, mầu hồng, mầu vàng, mầu tím, mầu đỏ luôn hiện ra trước mắt khi bước vào khu trại.
Nguyên Trừng về ở với ông ngoại khi bà công chúa Huy Ninh sinh em Hán Thương. Từ khi con trai đi hái thuốc trong rừng bị lũ cuốn mất tích, cụ Phạm Công sống hiu quạnh cùng với người gia bộc tên là ông Lặc. Hồi Lê Quý Ly hành quân vào Hoá châu, cụ Phạm Công đi theo con rể làm thầy thuốc. Ông Lặc người Chiêm Thành bị thương sắp chết đã được cụ Phạm cứu sống. Cảm ơn cải từ hoàn sinh, ông Lặc xin theo hầu cụ lang Phạm và trở nên người lão bộc trung thành.
Cụ Phạm vốn người trầm tĩnh, ít nói. Ngoài việc làm thuốc chữa bệnh, cụ dành tất cả thời gian cho việc đọc sách, cụ học rộng, uyên thâm tam giáo. Ngoài ba gian nhà thuốc, cụ còn cho xây ở đằng sau một thư đình, nơi đó cụ lưu giữ sách của trăm nhà. Trong trại thuốc có hai cây lan cổ thụ: cây hoàng lan trồng trước dược thảo am, và cây ngọc lan trồng cạnh thư đình. Cụ thường mắc võng, cầm cuốn sách, nằm dưới gốc lan, nơi nhắm mắt lại cụ vẫn ngửi thấy mùi hoa thoang thoảng và vẫn nghe thấy tiếng xì xào của gió đùa trên những đoá hoa ngọc ngà.
Khi Trừng lên tám tuổi, thái sư Quý Ly đưa Trừng đến cho ông bố vợ. Quan thái sư làm việc ấy vì hai lý do. Thứ nhất, Quý Ly muốn làm trọn cái đạo của người rể hiền; ông vừa trọng vừa thương ông bố vợ, Phạm Thị vợ thái sư chết đã là một đòn nặng nề với ông lang già,

nay đến lượt người con trai chết, cụ Phạm trở nên suy sụp như kẻ mất hồn, có đứa cháu ngoại ở bên cạnh may ra cụ còn khuây khoả. Thứ hai Quý Ly muốn nhờ cậy ông nhạc rèn giũa cho Nguyên Trừng nên người; ở kinh thành Thăng Long này ai chẳng biết cụ Phạm là người học rộng. Quý Ly bảo Trừng:

- Con quỳ xuống lạy ông ngoại đi.

Đáng lẽ đến chào ông, cháu chỉ phải cúi đầu xuống vái; đằng này Quý Ly bắt con quỳ lạy. Ông ngoại đang ngồi trên giường, vội bước xuống đỡ cháu. Ông hiểu thâm ý của chàng rể:

- Anh định giao phó hẳn nó cho tôi sao?

- Thưa thầy, cháu còn bé nhưng thông minh, xem ra là đứa có hiếu. Cháu sẽ thay mẹ nó và thay con... Bẩm nhạc phụ, công việc triều chính trăm việc bề bộn, con thẹn không thể ở bên thầy...

- Tôi hiểu... tôi hiểu...

- Vả lại, ở bên thầy, sự học hành của cháu... con cũng được yên tâm.

Quý Ly quả là người nhìn việc giỏi. Từ khi có Nguyên Trừng ở bên, ông lang Phạm dần dần vui trở lại ông và cháu rất hợp nhau. Ngoài việc chữa bệnh cho đời, Phạm Công dồn hết công sức dạy dỗ cháu ngoại. Thằng bé thông minh xuất chúng; ông dạy đến đâu, cháu biết ngay không cần nhắc lại. Đứa cháu học có kết quả, ông cụ cũng nhận được sự tác động trở ngược của kết quả ấy. Đứa cháu đã trở thành một lý do để cụ sống ở đời. Nguyên Trừng rất giống mẹ. Bà Phạm Thị cũng thông minh, nhưng Trừng còn thông minh gấp bội. Bà Phạm Thị cũng kín đáo đa cảm, nhưng sự đa cảm của Trừng lại nhiều khi làm cụ lo lắng. Không biết trong hoàn cảnh đất nước rối ren như hiện nay, sự đa cảm ấy là tốt hay xấu, điều đó cụ lang cũng không hiểu được.

Nguyên Trừng bị ảnh hưởng ông ngoại, suốt ngày miệt mài đèn sách. Nhìn cái dáng gầy guộc của cháu, ông ngoại vô cùng lo lắng. May thay, người lão bộc Chiêm Thành một hôm nói với ông cụ:

- Thưa cụ, sao cụ không rèn cho cậu Trừng văn võ toàn tài.

- Ông nói đúng, có văn lại phải có võ mới thật là đạo trung. Nhưng đáng tiếc, ta không biết võ.

- Con sẽ lo việc ấy.

Cụ lang cười:

- Ta quên khuấy mất. Ông vốn là võ tướng. Ha, ha!... bao năm nay ở bên ta, chẳng bao giờ ông dụng võ thành thử...

Từ đó, Trừng lại có thêm một ông thày thứ hai là người lão bộc.

Lúc đầu, Nguyên Trừng học Nho. Năm Trừng 14 tuổi một hôm, hai ông cháu ngồi nói chuyện với nhau. Ông bảo:

- Biển học mênh mông và Nho đạo chỉ là một phần nhỏ trong cái biển mênh mông sâu thẳm đó.

- Ông ơi, trên đời cái gì là sâu thẳm?

- Cốc thần? (Hang trời)

- Còn cái gì sâu hơn cả hang trời?

- Ông chưa dám nói đã hiểu hết, nhưng chắc đó là giếng trời.

- Giếng trời là gì?

- Là cái tâm.

- Tâm là gì?

Ông ngoại lúc đó mới mang đạo thiền ra giảng cho Trừng:

- Người xưa nói: “Đạo Phật như giếng trời, còn Khổng và Lão chỉ giống như hang và khe. Đạo Phật như mặt trời, còn Khổng và Lão chỉ như những bó đuốc “

Ông lại dặn:

- Cái tâm, không ai tìm hộ cho đâu.
- Cháu sẽ cố gắng đọc sách.
Ông cười:
- Ngày xưa, có ông sư đọc hết một nhà kinh vẫn chưa tìm thấy nó. Ông bèn đốt kinh làm đuốc, đêm đêm lần mò trong rừng thiền đi tìm Phật. Đốt trọn kho sách vẫn chẳng thấy gì. Buồn quá, ông ngồi tựa gốc cây, nhìn đống tro tàn, khói lên leo lét. Nhìn làn khói nhạt, đột nhiên ông động tâm, bừng tỉnh.
- Ông sư nhìn thấy gì trong đống tro tàn?
- Chắc là một điều gì quý báu lắm.
Nhìn Trừng trầm ngâm, cụ Phạm mỉm cười. Từ đó Trừng mang sách Phật ra đọc. Cụ Phạm dặn:
- Con đừng nên chỉ học Phật. Hãy đọc cả trăm nhà, con có duyên với nhà nào, lòng con sẽ dừng ở đó, không nên cưỡng lại lòng mình.
Trừng nghe theo lời ông, miệt mài với bách gia. Cụ Phạm thấy cháu hiếu học, đem cả sách thuốc ra dạy. Từ đó, ông và cháu càng thân thiết như đôi bạn vong niên. Ông ngoại nói với Trừng:
- Y là cái gốc. Phật cũng là y. Nho, Lão cùng là y... Có thứ vương y, có thứ bá y. Vương y là làm cho con người được âm dương điều hoà, trở về quân bình. Con đường ấy lâu và khó, nhưng bền gốc. Còn bá y thì giống như ông tướng cầm quân nóng nảy và quyết liệt. Nó nhanh đấy, tưởng như kết quả đấy, nhưng căn nguyên thì không dứt.
Năm ấy mất mùa, sao chổi lại hiện ở phương đông nên sinh lắm bệnh tật. Cụ Phạm bỏ tiền ra mua thóc gạo và tích trữ cả thuốc. Cụ cho dựng mấy căn nhà tranh tạm ở góc vườn. Gặp những người bệnh nặng lại đói nghèo, cụ cho đến ở tại đó, cho ăn lại cho thuốc.

Thái sư Quý Ly đến thăm:

- Thưa nhạc phụ, đức độ của thầy khắp kinh thành Thăng Long ca ngợi, tiếng thơm lan đến cả triều môn. Ông ngoại cười:

- Tôi để phúc lại cho thằng Trừng đó.

Thấy Trừng săn sóc người bệnh, quan thái sư cười:

- Con cố mà học hết nghề của ông ngoại.

- Thưa cha, ông ngoại dạy con muốn hiểu rõ ràng sự lý trên đời thì đầu tiên phải thâm sâu y đạo.

Quý Ly cười to:

- Cha có trách con đâu. Cha cũng đang học ông ngoại. Cha đang muốn tìm một phương thuốc... khó.

Cụ Phạm cũng cười theo con rể. Cả hai người cười giòn, nhìn chàng thiếu niên như muốn tìm hiểu sự suy nghĩ của Trừng. Thực ra, Trừng hiểu ý tứ của quan thái sư cha mình lắm chứ. Ông ấy đang muốn tìm cho thiên hạ một phương thuốc lớn. Lòng chàng thiếu niên chợt dâng lên một tình cảm, vừa như kính phục, vừa như xót thương... Trừng đâu phải kẻ ngờ nghệch. Anh còn lạ gì những lời đồn đại trong bá quan, và cả trong dân gian nữa. Người ta bảo cha anh là kẻ gian hùng.

Người ta bảo ông đặt ra lắm chuyện phiền hà. Người ta bảo ông là kẻ gian thần rắp tâm... Một phương thuốc lớn? Ông muốn đi tìm một phương thuốc lớn! Liệu đó là một thiện ý hay chỉ là một sự xảo ngôn như người đời vẫn nghĩ. Nghe cha mình cười sao Trừng chẳng muốn cười mà chỉ thấy trong lòng dâng lên một nỗi buồn. Cha ta có ảo tưởng không? Cha ta có tham vọng quá không? Nỗi bi đát, nỗi khốn cùng của cả ta chính là ở chỗ đó. Một phương thuốc lớn? Ai sẽ tin cha? Dân chúng chăng? Bá quan chăng? Ông vua già Nghệ Tôn

chăng? Cả riêng ta nữa chăng? Hay những kẻ đang đồng mưu với cha? Có đúng họ theo cha chỉ vì một phương thuốc lớn? Kìa, nghe cha ta đang cười. Tiếng cười đang vang giòn bỗng tắt dần và trở thành những tiếng khục khục lịm đi trong cổ họng. Tiếng cười kết thúc sao mà ngơ ngác. Ông ngoại đã thôi cười từ lâu. Còn ta, ta không cười. Ta chỉ nhìn cha bằng đôi mắt thương cảm. Ôi! Tiếng cười sao mà cô độc. Quý Ly chợt đặt tay lên vai con trai, nhìn lạnh lẽo vào đôi mắt Trừng, chắc ông tìm thấy cái ý nghĩa trong những tia nhìn của người con, chắc ông hiểu những ý nghĩ của Trừng, bởi vì Trừng thấy ông quay mặt đi, lặng lẽ nhìn lên những vòm lá cây hòe.

***

Đi giữa con đường hoè, Trừng như còn nghe rõ cả tiếng cười của cha mình năm xưa. Thế mà thấm thoát đã mười lăm năm. Bao nhiêu biến thiên. Phương thuốc lớn ư? Minh đạo ư? Cha ta đã viết cuốn Minh đạo. Một cuốn sách với những ý nghĩ táo tợn, nhưng cũng đầy khinh bạc. - Trừng chợt rùng mình vì một ý nghĩ lóe hiện - Có lẽ ta giống cha ta quá nhiều. Có những lúc, những cảm giác kiêu bạc thầm kín đã len lỏi vào óc ta. ý thức mơ hồ về một nòi giống. Có phải nhiều lúc ta đã muốn giang cánh tay ra mà bay lên trời. Đêm đêm, ta vẫn thường gặp những giấc mơ, những giấc mơ kỳ lạ, siêu thường, giấc mơ của một người điên. Vâng, đó là những giấc mơ bay. Thấy cảm giác len lén của một vật gì mọc ra từ thân xác, ta ngạc nhiên ngắm nhìn vật trăng trắng đâm chồi từ bên sườn; cái chồi ấy là một bí ẩn, một dấu hiệu đặc biệt mà chỉ riêng ta có; rồi chồi mọc thành cánh, và ta giang cánh ra bay vút lên trời...

Trừng đã đi hết hàng hoè, đã thấy con chó tràng từ thảo am ve vẩy đuôi ra đón. Con chó có nhà tức là ông ngoại đã đi chăm sóc người

bệnh trở về.
Cụ Phạm ngồi trên chiếc ghế mây, cạnh bàn nước. Cụ mừng rỡ hỏi cháu:
- Con về tự lúc nào?
- Dạ, con về đêm qua.
- Quá nửa đêm hôm qua, nghe tiếng lao xao bên kia ao sen, ta ra sân thấy đèn sáng ở nhà tiền đường bên ấy, ta biết con đã về. Sáng nay, lão Lặc sang bảo con còn ngủ mê mệt... ta biết quá ngọ con sẽ sang thăm ta.
Nghe giọng nói và nhìn ánh mắt ân cần của ông ngoại, Trừng cảm động, cầm chiếc túi gấm, hai tay dâng lên:
- Con vào Thanh đô trấn, kiếm được mấy thanh quế quý, đem về biếu ông. Quế này con mua ở vùng Thường Xuân.
Cụ Phạm mở chiếc túi gấm, lấy ra hai chiếc hộp gỗ, mỗi chiếc hộp đựng một thanh quế rộng dài chừng như cẳng tay. Mặt trong thanh quế được lau chùi đến bóng nhoáng. Hai đầu thanh quế gắn sáp ong. Cụ gật gù:
- Đúng là loại quế thượng châu, mọc đã trăm năm. Quý vật đấy con ạ.
Nhìn đôi bàn tay già run run cầm hai thanh quế và gương mặt sung sướng của ông ngoại, Nguyên Trừng cũng thấy vui lây. Người lão bộc đã mang trà ra. Cụ Phạm nhấp chén trà hỏi:
- Cháu mới về đã biết được tình hình ngày hội thề chưa?
- Sáng nay, viên thư lại đã cho con biết qua tình hình.
- Ta cũng vừa đi thăm bệnh cho ông Sử Văn Hoa ở chùa Sùng quan về.
Nghe nói ông Sử đột nhiên lâm bệnh, không đi dự được hội thề. Ông

ấy vốn có chứng đau đầu.

Đúng vậy, nhưng ít ngày qua đột nhiên đau nặng: Sử Văn Hoa và cụ Phạm Công vốn là bạn vong niên. Sử mới ngoài năm mươi, cụ Phạm đã ngấp nghé bát tuần, thêm ông sư chùa Sùng Quang tròn bẩy mươi vốn là bộ ba tâm đắc. Sử Văn Hoa không phải họ Sử, nhưng làm quan thái sử. Ông học rộng, tính tình cương trực, văn tài cứng cáp, được vua Nghệ Tông quý trọng ban cho chữ Sử làm họ, từ đó triều đình gọi ông là Sử Văn Hoa, và gọi mãi thành quen, đến nay chẳng ai còn nhớ họ cũ của ông là gì nữa. Sử Văn Hoa có tài chiêm mộng. Việc bói toán, việc đoán mộng trong triều đình đều do ông làm.

Nguyên Trừng cũng có kỷ niệm về ông nhờ giấc mộng bay. Một hôm, Sử đến thăm cụ Phạm, gặp Trừng ở Dược thảo am. Trừng đem giấc mộng ra nói với Sử: vãn sinh đã mơ thấy mình biết bay...

- Chuyện bay ấy có hay xảy ra không?

- Cũng đã nhiều lần

- Xin quý công tử kể cho tỉ mỉ.

- Nghĩa là...

- Nghĩa là bay cao hay thấp? Bay ở đâu? Cảm giác ra sao?...

Ông Sử Văn Hoa, mắt hơi lim dim, vẻ mặt nghiêm trọng, nghe từng lời Trừng kể.

- Vãn sinh thấy mình mọc cánh. Vâng, đúng là đôi cánh chim. Tự mình vẫy cánh và thân xác cất lên khỏi mặt đất. Vãn sinh ra sức vẫy, nhưng lạ thật. Chẳng hiểu đã có một cái gì đó níu kéo lại. Thú thực là ý muốn bay rất cao. Nhưng không hiểu sao lại chỉ bay được là là trên đầu những ngọn tre, trên đầu những ngôi nhà. Cảm giác như mình là một cánh diều. Cũng không phải, vì diều thì đứng im, còn mình thì

bay thật sự như một cánh chim - Vãn sinh cười và tự nói đùa mình - một loại chim không biết bay cao...

Ông Sử bỗng choàng mở mắt, và phát ra một câu nói lạ lùng:

- Cũng là cái may cho cậu đó.

Ông ngoại Trừng chen ngay vào:

- Phản mộng ư? Bay lên trời là điềm gở sao?

- Không gở. Không xấu cũng không tốt. Là cái chí của công tử đấy thôi. Tức là luỹ tre, nếp nhà, mạt đất còn níu kéo cậu lại, vì cậu gắn bó với chúng. Nếu không cậu sẽ bay vút lên trời cao, và biết đâu đấy... bầu trời thì to rộng, ai mà lường hết được cái kết cục.

Nguyên Trừng gặng hỏi cái kết cục, nhưng ông Sử không muốn trả lời.

Giọng nói của ông ngoại kéo Trừng về hiện tại:

- Ông Sử Văn Hoa ốm nửa tháng nay, đó là điều thật lạ.

- Sao lại lạ, thưa ông?

- Mỗi lần ông Sử lên cơn đau đầu, thể nào cũng có một chuyện lạ xẩy ra. Năm nhà sư Phạm Sư Ôn nổi loạn đốt phá Thăng Long, ông Sử đau đầu dữ dội đến nỗi nôn mửa cả ra mật xanh mật vàng. Năm kia, đê sông Cái vỡ ở Châu Hồng, ông Sử cũng đau. Đến năm nay, đúng vào lúc sắp mở hội thề, ông ta cũng đau. Cơn đau quái lạ! Ông Sử nói với ta nghe như có ai đập búa trong óc.

Nguyên Trừng cười:

- Hội thề năm nào chả có... Mà hội thề cũng đã xong rồi. Thầy thư lại nói cho cháu biết trong hội thề chẳng có chuyện gì quan trọng xảy ra.

Cụ Phạm Công cứ như không nghe thấy Trừng nói, cụ tiếp tục bộc lộ dòng suy nghĩ của mình:

- Điều kỳ lạ là đúng đến ngày hội thề, bệnh ông giảm, đã ngồi được

dậy nói chuyện. Ta bảo nhân ngày quốc lễ xin ông bói cho một quẻ xem vận nước. Ông cười: “Bói mà làm gì?”. Ta không nghe cứ thắp hương trên bàn thờ Phật mà gieo quẻ được chính quái là quẻ Quải và biến quái là quẻ cách. Ông cười to: “Năm hào dương đuổi một hào âm (quẻ quải), năm chàng quân tử đuổi một tiểu nhân”. Ta xin ông đoán tiếp nhưng ông chỉ nói: “Rành rành ra đấy cần gì phải đoán nữa”. Nói rồi ông kêu lại đau đầu và cáo từ đi nằm.

Nguyên Trừng lắc đầu:

- Cháu không tin vào bốc phệ.

Cụ Phạm gật đầu:

- Đã tạo nghiệp thì phải gánh lấy nghiệp. Ta cũng biết, bói toán cũng không giải được nghiệp. Tuy nhiên, ta vẫn cứ băn khoăn; trong quẻ quải, hào thượng lục trên cùng là âm, vậy cái gì là âm và năm dương ở dưới thì cái gì là dương.

Nguyên Trừng cười:

- Chắc ông biết rõ hơn cháu, bốc sư tán ngang tán dọc thế nào chả được.

Cụ Phạm dường như vẫn băn khoăn:

- Và còn một điều lạ lùng này nữa: ông Sử đoán rằng sắp được đức Nghệ Hoàng vời vào hoàng cung hỏi chuyện.

- Thưa ông, thế thượng hoàng đã có lệnh triệu chưa?

- Chưa?

- Thế mà ông ta đã quả quyết mới lạ chứ.

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Chương 3

Thái thượng hoàng Nghệ Tôn chú ý đến viên quan thái sử gầy gò này từ lúc chưa lên ngôi. Lúc đó, ông tránh sự truy sát của vua phường chèo Dương Nhật Lễ, trốn lên vùng núi Tam Giang. Đi theo ông hồi ấy chỉ có Lê Quý Ly và một toán thân binh. Ông vẫn chưa kịp viết thư kêu gọi các đại thần quý tộc đến với ông. Ông đóng quân ở nhà một xã quan miền ngược, một ngôi nhà sàn của một lang đạo người Mường. Đang đêm, bỗng thấy có ánh đuốc lố nhố ở dưới nhà sàn. Quý Ly nói:
- Vùng này nhiều hổ, chắc binh sĩ phải thắp đuốc làm cho lũ hổ tránh xa.
Quý Ly ra đầu nhà sàn, hỏi tình hình. Viên gia tướng nói:
- Không phải hổ mà chính là người. Dân Mường báo có kẻ lạ mặt, người Kinh, lảng vảng ở khu đồi ngoài. Hắn gùi một cái bồ nặng trên lưng. Hắn hỏi một bà già, tìm tung tích của toán người Kinh mới trốn lên đây. Chúng tôi sợ nó là người của Dương Nhật Lễ.
- Đã bắt được chưa?
- Chúng tôi đến nhà bà già, biết được hắn đã bỏ đi. Anh em đốt đuốc tìm hắn từ chập tối, sục sạo khắp rừng vẫn chưa thấy.
- Người này rất khả nghi. Phải bắt bằng được, không thể để trốn thoát. Cho một toán lấy ngựa đi theo đường cái chặn hết các cửa rừng.
Mãi gần tảng sáng mới bắt được gã học trò ngủ trên chòi canh nương ngô, trên một cây cao. Gã học trò kêu oan, nhưng toán lính vẫn trói chân trói tay, khiêng như khiêng thú săn về ngôi nhà sàn.
Nghệ Tôn hỏi:
- Ngươi tên gì? Làm việc gì?
- Tôi tên Văn Hoa, làm chức quan nhỏ chuyên việc chép sử.

- Sao ta chẳng biết mặt ngươi?
Bẩm đức ông, từ mấy đời vua rồi, triều đình có ai chú ý đến sử. Nhà chép sử thì dột nát. Quan chép sử không đủ lương ăn. Sử biên niên chẳng ai nhòm ngó... Quan thái sử chán nản, suốt ngày uống rượu...
- Còn nhà ngươi?
- Tiểu nhân chỉ giữ chức quan nhỏ trong Thái sử viện, vẫn hàng ngày làm trọn công việc của mình, vẫn hàng ngày ghi chép những sự việc xảy ra trong triều đình, đất nước. Mọi người bảo: "Đất nước nghiêng ngả thế này, ai cần đến mấy tờ giấy nát của ông?". Nhưng tiểu nhân không nghĩ thế. Ông nghĩ sao?
- Tiểu nhân nghĩ: Sử là hồn núi hồn sông. Sử là tinh tuý của đất nước. Dân tộc nào biết chép sử càng sớm, càng có nhiều cơ hội văn hiến. Dân tộc nào càng biết quý trọng đến sử càng có nhiều cơ hội trường tồn. Thịnh đấy? Suy đấy! Chẳng vì thịnh mà kiêu, chẳng vì suy mà nản. Cứ bền lòng nhìn vào sử như tự ngắm mình trong một tấm gương. Ngắm để vẽ, để tô, để sửa, ắt khuôn mặt càng dễ ưa, dễ coi. Hồn núi ở đó, hồn sông cũng ở đó. Chẳng thế mà kẻ ngoại bang sang xâm lấn nước ta, lúc nào cũng chỉ nhăm nhăm xoá bỏ sử sách của ta.
Nghệ Tôn lặng người nghe gã nho sinh nói. Viên đầu ngũ dâng lên một cái bồ và trình:
- Bồ này bắt được của gã.
- Gì thế?
- Toàn là chữ cả ạ.
Nho sinh giải thích:
- Bẩm đức ông. Đó là những ghi chép hàng ngày của các sử quan thời trước và của tiểu nhân. Thái sử Lê Văn Hưu mới viết hết Lý sử, còn Trần sử chưa đụng đến. Thần thấy Dương Nhật Lễ là kẻ vô đạo nên bỏ đi, nhưng cứ tiếc những cuốn ghi chép này. Sợ rằng binh hoả sẽ làm mất mát, nên đành luôn luôn cõng nó trên lưng.
Nghệ Tôn nghe Văn Hoa nói, lật giở những trang giấy mà Văn Hoa lúc gian nguy cũng không rời bỏ, lòng ông rung lên những xúc cảm khó tả.
- Sao nhà ngươi lại lên đây?
- Bẩm, kẻ tiểu nhân đi tìm bậc chân mệnh thiên tử. Nghe tiếng đức ông là người đức độ, lại được nhìn thấy sự việc hàng ngày của đức ông ở triều đình, nên tiểu nhân đánh bạo đi tìm, chỉ mong sao cho nghề chép sử được chú ý, cho hồn núi hồn sông được chép liền chẳng dứt...
***

Sau ngày hội thề, cũng là lúc Sử Văn Hoa đột nhiên khỏi bệnh. Ông giã từ sư Vô Trụ ở chùa Sùng Quang, trở về nhà. Ông mỉm cười khi nghĩ tới cụ lang họ Phạm và nhà sư cứ ngạc nhiên tại sao ông lại đoán được vua Nghệ Tôn sắp gọi ông vào cung. Có gì bí ẩn đâu. Nghề chiêm bốc của ông vốn như vậy; cứ mỗi lần có những biến động lịch sử, cứ mỗi khi bi kịch như sấm sét được tích tụ trong cơn bão sắp nổ xuống đầu con người, thì con người lại cầu đến ông, nhất là các bậc vua chúa. Ông là người viết sử, người chiêm bốc. Toàn là những chuyện đùa chơi với lửa cả. Chép việc đời như thế nào đây? Sự lý biến dịch ra sao? Ta là kẻ dùng cây bút, dùng ba tấc lưỡi để hé nhìn tương lai, để sống ở đời, để làm bạn với vua chúa. Chỉ một chữ thôi, chỉ một câu nói thôi, ta có thể làm xổng xích một bạo chúa, hoặc có khi ngăn chặn một cuộc chém giết. Ta là kẻ thiện hay kẻ ác? Ta run sợ khi nghĩ đến điều đó, bởi chữ nghĩa có thể làm đảo điên biến ác thành thiện, hay thiện chuyển sang ác. Sống ư? Chết ư? Ta hàng ngày sống cận kề với chúng, cái chết của người đời và ngay cả cái chết của ta. Thú thực, lắm khi ta run sợ, ta muốn thoái lui; nhưng vở tuồng đại loạn đang cưỡi trên chiếc xe điên rồ, đang phi như bay trên quê hương ta. Thật đáng sợ nhưng cũng đầy hấp dẫn. Lạy trời? Chỉ mong sao chữ nghĩa của ta một phần nào ngăn được đà chạy của chiếc xe điên rồ đó. Lạy trời cho cả gió lên, bởi vì chỉ hết gió cả, mới có chỗ cho gió hiu hiu trở lại.

Sử đoán không sai; ông vừa về đến nhà đã nhận ngay được lệnh triệu vào cung gặp Nghệ hoàng. Ông vua già rất quý Sử Văn Hoa sau việc đoán mộng cho Duệ Tôn và sau khi Duệ Tôn bị tử trận ở Chiêm Thành. Ông gặp Sử, nghe Sử nói chuyện rất hợp ý. Sử lại dâng sách cho thượng hoàng xem: đó là phần một cuốn Trần sử, cuốn sách ông đã dành tâm huyết và đang viết dở dang. Trần Nghệ Tôn xem sách xong, khen hết lời và ban cho ông chữ Sử làm họ và cái tên Sử Văn Hoa cũng bắt đầu từ đấy. Thượng hoàng làm việc đó như vậy, đã khai sinh cho ông một lần nữa. Nghệ Tôn làm thế đơn thuần chỉ như một cử chỉ khen ngợi; nhưng đối với Văn Hoa, đó lại là một điều trọng đại; chữ Sử đối với ông đột nhiên trở thành một định hướng. Cái lẽ sống mà ông âm thầm nung nấu, sở dĩ âm thầm bởi vì ông chỉ là một viên quan nhỏ vô danh, nay đã như cái dùi trong bị lộ ra; vua đã biết tên, lẽ sống đã được khẳng định nên nó càng trở nên mạnh mẽ.

Cảm cái ơn tri ngộ của thượng hoàng, từ đó ngoài trách nhiệm của một thần tử, Sử Văn Hoa còn coi Nghệ hoàng như cha đẻ của mình, lẽ dĩ nhiên ông cũng đủ trí thông minh và lòng tự trọng để không bộc

lộ nó ra bằng sự tận tuỵ, bằng sự chí thành. Ngược lại, ông vua già cũng cảm thấy điều đó, ông đối đãi với Sử như một người thân tín. Trần Nghệ Tôn ngồi trên sập vàng, vẻ nóng nảy chờ đợi. Vừa trông thấy Sử, ông vui mừng ra mặt. Chờ cho Sử quỳ lạy xong, ông vẫy Sử lại gần:
- Trẫm đã có một giấc mộng rồi.
- Dạ thưa...
- Chả là trẫm thèm một giấc mộng. Ba ngày qua, kể từ hôm trước hội thề, trẫm đã trai giới để cầu thần Đồng Cổ và ta đã gặp mộng.
- Tâu bệ hạ, người đã gặp thần Đồng Cổ.
Chắc là vị thần ấy. Thần Đồng Cổ là vị thần bộ quốc Hồi nhà Lý, nhờ thần Đồng Cổ báo mộng mà Lý Thái Tôn đã dẹp được loạn ba vương. Ông ấy là thần hộ quốc chắc ta đã gặp thần Đồng Cổ.
- Tâu bệ hạ, sao lại chắc?
- Đúng, ông ấy. Một dị nhân, mình cao tám thước, mày râu cứng nhọn, mặc chiến bào, tay cầm binh khí, cưỡi con ngựa chiến mầu đen. Nhưng lạ thật...
- Tâu bệ hạ, sao lại lạ?
- Bởi vì khi ta hỏi: có phải thần Đồng Cổ đấy không? Ông ta lại im lặng... Ta đâm ngờ ngợ.
- Dạ... Tâu...
- Ta ngờ ngợ... vì trông ông hao hao giống em ta
- Tâu bệ hạ... giống đức Duệ Tôn.
- Em ta cũng cưỡi con ngựa đen, cũng mặc giáp trụ... Em ta cao lớn sừng sững...
- Tâu bệ hạ... Thần nghĩ là hoá thân.
- Đúng, ngươi nói đúng. Có thế mà ta không hiểu ra. Hoá thân? Phải rồi? Thần Đồng Cổ đã hoá thân vào em ta để báo mộng cho ta. Một đằng là vị thần hộ quốc, một đằng là người anh hùng trung trinh với nước. Hồn thiêng của cả hai người quyện vào nhau, chắc giấc mộng phải linh ứng.
- Tâu bệ hạ, giấc mộng thế nào?
- Ta thấy ông ấy, thấy em ta trong sương khói. Mồm ông ta mấp máy. Ta nói: ngươi định nói gì cứ nói cho to. Trong gió bão, ta căng óc ra nghe. Ông ấy đọc một bài thơ:
Trung gian duy hữu xích chuỷ hầu
Ân cần tiềm thướng bạch kê lâu
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự
Bất tại tiền đầu, tại hậu đầu
Nghĩa là:

Quãng này chỉ có hầu mõm đỏ
Lăm le lên lầu gà trắng
Khẩu vương đã định việc còn mất
Chẳng ở trước mà ở về sau.
Thật quỷ quái! ta chẳng còn hiểu ra thế nào nữa. Ta choàng tỉnh dậy và không ngủ lại được nữa. Ta suy nghĩ để đoán, nhưng càng nghĩ

càng rối tung lên. Ta đến thái miếu, thắp hương, xin tổ tiên cho đủ sự minh mẫn để suy nghĩ, nhưng cũng chẳng thể đoán ra sự huyền bí của giấc mộng, của những câu thơ. Ta chỉ còn biết trông cậy vào ngươi.

Sử Văn Hoa nhìn ông vua già đột nhiên như suy sụp hẳn đi, nhưng Sử không muốn vỗ về ông vua già. Ông hiểu ông vua già là con người suốt đời chỉ muốn chìm vào giấc ngủ. Chỉ cần bẻm mép an ủi ông ta bằng những linh tượng huyền bí, chỉ cần nguỵ luận dùng cách nói đông nói tây, dùng phép phản mộng lạ đời, chỉ cần giảng giải bằng những lời thật khác lạ, ngoắt ngoéo, chắc chắn ông ta sẽ an lòng ngay, và lại chìm vào một du mộng. Ông vua già sắp chết rồi. Bằng cách an ủi, ông ta sẽ chết một cái chết nhẹ nhàng, ngọt ngào. Nhưng không thể thế được. Cần phải nói ra sự thật. Người gần đến cái chết cần phải biết sự thật. Nếu kiếp người là những luân hồi, thì sự thật ắt hẳn phải bổ ích cho những kiếp sau. Nghĩ vậy, Sử Văn Hoa nói:

- Người báo mộng là đức Duệ Tôn hay thần Đồng Cổ thì cũng vậy thôi. Xin bệ hạ chỉ nên hiểu đó là một người quan trọng. Người đó lại mặc giáp trụ, cưỡi ngựa chiến mầu đen. Vậy tin người ấy báo qua những câu thơ ắt hẳn một điều vô cùng trọng đại, có liên quan đến sự sống còn.

Mắt ông vua già sáng quắc:

- Ta cũng nghĩ thế. Nhưng, việc quan trọng ấy là gì? Khẩu là, vương là, chữ Vương trong chữ khẩu là chữ quốc. Đó là việc còn hay mất của đất nước.

- Đất nước ư?

- Vấn đề đã quá rõ ràng, đất nước đang ngả nghiêng.

Thần xin đọc lại mấy câu thơ một cách nôm na:.
Lúc này chỉ có “hầu mõm đỏ”
Đang lăm le trèo lên “lầu gà trắng”
Việc còn mất của đất nước đã được định rõ
Chẳng phải trước kia mà ở sau này.
Bây giờ chỉ còn hai câu thơ đầu: “gà trắng” là ai, “hầu mõm đỏ” là ai? “lầu gà trắng” phải chăng ngai vàng?
- Đúng rồi. Ta sinh năm Tân Dậu. Ta cầm tinh con gà...
- Vậy “hầu mõm đỏ” là ai?
- Thôi thôi, ta hiểu rồi. Ta cám ơn khanh. Nhà ngươi không cần phải nói nữa.
Sử Văn Hoa phủ phục xuống, lạy thượng hoàng. Còn Nghệ hoàng lặng lẽ quay vào hậu cung.
Sử ra về, lòng buồn rười rượi. Ông biết “hầu mõm đỏ” là ai lắm chứ. Trong triều đình, ít ai biết quan thái sư Lê Quý Ly sinh năm Thân, cầm tinh con khỉ. Ông là quan chép sử, lý lịch của những người cầm nắm vận mệnh đất nước là điều ông phải biết, nhưng cũng phải chôn chặt chúng trong lòng.
***
Mấy hôm sau, tin đồn về giấc mộng của Nghệ hoàng lan ra khắp triều đình rồi lan ra khắp kinh thành.
Có người bảo giấc mộng là thật, thần Đồng Cổ rất thiêng. Ngày xưa thần đã thác mọng cho Lý Thái Tôn cứu nguy cho nhà Lý khỏi loạn ba vương; ngày nay thần thác mộng cho nhà Trần cũng để cứu nguy cho nhà Trần, bởi vì nhà Trần có công to với đất nước, ba lần đánh tan giặc Nguyên. Các vua Trần hồng phúc rất dày, triều đại nhà Trần còn dài lâu.

Có người lại bảo giấc mộng là giả, Nghệ hoàng đã bịa ra giấc mộng để răn đe thái sư Quý Ly, và để kêu gọi những người còn trung thành với nhà Trần mau ra tay cứu nguy cho đất nước.

Rồi người khác lại bảo, trăng tròn phải có lúc khuyết, thịnh phải có suy. Nhà Trần bạc nhược lắm rồi! Lòng dân chán ngán lắm rồi! Đói khổ lắm rồi! Tham nhũng lắm rồi? Cứ gì nhà Trần; vua nào chả là vua. Thèm đổi đời lắm rồi.

Người ta đồn ầm lên dư đảng của nhà sư Phạm Sư Ôn đang sắp kéo về Thăng Long.

Lại có tin vừa mới bắt được vụ làm bạc giả. Gánh ra hàng chục gánh tiền giấy, toàn tiền một quan vẽ hình con rồng. Thảo nào, tiền giấy càng ngày càng mất giá. Người ta lén lút đổi tiền giấy ra tiền đồng rồi đem chôn. Rồi một buổi sáng, người ta thấy dán ở khắp Thăng Long những tờ giấy trên có dòng chữ “Thâm tai Lê sư!” tức là: Thâm độc thay Lê thái sư!

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Phần II - Chương 1

Lê Nguyên Trừng

Tôi là Lê Nguyên Trừng, hay nói cho đúng hơn tôi là Hồ Nguyên Trừng. Theo gia phả từ xưa để lại, ông tổ của chúng tôi Hồ Hưng Dật từ miền Triết Giang Trung Hoa, vào thời Ngũ Quý, đã sang đất Giao Chỉ làm quan ở Diễn Châu. Trải qua mười hai đời, đến đời cụ Hồ Liêm lại di cư sang trương Đại Lại phủ Thanh Hoa làm con nuôi quan tuyên uý Lê Huấn; từ đấy chi họ Hồ ở Thanh Hoa đổi làm họ Lê. Cha tôi, Lê Quý Ly là cháu bốn đời của cụ Hồ Liêm. Khi hai bà cô của cha tôi là thái hậu Đôn Từ và Minh Từ được tuyển vào cung làm phi cho đức vua Trần Minh Tôn, rồi lại đến khi con của bà Minh Từ lên làm vua tức là Trần Nghệ Tôn, thì bố tôi biết thời vận của dòng họ nhà tôi đã đến. Quả đúng như cha dự đoán, vua Nghệ Tôn, người anh em con cô cậu với cha tôi, đã rất quý trọng cái tài kinh bang tế thế của cha tôi. Ông đã được thăng quan vùn vụt để cuối cùng lên hàng quan nhất tể triều đình. Đến lúc này, cha mới bảo tôi:

- Trong đạo hiếu, việc làm rạng rỡ tổ tiên, làm cho tên tuổi của dòng họ vang danh, lưu truyền sử sách, đó chính là đại hiếu. Lúc nào trong tâm khảm con cũng phải nhớ con dòng dõi họ Hồ. Việc đổi sang họ Lê chỉ nhất thời; người quân tử cũng phải biết chịu khuất thân, miễn chí lớn cuối cùng đạt được.

Cha tôi sáng mắt lên, rồi mơ màng kể cho tôi nghe về dòng dõi họ Hồ.

- Họ Hồ nhà ta chính dòng dõi Ngu Thuấn. Ông Hồ Công Mãn là con cháu Ngu Thuấn được phong ở đất Hồ cho nên lấy chữ Hồ làm họ; cụ Hồ Hưng Dật sang Giao Châu làm quan chính là hậu duệ của cụ Hồ Công Mãn...

Thế đấy! Tôi hiểu ý cha tôi muốn nhắc nhở rằng tôi chính là con cháu của các bậc vua chúa, mà lại là những ông vua vĩ đại lừng danh thiên hạ. Ôi chí lớn? Tôi cũng hiểu chính vì cái chí lớn đó mà cha tôi đã rất hài lòng khi tôi miệt mài đọc sách của trăm nhà, và khi tôi chăm chú theo hầu ông ngoại tôi để học lấy cái nghề y sư. Nhưng y sư đâu phải là điều cha tôi đã bằng lòng. Ông còn muốn tôi là đại y sư.

Còn nhớ một lần, khi tôi đã trưởng thành, cha ra một vế câu đối, bắt tôi đối lại:

- Quyền kỳ thạch, hữu thì vi vân vi vũ, dĩ nhuận sinh dân.

(Hòn đá bằng nắm tay này có lúc làm mây làm mưa để thấm nhuần cho dân)

Tôi đối lại rằng:

- Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đống tác lương dĩ phù xã tắc.

(Cây thông nhỏ ba tấc ấy, ngày sau làm rường làm cột để chông đỡ xã tắc).

Ôi? Chỉ là một hòn đá nhỏ thôi mà cha tôi muốn làm mây làm mưa để tưới cho khắp muôn nhà. Qua câu đối ấy tôi hiểu rõ cái chí của cha tôi. Tôi cũng biết rằng từ đây họ Hồ chúng tôi bắt đầu phải đương đầu với bão tố. Chí càng lớn, bão tố càng lớn. Chí mà thành thì muôn đời có công; chí mà bại thì lưu tiếng xấu ngàn thu. Từ đó lòng tôi buồn vô hạn, lòng tôi giằng xé trăm điều. Nhưng biết sao được! Cùng một huyết thống, tức cùng chung một con thuyền; thoát ra một

mình cũng chẳng được; số mệnh buộc chúng tôi đắm cùng chịu đắm, vinh cùng hưởng vinh. Nhưng gia đình chúng tôi còn nằm chung trong con thuyền của cả nước, liệu con thuyền gia tộc chúng tôi nếu bị đảo điên, thì con thuyền cả nước sẽ ra sao? Đó là vấn đề. Càng nghĩ, lòng tôi càng thêm buồn rầu, bối rối.

Lại nói đến nguồn gốc họ Hồ, không hiểu cha tôi có biết một huyền thoại lưu truyền trong dân gian không? Đó là câu chuyện tôi đọc được trong một cuốn sách không biết ai viết.

.. Xưa ở phía tây thành Thăng Long có hòn núi đá nhỏ, phía đông gối lên cái hang dưới chân núi Lô Giang (sông Hồng), trong hang có con cáo chín đuôi (cửu vĩ hồ tinh), sông hơn ngàn năm, hoá thành yêu quái, có thể biến hoá vạn cách, thành người hoặc thành quỷ đi khắp dân gian.

...Con cáo chín đuôi biến thành người áo trắng nhập vào giữa đám dân Man, rồi dụ dỗ trai gái trốn vào hang núi. Người ta rất khổ sở.

... Long quân bèn dâng nước lên công phá hang cáo. Cáo chín đuôi bỏ chạy. Long quân đuổi theo, phá hang cáo bắt rồi nuốt ăn.

Nơi này trở thành một vũng sâu, nay gọi là Hồ xác cáo (Hồ Tây)...

Đất ở đây cao ráo, dân làm nhà mà ở gọi là Hồ Thôn (làng Cáo).

Nếu câu chuyện kể đến đây chấm dứt, thì tôi cũng chỉ coi như một chuyện cổ tích trong dân gian, để khi nhàn rỗi, người ta đọc mua vui; khốn nỗi câu chuyện lại thêm đoạn kết:

Đời truyền Hồ tinh chín đuôi sinh được chín con. Long quân đã giết được Hồ tinh và tám con, còn một con chạy thoát về Diễn Châu. Hồ Quý Ly chính là con cháu của con Hồ này vậy.

Khi đọc xong cuốn sách, tôi đã định đưa cho cha tôi xem, nhưng sau nghĩ lại. Cha tôi là một người đa nghi, đa sát. Cuốn sách này không

rõ ai viết, chắc hẳn người đó không ưa cha tôi, thậm chí chống đối cha tôi. Bùi Mộng Hoa chỉ viết "Thâm tai, Lê sư" (Thâm hiểm thay Lê Thái sư) trẻ con biến thành câu đồng dao đọc khắp kinh đô, mà Bùi Mộng Hoa phải trốn vào núi mai danh ẩn tích. Còn câu chuyện này lại vạch mặt chỉ tên cha tôi để chỉ trích; ắt hẳn cha sẽ sai người đi truy lùng, và chắc chắn một đợt khủng bố kẻ sĩ lại xảy ra; đó là điều tôi không muốn. Tôi đành đốt cuốn sách đó đi.

***

Năm mười sáu tuổi, tôi bước vào cuộc sống cung đình một cách tự nhiên. Thú thực, tôi rất háo hức, có thể nói căng hết óc ra để đón nhận, để nhìn những sự việc ào ạt xảy ra hàng ngày như những làn sóng ngầm dữ dội chảy dưới cái bề mặt có vẻ như lặng tờ của chốn triều môn. Tuy nhiên, tôi vẫn giữ được vẻ thản nhiên lặng lẽ. Đó là bản tính của tôi, ưu điểm của tôi; hay thực ra tôi chỉ là sản phẩm của đời sống quý tộc, nó bắt con người ta vừa phải dữ dội, vừa phải giả dối; cũng có thể vì tôi đọc quá nhiều sách, mà các bậc đại hiền xưa nay đều dạy ta phải tu thân dưỡng tính, lấy cái tĩnh trị cái động; cũng còn có thể vì tôi là con thái sư Hồ Quý Ly, mà ai ai cũng biết là con người thâm trầm.

Đầu năm mới, tôi vào chào lạy đức thượng hoàng Nghệ Tôn. Ông vua già xem dung mạo tôi, hỏi han vài câu. Tôi chẳng nói một lời xuất chúng, chẳng hề có khẩu khí. Tôi chỉ lặng lẽ, khiêm nhường và thành thực. Chỉ có thế thôi, tôi chẳng dấu, mà cũng chẳng tự phô bày. Tôi nhìn ông vua già trắng bệch, lẩy bẩy; chỉ có đôi mắt vẫn sáng quắc tinh anh, chợt thấy thương cảm. Chỉ có thế thôi, tôi chẳng hề bộc lộ sự lân tình ấy với đức thượng hoàng. Ấy thế mà Nghệ Tôn lại nói: "Ta cám ơn con". Sử Văn Hoa có kể với ông tôi rằng Nghệ hoàng

sau đó nói với ông ta: “Giá mà ta có được một đứa con như nó”. Người cảm thấy sự lân tình trong ánh mắt của tôi chăng? Hay người thích một chàng trai lặng lẽ?

Mọi người đều ngạc nhiên vì cái phong thái ấy của tôi; nó ưu tư, nó cẩn trọng, điều mà người ta chỉ thấy ở những người từng trải, đứng tuổi. Nghĩa là tôi đã già trước tuổi? Sự thiệt thòi lớn? Tôi nhìn ra cung quanh, rồi lại tự ngám mình. Cuộc sống triều đình hầu như lúc nào cũng trang nghiêm, lễ độ, nhiều lúc quá vui vẻ, thậm chí như hí hửng, nó làm tôi chán phè thở dài. Điều quan trọng nhất mà tôi nhận ra ở cái sân khấu quyền quý, hoa lệ này, đó là sự giành giật, sự vật lộn không khoan nhượng, nó thường hằng rộng khắp; một nụ cười, một vái chào, một khóe mắt cũng phải coi chừng. Sử sách cũng ghi chép điều đó. Sự tranh giành ấy cha tôi bảo là điều lành mạnh, ông bảo những người sinh ra nơi cửa quyền quý phải hiểu điều đó, ta đâu có thoát được số phận của mình, nên đón nhận nó bằng lòng cam chịu can đảm, để điều khiển nó.

Và cha tôi đã điều khiển được số phận của ông. Ông âm thầm làm chuyện đó từ mấy chục năm nay, chẳng ai biết ông làm tự lúc nào và bằng cách nào. Chỉ biết rằng đến lúc này trong tay cha tôi đã có hàng trăm người thủ túc thân tín như Nguyễn Cẩn, Vương Khả Tuân, Nguyễn Cảnh Chân, Phạm Cự Luận, Đỗ Tử Trừng... người làm quan to, người giữ chức vụ trọng yếu, người ở kinh đô, người ở các lộ, các phủ. Cho đến khi quan Tư đồ Trần Nguyên Đán rút lui về ở ẩn tại Côn Sơn, mọi người mới ngã ngửa ra. Tư đồ Trần Nguyên Đán là con người có danh vọng lại có thực tài nhất thời bấy giờ. Là tôn thất nhà Trần, lại đã từng có thời làm nhất tể triều đình, đã từng theo Nghệ tôn dẹp loạn Dương Nhật Lễ khôi phục nhà Trần đã một phen

nghiêng ngả.
Quan thái bảo Trần Nguyên Hàng hỏi riêng ông:
- Đại tư đồ là người đã có công phục hưng nhà Trần lần thứ nhất. Sao đến lúc nguy nan này ông lại chịu bó tay?
Nguyên Đán im lặng không trả lời. Quan Thái bảo hăng hái:
- Bĩ mãi rồi đến thái. Cơ nghiệp nhà Trần nhất định phải khôi phục lại được.
Nguyên Đán thở dài.
- Vận nhà Trần ta làm sao có thể trường tồn không dứt. Tôi xem ra thế nước còn nhiều nghiêng ngả. Ông còn trẻ, tuỳ cơ mà định liệu.
Cha tôi vẫn thường cho người dò xét quan tư đồ ở Côn Sơn. Rồi ông Đán sai người mối manh để cha đem nàng quận chúa, con gái riêng của bà Huy Ninh mẹ kế của tôi, gả cho Mộng Dữ con trai Băng Hồ tướng công Trần Nguyên Đán. Cha tôi tổ chức lễ cưới cho quận chúa rất linh đình. Lúc đưa dâu về Côn Sơn, cha cho một đoàn thuyền treo đèn kết hoa theo sông Thiên Đức ra sông Lục Đầu, lên bến Vạn Kiếp, rồi từ đó một đoàn kiệu dài dằng dặc tưng bừng rước về Côn Sơn. Trên đường đi, cờ xí tưng bừng, đàn nhạc réo rắt. Đám cưới ấy tôi cũng đi dự. Dân chúng khắp vùng Thăng Long, Bắc Giang, Đông Triều nô nức đi xem đám cưới con quan Thái sư Quý Ly lấy con quan tư đồ Trần Nguyên Đán. Đích thân cha tôi dẫn bà chị quận chúa của tôi về nhà chồng. Quan tư đồ mở tiệc lớn ở Thanh Hư động, dưới những gốc thông già trăm tuổi. Cha tôi làm đám cưới to thế, thứ nhất để làm đẹp lòng bà Huy Ninh công chúa, thứ nhì để khoa trương thanh thế. Sau đám cưới ấy, người ta xì xào chê bai ông Đán; nhưng ông chỉ lặng im. Xong đám cưới bà quận chúa, tiếp theo đến đám cưới của tôi. Đám cưới bà quận chúa chỉ làm cho mọi

người ngạc nhiên, đến đám cưới tôi lại làm cho mọi người bàng hoàng sửng sốt.

Một hôm, cha bảo:

- Anh Trừng, cha quyết định lấy vợ cho anh. Về chuyện này, tôi biết cha đã có ý từ hơn một năm nay. Và ông vẫn để tâm kiếm vợ cho tôi. Tôi hiểu cha phải cân nhắc kỹ lưỡng. Ở một thời điểm chính sự có thể gọi nước sôi lửa bỏng, trong một hoàn cảnh, vị thế như của cha tôi, thì bất cứ một chuyện gì cũng không thể tách rời khỏi những mưu toan chính trị được. Thế mà, khi nghe cha nói, tôi cũng phải ngạc nhiên.

- Cha đã cho người tâm phúc đi dò hỏi những gia đình tôn thất, đại thần. Xuống Vạn Kiếp, xem đám cháu chắt cụ Trần Hưng Đạo cũng không ưng. Dòng nhà ấy bây giờ không như xưa. Gia đình Trần Nguyên Đán đã là thông gia với ta rồi. Cháu chắt cụ Trần Nhật Duật lại không có người làm đại thần. Ta đã tính tìm cho con một trong các cô công chúa. Có một công chúa con một bà phi, xinh đẹp nết na, nhưng ta cứ cân nhắc mãi. Bởi vì chuyện thông gia với đức Nghệ Hoàng đã có Thanh Ngẫu, em con hiện làm hoàng hậu. Và con cũng hiểu đấy, việc lấy vợ cho con không chỉ đơn thuần là việc lấy vợ...

- Dạ con hiểu...

- Vì thế... nên ta mới chọn quận chúa... Quỳnh Hoa...

- Thưa cha... quận chúa con quan Thái bảo?

- Đúng. Con quan Thái bảo Trần Nguyên Hàng.

- Thưa cha...

- Con sợ gì? - Cha tôi mỉm cười bí ẩn.

Vâng, chính đó là điều mọi người đều sửng sốt, cả tôi cũng vậy. Bởi vì khắp trong triều ai ai cũng biết cha tôi và quan Thái bảo Nguyên

Hàng đối địch với nhau như nước với lửa. Ông là một tôn thất nhà Trần có tiếng khẳng khái, trung trực. Bất cứ cha tôi đưa ra một chính sách mới nào, ông cũng đều phản đối. Ví dụ như chính sách dùng tiền giấy thay tiền đồng, ông nói:

- Không phải mới mẻ. Đời nhà Đường, ở phương bắc người ta đã làm, nhưng lại phải bỏ. Vì sao? Giấy là một vật vô giá trị đem đổi lấy tài vật có giá trị, khác nào ăn cướp của người ta.

Hay đối với chính sách hạn nô, hạn điền, ông bảo:

- Không thể tuỳ tiện thay đổi chính sách của các bậc tiên đế. Chính sách lập điền trang thu góp kẻ lưu tán đã làm cho nước Đại Việt hùng mạnh, ba lần đánh tan giặc Nguyên tàn bạo.

Cha tôi mỉm cười, dò xét diễn biến trên nét mặt tôi:

- Con chắc đã biết mặt quận chúa Quỳnh Hoa?

- Con đã gặp hôm đám cưới đưa quận chúa nhà ta về Côn Sơn.

- Thế thì tốt. Con thấy đấy, Quỳnh Hoa rất xinh đẹp tính nết đoan trang, nhu thuận. Quan thái bảo cưng chiều lắm thuê thầy đồ về dậy con gái hơn chục năm nay. Sức học cô ta chẳng kém gì đám con trai tài giỏi. Quỳnh Hoa là con đầu của quan Thái bảo, năm nay đến tuổi trăng tròn.

- Dạ... Thưa cha...

- Sao con ngắt lời ta?... A... ta hiểu... chắc là con sợ... sợ quan thái bảo không đồng ý hả? - Cha tôi lại mỉm cười bí hiểm - Thì cũng phải thử xem sao... Chẳng gì ta cũng là bậc tôn quý nhất triều... ít ra, cũng thử xem thái độ của quan thái bảo đối đãi với ta ra sao... Hà! Ta muốn Quỳnh Hoa phải là con dâu của ta... Ta muốn quan thái bảo phải là thân gia của ta... Ông ta muốn thẳng thừng với ta ư? Thì ông cứ việc thẳng thừng... Ông ta muốn là kẻ trung trinh ư? Thì ông cứ

việc là kẻ trung trinh. Ta đâu có muốn và đâu có thể cấm được ai... Chỉ có điều, nhất thiết ông ta phải là thân gia với ta...

Tôi đâu có thể chống lại ý muốn của cha tôi. Những đám cưới cung đình vốn thế. Vả lại, Quỳnh Hoa nức tiếng vừa đẹp người vừa đẹp nết. Đằng nào tôi cũng phải lấy vợ...

Phải nói tôi vừa ngạc nhiên, vừa khâm phục sự lựa chọn con dâu và thông gia của cha tôi. Và tôi nghĩ rằng điều này chắc làm quan thái bảo phải rơi vào tình thế lúng túng. Tôi không tin quan thái bảo từ chối, bởi vì cha tôi đã tính toán kín kẽ và cương quyết. Cha tôi nhờ chính đức thượng hoàng Nghệ tôn làm mối. Ông vua già cũng tán thành vì cho rằng đó là một ràng buộc đối với cha tôi. Hơn nữa, ông vua già cũng quý tôi. Ông hớn hở nói:

- Thật xứng đôi, đẹp lứa. Ta rất vui mừng hai họ lại một lần nữa kết thông gia.

Và đám cưới đã xảy ra, nhanh chóng không ai ngờ. Người ta tưởng đám cưới ắt phải được tổ chức linh đình, nhưng cha tôi tâu với đức Nghệ Hoàng:

- Vừa rồi, Hồng Châu lụt lội, dân đói. Thần xin được tổ chức đám cưới cho con trai lớn của thần thật kiệm ước. Xin đem năm ngàn thăng lúa dành cho việc cưới xin để phát chẩn cho dân gặp nạn.

Nghệ hoàng đẹp lòng, lệnh mở kho, đem thêm một vạn thăng lúa nữa để phát chẩn cho dân đói.

Đám cưới trước đấy vài tháng của bà quận chúa, chị hờ của tôi (con riêng bà Huy Ninh) là một đám cưới nổi tiếng kinh thành, đám cưới xa hoa, tưng bừng, khoa trương hết mức. Còn đám cưới của tôi thì giản dị, kiệm ước như cha tôi nói, cũng được dân kinh thành ngợi khen. Tuy nhiên, nó đúng lễ và rất trang trọng; có ông vua già Nghệ

tôn đứng ra chủ hôn, một vinh dự hiếm thấy ở triều đình. Đức Nghệ hoàng tặng vợ chồng tôi một đôi ngọc bích.

Thủa còn nhỏ, tôi rất yêu súc vật. Ông ngoại bảo đó là tôi được thừa hưởng của mẹ tôi. Cha tôi không ưa tính đó. Tôi có một con mèo vàng lông xù và một con chó trắng giống miền núi, cao to như một con bê. Năm Tân Hợi. (1371) Chế Bồng Nga đem quân theo đường sông vào đánh Thăng Long lần thứ nhất. Lúc đó tôi khoảng hơn 10 tuổi phải theo Nghệ hoàng và triều đình bỏ kinh thành chạy sang làng Cổ pháp và xứ Bắc lánh nạn. Con mèo vàng và con chó trắng của tôi đã bị người ta chặt đầu. Tôi trở về và đã nhỏ nước mắt thương tiếc hai con vật. Đối với một đứa trẻ, khóc thương một con vật cũng là lẽ thường tình, nhưng điều đó lại làm cha tôi nổi giận. Và cha đã mất rất nhiều thời gian để giảng giải cho tôi về đạo của người quân tử, trong đó có điểm nhỏ nhưng quan trọng là dưỡng tính. Nét mặt của người quân tử không bao giờ biến đổi, trước các lỗi lầm sai trái cũng không được tỏ ra tức giận, trước các mất mát đau thương cũng không được mủi lòng; phải tập từ lúc còn bé, trước phải tập nín nhịn ở nét mặt, sau phải tập nín nhìn ở trong lòng,

Tôi không cho là phải nhưng cũng tập làm như lời cha dạy. Rồi mãi cũng trở thành thói quen. Tuy nhiên, tôi trở nên buồn. Phải chăng nỗi buồn đó là sự phản ứng trong tôi? Nỗi buồn đó càng trở nên sâu đậm vì những diễn biến chung quanh; loạn lạc liên miên nhen lên những đám cháy ở kinh thành, phải chăng những đám cháy ấy cũng có ánh lửa trong tôi? Điều rõ ràng dễ thấy là từ những đám cháy ấy, triều đình cũng bị chia rẽ thành hai phe: phe Tôn thất nhà Trần và phe của cha tôi. Và hậu quả tất nhiên là những sự lôi kéo. Trong đám cưới của tôi, tôi hiểu rằng tôi là một con mồi mà cha tôi quăng ra giữa

dòng nước, họ nhà Trần như một con cá lớn đớp lấy tôi, và cha tôi cầm chiếc cần câu. Tôi là kẻ đứng giữa, và hai bên cùng co kéo. Tin tưởng ở tiếng gọi huyết thống, cha tôi chắc chắn tôi sẽ là của ông. Còn họ Trần, có lẽ người ta tin vào tiếng gọi của lòng trung quân. Tôi là người có học, hơn nữa tôi luôn sầu lặng. Sự sầu lặng ấy phải chăng là sự suy tư, sự hối hận, là bước đi chệnh choạng của một linh hồn và đang nghiêng ngả.

Sau lễ cưới, đêm động phòng, tôi nắm lấy tay Quỳnh Hoa, nhìn vào khuôn mặt kiều diễm của nàng và bảo:

- Nàng ơi! Ta với nàng, chúng mình cùng nhau họp làm một phái nhé.

Quỳnh Hoa ngơ ngác, không hiểu ý tôi, nàng đăm đăm nhìn vào mắt tôi, chợt đôi mắt nàng lóe sáng, môi nàng cười mỉm và khẽ khàng bảo:

- Vâng.

Chúng tôi nói với nhau bằng cách nói nửa lời như vậy nhưng tôi cảm thấy hình như chúng tôi đã hiểu nhau. Cho đến lúc hai chúng tôi giao hoà cùng nhau thì tôi đã hoàn toàn hiểu nàng. Nàng nói với tôi ư? Không. Nàng chẳng nói, nhưng im lặng đã nói. Khi người nam và người nữ đã hoàn toàn hiểu nhau thì đó là một sự thái hoà, và lời nói lúc đó trở thành không cần thiết, là dung tục, làn da nói rất nhiều qua hơi ấm, hơi thở cũng có tiếng nói của nó trong sự hoà quyện. con mắt nhìn vào con mắt để ánh mắt trộn lẫn vào nhau; nàng xoã mái tóc trùm kín lên người tôi; để cuối cùng là những rung động, run rẩy xoá tan đi mọi sự ấp úng, bỏ nốt những rào chắn cuối cùng dẫn ta trở về niềm tin cậy, về với sự lột vỏ hoà đồng, xoá sạch mọi giả dối ở đời.

- Chàng ơi? Bao giờ cũng như thế sao?
- Không! Hiếm lắm nàng ơi.
- Nó dành cho ai?
- Cho riêng chúng ta
- Chúng mình giống nhau - Nàng thì thầm.

Tiếng nàng như những giọt mật ngọt, và từ đấy chúng tôi hiểu chúng tôi là những kẻ đồng mưu, những kẻ xa lạ nằm trong tấm lưới cung đình; tấm lưới bủa vây, bây giờ con mồi đặt bẫy không còn là một người mà đã thành hai.

Sáng hôm sau, hai vợ chồng tôi vào xin phép cha mẹ để đi thăm ông ngoại, nhưng cha tôi đã vào triều, còn bà Huy Ninh công chúa cũng đã đi dâng hương ở chùa Báo Thiên từ lúc tờ mờ sáng. Chỉ thấy trong thư phòng có Hán Thương, em trai tôi. Hán Thương đương đọc sách. Quỳnh Hoa hỏi sách gì? Hán Thương vui vẻ giơ quyển sách ra: Minh Đạo. Cuốn sách của cha viết.

- Có phải cuốn sách mà ít lâu nay trong triều các quan xì xào bàn tán.
- Sao lại xì xào? Cái bọn hủ nho ấy chữ nghĩa được mấy nả mà dám xì xào?

Quỳnh Hoa đỏ mặt

- Xin lỗi đã lỡ lời...
- Em không nói chị. Em nói bọn hủ nho trong triều. Thật không thể chịu nổi bọn người hễ thấy cái gì mới lạ là co rúm ngay lại, lên tiếng phản đối ngay không hề suy nghĩ: “Không thể được! Các bậc tiên hiền đời xưa đã dạy thế này...”

Hán Thương bắt chước điệu bộ và giọng của một ông già khi nói làm Quỳnh Hoa cười rũ. Tiếng cười trong trẻo làm tan ngay sự xa cách, và làm cho Hán Thương đang nghiêm túc, có vẻ tức giận, cũng trở

nên thoải mái, dễ dãi:
- Quận chúa ạ. Bây giờ chị đã là người nhà rồi. Mà đã là con trong nhà thì chị phải đọc cuốn sách này. Đó là cuốn sách tâm huyết của cha, chị có hiểu không?
- Tôi hiểu, nhưng hôm nay vợ chồng tôi phải sang thăm ông ngoại.
Tôi cũng xen vào:
- Phải rồi! Chú nhớ bẩm với cha và mẹ hôm nay anh chị đến trại thuốc thăm ông ngoại.
Khu trại của ông làm Quỳnh Hoa mê hồn. Chúng tôi đi men theo bờ ao sen, lúc đó đã nẩy những chiếc lá đầu xuân. Những chiếc lá sen mầu cốm, có chiếc còn nằm bồng bềnh trên mặt nước, có chiếc đã như chiếc dù tròn tròn cong cong vươn khỏi mặt hồ, có chiếc thì còn e ấp cuộn lại như những chiếc bút mầu xanh run rẩy chĩa lên bầu trời. Chỉ một vạt lá sen đầu mùa cũng đã đủ để toả ra một mùi hương thoảng ngát để làm thanh sạch tâm hồn, để tạo cho chúng tôi một niềm vui nhè nhẹ chẳng nguyên nhân. Chúng tôi bước dưới hàng hoè, qua cầu đá, đi vào vườn thuốc, gặp mùa xuân đang nở rộ đủ màu hoa, có những loại hoa vàng như hoa cải mà không phải là cải, có những bụi giống như lan tím vươn những cọng hoa dài dài mà chỉ có một cánh bướm trắng nhẹ tênh đậu vào cũng đủ run rẩy. Những con ong to mầu nâu, vòi dài như mỏ chim đang vù vù đôi cánh đứng im thăm dò trước những bông hoa lựu màu đỏ chói...
Mắt Quỳnh Hoa mở to nhìn lũ bướm ong đang đùa với hoa. Ông ngoại tôi đã đứng ở giữa sân, vuốt râu nhìn vợ chồng tôi. Ông không muốn đánh động để cho Quỳnh Hoa tận hưởng cái kỳ diệu của trời đất. Tôi đặt tay vào vai nàng để đánh thức nàng. Quỳnh Hoa lễ phép chào ông. Tôi nhìn vào ánh mắt ông ngoại, bất chợt nhìn thấy vẻ hài

lòng trên gương mặt người. Chúng tôi ăn bữa ăn đạm bạc với ông. Ông ngoại lúc đó mới nói những điều mà người đã muốn nói từ lâu: Bây giờ, ông yên tâm rồi. Năm ngoái, ông lên Yên Tử hái thuốc, vị trưởng lão trên đó có ý muốn lập một dược thảo am. Thứ nhất: để chữa bệnh cứu người. Thứ nhì: để đào tạo một số tăng ni muốn học y đạo. Vị trưởng lão đó có ý muốn nhà chùa vừa là một y viện, phải là nơi cứu khổ cứu nạn cho thể xác dân quê...

- Thưa ông...

Ông ngoại vuốt râu mỉm cười, nhìn vào mắt tôi và tôi biết ý người đã quyết. Lúc này, cụ mới chậm rãi nói rõ ý định:

- Bây giờ thì ông yên tâm rồi. Trang trại này ông để lại cho các cháu. Ông đã bàn với cha cháu: không cần phải lấy đất nơi khác lập phủ đệ. Hai cháu sẽ ở đây, ông sẽ khi đi khi về. Ông già Lặc sẽ chăm nom cho các con.

- Cháu nghĩ ông đã nhiều tuổi, cần có người tâm phúc luôn ở bên săn sóc.

- Ông đã nghĩ kỹ. Lão Lặc phải ở với cháu, lão Lặc vốn tận tuỵ trung thành, xưa kia là một võ tướng. Thời buổi bất an như bây giờ, ai dám đoán định thời cuộc sẽ ra sao. Thiếu ông Lặc ở bên vợ chồng cháu, ông yên tâm sao được.

Câu chuyện quyết định vợ chồng tôi lập phủ đệ ở trại thuốc là như vậy.

Quỳnh Hoa có một mái tóc rất đen, và dài. Mỗi lúc nàng ôm lấy tôi, mớ tóc ấy lại choàng kín qua vai tôi như một tấm chăn trùm lấy hai người. Và trong tấm chăn mỏng manh hoang dại, một mùi ngai ngái, thơm thơm ngất ngây, thứ mùi của tóc, của da thịt, của hơi thở; thứ mùi nồng nàn; thứ mùi của hoa lá mà nàng vẫn bỏ vào nồi nước

thơm mỗi khi tắm. Ai đã dạy nàng yêu đương như vậy. Có lẽ một cô tiên dịu dàng nào đó đã ghé tai thầm thì với nàng trong giấc ngủ mà nàng chẳng nhớ tự bao giờ. Cũng có thể một bà vú nuôi nào đó đã kể cho nàng nghe câu chuyện về những hồn ma khoả thân đa tình, da trắng như ngà, thả mớ tóc mun dài gội nước trăng sông, đó là những hồn ma sống nương nhờ ở những gốc gạo, những con ma có thân hình đẹp đẽ, và đặc biệt là những mớ tóc.

Những câu chuyện ghê rợn, nhưng quyến rũ lòng người, đã đọng lại trong mớ tóc đen láy mượt mà và thơm ngai ngái, để cuối cùng mỗi đêm nó lại xoà kín đôi vai tôi, che kín lên mình tôi, để những sợi tóc đã gắn kết tình tôi lại với nàng.

- Chúng mình giống nhau - Quỳnh Hoa vẫn thường nói vào tai tôi như vậy.

Còn tôi thì sung sướng:

- Cám ơn trời đã cho ta người ngọc!

Ở đất kinh kỳ, người ta vẫn bảo Quỳnh Hoa là người ngọc. Nàng đẹp một cái đẹp mong manh. Nàng trắng muốt, thon thả như một nhành hoa. Đôi mắt lóng lánh, cái mũi xinh xinh, đôi môi đỏ chót, cổ cao và trắng; nhưng đẹp nhất vẫn là mớ tóc vừa đen, vừa mượt, vừa dài của nàng, đó là sức sống của nàng, là hồn của nàng, cái hồn dịu dàng toả ra từ mớ tóc mà ai mới nhìn cũng nhận thấy ngay. Quỳnh Hoa dịu dàng, một sự dịu dàng quá đỗi đến mức nó chuyển thành thói u sầu. Lấy được nàng tức là chiếm được một vưu vật hiếm có ở đời. Nhiều công tử con nhà đại gia ở đất Thăng Long đã ngấp nghé, chỉ riêng tôi là kẻ may mắn nhất.

Quỳnh Hoa quá u sầu. Đó là sức mạnh và sức hút của nàng. Nỗi u sầu như thứ rượu cất bằng ngàn thứ nhuỵ hoa, để cho những kẻ đa

tình say sưa, huyễn tưởng đi tìm thực trong ảo, muốn ngây ngất tận hưởng, thậm chí tìm đến cái man dại của loài hoa rừng không tên, mà một thứ rắn đêm nào đó đã lén lút nhả nọc độc vào lúc bình minh còn ngái ngủ.

Vợ chồng tôi đắm say như nhau vậy đó.

- Mình ơi! Có phải chúng mình giống nhau không nhỉ?

Đêm đêm, Quỳnh Hoa thường úp mặt vào ngực tôi mà nói như vậy. Câu nói của kẻ hạnh phúc, nhưng không hiểu sao tôi vẫn cảm thấy âm sắc hoảng hốt phập phồng nào đó. Có phải vì chúng tôi là những con mồi, có phải vì chúng tôi đều muốn tách ra khỏi những áp lực đương vây quanh.

Có những lúc chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, tưởng chừng những áp lực ấy vì chúng tôi mà được dãn ra. Có vẻ như vậy, từ khi chúng tôi lấy nhau, sự xung đột giữa Thái bảo Trần Nguyên Hàng, cha nàng, và Thái sư Lê Quý Ly, cha tôi, đã bớt hẳn căng thẳng. Xưa kia, quan Thái Bảo luôn bắt bẻ cha tôi đủ mọi điều, nay thì không. Nhưng cha tôi đâu phải loại người đơn giản.

Một hôm ông nói với tôi:

- Thực ra, trong cuộc hôn nhân này, cha chẳng hề muốn dùng con làm kẻ nội gián. Kế sách tầm thường đó không hợp với cha, mà cũng chẳng hợp với con. Cha không bao giờ muốn con bất nghĩa với vợ. Quỳnh Hoa là một dâu hiền. Cha muốn qua cuộc kết thân này, ông ta hãy hiểu cái thực lòng của cha.

Còn cung cách của quan Thái bảo đối với Quỳnh Hoa thì sao? Tôi không bao giờ đả động với nàng về chuyện đó và Quỳnh Hoa cũng đủ tế nhị để không bao giờ nhắc với tôi về chuyện đó. Và có lẽ đó chính là sự khác nhau giữa cha tôi và quan thái bảo.

Quỳnh Hoa vẫn thường về thăm cha mẹ, mỗi tuần trăng một lần. Tôi không biết trong những lần gặp ấy quan thái bảo đã nói gì với Quỳnh Hoa; chỉ biết rằng mỗi lần về nhà mình, sau đó nàng buồn hẳn đi. Và những đêm âu yếm nàng nói với tôi:

- Thiếp về hầu hạ, chăn gối với chàng, chỉ mong sao các bề trên được thuận hoà yên ấm.

- ý ta cũng vậy.

- Chàng ơi! Thiếp sợ lắm.

Quỳnh Hoa sợ gì? nàng chẳng nói ra. Mà tôi cũng không muốn nàng nói. Có lẽ nàng sợ những cơn giông bão mà con người ốm yếu như nàng rất dễ cảm ứng. Có lẽ lúc đầu mới lấy tôi, Quỳnh Hoa chỉ cảm thấy tủi phận, ngang trái và sợ sệt. Nhưng sau đó, tình yêu đã đến. Kèm theo tình yêu, sự nhu thuận vốn là bản tính nàng, đã làm cho nàng tự dày vò đau đớn. Người ta muốn cuộc hôn nhân của chúng tôi là những toan tính cung đình, còn vợ chồng tôi lại muốn giữ gìn nó tránh khỏi những cơn bão tố âm mưu.

Có bận sau khi về thăm nhà nàng buồn rầu bảo tôi:

- Thiếp khổ tâm lắm.

- Nàng đừng cả nghĩ, chỉ thêm hao tổn tinh thần.

- Chắc là thiếp sẽ chết trước chàng thôi.

- Đừng nói gở.

- Thiếp không dối chàng đâu

- Sao lại thế?

- Thiếp cảm thấy thế. Nhiều đêm, chỉ toàn gặp những cơn ác mộng, lúc thì lửa cháy, lúc thì đất lở, lúc thì nhà sập...

Tôi bịt mồm nàng lại. Quỳnh Hoa thì thầm vào tai tôi:

- Thiếp chỉ mong chàng thề với thiếp một điều.

Nàng muốn thề gì?
- Thề rằng: Hai ta sẽ không bao giờ làm điều gì hại đến cha chàng, cũng như hại đến cha thiếp.
- Ta thề như vậy
- Thiếp cám ơn chàng - Quỳnh Hoa úp mặt khóc nức nở bên vai tôi. Tôi biết, tôi biết cha nàng đang muốn gì ở nàng và ở tôi Và cũng biết cả ý muốn của cha tôi. Nhưng chúng tôi đã thề rồi. Riêng hai chúng tôi họp thành một phái; Nếu chẳng may, một người trong hai chúng tôi chết đi, thì người còn lại sẽ một mình đứng riêng làm một phái; Quỳnh Hoa ơi? Ta hiểu nàng chứ. Nàng không muốn làm kẻ bất hiếu, cũng không làm phường bất nghĩa. Quỳnh Hoa đã nghĩ ra một cách tiêu cực để tránh né. Nàng kêu mệt và không về nhà thăm cha mẹ. Tối nào nàng cũng một mình thắp hương trước bàn thờ Phật. Nàng cầu mong gì? Sao nàng chẳng nói với tôi? Chỉ biết rằng cái thân thể mảnh dẻ ấy bỗng trở nên đằm thắm, đam mê hơn bao giờ hết. Người đàn bà mong manh ấy bỗng có một sức mạnh hoan lạc mà tôi không bao giờ ngờ tới. Đêm đêm nàng run rẩy trong tay tôi, để rồi tới một hôm nàng tràn trề hạnh phúc thổ lộ:
- Chàng ơi! thiếp đa mang thai.
Nàng sung sướng, cứ như thể nàng là người đầu tiên trên thế gian này biết được điều bí mật lạ lùng của một hạt giống đang hàng ngày, hàng giờ lớn dần lên trong cơ thể mình.
- Chàng có mừng không?
- Rất mừng?
- Có thật không?
Tôi không trả lời mà chỉ ôm chặt lấy cái thân hình mảnh mai ấy, để nghe giọng nói của một hạnh phúc bất ngờ xuất hiện, đẩy lùi những

âm mưu như những bóng đen vẫn hằng đêm len lén vào giấc ngủ nàng. Thế là thiếp đã thoả lòng?

Từ đó, nàng đóng chặt cửa, không giao tiếp, để chờ ngày đứa con chào đời. Quỳnh Hoa không bao giờ thèm nghe những chuyện triều chính nữa. Cấm ngặt? Thậm chí kẻ tôi tớ cũng không được phép mang những chuyện ngoài đường vào trong nhà. Bây giờ, đối với nàng, chỉ còn những cuộc dạo chơi bên hồ sen, trên đường hoè, dưới gốc hoàng lan, trong vườn hoa thuốc... Tuyệt nhiên nàng không về thăm quan thái bảo, cũng không đi thăm vấn sức khỏe cha tôi, lấy cớ: vì nàng quá ốm yếu. Bà thái bảo gửi nhung, cha tôi cho sâm, nàng cũng chỉ viết giấy tạ ơn. Tôi biết Quỳnh Hoa đang trốn chạy tất cả, vứt bỏ tất cả, ghê tởm tất cả, để sống trọn vẹn với niềm vui riêng. Nhưng thương thay?

Nàng lâm bồn hết sức khó khăn.

Nàng mảnh dẻ quá. Cơn đau đẻ kéo dài suốt hai ngày đêm. Cả ông tôi, cả những danh y tài giỏi nhất kinh thành Thăng Long cũng không cứu được đứa trẻ. Đứa con của chúng tôi đã chết. Trận băng huyết đã rút gần cạn kiệt máu nàng. Nàng trắng xanh như tờ giấy. Đôi mắt đen của nàng rưng rưng hạt lệ. Tôi ở bên Quỳnh Hoa suất ngày đêm. Tôi hỏi:

- Nàng ao ước điều gì?

- Bế thiếp lên đi!

Tôi nhẹ nhàng ôm lấy tấm thân mảnh dẻ ấy, cố truyền hơi ấm cho nàng. Quỳnh Hoa bảo:

- Thiếp chỉ ao ước được gội đầu bằng lá chanh lá sả. Đám thị tì bưng nước thơm lên. Và tự tay tôi, tôi khẽ khàng thả mớ tóc đen của nàng vào chậu nước ấm. Chỉ còn mớ tóc của nàng vẫn đầy sự sống. Nó

vẫn dài, vẫn đen láy, vẫn mượt mà. Nàng lim dim con mắt để ngửi mùi nước thơm ngan ngát. Cô thị tì lấy chiếc gáo bạc nhẹ nhàng đổ nước thơm lên đầu Quỳnh Hoa. Tôi lấy chiếc lược ngà khe khẽ đưa vào mớ tóc. Được tẩm nước, mớ tóc như được chải dầu càng bóng, càng mượt mà, càng mềm. Tôi nhìn vào khuôn mặt hạnh phúc của nàng rồi khẽ mơn man làn da đầu, khẽ vuốt ve vành tai xinh xắn, khẽ kì cọ chiếc cổ ngọc ngà.

Rồi tôi ngồi trên chiếc ghế cao, ẵm nàng, để thả mớ tóc mun dài xuống tấm thảm, gần nơi đó đã để sẵn những lò than; lũ thị tì mặc quần áo trắng, cầm những chiếc khăn nõn nà, thơm tho, để thấm và hong cho đến lúc tóc khô. Tôi ngồi ẵm nàng gần như thâu đêm. Nàng vòng tay ôm lấy cổ tôi mà mơ màng, mớ tóc dầy đen ấy xoã trước ngực. Tôi khẽ vỗ về và Quỳnh Hoa nhắm mắt, môi phảng phất nụ cười. Cứ như thế, trên tay tôi, nàng đã như mơ như tỉnh.

Tôi ẵm nàng trên tay, nhìn khuôn mặt ấy, nụ cười ấy, mớ tóc ấy. Và khuôn mặt nàng cứ đọng lại mãi trong tâm tưởng tôi suốt cuộc đời còn lại. Lúc sắp tắt hẳn, môi nàng còn mấp máy thì thào:

- Chàng thề với thiếp đi?

Tôi chợt nhớ tới lời thề khi xưa. Tôi cúi xuống sát vành tai nàng và bảo:

- Ta xin thề một mình sẽ đứng riêng làm một phái.

Khuôn mặt thiên thần của Quỳnh Hoa ánh lên niềm thoả mãn, trước khi rơi vào cõi hư vô

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Chương 2

Và cũng từ hôm ấy, nỗi u sầu của tôi không có gì có thể chữa nổi. Hoạ chăng chỉ còn những cốc rượu đầy vơi.
Từ khi Quỳnh Hoa chết, tôi đắm mình vào rượu. Và tôi có một người bạn rượu, đó là Nguyễn Cẩn. Cẩn là con một gia đình giàu sang. Bố anh là một y sư, trước kia theo vua Duệ Tôn đi chinh chiến. Ông là một thày thuốc giỏi đã có công chữa trị cho nhiều quân sĩ. Không hiểu sao ông không chưa nhận một chức quan triều đình, ông chỉ nhận cái hàm lục phẩm rồi trở về mở một hàng thuốc ở phường Hà Khẩu. Cửa hàng thuốc của ông to lắm. Ông vừa bốc thuốc trị bệnh, vừa bán thuốc. Nghe nói ông có nhiều mối buôn bán tận bên Trung Quốc, những mối buôn bán to. Kho thuốc nhà ông là mấy ngôi nhà lớn, thuốc đổ vào bồ, đặt trên giá xếp chồng cao đến tận nóc nhà. Những thuốc quý hiếm như sừng tê, ngà voi, răng hổ, mật gấu, dạ nhím, sâm, nhung, quế... hiệu nhà ông bao giờ cũng sẵn. Tên ông là Nguyễn Điền, một con người quắc thước, vạm vỡ, mặt vuông chữ điển. Trông ông như một võ tướng, khác hẳn ông tôi, con người tiên phong dạo cốt. Về y thuật, hai người cũng khác hẳn nhau. Ông Điền giỏi về chữa gẫy xương, nhọt bọc; cụ Phạm giỏi về các bệnh của lục phủ ngũ tạng. Tuy khác nhau về y thuật, khác nhau về tuổi tác, khác nhau cả về phong thái, nhưng ông ngoại tôi và ông Điền vẫn rất trọng nhau. Đó là sự lân tài của những người vốn có tài năng lớn.
Ông Điền có cậu công tử Nguyễn Cẩn nức tiếng là con người phong lưu, giao du rộng rãi. Cậu ra vào các chốn bạc bài đen đỏ, nhưng chưa ai dám bảo cậu là kẻ ham tiền của. Cậu đi lại chốn hồng lâu kỹ viện nhưng chưa ai dám nói cậu là kẻ ham sắc. Cậu giao du rượu chè thi phú với các nhà danh giá, nhưng chưa ai dám miệt thị cậu là kẻ luồn cúi danh vị. Cậu đẹp trai nổi tiếng người ta dùng mĩ tự “ngà

voi vàng ròng” để nhắc thay tên cậu.
Một buổi sáng, khi tôi đang độc ẩm trong nhà khách. Ông già Lặc vào bẩm:
- Thưa, có cậu Nguyễn Cẩn con ông Điền xin gặp.
- Cụ hãy dẫn anh ta vào.
Một chàng trai từ dưới thềm bước lên thi lễ:
- Kẻ học trò xin kính chào quan kiểm pháp.
Tôi ngắm nhìn chàng nho sinh trạc hai nhăm tuổi ăn mặc chững chạc áo ngoài màu tím lam bằng sa mỏng phủ lên trên chiếc áo dài trang; khăn nhiễu đen càng làm nổi bật gương mặt trắng hồng, với đôi môi đỏ như son và đôi lông mày ngài đen sẫm. Quả đúng cậu ta là con người mi thanh mục tú, xứng với cái tên “chàng ngà voi vàng ròng”.
Tôi hỏi:
- Chẳng hay huynh đài có việc gì cần gặp?
Mấy hôm trước, cụ Phạm viết thư sang cha tôi, nói có người mắc chứng cuồng điện, và nhờ cha tôi tìm cho một cái xạ hương nang để luyện thuốc. Học trò được lệnh cha, mang túi xạ hương sang quý phủ.
Tôi mời Nguyễn Cẩn ngồi:
- Hôm nay ông tôi đi thăm bệnh xa. Không biết việc chế biến ra sao nhỉ?
- Dạ thưa, người thợ săn mới bắn được ngày hôm qua trên núi Tản Viên, sớm nay đã đem về ngay. Sợ rằng cụ lang Phạm có cách chế biến riêng, nên cha tôi bảo mang túi xạ hương sang ngay. Nếu cụ lang về hôm nay hay ngày mai, thì cứ để chờ cụ, bằng không...
- Xin huynh đài cứ nói cách chế biến. Chắc cụ tôi vài hôm mới về.
- Nếu thế, đem túi xạ hương để lên đĩa, lấy cái bát đậy vào, trát cho kín, lấy một chiếc nồi rang đổ tro vào. Đặt đĩa xạ hương lên tro, rồi đun nồi rang. Đun nhỏ lửa và đun lâu. Muốn xem nhiệt có nóng quá không, nên đặt một lá trầu không lên trên trôn cái bát đậy, nếu lá trầu héo vàng là quá nóng. Làm như vậy cho đến khi túi xạ hương khô là được...
Tôi cười gật đầu:
- Té ra huynh cũng chú tâm cả vào y đạo.
- Tôi nghe nói quan kiểm pháp cũng là người sành y đạo Chắc là...
- Là sao?
- Là quan kiểm sát muốn kiểm tra...
Tôi cười giòn, vỗ vai Nguyễn Cẩn.
Thế là tôi quen chàng thanh niên kỳ lạ của đất Thăng Long. Anh ta thuộc tất cả các ngóc ngách của đất kinh thành. Cẩn quen đủ mọi hạng người. Tôi ngạc nhiên về sự hiểu biết của anh, sự hiểu biết về

sách vở cũng như về con người. Một người tuấn tú như Cẩn, với một vẻ bề ngoài đẹp đẽ, con người "ngà voi vàng ròng" ấy hẳn phải có một tâm hồn cao thượng. Tôi thường tự nhủ mình như vậy. Tôi vô cùng ngạc nhiên, khi trong một bữa rượu, lúc đã ngà ngà say, Cẩn đã thổ lộ với tôi:
- Tôi trân trọng cái tâm cao quý của người quân tử, nhưng tôi không tin vào sự cao thượng ở con người. Ai là người cả gan nói rằng mình cao thượng. Chắc chỉ ở mồm những kẻ tiểu nhân vênh vang trâng tráo. Hoặc ở miệng những bậc đích danh quân tử như Mạnh tử, nhưng than ôi! đó chỉ là ảo tưởng.
Anh không tin ở cái khí hạo nhiên của con người ư?
- Tin chứ. Khí hạo nhiên theo tôi tức là cái chí thay sông đổi núi. Chàng thèm lý gì cái miệng thế tầm thường. Cái khí hạo nhiên tức là dám nói dám làm những công việc lớn. Làm mà không run sợ. Làm mà không hối tiếc.
Quen Nguyễn Cẩn độ một năm, bỗng một hôm cha tôi hỏi:
- Con có biết anh chàng Nguyễn Cẩn, con ông danh y Nguyễn Điền?
- Con có quen anh ta
- Chắc quen thân?
Thì ra không điều gì lọt khỏi mắt cha tôi.
- Nguyễn Cẩn là người ra sao?.
- Anh ta rất giỏi y đạo
Sao lại nói chuyện y đạo ở đây. Cha đã sai nhiều người tâm phúc tìm hiểu anh ta. Bây giờ cha mới hỏi con, ý cha muốn hỏi về cái tâm thuật con người.
- Thì con đang nói về điều đó. Nếu một con người biết y đạo. Xét y đạo sẽ biết được người.
- Ai dậy con vậy?
- Con nghĩ vậy. Một người giỏi nho học chưa chắc đã giỏi y đạo. Nhưng một người giỏi y đạo chắc chắn phải tinh thông nho học.
- Sao vậy? - Cha tôi gật gù.
- Bởi vậy đạo dính líu đến phần tinh tuý nhất của đạo nó dính đến phần hồn của đạo.
- Vậy theo ý con y đạo của Nguyễn Cẩn là gì?
- Đó là bá y chứ không phải vương y. Chắc Nguyễn Cẩn chịu ảnh hưởng cua ông lang Điền. Anh ta chuyên chú vào sức mạnh, vào sự lanh lẹ quyết đoán.
- Sao nữa?
- Anh ta sùng bái cha. Nguyễn Cẩn không tự nói với con điều đó, nhưng con biết. Một thày đồ chép thuê sách cho biết Nguyễn Cẩn đã

thuê ông sao chép quyển Minh Đạo của cha.
- Ra thế.
- Nguyễn Cẩn có một nhược điểm. Anh ta thích sự thái quá.
- Sao? Thái quá ư? - Cha tôi bỗng cười to và gật gù vỗ vai tôi - Con tinh đời đấy. Nói thực, cha chưa thấy một con người nào lại say mê tư tưởng của cha đến thế. Anh ta trẻ, có học vấn, lại là con người sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn. Hiếm đấy? Tuy nhiên, cha vẫn còn cần suy nghĩ.
- Vậy là cha đã gặp Nguyễn Cẩn?
- Cha đã nói chuyện một buổi với Cẩn.
- Con thấy cha có cảm tình với anh ta.
- Cha đã nói rồi. Vẫn còn cần suy nghĩ. Này, lúc nãy con nhận xét Cẩn thế nào nhỉ? à... phải rồi, thái quá. Cha nhớ trong lúc truyện trò, Cẩn đã bộc lộ riêng với cha một điều, cái điều mà nói với cha, anh ta còn phải đắn đo mãi... Đúng thế? Cẩn nói thế này: “Thưa thái sư con, hằng đêm, những lúc vắng vẻ, thường nghe được một tiếng nới của ai đó vang lên trong đầu...”.
- Có tiếng nói trong đầu? - Anh ta mắc bệnh mất rồi.
- Không cứ! Có người suy nghĩ thái quá cũng sinh ra như thế.
- Cha có hỏi tiếng nói của ai không?
- Có? Cẩn bảo: “không rõ, có thể là tiếng nói của Phật, của Trời, nhưng điều chắc chắn đó là tiếng nói của một đấng linh thiêng nào đó.
- Tiếng nói ấy nói gì?
- Tiếng nói đó bảo Cẩn phải phù tá cho cha, phải hết lòng xả thân vì nghĩa của cha. Tiếng nói ấy bảo dù có phải nhẩy vào lửa, dù có phải chết, Cẩn cũng phải hết lòng phò tá cha.
Tôi ngẫm nghĩ:
- Cha có tin lời Cẩn không?
- Cha tin có rất nhiều người như thế. Những người thái quá như vậy rất cần cho sự nghiệp trọng đại. Tuy nhiên, cha đã nói rồi, còn cần phải suy nghĩ.
Trong khi cha tôi còn đang suy nghĩ, đột nhiên, Nguyễn Cẩn lăn vào ăn chơi như một kẻ cuồng. Người ta nói Cần có hai cô nàng hầu rất đẹp dấu kín ở một ngôi nhà vườn xinh đẹp nào đó... Người ta nói nhiều lần Cẩn thâu đêm đàn ca rượu chè trong những kỹ viện sang trọng của Thăng Long. Người ta kể có khi mấy ngày liền Cẩn bơi thuyền uống rượu với mấy ả kỹ nữ trên hồ Tây. Say sưa đến mức ngủ mê mệt hai ngày đêm mới tỉnh...
Rồi nửa năm sau, cũng một cách đột ngột như thế, Nguyễn Cẩn biến

mất khỏi những chốn ăn chơi. Cứ như thể có phép lạ! Đang là kẻ ăn chơi, bỗng nhiên Cẩn trở thành kẻ chững chạc, ít nói hẳn đi, ai nói đến chuyện chơi bời trước kia, chỉ mỉm cười.
Cùng với sự thay đổi bề ngoài ấy, Cẩn bỗng nhiên được cha tôi xử dụng như một người tin cẩn. ít lâu sau, Cẩn được phong nội tẩm học sinh, người tin cậy nhất của cha tôi. Tôi hỏi cha:

- Hay! Hay tuyệt! Thơ quốc ngữ mà làm như thế thì hay tuyệt.
- Dạ, đó không phải thơ của con.
- Của ai vậy?
- Bẩm của thiền sư Huyền Quang, Trúc Lâm đệ tam tổ
- A, ta nhớ ra rồi.

Bốn câu này rút trong bài phú Nôm "Vịnh Yên Tử" Cha tôi bỗng thở dài - Cha rất tiếc phải ra lệnh bắt những ông sư trẻ hồi tục. Nhưng biết làm sao! Phải như thế thôi. Trốn việc quan đi ở chùa. Điều đó làm cho nước ta suy yếu. - Rồi cha bỗng cười giòn - Ta không thích đạo Phật, nhưng ta thích những người như sư Huyền Quang. Và nhất là ta thích bức tranh con vẽ. Nó đẹp lắm. Nó khoáng đạt, tả được cái hùng vĩ của núi sông.

Thấy cha tôi ưng, tôi liền đem bức tranh dâng người. Cha tôi quý bức tranh lắm, đem nó treo ngay trên tường sau lưng cái sập, nơi người thường ngồi làm việc để được luôn nhìn thấy nó. Bảo rằng, được nhìn nó sau mỗi lúc làm việc mệt nhọc, bỗng thấy lòng như dịu đi, thấy sự thư thái sảng khoái mau trở lại.

Tôi rất ngạc nhiên, vì hiện nay trên mảng tường ấy, không thấy bức tranh Yên Tử mà lại treo một bức màn che bằng vóc hồng. Tôi vội đi vòng quanh sập đến nơi, kéo bức màn che ra; tôi bỗng à lên và chợt hiểu. Thì ra ở chỗ bức tranh cũ của tôi, hiện nay là bốn bức tứ bình vẽ bốn người hiền thần đời xưa. Thứ nhất là tranh Chu Công thời Chu Thành Vương; thứ nhì là đại tư mã Hoắc Quang giúp Hán Chiêu đế, thứ ba là vạn đại quân sư Gia Cát Lượng phò tá Lưu Triệu khi Lưu Bị chết; thứ tư là Thái uý Tô Hiến Thành giúp Lý Long Cán tức Lý Cao Tông. Tất cả bốn ông đều là tể tướng nắm tất cả quyền thiên

hạ trong tay, trong khi bốn ông vua được phò tá đều là ấu chúa. Họ đều giữ yên xã tắc, không lạm quyền, cho đến khi các ông vua trẻ thơ đủ. tuổi lớn khôn để giữ việc triều chính.

Tôi tự hỏi: Ai đã vẽ những bức hoạ này? Ai đã cho cha tôi những bức tranh này? Tôi nhìn kỹ những bức vẽ. Nét vẽ thật già dặn. Bốn khuôn mặt thông minh và hiền hậu. Sự kiên quyết, cương trực của bốn gương mặt biểu hiện ở bốn đôi mắt thảy dấu sắc sảo. Đôi mắt Chu Công Đán là đôi mắt của nhà hiền triết hóm hỉnh nhìn tôi như muốn xoáy vào tim óc. Đôi mắt của đại tư mã Hoắc Quang thì xếch lên hơi có chút tàn ác. Đôi mắt Khổng Minh thì thông minh, ở mỗi mắt có hai chấm sáng. Đôi mắt của Tô Hiến Thành lại quắc lên như một người cố sức, nó phảng phất nỗi u buồn của một người biết thời đã tận mà vẫn phải gắng công.

Tôi đang nhìn vào mắt cụ Tô Hiến Thành bỗng chợt phát hiện ra điều lạ: ba đôi mắt kia hình như cũng đều tập trung vào tôi. Tôi ngạc nhiên nhìn vào bức vẽ thứ nhất của Chu Công Đán ở phía đầu bên kia hàng tranh, lập tức ba đôi mắt kia cũng đổi hướng nhìn theo mắt tôi. Những đôi mắt bỗng làm tôi xao xuyến, tôi vội vàng lùi vào bóng tối nơi đặt chiếc ghế có đệm. Những đôi mắt kỳ dị. Hay là ta mệt mỏi. ừ, có lẽ ta mệt mỏi. Tôi ngả lưng trên chiếc ghế dài vừa ngẫm nghĩ, vừa chờ đợi. Có thể tôi đã rong ruổi mấy hôm liền, vì thiếu ngủ nên tôi rơi ngay vào mơ màng.

Tôi thiếp đi không biết bao lâu, chợt thức giấc bởi tiếng của cha tôi. Tôi định ngồi nhỏm dậy lại chợt nghe thấy một tiếng nói khác. Tôi vội vàng nhắm mắt lại. Đó là tiếng nói của Hán Thương em trai tôi. Người ta thường bảo tôi ghét Hán Thương. Tôi cố bào chữa, hai anh em tính khí trái ngược nhau, nhưng rồi tôi tự soát xét lại mình, tôi

thấy không nên giả dối, tận thâm tâm, đúng là tôi thấy ghét Hán Thương thật. Mà làm sao không ghét hắn được cơ chứ. Thằng em tôi luôn luôn hãnh diện vì nó có mẹ là bà công chúa Huy Ninh; còn tôi mẹ tôi chỉ là dòng dõi một ông lang. Tôi nhớ rất rõ, lúc chưa sinh nó, bà công chúa rất yêu thương tôi. Bà công chúa là một người đàn bà đẹp, dịu dàng, lại có học.

Bà mảnh mai, cái thân hình mảnh mai ấy lại chứa đựng một tâm hồn cực kỳ cao thượng. Có lẽ bà thương thân phận côi cút của tôi, nên khi chưa có con trai, bà đã trút hết tình thương vào tôi. Khi còn rất nhỏ, tôi luôn cảm giác rằng ở bà luôn thường trực một nỗi sợ sệt, một nỗi khắc khoải nào đó (điều này mãi đến khi lớn khôn tôi mới hiểu rõ). Tôi cũng là một đứa trẻ e dè sợ sệt. Cũng vì thế nên bà hợp với tôi. Tôi đã coi bà như mẹ đẻ. Chính bà là người thầy học đầu tiên của tôi.

Những ngày bà sinh em Thánh Ngẫu (chị Hán Thương), tôi đã được hưởng một thời gian tràn trề hạnh phúc. Ba mẹ con tôi: bà Huy Ninh, em Thánh Ngẫu, và tôi, suốt ngày chỉ biết tiếng cười. Ba năm sau, khi Hán Thương ra đời, lúc bấy giờ gia đình tôi mới biết đến tiếng khóc. Hán Thương khóc khỏe lắm, nó khóc suốt ngày, suốt đêm. Chậm ăn: khóc. Chậm ỉa: khóc. Chậm chiều ý nó: khóc. Không bằng lòng: khóc. Đông người quá: khóc. Vắng người quá: khóc. Suốt ngày phải có người bế ẵm, cũng không xong. Nó đòi bà Huy Ninh phải ẵm nó. Từ bé nó đã có ý thức: bà Huy Ninh là mẹ riêng của nó. Nó không cho bà bế em Thanh Ngẫu. Nhất là tôi, nó luôn đẩy tôi ra khi tôi sán đến gần bà. Tôi chỉ có quyền đứng xa xa để đón nhận những ánh mắt thương cảm của bà. Càng lớn lên, cái ý thức chiếm hữu riêng người mẹ của nó càng ghê gớm; cứ thoáng trông thấy mặt tôi

xuất hiện gần bà Huy Ninh là nó đuổi: Cút? cút đi? Đến nỗi, cuối cùng, cha tôi phải đưa tôi sang ở với ông ngoại. Sự hận thù giữa anh em tôi bắt đầu là như vậy. Lớn lên, được học hành được giáo dục, lẽ dĩ nhiên anh em chúng tôi phải đối xử với nhau xứng với địa vị xã hội cao quý của mình; nghĩa là chúng tôi giữ lễ với nhau, ngọt ngào với nhau, bề ngoài thương mến nhau, nhưng thực ra nỗi hận thù từ thuở ấu thơ vẫn như cục đá tảng, vẫn sừng sững còn đó; chẳng teo nhỏ đi, mà lại càng tấy lên như cục u quý tộc.

Tôi nằm im, lắng tai để nghe cho rõ cuộc đối thoại giữa em tôi và cha tôi. Chắc là cha tôi đang ngồi vắt chân trên cái sập, còn em tôi đứng trước mặt người. Có lẽ cha tôi đã ngồi đấy mơ màng và chờ đợi từ lâu rồi và bỗng choàng tỉnh dậy vì chợt nhận thấy cái bóng người đang đứng xa xa trước mặt người.

- Nguyễn Cẩn đấy ư? Lại đây!

- Thưa cha, con chứ không phải là Cẩn...

- Hán Thương! Con vẫn còn thức sao?

- Con ngủ sao được, khi cha vẫn thâu đêm ngồi bên ngọn bạch lạp. Con ngủ sao được, khi cha vẫn phải từng giờ, từng khắc... chờ đợi.

Giọng cha tôi có vẻ chú ý

- Ta chờ đợi ư? Con cũng biết ta chờ đợi ư? Chờ đợi cái gì?

Dạ thưa cha... Đại sự! Đại sự!

- Đại sự là cái gì?

Hình như cha tôi đã đứng dậy và nhìn vào mắt thằng em trai tôi, một cậu thiếu niên.

- Con xin chúc mừng cha... Đại sự? Đại sự!

- à, à... Cậu con trai tôi hoá ra không còn bé nữa nhỉ?

- Con đã mười sáu tuổi.

- Những mười sáu tuổi cơ à... Con có hiểu nói thế là rất liều lĩnh không? Con có biết lời nói ấy có thể đưa cha con ta, đưa gia đình ta, và nhiều gia đình khác tắm trong máu đỏ?
- Con xin lạy cha tôn kính! Cha còn dấu con làm gì.
- Đại sự! Đại sự sắp đến rồi. Con cũng như cha, ngày đêm con chờ đợi. Và cả đất nước này, người ta chẳng nói ra miệng, nhưng ai ai cũng ngày đêm chờ đợi.
- Có thật thế không nhỉ?.
- Cha là người quân tử đi trước thiên hạ sự.
Tôi nghe tiếng cha tôi cười khục khục trong cổ họng. Tiếng cười ấy như khuyến khích thang em tôi mạnh dạn hơn.
- Cha biết không, đã hàng tháng nay đêm nào con cũng thức, thức để nghe tiếng chân cha gõ bước, thức để chờ đợi, thức để canh phòng cho cha. Cha tưởng rằng con còn thơ trẻ lắm sao, con ngu ngốc lắm sao. Thưa cha, con lo lắng cho cha mỗi khi cha ủ dột; con hoảng hốt mỗi khi bước chân ban đêm của cha bồn chồn gõ nhịp. Cha ăn không ngon, con nuốt cũng chẳng trôi; nhưng mỗi khi mặt cha tươi vui là lòng con lại nhộn nhịp. Con hiểu rằng như vậy là Đại sự đang nhích lại gần. Con khâm phục cha! Con sùng kính cha. Cha thân mật mà tài giỏi? Cha kiêu ngạo mà giản dị! Cha cứng rắn mà dịu dàng. Xin cho con được theo bước chân cha. Xin được gánh vác một chút nhỏ công việc của cha. Dù phải chết con cũng cam lòng.
Cha tôi bỗng cười to:
- Thì ra lâu nay con vẫn dò xét cha từng bước. Đúng. Có nhiều đêm ta cứ bỗng dưng giật mình. Cứ tưởng như có con mắt nào đó đương nhìn vào tận đáy lòng cha. Cứ tưởng như có ai đó đường dò bước bên cha, ngay trong nhà của cha. Cha bực tức, cho thám tử đi dò xét

sục sạo chung quanh, nhưng rút cục chẳng thấy gì. Bây giờ cha mới hiểu, thì hoá ra là con. Ha ha... Hán Thương Con đã lớn thật rồi. Lớn thật rồi? Ha, ha! Cha cứ tưởng trên đời này chẳng ai hiểu nổi được cha. Bọn Nguyễn Cẩn, Nguyễn Đa Phương, Phạm Cự Luận, Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân, Đỗ Tử Mãn... là vây cánh của ta, là tâm phúc của ta... thế mà có kẻ còn phản lại ta... Ta đã phải giết chết Nguyễn Đa Phương. Phương là con đẻ của thầy dạy ta, ta cũng đành phải giết. Giết để rồi lại ưu phiền lo lắng... Con có hiểu không, bởi vì ta vẫn rất cần tin người và cần người tin ta... Con có hiểu không... Bởi thế nên ta trằn trọc, ta âu lo. Ta cần, ta muốn, ta thèm được có người hiểu ta. Vây cánh của ta, họ có hiểu ta không? Có lẽ họ mới chỉ hiểu ta ở bề ngoài. Nhưng còn con, liệu con có hiểu được đến thâm tâm của cha không?

- Cha như một con rồng nằm ngủ.

- Ha ha... Cậu con trai của ta... Vậy là cha hiểu con thích loài rồng. Nhưng rồng là - một con vật chưa ai nhìn thấy. Ai cũng sợ rồng, nhưng vì chưa bao giờ nhìn thấy nên thực ra chẳng ai sợ rồng cả.

- Dạ thưa cha: Thực thực hư hư đó là con rồng, bởi vì trong con rồng có hàm chứa con rắn. Mà con rắn thì vừa độc vừa hiểm.

- Vậy tiềm long tức là tiềm xà. Tiềm xà thì đáng sợ thật. Ta hiểu con rồi... Vậy là con thích con rồng; còn anh trai con, con có biết Nguyên Trừng thích gì không?

Thấy hai người bàn đến tôi, tôi vội chăm chú lắng nghe để không sót một lời. Hán Thương suy nghĩ một lát rồi nói:

- Con không hiểu anh Trừng thích gì nhưng con hay bắt gặp anh hát:

Phượng hoàng hề

Phượng hoàng hề bay vút trời cao.

Người xưa, mây cũ nay ở nơi nao
Chỉ thấy nơi đây lâu đài tàn tạ
Chỉ thấy bầu trời vắng trăng sao
Phượng hoàng hề
Phượng hoàng hề người nơi nao.

à! Đó là bài ca phượng hoàng mà tôi đã phóng tác từ một bài thơ Đường trong một bữa say rượu. Tôi đã phổ nhạc và nghe đâu một số kỹ nữ Thăng Long đã đem ra hát ở những kỹ viện.

Tôi lắng nghe nhưng cha tôi chỉ im lặng, và em tôi cũng im lặng. Tôi nghe thấy em tôi cáo lui về phòng nghỉ. Cuộc nói chuyện sôi nổi ấy kết thúc thật chưng hửng. Lúc này, chỉ còn nghe thấy bước chân cha tôi đi đi, lại lại, rồi dừng bước rồi lại bước đi. Những bước chân làm thức dậy trong lòng con người bao nhiêu suy nghĩ, liên tưởng. Một tính toán? Chờ đợi? Lo lắng? Âm mưu? Hay là nỗi phiền muộn?

Có tiếng chân lạ lại gần. Té ra là chờ đợi. Tiếng cha tôi cất lên trước: "Cẩn đấy ư?" Hoá ra từ chập tối đến giờ cha tôi vẫn chờ Nguyễn Cẩn.

Câu hỏi đầu tiên của cha tôi:

- Tình hình đức thượng hoàng Nghệ Tôn ra sao?

- Thưa đức ông. Bệnh tình thượng hoàng vẫn không thuyên giảm. Người vẫn chẳng ăn uống gì. Đức vua Thuận Tôn ép mãi ngài cũng chỉ húp được ba thìa cháo sâm.

Tôi lắng tai nghe và suy nghĩ: "Hoá ra đêm nay cha ta chờ đợi vì tình hình đã đến phút cao trào. Thái thượng hoàng Nghệ Tôn đang hấp hối"

- Buổi chiều nay, sau khi nói chuyện với ta, thượng hoàng còn nói chuyện với ai?

Chập tối, thấy người cho gọi thượng tướng Trần Khát Chân tới. Sau đó đến Thái bảo Nguyên Hàng. Sau nữa là hai ông Nguyên Uyên, Nguyên Dận.

- Thái độ họ ra sao?

- Người của ta trong phủ thượng tướng nói rằng: Trần Khát Chân ở cung Thượng hoàng về vẫn thắp đèn đi chăm sóc mấy dò quế lan hương đang ra hoa.

- Còn Nguyên Hàng?

- Quan Thái bảo uống rượu suông, ngồi bên dèn thở dài.

- Họ không tụ họp với nhau.

- Chỉ có Nguyên Uyên đến nhà Nguyên Dận. Hai người thì thầm bàn chuyện. Đám tôi tớ chẳng biết họ nói gì. Bởi vì họ đuổi gia nhân ra khỏi nhà khách. Có lẽ đến giờ này họ cũng vẫn đang uống rượu.

- Còn điều gì nữa không?

- Bẩm đức ông, còn một điểm quan trọng nữa là trước khi Trần Khát Chân đến, thượng hoàng còn cho gọi Sử Văn Hoa đến bói dịch.

- Lại cái tên bẻm mép Sử Văn Hoa!

- Thượng hoàng nói:

"*Quãng này chỉ có hầu mõm đỏ*

Đang lăm le lên lầu gà trắng"

Khanh thử gieo quẻ bói xem có phải con gà trắng này đã đến lúc mệnh tuyệt rồi; và con hầu mõm đỏ đang bước lên lầu?

- Sử trả lời ra sao?

- Ông ta nói: "Tâu thượng hoàng, những bốc sư tài giỏi có thể đoán ngày đoán giờ chính xác; còn hạ thần, tài hèn, chỉ có thể biết được những nét đại cuộc, còn như việc đoán đúng ngày giờ thì...". Nghệ hoàng thở dài và bảo: "Cho khanh lui".

Cha tôi im lặng hồi lâu, sau đó bỗng hỏi

- Ngươi đã có tin tức gì về đại công tử chưa?

- Thưa đức ông, công tử Nguyên Trừng chập tối nay đã về tới Thăng Long.

- Ta chưa thấy mặt nó.

- Chập tối, vừa về tới Thăng Long, công tử đã vào quán Đào nương. Quán này mới mở. Nghe nói cô kỹ nữ là người đàn giỏi, hát hay, lại xinh đẹp. Công tử không gập được cô chủ quán, bèn cho tập hợp bọn người hát xẩm, hát thuê ở quanh đó đến mua vui. Xa Thăng Long đã lâu, chắc công từ muốn vui chơi một trận cho thoả trước khi vào gặp đức ông.

Tôi quay lưng lại nên không nhìn được mặt cha tôi, nhưng tôi đoán được nét mặt không vui của người.

Nguyễn Cẩn tiếp:

- Nghe nói công tử uống rất nhiều. Rồi công tử rút kiếm lảo đảo múa điệu "Tửu cuồng", còn lão Sư Nguyệt đánh đàn và hát

Đại loạn hề, ai say đại loạn

Đại loạn hề, chén rượu bên môi

Hãy vui đi hề, bất quá một tiếng cười!

Để giai nhân chảy dài nước mắt

Đêm qua ta khóc,

Ta bưng cái đầu lâu máu tràn khuôn mặt

- Ai đã làm bài hát đó?

Bài Tửu cuồng do chính công tử đặt ra

- Thật là nhảm Thật là nhảm

Im lặng. Tôi nghe bước chân cha tôi đi đi lại lại. Một hồi lâu im lặng. Tôi nghe thấy bước chân Nguyễn Cẩn rón rén lui khỏi phòng. Rồi

tiếng cửa khép lại. Không thấy tiếng chân bước nữa; chắc rằng cha đã ngồi bên kỷ. Tôi sẽ sàng quay lại, hé mở con mắt. Cha tôi đang ngồi vắt chân chữ ngũ, một tay đặt trên kỷ, một tay chống cằm, đầu rũ xuống. Ngọn bạch lạp lung linh làm cái bóng mờ của cha tôi trên tường di chuyển trong khi cái bóng thật của cha tôi ngồi im bất động. Một con người quyền uy như cha mà lúc này như thế đấy Tôi chợt thấy dâng lên một niềm thương. Tôi nhỏm dậy, rất nhẹ nhàng, se sẽ bước đến đứng trước mặt người. Tôi nói nhỏ:

- Thưa cha...

Cha tôi ngẩng lên:

- Con đã dậy rồi sao?

- Cha đã biết con nằm ngủ ở đây?

- Cha biết... Cha tôi ngừng lại lúc lâu - Cha biết ngay khi bước chân vào phòng này. Con có hiểu tại sao cha biết không? Chắc con không hiểu... Khi mới bước vào đây, linh tính như mách cha có điều khác lạ. Chẳng hiểu đó là cái gì nhưng cha cảm thấy nó. Căn phòng này chỉ có mình cha ở. Không ai được vào đây, trừ các con và Nguyễn Cẩn. Ai vào rồi ra, cha mở cửa phòng cho hơi lạ bay hết đi, rồi mới đóng cửa lại. Ta không nên để mùi lạ ở bên mình, nó sẽ làm loãng ta đi, và linh giác sẽ kém mẫn cảm... à, ta đã đi xa câu chuyện... ừ, ta vào đây, ta thấy khác lạ. Ta đưa mắt nhìn và ta đã phát hiện ra những bức tranh trên tường, những bức tranh mà ta đã che kín lại, những bức tranh đã chiếm chỗ bức Yên Tử Sơn con vẽ, mà cha rất thích - Cha tôi có vẻ bực tức - Cha không muốn nhìn những bức tranh tứ phụ này.

- Thưa cha, con đã đắc tội với cha.

Cha tôi nói tiếp bằng cái giọng trầm trầm:

- Cha không thích bốn bức tứ phụ này nên đã che kín nó lại. Vậy ai mở nó ra? Nguyễn Cẩn chắc không bao giờ dám vào đây khi cha vắng mặt. Hán Thương ư? Nó là người không bao giờ chú ý đến tranh vẽ. Vậy chắc là con. Cha đoán con đã ở Thanh về. Và cha đã thấy con đang nằm ngủ.
- Sao cha không đánh thức con đậy? Từ xưa, cha đã bảo con không bao giờ cha muốn có hai người có mặt cùng một lúc trong phòng cơ mật.
- Đúng vậy? Việc cơ mật bao giờ cũng chỉ được nói giữa hai người. Không bao giờ được phép để một người thứ ba trực tiếp chứng kiến. Đó là phép tắc của cha. Nhưng trường hợp này, cha cố ý cho con được nghe.
- Thưa cha, con không hiểu.
- Không hiểu ư? Ừ, hay thật? Ai ai cũng biết, nhưng ai ai cũng nói rằng không biết. Lúc nãy, Hán Thương nói đêm đêm vẫn nằm nghe thấy cha thâu đêm dạo bước trong phòng này; còn Nguyễn Cẩn thì suốt buổi tối sai thám tử đi dò xét cho cha biết tin về sự động tĩnh của các đại thần... Lần này, chính tai con đã nghe thấy những điều đó... chứ không phải như tiếng xì xào trong triều đình rằng cha sắp cướp ngôi. Con có biết không? Đó là cái thuật của cha đấy. Cha nghĩ làm mọi chuyện cho người ta nghĩ là cha sắp thoán ngôi, nhưng không ai được phép nói cha sắp thoán ngôi. Tình hình coi như sắp có bão, nhưng không được phép nói ra. Làm thế để cho phe đối lập của cha phải căng đầu óc và bộc lộ thái độ. Ai nói lên, hãy coi chừng... Làm thế cũng để lung lạc tinh thần những kẻ lừng chừng chưa muốn theo cha. Sự căng thẳng làm họ run sợ và họ sẽ im lặng. Từ sự im lặng đến sự ngoan ngoãn theo cha, chỉ là một bước ngắn.

Cha tôi im lặng nhìn tôi, đôi mắt người sáng quắc bỗng dịu lại:
- Nhưng với con lại khác. Đêm nay cha để cho con được ngồi ở đây bởi vì... bởi vì cha muốn con... cha muốn thành thực với con... cha muốn con...
Tôi thấy ánh mắt của cha đang nhìn tôi như cầu khẩn... và tôi chợt nhận ra nỗi cô đơn khủng khiếp của người... bảo là nỗi cô đơn của kẻ thoán nghịch cũng được bảo là nỗi cô đơn của kẻ làm một việc lớn cũng được
Cha tôi đã đứng dậy, người đi đi lại lại và nói:
- Không hiểu sao cha lại nghĩ rằng cha chỉ có thể thổ lộ diều này ra được với con thôi. Này, Trừng! con nghĩ thế nào?...
- Bao giờ con cũng là con của cha.
Cha tôi bỗng chỉ tay vào những bức tranh tứ phụ:
- Con thấy những bức tranh đó ra sao?
- Thưa cha, người thợ vẽ là hoạ sĩ có tài. Những bức tranh có thần.
Đúng người hoạ sĩ có tài. Ta sẽ sai tìm cho ra anh ta. Nhưng cha muốn hỏi con điểm khác cơ. Con có thấy chúng ngớ ngẩn không?
Tôi ngẫm nghĩ rồi trả lời:
- Muốn hiểu ý nghĩa của chúng, phải biết ai là người đã tặng cha.
Cha tôi gật gù:
- Đúng thế! Con biết không, chính ông vua già Trần Nghệ Tôn đã gọi cha đến ngày hôm qua và ban cho cha. Sau ngày hội thề, ông ta ốm.
- Bây giờ con đã hiểu tại sao cha không thích những bức tranh này. Con hiểu cái chí của cha. Cha muốn một cuộc đổi đời, một cuộc đảo lộn trời long đất lở ở xứ sở này. Bởi vậy, cha không thể như bốn vị tứ phụ này, đem thân phò tá bốn ông vua trẻ thơ. Trung thành như Chu Công Khuông phò Chu Võ Vương có thể còn được; chứ đến như

Khổng Minh phò Lưu Triệu, Tô Hiến Thành phò Lý Cao Tôn là hai ông vua trẻ con ngu độn, trong lúc triều chính mục ruỗng, thật là ngu trung. Nghệ Hoàng không hiểu cha, không hiểu thời thế...

- Con nói đúng - Mặt cha tôi rạng rỡ - Phải nói, ông ta thật đáng thương... Nhưng biết làm sao được... Ông ta khóc, nắm tay cha và dặn dò hãy khuông phò ấu chúa... rằng nếu xét thấy ấu chúa tối tăm ngu dốt, lúc đó cứ việc nắm lấy ngôi vua... Ôi! Thật nực cười. Việc thịnh suy của cả một đất nước lại giải quyết bằng một sự mủi lòng như vậy sao?... Ông ta làm cha vừa thương, vừa bực bội, vừa khó nói... Cha không muốn nói dối một người sắp chết, nhưng cuối cùng cha đã phải nói dối. Ôi! thật bực bội, ông ta ngớ ngẩn và cũng đẩy cha vào chỗ ngớ ngẩn. Này, nếu cha rơi vào địa vị ông ta, cha sẽ cắn răng lại, lạnh lùng mà chết. Hừ! Lại còn hai chữ thoán nghịch nữa chứ. Đâu đâu người ta cũng xì xào hai chữ đó. Cứ như thể một con ngáo ộp, một vị hung thần để bó tay ta lại.

- Thưa cha, con nghĩ đó không phải điều đáng sợ. Nhà Trần đã mục ruỗng. Giặc giã loạn lạc tứ tung. Dân đói khổ. Ai cũng muốn nổi loạn nhưng chẳng ai dám nói. Bọn tôn thất, bọn quan lại cũng đã dự cảm thấy ngày tận cùng của triều Trần, nên chúng tranh thủ vơ vét. Vậy đấy sự đổi đời là điều không thể tránh khỏi. Vả lại, việc thoán nghịch vốn lẽ tự nhiên. Chính nhà Trần lên ngôi vua cũng nhờ vào việc thoán nghịch. Nhà Trần cướp ngôi nhà Lý, máu phải chảy thành sông... Có sao đâu. Sau đó, oán đã thành ân. Con nghĩ đó mới là điều ta đáng suy nghĩ và lo lắng.

Cha tôi im lặng, hình như ánh mắt ông mỉm cười và khuyến khích tôi nói.

- Con nói lo lắng vì nhà Trần đã tạo được cái ơn sâu dầy cho Đại

Việt. Qua bốn đời Trần Thái Tôn, Trần Thánh Tôn, Trần Nhân Tôn, Trần Anh Tôn, nước Đại Việt đã hạnh phúc, đã cường thịnh chưa từng thấy. Hơn một trăm năm văn hiến mở mang, người hiền tài đông đúc, ba lần thắng giặc Nguyên, biên cương mở rộng, thóc gạo ê hề, nơi thôn cùng ngõ hẻm cũng vang tiếng hát... Hơn một trăm năm Đại Việt hùng cường, thật là ơn sâu nghĩa dầy. Nhà Trần hiện nay đã thối ruỗng, đáng lật đổ. Và cha là người duy nhất hiện nay có thể lật đổ nhà Trần dễ dàng. Nhưng ơn sâu của nhà Trần với muôn dân thì cha có lật đổ được không?

Cha tôi vẫn im lặng. Tôi lại nói tiếp:

- Vả lại, còn nhà Minh ở phương Bắc. Chu Nguyên Chương mới dựng triều đại. Thế của họ là thế đầu con nước, cái thế chẻ tre, thế của chàng trai đương sức. Nếu ta chia rẽ, lục đục, nếu ta suy yếu, mà chắc chắn sẽ suy yếu vì tranh giành quyền bính, vì lòng người còn khảng tảng, họ sẽ không tha chúng ta đâu.

Cha tôi nắm chặt bàn tay phải và đập xuống cái kỷ:

- Thế nếu để nguyên trạng như hiện nay, Đại Việt ta có suy yếu không? Nếu nhà Trần thối ruỗng như hiện nay, mà nhà Trần tồn tại, so với một triều đại mới được dựng lên, được quét sạch lũ tham quan ô lại, được tổ chức cứng rắn, được hết lời bàn ra tán vào, thì hỏi hai triều đại ấy bên nào tốt hơn, mạnh hơn? Thôi, câu chuyện nên dừng ở đây. Dù sao, cha cũng thấy con là người mà cha mong muốn, tin cậy.

Tôi đã nhận được một lời khen hiếm thấy ở miệng cha. Tiếp sau đó, tôi trình bày cho cha nghe về việc điều tra tình hình ở vùng động An Tôn - Thanh Hoá. Cha tôi định xây một khu thành khổng lồ ở đó. Cha bảo phải lập thêm một kinh đô mới, nơi địa thế hiểm trở, nơi ta có thể

dựa lưng vào núi rừng...

Tôi đã nghiên cứu nhiều về các kinh đô, lại có chút kiến thức về quân sự, về xây dựng, nhất là về thuật phong thuỷ. Việc này tối mật, chưa ai biết.

Tôi đưa ra một phác đồ. Cha tôi xem xong, người rất vui ông nói.

- Cha rất hài lòng vì con.

Đáng lẽ khi cha tôi không nhắc gì đến chuyện rượu chè của tôi và lại khen tôi nhiều lần như vậy, thì tôi phải vui mới đúng chứ. Thế mà tôi lại không vui. Ra khỏi dinh thự của cha, lòng tôi trĩu một nỗi buồn. Phải chăng nỗi buồn của một thời tao loạn. Tôi chợt nhớ đến Quỳnh Hoa.

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Phần III - Chương 1

Ông Vua già

Nghệ Tôn hoàng đế tên huý là Trần Phủ, con thứ ba của vua Trần Minh Tôn; mẹ đẻ là Lê Thị, cô của Lê Quý Ly. Ông lên ngôi lúc nhà Trần suy thoái; đứng trên danh nghĩa, Trần Thuận Tôn, con trai ông là ông vua áp chót triều Trần; nhưng đứng trên thực tế, chính Trần Nghệ Tôn mới là ông vua cuối cùng, bởi vì ông làm vua chỉ có 3 năm nhưng lại làm Thái thượng hoàng 27 năm. Trong 27 năm ấy, dưới tay Thái thượng hoàng có ba ông vua: Trần Duệ Tôn em trai ông, Trần Phế Đế cháu ông, con trai Duệ Tôn và cuối cùng là Trần Thuận Tôn con trai của chính ông. Như vậy, thực quyền suốt 80 năm ròng cuối triều Trần cho đến khi họ Hồ lên ngôi đều nằm trong tay ông.
Nghệ Tôn lên ngôi vua trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt.
Thời kỳ đó vào những năm Đinh Mùi, Mậu Thân, Kỷ Dậu, Canh Tuất (tức là 1367 - 1370 theo dương lịch), em trai ông là Trần Dụ Tôn làm vua, nhưng ăn chơi xa xỉ hoang dâm vô độ đến nỗi Chu Văn An phải dâng thất trảm sớ rồi theo ấn từ quan. Nhật Lễ cháu ông lên ngôi.
Nhật Lễ là con Cung Túc Vương Trần Dục. Trên danh nghĩa, họ Trần, nhưng thực chất Nhật Lễ họ Dương. Mẹ Nhật Lễ là Dương Thị, một cô đào chèo vừa xinh đẹp vừa hát hay, Dương Thị có biệt hiệu Tây Vương Mẫu bởi vì nàng sắm vai Vương Mẫu trong vở chèo hấp dẫn, nàng có chồng họ Dương cũng là một kép hát tài hoa. Cung Túc Vương đi xem hát, bị nàng Tây Vương Mẫu hút hồn, bèn lấy nàng

làm vợ, lúc đó cô đào chèo đã có mang cùng chàng kép hát họ Dương. Khi Nhật Lễ ra đời, trong hoàng tộc đã có lời xì xào, nhưng Cung Túc Vương, vì quá yêu nàng Tây Vương Mẫu, vả lại ngày tháng mang thai mập mờ, nên công nhận Nhật Lễ là con.

Kể ra nếu Nhật Lễ đàng hoàng chấp nhận họ Trần và có tài năng trị nước, chắc cũng chẳng có gì xẩy ra. Nhưng nàng Dương Thị lắm tham vọng, người đàn bà ấy tưởng rằng việc làm vua cũng dễ dàng suôn sẻ như trên sân khấu. Làm vua ư? Chẳng qua là việc hưởng thụ và có quyền tối thượng trong tay. Vì vậy, Dương Thị đã khuyên con trai đổi triều đại nhà Trần sang nhà Dương, và thẳng tay đàn áp tôn thất họ Trần.

Có lẽ trong lịch sử các vua chúa nước Nam, đó là đoạn bi hài nhất. Dân gian gọi cuộc tiếm ngôi quá đơn giản ấy là loạn phường chèo. Kẻ sĩ âu lo cho số phận non sông thì bảo: Vận nước đã suy nên đẻ ra nhiều chuyên quái gở. Nhật Lễ lên ngôi đã bắt chước ông vua tiền nhiệm Trần Dụ Tôn, cũng hoang dâm vô độ, cũng cờ bạc rượu chè. Thiếu uý Trần Ngô Lang là tay cờ bạc nổi tiếng Thăng Long, đã có lúc cùng vua Trần Dụ Tôn chơi những canh bạc, mà mỗi lần đặt cửa bằng một gia tài của người giầu có. Nhật Lễ, lúc chưa lên ngôi, cũng đi lại sòng bạc của Trần Ngô Lang, nên khi lên ngôi đã dùng Trần Ngô Lang làm người thân tín.

Trong thời kỳ đầy biến động ấy, Trần Nghệ Tôn giữ chức vụ hữu tướng quốc, rồi thái sư, tức vị quan văn đầu triều. Điều trớ trêu, đứng về phương diện thế thứ gia tộc, ông đồng thời là chú của Nhật Lễ, vừa là bố vợ Nhật Lễ. Con gái của ông làm hoàng hậu.

Lúc đó, trong triều có hai vị quan đứng đầu: tả tướng quốc Nguyên Trác và hữu tướng quốc là ông. Nguyên Trác nghe tin Nhật Lễ định

đổi họ Trần thành họ Dương, liền âm mưu cùng những người tôn thất, lẻn vào cung, định giết Nhật Lễ. Việc bại lộ, Nhật Lễ bắt những kẻ âm mưu vào tội chết. Trần Phủ tức Nghệ Tôn hỏi Lê Quý Ly là người thủ túc thân tín:

- Tình hình hỗn loạn thế này, ta nên đối phó ra sao? Quý Ly rất bình tĩnh thưa:

- Hiện nay, quân lính ở Thăng Long đều ở trong tay Nhật Lễ. Tuy đại vương vừa làm thái sư vừa là quốc trượng, nhưng Nhật Lễ vẫn cho người dò xét. Tuy nhiên Nhật Lễ vẫn chưa ra tay vì đại vương có tiếng nhân từ, là quan văn không thích dụng võ. Nhưng cứ nằm ở Thăng Long, nằm giữa đám quan quân ngả theo Nhật Lễ, khác gì cá nằm trên thớt. Chi bằng, hãy thoát khỏi vòng vây, tìm nơi hẻo lánh tạm ẩn trú. Việc lớn ta tính sau.

- Ta nên đi đâu?

- Theo kẻ học trò này, ta nên đến Trấn Tam Giang. Từ kinh đô tới đó, đi ngựa mất một ngày đường. Nếu Nhật Lễ biết truy đuổi, thì sau lưng là cả một vùng rừng núi bao la Đà Giang, nếu cần ta cũng có đường vào Trấn Thanh Hoa hoặc đến Châu Hồng, Hải Đông. Đang đêm, Trần Phủ, Quý Ly và một số người tâm phúc lẫn lút trốn đến vùng cửa ngõ sông Đà. Quý Ly bàn với Trần Phủ viết thư cho các quan lại và các vương hầu khắp nơi. Được tin Cung định vương Trần Phủ đang ở Tam Giang, các vương hầu vội vã kéo nhau đến. Lúc đó, Trần Phủ ngoài 40 tuổi, Quý Ly mới ngoài 30 tuổi. Phủ bảo Quý Ly:

- Ta không dè chỉ một bức thư của ta mà người người lại kéo nhau đến đông như thế, nhanh như thế. Quý Ly biết người anh họ ngoại của mình còn do dự. Từ thủa nhỏ, hai người vẫn gặp nhau luôn, và mến nhau vì tài văn chương; nhưng Quý Ly hiểu Phủ vốn nhu thuận,

chuộng văn nhiều hơn chuộng võ, mềm nhiều hơn cứng. Hồi Trần Phủ mới được chín tuổi, theo hầu vua cha Trần Minh Tôn. Vua cha sai làm thơ vịnh cái chiếu trúc. Trần Phủ ứng khẩu đọc ngay:

Có nàng giỏi giang

Trong rỗng ngoài cứng

Bắt làm đầy tớ

E chạm nhân tình.

Minh Tôn lấy làm lạ, lặng im, và không cho sử quan ghi lại chuyện này. Bài thơ ấy không lọt ra triều đình, nhưng sau này bà Hoàng phi, mẹ Phủ, đem chuyện nói ra cho anh ruột là Lê Quốc Kỳ, lúc đó làm kinh lược sứ nghe. Kỳ bảo: “Con người này nhân hậu. Tất cả khẩu khí, và tương lai đều hiện rõ trong bài thơ...”. Quốc Kỳ liền ngầm cho con trai là Quý Ly thường xuyên đi lại với Trần Phủ. Quý Ly thông minh, học đâu biết đấy, văn võ song toàn, nên được Phủ yêu quý lắm. Khi Trần Phủ làm hữu tướng quốc, dùng Quý Ly làm người thân tín, chuyên thảo văn thư cơ mật, dần dần, từ vai trò một anh thơ lại, Quý Ly trở thành cánh tay phải mưu lược của Trần Phủ.

Lúc này, Quý Ly nói với Phủ:

- Thời cơ chỉ đến có một lần mà thôi. Bỏ lỡ sẽ hối tiếc thậm chí sẽ gây hoạ cho cả nước, cho cả bản thân. Chỉ một lá thư triệu tập, bao nhiêu người đã đổ xô đến, chứng tỏ lòng người đã ngả theo đại vương. Dù muốn hay không, bây giờ đã có hai triều đình, một ở Thăng Long, một ở Tam Giang. Dù muốn hay không, bây giờ trong mắt Nhật Lễ, đại vương đã là một đối thủ chính cần phải nhổ bỏ. Dù đại vương nhân từ, song Nhật Lễ quyết không bao giờ tha cho đại vương. Vả lại, đại vương có muốn để cơ nghiệp nhà Trần biến thành của họ Dương hay không?

Trần Phủ im lặng, nhưng suy nghĩ rất nhiều.
Liền sau đó, công chúa Thiên Ninh chị ruột của Phủ, Cung Tuyên Vương Trần Kính em ruột của Phủ, và cả Trần Nguyên Đán, Trần Sư Hiền, là những người tôn thất cũng lục tục kéo đến Tam Giang. Trần Phủ nói với mọi người:
- Từ lúc còn trẻ, ta vốn không có chí làm vua. ý nguyện của ta chỉ mong cho đất nước được thanh bình, hết loạn ly... Nay, có em ruột ta là Trần Kính, tính tình cương nghị, có thể dẫn đầu mọi người làm việc lớn.
Thiên Ninh công chúa bảo:.
- Đại vương đã trông coi việc nước nhiều năm, lại là người nhân hậu ai ai cũng rõ. Dân chúng và trăm quan đều hướng về đại vương. Không thể vì cái chí riêng mà quên việc lớn. Vả lại, thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao có thể thờ ơ được? Trần Kính cương nghị, nhưng lòng người dân đã hướng về đại vương, đại vương không thể từ chối.
Các tướng lĩnh liền tung hô vạn tuế, làm kiệu bằng tay, rước Trần Phủ xuống núi phủ dụ quân sĩ. Cung Tuyên Vương Trần Kính thống lĩnh ba quân nói dõng dạc:
- Chúng ta sẽ tiến thẳng về Thăng Long, chém đầu tên phường chèo, tôn đức Nghệ Tôn lên ngai vàng.
Quý Ly nói riêng với Trần Phủ:
- Bệ hạ nay đã là hoàng đế, xin lo đến việc đại định thiên hạ. Người xưa nói: Đánh giặc thượng sách dùng mưu kế, trung sách dùng ngoại giao, hạ sách mới đánh thành phá luỹ. Nay, bệ hạ đã danh chính ngôn thuận, lòng dân đã hoàn toàn hướng về ngài, sao ta không dùng đến thượng sách để đỡ xương máu cho quân sĩ và trăm

họ?

Nghệ hoàng đem chuyện đó ra bàn với Trần Nguyên Đán. Đán nói:

- Hiện nay, ở kinh đô, tất cả quyền lực đều nằm trong tay thiếu uý Trần Ngô Lang, Nhật Lễ rất tin ông ta.

- Trần Ngô Lang là người tôn thất, Trần Nhật Hạch cũng vậy; nhưng Nhật Hạch đã bày mưu cho Nhật Lễ giết người của nhà Trần; còn Ngô Lang hiện nắm trong tay hơn ba vạn cấm quân, song vẫn chưa làm điều gì bại hoại.

- Thậm chí ông ta còn án binh bất động - Đán nói - thái độ xem ra có vẻ chần chừ. Vì vậy, ta chưa nên đưa quân đi đánh trước, tránh đẩy ông ta vào chỗ khó xử, rồi quay lại chống chúng ta. Nay bệ hạ nên cử một người thân tín đến gặp ông ta, dò xem thái độ.

- Cử ai bây giờ?

- Phải là một người ít tiếng tăm, lại phải vô cùng linh hoạt và điều quan trọng nhất, phải rất đáng tin cậy.

Quý Ly được Nghệ Hoàng trao nhiệm vụ quay về Thăng Long gặp Trần Ngô Lang.

Về đến kinh đô, Quý Ly đến ngay nhà cụ Sư Tề ở phường Báo Thiên. Cụ Sư Tề tên thật là Nguyễn Đa Tề, nhiều đời vẫn là gia tướng của gia đình Trần Nhật Duật. Cụ giỏi võ nghệ, lại rất am tường binh thư. Cụ Sư Tề làm nghề dạy võ ở Thăng Long, khá nổi tiếng, cụ được tôn xưng là bậc thầy trong nghề võ, vì vậy người đời mới ghép chữ Sư vào chữ Tề. Quý Ly, lúc còn tuổi thiếu niên, cũng đã nhiều năm bái cụ làm thầy. Quý Ly học giỏi nên cụ Sư Tề rất yêu quý.

Vốn biết lòng trung của cụ Sư Tề với nhà Trần, nên mới gặp, Quý Ly đã vào thẳng vấn đề:

- Thưa thầy, Nghệ hoàng sai con về Thăng Long, có ý muốn thăm dò

thái độ của thiếu uý Trần Ngô Lang.
- Ông ta, từ thời Dụ Tôn, đã mắc tiếng ăn chơi, bài bạc, là một trong bảy người bị ghi vào thất trảm sớ của cụ Chu Văn An. Ngày xưa, vua Trần Dụ Tôn đến nhà ông ta chơi bời thâu đêm, lúc về, nhà vua say quá, thậm chí đến bến. Chử gia ngủ gục bên bờ sông, kiếm vàng truyền quốc, thanh kiếm của bậc chí tôn vì thế mà bị lấy cắp. Đất nước ngả nghiêng từ khi ấy...
Quý Ly cười mỉm vì ý kiến của ông thầy già, nhưng không luận bàn, mà để mặc cụ Sư Tề nói.
- Ta là con nhà võ. Mất kiếm báu là việc tối hệ trọng... Cái điềm đấy... Nhưng cũng có cái hay? Cũng vì ăn chơi giống nhau... (Đồng thanh tương ứng mà!) nên Nhật Lễ mới sinh lòng tin cậy, giao hết ba vạn cấm quân vào tay Ngô Lang.
- Điều học trò muốn biết là thái độ hiện nay của Trần Ngô Lang ra sao - Quý Ly tỏ vẻ nôn nóng.
Cụ Sư Tề gật gù:
- Ở thời đại loạn này, thay đổi thất thường, sớm bắc chiều nam, ai mà biết nổi trong bụng người ta nghĩ gì. Vả lại, hở lòng mình ra, có người biết được, dễ chết như chơi. Tuy nhiên với ông ta, chỉ hy vọng có một điều nhưng rất mong manh: ông ta là tôn thất nhà Trần... từ khi có quyền lớn, chưa làm điều gì đại ác.
Quý Ly đột nhiên hỏi:
- Thưa thầy, hiện nay em Đa Phương của con đang làm gì? Con muốn gặp mặt chú ấy.
Cụ Sư Tề chợt thở dài:
- Thầy biết, anh sẽ hỏi câu này. Thầy muốn tránh cũng chẳng được. Âu cũng là mệnh trời. Con cũng thông cảm cho ta. Ta dạy võ, nhưng

ít lâu nay đóng cửa không dạy cho ai nữa. Bởi vì, nay đang bước sang buổi loạn ly. Cuộc loạn ly khác thường. Sẽ chẳng rõ đâu chính, đâu tà. Ta dạy học trò nhưng có lẽ rồi chính lũ học trò của ta sẽ quay lại chém giết lẫn nhau. Thằng Phương con ta, là nghĩa đệ của anh. Trong nghề võ, thằng Phương cũng có chút giỏi giang, nhưng nó lỗ mãng, sức thì nhiều, trí thì ít. Ta đã bàn với nó, hai cha con nên trở về quê, mai danh ẩn tích làm nghề cày ruộng, nhưng nó không nghe. Ta bảo: “Con có sức mạnh, tuy nhiên bây giờ đã đến lúc trí óc mới là quan trọng”. Thằng Phương cãi lại: “Trai thời loạn, nghề võ chính là nghề tiến thân.” Thế rồi, nhân lúc loạn, nó xin vào làm thủ túc cho Trần Ngô Lang...

Quý Lý liền vái cụ Sư Tề:

- Xin thầy cứ yên tâm, có thể đó lại là điều may. Thầy cứ giao em Phương cho con. Thái sư Trần Phủ đã lên ngôi hoàng đế. Người rất tin cậy con. Anh em con sẽ nương tựa vào nhau. Con nhất định sẽ gây dựng được cho em Phương.

Chiều hôm ấy, Nguyễn Đa Phương về nhà gặp Quý Ly. Được người anh nuôi cho biết tình hình, Đa Phương cười to:

- Cha ơi! Thời vận của con đã đến rồi.

Tối hôm ấy, Quý Ly và Đa Phương rì rầm bàn mưu tính kế. Phương nói:

- Trần Ngô Lang kín lắm, khó dò biết được lòng ông ta. Hiện nay ở trong triều, Trần Nguyên Hàng bị Nhật Lễ ghét nhất, nhà ông ta bị bao vây, tính mạng như trứng để đầu đẳng. Nhưng em trai ông ta là Trần Nguyên Uyên lại được Lễ tin cậy, cho làm phó tướng bên dưới Trần Ngô Lang.

- Có phải Nguyên Uyên là người nổi tiếng ăn chơi, đêm nào cũng

rong thuyền với bầy kỹ nữ đàn ca trên Hồ Tây?
- Chứ còn ai nữa? Nhật Lễ chỉ có thể tin cậy những kẻ biết ăn chơi, đi lại du đãng với ông ta từ thuở chưa làm vua. Tôi giúp việc cho Nguyên Uyên. Ông này hơi hở, nhiều khi thốt ra những câu nói động chạm tới Nhật Lễ.
Sau khi bàn bạc, hai người lên Hồ Tây, thuê một chiếc thuyền con, nhằm thẳng nơi có ánh đèn lồng của con thuyền hoa đang rộn rã đàn ca. Đến gần, thấy Nguyên Uyên đang đùa giỡn với mấy cô kỹ nữ. Đa Phương lên tiếng:
- Bẩm phó tướng, tôi mang đến cho người một khách quý
Nguyên Uyên thò đầu ra:
- Ai vậy?
- Bẩm, một lái buôn trầm hương vẫn qua lại Trung Hoa.
Quý Ly lên thuyền, Uyên thấy Quý Ly ăn mặc sang trọng nên có chút kính nể. Các cô gái hát khúc Xuân nguyệt. Lúc ấy, Quý Ly ghé vào tai Nguyên Uyên:
- Tôi có vụ buôn bán lớn, muốn bàn kín với quan phó tướng.
Nguyên Uyên gật đầu. Quý Ly vứt bạc thưởng cho bọn đàn hát.
Uyên bảo họ bơi thuyền trở về. Uyên hỏi:
- Chắc buôn ngà voi hay ngọc trai bị triều đình cấm, nay cần giấy tờ để qua Vân Đồn?
Quý Ly cười:
- Vụ buôn bán này to hơn nhiều!
- To hơn nhiều?
- Phú quý ăn đến cuối đời chẳng hết.
- Tôi không hiểu?
Lúc đó Quý Ly mới rút ở ngực ra lá thư của Nghệ Tôn gửi cho những

người tôn thất. Nguyên Uyên đặt lá thư lên hương án, quỳ lạy rồi nói:
- Trông thấy ông, ta cứ ngờ ngợ. Hoá ra ông là Quý Ly người luôn ở bên cạnh đức vua. Tôi chờ đợi việc này từ lâu. Anh tôi là Nguyên Hàng, vì chống đối Nhật Lễ, đang bị nguy khốn. Ông nói xem bây giờ tôi phải làm gì?
- Trần Ngô Lang ra sao?
- Lòng dạ ông ta cũng như tôi.
- Thế thì mừng rồi?
Hai người nắm chặt tay nhau, rồi tỉ mỉ bàn tính mưu kế suốt đêm trên chiếc thuyền hoan lạc ở giữa Tây hồ.
Ít lâu sau, Nhật Lễ giục Trần Ngô Lang sai quân đi tiễu phạt bọn nổi loạn sông Đà. Ngô Lang cử Trần Nguyên Uyên mang một vạn quân lên trấn Đà Giang. Nhưng toàn bộ cánh quân ấy, đầu hàng và ở lại cùng Nghệ Tôn. Rồi cánh quân thứ hai Đa Phương chỉ huy được gửi đi cũng tiếp tục đầu hàng.
Cho người nào đi, mất người ấy, Nhật Lễ hiểu số phận của mình đã hỏng. Rồi cả dân chúng Thăng Long cũng chạy về quê hết, để lại một kinh thành mênh mông và một ông vua phường chèo cô độc.
Màn kịch vua phường chèo trên sàn diễn cung đình chấm dứt. Nhật Lễ tức giận giết Trần Ngô Lang. Rồi đến lượt Nhật Lễ bị giết.
Trong cuộc phục hưng nhà Trần, đưa Trần Nghệ Tôn lên ngôi, Quý Ly có phần đóng góp nên càng được Nghệ Tôn tin yêu. Chính vì vậy, từ một nhân vật chẳng hề có tiếng tăm, Hồ Quý Ly ít lâu sau đó được phong chức Khu mật viện đại sứ, và bắt đầu bước vào chính trường Đại Việt.
Một hôm, Nghệ Tôn gọi Quý Ly vào cung và hỏi:
- Phu nhân của khanh khuất núi đã được mấy năm rồi?

- Tâu bệ hạ đã tròn 5 năm. Cháu Nguyên Trừng năm nay 8 tuổi, cháu được 3 tuổi khi mẹ cháu qua đời. Khanh có còn nhớ công chúa Huy Ninh, cô công chúa Nhất Chi Mai ấy - Nghệ Tôn mỉm cười. Tâu bệ hạ, lúc nhỏ, công chúa và hạ thần vẫn chơi cùng nhau, là bạn thơ ấu lẽ nào lại quên.

Nghệ Tôn thở dài:

- Khanh biết đấy, trong lũ em đông đúc, ta yêu quý nhất Huy Ninh. Cái cô Nhất Chi Mai ấy vừa đẹp người, vừa đẹp nết, lại có học vấn... Chỉ khổ nỗi đào hoa bạc mệnh. Chồng nó, tôn thất Trần Nhân Vinh vì tận trung với nước bị Dương Nhật Lễ giết chết. Khanh và Huy Ninh vốn quý nhau từ bé... Nay trẫm đứng ra tác thành cho hai người... ý khanh thấy ra sao?

Khỏi cần phải mô tả niềm hạnh phúc của Quý Ly lúc đó Con đường tiến thân đã mở... Nay lại mở thêm con đường hạnh phúc đôi lứa... Điều tuyệt vời là chuyện tình duyên này đã biến thành một huyền thoại văn chương mà người dân Thăng Long vẫn kể cho nhau nghe lúc trà dư tửu hậu.

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Chương 2

Trần Nghệ Tôn chú trọng nhất tới văn hiến. Qua thời Trần Dụ Tôn rồi Dương Nhật Lễ, triều đình không chú ý gì tới chính sự, chỉ lo hưởng

lạc, nên dân rất nghèo và triều chính thì thối nát, tất cả cái cơ nghiệp điêu tàn ấy đổ hết xuống vai Trần Phủ.

Chu Văn An dạy học ở núi Chí Linh, nghe tin đảng giặc đã tan, bọn gian thần xiểm nịnh đều đã chết cả và Thăng Long nô nức đón vua mới Nghệ Tôn, ông thầy già đang ốm cũng khỏe hẳn lại. Ông chống gậy về kinh đô chúc mừng vua mới. Ông thầy già quỳ giữa sân rồng nước mắt đầm đìa sung sướng, Nghệ Tôn lật đật xuống ngai vàng đến đỡ ông dậy. thuở còn là hoàng tử. Ông được thầy Chu dạy dỗ nên vẫn lấy tình thầy trò cung kính với ông:

- Thưa thầy, học trò tài hèn đức mỏng, mới lên ngôi, nếu được thầy dạy dỗ bổ khuyết cho những chỗ non nớt của công việc chính sự...

- Tâu bệ hạ, thần nay đã quá già, lại ốm yếu luôn e không đương nổi công việc. Bệ hạ là người sáng suốt nhân từ, đó là điều đại phúc cho dân. Bệ hạ lại đã trải qua nhiều năm làm quan đầu triều, hiện nay. lại xuất hiện nhiều nhân tài... Thần chỉ mong bệ hạ coi dân như con, cùng chia sẻ vui buồn với dân... lấy vương đạo làm con đường hướng thượng.

- Thưa thầy, học trò xin lấy lời thầy dặn làm châm ngôn chính sự.

Tuy Chu Văn An không ở lại triều mà quay về làng, nhưng câu chuyện vua Nghệ Tôn không lấy lễ vua tôi, mà là lấy lễ học trò đối với thầy ra tiếp đón Chu Văn An đã làm dân Thăng Long nức lòng khâm phục và từ đấy Nghệ Tôn nổi tiếng vua hiền. Khi Chu Văn An ốm tại quê Thịnh Liệt, vua thân hành đến thăm tại nhà. Đó là nghi lễ chỉ dành riêng các đại công thần. Khi chết, lại sai quan tư đồ Trần Nguyên Đán đến dụ tế, tặng thuỵ, rồi có mệnh lệnh cho tòng tự ở Văn Miếu. Tất cả sự trân trọng của Nghệ Tôn đối với Chu Văn An đã làm kẻ sĩ khắp nước phấn khởi. Nghệ Tôn hỏi Quý Ly:

- Khanh nghe ngóng thấy tình hình phục hưng đất nước ra sao?
- Tâu bệ hạ, vừa qua nhà vua xử sự rất trọng thị với bậc danh nho, đã làm phấn chấn các nho sĩ. Ở Thăng Long, những kỳ giảng văn tại Văn Miếu, học trò kéo đến nghe đông nghịt. Ai cũng biết bệ hạ mong người hiền như hạn mong mưa... Tuy nhiên...
- Khanh cứ thật lòng, ý thế nào cứ nói cho hết.
Quý Ly lúc đó đang sung sức, năng nổ. Vị quan trẻ mắt sáng lên nói với vua:
- Thần trộm nghĩ nước ta như cái giếng khơi để lâu năm, dưới đáy có nhiều bùn nhơ lắng cặn...
Quý Ly trong khi nói vẫn chú ý theo dõi sự thay đổi trên nét mặt Nghệ Tôn. Ông thấy vầng trán nhà vua nhíu lại một hồi lâu mới dãn ra. Quý Ly cũng cắn môi, nhưng cuối cùng ông quyết định giáng một đòn sấm sét:
- Thần liều chết xin tâu: Có thể nói, cái giếng cũ toàn một thứ nước tanh tưởi, những nguồn sinh thuỷ, những mạch nước ngầm trong và mát đều đã bị bịt kín. Vừa qua, bệ hạ lên ngôi, đó là trận mưa rào. Nước dâng cao trong lòng giếng. Hiện nay thứ nước mới vừa thơm vừa lành là chính. Thứ nước cũ chở đầy xú khí, nó nặng nề và khôn ngoan nép mình dưới đáy, nhưng rồi đây, mưa rào qua đi, mặt nước phẳng lặng sẽ là dịp cho thứ nước tanh hôi len lén bò lên và hoà vào nước mới. Một tháng, hai tháng, một năm, hai năm... cuối cùng nước mới cũng thành nước cũ...
- Khanh nói khéo lắm! Chuyện cái giếng của khanh ta nghe cũng được đấy. ý khanh thế nào? Phải tát hết nước cũ đi chứ gì? Phải khơi lại các mạch ngầm, các dòng sinh thuỷ. Phải vét hết bùn tanh. Thậm chí phải đào rộng giếng ra, phải khoét sâu xuống lòng đất sét

để tìm ra những nguồn mạch to lớn hơn được đùn lên ào ào từ dòng sông ngầm, dòng sông âm ty bí ẩn dưới sâu mà sức mạnh của nó thì vô cùng dữ dội... Có đúng như vậy không? Hỡi ông em yêu quý của ta? Hỡi ông em đầy táo bạo của ta?

Nghệ Tôn càng nói giọng càng to, càng nói càng làm bật tung những dòng suy nghĩ từ lâu nay Quý Ly vẫn âm thầm nung nấu một mình.

Nghệ Tôn nắm lấy tay em rể:

- Bao lâu nay, khanh đã đưa ra nhiều ý kiến, thú thực, những ý kiến làm ta phải đắn đo. Có ý kiến ta đã bắt đầu cho thi hành, nhưng có ý kiến ta còn cần suy nghĩ. Bởi vì ý khanh muốn phải làm xáo động tất cả, muốn phải chạm tới con sông âm ty hung dữ, ẩn ngầm. Ta biết, sức của con sông ngầm ấy là vô biên, có thể đào núi và lấp biển. Nhưng nó cũng là loài bất kham, có thế dìm cả ta xuống vực sâu...

Quý Ly cảm kích xúc động nắm lấy bàn tay ấm áp của Nghệ Tôn. Ông cũng không ngờ Nghệ Tôn lại có thể hiểu ông đến mức ấy. Quý Ly vốn khôn ngoan mà mức độ, ông nói:

- Thực ra, có nhiều điều thần muốn tâu bày, nhưng trước hết, lúc này thần chỉ xin bệ hạ có một điều hệ trọng nhất.

Nghệ Tôn ngẩng đầu lên, chăm chú bảo:

Khanh cứ nói.

- Đó là điều bệ hạ đã làm một phần với quan tư nghiệp quốc tử giám Chu Văn An. Bệ hạ đã tôn vinh đạo Nho. Tôn vinh đạo Nho chính là khơi nguồn cho cái khí thiêng sông núi tuôn chảy. Khí của núi sông đã ngưng trệ mất bao năm nay. Bây giờ ở nơi hang cùng ngõ hẻm nào cũng chỉ thấy chùa. Chùa quốc tự, chùa danh lam, chùa xã, chùa thôn, chùa đồng, chùa núi... Tiền bỏ ra xây chùa, đắp tượng, giá mà ta khuyên dân dùng để làm trường dạy học thì đất nước ta đâu thiếu

nhân tài. Sư sãi trốn việc quan đi ở chùa, giá mà ta thu dụng lại, cũng đủ lập thành một đạo quân hùng mạnh. Ruộng đất nhà chùa, nếu ta gom lại cũng đủ nuôi hàng chục vạn người nghèo đói manh lệ. Nhưng cái hại nhất của cái tệ chùa sãi tràn lan, đó là tư tưởng yếm thế. Ai ai cũng chỉ lo xuất thế gian đi tìm cực lạc. Dòng khí âm ào ạt chảy thì dòng sinh khí hạo nhiên của núi sông phải ngưng trệ. Dòng từ bi miên trường sẽ làm lòng người dân mềm yếu hết sức đối kháng. Kẻ ngoại bang lăm le nhòm ngó, ta biết lấy gì để chống đỡ non sông.

***

Nghệ Tôn là người thuần hậu, chăm chỉ. Nghe Quý Ly nói, ông hiểu đất nước đang có rất nhiều vấn đề cần phải chỉnh đốn, thay đổi, mà phải thay đổi đến tận gốc rễ. Tuy nhiên, ông không muốn làm, ông sợ nhiễu sự. Ông muốn mọi việc cứ được giải quyết theo nề nếp tổ tông. Cái nề nếp từ thời nhà Trần đang thịnh trị của Thánh Tôn, Nhân Tôn, Anh Tôn... mà Chu Văn An đã dạy ông và gọi đó là vương đạo. Ông vua phải là khuôn mẫu của con người hiền, nhân từ, thương dân, không bày vẽ thêm việc cho người dân thêm khổ. Ông ban yến cho người già, phát chẩn cho người nghèo, trân trọng với kẻ sĩ, chăm sóc đề bạt đối với hoàng thân quốc thích... Và triều đình trong ba năm cai trị của ông mọi việc đều suôn sẻ thật. Mưu sâu kế lạ ư? Ông đã có Quý Ly sát cánh làm chân tay thủ túc, người em rể của ông đã được phong Trung Tuyên Quốc thượng hầu. Việc gì ông sai làm, Quý Ly đều làm tròn rất chu đáo. Công việc triều chính khó khăn ư? Ông đã có Cang Chính Vương Trần Sư Hiền, và Tư đồ Trần Nguyên Đán phò tá, nhất là Nguyên Đán, con người đức độ và trầm tĩnh. Việc khó đến đâu vào tay ông ta cũng được giải quyết thấu đáo

và nhẹ nhàng, cứ tưởng như với ông Đán không có việc gì được gọi là khó. Còn việc quân sự, ông giao hết vào tay Phủ quân tướng quân Trần Nguyên Uyên. Con người này thật tài hoa. Luôn luôn thấy ông treo đèn kết hoa, thả chiếc du thuyền ở Hồ Tây, cùng với một bầy kỹ nữ đàn hát thâu đêm. Có lần Nguyên Uyên mở tiệc mời Hàn lâm học sĩ Hồ Tông Xác, Ngự Câu vương Trần Húc, con cả Nghệ Tôn và Hồ Quý Ly.

Tiệc đêm trên thuyền hoa Tây Hồ. Hồ Tông Xác giỏi làm thơ. Riêng đêm ấy làm một trăm bài thơ. Sáng hôm sau, Trần Húc về cung hoàng tử, Nghệ Tôn mắng:

- Ngươi chỉ biết chơi bời. Không nhớ tới mấy năm loạn lạc vừa qua hay sao?

Những năm đó dân Thăng Long kính trọng những người có văn tài, nhất là những người làm thơ giỏi. Ngự Câu Vương Húc được Hồ Tông Xác nhận là bạn thơ, lại được tướng quân Nguyên Uyên xếp vào hàng tài tử, sành điệu đàn câu hát. Cái thi xã uống rượu ngâm thơ của họ trên Hồ Tây được nhân dân kinh đô gọi là thi xã Vân Yên (mây khói). Ngự Câu Vương Húc bị cha mắng, nhưng lại rất vui trả lời:

- Phụ vương ơi! Mắng con làm gì. Bận trước, chú Quý Ly tâu với cha về việc quân sĩ Thăng Long trễ nải việc canh phòng, và chú Nguyên Uyên hay rượu chè ca hát trên Hồ Tây, cha nói rằng: “Không có người đàn địch hát ca như vậy, sao gọi là đời thái bình”. Vả lại, chính quan tư đồ Trần Nguyên Đán cũng viết những vần thơ:

Trung hưng văn vận vượt đời xưa,
Thời thịnh, muôn dân ngợi hát ca.
Tướng võ quan hầu đều biết chữ,

Thợ thuyền, thư lại cũng làm thơ...

Quả là ba năm trung hưng nhà Trần của Nghệ Tôn, đất nước Đại Việt vô sự, lại không đói kém mất mùa có cơ hưng thịnh. Đúng như câu thơ của Nguyên Đán: “Triệu tính âu ca lạc thịnh thì” (Triệu người dân hát lên ngợi ca thời thịnh trị). Nhưng đúng đến năm thứ ba thời Nghệ Tôn, bắt đầu có biến. Mẹ Nhật Lễ vua phường chèo, là Dương Thị, sau khi Lễ bị giết, liền chạy sang Chiêm Thành cầu cứu. Vua nước Chiêm mới nổi lên lúc đó là Chế Bồng Nga là người tài giỏi, có nhiều tham vọng. Tuy nhiên, Chế vẫn còn gờm. Nay, nghe Dương Thị sang cầu cứu, Chế nghĩ Đại Việt đã đến hồi suy yếu. Chế Bồng Nga là con người mưu lược, táo bạo. Lần này là lần đầu tiên, Chế đem một đạo quân tinh nhuệ đánh thẳng vào đồng bằng sông Hồng. Ông theo cửa Đại An tiến vào sông Hồng. Tháng ba, thuyền của ông tiến sát đến kinh đô. Chưa biết được tường tận thực lực của Thăng Long, Chế sợ rơi vào phục kích, nên chỉ chờ đội du binh thiện chiến đi thuyền nhẹ đang đêm lọt vào kinh đô, cướp của cải bắt đàn bà con gái, rồi lại rút ngay ra sông Cái cùng đại quân, trống dong cờ mở trở về thành Đồ Bàn, khuếch trương trận đánh thắng Đại việt đầu tiên để làm nức lòng tướng sĩ Chiêm Thành.

***

Đang đêm, nghe tin quân Chiêm Thành đã lọt vào Thăng Long, Nghệ Tôn rụng rời, không hiểu sao giặc đến nhanh như vậy. Cung Tuyên Vương Trần Kính đến trước long sàng tâu:

- Tính mệnh vua một nước là tối hệ trọng, xin bệ hạ tạm trốn sang Đông Ngàn, còn việc bảo hộ kinh đô hạ thần xin liều thân cáng đáng.

Nghệ Tôn gạt nước mắt, chia tay em trai, lên thuyền rồng vào sông Thiên Đức, có Quý Ly dẫn quân đi hộ giá. Ba hôm sau, khi quân

Chiêm rút, ông lại quay về Thăng Long. Vua hỏi riêng Quý Ly:
- Hiện nay, khanh thấy mặt Bắc hay mặt Nam nước ta đáng lo ngại hơn?
- Tâu đức vua, nhà Minh phương Bắc, đông hơn ta, mạnh hơn ta gấp mười lần; còn Chiêm Thành phương Nam nhỏ hơn, yếu hơn, chỉ bằng nửa quân ta. Nhưng hiện nay, mặt Bắc là mối lo hàng đời, còn mặt Nam lại trở thành mối lo hàng ngày, nhất là từ khi Chế Bồng Nga lên ngôi.
- Chế là người thế nào?
- Một ông vua kiệt hiệt!
- Còn ở nước ta, khanh xem ta có kiệt hiệt không?
Quý Ly ngẫm nghĩ một lúc:
- Bẩm, bệ hạ là đức vua nhân từ văn hiến, nhưng không vũ dũng. Tuy nhiên nếu nhà vua có trong tay tướng giỏi thì vua văn nhã sẽ trở thành kiệt hiệt...
Nhà vua cười:
- Tướng quân Nguyên Uyên ra sao?
- Ông ấy chỉ làm tướng lúc thời bình được thôi.
- Còn Cung Tuyên Vương Trần Kính.
- Ông ấy là tướng kiệt hiệt.
- Sao ngươi nói em ta kiệt hiệt?
- Xem như trận Chế Bồng Nga nhập Thăng Long vừa rồi lúc nguy cấp Cung Tuyên Vương không hề rối loạn. Lại biết sắp đặt ngay thuỷ binh, hướng đông chặn địch ở bến đông, ngăn chặn không cho giặc vào sông Tô Lịch; hướng nam chặn địch lẻn vào theo Đại Hồ. Quả nhiên dụ binh của giặc đã vào Đại Hồ đến phường Phục Cổ, thấy ta đã bố trí thế trận, chúng vội rút lui...

Nghệ Tôn gật đầu:

- Khanh nói rất hợp ý ta. Cung Tuyên Vương Trần Kính, em trai ta, là con người kiệt hiệt. Còn ta, chỉ là một con người nhân từ. Mà lúc này, Đại Việt hơn bao giờ hết, đang rất cần một ông vua kiệt hiệt, chứ không cần một ông vua nhân từ.

Tháng ba năm Tân Hợi xảy ra vụ Chế Bồng Nha nhập Thăng Long, đến tháng mười một năm ấy, Nghệ Tôn nhường ngôi cho em trai là Trần Kính. Kính lên ngôi vua, xưng là Duệ Tôn hoàng đế, và Nghệ Tôn lên làm Thái thượng hoàng, nhân dân vẫn gọi vắn tắt là Nghệ Hoàng.

Duệ Tôn lên ngôi, mang nặng trên vai trọng trách non sông mà ông anh Nghệ Tôn đã suy ngẫm, tự thấy mình không thực hiện được. Nghệ Tôn đã chuyển đổi ý nghĩ muốn dùng cứng trị cứng. Chế Bồng Nga quyết tâm chống lại Đại Việt, và Đại Việt cũng phải quyết tâm tiêu diệt họ Chế. Trước kia, họ Chế chỉ thường xuyên đem quân ra quấy rối vùng Tân Bình và Thuận Hoá, nhưng tình thế nay đã hoàn toàn đổi khác. Chế Bồng Nga đã dám mang quân ra đánh vào Thăng Long, tuy trận chiến chỉ chớp nhoáng, mang tính chất thăm dò, song ý định của họ Chế đã hoàn toàn rõ ràng; Chế Bồng Nga đã nhận thấy Đại Việt đang rơi vào thế suy yếu, trong nước đầy rẫy tham nhũng, nổi loạn, tranh chấp. Các tướng sĩ, không có bộ mặt nào tài giỏi. Đỗ Tử Bình được giao nhiệm vụ trấn thủ Tân Bình, Thuận Hoá, thì mới được quân Chiêm đút lót cho vài mâm vàng đã hí hửng nhận ngay, lại còn tâu lời dối trá về triều đình nhà Trần, nói rằng nước Chiêm vẫn yên vị phiên thần, không có bụng dạ chống lại nhà Trần. Nhờ có Tử Bình báo cáo láo, nên họ Chế đã có thời gian xây dựng quân đội và tập dượt tấn công. Người Chiêm trước kia rất yếu kém chiến sự

xung trận chỉ biết chạy như vịt; Chế Bồng Nga đã kích thích sự gan dạ của họ bằng cách luyện tập kỹ càng binh lính, rồi dẫn họ vào những cuộc tấn công nhỏ và gần. Họ Chế tự mình dẫn đầu những đội quân tinh nhuệ đánh vào những thành luỹ nhỏ ở Tân Bình, Thuận Hoá, nơi đó vốn có những người Việt gốc Chiêm làm nội ứng đã báo cho quân Chiêm biết rõ nội tình. Nhờ vậy, quân Chiêm lần nào cũng thắng, lần nào cũng mang về thành Đồ Bàn nhiều chiến lợi phẩm, nào gái đẹp, nào vàng bạc, nào lụa là... Chế Bồng Nga cho trưng bày những chiến lợi phẩm, còn gái đẹp đem phân phát cho tướng sĩ quan quân làm vợ, làm hầu thiếp, vàng bạc thì đem khao thưởng một nửa, còn một nửa xung kho chờ khi đánh tan Đại Việt sẽ cho xây dựng một tháp lớn có tượng vàng, có đồ tế khí lộng lẫy để cúng dường các thần linh tiên tổ.

***

Trong lúc người Chăm Pa ráo riết chuẩn bị phục hưng đất nước, người Đại Việt bắt buộc cũng phải thay đổi sách. Trước đây, gần một thế kỷ, đối sách của người Việt đối với Chăm pa là mềm dẻo, hoà hoãn và ngoại giao. Chính sách hoà bình Chiêm - Việt này bắt đầu từ sự đồng cảm giữa hai nước khi cả hai cùng bị quân Mông Cổ xâm lược. Hai vị vua trẻ anh hùng Chiêm Việt là Chế Mân và Trần Nhân Tôn đều kiên quyết đánh giặc Nguyên, không chịu đầu hàng. Sau khi đánh Mông Cổ xong. Trần Nhân Tôn đi tu Phật theo hạnh đầu đà đã chân đất hành cước đến kinh đô Đồ Bàn của Chàm Pa và hứa gả Công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm. Sự kết giao bằng hôn phối mang tinh thần từ bi Phật giáo, muốn qua đó hoá giải hoàn toàn thù oán giữa hai dân tộc.

Lúc Nghệ Tôn truyền ngôi cho em là Duệ Tôn. Ông nói:

- Ta đọc sách Tam lược của Hoàng Thạch Công thấy có câu: “Mềm mãi, yếu mãi thì nước sẽ bị chiếm. Cứng mãi, mạnh mãi, thì nước ắt phải vong”. Đêm nạm vạt tay lên trán, ta tự thấy mình chỉ là kẻ mềm yếu. chỉ biết mềm mà không biết cứng. Nay em là con người quyết đoán, cương nghị. Nghĩ rằng lúc này nhu phải nhường bước cho cương, mới là kế vẹn toàn muôn đời cho non sông xã tắc.

Duệ Tôn vâng lời anh lên ngôi vua với hào khí ngút trời. Duệ Tôn cũng là con một bà phi họ Lê của Minh Tôn. Hai bà Phi họ Lê một bà sinh ra Nghệ Tôn, một bà sinh ra Duệ Tôn đều là cô ruột Lê Quý Ly, do vậy khi Duệ Tôn lên ngôi. Quý Ly càng được sủng ái hơn. Nhất là tính khí hai người có nhiều phần giống nhau: quyết liệt và táo bạo.

Duệ Tôn nói với Quý Ly:

- Ta đọc sử nước Đại Việt thấy hoàng đế Lê Đại Hành khi xưa đã thân chinh đi đánh Chiêm Thành, tự làm tướng, chém đầu vua nước đó là Phế Mị Thuế, bắt sống được binh sĩ không biết bao nhiêu mà kể. Sau này vua Thánh Tôn nhà Lý cũng như vậy. Ta nay há chẳng nên theo gót tiền nhân hay sao?

Thượng hoàng Nghệ Tôn, từ khi nhường ngôi, về an dưỡng tuổi già ở cung Trùng Hoa phủ Thiên Trường, nhưng mọi việc chính sự đều theo dõi sát sao thông qua khu mật đại sứ Quý Ly. Duệ Tôn cũng rất thích sự thông minh táo bạo của người em rể, nên phong cho Quý Ly chức tham mưu quân sự, nhất nhất mọi sự đều bàn với Quý Ly. Viên tham mưu quân sự nói:

- Thượng Hoàng (Nghệ Tôn) là người thông hiểu sách của trăm nhà. Người thường nhắc: “Tri kỳ hùng, thư kỳ thư”. Biết như con trống, nhưng phải giữ cái vẻ như con mái. Người luôn nói nhu nhược thắng cương cường. Người chủ trương nhu, nhưng từ hồi Chế Bồng Nga

xâm phạm kinh sư, người đã nghĩ đến chủ trương cương. Do vậy người đã nghiền ngẫm cuốn Tam lược của Hoàng Thạch Công. Hoàng Thạch Công thầy của Trương Lương là một đạo sĩ cũng theo thuyết Hoàng Lão. nhưng có một chút khác người xưa. Đó là ông vừa chủ trương nhu vừa chủ trương cương. Lúc cứng lúc mềm, lúc văn lúc võ, sự luân phiên tuỳ thuộc tạo ra cái thế hài hoà thắng lợi, đó là bí quyết của họ Hoàng vậy Chẳng thuần cương mà cũng chẳng thuần nhu...

Duệ Tôn nghe Quý Ly giảng giải, trong lòng rất ưng, liền hỏi:

- Thế nào là chẳng thuần cương, chẳng thuần nhu?

- Chẳng thuần cương: ví dụ như trong lúc chuẩn bị việc quân sự, ta vẫn chú ý tới việc văn hiến, vỗ về dân chúng. Chẳng thuần như: ví dụ như ta đưa dân vào nề nếp kỷ cương, làm sổ hộ khẩu để biết thực lực số người trong nước, chuẩn bị lương thực, khuyến khích nghề võ, chiêu binh mãi mã, không cứ sang hèn ai tài giỏi thì được làm tướng...

Duệ Tôn mừng rỡ, mọi chính sách đều nghe theo Quý Ly.

Vua xuống chiếu cho dân không được mặc quần áo bắt chước người phương Bắc, không được hát xướng ăn nói bắt chước người Chiêm Thành.

Lại cho mở khoa thi tiến sĩ, lấy Đào Sư Tích đỗ trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đỗ bảng nhãn và Trần Đình Thâm đỗ thám hoa. Ngoài ba người trên cho đỗ hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ. Nhà vua mở tiệc ban yến, ban mũ áo cho các tiến sĩ. Rồi cho ba vị đỗ đầu cưỡi ngựa đi chơi phố phường Thăng Long ba ngày. Lần đầu tiên có lệ rước tiến sĩ ở nước ta. Dân Thăng Long nô nức đi xem mặt các tiến sĩ. Thật là ngày hội chưa từng có. Người dân nức nở: “Vua hiền lại

xuất hiện ở nước ta rồi. Thời hỗn loạn thế là đã qua?”.
Song song với những chuyện đó, Duệ Tôn cho thí võ tuyển binh ở khắp các bộ phủ trong nước. Người khỏe mạnh xung vào đội Lan đô. Trước kia chỉ có quân túc vệ Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần. Ở các địa phương bao giờ có biến đều nhờ vào quân đội riêng của các vương hầu ở các vùng. Ngày nay, Quý Ly cho tuyển các đội quân riêng cho các quan binh địa phương như đội Thiên Trường, ý Yên, Bắc Giang, Thanh Hoá, Nghệ An, Hoá Châu, Tân Bình... Các đội quân này đều đặt quân hiệu. Hơn nữa, các vị tướng chỉ huy đều do thi tuyển mà ra. Trước kia, muốn làm tướng hiệu, người ta bắt buộc phải là tôn thất; ngày nay, vua xuống chiếu chọn các quan viên người nào có tài năng, luyện tập nghề võ thông hiểu thao lược, thì. bất cứ sang hèn, ai giỏi đều cho làm tướng coi quân.
Nhờ có chính sách rộng rãi tích cực như vậy, nên người trong nước nô nức đầu quân, chỉ trong vòng một năm, Đại Việt đã có trong tay gần hai chục vạn quân bừng bừng khí thế.
Nghe tin Đại Việt tích trữ lương thảo sửa soạn binh mã chiến thuyền sắp sửa đem đại quân vào đánh thành Đồ Bàn, vua Chiêm bàn với La Ngai là tướng thân tín:
- Trận đại huyết chiến Chiêm - Việt sắp xảy ra. Trận này cực kỳ hệ trọng. Vận mệnh của hai nước nằm trong trận này, kẻ nào thua sẽ hoàn toàn mất thế thượng phong, sau này sẽ khó mà ngóc đầu lên được.
La Ngai nói:
- Theo tin mật báo, trận này Đại Việt sẽ tung hết lực lượng, đem hơn chục vạn quân vào, dùng số đông đè bẹp quân số nhỏ bé của ta.
- Họ có số đông nhưng cũng có nhiều nhược điểm. Thứ nhất, không

thông thuộc địa thế nước ta. Thứ hai, quân của họ mới thành lập, quân sĩ phần lớn chưa tham gia chiến trận. Thứ ba, vua nước họ là người kiêu ngạo,...

- Đỗ Tử Bình quan hành khiển Đại Việt trấn thủ Châu Hoá là kẻ tham bỉ - La Ngai nói - Ta có thể dùng vàng bạc lung lạc hắn.

- Trẫm thấy ý của nhà ngươi rất hay. Hãy đem mười mâm vàng đến gặp Bình, để hắn tâu với vua nước Việt rằng người Chiêm nghe tin chinh phạt của Đại Việt rất lo sợ, rằng người Chiêm không có lòng dạ chống lại quân Việt. Làm như thế để tăng lòng kiêu ngạo sơ hở của đối phương. Ngoài ra, phải cấp tốc chuẩn bị đề phòng. Một trăm năm trước đây, quân Mông Cổ do Toa Đô chỉ huy thiện chiến hung ác đến thế, vua Chế Mân còn chả chịu khuất phục, huống hồ đám binh lính Đại Việt hữu danh vô thực này, ta há chịu thua ư? Ta sẽ chuẩn bị làm kế thanh dã, khi giặc đến, dân chúng sẽ trốn hết lên rừng...

Đỗ Tử Bình nhận mười mâm vàng của Chiêm Thành, liền ỉm đi làm của riêng, sau đó làm mật tấu về triều, nói rằng quân Chiêm vẫn thường xuyên quấy rối Hoá Châu, và nói năng rất nhiều điều vô lễ với Đại Việt, Tử Bình xin vua Duệ Tôn đem quân đi chinh phạt, để vứt bỏ hẳn mối hoạ phương Nam. Tử Bình còn nói thực lực quân Chiêm không có gì, chẳng qua vua tôi Chiêm chỉ là lũ giặc cỏ.

Qua tờ mật tấu của Đỗ Tử Bình. triều đình Việt dấy lên hai luồng ý kiến: một ý kiến cho rằng trừng phạt Chiêm Thành là cần thiết nhưng chỉ nên cử một viên tướng đi là đủ; ý kiến thứ hai cho rằng cần phải đè bẹp hoàn toàn sự chống cự của Chế Bồng Nga, muốn vậy, đức vua Duệ Tôn cần phải thân chinh cầm quân di dẹp giặc. Cần phải làm mạnh mẽ như Lê Đại Hành hoàng đế và Lý Thánh Tôn hoàng đế khi xưa, nghĩa là đem đại quân đánh thẳng vào thành Đồ Bàn.

Đứng về phía ý kiến thứ nhất, có Trương Đỗ, quan ngự sử là người can ngăn quyết liệt nhất. Đỗ dâng sớ:

Chiêm Thành trái lệnh, tội ấy giết chết cũng chưa đáng, song ở cõi Tây xa lánh, núi sông hiểm trở, nay bệ hạ mới lên ngôi, chính hoá chưa thấm nhuần đến phương xa, nên sửa văn đức cho họ tự phải phục. Nếu không theo, sẽ sai tướng đi đánh cũng chưa muộn gì.

Đỗ dâng sớ ba lần, Duệ Tôn cũng không nghe. Ngự sử đại phu liền treo mũ từ quan: trở về quê cũ là phường Cơ Xá Nghi Tàm, làm nghề trồng hoa, chịu sống thanh bạch nghèo túng. Việc làm của tiến sĩ Trương Đỗ gây tiếng vang lớn trong triều đình.

Việc can ngăn của Đô lan sang cả bà phi Bích Châu là người đàn bà thục hạnh được vua Duệ Tôn rất yêu. Bích Châu hay chữ có bài văn "Kê Minh thập sách" khuyên nhủ nhà vua rất nổi tiếng đương thời. Đọc xong bài sách Kê Minh, vua Duệ Tôn gõ mạnh vào chiếc phách gỗ, rồi cười ha hả: "Không ngờ một người đàn bà mà lại thông tuệ đến thế! Thật là một từ phi ở trong cung của trẫm vậy?" Nay, nghe tin nhà vua muốn đi đánh Chiêm Thành, triều thần can ngăn không được, bà Bích Châu liền viết một bài biểu dâng lên. Bài biểu viết:

- Thiếp trộm nghĩ, rợ Hiếu Doãn ngang tàng quá lắm, từ trước quen thân; rợ Hung Nô kiệt hiệt gớm ghê, đến nay càng tệ. Vì cướp bóc là cái thói thường của lũ man di, mà dùng binh không phải ban tâm của người vương giả. Nước Chiêm Thành nhỏ xíu ở nơi hải đảo, năm xưa kéo quân vào sông Nhị Thuỷ, nhóm thấy nước ta bất hoà; khi ấy tiếng trống ran ngoài biển chỉ vì lòng dân ta chưa an, cho nên chúng dám tung đàn ruồi nhặng múa ngoài bãi cỏ, có khác nào dơ cây bọ ngựa ngăn xe. Nhưng thánh nhân rộng lượng bao dung, không thèm so sánh. Việc trị đạo, trước gốc sau ngọn, xin nghỉ binh cho dân

chúng yên hàn, trị cái rắn nên dùng cái mềm, hàng phục chúng nên cốt ở đức... “

Lý lẽ trong bài biểu ngăn vua đi đánh Chiêm Thành thật cứng cõi, có tình có lý. Nhưng Duệ Tôn, từ khi lên ngôi vua đã được bốn năm, trong bốn năm ấy trí óc nhà vua lúc nào cũng chỉ chăm chăm muốn làm cho Đại Việt được cường thịnh; và việc biểu hiện ý chí ấy không gì khác hơn là chuyện đè bẹp Chiêm Thành. Vua Nghệ Tôn chưa làm được việc ấy mới giao lại ngôi báu cho ông, chẳng lẽ ông lại phụ lòng người anh tốt bụng đó sao. Chẳng lẽ, chỉ vì một vài lời can ngăn của những con người thiển cận, ông lại dễ dàng từ bỏ cái chí lớn đau đáu trong lòng suốt mấy năm ròng hay sao? Nghĩ mãi, cuối cùng ông tìm ra được một cách để quay trở lại thuyết phục triều đình. Ông cho vời Sử Văn Hoa vào cung. Lúc đó, ngoài việc viết sử, Sử Văn Hoa còn rất nổi tiếng về tài đoán số, nhất là đoán mộng. Vua Duệ Tôn bảo Sử:

- Đêm qua, trẫm mơ một giấc mơ thật là kỳ lạ. Sau đó suốt đêm không tài nào ngủ lại được. Cứ trằn trọc nghĩ mãi, chẳng biết hung mộng hay là cát mộng. Ta nóng lòng chờ cho chóng sảng để gọi khanh vào giải mộng.

Sử nhìn vào đôi mắt Duệ Tôn, thấy đôi mắt long lanh ánh sáng, lại thấy tròng mắt có sắc đỏ, biết Duệ Tôn có niềm ưu tư thực sự, thầm nghĩ: “Phen này ta gặp rắc rối mất thôi. Đoán mộng cho bậc quân vương, đâu phải chuyện chơi. Chiều theo ý người ta cũng không được. Nói thẳng băng cũng dễ mất mạng như chơi. Chẳng hiểu ông ta định dùng phép giải mộng của mình để làm trò điều khiển chính trị, hay thực lòng ông ta muốn dự đoán tương lai?”. Sử liền dùng kế hoãn binh:

- Đoán mộng muốn cho chính xác, cần phải tĩnh tâm trai giới. Thần xin phép bệ hạ được tắm gội sạch sẽ bằng nước thơm trước khi đánh bạo tâu bày trước bệ Duệ Tôn chuẩn tấu.
Sử Văn Hoa vội về nhà tắm nước lá chanh lá bưởi. Trong khi ngồi bên nồi nước thơm bốc ngói nghi ngút, ông suy ngẫm và đầu óc sáng ra. Ông chợt hiểu Duệ Tôn muốn gì ở mình. Khi Sử trở vào cung, Duệ Tôn kể giấc mộng:
- Đêm qua, ta mơ gặp một cơn giông bão rất to. Lúc đó, bầu trời sầm xịt. u tối. Có một người đầu đội mũ kim khôi, mình mặc giáp trụ xăm xăm đi đến trước mặt ta. Nhìn kỹ hoá ra Chế Bồng Nga. Ta và Chế liền xông vào nhau vật lộn dữ dội. Vừa vật nhau, vừa hò hét, quyết một phen còn mất. Rồi cuối cùng, ta bị ngã. Chế Bồng Nga cũng ngã theo. Chế Bồng Nga nằm đè lên ta. hắn cắn vào vai ta. Còn ta thì ngẩng mặt lên trời, và nghiến răng dùng hết sức hai tay bóp cổ nó. Vừa đến lúc đó, ta bỗng choàng tỉnh giấc, mồ hôi vã ra khắp người, tỉnh dậy mà vẫn còn thở hồng hộc. Sử Văn Hoa, ngươi nổi tiếng có tài giải mộng. Thử đoán xem đó là hung mộng hay cát mộng?
Sử Vàn Hoa lạnh toát chân tay, im lặng ngồi nghe Duệ Tôn kể mộng. Ông ngẫm nghĩ hiểu ngay đó là giấc mộng điển hình đã được ghi chép trong sách “Mộng Kinh”. Cả sách sử cũng ghi lại mấy giấc mộng này. Người nào chỉ có sơ học về phép giải mộng cũng thuộc lòng chuyện này. Sách chép rằng:
“Năm Hy Công thứ 28, Tấn Vương nằm mơ thấy mình đánh nhau với Sở Vương. Sở Vương nằm đè lên Tấn Vương và cắn vào ngực Tấn Vương. Vua Tấn tỉnh mộng lấy làm kinh sợ. Tử Phạm đoán mộng nói ráng Tấn Vương đã gặp mộng lành. Bởi vì tuy Sở Vương nằm đè ở trên nhưng mặt lại nhìn cúi xuống đất, đó là động tác của kẻ quỳ lạy.

Còn Tấn Vương lại ngẩng mặt nhìn lên trời, đó là tư thế của kẻ chiến thắng".

Sử Văn Hoa biết Duệ Tôn là người thông minh. Có lẽ ông ta muốn dùng uy tín của Sử Văn Hoa để tuyên truyền cho sự tất thắng Chế Bồng Nga của ông, buộc triều đình phải tin tưởng vào sự thân chinh tiễu phạt Chiêm Thành của ông.

Tuy nhiên. Sử Văn Hoa lại quỳ lạy và tâu với vua Duệ Tôn:

- Tâu bệ hạ, mộng này là mộng dữ.

Duệ Tôn đứng phắt dậy:

- Khanh nói lại đi. Cớ sao là hung mộng? Ta không tin! Ta không tin!

Sử Văn Hoa vẫn quỳ rạp. không dám ngẩng đầu:

- Tâu bệ hạ, giấc mộng giống hệt giấc mộng Tấn Vương và Sở Vương đánh nhau. Tuy nhiên vẫn có một điều rất khác.

- Thế nào là khác? Vô lý! Cả hai giấc mộng đều giống hệt nhau. Tấn Vương và ta đều ngẩng mặt nhìn lên trời. Còn Sở Vương và Chế Bồng Nga cả hai đều úp mặt xuống đất...

Lúc này, Sử Văn Hoa mới ngẩng đầu lên:

- Tâu bệ hạ, đó chính là điều kỳ bí của phép giải mộng.

- Ngươi thử chỉ ra cho ta xem, cái kỳ bí đó ở đâu? Nếu không đúng, coi chừng cái đầu trên cổ ngươi đó.

- Thưa, ở chỗ lúc bệ hạ ngẩng mặt lên trời, thì bầu trời tối tăm u ám. Bệ hạ đã nói: "Lúc đó, bầu trời sầm xịt u tối," Điềm hung chính ở chỗ đó. Mầu đen thuộc về âm, âm thuộc về đất. Vậy, nhìn lên trời khác gì nhìn xuống đất. Chế Bồng Nga nhìn xuống đất, cả bệ hạ cũng nhìn xuống đất. Điều đó chỉ ra rằng cả hai bên đều tan nát đau khổ...

- - Không đúng? Ngươi chỉ là kẻ học trò mặt trắng, dùng lời bẻm mép làm rối lòng tướng sĩ của ta trước khi lên đường ra trận. Ta quyết

không thể tha cho ngươi.
Bà quý phi Bích Châu lúc đó có mặt, bèn quỳ xuống xin tội cho Sử Văn Hoa:
- Cúi xin bệ hạ nguôi cơn thịnh nộ. Bệ hạ cầu người đoán mộng. Kẻ sĩ đoán có chỗ lạ đời, nhưng thực ra thế mới là giải mộng. Ông ta là người trung mới dám nói thẳng. Con người như vậy thực đáng quý.
Ngày hôm sau, Duệ Tôn mới nguôi cơn giận. Ông gọi Sử Văn Hoa đến và bảo:
- Ta muốn biết lời đồn đại của thiên hạ về ngươi có thực hay không. Đúng ra, không phải là giấc mơ. Ta mượn giấc mơ xưa, nói thác là mơ, chứ bình sinh, chưa bao giờ ta mộng mị.
Sử Văn Hoa nói:
- Tâu bệ hạ. tuy chưa phải giấc mơ, nhưng thực ra lại là mơ. Bởi vậy, khi bệ hạ thốt thành lời đã buột miệng nói ra: “Lúc đó trời xám xịt, u tối”. Câu nói đó chính là giấc mộng. Con người ta có thể đang thức mà vẫn mơ. Cúi xin bệ hạ lưu tâm xem xét đến lời giải mộng của kẻ hèn mọn này.
Duệ Tôn im lặng, xua tay ra hiệu cho Sử Văn Hoa lui ra.
***
Mặc những lời can ngăn, cuộc hành quân bình Chiêm mà Duệ Tôn trù tính vẫn được gấp rút chuẩn bị. Tháng tám vua xuống chiếu cho dân Thanh Hoá, Nghệ An, Diễn Châu tải 5 vạn hộc lương đến Châu Hoá. Lại sai Lê Quý Ly đi dốc xuất Nghệ An, Tân Bình. Thuận Hoá có đủ thuyền bè để tải lương cấp cho quân.
Tháng chạp năm ấy, vua Duệ Tôn thân chinh mang mười hai vạn quân đi đánh Chiêm Thành. Ngày xuất quân vua làm lễ tại Thái miếu. Thái thượng hoàng Nghệ Tôn từ phủ Thiên trường về kinh đô tiễn

em trai lên đường. Duệ Tôn nói với thượng hoàng:
- Xin hoàng huynh yên tâm ở nhà coi việc nước. Trẫm ra đi chuyến này quyết phá tan giặc nước, toàn thắng mới trở về.
Vua ngồi thuyền rồng xuôi theo sông Hồng. Đoàn chiến thuyền có trống thúc quân, cờ xí rợp cả một quãng sông dài. Dân Thăng Long đứng kín trên đê reo hò tiễn quân đi.
Lại nói đến bà quý phi Bích Châu, từ khi ngăn vua chinh chiến không được, đã ăn ngủ không yên, bỏ cả trang điểm, thân hình gầy héo, nhà vua rất lấy làm thương xót. Khi nhà vua sắp lên đường, Bích Châu van nài xin vua được đi theo quân đội. Nàng nói:
- Đạo vợ chồng là trọng. Nay nhà vua vì dân vì nước, đem thân vàng ngọc ra chốn xa trường, thiếp không thể yên tâm ngồi nhà, xin được đi theo để ngày đêm hầu hạ, mong giúp nhà vua được phần nào yên tâm, lo việc lớn. Xin bệ hạ cho thần thiếp giữ được vẹn đạo phu thê.
Nghe quý phi nói, nhà vua lấy làm cảm động, bèn chuẩn tấu.
Đoàn chiến thuyền ra khỏi cửa Đại An, men theo bờ biển Thanh Hoá đến Nghệ An. Thật không may, năm ấy đến tháng chạp còn bão muộn. Đoàn thuyền đến cửa biển Kỳ Hoa (nay là huyện Kỳ Anh) thì trời nổi cơn giông bão. Sóng to, gió lớn. Suốt ngày đêm quân sĩ vật lộn với giông bão. Vài chiếc thuyền bị sóng dồi va phải đá chìm nghỉm xuống biển. Vua Duệ Tôn rất lo lắng. Chẳng lẽ chỉ vì một trận bão mà kế hoạch to lớn của ông sụp đổ tan tành hay sao. Đêm hôm ấy, trong cơn giông bão, vua nửa mê nửa tỉnh, thấy thần biển hiện lên, đòi nhà vua gả cho một cung phi làm vợ, sẽ làm yên bão biển. Vua tỉnh dậy, thắp đèn ngồi thở dài.
Nàng Bích Châu hầu hạ bên vua, bèn hỏi nguồn cơn. Vua kể lại giấc mộng. Nàng liền quỳ xuống:

- Thần thiếp từ khi vào cung, được bệ hạ sủng ái, ơn ấy chưa biết lấy gì báo đáp. Nay, quân sĩ gặp nạn, thần thiếp xin hy sinh để nguôi cơn giận của thần biển... Thiếp chỉ cầu xin sau khi thiếp chết, bệ hạ hãy sửa văn, nghỉ võ, tìm dùng người hiền, làm điều nhân nghĩa, nghĩ kế lâu dài cho trăm họ...

Nói xong, nàng Bích Châu ra đầu thuyền rồng, nhẩy xuống biển. Sáng hôm sau, quả nhiên biển yên sóng lặng. Vua Duệ Tôn thương tiếc vô cùng, cho lập đàn cúng tế, và xây miếu thờ trên bờ biển.

Đoàn chiến thuyền tiếp tục vượt biển đến cửa Nhật Lệ. Vua lên bộ, cưỡi ngựa đi trên bờ. Nhà vua cưỡi con ngựa đen, mặc giáp màu đen, trông oai phong lẫm liệt.

Đại sai Ngự Câu Vương Trần Húc, con trai thượng hoàng Nghệ Tôn, và là con rể của vua, mặc quần áo trắng cưỡi con ngựa trắng đi bên cạnh. Duệ Tôn vui vẻ nói với tả hữu:

- Dòng dõi anh ta là dòng văn. Dòng dõi của ta là dòng võ. Họ nhà Trần ta vàn võ song toàn. Phen này, ta ra quân cả văn cả võ, chắc chắc giặc nước phải dẹp yên.

Ba quân trên thuyền. nhìn vua và Ngự Câu vương một đen một trắng song song bên nhau liền reo hò: Nhà vua vạn tuế.

Duệ Tôn lấy làm đẹp lòng, cho quân sĩ đóng quân ở cửa Nhật Lệ, thao diễn tập thuỷ quân, quân đội tập luyện rất quy củ. Tin vua Đại Việt quân tướng tập luyện, khí thế rất hùng mạnh, lan cả vào đất Chiêm Thành, làm dân nước nọ xáo xác, chuẩn bị chạy trốn. Nhiều nhà buôn ở thành Đồ Bàn đến quân doanh Đại Việt xin đầu hàng và thông báo tin tức về quân Chiêm. Vua Duệ Tôn cả mừng:

- Phen này trời giúp ta rồi?

Tháng giêng, đoàn chiến thuyền vượt bờ biển Tân Bình và Hoá Châu

tiến sâu vào đất Chăm Pa. Dân Chiêm phần lớn bồng bế nhau chạy lên núi. Một số quan lại địa phương bày hương án ngoài bờ biển, mang rượu thịt đến khao quân Việt và xin được đầu hàng. Vua Duệ Tôn vui mừng, sai người ra vỗ về họ. Vua hỏi:

- Tình hình Chế Bồng Nga ra sao?

- Tâu bệ hạ, vua nước tôi không tự lượng sức mình đã làm nhà vua tức giận động binh. Nay, nghe đại quân kéo đến, vua nước tôi đã trốn khỏi kinh thành.

Mười hai vạn quân Đại Việt rầm rộ tiến vào kinh thành Đồ Bàn. Suốt dọc đường hành quân, không hề có một chút kháng cự. Những xóm làng không có bóng người. không cả tiếng gà tiếng chó. Ngay cả kinh thành Đồ Bàn cũng chỉ là một toà thành rỗng không.

Đoàn quân tiên phong vào thành trước, thấy không có cạm bẫy. Vua sai tướng Đỗ Bình đóng hậu quân chung quanh thành. Duệ Tôn cưỡi con ngựa đen. Ngự Câu vương cưỡi con ngựa trắng theo cửa hướng đông đi vào trung tâm. Quân tiên phong về báo cung điện của Chế Bồng Nga không thấy có người. Vua chỉ ngọn núi cao ở giữa thành trên có ngọn tháp đỏ au như một ngọn lửa vươn lên trời cao. hỏi:

- Nơi kia là gì?

- Tâu bệ hạ, đó là ngọn tháp cao hai mươi trượng hình vuông, bốn góc có những cánh xoè ra nên dân Việt đến đây buôn bán vẫn gọi là Tháp cánh tiên: Tháp thờ thần, nên nằm ở nơi cao nhất giữa kinh đô.

Vua bảo:

- Trẫm muốn đóng quân nơi đó. Ở trên cao có thể nhìn ra bốn phía, phòng động tĩnh của giặc.

Ở cửa ra vào, có hai con voi lớn bằng đá, đang tung vòi như muốn

bay lên phía trước. Đôi voi đá như đang xung trận, dáng hùng vĩ rất sinh động. Vua sai lấy thang trèo lên lưng voi, rồi đứng lên đầu voi nhìn ra chung quanh thành Đồ Bàn. Ông nói với Ngự Câu vương, đứng dưới đất.

- Trẫm không ngờ lại có ngày hôm nay. Chế Bồng Nga chẳng qua chỉ là một con thỏ hang.

Hôm sau, tướng Chiêm là Thu Bà Ma tự trói hai tay đến xin đầu hàng:

- Vua nước tôi là Chế Bồng Nga như con chuột nhắt đã trốn lên núi. Chế bắt trai tráng nước tôi phải liên miên chiến tranh với Đại Việt. Cho nên, khi quân Việt đến họ bỏ trốn cả. Vua Chiêm thế cô phải chạy vào rừng. Bệ hạ hãy đuổi theo mà giết đi. Người dân nước tôi ai cũng đồng tình.

Đại tướng Đỗ Lễ, thấy vậy can ngăn:.

- Chế Bồng Nga trốn chạy. ý nó muốn vẹn nước là hơn cả. Quân ta vào sâu đất người, đánh thành là bất đắc dĩ. Xin hãy sai một người giỏi ăn nói, cầm thư đến hỏi tội, để xem tình hình giặc thế nào đã. Người xưa nói: “Lòng giặc khó lường!” Xin bệ hạ nghĩ lại.

Duệ Tôn cười:

- Ta mình mặc áo giáp, tay cầm gươm, dãi gió dầm mưa, lội sông trèo núi, vào sâu đất giặc, không thấy kẻ nào dám chống cự. Đó là vì trời giúp cho. Cổ nhân có câu: “Dụng binh cốt ở thần tốc”. Nay lại dùng dằng không dám tiến nhanh. Thế là trời cho mà không lấy. Nhà ngươi chỉ là hạng đàn bà nhút nhát.

Nói rồi, nhà vua sai lấy váy áo của đám thị tì mặc cho Đỗ Lễ.

Hôm ấy Duệ Tôn cưỡi con ngựa đen và Ngự Câu Vương lại cưỡi con ngựa trắng oai phong theo con đường núi truy bắt Chế Bồng

Nga.

Quân Việt tiến lên Tây Nguyên hiểm trở toàn núi cao rừng già. Họ đã rơi vào ổ phục kích của Chế Bồng Nga. Duệ Tôn bị trúng tên độc tử trận. Tướng Đỗ Lễ con người bị chê là nhút nhát như đàn bà đã chiến đấu suốt ngày ròng rã để bảo vệ xác vua Duệ Tôn. Cuối cùng, ông cũng ngã xuống.

Chế Bồng Nga bắt được Ngự Câu vương cưỡi con ngựa trắng:

- Có phải ngươi là con trai Nghệ Tôn? Chớ có sợ. Ta sẽ gả công chúa cho người và phong người làm An Nam quốc vương.

Lê Quý Ly đang trên đường tải lương vào cho đại quân, nghe tin Duệ Tôn tử trận, ông đứng ở đầu thuyền than thở:

- Thế là bao công sức ta bỏ ra xây dựng cho quân đội nhà Trần, nay bỗng chốc tan tành. Nhà Trần đã hết vượng khí rồi sao? Văn ư? Võ ư? Văn cũng đã dứt mà võ cũng đã kiệt rồi sao?

Chỉ biết rằng sau trận tan tác mười hai vạn quân dưới tay Chế Bồng Nga áy, Nhà Trần đã không tài nào ngóc đầu lên được nữa. Ông vua hiền Trần Nghệ Tôn lại phải gồng đôi vai già gánh vác việc non sông.

Nguyễn Xuân Khánh

Hồ Quý Ly

Phần IV- Chương -1-

Cái chết của ông vua già

Âm mưu như lũ mèo hoang, trong đêm den, đi giầy nhung, nhẹ nhàng len lén đến gặp nhau. Lúc ông vua già Nghệ Tôn đang hấp hối này chính là lúc âm mưu lồng lộn nhất.
Nguyễn Cẩn cứ tưởng Trần Khát Chân và Trần Nguyên Hàng không gặp mặt nhau trong giờ phút này; nhưng chính lúc Cẩn đang bẩm trình riêng với thái sư Quý Ly trong mật thất, thì Trần Nguyên Hàng đã giả trang, đến gặp Khát Chân. Nhà Nguyên Hàng ở gần Văn Miếu, sát Đại Hồ là khu hồ lớn chạy dài suốt từ cửa nam hoàng thành đến vùng Trại Mai. Nguyên Hàng áo tơi nón lá cùng người gia tướng rậm râu, xuống thuyền nhỏ, bơi trong sương mù đi xuống vùng nam Thăng Long.
Chập tối, khi Nguyên Hàng được triệu vào cung gặp thượng hoàng Nghệ Tôn, ông vua già nắm lấy tay quan Thái bảo, rớt nước mắt:
- Giờ của ta đã đến rồi. Ta muốn cùng khanh đến thái miếu lần cuối cùng để bái lạy tổ tông.
Đám lính hầu đã sắp sẵn kiệu, đỡ đức thượng hoàng dậy. rước sang nhà thái miếu. Ông vua già gượng ngồi xuống chiếu hoa. rồi cúi rạp mình sát đất trước bàn thờ. Ông đập đầu xuống đất, khóc rưng rức:
- Con là kẻ mắc tội lớn với tổ tiên. Con đã lầm dùng người, tạo điều kiện cho kẻ ngoại thích lộng hành. Giờ đây con sáp hết tuổi trời, sắp trở về với tổ tông, hối lại thì đã muộn. Cơ nghiệp nhà Trần lúc này, như ngọn đèn trước gió. Mong các bậc tiên vương hãy phù hộ cho con cháu, để trung hưng lại công nghiệp hiểu hách của cha ông.
Trần Nguyên Hàng quỳ sát sau lưng Nghệ Tôn, nghe tiếng khóc của ông vua già như đứt từng khúc ruột. Ông vua già nắm lấy tay Hàng:
Lúc này, trẫm biết cậy vào ai? Nguyên Đán đã chết. Duệ Tôn đã chết. Trần Sư Hiền thì già lão. Còn phủ quân tướng công Trần Nguyên Uyên chỉ biết đêm ngày vùi đầu vào rượu chè hát xướng trên hồ Tây. Trong tôn thất, khanh là người bình tĩnh nhất, trí lực nhất, ta chỉ còn biết tin cậy vào khanh. Con ta. Thuận Tôn còn trẻ dại, lại nhu nhược. Kẻ quyền thần thì mưu lược, vây cánh lại hầu khắp triều

đình...
Xin thượng hoàng cứ yên tâm, thần dù gan nát óc lầy cũng cương quyết bảo vệ cơ nghiệp nhà Trần Khanh nói đúng. Bảo vệ cơ nghiệp tổ tiên. Đó là điều cốt yếu mà trẫm mong muốn...
- Khanh có hiểu ý của trẫm không? Trẫm không phải chỉ muốn bảo vệ mạng sống cho con trẫm. Điều cốt tử chính là cơ nghiệp nhà Trần... Hiện nay, chỉ có hai người trẫm tuyệt đối tin cậy: đó là khanh và thượng tướng Trần Khát Chân. Đoạn nói chuyện riêng ở trên. Nguyễn Cẩn không biết. Con người đầy tai mắt ấy cũng không biết cuộc mật đàm giữa Nguyên Hàng và Khát Chân trong đêm ấy, khi Nguyên Hàng trở về phủ và đi thuyền lẻn đến Trại Mai.
Gian bí thất, ở nhà hậu đường, trông ra cái sân sau nhỏ, ở đây Khát Chân chỉ để những chậu hoa quý nhất của mình. Thượng tướng thân chính ra đón khách quý, dẫn vào nơi mật đàm. Sau khi chủ khách yên vị, ông nói: Xin quan Thái bảo yên lòng, chung quanh đó có nhiều gia tướng tin cậy canh phòng cẩn mật. Nơi bí thất chỉ có riêng tôi và người bõ già Lão Mai được ra vào. Ông bõ già mang trà vào rồi

Lịch sử

Hồ Quý Ly

Chương 2

Ông vua già Nghệ Tôn sắp băng hà. Đã xong những cuộc tiếp xúc đầy thù hận, ngoài miệng thơn thớt; mà trong lòng chỉ muốn chém giết. Đã xong những âm mưu cuối cùng, mà hậu quả của chúng là những đợt sóng ngầm tương lai; những điều ai có thể đoán biết được kiểm soát được, khi thân xác đã bị vùi kín dưới ba thước đất. Đã xong nốt những màn kịch trần gian, những phút huy hoàng. những ngày lo âu, những giọt lệ những tiếng cười, để rồi đến phút lâm chung mới thấy mình là một diễn viên tồi, để rồi đến lúc sắp nhắm mắt ngoái đầu lại mới thấy đời mình chỉ xứng... một tiếng thở dài.

Ông vua già nằm trên chiếc giường vàng, trải đệm màu hoàng yến, gối đầu trên chiếc gối vàng. đắp chiếc chăn cũng màu vàng... Người ta muốn thay quần áo, mặc cho ông bô đại triều phục có thêu đôi rồng vàng trước ngực, bộ quần áo có lần có lót mà thợ may thêu phải mất mấy tháng ròng mới xong, bộ quần áo mỗi năm ông chỉ xỏ tay vài lần vào những ngày đại lễ. Ông vua già xua tay:

- Trẫm không muốn mặc đâu.

Viên thái giám cung kính:

- Tâu bệ hạ, đó là thể lệ của các tiên vương.

Song, Nghệ Tôn vẫn lắc đầu quầy quậy:

- Khanh biết không. nó nặng lắm. Hôm hội thề, trẫm đã cảm thấy như bị mang cùm... bây giờ thân hình ta... chỉ còn xương. Đến cái chăn vàng lúc này ta cũng thấy nặng.

Thưa... - Viên thượng thư bộ lễ còn muốn giảng giải thêm, nhưng ông vua

già đã nhắm mắt lại. xua tay, ra hiệu đuổi đám cậu thần lui ra. Ông thều thào nói với viên thái giám:

- Các khanh hãy thương ta... một lần cuối... Ta không muốn mặc đại triều phục. Hãy mặc cho ta chiếc áo lụa vàng, chiếc khán lụa vàng, chiếc thắt lưng lụa vàng. Ta muốn ra đi được nhẹ nhàng... mát mẻ.

Cô thị tì vào tâu:

- Đức vua Thuận Tôn xin được vào.

Thái thượng hoàng thều thào:

- Gọi quan gia đến đây ngay.

Ông vua con quỳ bên cạnh đầu giường cha, nước mắt ròng ròng. Ông vua già hỏi:

- Sáng nay con ở đâu? Ta cứ chờ con mãi.

- Bẩm phụ hoàng, con ở ngoài đạo quán.

Đạo quán ư?

- Vâng, con cầu nguyện cho cha. Con cầu xin cho cha được khỏi bệnh. được trường sinh bất lão.

Nói xong, ông vua trẻ lại khóc. Ông vua già thở dài, thầm nghĩ: "Trường sinh bất lão ư?". Đôi môi khô héo của ông không khỏi nhếch một nụ cười chua chát. Ông đưa mắt nhìn bộ mặt khôi ngô tuấn tú của Thuận Tôn, sao nó giống ông đến thế...

Khi đứa con út ra đời, rồi lớn lên, cả hoàng tộc đều vui mừng vì ông đã sinh được quý tử Hoàng tử Ngung giống cha một cách lạ lùng, từ khuôn mặt khôi ngô đến cái vóc dáng gầy guộc, thâm trầm, từ nết chăm chỉ đọc sách đến đức độ nhân từ hiếm có, sự nhân từ mà người đời vẫn hằng ca tụng ở các đấng minh quân. Nhân từ ư? Thương dân ư? Những đức hạnh tốt đẹp đó hỏi trên đời này có ông vua nào hơn được cha con ông? Thế mà tại sao, tại sao nước Đại Việt này vẫn đói khát, loạn lạc; tại sao cơ đồ của tổ tiên ông vẫn ngả nghiêng. Nghiệp báo chăng? Không? Tổ tiên ông đã chẳng từng lập bao chiến công hiển hách, có thể nói chưa từng thấy trong lịch sử, nhà Trần đã

ba lần đánh tan giặc Nguyên hung bạo. Thời trẻ, ông đã từng tận mắt được thấy cảnh thời thịnh trị, thóc lúa đầy bồ, dân gian hoà lạc âu ca. Mà cả ông nữa, ba mươi năm chấp chính ông đã hết lòng làm những việc tu nhân tích đức, lợi cho trăm họ. Ông lỗi lầm gì đâu? Ông có tạo nghiệp ác đâu? Cả một chuỗi năm tháng dài dặc, cố phấn đấu để trở thành một ông vua sáng lại hiện ra trước mặt...

Ông nhớ đến hồi dẹp loạn tên vua phường chèo Dương Nhật Lễ. Thực bụng ông không bao giờ có ý muốn làm vua. Chí của ông là một khu rừng vắng, được làm bạn với chim rừng vượn núi, được tiêu dao với suối với hoa, được sớm tối bầu bạn ngâm thơ với tùng với hạc... Khi trốn lên Tam Giang, ông đã cố chối từ khi mọi người làm kiệu tay tôn ông lên làm vua, nhưng không được.

Đến như Trần Nguyên Đán, một người cùng chí với ông, chỉ thích tiêu dao cùng suối rừng, cũng bảo: Ông phải làm vua thôi. Tình thế lúc này bắt buộc. Tôi xin hết sức phò tá. Mọi người đồng lòng nên ông phải lên ngôi. Nhưng khi ở ngôi, cái nợ suối rừng ấy ông cũng chẳng lúc nào nguôi. Ông sai lập cung Bảo Hoà ở núi Phật Tích huyện Tiên Du là nơi có phong cảnh đẹp lại gần kinh đô, thường lên ở đó để đọc sách làm thơ, rồi triệu các bậc lão thần khoa bảng đến, hỏi những việc cũ xưa, chép lại thành bộ sách "Bảo hoà dư bút" gồm tám quyển truyền cho đời sau.

Chỉ có những việc như vậy mới làm lòng ông khoan khoái. Chính vì thế, ở ngôi được ba năm, ông đã nhường ngôi cho em trai, tức vua Duệ Tôn. Nhưng cái chí nhàn du của ông trời không cho hưởng. Bốn năm sau, Duệ Tôn bị mắc mưu Chế Bồng Nga, tử trận ở thành Đồ Bàn, gánh nặng non sông lại đè lên đôi vai ông. Giá như là người có hùng tâm, Nghệ Tôn phải tự tay cầm cương lại đất nước. Đằng này, một lần nữa, ông lại thích chữ nhàn. Và, vốn là người có lòng nhân, chẳng tham quyền, nên Nghệ Tôn không cho con trai mình kế vị, mà lại truyền ngôi cho Trần Đế Nghiễn, cháu của ông, con cả của Duệ Tôn.

Việc truyền ngôi cho cháu của ông, được người đời rất ca tụng. Thậm chí vua Minh, khi thấy Duệ Tôn chết, định nhân cơ hội đục nước béo cò, muốn đem quân sang cướp nước ta, nay thấy Nghệ Tôn truyền ngôi cho cháu, bèn nói rằng:

"Em chết vì việc nước, mà anh lập con của em lên ngôi. Việc người làm như thế, đủ biết nước An Nam mệnh trời hãy còn...".

Việc dấy binh, nhà Minh bèn bỏ đi. Chỉ có một người đàn bà phản đối việc truyền ngôi này. Người đó là Lê Thị, vợ Duệ Tôn, mẹ Đế Nghiễn. Bà cắt tóc đi tu, can ngăn Nghệ Tôn:

- Tâu Thượng hoàng, con trai tôi đức mỏng, khó kham nổi trách nhiệm lớn. Ở ngôi cao chỉ hại cơ nghiệp tổ tiên, và nguy cho bản thân nó.

Nghệ Tôn không nghe, cứ bắt Đế Nghiễn tức Trần Phế Đế lên ngôi.

Lời tiên đoán của bà Lê Thị, mười hai năm sau được chứng nghiệm. Nghệ Tôn cho cháu làm vua, nhưng lại vô cùng tin nhiệm Lê Quý Ly. Nghệ hoàng ngả theo những chính sách cải cách của quan thái sư, gây nên hai phe bảo thủ và cách tân đối nghịch nhau kịch hệt ở triều đình. Cuối cùng phe bảo thủ nổi loạn định giết Quý Ly. Và Nghệ Tôn đã nghe theo lời Quý Ly diệt phe bảo thủ.

Trần Phế Đế, người cháu cũng bị giết. Lần này Nghệ hoàng phải cho con trai út là Trần Nhung, tức Trần Thuận Tôn lên ngôi vua.

Như vậy, tóm lại, năm nay ông 74 tuổi, đã ở ngôi tột đỉnh 30 năm tròn. Ngẫm nghĩ về toàn bộ đời mình, ông lại thở dài não ruột. Bởi vì, nói cho đúng, tiếng rằng cho em, cho con cháu làm vua, nhưng thực quyền tất cả vẫn trong tay ông. Chính vì vậy nên khi Phế Đế trái ý, ông đã truất ngôi rồi giết luôn. Vậy, trách nhiệm về sự đổ vỡ của nhà Trần hiện nay, ông phải gánh chịu tất cả.

Và, chỉ đến lúc cuối đời này, lúc sắp nhắm mắt xuôi tay, ông mới nhận được ra một điều hệ trọng ghê gớm: chính bản thân ông là người dỡ đầu ra cả hai phe phái cách tân và bảo thủ hiện nay trong triều đình. Chính ông là bà đỡ cho những cải cách của Quý Ly, đã giúp Quý Ly tiêu diệt những đối thủ, ngay cả khi đối thủ ấy là con cháu ông. Lại cũng vẫn chính ông là người muốn kéo dài đến vô hạn cơ nghiệp của nhà Trần, tổ tiên ông, mặc dầu ông biết điều đó không thực tế, mặc dầu ông biết các tôn thất, các cựu thần nhà Trần ở mọi nơi hiện đang thối ruỗng.

Vậy ông đang tự chống lại bản thân. Ông có miếng thịt thối, muốn cắt đi, nhưng vì nó là cơ thể ông nên không đành lòng.

Mâu thuẫn đến thế, tự giáng xé đến thế. vậy mà ông lại muốn ra đi một cách nhẹ nhàng sao? Ông muốn mặc đồ lụa vàng, lụa dù nhẹ nhưng cất sao nổi gánh nặng trong lòng ông. Trong tâm tưởng, chợt nghe một tiếng ai đó

thét lên:

"Ngươi đã làm đổ vỡ cơ nghiệp nhà Trần"

"Không Chẳng phải tại tôi. Đó là vận nước?"

"Tội lỗi do ngươi quá nhân từ".

"Sách chẳng nói chữ nhân là cái đức đầu tiên của ông vua sáng đó sao?"

Nghệ Tôn, đầu nhức như búa bổ, nước mắt chảy ròng ròng, tự quyết liệt đấu tranh với mình. Ông nhìn vào mặt Thuận Tôn lúc này cũng đầm đìa giọt lệ. Ông bàng hoàng vì như chợt thấy hình bóng của mình trong một tấm gương. Con ta đấy dòng giống của ta đấy? Bóng hình của ta đấy sự đẹp đẽ của ta đấy? Sự yếu mềm của ta đấy Cả tương lai của ta cũng là đấy! Ôi! Con của ta ơi. Cha con ta cùng một nỗi đa cảm. Giá như chúng ta sinh vào một thời thái bình thịnh trị. Loại người như cha con ta, sinh ra vào thời bão tố, chỉ làm mồi cho lũ người cương mãnh.

Ông vua già lại thở dài, thở dài mãi. Bàn tay bắt đầu lạnh của ông nắm chặt bàn tay Thuận Tôn, như một lần cuối cố bám víu vào cuộc đời. Cuối cùng tiếng nức nở của ông cũng dứt. Những giọt nước mắt của ông cũng cạn kiệt, và đôi mắt trở nên ráo hoảnh của ông cứ trừng trừng nhìn vào cõi xa xăm như muốn tìm ra những giải đáp cho những câu hỏi mà cả đời ông không tìm ra.

Viên thái giám già đứng bên cạnh theo dõi từng cử chỉ cuối cùng của Nghệ Hoàng. Ông vua già dồn dập thở hắt ra. Khi ông hít thở. viên thái giám đặt chiếc gương con ở trước mũi cho đến lúc chẳng thấy hơi mờ. Quan thái y vào chẩn mạch lần cuối. Thái sư Quý Ly hỏi:

- Thế nào?

- Bẩm, ngài đã đi hẳn rồi ạ.

Thái sư phất tay ra hiệu.

Chuông khánh ngoài điện Đại Minh nổi lên. Trăm quan, từ sáng sớm, đã mũ áo tề chỉnh tề tựu ở sân đại diện, nghe chuông khánh vang lên, lập tức ôm lấy mặt, quỳ xuống, đầu rạp đất. Tất cả miệng ô hô than khóc.

Sau ngày Nghệ Hoàng băng hà. Ông vua con Trần Thuận Tôn họp triều thần, bàn việc tang lễ. Thái sư Lê Quý Ly đọc di chiếu của thượng hoàng:

- Ta thường nghe các loài sinh vật loài nào cũng đều chết cả. Chết là số mệnh của trời đất. Thiên lý là như vậy mà người đời ai ai cũng thích sống, sợ chết. Do vậy, làm ma cho to đến nỗi tiêu tan cả cơ nghiệp, để tang quá trọng đến nỗi tổn hại tâm tính; ý ta không cho thế là phải. Ta vốn ít đức, chẳng làm được gì nhiều nhặn cho yên dân, đến khi chết lại bắt dân phải mặc sô gai, sớm chiều thương khóc, giảm bớt vui chơi ăn uống; chuyện đó để nặng thêm lỗi cho ta, rồi thiên hạ sẽ nói ta là người thế nào.

Ta trộm nghĩ lúc trung hưng cơ nghiệp tổ tiên, đứng đầu các vương hầu, tuy còn giữ được công nghiệp cua các tiên đế, nhưng bên trong thì muôn dân vẫn còn đói rét khổ sở, bên ngoài thì ngoại hang vẫn lăm le đe doạ; vì vậy đến lúc ra đi lòng ta vẫn đau đáu khôn nguôi. Nay, ta được chết theo tổ tiên đã là may mắn lắm rồi, vậy cũng chẳng nên thương khóc làm gì. Để tang, thì hết ba tháng nên bỏ tang phục, tang lễ, thì cốt nhất phải kiệm ước chẳng cần linh đình. Chỉ mong sao phần mộ được ở bên cạnh các tiên đế, như thê cũng thoả nguyện lắm rồi.

Than ôi! bóng tà đã xế, số mệnh khôn dừng, mấy lời từ biệt cuối cùng, để rồi thiên thu xa cách.

Quần thần nên kính cẩn nghe lời ta dặn.

Trần Thuận Tôn ở ngôi Vua, nhưng còn trẻ, nên không biết thế nào là phải. Ông vua con chỉ còn biết dầm đìa nước mát. Thuận Tôn đưa mắt nhìn quan thái sư ông bố vợ, nhưng Hồ Quý Ly chỉ đứng im lặng chờ xem ý tứ mọi người. Thượng tướng Trần Khát Chân cất tiếng đầu tiên:

- Sống và chết là hai việc lớn. không thể nào xem thường dược. tuỳ di chiếu của đức thượng hoàng như vậy nhưng chúng ta không thể nhất nhất làm theo đúng lời dặn. Trong đạo trị nước, Lễ là điều quan trọng nhất. Tôi là tướng võ, chưa dám nói được thông kinh sử, nhưng cũng mạo muội cầu xin đức vua và các quan đại thần phải vô cùng cẩn trọng trong việc tang lễ.

Thái bảo Trần Nguyên Hàng trầm tĩnh trình bày vấn đề một cách cặn kẽ hơn:

- Tâu bệ hạ, xét trong sử sách thấy có ghi hai lần các bậc quân vương có di chiếu lúc lâm chung, dặn người còn sống phải giảm bớt nghi thức lễ tang.

Thứ nhất là Hán Văn đế, vua phương bắc, di chiếu cho bá quan và nhân dân chỉ để tang mình trong ba ngày mà thôi. Cũng chỉ vì Hán Văn đế theo đạo Hoàng Lão, thích khiêm nhường, làm mọi việc đều lùi xuống một bậc. Hán Cảnh đế là con, nghĩ là hiếu khi theo đúng lời cha dặn lúc đã mê sảng; nên ông không hiểu rằng chế độ rút ngắn tang lễ là điều không nên dạy cho dân. Thứ hai là vua Lý Nhân Tông nước Đại Việt ta. Ông cũng bắt chước người xưa, vì Lý Nhân Tông vốn sùng đạo Phật. Còn chúng ta, những bậc đại thần ăn lộc vua, chúng ta không thể thấy rõ điều đó mà cúi đầu làm ngơ, không tỏ bày hơn thiệt. Thần trộm nghĩ, cúi xin bệ hạ cứ làm theo đúng nghi lễ tổ tiên. Và chăng, tình thế bây giờ, nếu không giữ đúng kỷ cương, e sẽ làm gương xấu cho thiên hạ dễ bề bắt chước.

Lúc này quan thái sư Quý Ly mới gật đầu. Ông tỏ vẻ ưng ý những lời nói của Thái bảo Nguyên Hàng. Ông hiểu rõ tình thế lúc này, dân chúng chắc chắn rất chăm chú theo dõi nhất cử nhất động của triều đình, nhất là các việc làm của cá nhân ông. Vậy nên thứ lễ nghi có tính chất khoa trương bây giờ là cần thiết, vì nó làm yên lòng dân. Một sự kiện cung đình như đám tang Nghệ Tôn rất dễ trở thành một ngòi nổ kích động. Cần phải cho tất cả đều im ắng thuận hoà. Quan thái sư vội vòng tay tâu với Thuận Tôn:

- Tâu bệ hạ, thần đã bàn với quan hành khiển Phạm Cự Luận, ông vốn thông kinh bác cổ. Hành khiển bẩm thần: "Việc lễ cốt ở cung kính nghiêm trang. Chúng ta chẳng nên bày vẽ kiêu xa, nhưng quyết không được đạm bạc sơ sài". Ông Luận đã tham bác các sách bàn về việc lễ làm một tờ sớ. Xin quan hành khiển tâu trình với bệ hạ, sau đó các vị đại thần sẽ bổ khuyết.

Phạm Cự Luận hắng giọng rồi sang sảng đọc:

Đạo hiếu là gốc lớn trong việc trị thiên hạ. Nay xin tham chước lễ cổ, đề ra thể lệ về việc lễ tang.

- Các hoàng thân. trai gái họ nhà vua để tang theo gia lễ.

- Các quan văn võ được dự ban chầu để tang ba năm; khi vào chầu, áo, mũ đai đều dùng mầu đen. Võng dùng đòn gỗ sơn đen, ngựa chỉ dùng yên mộc.

- Quan văn võ từ lục phẩm trở lên để tang trong một năm. Khi để tang ăn mặc dùng đồ đen.

- Người có chức tập ấm, nho sinh, con cái nhà quan hạng miễn sưu dịch.

học sinh trường Quốc Tử Giám để tang 5 tháng.

- Xã dân vùng Yên Sinh và phủ Thiên Trường[i] nhân dân kinh thành Thăng Long để tang 1 tháng.

- Các trang phục loè loẹt, châu báu vàng bạc của các hạng tang đều bị cấm cho đến lúc hết tang.

- Việc cưới hỏi giá thú đối với nhân dân bị cấm trong vòng một tháng.

- Việc hát xướng bị cấm trong vòng một tháng.

- Việc xây lăng mộ để cho thầy địa lý chọn đất xong từ lúc thượng hoàng còn sống nay chỉ nêu lên để biết.

Đình thần phấn khởi ra mặt. Ai cũng mừng hành khiển Cự Luận đã tham chước cặn kẽ. Vả lại Cự Luận đã tham chước vậy, tức Quý Ly đã đồng ý. Tóm lại, mọi người khỏi phải bàn bạc lôi thôi. Ở một thời biến động, việc ngôn xuất là tối quan trọng. Người ta thiên về sự kín tiếng.

Chú thích

[i] Nhà Trần có 2 quê: quê gốc, xã Yên Sinh Đông Triều. quê thứ hai, hương Tức Mực, phủ Thiên Trường

Lịch sử

Hồ Quý Ly

Chương 3

Trong đám tang Trần Nghệ Tôn. Ông già điếc là người bi thương nhất. Già điếc tức Cung Chính Vương Trần Sư Hiền. Ông già đầu tóc bạc phơ quỳ lạy trước linh sàng khóc nức lên từng hồi, rồi cái thân xác gầy guộc của ông rung lên bần bật. Ông kêu lên:
- Anh ơi là anh ơi! Trong tôn ti hoàng tộc, ông là em họ của Nghệ Tôn, cùng tuổi với ông vua già.
Trần Nguyên Hàng đứng bên linh cữu, sợ Sư Hiền trong lúc đau xót lỡ ra có điều gì thất thố, bèn gọi:
- Vương huynh? Vương huynh chớ nên quá đỗi bi thương.
Song, ông già điếc có nghe được đâu. Ông vẫn nức nở lắp bắp:
- Anh ơi là anh ơi...
Sau đó, ông gục xuống, ngất xỉu.
Người ta phải cõng ông đem về vương phủ. Việc tôn thất Sư Hiền ngất đi trước linh sàng triều thần không lấy gì làm lạ, bởi vì ông và Nghệ Tôn ngoài đạo vua tôi còn có tình anh em đặc biệt thân thiết, thủa trẻ chơi bời với nhau, lúc lớn lên gặp hoạn nạn lại cùng nhau chia xẻ. Lúc vua phường chèo Dương Nhật Lễ cướp ngôi đổi họ nhà Trần, bộ ba Trần Nghệ Tôn, Trần Nguyên Đán, Trần Sư Hiền làm đầu não trong công cuộc phục hưng.
Lúc Nguyên Đán sắp chết, hồi mấy năm về trước. Sư Hiền có ra Côn Sơn thăm. Nguyên Đán bảo:
- Tôi sắp về với tổ tiên, ông ở lại nên giữ mình. Hiền hỏi:
- Không thể cứu vãn được nữa sao?
Đán không trả lời, mà hỏi lại:
- Ông thấy trong con cháu nhà Trần chúng ta hiện nay ai là kẻ anh tài đủ sức xoay đổi thời cuộc. Hiền ngẫm nghĩ:
- Hiện nay chưa thấy ai.
- Ông thấy nhân dân khắp nước có đói khổ không? Các quan lại và tôn thất nhà Trần có tham lam vơ vét không?
Sư Hiền im lặng không trả lời.
Ông thấy ở phương Nam, Chế Bồng Nga có kiệt hiệt không? Còn ở

phương Bắc, nhà Minh vừa mới lập nghiệp, thế của họ có phải là thế của con rồng vừa mới thức giấc hay không?
Sư Hiền lại im lặng. Ông Đán bảo:
- Lúc này việc nước là quan trọng hơn hết.
Sư Hiền từ đó về nhà trở nên trầm lặng. Con ông là Nguyên Dận ít lâu nay, vẫn hay lui tới phủ tướng công Nguyên Uyên. Hai người vẫn rủ nhau lên Hồ Tây, thả thuyền trên mặt nước, uống rượu, ngâm thơ, ca hát.
Mới đầu, Sư Hiền yên tâm vì nghĩ rằng con mình chỉ chơi bời kiểu phong lưu tài tử. Nhưng rồi ông nghe bọn gia nhân xì xào rằng Uyên và Dận lúc tửu hứng nói năng chẳng giữ gìn. Sư Hiền gọi Dận đến răn dạy:
- Anh Dận, anh có biết thời buổi này là thời gì không?
- Thưa cha, ai chẳng rõ đó là thời bất ổn.
- Anh hãy nhớ, người xưa nói đó là "thời Thiên tuý". Hay thật "Thiên tuý". Trời mà cũng say, thì con chèo thuyền trên Hồ Tây, uống rượu thâu đêm suốt sáng cũng phải lắm. Trời đã say, ai còn dám không say.
- Các người đú đởn ra sao trên Hồ Tây, ta biết hết. Cái lão Nguyên Uyên tằng tịu với bà hoàng hậu goá chồng (vợ Phế Đế) làm đức thượng hoàng giận. Ta nghe nói ngài nổi cơn lôi đình đem mụ hoàng hậu ngứa nghề gả cho Nguyên Hàng rồi. Các người hãy liệu hồn?
Nguyên Dận im lặng. Sư Hiền hạ giọng:
- Ừ, thì cái chuyện đú đởn đó có thể tha thứ được. Nhưng còn việc các người ba hoa những chuyện quốc sự ta thấy không ổn.
Nguyên Dận đang im lặng bỗng bừng bừng sôi nổi:
- Cha ơi? Cơ nghiệp nhà Trần, cơ nghiệp của tổ tiên chúng ta đang như ngàn cân treo sợi tóc. Cha nỡ bảo con hãy ngậm miệng bàng quan sao? Phủ quân tướng công vốn ưu thời mẫn thế. Việc ông có tình ý với bà hoàng hậu goá chỉ là chuyện trai tài gái sắc. Vả lại...
- Nói hay lắm! Ta hiểu Nguyên Uyên định che mặt người đời. Định dùng sự chơi bời phóng đãng làm bức màn che việc lớn. Mà thượng hoàng chủng đâu có ngờ nghệch. Ngài nổi giận lôi đình, gả bà hoàng hậu ngứa nghề cho Nguyên Hàng anh trai Nguyên Uyên, bên ngoài như để làm nhục Nguyên Uyên, nhưng thực chất để che chở cho Uyên. Làm cho mọi người tin rằng Nguyên Uyên là kẻ phóng đãng, tạo cho Uyên bức lá chắn để hoạt động. Nhưng ông vua già đã nhầm. Không che mắt được Quý Ly đâu. Tay chân ông ta ở khắp nơi. Ta chẳng lạ gì Nguyên Uyên. Hồi loạn vua phường chèo, ông ta là người nhiệt tâm đắc lực. Nhưng hắn không biết thời thế lúc này

khác xa thời loạn Nhật Lễ. Phải vô cùng đầu óc. Mà đầu óc các người thì ra sao?
- Hãy cứ làm! Sẽ ra đầu óc.
- Đầu óc con có bằng đầu óc ông Nguyên Đán không?
- Ông ta giỏi, song già rồi. Ông ta lại rút lui về ở ẩn, bỏ mặc cơ nghiệp tổ tiên. Ông ta là người hèn nhát. Lại kết giao với gian thần. Ông ta là kẻ có tội.
- Công ư? Tội ư? Giữa dòng nước xoáy, đâu là thị đâu là phi, đâu là công đâu là tội? Liệu ba trăm năm sau người đời đã đánh giá được việc làm của chúng ta chưa? Hay phải đến một ngàn năm nữa? à, ta hiểu ý con. Có phải giữa dòng nước xoáy hôm nay, ta không phân biệt nổi đen trắng, thì ta cứ làm đi. Làm những gì mà trái tim ta. khối óc ta cho là đúng. Nếu việc thành đời sẽ cho ta là trắng. Còn nếu bại thì... ôi thôi... còn gì nữa... lúc đó ta đã nằm yên dưới ba thước đất... lúc đó đen với trắng cũng là chuyện nực cười... Nguyên Dận lúc này càng hào hứng sôi nổi:
- Chúng con sẽ lôi kéo quan Thái bảo Nguyên Hàng, quan thượng tướng Khát Chân... quan thượng thư Hà Đức Lân...
- Họ sẽ theo các người ư?
Chắc là thế vì chúng con là chánh nghĩa; Vì chúng con là trung hiếu - Mà cha ơi - Giọng Dận hạ xuống - Cha có biết không, chúng con đã liên hệ được với nhà Minh, Nhà Minh sẽ giúp chúng ta... và nếu cần...
Sư Hiền giật bắn lên:
- Người phương Bắc sẽ thương xót chúng ta ư? Hay người phương Nam sẽ đau đớn thay cho dân ta? Ôi chao? Mê muội các người đã mê muội đến thế rồi sao? Vết nhơ nào ta cũng cam chịu, nhưng vết nhơ ấy thì đừng con ơi? Đừng đẩy sự tức giận thành cuồng nộ. Đừng đẩy sự tranh bá đồ vương thành niềm tuyệt hận vô sỉ. Con tự lừa dối mình rằng con sẽ lợi dụng được họ. Chắc con muốn như Tấn Văn Công nước Tấn chạy sang nước Tần, nhờ tay Tần Mục công để phục hồi nước Tấn. Con nên nhớ Tấn và Tần ngày xưa chỉ là hai tiểu quốc nói cùng một thứ tiếng. Còn như Việt và Hán là hai nước riêng biệt, văn hiến khác nhau. Vả lại, lúc đó thời xuân thu, cách xa ta gần hai ngàn năm... Tỉnh lại đi con ơi?...
- Ai tỉnh, ai say? Hay chính cha đã say mà con đang tỉnh. Ai mê muội ai sáng suốt? Cha ơi con không nỡ nói... nhưng quả thực... cha đã già rồi... Cha đã nói rồi đó thời nay là thời “thiên tuý”, trời đất quay cuồng... thời của những kẻ cực say... thời của sự nghiệp... ai say nhiều sẽ nên sự nghiệp... thời của tuổi trẻ... vì chỉ tuổi trẻ mới dám

uống cả vò, ăn cả bã, húp cả cái... con xin cúi lạy cha... hãy tha lỗi cho con... Cha ạ, đêm nay con sẽ thả thuyền trên Tây hồ, con sẽ uống rượu thâu đêm.
Đêm hôm ấy, Sư Hiền lên cơn sốt. Ông lâm bệnh nặng. Nằm liệt giường mấy tháng trời, lúc ngồi dậy được, ông mất thính giác, điếc đặc và người đời gọi ông là lão Điếc.
Sau những ngày chôn cất Thái thượng hoàng Trần Nghệ Tôn, Thăng Long đúng là một kinh đô tang tóc? Toàn dân mặc đồ đen. Ai không có quần áo đen không dám ra đường. Chỉ những kẻ nghèo hèn phải hàng ngày kiếm kế sinh nhìn mà không có đồ đen mới được phép mặc quần áo nâu, nhưng phải kết một dải khăn trắng trên đầu. Quan Thái sư Quý Ly sai cấm binh đứng ở các đầu đường, đôn đốc nhân dân phải chấp hành tang phục và những nguyên tắc tang lễ khác. Các trà đình, tửu quán vang ngắt chẳng người lai vãng. Các kỹ viện, thanh lâu bặt tiếng đàn, không thấy thấp thoáng áo xanh áo đỏ. Người đi đường cúi đầu lầm lũi, chẳng ai dám chuyện trò rộn ràng hoặc cười đùa vui vẻ. Một toán thanh niên con nhà giàu có, cậy của, uống rượu say đi nghênh ngang ở phường Phục cổ, vừa đi vừa cười hô hố. Lính cấm vệ liền bắt ngay lại hỏi:
- Chúng mày con cái nhà ai?
- Bẩm là cháu Cung tín Vương
- Bẩm là người nhà Hoàng tín hầu
- Bẩm ở phủ công chúa Tấn Ninh
Nguyễn Cẩn chỉ huy cấm quân, sai bắt tất cả đám công tử bột nằm úp sấp trên mặt đường. Người hàng phố bu đến đông nghịt. Cẩn sai lính đọc tờ cáo thị dân trên gốc cây:
Bố cáo cho toàn dân Thăng Long: Việc để tang hạn trong một tháng. Dân chúng phải mặc đồ đen. Ai không có đồ đen được phép mặc đồ nâu chít khăn tang. Việc hôn thú, sự vui chơi cũng cấm trong vòng một tháng. Ngoài đường, nơi công cộng phải lặng lẽ nghiêm cẩn, không sỗ sàng cợt nhả. Ai trái lệnh, nhẹ thì phạt trượng, nặng thì tù đày.
Ai lợi dụng tang lễ gây sự rối loạn thì tử hình. Nay bố cáo để toàn dân nghiêm ngặt tuân thủ.
Đọc xong, ông đánh cho mỗi công tử hai mươi trượng, lính đánh thẳng tay. Dân đứng xem mặt xanh mét, im phăng phắc.
Buổi tối hôm ấy. Quý Ly gọi các con trai và lũ Nguyễn Cẩn. Phạm Cự Luận đến. Luận nói:
- Tôi thảo ra tang quy, tưởng chỉ để làm yên lòng triều thần. Tôi nghĩ cũng không nên nghiêm khắc với nhân dân quá.

Quý Ly lắc đầu:
- Ông hành khiển sai rồi. Ta muốn đã không nói thì thôi, còn nếu đã nói ra quyết phải được thi hành. Ông vua già quá nhu nhược. Nói mà không làm, thành ra mọi kỷ cương đều lỏng lẻo. Từ nay là thời kỷ cương. Các ông sợ làm thế này, lòng dân sẽ càng luyến tiếc ông vua già chứ gì? Ta không sợ điều đó. Làm thế này ta được hai điểm: thứ nhất, trước mắt sẽ làm yên lòng dân, dân thấy ta vẹn tình vẹn nghĩa với ông vua già; thứ hai về lâu dài đó là kỷ cương, việc để tang chính là việc kỷ cương bắt đầu. Ta sẽ cho dân Thăng Long và cả nước hiểu thế nào là kỷ cương. Ông Cẩn báo ngay cho ta rõ tình hình các nơi.
- Bẩm đại nhân, người của ta ở các bộ, phủ bên ngoài đều đã báo về, các địa phương đều yên ắng cả.
- Còn bên trong?
- Các quan đại thần trong triều đều tỏ ra nghiêm cẩn trong tang lễ. Những người cần theo dõi nhất đều im lặng. Chỉ có hai ông Nguyên Uyên, Nguyên Dận - vẫn thả thuyền trên Hồ Tây uống rượu. Im lặng ư? Đó là điều ta rất quan tâm. Hai người Uyên và Dận không đáng sợ. Họ nói nhiều, kẻ nói nhiều chẳng làm được việc lớn. Bọn im lặng mới là bọn âm mưu. Bọn âm mưu sẽ không liên hệ với bọn ba hoa mà chỉ điều khiển gián tiếp bọn ba hoa; Vì bọn ba hoa làm mồi nhen đám cháy. Khi có thể cháy lớn, bọn im lặng mới lộ diện. Đáng chú ý nhất là những kẻ có tài trí lớn, có thể trở thành minh chủ.
Phạm Cự Luận:
- Những con cá lớn như vậy bao giờ cũng biết chờ đợi Chắc chắn họ sẽ kết bè kết đảng lặng lẽ.
Nguyễn Cẩn:
- Tuy nhiên Uyên và Dận cũng đáng để ý. Họ thường nói: “Thượng Hoàng chết là lúc quan thái sư sẽ lộng hành nhất” và “Thượng Hoàng chết, thái sư sẽ cướp ngôi”.
Quý Ly:
- Ta chẳng lạ gì những lời xì xào đó.
Cự Luận:
- Người ta xì xào nhưng Uyên và Dận đã nói to cho mọi người đều nghe thấy.
Quý Ly:
- Ai nghe thấy? Ông già điếc có nghe thấy không? Hôm đám tang, ông già điếc khóc nấc lên và ngất đi trước linh sàng...
Nguyễn Cẩn:
- Hạ quan vẫn cho người dò xét xem Sư Hiền điếc thật hay điếc giả.

Vẫn chưa có chứng cứ. Nhưng việc ông Uyên và ông Dận hai người uống rượu say trong phủ của Uyên rồi nói những câu trên trước mặt bọn gia nhân thì có chứng cứ.
Quý Ly:
- Nếu có chứng cứ, hãy cho quân bắt ngay Uyên và Dận. Nhớ bắt ngay, xử ngay, xử rầm rộ, tốt nhất là xử trong tháng dân Thăng Long còn đang để tang Nghệ Tôn.

Lịch sử

Hồ Quý Ly

Chương 4

Khi bắt Uyên và Dận, quan thái sư cũng chỉ định ra oai, làm cho họ sợ và để đe nẹt triều thần. Ông vua già Nghệ Tôn đã chết. Ông vua con Thuận Tôn quá nhu nhược, lại là con rể ông nên lúc này quyền hành nắm cả trong tay Quý Ly. Quan thái sư muốn vỗ về mọi người, ông định ra ân nhiều hơn ra uy. Ông sai dẫn Uyên và Dận đến trước mặt và bảo:

- Tội loạn ngôn của các ông đã rành rành, đầy đủ chứng cứ. Thượng hoàng vừa mới chết, ta không nỡ ra tay với các ông. Chỉ cốt các ông khai ra đầy đủ, chịu ăn năn hối lỗi, ta sẽ thả các ông về.

Uyên và Dận im lặng không nói. Quý Ly tiếp.

- Thực ra các ông nói nhiều quá. Những người nói nhiều ta không sợ đâu. Mà nghĩ cho cùng, tài kinh sử các ông phỏng có bao nhiêu? Sự lịch duyệt trải đời các ông phỏng có bao nhiêu? Các ông là những kẻ cuồng trung... Chuyện này ta hiểu được và cũng có thể tha thứ được. Mong các ông biết điều.

Quý Ly giao Uyên và Dận cho Nguyên Trừng xử lý. Trừng đứng đầu Đăng Văn Kiểm pháp tự, vốn tính ôn hoà. Thái sư cho con giữ chức ấy cũng để làm yên lòng bá quan. Trừng hỏi han hai người qua loa và bảo:

- Vụ của các ông giá vào lúc trước thì nguy hiểm đấy. Tôi chỉ khuyên các ông một điều: việc ngôn xuất thật hệ trọng, mong các ông giữ gìn, các ông là người tôn thất lại càng phải giữ gìn hơn nữa.

Trừng sắp sửa thả họ bỗng có chuyện bất ngờ xảy ra. Thời gian đó quan thái sư đang chuẩn bị thành lập một bộ phận gọi là liêm phóng[i] ông định sẽ có nhiều chức liêm phóng sứ, chức quan có trách nhiệm bí mật dò xét cái hay cái dở của các quan lại và những điều lợi hại trong dân gian.

Những liêm phóng sứ do ông trực tiếp chỉ đạo. Dưới tay mỗi liêm phóng sứ gồm nhiều thủ hạ, có khi là những quan lại bí mật nằm lì ở các cơ quan lộ, phủ, huyện, có khi là những người dò la trong dân gian, có khi là những người được nhất thời phái từ kinh đô xuống các địa phương nhằm điều tra một việc. Lúc đó, Đặng Tất làm tướng ở Hoá Châu. Vì thượng hoàng mất, nên được điều về kinh đô phòng nhỡ có biến động. Đặng Tất tố cáo bọn Phan Mành và Chu Bình Khuê là những người có ý chống đối quan thái sư, vì vậy Tất được tín nhiệm và được bổ dụng. Tất vừa về đến Thăng Long lại được phái ngay lên lộ Bắc Giang và vùng biên giới Lạng Sơn để phòng thủ.

Nhà Minh, thời kỳ ấy đang cực thịnh. Chu Nguyên Chương tức Minh Thái Tổ, đã đánh tan được nhà Nguyên, dành lại được quyền độc lập cho người Hán, Chu Nguyên Chương xuất thân nghèo khổ lập nên sự nghiệp, là một ông vua giỏi, có chí lớn, nhiều tham vọng, là nhà quân sự có chí khí sắt đá, tàn bạo. Không những ông muốn thống nhất đất nước Trung Hoa mà còn muốn mở mang bờ cõi cả lên phía Bắc cũng như xuống phương Nam. Cái hùng tâm mở mang bờ cõi ấy ông chưa làm được, phải đến đời con ông là Minh Thành Tổ, một ông vua kiệt xuất thứ hai của nhà Minh mới thực hiện được. Chính Minh Thành Tổ đã tiêu diệt nhà Hồ và đô hộ đất nước Đại Việt, nhưng đó là chuyện về sau. Một ngẫu nhiên trùng hợp lạ kỳ là sự song hành lịch sử giữa Trung Hoa và Đại Việt. Khi nhà Nguyên tiêu diệt nhà Tống, thì nhà Trần cũng cướp ngôi nhà Lý. Khi nhà Minh tiêu diệt nhà Nguyên, thì nhà Hồ cũng cướp ngôi nhà Trần. Sự rối loạn lịch sử ở hai nước hầu như diễn ra gần cùng một thời điểm. Chỉ có điểm khác biệt sự cướp ngôi ở Đại Việt Trần thay Lý sớm hơn Nguyên thay Tống, còn Hồ thay Trần lại muộn hơn Minh thay Nguyên. Do đó, khi Nguyên xâm lấn Đại Việt nhà Trần đã ổn định, lòng dân đã quên nhà Lý; còn khi Minh xâm lấn ta, nhà Hồ còn đang thời kỳ bước đầu, lòng dân vẫn nhớ tới nhà Trần. Nhưng đó là chuyện về sau.

Còn lúc Đặng Tất được phái lên lộ Bắc Giang và biên giới. Chu Nguyên Chương vua nhà Minh tuy chưa có ý định xâm chiếm nước ta, nhưng ông đã làm các công việc tham dò.

Năm 1384 nhà Minh sai sứ sang ta trưng cầu năm nghìn thạch lương thực đưa sang Trung Hoa. Quan quân ta bị chết vì lam sơn chướng khí trong việc tải lương này rất nhiều.

Năm 1385 lại sai sứ sang yêu cầu ta dâng nộp các nhà sư.

Năm 1386 nhà Minh lại sai sứ sang ta đòi dâng các cây đặc sản như cau, vải, nhãn, mít và hỏi nhờ đường nước ta để đi đánh Chiêm Thành. Lại còn

đòi cống cho 50 thớt voi nữa.

Đến khi Trần Nghệ Tôn chết lập tức nhà Minh cho quân tiến sát phía bên kia biên giới. Lấy cớ đánh người Mán làm phản ở Long Châu, họ sai Nhâm Hanh Thái làm sứ thần sang ta xin giúp cho thiên triều 5 vạn quân, 50 thớt voi và 50 vạn thạch lương.

Quý Ly sai Đặng Tất đi, vừa làm nhiệm vụ đôn đốc quân lính phòng bị biên ải, vừa làm nhiệm vụ xem xét tình hình địch ta, tức kiêm nhiệm cả chức liêm phóng sứ Đến Đồng Đăng, Tất gặp bọn gián viên nằm ở cả hai phía vùng biên cương. Có một người báo thấy một người Việt ra vào nơi đóng quân của binh lính nhà Minh. Lập tức vòng vây biên ải được thắt chặt. Đang đêm, lính ta bắt được một người luồn rừng từ phía bên kia trốn sang. Người đó là Nguyễn Phù, một nho sinh, sống trong phủ Trần Nguyên Uyên. Tên nho sinh này sang Trung Hoa trong lúc Nguyên Uyên và Nguyên Dận bị bắt. Hắn không biết tình hình diễn biến ở Thăng Long thời gian qua.

Đặng Tất mừng rỡ vội vã đóng cũi giải ngay Nguyễn Phù về kinh.

Đêm hôm ấy, trong nhà giam, Nguyên Uyên nói với Nguyên Dận:

- Hiền đệ, tự nhiên cả ngày hôm nay ta thấy trong lòng như có lửa đốt.

- Huynh chớ nên cả nghĩ. Theo cách Hồ Nguyên Trừng nói, vụ án của chúng ta chỉ có tính chất răn đe. Đệ nghĩ chỉ ngày mốt ngày hai, họ sẽ thả ngay chúng ta.

Uyên ngẫm nghĩ hồi lâu mới nói:

- Theo sự tính toán của ta, Nguyễn Phù lúc này đã từ bên kia biên giới về đến Thăng Long. Tại sao huynh lại phải cầu viện đến nhà Minh? Huynh không nhờ đến triều đình nhà Minh mà chỉ nhờ đến bọn quan quân vùng biên giới. Mình chỉ nhờ họ một mức hạn chế, nhờ họ bán vũ khí, nhờ họ trú quân, phòng lúc cần, nhờ họ dàn quân nơi biên cương làm sức ép... Tóm lại không nhờ đến mức họ đem quân sang nước ta.

- Huynh cho rằng người Minh sẽ chỉ dừng ở những mức giúp đỡ mà huynh yêu cầu?

- Mình sẽ trả vàng cho họ.

Dận thở dài... Uyên nhíu mày lại.

- Đệ hãy tin ở huynh. Chúng ta phải biết lợi dụng họ.

- Còn họ chẳng biết lợi dụng ta sao? - Dận lại thở dài.

Nguyên Uyên đứng dậy:

- Hồ Quý Ly là kẻ tàn tặc. Hắn sắp sửa lên ngôi. Cơ nghiệp nhà Trần sắp mất. Vả lại, hán đa sát, nhiễu sự. Lên ngôi, han sẽ là một bạo chúa, một Tần Thuỷ Hoàng của nước Việt. Mà đối với một kẻ bạo tàn như vậy thì biện pháp bất kể thế nào cũng là tốt, cũng được phép.

Nguyên Dận nhắm mắt lại, và thở dài tiếp. Đến quá nửa đêm, một mảnh giấy nhỏ được đút qua kẽ cửa buồng giam. Nguyên Uyên chồm tới xem mảnh giấy. Vẻn vẹn chỉ có bốn chữ: "Nguyễn Phù bị bắt". Nguyên Dận run tay lên khi xem mảnh giấy. Nguyên Uyên ôm đầu, ngồi thừ hồi lúc rồi bảo:

- Phù bị bắt, việc lớn hỏng rồi. Mạng sống của đệ và huynh chắc cũng lỏng.

- Đệ hiểu.

- Chắc chắn Quý Ly sẽ không nương tay với chúng ta nữa. Tình hình khác rồi. Phù bị bắt, Quý Ly biết chúng ta liên hệ với phương Bắc, hán sẽ dùng cực hình để tìm ra những người khác quan hệ với chúng ta.

Nguyên Uyên đi đi lại lại trong phòng giam hồi lâu rồi nói:

- Huynh thế là xong? Huynh đã lớn tuổi, đã có chút chức tước, uy tín, lại quan hệ rộng rãi, Quý Ly ắt phải cho rằng huynh là kẻ cầm đầu, hắn sẽ tập trung vào huynh. Đệ còn ít tuổi, hắn sẽ không tập trung vào đệ, nhưng đệ phải hiểu rằng Quý Ly là người cứng rắn, hắn sẽ không tha cho đệ đâu. Tuy nhiên còn gia đình đệ phải cứu họ; nếu Quý Ly chỉ khép đệ vào tội a dua, gia đình đệ sẽ không bị liên luỵ. Vậy nên đệ nhớ tất cả hãy đổ vào đầu huynh, hay khai hết cho huynh...

Nguyên Dận ngồi im rất lâu, rồi thở dài:

- Đệ tiếc? - Nguyên Uyên hỏi.

- Đệ không sợ chết đâu. Nhưng... có lẽ đệ tiếc thật.

- Tiếc gì?

- Tiếc vì sẽ mất bao mạng người mà lại... vô ích.

- Sao lại vô ích?... Đệ nhầm rồi Từ hơn chục năm nay quyền lực đã rơi hết vào tay phe đảng Quý Ly. Quý Ly chưa lên ngôi, nhưng thực chất đã là vua. Từ đó đến nay đã bao nhiêu cuộc chính biến, âm mưu. Vụ lớn nhất nổ ra đầu tiên là vụ vua Trần Phế Đế bị giết cùng với ngự sử Lê A Phu và các tướng quân Nguyễn Khoái, Nguyễn Vân Nhi, Nguyên Bát Sách. Vụ thứ hai là vụ giết Trang Định Vương Trần Ngạc. Tiếp đó, vụ giết Phan Mãnh và Chu Bỉnh Khuê, hai tướng đóng quân ở Hoá Châu v.v... Tuy họ bị giết nhưng hỏi rằng có vô ích không? ít nhất, đến nay người dân vẫn nhớ câu nói của Phan Mãnh: "Trời không thể có hai mặt trời. Nước không thể có hai vua". Bùi Mộng Hoa là nho sĩ tuy phải trốn biệt tích vào nơi thâm sơn cùng cốc và bị Quý Ly truy đuổi nhưng trẻ con Thăng Long vẫn còn nhớ câu hát đồng dao "Thâm hiểm thay! Lê thái sư". Chống lại bạo tàn là thế. Phải như những đợt sóng, hết đợt này tiếp đến đợt khác. Lịch sử là như vậy. Lịch sử như những đợt sóng điên rồ, quằn quại, hung dữ xô ầm ầm vào nhau để rồi tan hoà vào nhau cho đến lúc một thời thái hoà được thiết lập... Sao lại gọi là vô ích?

Bắt được Nguyễn Phù. Quý Ly vừa lo lắng, vừa mừng rỡ. Lo lắng vì đó là điều ông rất quan tâm. Những người phản đối trong nước là mối lo trực tiếp. Còn nhà Minh ở phương bắc là mối lo gián tiếp nhưng cực kỳ nguy hiểm. Vui mừng, vì điều quan tâm của ông nay đã tìm ra manh mối. Ông cẩn thận sai đóng hàm thiếc vào mồm Nguyễn Phù chờ đem ra đối chứng với Nguyên Uyên. Nhưng khi bị giam vào nhà lao đá, Nguyễn Phù đang đêm đã đập đầu vào vách cứng. Hắn có ý thức về sự nghiêm trọng của vấn đề, và biết mình sẽ bị những cực hình khủng khiếp. nên đã dùng hết sức lao đầu vào vách đá. Đầu bị vỡ, hắn hôn mê chẳng còn có ích gì nữa.

- "Dậy đi! Dậy đi"...

Đang đêm, Uyên và Dận bị đánh thức và bị chuyển ngay sang nhà mật giam. Đó là đêm Phù tự tử. Bọn giám ngục ở đây đối xử rất thẳng tay và kỹ lưỡng. Họ bắt Nguyên Dận há mồm để đóng hàm thiếc. Dận quắc mắt mắng:

- Chúng tao là bậc tôn thất. Đến chủ các ngươi cũng phải vì nể vài phần. Lũ tiểu nhân. Đừng có hỗn!

Bọn quản tù không nói một lời, vật ngã Dận xuống đất. Dận nghiến răng lại cắn chúng. Lũ quản tù bóp mồm Dận, Dận vẫn không chịu mở mồm. Chúng bịt mũi Dận lại, bóp cổ ằng ặc, cho đến lúc há mồm ra, và chúng tống miếng kim khí lạnh ngắt vào đó rồi quàng giây ra sau gáy khoá chặt lại. Đến lượt Uyên, chúng lễ phép:

- Bẩm đức ông, xin đức ông cho phép chúng con thi hành phận sự.

Uyên không nói một lời, nhắm mắt lại, há mồm ra. Hai người bị giam trong nhà đá, nhưng lần này người ta đề phòng cẩn thận hơn. Chân và tay họ bị cùm cố định. Trước khi cùm, người ta lột quần hai người. Lúc này Uyên và Dận mới biết họ bị giam trên một hầm phân. Sát chỗ ngồi mỗi người có một lỗ hổng để họ có thể đái, là tại chỗ. Và cũng lúc ấy, họ chợt hiểu số phận họ đã được định doạt xong.

Trước lúc mang ra tra hỏi, Quý Ly gặp hai người. Ông nói:

- Tội các ông, chắc chắn phải giết. Chỉ có điều nếu chịu khai ra ta sẽ ban cho các ông chết nhẹ nhàng hơn, và vợ con các ông sẽ không bị liên luỵ.

Hai người im lặng. Thái sư tiếp:

- Các ông là tôn thất nhà Trần, tại sao lại đi cầu cứu nhà Minh, cầu cứu ngoại bang? Nhà Minh thương các ông sao? Các ông chỉ tạo cớ cho họ gây hấn, xâm chiếm nước ta. Mà lạ thật, cứ hễ thất thế, các ông lại cầu ngoại. Mẹ Dương Nhật Lễ lúc mất ngôi chạy sang Chiêm Thành cầu cứu Chế Bồng Nga. Đến Trần Nguyên Diệu khi Trần Phế Đế bị chết cũng lại chạy sang Chiêm Thành xin Chế Bồng Nga mang quân đến dày xéo Thăng Long. Đến lượt các ông, lại chạy sang cầu cứu phương Bắc. Vì quyền lợi của gia đình, của dòng họ mà các ông nỡ thế sao?

Nguyên Uyên ngửng đầu lên:

- Ông là kẻ bạo tàn, tất cả đều được phép, bất kể biện pháp gì. Ông không thấy nhân dân khắp nơi, ngay những nơi hang cùng ngõ hẻm cũng oán thán ông sao?

- Nói vậy, tức thị dân chúng khắp nơi đều ủng hộ tôn thất nhà Trần. Dân vi quý ư?... Nói như vậy tức thị chúng tôi là kẻ ngồi thuyền... và dân chúng sẽ làm con thuyền chúng tôi bị đắm... Vậy hà tất gì các ông không xử dụng

những kẻ lật thuyền, mà lại phải móc nối với nhà Minh?

- Ông đừng vội cười... Tôi thất bại... Nhưng sau tôi sẽ có những người khác... Các ông là những bạo chúa - Bạo chúa không bao giờ bền vững lâu dài...

Nguyên Uyên bị tra tấn bằng đủ cực hình, kể cả những cực hình man rợ nhất. Người tra hỏi lần này là Nguyễn Cẩn. Câu hỏi cơ bản nhất chỉ có:

- Để móc nối với nhà Minh, ngoài Nguyễn Phù ra còn có những ai?

Nguyên Uyên nhận hết tội lỗi về mình:

- Chỉ riêng mình tôi có liên hệ với nhà Minh.

Nguyễn Phù là người liên lạc của tôi, còn Nguyên Dậu là bạn rượu, bạn chơi bời, ca hát trên hồ Tây. Anh ta không biết gì hết. Có chăng, anh ta chỉ nói vài câu bất mãn. Nhưng, tôi xin nói lại lời cuối cùng: Các người là những bạo chúa. Không có tương lai lâu dài đâu. Sau tôi, sẽ có những người khác...

Những người thân tín của Nguyên Uyên và Nguyên Dậu đều bị xét hỏi, cả đến Cung chính Vương Trần Sư Hiến cũng không ngoại lệ. Ông già điếc được triệu vào gặp Thái sư. Quý Ly nói chuyện với ông bằng cây bút:

- Vương gia có biết Nguyên Uyên và Nguyên Dận đã âm mưu làm chuyện phản nghịch không?

- Chúng vẫn đàn đúm chơi bời, hát hỏng trên Tây Hồ, nào tôi có biết chuyện gì?

- Vương có biết chúng liên hệ với ngoại bang, mời quân Minh vào nước ta không?

- Liên hệ với nhà Minh ư? Sao lại có chuyện tày trời như thế?

Trong cuộc bút đàm ấy, Nguyễn Cẩn đứng sau lưng Quý Ly, lặng lẽ quan sát từng cử chỉ và nét mặt của Sư Hiến. Nửa chừng cuộc đàm thoại, ở ngoài sân, bỗng có một tiếng nổ long trời, nhưng Sư Hiến vẫn bình thản bút đàm. Đó là tiếng nổ của một quả pháo cực lớn. Thái sư Quý Ly muốn biết Sư Hiến điếc thật hay điếc giả. Người mà Quý Ly muốn tìm kiếm là nhung kẻ chống

đối có tầm cỡ những đại thần, những kẻ có khả năng làm minh chủ. Ông muốn tìm con cá to chứ không phải con tép riu như Nguyên Dận. Thử nghiệm quả pháo đùng ấy chứng tỏ Sư Hiền điếc thật. Không có chứng cứ Cung Chính Vương Sư Hiền thoát nạn.

Hồ Quý Ly đã viết tờ dụ nhân danh ông vua con rể Trần Thuận Tôn, tuyên đọc trước bá quan:

Phủ quân tướng công Trần Nguyên Uyên xưa kia có chút công lao lúc dẹp loạn Dương Nhật Lễ, nên đã được đức thượng hoàng khen thưởng phong cho chức tước. Nhưng Nguyên Uyên là kẻ kiêu ngạo, bất mãn, cậy công, chẳng chịu sửa mình, đã sa vào vòng rượu chè dâm dật.

Lại cấu kết với Nguyên Dận là kẻ trẻ tuổi ngông cuồng, coi trời bằng vung, cậy mình con nhà dòng dõi, nhân lúc thượng hoàng qua đời, đã bàn bạc với nhau, nói những lời sai trái. Nhưng thế vẫn chưa hết, chúng còn phạm vào tội tày trời, liên hệ với ngoại bang, định rước giặc về dẫm đạp lên non sông gấm vóc của cha ông.

Tổ tiên nhà ta khi xưa, sau khi đúc Trần Nhân Tôn đại thắng giặc Nguyên, đại định thiên hạ, đặt ra thể lệ: Phàm những kẻ tôn thất mà theo giặc đều phải xoá bỏ quốc tính và xử tội chết. Nay xét Trần Nguyên Uyên, tội ác tày trời, cấu kết với nhà Minh, chứng cứ đã rành rành, nên:

- Thứ nhất tịch thu điền sản.

- Thứ nhì xoá bỏ quốc tính, đổi họ Trần thành họ Mai.

- Tù nay tên nhơ nhớp của nó là Mai Nguyên Uyên.

- Thứ ba xử tội chết.

- Tất cả những kẻ dính líu đến âm mưu của Mai Nguyên Uyên cũng đều xử tội thật nặng.

chú thích

[i] Việt sử thông giám cương mục tập VII trang 676 viết: "Quý Ly sai

liêm phóng sứ chia nhau đến các lộ, bí mật dò hỏi kẻ hay người dở về quan lại, việc lợi việc hại ở dân gian..."

Lịch sử

Hồ Quý Ly

Chương 5

Khi vụ án trở thành nghiêm trọng, thái sư đã chuyển nó từ tay Hồ Nguyên Trừng sang tay Hồ Hán Thương thụ lý; lại bổ dụng Nguyễn Cẩn làm trợ thủ. Hồ Hán Thương, con út của Hồ Quý Ly còn trẻ tuổi, đã được bổ nhiệm làm chức Đô hộ phủ, quản lĩnh công việc ở kinh đô Thăng Long. Hán Thương bảo với thuộc hạ: Vụ án này phải thi hành cho uy nghiêm.

Hán Thương sai Nguyễn Cẩn chuẩn bị bãi hành quyết ngay tại khu tháp Báo Thiên.

Năm Bính Thân (1058) vua Lý Thánh Tôn cho làm chùa Sùng Khánh Báo Thiên, phát 1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn. Lại cho xây tháp Đại - thắng - tư thiên 12 tầng, cao vài chục trượng. Đời vẫn nói "An Nam tứ khí" (bốn công trình lớn ở Đại Việt), thì tháp Báo Thiên[i] là một.

Dân gian vẫn dùng tên Báo Thiên để gọi những gì nằm chung quanh ngôi bảo tháp. Ta có chùa Báo Thiên, chợ Báo Thiên, phường Báo Thiên. Tất cả tháp, chùa, chợ đều quay mặt về hướng đông nhìn ra chiếc hồ lớn màu xanh biếc tên gọi hồ Lục Thuỷ (đến thời Lê mới đổi tên là hồ Hoàn Kiếm), có nhiều người còn gọi tên hồ cũng là Hồ Báo Thiên. Trước mặt cây tháp, một bãi cỏ rộng chạy dài đến sát mép hồ. Bên kia hồ là những ruộng dâu xanh ngắt trải dài đến tận bờ sông Cái.

Thời Trần, tháp Báo Thiên là một tụ điểm lớn của kinh đô Thăng Long. Ngày tết và tháng giêng, hội chùa Báo Thiên là một lễ hội tưng bừng bậc nhất kinh kỳ. Ngày rằm, mùng một. khách đến lễ chùa cũng đông. Rồi còn chợ nữa, vào những ngày phiên, nhân dân tứ xứ đổ về đây trao đổi, buôn bán. Thời xưa, bãi chợ cũng là nơi Xử chém. "Chém bêu đầu giữa chợ", sở dĩ nhân dân ta có câu nói cửa miệng như thế chính vì lý do trên. Xưa kia, chưa có phương tiện truyền thông, chợ chính là một nơi thông tin. Người thì xem xử trảm, người thì nhìn thấy hàng cọc bêu đầu được cắm bên cạnh chợ,

người ta sẽ đem những điều mắt thấy tai nghe kể với dân làng. Một đồn mười, mười đồn trăm... Chợ chính là tờ báo miệng thời cổ.

Bãi hành quyết được dựng nên ngay cạnh chợ Báo Thiên. phía trước tháp, cạnh hồ Lục Thuỷ. Kỳ đài được dựng bằng gỗ cao hơn mặt đất chừng một trượng; sau kỳ đài, cắm cờ ngũ hành xanh. đỏ, trắng, tím, vàng; trên kỳ đài có bàn và ghế để các quan ngồi. Dưới kỳ đài quân lính mặc quần áo đen, nẹp đỏ xếp hàng ngay thẳng, binh khí tuốt trần, sáng loà.

Nhân dân đi chợ trông thấy kỳ đài, đều biết hôm nay có vụ xử quyết lớn. Người ta vội vã mua bán, rồi kéo nhau đến bu đông nghịt quanh bãi hành quyết. Từ sáng sớm, lính đã đóng cọc. căng giây, tạo thành một vòng tròn lớn chùng vài mẫu ruộng. Nhân dân đều mặc đồ đen và đồ nâu vì vẫn chưa mãn tang đức thượng hoàng Nghệ Tôn. Bãi pháp trường sầm tối một mầu đen kịt. Lại thêm lũ quạ làm tổ trên những cây gạo cao, hoặc làm tổ ở tầng trên cùng của toà bảo tháp ngất trời đột nhiên bay ra, liệng vòng tròn trên trời cao, vừa bay vừa kêu ồn ã. Có thể lũ quạ tiên cảm thấy mùi xác chết. Có thể bằng phản xạ, lũ quạ thấy người tụ hợp vòng tròn, chúng biết sắp có hành hình. Dưới đất mầu đen, trên trời cũng lại có những cánh chim mầu đen bay liệng. Tiếng quạ kêu, hình ảnh quạ lượn vòng cũng là một cách báo hiệu để gọi thêm người đến dự. Vào giờ tị, cổng thành phía Nam mở. Hai hàng lính quần áo đỏ vác giáo oai nghiêm bước ra. Sau đó đến con voi khổng lồ. Trên bành voi, quan đô hộ phủ Hồ Hán Thương mặc áo gấm đen ngồi chễm chệ. Viên quản tượng ngồi sau tai voi mặc áo đỏ quần đen, tay cầm cây dòng sắt, miệng hô những tiếng lạ tai để điều khiển con vật khổng lồ. Chiếc lọng che nắng đen xì dung đưa theo nhịp đi của voi, những chiếc tua đen quanh mép lọng uốn éo, oằn oại, như những bàn tay mầu đen đang vẫy, đang múa. Tiếp theo là hai hàng lính áo đỏ, rồi đến trống cái và chiêng lớn. Tiếng tùng tùng trầm trầm và tiếng bi li ngân nga rên rỉ. Cuối cùng, bốn chiếc xe bò kéo chở bốn chiếc cũi lớn đóng gông bốn người tử tù đem ra pháp trường, và một lũ tù giây.

Hôm nay là một cuộc xử lớn, gồm nhiều vụ án. Vụ đầu tiên: vụ tiền giấy. Vừa qua, nhà vua xuống chiếu ban hành tiền giấy "Thiên bảo hội sao" để dùng thay cho tiền đúc bằng đồng. Những cuộc chiến tranh với Chiêm Thành và những cuộc nổi loạn của nông dân liên miên nổ ra khắp nơi đã làm quốc khố trống rỗng.

Hơn nữa, việc khai mỏ đồng cũng bị sút giảm vì thổ phỉ nổi lên ở vùng rừng núi, nên không có đồng đúc tiền.

Quan thái sư Quý Ly, để cứu vãn tình thế, đã ra lệnh cho Vương Nhữ Chu định thể lệ phát hành tiền mới. Đó là những tờ giấy tốt và cứng, trên giấy vẽ hình như sau:

- Loại 10 đồng vẽ rau rong

- Loại 30 đồng vẽ sóng nước

- Loại 1 tiền vẽ đám mây

- Loại 2 tiền vẽ con rùa

- Loại 3 tiền vẽ con lân

- Loại 5 tiền vẽ con phượng

- Loại 1 quan vẽ con rồng.

Rồi ra lệnh đổi tiền: một quan tiền đồng đổi lấy một quan hai tiền giấy.

Lại ban bố kèm theo lệnh xử phạt: Ai làm giấy bạc giả phải xử tội chết. Nhân dân ai còn tàng trữ tiền đồng, hoặc tiêu tiền đồng, đều phải xử như tội làm bạc giả.

Triều thần và dân chúng xì xào phản đối. Chỉ xì xào thôi chứ chưa có ý kiến nào phản đối thực sự. Người ta chỉ phản đối bằng cách tiêu cực. Nhà nghèo chẳng cần nói gì vì lấy đâu ra tiền. Còn nhà giàu nhiều người đang đêm lén lút chôn hàng chum tiền đồng.

Đô hộ phủ Thăng Long, mới rồi, đã bắt được hai tên nho sinh làm giấy bạc giả. Hình quan tra khảo chúng khai ra tên Nhũ Cái. Đến khám nhà Nhũ Cái, nó đã trốn mất. Hồ Nguyên Trừng cho điều tra biết Nhũ Cái đang ở lộ Tam Giang, đó là nơi có những toán cướp nổi lên. Nguyên Trừng muốn bắt toàn bộ giây phản loạn ấy. Nhưng Quý Ly lắc đầu:

- Hình luật phải nghiêm và hiệu quả ngay từ đầu. Không cầu toàn. Cần gì tiếng khen của một chữ nhân. Cốt là hiệu quả. Họ nhà Trần để đất nước này xộc xệch lâu rồi, lúc này cần thiết nhất phải chỉnh cho nó ngay thẳng lại.

Hai tên nho sinh làm bạc giả bị trói vào hai chiếc cọc. Viên quan truyền lệnh đọc lại chiếu về tiền giấy, bố cáo cho mọi người nghe. Tiếp sau đó tuyên

dọc tội trạng của chúng. Quan truyền lệnh lui ra, chiêng trống nổi lên. Pháp trường im phăng phắc. Chỉ còn nghe thấy tiếng chiêng trống dục dã rền rĩ. Đao phủ khai đao. Gia đình những kẻ bị nạn khóc rống lên. Lập tức lính ào đến, tóm lấy những kẻ khóc, vả vào mồm họ.

Bắt đầu vụ trọng án thứ hai. Ai cũng biết rõ đó là vụ Nguyên Uyên tư thông với nhà Minh. Viên quan truyền lệnh cầm chiếc loa ra tuyên đọc tờ dụ của nhà vua về tội trạng của Uyên và Dận.

Đúng lúc đó, một tiếng hí rung chuyển từ sau kỳ đài bỗng vang lên, tiếng hí từng hồi dài trầm trầm như căm giận và nức nở. Đó là tiếng con voi Thánh Dực của Hồ Hán Thương cưỡi từ cửa Nam đi ra pháp trường. Con voi bị xích vào cây muỗm cổ thụ phía sau kỳ đài. Lúc này, con Thánh Dực đang giơ vòi lên trời và kêu rống. Người quản trượng sợ hết hồn vì chuyện phá rối bất ngờ của con voi. Nó lồng lộn đi lại, đôi mắt quắc lên giận dữ. Chiếc giây xích sắt rủng rẻng. Người quản tượng phải vội vàng vuốt ve con Thánh Dực. Giống voi ưa dỗ dành. Ông vội hát bài hát dỗ voi, hát rằng:

Ơ con voi rừng!

Ơ con voi hoang!

Nước mắt ròng ròng

Cái vòi ủ rũ

Vểnh tai lên mà nghe ta hát!

Vươn vòi lên mà đón nhành hoa!

Con suối rót rách thương cho ngươi

Con chim "Bắt cô trói cột" thảm thiết thương cho ngươi.

Thèm gì cái chuông đeo cổ.

Thèm gì cái bành voi đỏ.

Phất phơ những lá cờ vàng.

Thèm gì lọng xanh lọng tía

Tiền hô hậu ủng nghênh ngang...

Nghe tiếng hát của người quản tượng con voi như dịu đi, nhưng im tiếng hát, nó lại bực dọc lồng lộn. Người quản tượng cuống quýt chàng biết làm thế nào. Còn con voi dữ, nó vẫn lừ lừ đôi mắt đỏ. ngẩng đầu lên trời như để tìm kiếm một cái gì. Nó vươn cao vòi hít hít làn không khí trên vòm muỗm. Đôi tai thỏi ve vẩy như để lắng nghe một âm thanh nào đó mà tai người không nghe thấy. Nó bỗng chồm hai chân trước lên trời, đứng bằng hai chân sau. Người quản tượng rên rỉ: Thánh Dực ơi là Thánh Dực? Mày điên mất rồi? Mày tìm gì trên trời? Mày thấy gì trên tầng cao?

Con voi đã nhìn thấy, nghe thấy một cái gì đó thật, một cái gì đó mà chẳng ai nhận thấy. Lúc này, tiếng hát dỗ dành của người quản tượng cũng trở nên vô ích. Mắt con voi đã đỏ ngầu. Nó hí lên những tiếng hí dài man rợ. nó giật xích làm cây muỗm rung lên bần bật. Lúc này người ta đã đổ xô tới quanh con vật. Người càng đông con voi càng hung dữ.

Quan đô hộ phủ Hồ Hán Thương cũng lúng túng một lát trước tình thế bất ngờ. Con Thánh Dực do những lái buôn voi Chiêm Thành bán cho ông Nguyễn Trâu Điền. Ông Trâu Điền giỏi y thuật, bố của quan nội tẩm học sinh Nguyễn Cẩn đem con voi dâng thái sư Quý Ly. Quý Ly lại cho Hán Thương. Quan đô hộ phủ không ngờ con voi lại bất kham đến thế. Bất thình lình, Hán Thương chợt nảy ý lạ. Ông truyền lệnh:

- Hãy dẫn con voi vào pháp trường!

Người quản tượng leo lên cây muỗm, rồi nhẩy xuống lưng con voi dữ. Xích sắt được tháo. Con voi hùng hổ, sầm sầm đi vào pháp trường. Quan truyền lệnh cầm loa hô to:

Tất cả mọi người hãy dãn ra, lùi thật xa. Những tên phản quốc Mai Nguyên Uyên và Mai Nguyên Dận sẽ bị xử tội voi dày.

Con voi mặt đỏ ngầu, xô tới cái cọc trói Nguyên Uyên, lấy vòi cuộn quanh người kẻ tử tù, nhổ bung cả người lẫn cọc, rồi giơ lên trời. Nguyên Uyên hét to. Con voi dập tất cả xuống mặt đất. Người đi xem hãi hùng bưng mặt. Tiếp đó, con vật lấy chân dậm nát, biến tất cả thành một đống nhão nhoét, đỏ lòm. Nguyên Dận run lên bần bật, hắn ta ú ớ không thành tiếng, và tất cả lại xảy ra giống như Nguyên Uyên.

Dân chúng lảng đi dần. Sau lưng họ, vẫn còn vang tiếng hí rùng rợn của con voi say máu.

Từ trại voi ở Núi Voi bên bờ sông Tô Lịch, người ta phái tới một đội năm con voi trận. Năm con voi đã thuần dưỡng lâu ngày ấy vây chặt lấy con Thánh Dực ép buộc nó phải quay về. Con voi dữ bị giam ở Núi Voi ba ngày. Suốt ba ngày đêm ấy, người dân Thăng Long đều nghe thấy tiếng gầm rú của con voi bất kham, nhất là vào ban đêm thanh vắng.

Tiếng voi như báo một điềm lạ. Tiếng voi thảm thiết, rợn người, đã hằn sâu vào óc người dân kinh kỳ. Nhắc đến chuyện con voi, người ta lại nhớ đến Nguyên Uyên. Nhớ đến Nguyên Uyên. người ta lại nhớ đến câu nói của ông ta: "Các ông đừng vội cười... Sau tôi sẽ có những người khác..."

Những bậc trí giả ở Thăng Long ngậm ngùi thở dài:

- Ông ta là người sát thân thành nhân!

Chú thích :

[i] Khi vua Lê Lợi vây hãm Vương Thông ở Thăng Long, quân Minh phá tháp Báo Thiên lấy đá làm đạn súng thần công. Sau này, thời Pháp thuộc, người Pháp cho đạo thiên chúa xây nhà thờ lớn trên đó

Lịch sử

Hồ Quý Ly

Phần V - Chương 1
Trần Khát Chân

Trại Mai nằm ở phía Nam kinh đô Thăng Long, nơi có những con đường lớn đi về các phủ, trấn, lộ phía nam như phủ Thiên Trường, lộ Thanh Hoa, lộ Diễn Châu v.v...
Trại Mai ở giữa cánh đồng rộng, có một con đường nhỏ dẫn vào. Mùa xuân, mới bắt đầu đến quãng đường rẽ, ta đã trông thấy một rừng mai trắng ngát, phớt mầu xanh, mầu của những cây mai trổ hoa và mầu của những mầm lá non.
Trại Mai là thái ấp của thượng tướng quân Trần Khát Chân (ngày nay dân Thăng Long còn nhận ra dấu vết của vùng thái ấp qua các địa danh làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động, chợ Mơ, phố Bạch Mai v.v..) Khi Trần Khát Chân giết được Chế Bồng Nga, cứu nguy cho xã tắc, Thượng hoàng Trần Nghệ Tôn liền phong cho ông tước Vũ Tiết Quan Nội Hầu. Đất phong hầu của ông chính là vùng Mơ này. Trước khi Thượng tướng đến ở, vùng nam Thăng Long đã có cây mơ đặc sản. Thiên hạ đã gọi dân vùng đó là Kẻ Mơ.
Chỗ gò đất cao mà thượng tướng định xây cất dinh thự có một lão nông đã ở từ lâu. Căn nhà chỉ là chiếc lều cỏ ông lão làm ruộng, thêm nghề chăn vịt, nhưng cũng như dân trong vùng, ông vẫn có một vườn mai nhỏ cạnh nhà. Đặc biệt, trước căn lều của ông cụ, có hai cây mai cổ thụ mà dân kẻ Mơ vẫn gọi là hai cây mai tổ. Hai cây mai già thuộc loại mai hiếm. Cây đã đẹp, quả lại ngon. Thường thường, cây mai chỉ sống vài chục năm là giỏi, nhưng nhờ chất đất đặc biệt ở ngôi gò và nhờ sự chăm sóc khéo léo của ông cụ, nên đôi lão mai đã sống trên dưới trăm tuổi mà cành lá vẫn xum xuê tươi tốt. Hôm thượng tướng đến thăm đất, ông cụ nói: Hai cây lão mai này của các cụ tôi để lại, bao nhiêu tuổi rồi chẳng rõ. Chỉ biết lúc tôi còn bé, chúng trông đã già côi như thế này rồi. Được cái già cỗi nhưng vẫn còn tráng kiện. Mỗi năm hai cây cũng cho được bốn thúng quả. Quả to bằng ngón chân cái, ăn vào ngăm ngăm vị đắng, chẳng chua lắm, cũng chẳng ngọt lắm, đặc biệt, hương của nó cứ ngát mãi trong miệng, dư vị đậm đà kéo dài. Dân làng vẫn xin giống nó về trồng, vì

thế mới gọi là hai cây mai tổ.
Ông lão nói, mắt long lanh hãnh diện. Thượng tướng cười:
- Cụ mới nói. tôi đã thấy thèm.
- Bẩm đức ông, tôi lại học được ở các cụ tôi cách làm rượu mai. Nhà vẫn có hơn chục cái vò sành chuyên dùng ngâm rượu. Chọn những quả mai lành lặn nhất, đẹp mã nhất, không xanh mà cũng không chín, cho vào vò rồi đổ ngập rượu. Đậy chặt bằng nút lá chuối khô. Chôn sâu dưới đất, càng để lâu càng ngon. Ông lão vào nhà, lấy cái thuổng ra vườn đào một vò rượu mai:
- Bẩm tướng quân, đây là vò rượu đã chôn mười năm, vò rượu để chờ khách quý. Nếu chưa gặp khách quý, đến lúc sắp chết tôi mới đào lên để uống, trước khi về chầu tiên tổ cho thơm tho mát mẻ. Ông lão rót rượu ra chiếc bát, rượu sóng sánh vàng như mật ong, hương mai thơm nức khu vườn. Thượng tướng không nỡ hưởng của quý, cố chối từ. Ông lão bèn nói:
- Thượng tướng là quý nhân, người có công giúp trăm họ thoát nạn đao binh... Chính gia đình tôi cũng được nhờ. Tôi có ba người con trai. Hai người đi lính chết trận bởi tay quân Chiêm. Nay chỉ còn thằng út lấy vợ làng bên. Từ nay dân chúng không còn sợ quân Chiêm ra quấy rối Thăng Long nữa.
Trần Khát Chân nghe vậy không nỡ từ chối. Ông bưng bát rượu sóng sánh mầu hổ phách lên miệng, uống một hơi. Uống xong. suốt ngày hôm ấy trong miệng còn phảng phất hương mai.
Thượng tướng bèn cho xây nhà trên quả gò cao đó. Vẫn để nguyên hai cây lão mai quý báu. Cụ lão nông được thượng tướng tuyển dụng làm người chăm sóc vườn tược trong thái ấp. Trước kia phải bận lo việc mưu sinh, còn bây giờ ông lão tha hồ thoả thích chăm lo việc làm vườn, đó là công việc lão hằng mê mẩn. Lão mê mẩn nhất hạng cây mai. Cây mai đẹp vì dáng, vì hoa, vì quả còn vì lá của nó. Có giống mai lùn, xoè ra như cái nơm, trẻ con lẫm chẫm với tay cũng bứt được quả. Có giống mai cao thanh mảnh. Mùa đông, cành khô gầy trụi lá, mà hoa lại tíu tít ken dày. Cây mai lúc đó trông như một cành khô với ngàn vạn con bướm trắng xinh xinh nối đuôi bám vào nhau. Hoa mai nói là trắng nhưng thực ra nhiều mầu. Có thứ phau như tuyết, có thứ phớt hồng, có thứ mầu hoàng yến, có thứ trắng đốm vàng hoặc điểm tia hồng, có thứ màu ngà vương gia...
Nhưng bao giờ ông lão Mai cũng có thể tự hào về hai cây lão mai truyền thế của gia đình mình. Mùa đông, khi lá mai rụng hết, những nụ mai không biết ẩn nấp từ đâu bỗng đột nhiên đồng loạt chồi lên ở khắp mọi cành, cứ như thể một phép lạ đã mời đón chúng về chen

chúc gọi xuân. Khác với loại mai thường, hai cây lão mai nụ rất to, mà hoa cũng rất to. Lúc mãn khai, hoa nở gần to bằng con bướm, những con bướm nhỏ trắng tinh khiết và mong manh. Quan thượng tướng thường ngồi ngây ngất hàng giờ ở hiên nhà để ngắm đôi lão mai toả trắng làm sáng cả vùng sân. Ông hay lim dim con mắt để tận hưởng mùi thơm thoảng của mai, mùi thơm mà chỉ khi nhắm mắt. định thần. ta mới cảm nhận thấy.

Ông Lão Mai xin thượng tướng cho phép trồng hẳn một vườn mai mới ở phía hữu dinh thất. Phía bên tả sẽ trồng một vườn cây ăn quả khác. Bởi vì, mai thuộc loạt cây âm hàn ra quả vào mùa đông lạnh, cần phải hài hoà cân đối bằng một vườn cây mùa hạ, những thứ cây thuộc về dương hoả. Thượng tướng nghe vậy rất đẹp lòng, cho phép ông già được tuỳ ý trồng cây.

Lão Mai vội vã lặn lội đi tìm giống cây quý ở khắp nơi đem về ươm trồng. Có thứ gieo hạt. Có thứ đánh cả cây to về trồng ngay. Có bận, ông già đem cả một đoàn thuyền vào tận suối Đục vùng Hương Tích, đánh những cây mai lớn mọc hoang ở những thung lũng sâu trong rừng, lấy lạt chằng buộc giữ nguyên những bồng đất to đem xuống thuyền chở về trồng. Đó là những gốc mai đặc biệt có dáng đẹp, hoặc quả thơm ngon. Chỉ ba năm sau, vườn mai của thượng tướng đã nổi danh khắp kinh thành Thăng Long. Những bậc tao nhân mặc khách đều đã ít nhất một lần đến thăm vườn mai.

Hồ Nguyên Trừng là người đầu tiên phát hiện ra vườn mai. Lạc vào đó, ông như mê mẩn tâm thần. Trần Khát Chân sai gia nhân bày tiệc giữa vườn, đãi khách. Rượu đã dành là rượu mai. Còn thức nhắm Nguyên Trừng đề nghị cất hết mọi sơn hào hải vị; ông chỉ xin đem ra toàn những quả mai: quả mai vàng Hương Tích thoáng ngọt, thoáng chua. quả mai xanh xứ Lạng nhần nhận đáng nhưng hương lại nồng nàn; có thứ quả nửa mai nửa đào, lấy giống từ núi cao giáp giới vùng Vân Quý phương Bắc, cắn vào miệng, nước ứa ra thơm lừng, cuối cùng là thứ tiểu mai, chín rồi mà quả vẫn xanh rờn nhỏ xíu, ăn vào lúc đầu thấy đắng, nhìn kỹ sau thành vị ngọt... Đó là bữa tiệc nhớ đời Nguyên Trừng đi đâu cũng nói với mọi người như vậy.

Thượng tướng nhân lúc tửu hứng, đọc bài thơ Giang Mai (cây mai trên sông) của Đỗ Phủ:

Tháng chạp nhuỵ mai vừa hé
Sang năm mai nở đầy cành
Vẫn biết ý xuân xinh đẹp
Riêng lòng lữ khách buồn tênh
Cây và tuyết cùng một sắc

Gió trên sông, sóng bồng bềnh
Vườn cũ nào đâu còn thấy
Núi Vu Cao một màu xanh.
Nguyên Trừng khen thú vị, bèn sai gia nhân lấy bút, giấy ra vẽ một cây mai trên một mỏm núi. Dưới núi, một dòng sông, một lá thuyền. Trừng ngẫu hứng vẽ, phóng bút rất nhanh, chỉ một loáng đã xong. Cạnh bức tranh đề hai câu thơ:
Lạc tới chiêm bao mai một nhánh
Muốn đem tặng bạn, khó vô ngần
Khát Chân cười ha hả, ông thích cái ý tặng bạn một nhành mai, cả trong cơn mơ, một ý thơ phóng khoáng, kỳ thú, như ông nói.
Trừng hỏi:
- Huynh có biết hai câu thơ này của ai không?
- Xin chịu.
- Đó là hai câu cuối trong bài thơ Tảo Mai (hoa mai sớm) của ông thiền sư Trần Nhân Tông, lúc ngài tu hành trên núi Yên Tử.
Từ bữa tiệc vườn mai nhớ đời ấy, Nguyên Trừng và Khát Chân luôn luôn đi lại với nhau.
Và cũng từ đó, mỗi độ xuân về, quan thượng tướng lại mở tiệc trong Vườn Mai, và đặt tên là tiệc "Đại Mai".
Mùa Xuân năm Giáp Tuất (1394), thời tiết ấm áp, báo hiệu năm ấy sẽ phong quang hoà cốc, nên thượng tướng Khát Chân mở tiệc Đại Mai to hơn mọi năm. Năm ấy, sức khỏe thượng hoàng Nghệ Tôn đã yếu lắm. Thượng tướng mời thượng hoàng đến dự tiệc xuân. Nghệ Tôn đã bảy mươi tư tuổi. gần đến ngày hội thế. chợt thấy trong người dễ chịu, ông nhận lời đến dự. Dĩ nhiên, quan bình chương, tức thái sư Quý Ly, phải là khách danh dự số hai.
Trại Mai treo đèn kết hoa, nhộn nhịp đón khách quý Những chiếc đèn lồng bàng gấm đủ mầu lộng lẫy được đem treo ở trước sân, trên hai cây lão mai, Nghệ hoàng phấn chấn, tinh thần hơn hẳn mọi ngày.
Ngài bảo:
- Ta đã ban cho quan bình chương tranh "tứ phụ" nay cũng ban cho quan thượng tướng tranh "nhị hùng" để tỏ lòng ưu ái hiền tài của ta. Thái sư là tể phụ của con trai ta, sau này sẽ thay ta bảo ban cho quan gia mọi việc chính sự. Còn khanh là bậc tướng giỏi, sau này sẽ là cây cột trụ giữ yên bờ cõi.
Thượng tướng quỳ xuống tạ ơn. Ông vua già sai lấy hai bức tranh võ tướng: thứ nhất là bức vua Lê Đại Hành phá Tống bình Chiêm, thứ hai là bức Trần Bình Trọng "Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". Thượng tướng tay nâng hai bức tranh, rưng rưng

nước mắt. Ông khóc vì ông là cháu chắt của vua Lê Đại Hành và của tướng Lê Bình Trọng. Khi phá quân Nguyên, Bình Trọng sa vào tay giặc đã không hàng, đức vua Trần Nhân Tôn đánh giá cao lòng trung liệt đó nên đã ban cho quốc tính. Từ đó dòng họ Lê nhà ông đổi sang họ Trần. Và tên ông mới thành Trần Khát Chân. Cái ý ngầm của Nghệ Tôn đã rành rành. Làm sao ông không cảm kích.
Nghệ Hoàng nhấp ly rượu mai, cắn quả mai thơm rồi nói:
- Tiệc Đại Mai, rừng mai, rồi cả hai cây lão mai của khanh, quả danh bất hư truyền.
Rồi ngài sai lấy gấm vàng và bút lớn ra, viết một bức trướng. Nghệ Hoàng vốn tài văn học, nổi tiếng chữ viết bất phàm. Tấm trướng như rồng bay phượng múa:
Gương trung dũng rạng chiếu ngàn thu
Chí anh hùng nêu danh muôn thuở
Nghệ Hoàng quay sang thái sư Quý Ly, nói:
- Khanh là người giỏi thơ quốc ngữ. sao lại không nhân bữa tiệc làm một bài thơ tặng thượng tướng.
Thái sư nhấp hớp rượu, ngẫm nghĩ một lát rồi viết một bài thơ trên giấy vân bạch:
Cây mai già! Cây mai già!
Bình ngọc rượu lừng hương
Mỗi độ xuân qua,
Mai nở chật vườn.
Cây mai già
Cánh hoa ngọc ngà
Dầu dãi tuyết sương.
Đã lâu rồi sao vẫn lặng tanh
Kẻ trượng phu sao phụ chí bình sinh?

Lịch sử

Hồ Quý Ly

Chương 2

Thế kỷ XIII Đại Việt ba lần chiến thắng lẫy lừng quân Nguyên hung bạo. Nhưng ngay sau đó, thế kỷ XIV nhất là nửa sau của nó, Đại Việt trở nên suy yếu, làm mồi cho sự tấn công liên miên của người Chiêm Thành phương Nam. Vào thời kỳ đó, có thể nói quân Chiêm ra vào tấn công Đại Việt như đi chợ, muốn đánh lúc nào thì đánh, muốn rút lúc nào thì rút.

Tính từ khi vua Nghệ Tôn dẹp loạn Dương Nhật Lễ, chiến tranh Chiêm - Việt xảy ra mười lần, hầu hết quân Việt bị thua.

Sau trận đại bại của quân Việt năm Đinh Tỵ (1377), khi vua Duệ Tôn đem mười hai vạn quân vào thành Đồ Bàn, đại quân tan tác. Duệ Tôn tử trận, từ đó Đại Việt hoàn toàn mất hết nhuệ khí, quân Việt từ chỗ khinh thường quân Chiêm, đã quay ngược trở lại, trở nên sợ hãi quân Chiêm. Còn quân Chiêm từ chỗ nhút nhát, sau chiến thắng, đã trở thành đội quân thiện chiến, gan dạ.

Quân Chiêm, dưới sự chỉ huy của thiên tài quân sự Chế Bồng Nga, thường đem quân ra đánh phá nước ta vào mùa gió nồm nam. Bình thường họ đánh phá cướp bóc các tỉnh miền Trung: Thanh đô trấn, Nghệ An, Tân Bình. Thuận Hoá. Khi thời cơ thuận tiện, Chế đem quân ra tận kinh đô Thăng Long cướp phá.

Vua Nghệ Tôn tính tình nhu hoà, vô cùng sợ người Chiêm. Nghệ Tôn sợ hãi đến nỗi đem tất cả mồ mả cha ông chuyển về làng Yên Sinh ở Đông Triều. Lại đem chôn dấu vàng bạc, tiền đồng và của quý vào trong núi đá.

Trong vòng hai mươi năm, từ năm 1370 đến năm 1390, quân Chiêm Thành đã xâm nhập đốt phá Thăng Long bốn lần. Lần thứ nhất, ngay sau khi Nghệ Tôn mới lên ngôi. Đại Việt sử ký còn ghi:

"Tháng ba nhuận năm Tân Hợi (1371), người Chiêm thành sang cướp phá, tiến quân vào từ cửa biển Đại An, tiến thẳng đến kinh sư. Dụ binh của giặc đến bến Thái Tổ, phường Phục Cổ (ngày nay khoảng phố Nguyên Du). Vua đi thuyền sang Đông Ngàn lánh giặc. Ngày 27, quân Chiêm vào Thăng Long, đốt phá cung điện, cướp lấy con gái đẹp, vàng bạc châu báu đem về... Giặc đốt cung điện đồ thư trụi cả...

Lần đốt phá Thăng Long thứ hai của quân Chiêm xảy ra năm 1877.

Lần đốt phá Thăng Long thứ ba xảy ra năm Mậu Ngọ (1378).

Lần đốt phá Thăng Long thứ tư, quân Chiêm tiến hành vào năm Quý Hợi (1383). Sử cũ ghi:

"Quý Ly phải sai nghĩa độ là Nguyễn Đa Phương dựng rào trại quanh kinh thành ngày đêm canh giữ."

Nghệ Hoàng sợ hãi, xuống thuyền ngự định sang Đông Ngàn lánh nạn. Có người nho sinh Nguyễn Mộng Hoa ra bến sông, lội xuống nước níu thuyền vua, xin thượng hoàng ở lại đánh giặc. Thượng hoàng bảo:

- Ta cũng giống như Bái Công, Hán Cao Tổ; còn Chế Bồng Nga chẳng khác nào Hạng Võ. Thua được; bên chạy bên đuổi là lẽ thường tình. Kẻ kia hung hăng, còn ta mềm dẻo, cũng lại là lẽ thường tình. Chỉ đến phút cuối ai được ai thua rõ ràng mới quan trọng.

Thực ra, Chế Bồng Nga không chỉ là một con người hung hăng, hữu dũng vô mưu. Nói công bằng, ông ta là một thiên tài quân sự, một vị anh hùng cuối cùng của người Chiêm Thành.

Đêm đã tàn, đã thưa thớt ánh sao, đột nhiên một ngôi sao băng bỗng lóe lên rực rỡ trên bầu trời Chiêm Thành. Ông ta như một khắc tinh đối với Nghệ hoàng. Ông ta đã vây hãm khốn đốn Đại Việt, đã huỷ diệt nốt những năng lượng cuối cùng của dòng họ Trần, đã một thời leo lên đến tột đỉnh vinh quang. Nhưng một ngôi sao dù sáng đến thế nào. cuối cùng cũng phải đi hết con đường xạ quang của nó. Cả cơ đồ nhà Trần, cả đến sự nghiệp rực rỡ của Chế Bồng Nga, cuối cùng cũng phải kết thúc như vậy mà thôi.

Lần vật lộn khốc liệt cuối cùng giữa Chế Bồng Nga và quân Đại Việt là lần thứ năm quân Chiêm Thành định ra cướp phá Thăng Long. Lần này, họ Chế chuẩn bị rất chu đáo.

Trước tiên, về mặt chính trị và ngoại giao, họ Chế đã tiến hành cô lập Đại Việt. Năm 1870, Chế Bồng Nga đem cống nhà Minh voi, hổ và các sản vật phương Nam. Năm 1372. sau khi đánh bại Đại Việt, Chế lại mang lễ vật sang nhà Minh, vừa báo tin thắng trận, vừa xin vua Minh cung cấp vũ khí. Năm 1386, Chế sai con trai sang chúc thọ Minh Thái Tổ, y đã được nhà Minh tiếp đãi long trọng.

Trong khi ấy, nhà Minh lại giả trá, lặp lại thủ đoạn xưa cũ mà nhà Nguyên đã dùng, họ mượn đường Đại Việt đi đánh Chiêm Thành. Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương yêu cầu Đại Việt phải đem cống voi, và đặt các trạm ở dọc đường suốt từ biên giới Trung Việt cho tới Nghệ An. Chuyện này ta không đáp ứng, nhà Minh cũng không trách cứ. Nhưng về thực chất, có lẽ đằng sau những cử chỉ ấy đã có sự bàn ngầm giữa nhà Minh và Chiêm Thành. Họ toan tính muốn xoá sổ Đại Việt bằng cách đánh từ hai đầu.

Đang lúc quân Minh còn rập rình ở biên giới, thì Chế Bồng Nga đã đem đại quân tiến vào Đại Việt.

Đó là năm Canh Ngọ (1390), tình hình Đại Việt lúc đó, ngoài nước cũng như trong nước đều hết sức rối ren. Nghệ Tôn đã hơn 70 tuổi. Vua con Trần Thuận Tôn vừa lưới lên ngôi. Tất cả quyền hành bấy giờ đã hoàn toàn nằm trong tay Thái sư Quý Ly.

Nhìn toàn cục, có thể nói số phận Đại Việt đang như ngàn cân treo sợi tóc. Phía Bắc quân Minh rập rình ở biên giới. Phía Nam, quân Chế Bồng Nga ào ạt tràn vào Trong nước có ba cuộc nổi loạn: ở Thanh Hoá, Nguyễn Kỵ xưng vương tại Nông Cống, Nguyễn Thanh xưng vương ở Sông Lương. Sát kinh đô, nhà sư Phạm Sư Ôn đã tập hợp được ba vạn quân ở lộ Quốc Oai.

Quan đứng đầu Thanh Hoá là tôn thất Trần Nguyên Diệu đã ra hàng Chế Bồng Nga.

Họ Chế, qua báo cáo của Trần Nguyên Diệu, đã nắm chắc tình hình Đại Việt. Ông ta vui mừng:

- Thời cơ đã đến. Vận số Đại Việt đã hết. Phen này diệt xong Thăng Long, sẽ giao Quý Ly cho ông xử tội. Sẽ phong ông làm vua. Sẽ giống như nhà Tống và nước Liêu nước Hạ. Đại Việt và Chiêm Thành sẽ kết anh em.

Nguyên Diệu nhất nhất đều đồng ý với họ Chế. Vua Chiêm liền chọn Thanh

Hoá là vùng tấn công đầu tiên. Sở dĩ Chế Bồng Nga chọn Thanh Hoá vì nơi đó là đất phong của Trần Nguyên Diệu, vả lại Nguyễn Kỵ và Nguyễn Thanh nổi loạn nên chính quyền ở Thanh đô trấn hầu như đã tan rã.

Nghe tin Thanh Hoá nổi loạn và Chế Bồng Nga đã đem quân sang xâm lấn, Lê Quý Ly vội đem quân đến vùng này.

Cũng cần phải nói thêm, lần này Chế Bồng Nga xuất quân, sau khi Đại Việt xảy ra cuộc chính biến lớn. Phe bảo thủ do Trần Phế Đế chủ trương định tiêu diệt Quý Ly song thất bại. Phe canh tân, do Quý Ly cầm đầu thực lực rất mạnh. Thượng hoàng Trần Nghệ Tôn vẫn hoàn toàn dựa vào phe Quý Ly. Nghệ Tôn không thích những sự xáo trộn, cho rằng Phế Đế làm vua như vậy sẽ gây chia rẽ và suy yếu đất nước. Quý Ly lại khéo kích động vào tình cảm hơn kém giữa con và cháu, nên cuối cùng Nghệ Tôn truất Phế Đế là cháu để lập con là trần Thuận Tôn lên ngôi vua.

Trần Nguyên Diệu, em trai Phế Đế, vì thù anh bị giết, và cũng vì ngấp nghé muốn nhòm ngôi vua, nên đã trốn vào thành Đồ Bàn hàng Chế Bồng Nga. Vua Chiêm được hàng tướng tầm cỡ như Nguyên Diệu, mừng như bắt được vàng. Thực ra. trước đó đã có hai người đầu hàng Chiêm: đó là thái hậu Dương Thị, và Nguỵ Câu Vương Trần Húc con cả Trần Nghệ Tôn. Tuy nhiên. hai người đó đều không có uy tín trong Đại Việt, nên họ Chế không lợi dụng được nhiều lắm. Lần này, được Nguyên Diệu, một đại thần em vua, lại là quan đứng đầu một lộ, lại là người có nhiều quan hệ với các đại thần đương quyền ở Đại Việt. Chế nghĩ: "Câu được con cá này mới là cá to." Chế bảo Diệu:

- Ta sẽ giúp ông diệt Quý Ly, còn ông cũng phải giúp ta.

Diệu nói:

- Để công việc thuận lợi, tôi sẽ viết mật thư cho quan tư đồ Trần Nguyên Đĩnh, quan thiếu bảo Trần Tôn, cả Trang Định Vương Ngạc nữa. Những người này thù ghét Lê Quý Ly đến tận xương tuỷ.

Lúc đó ở Đại Việt, triều đình chia rẽ năm bè bảy mối, lòng người khàng tảng, nhiều kẻ quan cao chức trọng, thân ở đất Việt mà lòng ở đất Chiêm, do đó quân đội mất hết sức mạnh.

Quý Ly đi vào vùng sông Lương Thanh Hoá, vùng ảnh hưởng của Trần Nguyên Diệu khá mạnh. Diệu và Chế nêu cao ngọn cờ diệt Quý Ly phục

Trần, nên quan lại ở Thanh Hoá theo họ khá đông. Chí ít, người nào không theo cũng không cộng tác với thái sư.

Khi quân Quý Ly đến, ông ở trên đất Việt nhưng lại hoá ra như kẻ ngoại lai đến. Lòng người quay trở, nên đất của ta biến thành đất của địch. Quý Ly sai đóng cọc trên sông Lương, ngăn không cho quân Chiêm tiến. Chế Bồng Nga có Nguyên Diệu chỉ điểm địa hình, đã đáp đập ở thượng nguồn sông Lương. Sau đó, họ Chế cho quân và voi mai phục rồi giả vờ thua chạy. Quý Ly sai mở cọc trên sông đưa thuỷ binh truy kích. Trên bộ, quân tinh nhuệ cũng đuổi theo quân Chiêm. Đúng lúc đó Chế Bồng Nga phá đập ở thượng nguồn sông Lương. Nước ào ạt chảy như thác đổ, đẩy chiến thuyền Quý Ly trôi xuống hạ lưu. Đồng thời. voi và quân mai phục cũng nhất tề xông ra. Voi gầm, quân thét vang trời. Quân Quý Ly rơi vào thế bị động. Quân bộ và quân thuỷ bị tách rời, không ứng cứu được cho nhau. Quân sĩ bị tiêu diệt. Bảy mươi viên tướng bị bắt. Quý Ly và một nắm tàn quân thất trận, tơi tả trở về Thăng Long.

Nguyễn Đa Phương và Phạm Khả Vĩnh mang hậu quân từ tuyến sau lên cầm chân giặc. Thế giặc, theo đà chiến thắng. trở nên quá mạnh. Đa Phương biết không giữ nổi, liền bỏ Thanh Hoá, bảo toàn lực lượng, đem quân về đồng bằng sông Hồng để bảo vệ Thăng Long. Chế Bồng Nga thắng lớn, cờ rong trống mở đưa quân ra biển, rồi định tràn vào vùng châu thổ sông Hồng, phen này quyết đại phá Thăng Long.

Như ta đã biết, Đa Phương là con cụ Sư Tề, thầy dạy võ của Quý Ly. Quý Ly nhận Phương làm em và có ý gây dựng làm thủ túc. Đa Phương sức khỏe hơn người, nức tiếng dũng sĩ Thăng Long. Để đề cao Đa Phương, Quý Ly cho mở võ đài tỉ thí ở tháp Báo Thiên. Đa Phương giữ đài, thách đấu với võ sĩ cả nước. Đa Phương đánh bại tất cả, được tôn vinh là đệ nhất võ sĩ. Phương lấy làm đắc ý, thường coi người bằng nửa con mắt. Cụ Sư Tề lấy làm lo sợ, bảo con:

- Thời này, thời đại loạn, thời của những mưu sâu, kế lạ, đâu có phải thời của những kẻ hữu dũng vô mưu. Hãy cẩn thận, kẻo đến lúc không có đất mà chôn.

Đa Phương ngoan cố, không cho lời cha dạy là phải. Cụ Sư Tề buồn bực, bỏ Thăng Long trở về quê, rồi biệt tăm biệt tích.

Sau trận sông Lương (Thanh Hoá) Đa Phương tự cho mình võ cũng giỏi, mà cầm quân cũng giỏi. Phương thấy Quý Ly thua trận, cho rằng thời thế của

Quý Ly đã hết. Nay thái sư chỉ như khúc gỗ mục trôi sông, bám vào con người hết thời ấy làm gì. Phương về Thăng Long, rêu rao:

- Thái sư bất tài quân sự, chỉ có tài nói giỏi và bày vẽ ra lắm chuyện viển vông.

Đa Phương không hiểu thế của Quý Ly đã vững như bàn thạch. Thế ấy là nhờ một phe đảng đông đúc, như tấm lưới dày chăng ra từ trong triều đến các địa phương. Đến ngay như Nghệ Tôn còn phải nể sợ cái thế này.

Quý Ly nói với Nguyên Trừng:

- Đáng lẽ ra những lúc này, Phương cần phải trung thành với ta. Ta tin hắn nhưng thực không ngờ, lúc bão tố hắn lại quay đầu phản ta.

Nguyên Trừng bảo cha:

- Chẳng cứ gì Phương, trong triều lúc này, rất nhiều lời xì xào. Họ tưởng rằng ta đã lung lay. Nhất là khi thấy người thân cận của ta quay đầu: chống lại ta.

Quý Ly bỗng trở nên buồn rầu:

- Ta đâu phải là kẻ không tình nghĩa. Nhưng những kẻ càng gần ta trong lúc này lại phản ta, kẻ ấy càng cực kỳ nguy hiểm.

Quý Ly bèn tâu với Nghệ hoàng:

- Con người này quá thô thiển và kiêu căng vô lối. Làm tiểu tướng thì được, làm đại tướng thì hỏng.

Bèn thu hết binh quyền của Phương. Đa Phương ngẩng mặt lên trời than thở:

- Trời hại ta rồi. Con chim kia vì tiếng hát hay nên bị sa lưới, vì bộ lông đẹp nên bị tên bay. Trời sinh ra Đa Phương này có tài để làm gì. Đức chí tôn cũng bị quáng mắt rồi.

Nghệ hoàng nghe thấy bảo:

- Người này quá kiêu căng. Cần trị tội nhẹ để răn bảo.

Quý Ly tâu:

- Đa Phương có sức khỏe dũng sĩ. Nếu bất mãn, sợ hắn sẽ chạy sang phương Bắc với nhà Minh, hoặc vào phương Nam với Chiêm Thành. Thả cọp về rừng sẽ di hoạ về sau. Chi bằng giết đi là xong.

Bèn ra lệnh cho Đa Phương uống thuốc độc tự vẫn.

Đa Phương lại than:

- Ta vì có tài nên được sang. Lại cũng vì cái tài nên phải chết. Chỉ hận không được chết ở chốn sa trường.

Tình thế bây giờ quá đôi rối ren. Đang đêm, có ngựa trạm mang thư về Thăng Long cấp báo:

"Quân của Chế Bồng Nga đã từ biển đi vào sông Hoàng Giang. Thế lực quân Chiêm khá mạnh. Hơn một trăm chiến thuyền đậu kín một khúc sông. Bọn chúng còn đóng binh ở Hoàng Giang chờ hậu quân. Bộ binh và tượng binh đang từ Thanh Hoá tiến ra."

Nghệ hoàng cho triệu Lê Quý Ly. Thái sư tâu:

- Chế Bồng Nga rất thâm hiểm. Hễ khi nào có người đầu hàng dẫn đường là chúng kéo quân ra Thăng Long. Bởi vì chúng đã có tay sai để lập vua hờ. Lần này, Trần Nguyên Diệu đầu hàng. Diệu là đại thần, thông thuộc mọi chuyện trong nước. nhất định quân Chiêm sẽ đánh Thăng Long.

- Ta nên đối phó ra sao?

- Tâu bệ hạ, liêm phóng sứ ở lộ Quốc Oai mật báo về rằng quân của thầy chùa Phạm Sư Ôn nổi loạn cũng định nhân cơ hội này kéo về Thăng Long. Như vậy, kinh sư đang bị tấn công từ hai phía. Xin bệ hạ cứ yên tâm. Thần đã trù tính kỹ càng. Mọi việc đã sẵn sàng. Khi cần, thượng hoàng và hoàng gia hãy tạm lánh sang Đông Ngàn, sau đó đi thuyền đến Lục đầu giang. Thần đã cho người đến hành cung Bình Than chuẩn bị tiếp đón hai vua.

- Vậy ai sẽ là người cầm quân chống Chiêm Thành? Ai sẽ là người đi dẹp bọn giặc cỏ ở lộ Quốc Oai?

- Thần đã suy tính nát óc. Tướng già nhiều kinh nghiệm ta còn Phạm Khả Vĩnh và Hoàng Phụng Thế. Hoàng Phụng Thế thì quá già, còn Khả Vĩnh vừa qua lại rất thân thiết với Đa Phương. Phương vừa bị giết, ta lại chưa dò biết được lòng Vĩnh hiện nay ra sao. Chi bằng, cứ để Vĩnh và Thế đóng quân ở Hoàng giang đối phó với tiền quân Chiêm Thành do tướng La Ngại chỉ huy. Hiện nay, ta đang rất cần một viên tướng trẻ có khả năng táo bạo, bất ngờ với địch để chỉ huy toàn quân.

- Khanh đã chọn được ai?

Thần thấy trong đám tướng trẻ có hai người khả dĩ. Người thứ nhất là Đặng Tất rất năng nổ táo bạo. Người này đã cầm quân ở Châu Hoá, có nhiều kinh nghiệm đối phó với quân Chiêm. Ngặt một nỗi hiện nay Tất ở xa. Gọi về cũng mất hàng tháng.

- Nước xa làm sao cứu được lửa gần. Vậy, còn người thứ hai?

Quý Ly hiểu ngay lòng Nghệ Hoàng... Sở dĩ ông vua già không đậm với Tất bởi vì Đặng Tất là người thân tín của thái sư. Vừa qua, Quý Ly trừ khử Nguyễn Đa Phương. Nghệ hoàng cũng chẳng tỏ vẻ thương tiếc gì lắm, phần nào cũng vì lẽ ấy.

Quý Ly là người giầu óc thực tế. Ông cũng hiểu sự tương quan lực lượng. Vả lại, lúc này ông và Nghệ Hoàng đang ngồi chung một chiếc thuyền. Việc lớn là chuyện lâu dài, còn trước mắt cần phải tìm ra một người mà cả hai phía đều đồng thuận, để con thuyền không bị đắm. Vì những lý do ấy, việc tìm người chỉ huy quân đội lúc này. Quý Ly làm rất công tâm. Vốn có tài nhìn người và dùng người, Quý Ly luôn để mắt đến những vị quan trẻ. Không những chỉ ở hàng quan văn, những quan võ trẻ cũng không lọt khỏi mắt ông. Ông ngẫm nghĩ hồi lâu rồi tâu với Nghệ Hoàng:

- Còn người thứ hai chẳng được mấy ai chú ý, nhưng thần đã gặp và hỏi chuyện mấy lần. Con người này chín chắn, chững chạc, khoảng 40 tuổi. Đó là đô tướng Trần Khát Chân.

- Trần Khát Chân ư?

Vị đô tướng trẻ này tinh thông binh pháp. dòng dõi Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Ông ta chỉ huy quân Thánh Dực. Đã có lần dưới quyền của thần đánh nhau với Chiêm Thành. Thần ưng nhất người này ở điểm vô cùng bình tĩnh.

Nghệ Hoàng chợt tươi tỉnh hẳn lên:

- Người này có thể được. Ta biết Khát Chân từ nhỏ. Cái khác ta không biết. chứ riêng lòng trung nghĩa của Khát Chân rất đáng tin cậy. Khi Chế Bồng Nga vào Thanh Hoá, Khát Chân đã dâng tờ biểu, xin tình nguyện đem quân ra trận.

Quý Ly thăm dò:

- Thần đã nghe chuyện ấy. Từ lâu, thần đã muốn tiến cử. Chỉ e một nỗi, ông ấy mới là đô tướng. chức còn quá thấp[i] khó có thể thống lĩnh một đạo quân lớn.

Thượng hoàng cười, bảo:

- Không sao! Lúc biến phải tuỳ cơ. Chẳng nên câu nệ.

***

Ngay hôm ấy, Nghệ Hoàng gọi Khát Chân vào cung. Ông vua già từ cao bước xuống, đỡ viên tướng đang quỳ thi lễ. Ông nói:

- Đất nước lâm nguy. Chế Bồng Nga lăm le tràn vào Thăng Long. Giặc đã ở Hoàng Giang, cửa ngõ kinh sư. Ngoài ra, còn lũ giặc cỏ Phạm Sư Ôn ở Quốc Oai, sát nách Thăng Long. Nay trẫm tin cậy ở khanh, trao binh quyền cho khanh cầm quân diệt giặc. Chớ có phụ lòng tin cậy của trẫm.

Trần Khát Chân xúc động:

- Thần chỉ là viên tướng nhỏ, đã được bệ hạ tin cậy, giao trọng trách. Tổ tiên nhà thần, cả dòng họ nhà thần mấy đời đều ăn lộc nước, hưởng ân huệ sâu dầy của nhà Trần. Thần nguyện hết lòng báo đáp, dù phải thân phơi chiến trường.

Hôm sau, Khát Chân thống lĩnh binh mã lên đường, bí mật xuất quân trong đêm. Một đoàn thuyền dài đậu trên sông Cái. Cả ngựa và voi cũng chở bằng thuyền để đi cho nhanh, đảm bảo bí mật. Quân sĩ ngậm tăm im phăng phắc. Chỉ thỉnh thoảng mới có tiếng ngựa hí làm rung động cả những ngọn đèn lắc lư trên thuyền.

Thượng hoàng ra tận bãi dâu sông Hồng tiễn đưa đoàn quân của Khát Chân. Ông trao cho viên tướng thanh ngự kiếm:

- Ta trao toàn quyền cho khanh. Khanh có thể tiền trảm hậu tấu. Toàn quân thấy thanh kiếm này như nhìn thấy trẫm.

Trần Khát Chân quỳ lạy từ biệt thượng hoàng. Thượng hoàng rơi lệ nhìn theo đoàn quân quyết tử cứu nước lên đường.

Quan thái sư Quý Ly dặn dò:

- Chế Bồng Nga là người thâm hiểm. Hắn thuộc ngòi lạch của ta. Lại có Nguyên Diệu đầu hàng dẫn đường. Ông phải cẩn trọng, tránh rơi vào cạm bẫy của chúng. Chế Bồng Nga kỳ này ra Bắc không đúng quy luật của chúng. Không có gió nồm. Lại đang có đợt gió bấc mang rét lạnh về. Bất lợi cho giặc mà có lợi cho ta. Gió thế này, lại xuôi dòng, chỉ mờ sáng, quân ta đã đến điểm chọn. Nhớ dấu quân cho kỹ. Chỉ dùng mưu mới thắng được Chế Bồng Nga...

Khát Chân cung kính:

- Tiểu tướng ghi tạc những lời thái sư căn dặn.

Chú thích:

[i] Thời nhà Trần, từ cao xuống thấp có những cấp võ quan: phiêu kỵ tướng quân, thượng tướng quân, đại tướng quân và đô tướng

Hồ Quý Ly

Chương 3

Dân Thăng Long nhốn nháo.

Ở chợ Cầu Đông, hôm nay có rất nhiều tin đồn. Nào là nhà vua đã bỏ chạy, để ngỏ kinh thành Thăng Long. Nào là quân Chế Bồng Nga rất đông, thuyền của chúng trên sông Hoàng Giang đậu san sát như lá tre. Chúng đốt trụi các làng mạc ven sông, nơi chúng đi qua. Đàn bà chúng hiếp, người đẹp chúng bắt. Đàn ông bắt được, chúng trói giật cánh khuỷu, đóng nõ tre vào đít xuyên tới ruột. Chúng rêu rao chỉ vài ngày nữa sẽ làm cỏ Thăng Long.

Đang lúc chợ đông, một chú lính sách nhiễu người bán hàng, gây nên giằng co đánh đập. Bỗng một người đàn ông cao lớn vạm vỡ, cướp con dao hàng thịt, chém xả mấy nhát làm tên lính sách nhiễu chết tươi. Anh ta cầm con dao vấy máu, bên xác chết, kêu gọi mọi người:

- Tôi là quân của đức ông Phạm Sư Ôn. Đức ông xưa kia tu hành theo đức Phật. lại giỏi pháp thuật. chữa bệnh cứu người. Nay thấy vua tôi nhà Trần ươn hèn, thối nát, đức ông Phạm Sư Ôn đã dấy binh, tập họp người nghèo khổ lưu tán thành đội quân bồ tát chống lại triều đình. Người đói khát bị ức hiếp đi theo đức ông có tới hàng vạn. Đội quân bồ tát đang kéo về Thăng Long, xin nhân dân hãy hưởng ứng. Đức ông sẽ cầm quân đi đánh giặc Chiêm Thành, bảo vệ non sông, đồng thời quét sạch bọn tham quan ô lại, bọn sâu mọt.

Cả chợ ồn ào náo nhiệt hẳn lên. Nhất là khi bọn lính triều đình chừng

vài chục tên dao kiếm trên tay hùng hổ chạy vào chợ, miệng hét to "Bắt lấy lũ giặc cỏ?" Xung đột xảy ra. Kẻ chạy. người bắt. Tiếng hò hét vang trời. Lập tức chợ vỡ. Ai nấy đều mất mật. chạy nhanh khỏi đám hỗn loạn. Bọn lưu manh cũng nhân cơ hội đục nước béo cò, giở trò cướp bóc. Tiếng la hét, tiếng kêu cứu tiếng khóc than, tiếng đuổi bắt, tiếng đao kiếm vang lên thấu trời...

Vậy là quân Chiêm Thành chưa ló mặt, nhưng quân của Phạm Sư Ôn chắc chắn đang sắp về đến kinh sư.

Người ta hỏi nhau: Phạm Sư Ôn là ai?

Câu trả lời ngắn gọn của người dân nói với nhau:

- Phạm Sư Ôn là một nhà sư. Ông ta là một bồ tát nóng nảy. Thấy con đường giải thoát cho dân bằng đạo từ bi quá lâu dài, ông ta đã sốt ruột, bỏ chùa, kêu gọi nô tì cực khổ nổi dậy, tìm con đường giải thoát ở ngay cõi trầm luân và phương tiện chính bằng đao kiếm. Thời nhà Trần, sau khi tháng quân Nguyên, vua Trần bỏ lên núi Yên Tử đi tu, thành lập phái thiền Trúc lâm Yên Tử trứ danh của Đại Việt. Được triều đình ủng hộ, từ đó Phật giáo cực thịnh ở nước ta. Nhưng giáo lý nhà Phật nói: sinh trụ dị diệt là quy luật của sự sự vật vật. Đạo Phật cũng không thoát khỏi quy luật đó. Đạo Phật Đại Việt cực thịnh ở thời Trần Nhân Tôn. Lúc đó đất nước có hàng vạn ngôi chùa. Ruộng nhà chùa cũng làm. Riêng chùa Quỳnh Lâm đã có tới năm ngàn mẫu ruộng. Số tăng ni lúc đó ước tính lên tới ba chục vạn, đó là chưa kể tới số tam bảo nô, những người nô tì núp bóng từ bi. Có thể nói số cư dân của nhà chùa lên tới hàng triệu. Nhà chùa là một thế lực đang lên, người đời ai cũng muốn ngả theo, để kiếm chút đặc quyền đặc lợi. Khi Chiêm Thành liên tục đánh phá Đại Việt. người dân càng đua nhau cắt tóc đi tu. Trai tráng đi tu sẽ tránh được việc bắt lính. Thái sư

Quý Ly thấy cái tệ đó. bèn ra chính sách thày chùa còn trẻ dù đã cắt tóc cũng phải xung vào lính. Hồi lại thêm chính sách hạn nô hạn điền; chùa to nhất được liệt vào hàng đại danh lam cũng chỉ được phép giữ mười mẫu ruộng, và chỉ được phép có một số tam bảo nô nhất định.

***

Phạm Sư Ôn là con hoang. Một người đàn bà nô tì lỡ làng nào đó đã đem một đưa trẻ đỏ hỏn đặt ở tam quan một ngôi chùa làng. Sư trụ trì, pháp hiệu Vô Trụ thương cái sinh vật côi cút, hẩm hiu ấy liền đem về chùa nuôi.

Cậu bé được trời phú cho một sức sống phi thường. Chùa nghèo, đói khát, bữa ăn chỉ có sắn khoai. lại không có bàn tay đàn bà chăm chút cậu sống như cỏ dại, nhưng lại lớn nhanh như thổi. Lớn lên, thân xác và sức mạnh của cậu đều gấp bội người thường.

Lúc còn nhỏ cậu được giao cho một cành roi tre, suốt ngày chỉ làm công việc đuổi lũ chim sáo, chim quạ. Lũ chim biết nhà chùa không hại chúng, nên thường kéo đến từng đàn từng lũ, phá hoại ruộng đậu. ruộng ngô quanh chùa. Các chú tiểu lớp trước thường không bao giờ động đến dù cái móng chân chim; được thể lũ chim càng làm dữ, nhất là lũ quạ. Đuổi đầu này, chúng lại bay sang đầu kia. Thành thử, làm việc đuổi quạ của chùa rất mệt nhọc. Phải luôn tay, luôn chân chạy từ ruộng này sang ruộng khác.

Lúc đầu, chú tiểu thường bị ông quản nô phạt nhịn ăn khi chim phá quá đỗi. Chú hận lũ chim lắm. Cho đến khi, lũ quạ xâm hại đến một cô bé vẫn được chú che chở, thì Sư Ôn không chịu được nữa. Lũ mục đồng cũng hùa vào:

- Lũ chim có thương mình đâu. Sao chú tiểu lại thương lũ chim?

Lũ mục đồng bèn dạy chú cách phá tổ chim và làm bẫy thòng lọng. Chỉ một buổi bắt được hơn chục con quạ. Thịt quạ hôi, trẻ mục đồng không thèm ăn. Chúng bèn thui vàng bầy quạ. Môi thửa ruộng dùng que cắm một con. Ngửi thấy mùi thịt quạ thui, trông thấy những con chim bị nướng vàng cắm trên cọc tre, bọn chim sợ chết khiếp, một thời gian dài không dám bén mảng đến quanh chùa.

Sư Vô Trụ đột nhiên không thấy bóng lũ chim tíu tít trên mấy cây đa trước cửa chùa lúc chiều về. Ông ngạc nhiên tự hỏi:

- Một sự lạ. Bất cứ ngôi chùa làng nào cũng là nơi trú ngụ của lũ chim. Riêng ở chùa này sao lại vắng tiếng chim hót?

Sư cụ lặng lẽ tìm hiểu, một buổi trưa bắt gặp chú tiểu đuổi chim đang nằm ngủ lăn lóc dưới một gốc cây.

Gọi dậy, mới nhận ra cậu bé bị bỏ rơi ở tam quan năm xưa. Chú tiểu có thân hình rắn chắc và đôi mắt sáng quắc một cách kỳ lạ. Sư Vô Trụ hỏi chú bé:

- Con đuổi chim giỏi thế nào mà chùa làng ta không có một bóng chim?

- Bạch sư cụ, con đâu có giỏi. Chính lũ mục đồng đã dạy con cách đuổi chim.

- Đuổi thế nào?

- Chúng nó bảo: Của bụt mất một đền mười. Lũ chim phá ruộng chùa, tức là phá tam bảo, nên phải trừng trị. Chim quạ là chim ác. Bọn mục đồng dạy con cách bẫy quạ. Bẫy một hôm lũ chim chưa sợ vẫn lăn xả vào Bẫy mười hôm. quạ đến thưa thớt dần. Bẫy một tuần tràng thì không còn con nào dám bén mảng. Người ác phải đoạ địa ngục. Chim ác cũng phải bị trừng phạt.

Sư Vô Trụ thìn cậu bé hoang dại với đôi mắt sáng quắc chợt thở dài.

Sư thấy mình như có lỗi, bèn chú ý chăm sóc đến cậu bé. Sau đó. sư cụ nghĩ: sở dĩ cậu bé hoang dại vì đi lại với lũ trẻ mục đồng. Cụ liền chuyển cho chú tiểu làm việc khác. Công việc của chú tiểu bây giờ là quét dọn và đánh chuông. Những lúc rảnh rỗi, sư dạy chú học.
Sư Vô Trụ ngạc nhiên theo dõi cái thân thể cường tráng của chú tiểu Sư Ôn cứ đùng đùng lớn lên như thổi. Cậu bé nói rất to, làm rất khỏe, ngủ rất say, đi đứng cứ phăm phăm và đặc biệt ăn rất nhiều, hầu như chẳng bao giờ biết no. Nói tóm lại, ở trong thân xác của chú đang cuồn cuộn chảy một dòng nhựa đầy ứ, dư thừa đến mức muốn bung ra. Sư cụ thoáng cảm thấy lo lắng. Để dìm nén cái sức sống quá dư thừa đang bừng bừng toả ra từ cái thân thể hộ pháp và đôi mắt sáng quác của cậu, sư Vô Trụ bắt cậu bé suốt ngày dùi mài kinh kệ. Nhưng kinh sách hình như cũng không đủ sức chế ngự, sư cụ bèn bắt Phạm Sư Ôn phải quần quật cày bừa, làm ruộng. Nhưng có lẽ lao động cật lực cũng không đủ sức kìm nén và giải toả. Sư cụ có bận đứng ở tam quan chùa nghe tiếng cười ha hả của chú tiểu, lúc này đã thành người lớn, ông thở dài và tư lự. Cuối cùng sư Vô Trụ nghĩ ra một cách, gửi Phạm Sư Ôn cho một vị Thiền sư có võ công rất cao siêu. Người sư trẻ thông minh ấy liền lao vào nghề võ, và học rất say sưa. Nhà sư trẻ đã gặp đúng cái nghiệp của mình. Phạm Sư Ôn là một tài năng võ học. Chú miệt mài luyện tập sau những giờ học kinh kệ. Và quả nhiên đôi mắt của cậu bớt sáng đi thật. Hoá ra, chỉ có võ học mới giải toả được cho người trai trẻ ấy. Có lẽ đến lúc đó, sư Vô Trụ mới thở phào nhẹ nhõm, vì đã có thể kéo chàng trai trẻ, con đẻ của vật dục đam mê mù quáng, đi vào chánh đạo. Năm Phạm Sư Ôn hai mươi tuổi, Phật hội tổ chức một giới đàn lớn, cả vùng có tới trăm tăng sĩ ở các chùa đến xin được thọ giới cụ túc. Mười vị cao

tăng đạo cao đức trọng của thiền phái Trúc lâm ở trong hội đồng truyền giới, lại có rất đông các vị tì kheo ở nhiều nơi đến tham dự, góp sức hộ niệm cho sự thành tựu cho các vị tì kheo mới. Phạm Sư Ôn cũng được thọ giới kỳ này. Sư Vô Trụ đặt pháp danh cho là Thiên Nhiên tăng. Vị tăng được tự nhiên sinh ra hay vị tăng có nhiều tính chất tự nhiên; âu cũng là một lời nhắc nhở. Qua ba mùa an cư kết hạ. sư Thiên Nhiên đã am hiểu phần nào giáo lý.

***

Tên là Thiên Nhiên táng nên số phận của nhà sư cũng phải do tự nhiên bày đạt. Đôi mắt sáng quắc của người thầy chùa dưới bóng từ bi tuy có dịu đi, nhưng nó vẫn phải đi theo cái nghiệp riêng mà nhà sư phải gánh chịu...

Dạo ấy, có một cô gái ở làng bên, hàng ngày vẫn đến cắt cỏ quanh chùa. Cô ta có giọng hát hay, suốt ngày cô gái cứ véo von ngoài đồng. Dĩ nhiên, tiếng hát ấy phải lọt vào ngôi chùa vắng. Tiếng mõ cầu kinh, tiếng chuông chùa từ bi ru ngủ cũng không đánh ắt được tiếng hát tươi trẻ ấy. Nó đến để đánh thức, để gọi mời cái tự nhiên trong lòng anh thầy chùa trẻ măng thức giấc.

Cố cưỡng lại, cố bịt tai với tiếng véo von, nhưng rồi một đêm, như bị ma ám, anh thầy chùa đã vượt tường rào, trốn chùa ra đồng. Anh như bị mê hoặc, anh trông thấy dưới ánh trăng mơ hồ một bàn tay trắng ngà vẫy gọi, anh đi theo tiếng véo von và đến bên hồ thiên nhiên, cạnh một căn lều vịt. Cô nô tì rách rưới nhưng trắng ngút ngát đã đứng sẵn ở đấy như để chờ anh. Cứ như thể hai người đã quen nhau từ kiếp nảo kiếp nào. Người thầy chùa lặng lẽ ngồi xuống cạnh cô gái. Sao mãi bây giờ anh mới đến? Giọng cô gái nghe như tiếng chim hót.

Người thầy chùa ngơ ngác:

- Cô bảo làm sao?

- Em gọi anh đã gần hết một tuần trăng. Gọi từ lúc trăng khuyết, qua lúc trăng tàn, và đến nay lại khuyết...

- Cô gọi tôi ư?

Anh thầy chùa càng trở nên ngơ ngác vụng về...

- Anh còn nhớ không... Cái hôm lễ hội phóng sinh em lên chùa, em mang theo cái lồng chim sáo. Bên trên em phủ chiếc khăn vuông, bốn góc có những quả đào. Em nhìn thấy thầy em chạy đến và giao chiếc lồng cho thầy. Em mở cửa lồng và bảo con chim: “Ra đi! Ra đi! Phóng sinh rồi đấy! Sổ lồng rồi, hãy khéo mà bay đi”. Con sáo chui ra khỏi lồng, đậu trên bàn tay em, có lẽ nó bị nhốt lâu quá nên quên mất cả bay. Thầy giơ tay ra định nắm lấy con sáo. Em cũng giơ tay ra và nắm chặt cổ tay thầy. Em cười. Thế là con chim bay vù lên trời. Lúc đó, thầy thẹn, mặt đỏ bừng bừng. Còn em thì cười giòn tan. Thế nào? Thầy đã nhớ hay thầy vẫn quên... Và còn chuyện ngày xửa ngày xưa nữa...

- Ngày xửa ngày xưa ư?... - óc anh thầy chùa chợt lóe sáng - Có phải em Sáo đó không?

- Vâng em là con Sáo đây

Cô bé mục đồng bé tí xíu ngày xưa, đã khóc cả buổi vì lũ quạ nay đã lớn thế này ư? Cái quá khứ thời bắt quạ bỗng vụt hiện về...

Chắc chắn Thiên Nhiên tăng đã nhớ rồi. Và anh cũng chợt hiểu vì sao cô gái lại cắt cỏ quanh chùa, lại véo von hát cho đến nẫu nà cả lòng anh. Và cũng đột nhiên cái màng mờ đục của sự cố gắng cưỡng chế lòng mình chợt vén tỏ, người thầy chùa trai trẻ cũng hiểu tại sao mình lại trèo tường đến đây. Cô gái ngẩng nhìn anh, ánh trăng hạ

tuần đùng đục đọng trong mắt cô sóng sánh...
Cô lúng liếng hỏi:
- Hôm nay, con Sáo nhất định sổ lồng rồi nhé.
Anh mỉm cười không trả lời. Cô lại tiếp:
- Tên anh là gì?
- Thiên Nhiên! Sư cụ dặt tên cho đấy.
- Cái tên hay nhỉ - Cô gái cười chẳng hiểu vì sao.
- thuở nhỏ hầu như anh không có tên. Tên là Phạm Sư Ôn nhưng chẳng ai còn nhớ. Lúc đó, ở nhà chùa các sư gọi anh là chú tiểu. Cả bọn mục đồng cũng gọi anh là chú tiểu. Cứ như chú tiểu là tên của anh.
Đêm hôm ấy, anh mới thực sự hiểu cái nghĩa của hai chữ Thiên Nhiên. Cô nô tì đã hé lộ cho anh thấy gương mặt của Thiên Nhiên, cái kỳ lạ của Thiên Nhiên, cái bay bổng mê hồn của Thiên Nhiên. Trong lều cỏ, một toà thiên nhiên ngọc ngà đã cho phép chân anh lạc bước. Anh đã ân ái với cô thâu đêm. Con ngựa hoang đã gặp lại đồng cỏ và nó đã sổng cương chẳng chịu quay về chuồng xưa. Suốt một tháng ròng, đêm nào Thiên Nhiên tăng cũng trốn chùa, xăm xăm bước tới bờ đầm Thiên Nhiên. Suốt một tháng ròng, đôi trai gái đã quên hết đất trời.
Thiên Nhiên tăng bỗng gầy xọp đi làm sư Vô Trụ ngạc nhiên. Ông sư già nhìn vào mắt anh và chợt rùng mình. Đôi mắt đam mê trên gương mặt gầy guộc, nằm trong đôi hố mắt sâu trung, như có ánh lửa.
Đêm hôm ấy, toạ thiền xong, sư cụ xuống buồng Thiên Nhiên tăng, thấy không có người, ông ngồi đợi, đến quá nửa đêm, gã thầy chùa len lén bước, như con hồ ly đi ăn đêm còn sũng hơi sương, quay trở

về hang ổ.
Thấy sư phụ ngồi trên giường, gã thầy chùa giật mình đứng sững như trời trồng, rồi vội quỳ xuống trước mặt thầy. Sư Vô Trụ vẫn nhắm mắt lần tràng hạt một hồi lâu rồi mới mở mắt ra. Cụ bảo:
- Ta đã cố gắng hết sức giúp con, nhưng duyên nghiệp của con với ta chỉ có chừng ấy thôi. Nghiệp chướng Nghiệp chướng? - Sư cụ thờ dài - Con còn nặng nợ trần gian. Thôi! Ta cho phép con hoàn tục. Hãy đi đi và đi thật xa!
Cuối cùng, sư cụ nhắm mắt lại và bảo:
Ta biết sau này con sẽ làm những điều trái với người thường. Nhưng dù làm gì, ta cũng khuyên con nên nhớ tới những điều răn dạy của đức Phật. Từ nay, con cũng nên quên đi trong lòng, không nhắc đến ngôi chùa này nữa, không nhắc đến tên ta làm gì nữa...
Thiên Nhiên tăng bỗng khóc nức nở. Lần đầu tiên gã thầy chùa hộ pháp đó khóc, và cũng lần cuối cùng anh ta khóc. Anh nhìn người thầy, người cha của mình đang lặng lẽ lần tràng hạt. Nước mắt dàn dụa, người thầy chùa hoang dại đó quỳ xuống lạy sư cụ Vô Trụ ba lạy.
***
Ít lâu sau, Sư Ôn rời khỏi chùa làng, chàng thầy chùa hoàn tục đi tìm cô nô tì bên bờ đầm thiên nhiên. Anh đi tìm tiếng hót của riêng mình. Nhưng, không hiểu vì lẽ gì, đột nhiên cô gái biến mất. Cô nô tì bỏ trốn. Lãnh chúa Trần Tùng cũng đang sai người đi tầm nã nhưng không thấy. Phạm Sư Ôn đi khắp vùng tìm, song vẫn bặt vô âm tín người yêu.
Cuối cùng, anh chán nản bỏ đi, bỏ ngôi chùa làng, bỏ cụ sư già, bỏ cả vùng đất đã mang đến cho anh niềm hạnh phúc đầu tiên. Anh trở

thành một kẻ lang thang, bước chân lưu dấu khắp nơi. Lúc thì làm nghề đốt than xứ Lạng, lúc thì làm thuê cho một trang chủ quý tộc ở Lục đầu giang, lúc thì xuống Hồng Châu làm nghề chài lưới. Thời đó, những kẻ lang thang lưu tán rất đông. Họ từng đoàn kéo nhau đi làm thuê hết vùng này qua vùng khác. Đó là những nô tì trốn chủ, những nông dân nghèo khổ không ruộng đất. Từ thời vua Trần Minh Tôn đã có hiện tượng ấy.

Vua Minh Tôn nhân từ, không nỡ trói buộc dân nên không bắt tội những kẻ lang thang. Từ đó, thành cái lệ, việc quản lý những kẻ lang thang trở thành lỏng lẻo. Nhất là thời Nghệ Tôn. do loạn lạc, đói kém, do chế độ hạn điền hạn nô của thái sư Quý Ly, số người du đãng càng ngày càng gia tăng.

Thiên Nhiên tăng tinh thông võ nghệ, đã mạnh khỏe lại có học, nên đã tập hợp được những kẻ lang thang đó lại không phải để trở nên một đám cướp tầm thường, mà trở thành một đạo quân nổi loạn, với mưu đồ táo bạo: lật đổ vương triều nhà Trần thối nát.

Có lẽ vị sư già Vô Trụ đã tiên đoán được cái tương lai khủng khiếp của con người nổi loạn hoang dã ấy. Sư cụ đã dùng giáo lý đại từ đại bi của nhà Phật để dìm nén những đam mê cháy bỏng trong con ngựa hoang, thậm chí dùng cả những biện pháp ngoại giáo như võ thuật. Lúc đầu có kết quả, nhưng về sau lại thổi bùng thêm thứ men say bạo lực, nó như giống cỏ dại, gặp đất màu là nẩy mầm ào ạt, không ngăn nổi. Sư già làm sao quên nổi ánh lửa cháy bừng bừng trong đôi mắt xếch trên khuôn mặt đam mê, ở lần gặp gỡ cuối cùng với người học trò. ánh mắt hoang dại như muốn thiêu trụi tất cả trên con đường đi tìm hạnh phúc; ánh mắt ấy như muốn nói: “Tôi sẽ đi đến tận cùng. nếu cần sẽ thiêu trụi cả thế gian và thiêu trụi cả tôi”.

Chính vì vậy, sư Vô Trụ mới đuổi Sư Ôn đi và bắt thề không được nói tới gốc gác của mình. Phải chăng vị sư già đã nhìn thấy trước những thây người và những đám cháy lớn trong đôi mắt học trò. Khi Sư Ôn rời khỏi chùa, sư cụ cũng bỏ chùa làng đi du phương rồi dừng chân ở ẩn tại một ngôi chùa hẻo lánh trên núi.

Nơi Thiên Nhiên tăng nổi dậy đầu tiên là lộ Quốc Oai. Nơi ông phá trụi đầu tiên là trang trại của nhà quý tộc Trần Tùng, một trang chủ dâm ác, đã làm cô nô tì véo von như con sáo của ông phải trốn chạy biệt xứ. Ông không giết mà chỉ cắt toàn bộ của quý của tên quý tộc dâm ác. Cách trả thù kỳ quặc ấy làm những chiến binh nổi loạn thích thú cười lên ha hả. Sau đó ông diệt sạch bộ máy cai trị mà hầu hết nằm trong tay họ hàng dây mơ rễ má của Trần Tùng. Quan lại chạy re. Quân lính triều đình tan rã, kẻ đầu hàng xin theo quân nổi dậy, kẻ chạy trốn về quê.

Tiến thêm bước mới, Thiên Nhiên tăng xưng vương. thành lập riêng một triều đình. Ông phong cho Nguyễn Tống Mại người kẻ Sở và Nguyễn Khả Hành người làng Lôi Xá bên Tây Hồ làm quan hành khiển, cùng nhau đêm ngày ngồi trong trướng gấm bàn việc quân cơ. Một hôm, có chàng nho sinh đến xin gặp, lính gác đuổi thế nào cũng không chịu đi. Sau đó nho sinh lấy ra một chiếc khăn vuông mà bốn góc có bốn quả đào tết bằng chỉ màu và nói:

- Xin thầy vào bẩm với đại vương, đây là chiếc khăn phủ lồng con sáo hôm ngày hội phóng sinh của người đàn bà chăn vịt bên đầm Thiên Nhiên khi xưa... Hỏi đại vương còn nhớ hay đã quên?

Người lính gác vào bẩm với Sư Ôn. Phạm Sư Ôn cầm chiếc khăn có bốn quả đào, vội đứng phắt ngay dậy:

- Gã học trò ấy đâu? Cho vào đây ngay.

Anh học trò gầy gò, mặt mũi khôi ngô, có đôi mắt sáng, lễ phép nói:
- Tiểu nhân xin kính chúc đại vương những điều tốt lành.
Phạm Sư Ôn chăm chú nhìn chàng trai có gương mạt phảng phất quen thuộc ấy, vội vàng hỏi:
- Người đàn bà có tấm khăn vuông này bây giờ ở đâu?
- Bẩm đại vương, bà ta đã chết rồi.
Ông thầy chùa nổi loạn bồng trĩu buồn:
- Chết từ hồi nào?
- Bẩm, đã lâu. Bà bị ức hiếp, lưu lạc khắp nơi, vì vất vả làm lũ quá nên mắc bạo bệnh, chẳng mấy chốc qua đời
- Nhà ngươi với bà ta họ hàng thế nào?
Bẩm, tiểu nhân là cháu gọi bà bằng cô. Trước khi qua đời, bà dặn tiểu nhân bằng mọi cách đưa chiếc khăn này tới tay đại vương.
- Bà ấy có nói gì không?
- Bà ấy chỉ dặn tiểu nhân nói với đại vương câu này: “Con sáo đã sổ lồng, nhưng con sáo phải khôn ngoan, đừng bao giờ để sa vào bẫy nữa...”
- Đến lúc chết bà ấy còn nghĩ tới ta.
Phạm Sư Ôn thở dài. Ông đăm đăm nhìn chàng trai, cứ thấy ngờ ngợ: “Cậu trai này sao giống cô ta đến thế”.
Ông tướng nổi loạn đột nhiên có cảm tình đặc biệt với chàng học trò. Ông hỏi han nhiều chuyện, thấy anh ta trả lời sắc sảo. Hỏi về việc quân cơ, anh ta đối đáp cũng rất đặc biệt:
- Thưa đại vương, hiện nay quân của ngài đã đông lắm, nghe đồn lên tới vài vạn, nhưng hết thảy đều là nông dân chưa tập luyện. Tiểu nhân nghĩ, việc cấp bách bây giờ phải nhanh chóng phân chia họ thành đội ngũ, rèn luyện cho chóng biết nghề trận mạc, nhất là phải

rèn cho họ vào quy củ, kỷ luật. Họ từ bé chỉ quen du đãng, tự do...
Phạm Sư Ôn lấy làm hào hứng:
Ta đã chia quân thành ba đội, đặt tên là: Thần Kỳ, Dũng Đấu, Vô Hạn. Đội Thần Kỳ nòng cốt gồm ba mươi dũng sĩ Nộn Châu, với ba mươi người đã đánh tan gần ba trăm quân triều đình, làm chúng hoảng kinh, chạy như lũ vịt. Đội Dũng Đấu mới đầu tiên chỉ là các tay thợ săn ở đạo Đà giang tụ hội lại. Họ mắc tội giết bọn tham quan, ác bá nên phải trốn lên rừng; họ thề thà sống với ác thú còn hơn phải sống nhục nhã dưới ách bọn quan lại độc ác như sói lang và tham như chó. Còn đội Vô Hạn gồm những tay thuỷ khấu ở Châu Hồng, và những nô tì trốn chủ sống dọc ngang trên biển hoặc trong những đầm lầy lau lách...
Sư Ôn chuyện trò với Phạm Sinh càng lúc càng hùng hồn, cứ như thể chàng đã là một người thân tín. Nhìn Phạm. Ông đột nhiên nhận xét:
- Tại sao vẻ mặt của cháu lúc nào cũng buồn buồn?
- Tính nết cháu vẫn thế... Vả lại, cháu cứ nghĩ đến ngày mai...
Ông thầy chùa nổi loạn phá lên cười:
- Tại sao lại phải nghĩ ngợi xa đến như thế? Ngày hôm nay, trước mắt đã phải bù đầu với bao nhiêu việc. Chỉ nghĩ đến hôm nay đã chẳng quá mệt rồi sao? Đúng, cháu là kẻ học trò mặt trắng. Riêng ta, dù ngày mai phải chết, ta cũng không lo nghĩ. Còn hôm nay, ta vẫn thấy vui, ta vẫn cười to... ừ... Ta thật khác cháu. Nhưng tại sao nhỉ? Tại sao ta vẫn thấy yêu thích cháu? Tại sao ta cứ thấy gần gũi với cháu?
Phạm Sinh cười theo:
- Có lẽ vì cháu là người thân của cô cháu. Và bây giờ, cháu đã biết

cô cháu là người thân nhất của bác. Cô cháu đã chết, chắc vì thế nên bác thương cháu. Hơn nữa, riêng cháu cũng thấy quý trọng bác.
- Đúng như vậy!
Phạm Sư Ôn vụng về dùng hai bàn tay to lớn nắm chặt lấy đôi vai gầy của chàng trai và lắc mạnh. Câu chuyện dần dần chuyển đến chỗ tình cảm gắn bó. Phạm Sinh lúc này mới thổ lộ hết lòng mình:
- Cháu rất kính phục bác... nhưng cháu rất lo lắng. Ở nước Đại Việt ta, bác đã thấy triều đại nào được dựng lên từ một cuộc nổi loạn? Ví dụ như Lý Công Uẩn dựng nêu nhà Lý, bản thân ông ta vốn là đại thần của Lê Đại Hành. Rồi nhà Trần cướp ngôi nhà Lý do tay Trần Thừa và Trần Thủ Độ, các ông này cũng giữ chức cao trong triều đại cũ. Còn như cuộc nổi dậy của bác chúng ta chỉ là những người dân cầy bất đắc chí. Bác nghĩ xem... tạo dựng một triều đình khó khăn lắm chứ... đâu chỉ đơn giản công việc của một dội quân chỉ biết chém giết... Đó là công việc của các bậc đại trí... Phải có hàng trăm kẻ sĩ tâm huyết phò tá... Phải có những viên tướng văn võ toàn tài... Điều quan trọng nhất: phải được người dân nơi nơi ủng hộ... Bậc minh quân thì đường đi nước bước phải chánh đạo, nhìn xa trông rộng... Ôi! Thật vô cùng khó khăn?
- Bác cũng biết... nhưng bác nghĩ việc khó nhất là phải dám làm. Khó khăn cũng phải làm. Cứ làm rồi khắc có lối ra. Chẳng lẽ vì quá khó khăn, nên cháu khuyên bác phải về với triều đình? Nhà Trần là ai? Xưa kia, đích thực họ anh hùng; còn bây giờ, toàn bộ bọn chúng chỉ là lũ sâu mọt, ức hiếp dân. Hồ Quý Ly là ai? Ông ta mưu mô xảo quyệt; rặt làm những chuyện phiền hà. Hay là cháu thấy khó khăn. khuyên bác giải tán quân sĩ, rồi lẩn về với núi rừng...
Phạm Sinh mơ màng:

- Nếu có đủ chí nằm gai nếm mật, nếu có đủ tướng sĩ tài giỏi, nếu có đủ tầm mắt nhìn xa trông rộng... ta sẽ chia quân ra từng đạo nhỏ, lẫn về núi rừng, lẫn vào hang cùng ngỏ hẻm, rồi cứu khốn phò nguy cho dân, để nhân dân khắp nơi cùng ta hưởng ứng... từ nhỏ bé ta lớn dần lên, rồi tất cả đùng đùng nổi dậy. Như thế, núi cao nào ngăn nổi bước ta đi, con sông hung dữ nào chặn được chân ta tiến, việc lớn nào ta làm chẳng xong... Nhưng chuyện ấy thật khó trừ phi một đạo quân Phật...

- Thì thế!Chính quân của ta là đạo quân bồ tát. Bác đã theo đúng ngũ giới nhà Phật để đề ra kỷ luật. Quân sĩ không được cướp bóc của dân. Chỉ được cướp của nhà giầu chia cho người nghèo. Quân sĩ không được giết người bừa bãi, chỉ được giết quan quân và bọn ác bá. Quân sĩ cấm tuyệt hiếp đáp đàn bà con trẻ, ai trái lệnh chém đầu làm gương...

Phạm Sinh nhìn đôi mắt đầy hào khí của Sư Ôn, lòng vui buồn lẫn lộn. Chàng trai thầm nghĩ: “Bọn vương hầu nhà Trần quả thật không xứng đáng, lúc nào họ cũng chỉ khoe khoang công lao đã qua của tổ tiên để làm bức màn che đậy cho việc vơ vét đầy túi tham. Quý Ly cũng chang xứng đáng, bởi vì đó là con người tấm lòng quá ư cứng rắn. Ông ta chỉ nhăm nhăm nhìn cái đích mà quên mất sự uyển chuyển của những bước chân đi. Còn Phạm Sư Ôn thì sao? Đại vương vốn mộc mạc nhưng có khí phách của một anh hùng. Thật đáng thương thay Song... biết làm sao được! Trần gian này là mớ bòng bong, cùng với bao nhiêu thế lực. Người ta vật lộn cắn xé nhau mãi mãi; phải chờ cho đến lúc hội đủ nhân duyên, thì sự thái hoà thịnh trị mới có cơ hội quay về. Chúng ta chỉ như những mầm mống nhỏ nhoi trong tay con tạo. Cưỡng lại ư? Vật lộn cuồng điên ư?

Không? Chẳng thể nào được? Hạt mầm sinh ra từ cây cổ thụ. Gặp duyên mầm sẽ bừng xanh, để rồi cuối cùng đi tới úa vàng, nhưng lại thay thế bằng một mầm mới. Một trận gió sẽ cuốn mầm đi. Có thể mầm sẽ bay đến vùng đất mầu mỡ mới và sẽ tái sinh. Nhưng cũng có thể mầm bị rơi vào một hốc đá tối tăm nghèo kiệt, để rồi èo một tan rữa ra ở đấy... Biết làm sao được? Thôi thì hãy phó mặc cho con tạo xoay vần... Sư cụ đã chẳng dạy ta tất cả chung quy chỉ có một chữ duyên...

- Con nghĩ ngợi gì thế? Thử nói ta xem. Trước mắt chúng ta nên làm gì? Bằng cách nào để thế lực của chúng ta ngày càng thêm lớn mạnh? Không thể chia nhỏ quân ra thành từng đội để nằm gai nếm mật như con vừa nói. Ta đâu có thể chờ được. Muôn dân lầm than cũng đâu có thể chờ đợi được.

Phạm Sinh gật đầu:

- Thực ra, làm việc lớn cần phải lâu dài. Việc càng chóng thành công càng dễ tan vỡ nhanh. Nhưng thực đúng, trong thời buổi này, muôn dân không thể chờ đợi được. Đói rách và lầm than ở khắp nơi. Tuy nhiên, thực ra, vẫn còn một cách nữa.

- Cách đó ra sao?

- Hiện nay vua tôi nhà Trần đương dồn hết sức lực để chống giữ quân Chiêm Thành. Đại quân của Chế Bồng Nga đương ở Hoàng Giang, cửa ngõ phía nam Thăng Long. Bao nhiêu quân tinh nhuệ. Quý Ly đều dồn hết xuống vùng châu thổ. Rồi lại phải chia quân cho Đặng Tất lên đề phòng biên giới phía Bắc. Binh lính ở các trấn lộ rất mỏng, chỉ đủ sức chống đỡ với những toán cướp nhỏ. Còn Thăng Long thì sao? Có thể nói lúc này kinh đô bị bỏ ngỏ.

- Cháu nói rất đúng. Thăng Long bỏ ngỏ. Ta sẽ nhân cơ hội này

chiếm lấy kinh sư.
- Bẩm đại vương, cơ hội hiếm có? Nhưng chúng ta không thể coi thường thái sư Quý Ly. Ông ta là con người mưu lược. Vì vậy, đánh chiếm thì được, nhưng ta không thể tham lam để rồi sa bẫy.
- ý cháu định nói gì? à, ta hiểu ý cháu. Có phải cháu định khuyên ta chiếm kinh sư nhưng không đóng lại ở kinh sư?
- Đại vương nói rất phải. Thực ra thế lực của ta còn nhỏ. Nếu đóng lâu dài, ta bỗng chủ động lại chuyển thành bị động. Ta đang bao vây lại rơi vào thế bị bao vây. Vậy nên, ta đánh chiếm Thăng Long. mục đích chỉ cốt khoa trương thanh thế, làm nức lòng tướng sĩ, và làm cho lòng dân nghiêng ngả rồi dần dần theo ta.
Phạm Sư Ôn sai thêu ngay một lá cờ to với bốn chữ: “Diệt Trần, bình Chiêm”. Rồi hôm sau, chém đầu viên an phủ sứ lộ Quốc Oai để tế cờ. Ba vạn binh mã như nước lũ ào ạt tiến về Thăng Long.
Hôm tế cờ, Phạm Sinh xin phép về quê, vì có việc rất cấp thiết. Sư Ôn nói:
- Cháu đến với ta mới được mươi ngày đã vội ra đi. Thú thực, trông thấy cháu ta như trông thấy bà ấy. Ta nghĩ rằng ta có duyên nợ với cháu. Sao cuộc hội ngộ lại ngàn ngủi làm vậy
Phạm Sinh cũng bịn rịn:
- Cháu tin chắc lần này đánh Thăng Long sẽ thành công. Cháu chỉ xin bác đừng đóng quân lâu ở đó. Thái sư Quý Ly chẳng phải người đơn giản. Chỉ tiếc có việc cần kíp quá... Vả lại, lòng cháu nóng như lửa đốt, nên không thể ở lại cùng bác vào kinh đô. Nhưng cháu hứa, thu xếp việc nhà xong, cháu sẽ lên ngay với bác.
... Đoàn quân đi xa dần, lá cờ thêu chỉ vàng đã khuất ở con đường rẽ, chỉ còn nghe thấy tiếng trống nhỏ dần và một đám bụi đỏ ngất trời

bốc lên sau những luỹ tre xanh. Chàng nho sinh đứng lạng tần ngần, hình như trên mi mắt của chàng thấy rưng rưng giọt lệ.
Khi thám tử về kinh đô cấp báo tin đạo quân của Phạm Sư Ôn đang rùng rùng kéo đến Thăng Long, mọi công việc đã chuẩn bị xong xuôi. Quan thái sư quyết định bỏ ngỏ kinh sư. Từ hôm trước, cáo thị được dán khắp nơi, lại còn thêm lính ra các chợ gọi loa thông báo cho nhân dân chuẩn bị chạy loạn.
Thăng Long vốn là một đô thị dọc ngang kênh rạch, lại kề ngay bên sông Cái nên việc đi lại thường theo đường thuỷ. Nhân dân dùng thuyền tíu tít chuyên chở người và của cải về quê. Phần đông người ta ra bến Đông ở đầu sông Tô Lịch, từ đó ngược sông Hồng một đoạn rồi rẽ vào sông Đuống nhập lộ Bắc Giang, hay đi tiếp đến sông Lục Đầu để ra Chí Linh hoặc vùng bờ biển. Một số khác quê ở phía Nam, xuôi sông Tô, đến sông Nhuệ rồi đi tiếp sâu vào vùng châu thổ. Cũng có người đi trên Đại Hồ, theo những con ngòi nối thông dãy hồ phía Nam kinh đô để về ẩn náu trong vùng chiêm trũng, ở đó chỉ có lau lách và mênh mang sóng nước, chính nơi này mới thực an toàn.
Quý Ly tâu với Nghệ Hoàng:
- Đất Thăng Long trống trải, không phải nơi cố thủ. Lắm sông hồ, giặc đến rất nhanh, nhưng trụ lại lâu cũng khó. Thời đức Trần Nhân Tôn đánh quân Nguyên, Trần Hưng Đạo cũng đem xa giá đi lánh nạn nơi khác, chờ thời cơ giặc giãn ra, mệt mỏi. chỉ đánh vài trận là xong. Vả lại, ta còn làm kế thanh dã, vườn không nhà trống, hỏi giặc lấy lương thực đâu mà ăn. Đang ở thế công. giặc lại rơi vào thế bị vây.
Nghệ Hoàng khen phải, bèn mang hết hoàng tộc và các đại thần tránh sang vùng Đông Ngàn.
Phạm Sư Ôn vào Thăng Long, thế như chẻ tre. Những ổ kháng cự lẻ

tẻ của quân triều đình bị đè bẹp ngay tức khắc.
Dân cư một số không chạy kịp, hoặc ngây thơ cho rằng bè đảng Sư Ôn chỉ là lũ giặc cỏ làm sao chiếm nổi Thăng Long. nay lo sợ cuống cuồng, tưởng rằng quân Sư Ôn sẽ làm cỏ cả kinh đô. Nhưng họ hết sức ngạc nhiên vì quân nổi loạn chỉ động tới triều đình hoặc quan lại, còn đối với dân họ không chạm tới dù một sợi tơ sợi tóc Quả là một chuyện hiếm trong lịch sử. Lần đầu tiên có một đạo quân phật, do một nhà sư chỉ huy. Lần đần tiên, một đám cướp ô hợp lại biến thành một đạo quân có quy củ nhanh đến thế. Cứ như một cơn bão đùng đùng xuất hiện trên bầu trời mà mới đây thôi hãy còn lặng tờ thanh bình. Cứ như phép lạ! Thoắt một cái, đã có hàng vạn người đông như kiến cỏ, mang kiếm, thậm chí cầm cả gậy tre vót nhọn, tập hợp thành một đội quân thực sự, hàng ngũ chỉnh tề và rất kỷ luật.
Sáng hôm ấy, bốn chàng lực sĩ cởi trần khiêng trên vai một chiếc kiệu không mui che, rước thủ lĩnh Phạm Sư Ôn mặc quần áo nâu, đầu cạo trọc, tiến thẳng vào Thăng Long, hướng tới ngọn tháp cao bên hồ Lục Thuỷ. Đám nô tì và quân nổi loạn đứng chật kín hai bên đường, reo hò vỡ trời đón vị thủ lĩnh anh hùng.
Việc làm đầu tiên của Phạm Sư Ôn: đến dâng hương cúng Phật tại chùa Báo Thiên. Còn cách xa tháp, Sư Ôn đã ra lệnh cho kiệu dừng lại. Con người cao lớn râu ria đựng ngược, chiếc đầu to tròn trọc lốc để trần, mắt xếch sáng quắc, hùng dũng bước phăm phăm trên con đường lát đá phiến dẫn đến ngôi chùa tháp. Ở cửa ra vào phía đông của tháp, hai pho tượng kim cương hộ pháp cầm thanh long đao, mắt tròn xoe trừng trừng nhìn Phạm Sư Ôn. Ông phất tay ra hiệu cho đoàn tuỳ tùng dừng lại, rồi nói:
- Đây là cửa Phật từ bi. Mọi vũ khí phải để bên ngoài.

Đôi mắt sáng của ông bỗng nhiên dịu lại. Điệu bộ thô cứng của ông đã nhường chỗ cho một dáng điêu nhẹ nhàng, khiêm nhường. Một con người thứ hai trong ông xuất hiện. Ông thắp hương, cung kính quỳ lạy, đầu cúi rạp sát đất:

- Xin đức Phật từ bi tha tội cho kẻ tăng đồ ngỗ nghịch này. Chỉ là vạn bất đắc dĩ. Xin người giúp đỡ cho con phá bỏ được vương triều ươn hèn, thối nát này và đánh tan được giặc Chiêm thành hung bạo.

Đội quân của Phạm Sư Ôn đúng thực đội quân từ bi. Trên thực tế, cũng có những vụ cướp bóc, nhưng được chỉnh đốn lại ngay. Vả lại. cũng phải cho phép đám thuộc hạ của ông những con người suốt cả cuộc đời bị đè nén cúi mặt, được hả lòng căm giận chứ. Nếu nay, họ có nổi loạn một chút, kiếm lợi một chút... thì đó cũng chỉ là việc thường tình, miễn sao họ đừng quá đáng. Do vậy, đối riêng với bọn quan lại, ông nhắm mắt làm ngơ, mặc cho thủ hạ cướp phá... có nhiều dinh thự bị đốt cháy, nhiều kho lụa là châu báu được đem chia cho binh lính, nhiều cô tiểu thư khuê các được nếm trải những cơn mưa gió dập vùi của những tấm thân dũng sĩ cường tráng ứ thừa sinh khí.

Ngày thứ hai, sau khi vào Thăng Long, Phạm Sư Ôn ngồi ở điện Đại Minh, đem bọn quý tộc, quan lại bị bắt ra xét hỏi.

Người thứ nhất được dẫn đến, Sư Ôn hất hàm:

- Nhà người tên gì?
- Thiên hộ hầu Trần Mỹ.
- Tôn thất hả?
- Đúng.
- Tội chết chém

Người thứ hai bị dẫn đến. Sư Ôn quắc mắt:

- Tên là gì?
- Nguyễn Khang.
- Tâu đại vương, hắn khai man. Tên nó chính là Trần Khang.
- Không, tên tôi là Nguyễn Khang.
- Bẩm, tiểu nhân còn bắt được bức thư này trong nhà nó. Ngoài có đề: Trần Khang huynh đài mã giám.
- Thư của ai?
- Bẩm, thư của Trần Nguyên Diệu đã đầu hàng quân Chế Bồng Nga.
- Ta hiểu rồi. Tên Trần Khang này làm nội gián cho Chiêm Thành. Chúng chờ đợi quân Chiêm đến Thăng Long. Chưa giết vội. Đem đi lấy khẩu cung.
- Người thứ ba bị dẫn đến. Sư Ôn hỏi, thái độ bình tĩnh hơn, khi thấy đó là một nho sĩ già, quần áo đã sờn. Người tên gì?
- Sử Văn Hoa.
- Sử Văn Hoa ư? Có phải ông là nhà chép sử? Hình thư ta đã nghe danh.
- Tôi viết sử. Đúng vậy!
- Thú vị thật? Quan chép sử? Này... ta giả dụ như nếu ông không bị giết, còn sống, ông sẽ chép thế nào về việc quân của ta nhập Thăng Long?
- Nếu còn sống, tôi sẽ viết thế này: “Người thày chùa Phạm Sư Ôn, pháp hiệu Thiên Nhiên tăng, đã nổi loạn chiếm lộ Quốc Oai... Chiêu tập những kẻ du đãng bốn phương lập ba đạo quân đặt tên là: Thần Kỳ, Dũng Dấu và Vô Hạn...”.
- Hay! Hay thật! ông đã kịp tìm hiểu về đội quân của ta. Đúng là nhà chép sử. Xin ông cứ tiếp.
- Tôi viết thêm: “Ngày một một tháng chạp năm Kỷ Tỵ, Thiên Nhiêu

tăng đem quân chiếm Thăng Long. Ngày đầu tiên dâng hương ở tháp Báo Thiên. Vua và triều thần đã đi lánh nạn. Ngày thứ hai, đem người bị bắt xử tại điện Đại Minh. Các tôn thất nhà Trần đều bị xử tội chết".

- Ông chép hoàn toàn đúng. Nhưng xin hỏi một câu: ông có khen ta không?

- Không!

- Vậy có chê ta không?

- Cũng không!

- Hay! Chẳng khen và cũng chẳng chê. Tại sao vậy?

- Bởi vì còn quá sớm để hạ bút khen chê. Bởi vì thiện có thể chuyển thành ác...

- Và ác cũng có thể chuyển thành thiện chứ gì? Hay ông đích thực là nhà chép sử. Hãy nghe đây, ta quyết án: Vì Sử Văn Hoa không biết nịnh nọt, cũng không quá khích đại ngôn. Ta tha cho. Để ông ta sống, làm nhà chép sử cho non sông.

Người thứ tư bị dẫn đến.

Sau này, Sử Văn Hoa còn chép tiếp: "Ngày thứ ba, Phạm Sư Ôn đốt dinh thự các đại thần, đốt phá vườn Thượng Uyển". Đang đêm hôm đó, quân nổi loạn bất thình lình rút khỏi Thăng Long. Trước khi đi họ chất rơm rạ, định đốt điện Đại Minh. Rất may: lửa còn chưa bén, nhân dân đã kịp đến cứu hoả.

***

Khi Phạm Sư Ôn rút khỏi, thái sư Quý Ly vội ra lệnh cho một đạo quân trở về, trấn giữ kinh sư, lập lại trật tự và giải quyết hậu quả đốt phá. Một mặt, ông tung ngay thám tử đuổi theo, bám riết mọi động tĩnh của quân thày chùa. Nghệ Hoàng nói:

- Quan gia (vua Trần Thuận Tôn) còn nhỏ, ta lưu lạc bên ngoài thế này chắc không tiện. Hay lại cho triều đình trở về Thăng Long, để muôn dân và quân sĩ được yên lòng?

Quý Ly tâu:

- Thế giặc còn mạnh. Quân giặc cỏ Phạm Sư Ôn đang còn đắc chí. Quân Chế Bồng Nga vẫn đóng ở Hoàng Giang. Quân thuỷ và bộ Chiêm Thành đã hợp lại với nhau. Đôi bên vẫn rình rập, chưa phân thắng bại. Hai vua hiện nay là mục tiêu của giặc. Phải bảo vệ đầu não, bảo vệ hoàng tộc, đó là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất hiện nay. Ta chưa thể trở về Thăng Long được vậy ta nên đi đâu?

- Thần đã suy nghĩ kỹ. Phải đi xa hơn. Và không nơi nào bằng sông Lục Đầu. Từ đó, ta có thể dễ dàng lên phía Bắc qua ba con sông: sông Thiên Đức, Nguyệt Đức và Nhật Đức. Mặt khác. cũng có thể từ đó ra biển, hoặc về nam qua sông Bạch Đặng và những sông nhánh chằng chịt ở miền biển.

- Bình Chương nói cũng phải, ta có cung hành tại ở Bình Than.

Trong lúc thế nước chông chênh. Hồ Quý Ly đã chọn đúng địa điểm chiến lược, vừa có thể tiến vừa có thể thoái, để chỉ đạo cuộc kháng chiến chống quân Chiêm Thành và quân nổi loạn Sư Ôn. Qua cuộc rút lui ấy. Cũng thấy được tầm nghiêm trọng của sự đe doạ gây nên bởi cuộc tổng tiến công của Chế Bồng Nga. Ông ta quyết tiêu diệt nhà Trần, quyết khuynh đảo tan tành Đại Việt.

Trần Khát Chân vẫn thường xuyên gửi mật tấu về báo cáo tình hình chiến sự Chiêm Việt. Khát Chân và Hoàng Phụng Thế hiện đương đối đầu với tướng La Ngai ở Hoàng Giang. Hai bên vẫn đương cầm cự, thăm dò. Chưa có những trận đánh lớn: Đại quân Chiêm do Chế Bồng Nga đích thân chỉ huy vẫn nằm im cách xa đội quân La Ngai,

chưa thấy động tĩnh, Khát Chân đi khảo sát trên sông Hoàng Giang thấy địa thế trống trải, không có thế bố trận nên vẫn ém quân ở Hải Triều.

Thám tử về báo, quân của Phạm Sư Ôn đã rút về Quốc Oai. Chiếm Thăng Long ba ngày, họ cho là đại thắng, nên rất vui, hiện đang chuẩn bị mừng công. Hồ Quý Ly liền tâu với Nghệ Hoàng:

- Trời giúp ta rồi đây. Đám giặc cỏ đang kiêu, chúng lơ là phòng bị. Phạm Sư Ôn nghĩ rằng ta đang gặp nguy khốn với Chế Bồng Nga. Cả hai, họ Chế và họ Phạm đều chưa muốn tiến binh. Chúng đều muốn chờ quân triều đình đánh nhau với bên kia, để cho quân triều đình bị hao hụt, họ toạ sơn quan hổ đấu, hòng thủ lợi về mình. Lúc này, nhân lúc Phạm Sư Ôn đang lơ là không phòng bị, ta nên đem quân đánh úp. Quân của Sư Ôn mới tụ họp còn ô hợp, không thiện chiến...

Quý Ly bèn thay vua viết mật chỉ, điều đội quân của Hoàng Phụng Thế rút lui khỏi Hoàng Giang. Làm như thế, để nhử quân Chiêm vào sâu trong vùng châu thổ, rơi vào trận thế trên sông của Khát Chân, trong lúc đó quân của Hoàng Phụng Thế sẽ bất ngờ theo đường tắt, lên đến Quốc Oai đánh úp. Điều này Phạm Sư Ôn không thể ngờ tới, bởi vì nhiệm vụ chính của Phụng Thế là đối đầu với quân Chiêm. Lệnh rút quân và tấn công bất ngờ phải hoàn toàn bí mật.

Đồng thời, thái sư lại diều đội quân của Nguyễn Đa Phương trước kia, và hiện nay do tướng Phạm Cự Luận chỉ huy, phải cấp tốc từ Thanh Hoá ra hỗ trợ cho cánh quân của Trần Khát Chân đang đối đầu với Chế Bồng Nga.

Để tạo bất ngờ cao độ, Hoàng Phụng Thế từ Hoàng Giang đến Nộn Châu là nơi đóng quân của Sư Ôn ở Quốc Oai, đã phải bí mật đi tắt

theo con sông Miệt Giang. Đó là một con sông nhỏ, mùa đông lắm đoạn nước cạn, thuyền bè không đi lại được. Cũng chính vì Phạm Sư Ôn biết tình hình khô cạn của sông Miệt Giang nên đã không đề phòng phía ấy. Đội quân của Hoàng Phụng Thế, dang đêm nhập sông Miệt Giang. Những khúc sông cạn, Thế cho lính xuống, dùng cuốc xẻng khơi dòng rồi kéo thuyền qua, đến chỗ nước sâu lính lại lên thuyền bơi chèo. Hành quân bí mật suốt đêm, tảng sáng quân Thánh Dực đến Nộn Châu. Đoàn quân nổi loạn, khi đó, vẫn còn say sưa giấc ngủ, không hay biết gì hết. Quân của Hoàng Phụng Thế như thiên binh thần tướng đột ngột ùa vào trại giặc. Quân Sư Ôn bị tấn công không kịp trở tay, Hoàng Phụng Thế chỉ một trận đã phá tan tác đội quân thày chùa. Phạm Sư Ôn bị bắt sống. Ba vạn quân chạy như vịt, trở thành đám hỗn loạn, kẻ bị giết, kẻ bị bắt, kẻ trốn thoát vào rừng lại quay trở về cuộc đời thảo khấu.

Hoàng Phụng Thế đóng cũi Sư Ôn, giải về Thăng Long. Mấy hôm sau, thái sư đã cho tổ chức ngay cuộc hành quyết ở bãi chợ Báo Thiên để răn de. Pháp đài là cái sàn gỗ cao, trên đặt một thớt gỗ lim thật to, thật nặng. Phạm Sư Ôn cởi trần, hai tay bị trói quặt ra sau. Đầu trọc, râu ria tua tủa, ông ta đứng sững như người khổng lồ. Phạm Sư Ôn quay mặt về phía ngọn tháp Báo Thiên lừng lững chọc trời. Ông quỳ xuống cúi đầu:

- Kẻ nghịch đồ xin cúi lạy đức Phật từ bi, xin được người xá tội. Thực ra con chỉ theo lời đức Thế Tôn, cố đem hạnh phúc lợi lạc cho chúng sinh lầm than đói khổ.

Rồi, ông quay về phía những đồng đảng bị trói ở hàng cọc dưới đất, chờ bị hành quyết cúi lạy:

- Một lạy này Sư Ôn xin gửi tới anh em, mong được xá tội Chỉ vì tôi

thiếu tài trí, nên đã làm liên luỵ tới sinh mạng của anh em.
Quay về phía dân chúng đông nghịt trên bãi chợ, Phạm Sư Ôn một lần nữa lại cúi đầu:
- Một lạy này Sư Ôn xin gửi tới nhân dân. Vua quan nhà Trần thối nát, Hồ Quý Ly phiền hà độc ác. Chỉ tiếc rằng tôi chẳng thành công, để trăm họ vẫn phải muôn bề lầm than...
Công chúng nghe giọng nói ồm ồm của Sư Ôn đều rưng rưng nước mắt. Chợt đôi mắt của người thày chùa nhìn thấy bên cạnh gốc cây xích tùng phía dưới, một chàng thư sinh vai đeo tay nải, hai dòng nước mắt chảy dài trên gò má, ông nhận ngay ra gương mạt thân quen của Phạm Sinh. Ông muốn gọi to tên anh, song kìm nén lại được. Chàng thư sinh gật đầu. Trong những phút cuối cùng cuộc đời, một linh cảm rất khác lạ rất ấm áp chợt ùa vào trái tim sắt đá của người thủ lĩnh. Ông kêu lên trong lòng: Trời ơi? Sao khuôn mặt ấy lại giống mặt của người con gái năm xưa đến thế? Và còn đôi mắt sáng quắc kia nữa chúng giống ai? Phạm Sinh! Phạm Sinh. Ông thầm nhủ. Và bỗng ông thày chùa giật mình sửng sốt. ừ, sao lại họ Phạm nhỉ? Phạm Sinh - Phạm Sư Ôn? Và đột nhiên, óc ông lóe sáng. Trời ơi? Sao đầu óc ta tối tam đến thế? Hắn chính là con ta. Thế là, bất thình lình, ông hét thật to:
- Hãy trả thù! Hãy trả thù cho ta. Nhớ lấy! Nhớ lấy?
Tiếng hét man dại quá, khủng khiếp quá, uất hận quá; nó làm choáng váng mọi người, như muốn đánh thức tất cả vạn vật. Viên quan trông coi việc hành quyết chợt nhận ngay ra mối nguy hiểm. Ông bèn ra lệnh bịt chặt mồm Sư Ôn lại. Rồi toán lính ôm lấy con người hộ pháp đó, vật lộn, quật ngã ông ta xuống. Kẻ giữ đầu, kẻ giữ chân, bọn lính khiêng ông ta đặt lên thớt. Phạm Sư Ôn giãy giụa, rồi lăng mạ, chửi

rủa tất cả những tên tuổi được coi là linh thánh, là cấm kỵ thất của vương triều đang sụp đổ. Cuối cùng bọn lính cũng cột được chân ông vào chiếc cọc phía dưới và buộc người ông vào tấm thớt. Đao phủ phải chém đến ba, bốn nhát, cái đầu lâu ông mới lìa khỏi cổ và phun ra một tia máu dài...

Cảnh tượng khủng khiếp đó làm cho mọi người đều mê hoảng. Chẳng ai còn để mắt đến ai nữa. Người thư sinh đeo tay nải đầm đìa nước mắt khóc to, nhưng cũng chẳng bị ai chú ý. Anh rên rỉ trong lòng: “Cha ơi Cha ơi”.

Hồ Quý Ly

Chương 4

Quay trở lại cuộc đối đầu Chiêm - Việt trên sông Hoàng Giang. Khi còn chưa được điều đi đánh Phạm Sư Ôn và còn phụ trách tiền quân chống Chiêm, Hoàng Phụng Thế đã sai đóng cọc ở ba khúc sông, tạo nên tuyến phòng thủ rất vững chắc, thuyền của Chế Bồng Nga muốn tiến vào sâu cũng rất khó. Vua Chiêm là tay lão tướng, rất thận trọng. Ông ta biết rõ rằng trận chiến ở đây gay go và khác hẳn trận đánh quân Việt trên sông Lương, Thanh Hoá. Trận ấy sở dĩ thắng nhanh vì ở đó đang có loạn làm cho tinh thần quân Đại việt dao động. Mục đích đó họ Chế đã thành công. Sau trận sông Lương, Chế Bồng Nga xem xét tình thế, thấy hoàn toàn thuận lợi cho quân Chiêm. Lần này, hàng tương Nguyên Diệu là một đại thần, ngoài ra trong tay Chế lại có thư của mấy viên tư đồ, Thái bảo... những dại thần khác của người Việt cầu xin ông giúp đỡ, và hứa làm nội ứng. Hơn nữa, tin tức về quân Phạm Sư Ôn nổi loạn chiếm Thăng Long lại càng làm cho ông thêm quyết tâm. Do đó, khi đánh xong trận sông Lương, thời tiết lúc đó rét đậm, đáng lẽ theo thường lệ ông sẽ rút quân về chờ mùa gió nồng năm sau. vì người Chiêm kém chịu rét, vả lại nếu tiến vào vùng châu thổ sông Hồng mùa đông. thuyền quân ông sẽ bị ngược gió rất bất lợi trong việc tiến quân. Nhưng ông vua khôn ngoan đó đã ra một quyết định táo bạo: Phải chớp lấy thời cơ Đại Việt đang suy yếu, đang bị chia rẽ nặng nề, đang phải lo đối phó nhiều mặt, để tổng tấn công vào sào huyện nhà Trần
Vùng châu thổ sông Hồng vốn là địa bàn cơ sở, nơi bắt đầu dấy lên

của nhà Trần. Phủ Thiên Trường nằm ngay giữa đồng bằng là quê hương thứ hai của họ Trần. Ở khắp nơi, đều có thái ấp của những vương hầu, công chúa, quận chúa, hoàng tử và tướng quân nhà Trần: Nộn Sơn là trang và nơi tu hành của công chúa Thuỵ Bảo vợ Trần Bình Trọng; tại ngã ba Sa có thái ấp của tướng quân Trần Khánh Dư; ở Quắc Hương, thái ấp của gia đình Trần Thủ Độ; vùng Bình Lục, thái ấp của Trần liễu và Trần Quang Khải; ấy là chưa kể đến những làng xã được gọi là Trần Xá, nơi ở của người họ Trần hoặc chịu ơn họ Trần cư ngụ. Như vậy, Chế Bồng Nga đang dấn thân vào vùng ảnh hưởng, hoặc có thể nói vào hang ổ của nhà Trần. Tháng mười một, khi quân Chiêm bắt đầu tiến vào vùng châu thổ, Chế cho người của Quang Diệu đi khắp nơi phao tin người Chiêm Thành ra đây chỉ cốt giúp đỡ phục hồi cơ nghiệp nhà Trần và trừng trị tên đại gian thần Hồ Quý Ly: Chế Bồng Nga chỉ mong có một quý tộc nhà Trần nào đó có thái ấp tại đây dấy binh nổi loạn. nhưng đáng tiếc chẳng có tôn thất quý tộc Trần nào chịu theo ông ta.
Khi Trần Khát Chân phụng chỉ đến Hoàng Giang. Ông dùng một thuyền nhẹ đi quan sát địa thế. Khi hội tướng bàn bạc tình hình. Hoàng Phụng Thế nói:
- Chế Bồng Nga vẫn dấu mặt, chỉ cho La Ngai xuất hiện. Chưa thấy địch động tĩnh. Có lẽ chúng còn chờ tình hình, xem Phạm Sư Ôn ra sao. Hơn nữa. ta đã đóng cọc trên sông và gió bấc đang thổi mạnh làm thuyền bè khó ngược dòng...
Trần Khát Chân trầm ngâm:
- Sông Hoàng Giang quá rộng, khó có địa thế bố trận. Đánh giặc nơi đây không lợi. Phải nhử địch đến một nơi khác, theo thế trận của ta. Hiện nay ta vẫn phải dàn hai tuyến: tuyến trước vẫn do ông Thế đảm

nhiệm, còn tuyến sau do cánh quân ông Khả Vĩnh vừa mới ở Thanh ra. Quân ông Vĩnh đi đường còn mệt mỏi, ở tuyến sau vài bữa nhưng sẽ phải lên tuyến trước ngay. Tình hình sắp phải thay đổi lớn. Mong hai ông vô cùng khẩn trương và cẩn trọng, còn tôi sẽ phải đi tìm nơi bố trận ngay.

Tối hôm ấy, Khát Chân cho thuyền về trang ấp của tổ tiên, vùng ngã ba sông. Trước khi vào trận đánh lớn, ông muốn về thăm quê, dâng lễ trước bàn thờ tổ. Bùi Bá Kỳ và Vũ Soạn, hai tì tướng thân tín, đã đốt đuốc đứng trên bãi cát chờ ông. Khát Chân sai mang ngay đồ lễ lên nhà từ đường. Ông kính cẩn khấn vái: “Con là Trần Khát Chân, được mệnh vua mang quân đi dẹp giặc. Thế giặc đang quá mạnh. Con xin anh hồn của các bậc tiền nhân. vốn là những anh hùng tận trung với nước, hãy phù hộ độ trì, giúp đỡ cho con, để diệt tan giặc dữ, bảo vệ được giang sơn trong cơn sóng gió...” Ông thắp hương trên bàn thờ riêng của Đại Hành hoàng đế và Bảo Nghĩa vương Trần Bình Trọng rồi kính cẩn quỳ lạy. Sau đó, ông ra ngay nhà khách bàn việc cấp tốc với Bá Kỳ và Vũ Soạn.

- Ông Kỳ đã làm xong những việc tôi giao chưa?

- Bẩm tướng quân, tôi và ông Soạn đã chia làm hai ngả, đưa thư của tướng quân đến tận tay các vương hầu ở khắp các trang ấp lớn. Cả ngày qua, cả hôm nay, lúc chạy ngựa, lúc bơi thuyền... Công việc đã xong xuôi. Khắp nơi đều hưởng ứng, chuẩn bị chu đáo cho từng gia đình dân, lại chuẩn bị các đội hương binh sẵn sàng khi giặc đến.

- Thực sự khí thế trong dân ra sao?

Soạn nói:

- Mọi lần trước, khi giặc Chiêm đến, bên ta đều thua cả, thành thử dân vẫn có phần sợ hãi. Tuy nhiên, lần này ta có chuẩn bị trước, lại

chuẩn bị kỹ càng, nên dân đã chủ động, bớt lo. Chúng tôi lại cho quân sĩ đi khắp nơi bố cáo cho mọi người cùng rõ Trần Nguyên Diệu đã đầu hàng phản nước và Chế Bồng Nga dứt khoát là giặc, không bao giờ thương dân lành. Như thế mới đánh tan được mưu đồ dụ dỗ của giặc.

Khát Châu và hai tì tướng giở bản đồ ra thảo luận với nhau về địa điểm bố trận. Cả ba người đều rất thông thuộc những con sông, những đường tắt, những khúc nối ngang dọc của hệ thống đường thuỷ vùng Châu thổ. Họ tranh cãi mãi cuối cùng mới chọn sông Đáy làm nơi bày trận. Đó là một khúc sông vừa phải không quá hẹp, rộng, hai bên bờ lại có làng xóm tiện cho việc dấu quân.

Khát Chân chỉ chợp mắt chừng một canh giờ đã bị đánh thức dạy. Ông quỳ xuống nhận mật chỉ khẩn cấp của Nghệ Hoàng. Ông vua già theo lời thái sư, bí mật cử Hoàng Phụng Thế bí mật đem binh thuyền đến Nộn Châu đánh úp Phạm Sư Ôn.

Khi tướng quân họ Hoàng cho quay thuyền rút lui, Chế Bồng Nga vẫn án binh bất động. Ông ta sợ mắc phục binh. Nhưng, sau khi thăm dò không thấy khác lạ, quân Chiêm mở cọc tiến lên và đụng độ với quân của tướng Khả Vĩnh từ tuyến sau đi lên. Chế Bồng Nga lại cho dừng binh. Hai bên cứ thụt thò, dền dứ như chơi trò ú tim.

Khát Chân đã cho ém quân ở một khúc sông Đáy. Tuy nhiên ông vẫn phấp phỏng lo lắng. Ngày đêm, ông quên ăn ngủ cùng tướng Khả Vĩnh lo giữ vững phòng tuyến chờ tin của Hoàng Phụng Thế. Ông lo lắng bởi vì khi Thế chia quân đi, quân lực của ta trên sông Hoàng Giang cũng bị dàn mỏng. Cho đến hôm sau, khi nghe tin chiến thắng ở Quốc Oai báo về, Khát Chân mới thở phào nhẹ nhõm.

Còn Chế Bồng Nga cũng ưu tư không kém. Ông ta vẫn theo dõi tình

hình Đại Việt và tính toán nước cờ. Bọn phản thần nhà Trần, từ Lục đầu Giang, đã gửi thư cho Chế biết tình hình ông thày chùa chiếm Thăng long ba ngày. Diệu hỏi:

- Sao ta không nhân sự bối rối của đối phương lúc này, thừa cơ đem quân đánh một trận...

Chế Cười:

- Phạm Sư Ôn vào Thăng Long nhưng đã gặp một kinh thành trống rỗng. Ta cũng đã vào Thăng Long sau phải rút ngay. Sư Ôn cũng vậy thôi. Thăng Long dễ đánh, nhưng rất khó giữ. Phạm Sư Ôn nhập kinh đô song có phải đánh nhau với ai đâu. Quân của Quý Ly hầu như đã rút hết khỏi nơi đó, và chẳng hề bị sứt mẻ chút nào.

- Vậy thế toạ sơn quan hổ đấu vẫn chưa được thực hiện?

Khi quân Hoàng Phụng Thế rút khỏi Hoàng Giang. Họ Chế cứ hỏi:

- Thế rút quân vì cớ gì? Định nhử ta hay định làm gì?

Khi nghe tin Thế chỉ một đêm đã phá tan ba vạn quân thày chùa, Chế nói:

- Quá nhanh! Thật không ngờ! Ta cẩn thận tính toán hoá ra lại có lợi cho Đại Việt. Trận thắng này làm hoàn hồn quân Việt. Ta có nên đánh tiếp không?

La Ngai nói:

- Thực ra nước họ vẫn chưa hoàn hồn. Dân chúng vẫn chưa mấy ai quay trở lại Thăng Long. Dân Việt nói: “Đến một toán giặc cỏ ô hợp như Sư Ôn còn chẳng giữ được kinh sư huống hồ người Chiêm Thành thiện chiến.” Vua tôi họ rút chạy khỏi kinh đô đã làm nhân tâm xao xuyến. Tuy Hoàng Phụng Thế diệt được Sư Ôn, nhưng thực chất giang sơn Đại Việt lúc này đang chấn động rung rinh.

- Ta vừa lưới nhận được thư từ triều đình nhà Trần. Họ nói hai vua

Trần đang ở Bình Than. Triều đình Việt phân nửa không ưa Quý Ly. Ta chỉ còn một điều chưa rõ: Trần Khát Chân là người thế nào?
- Ông ta dòng dõi võ tướng, chưa nổi danh. Chỉ ở hàng tường nhỏ, bỗng nhiên được vua Trần cất nhắc lên tới hàng thống lĩnh quân đội. Như vậy chứng tỏ có sự lục đục bên trong. Vua Trần không tin vào những vị tướng tay chân của Thái sư Vua Trần muốn dùng người trong họ Trần dù người ấy chưa nổi danh. Ông vua già muốn binh quyền vẫn phải ở trong tay ông ta.
La Ngai vui vẻ:
- Bệ hạ nhận định rất đúng.
Chế Bồng Nga đi đến quyết định:
Quân ta đánh giặc xa nhà đã lâu, lại gặp mùa rét phía Bắc, đó là điều ta vẫn tránh suốt mấy chục năm chinh chiến với Đại Việt. Tuy nhiên, đây là thời cơ chưa từng có. Trong vòng nửa năm đã xảy ra ba cuộc làm loạn. Đại Việt đang hỗn loạn. Tôn thất đại thần ngả nghiêng. Phải dùng đến cả tướng chưa kinh nghiệm, chưa giỏi chiến trận. Trời giúp ta... chẳng lẽ trời cho mà ta không nhận. Chúng ta sẽ tiến đánh, tuy nhiên, ông quên nhớ không được phép có một sai sót nhỏ trong việc dụng binh.
Chế Bồng Nga là tay chinh chiến lão luyện. Ông ta đã lao tâm khổ tứ, vào sinh ra tử suốt ba mươi năm ròng rã để đánh phá Đại Việt. Ông đã thắng, nhưng ông còn muốn toàn thắng. Ông có tầm mắt rộng, biết kết hợp nhiều mặt trận. Ông thực tế, nếu không biết chắc ăn sẽ không liều lĩnh. Nhưng ông cũng là người thức thời, quyết không bỏ lỡ cơ hội.
Vì vậy, quyết định đánh lớn của ông đã làm nức lòng tướng sĩ. Quân đội của ông tuyệt đối tin cậy ở ông. Ông đã bảo phen này sẽ bắt Đại

Việt phải đầu hàng. Tất cả người lính Chiêm Thành đều nức lòng, chuẩn bị tiến vào Thăng Long lần thứ năm.

Có thể nói, việc chuẩn bị tấn công của Chế Bồng Nga khá hoàn hảo. Ông ưa sự chu đáo, tỉ mỉ. Ông nói với La Ngai: "Trong việc dụng binh, phải chú ý cả đến những điều nhỏ nhặt nhất", nhưng ông lại phạm một sai lầm nhỏ.

Tháng trước, sau trận thắng ở Thanh Hoá. Chế Bồng Nga mở tiệc khao quân, trước khi tiến quân vào lưu vực sông Hồng. Quân sĩ được phép uống rượu lu bù. Đến nửa đêm, mọi người đều say bí tỉ. Bọn lính từng tốp rủ nhau vào các làng lân cận bắt đàn bà con gái để hành lạc. Ba Lậu Kê là viên quan nhỏ theo hầu Chế Bồng Nga. Vua Chiêm luôn cần hắn bên cạnh, nên hắn không được phép rời nơi đóng quân, theo bọn lính vào làng. Họ Chế thường nói với binh lính.

- Ngày xưa, quân Việt mạnh, lúc thắng ta họ vẫn thường bắt đàn bà con gái làm thê thiếp, đàn ông bắt làm nô tì hầu hạ. Trong bữa tiệc, chúng bắt đàn bà Chiêm múa hát, đàn ông phải quỳ đầu đội đèn sáng cho chúng ăn uống. Vậy nên, nay quân Chiêm mạnh, ta cũng làm như họ. Của cải của họ là của cải của chúng ta, đàn bà con gái của họ là thê thiếp của chúng ta...

Trong đội ca múa của Chế Bồng Nga có nhiều con gái Việt. Da dẻ họ đã trắng trẻo, giọng hát của họ lại líu lo và chân tay họ múa cũng mềm mại, yểu điệu, chẳng kém gì con gái Chiêm Thành. Có thể các cô vũ nữ người Việt chẳng đẹp hơn các cô gái Chiêm, nhưng họ là những của vật lạ. Và cái gì lạ cũng đều hấp dẫn. Đêm hôm ấy, Ba Lậu Kê, có thể vì say, có thể xa nhà đã lâu, có thể vì thói mê thích của lạ, nên nhân lúc ngọn đèn khi mờ khi tỏ, và mọi người đều chếnh choáng chẳng ai chú ý đến ai, đã ôm lấy cô vũ nữ người Việt trong

đoàn ca múa cung đình mà anh ta hằng ao ước Cô gái giãy giụa, Ba Lậu Kê hổn hển cười. Cô ta chạy. Ba Lậu Kê đuổi theo. Anh lính hầu túm được vạt áo cô gái. vạt áo rách toạc, để lộ ra làn da nõn nà làm anh không thể cầm lòng. Ba Lậu Kê ôm chầm lấy cô, cắn vào má, vào vai, vào đôi vú tròn trịa. Cô gái Việt lúc đầu chỉ chạy không kêu... bởi vì quá sợ, nhưng rồi cô cũng hét lên được. Cô gào to:"Cứu tôi với". Và điều này Ba Lậu Kê không hề nghĩ tới.

Mọi người đều say, riêng vua Chế không say. Mọi người đi tìm thú vui, riêng mình ông lại suy nghĩ. Lúc đó ông đứng giữa sân rộng, nhìn lên trời, ngắm những ngôi sao nhấp nháy, như ngắm nhìn những quân cờ để tính thừng nước đi sắp tới. Bầu trời bao la, những ngôi sao thưa thớt lạnh lẽo những rất sáng đã gợi hứng cho những tưởng tượng chiến trận của ông. Ông đang khoan khoái, tâm hồn luôn căng thẳng của ông chẳng mấy khi được những phút thư giãn thế này... Bỗng ông giật mình như tỉnh mộng, vì chợt nghe thấy tiếng kêu cứu ông vội chạy vào, và chợt bắt gặp cảnh cô vũ nữ đang bị loã lồ.

Còn thêm một điều nữa mà Ba Lậu Kê không ngờ tới: Chế Bồng Nga rất yêu thích cô vũ nữ người Việt này. Trong mọi việc xảy ra giữa binh sĩ Chiêm và người việt vua Chiêm thường vẫn đứng về phía đồng bào của mình. Ở đây không lấy lẽ công bằng làm chuẩn mực, vua Chiêm cũng biết đó là điểm yếu của mình, song ông vẫn thích đối xử thiên lệch như vậy. Âu cũng là lẽ thường tình khi hai bên thù địch. Binh lính Chiêm Thành cũng vì cách đối xử thù hận ấy của Chế Bồng Nga nên rất quý ông; họ hy sinh hết lòng vì sự nghiệp của ông phần nào cũng do mối đồng thù hận ấy.

Nhưng lần này lại hoàn toàn khác. Khi vua Chiêm trông thấy làn da

tràng nõn của cô gái bị phô ra trong ánh nến. Ông bỗng nhíu mày lại. Ông trừng mắt, rồi sầm sầm đi tới trước Ba Lậu Kê. Anh lính hầu tỉnh ngay rượu, mặt xám ngoét. Chế Bồng Nga vung tay lên, dùng hết sức tát vào má người lính. Họ Chế nổi lôi đình, quát mắng và đuổi Ba Lậu Kê ra ngoài. Khi người lính đi khỏi, cô vũ nữ cũng nhân cơ hội lẩn đi đâu mất. Còn lại một mình, cơn tức giận của ông cũng dần dần xẹp xuống. Ông đi ra sân, ngẩng đầu nhìn trời, nhưng thấy hoàn toàn mất hứng. Ông ngẫm nghĩ, chợt hối hận. Sao lại xảy ra như thế? Ta có bao giờ đối xử thế này? Sao ta có thể đánh con người hèn mọn đã cúc cung tận tuỵ với ta hơn một năm nay? Anh ta xa nhà, xông pha hiểm nguy để được ta đối xử như thế sao? Lòng bối rối không sao yên được, ông đích thân tìm khắp nơi, rồi sai thuộc hạ đi tìm Ba Lậu Kê ngay đêm hôm ấy, nhưng không thấy. Sáng hôm sau anh ta cũng không về. Cứ tưởng anh ta hết giận sẽ quay lại, song Ba Lậu Kê đã biệt tăm. Người lính hầu đã bỏ trốn. Không ai có thể ngờ Ba Lậu Kê đã giả trang dân Việt tìm đến vùng Hoàng Giang. Anh ta đã sống nhiều với người Việt nên ăn nói hoàn toàn như người Việt. Đêm hôm ấy. khi Trần Khát Chân đang bàn việc quân với các tướng, bỗng được tin có một người lính Chiêm đầu hàng, xin gặp chủ tướng để báo việc cơ mật. Khát Chân cho mọi người lui, chờ gặp tên hàng binh, Bùi Bá Kỳ dẫn một người nhỏ thó, da nâu sẫm, tóc loăn xoăn bước vào. Anh ta khúm núm chào.

- Tên nhà ngươi là gì?

- Tiểu nhân tên Ba Lậu Kê.

- Quê quán, cha mẹ, ở đâu, làm gì?

- Bẩm, quê quán Châu ô, cha là Ba Lậu Khiêm người Chiêm Thành, mẹ là Thị Hiền người Việt đều đã chết trong loạn lạc.

- Thảo nào! anh nói tiếng Việt quá sõi? Anh muốn báo cho ta việc gì?
- Tôi là kẻ hầu cận ở cạnh Chế Bồng Nga... nên biết được nhiều chuyện không ấy ai biết.
- Nhà ngươi cứ nói... Biết chuyện gì nói hết. Chỉ có điều, phải nói cho thật đúng.
Ba Lậu Kê đưa mắt nhìn Khát Chân, rồi lại liếc sang Bá Kỳ, hắn gãi đầu rồi mới quyết định nói:
- Bẩm, tiểu nhân ngày đem hầu hạ vua Chiêm nên được biết có một số quan đại thần nhà Trần vẫn thư từ liên hệ với Chế Bồng Nga.
Bùi Bá Kỳ đưa mắt nhìn Khát Chân. Vị thống lĩnh vỗ bàn đứng dậy:
- Nhà người có biết mình đang nói gì không? Phải chăng ngươi làm kế ly gián? Tội chết đấy ngươi hiếu không?
Bùi Bá Kỳ vòng tay nói:
- Bẩm tướng quân, năm xưa đức Vua Duệ Tôn vào đất Chiêm, viên tiểu quan của Chế Bồng Nga là Thu Bà Ma đã trá hàng, nói dối rằng quân Chiêm thua chạy, để nhử quân ta sa vào ổ phục kích của chúng. Xin tướng quân cho đem chém tên Ba Lậu Kê này. Chẳng qua hắn cũng là kẻ trá hành.
Ba Lậu Kê quỳ xuống run rẩy:
- Kẻ hèn mọn này cũng biết việc Thu Bà Ma năm xưa, sao lại dám tái diễn trò cũ, sao lại dám dại dột rước vạ vào thân. Kẻ hèn mọn này xin thề hoàn toàn nói lời trung thực. Nếu sai xin chịu chết chém.
- Người lấy gì làm bằng chứng?
- Dạ, vua Chiêm để tất cả thư từ liên lạc vào trong một chiếc hòm nhỏ mầu xanh, luôn để bên người.
- Điều ngươi nói làm sao tin được, bởi vì ngươi đâu có mang cái hòm đó tới đây.

- Dạ, dạ... - Ba Lâu Kê luống cuống - Bẩm bằng chứng... A! Kẻ hèn mọn này có rồi, có bằng chứng rồi... Hiện nay trên sông Hoàng Giang có mấy chiếc thuyền Chiêm đang giả làm thuyền đánh cá để theo dõi tình hình quân Việt... Họ đều là người Chiêm, tiểu nhân nhận được mặt. Chập tối, tiểu nhân đội nón rách núp bên sông, thấy một chiếc thuyền của chúng lảng vảng gần đấy, trên đó có hai người: một tên là Nạc Mậu. một tên là Chế Ma Na.

Trần Khát Chân vội sai ngay Bùi Bá Kỳ cấp tốc đi bắt gian tế. Khi mọi người đã ra ngoài hết, tướng quân mới hỏi riêng Ba Lậu Kê:

- Tên những đại thần ngầm liên hệ với Chế là ai?

- Tiểu nhân nghe thấy nhiều, nhưng chỉ nhớ được hai người, vì tên của họ luôn được nhắc tới. Đó là quan tư đồ Trần Nguyên Dĩnh và quan thiếu bảo Trần Tôn.

- Đĩnh và Tôn ư? Khát Chân rung động trong lòng. Ông thầm suy ngẫm một lát rồi nói. Điều này vô cùng hệ trọng... Ngươi phải biết nếu giả trá, tính mạng người ra sao rồi chứ?

- Bẩm, kẻ hèn mọn này hiểu, bởi vậy chưa dám hé môi với ai... Và khi nãy, vì có người nên tiểu nhân cũng không dám nói tên hai người đó.

- Ngươi tinh ma lắm!

- Đại nhân quá khen. Chỉ là thói quen thôi ạ. Ở gần các bậc vua chúa phải biết khi nào cần nói.

- Ngươi tinh ma thế, tại sao Chế Bồng Nga lại bạc đãi ngươi?

- Bởi vì... Ông ta tính đa sát.

- Đa sát?

- Vua Chiêm chẳng tin ai bao giờ. Ông ta hay để bụng. Có thể ngoài miệng ông rất ngọt, nhưng nếu đã phật lòng, trước sau ông ta cũng

giết. Cứ mỗi năm, ông ta lại thay đổi người hầu cận một lần... Mà con đã hầu hạ cận kề bên ông ta hơn một năm rồi... Con đã biết quá nhiều chuyện.

- Nhưng tại sao lần này vua Chiêm nổi giận với ngươi?

Con đã quá say. Sau trận sông Lương, có tiệc khao quân, con uống quá chén... Vâng, khi say người ta thật dại dột. Con đã cả gan xúc phạm một cô nương vũ nữ... Cô nương này lại được vua Chiêm yêu quý... Con biết nhưng quá say...

Giọng kể chuyện thật thà của Ba Lậu Kê làm Trần Khát Chân chú ý. Ông hỏi rất nhiều chuyện tỉ mỉ về Chế Bồng Nga:

- Ông ta thích gì?

Vua Chiêm rất thích hát múa. Lúc nào bên cạnh ông cũng có một đoàn vũ nữ được tuyển chọn kỹ lưỡng, vì Chế Bồng Nga rất sành nhạc và múa. Quan giữ việc nhạc sau khi chọn xong, chính vua Chiêm lại đích thân duyệt từng người. Thậm chí có gia đình mắc tội nhưng có con gái đẹp và hát múa giỏi đem dâng. cũng sẽ được miễn tội. Ngay cả khi đem quân đi chinh chiến. nguy hiểm thế, bận bịu thế. vua Chiêm cũng không quên mang theo đội ca múa.

Nói tới đây, Ba Lậu Kê ngừng lại, liếc nhìn vẻ mặt của Khát Chân. Anh ta sợ câu chuyện của mình quá dông dài, ba hoa, hoặc giả anh ta ngừng vì câu chuyện đến đây mới là cái nút. Khát Chân tỏ ra rất quan tâm:

- Nhà ngươi cứ tiếp... à, ta muốn hỏi điều này... Vậy có phải chiếc thuyền vua Chiêm ngự là chiếc thuyền trên đó có dàn nhạc cung đình, có đoàn ca múa?

Ba Lậu Kê mỉm cười ranh mãnh:

- Đây cũng là điều con muốn nói riêng với tướng công. Như kẻ hèn

mọn đã nói, Chế Bồng Nga vốn đa nghi và mưu mẹo. Không bao giờ ông ta ngự trên chiếc thuyền có đàn nhạc hát múa. Chiếc thuyền đó lộng lẫy, sơn mầu vàng rực rỡ, treo đèn gấm, thưng chỉ là chiếc thuyền nguỵ trang đánh lừa đối phương. Thỉnh thoảng vua Chiêm có xuất hiện trên thuyền rồng, nhưng chỉ là khi tiệc tùng hội họp. Còn hàng ngày, Chế Bồng Nga bao giờ cũng ở trên một chiếc thuyền nhỏ khác. Thuyền này sơn màu xanh xoàng xĩnh, nhưng tiện nghi. Thoạt trông, nó hoàn toàn giống như trăm ngàn chiếc thuyền chiến của đám thuỷ binh tầm thường.

Mắt Trần Khát Chân bỗng sáng lên:

- Người lạ có thể nhận ra chiếc thuyền đó không?

Rất khó nhận biết. Nhưng riêng tiểu nhân, lúc nào cũng nhận ra ngay, bởi vì tiểu nhân hàng ngày ở trên đó đã một năm nay...

Khát Chân gật đầu bằng lòng:

- Cũng có lý. Ta có thể tin ngươi. Nhưng cũng cần nhác lại: nếu nói đúng ngươi sẽ được trọng thưởng, còn nếu man trá...

***

Quân của Bùi Bá Kỳ lục soát một khúc sông dài gần doanh trại. quả nhiên bắt được thuyền của Chế Ma Na và Nặc Mậu giả làm thuyền dân chài, đúng như lời khai của Ba Lậu Kê. Như vậy, kế hoạch bày binh bố trận phải thay đổi hoàn toàn.

Bùi Bá Kỳ nói với thống lĩnh:

- Thưa tướng quân, giặc đã cho người dò xét trận địa của ta, như vậy trận địa quyết chiến phải thay đổi.

- Ta đã trù tính, đã dự phòng ở một địa điểm trên sông Luộc. Ông cứ làm như không có chuyện gì. Ta cứ tiến hành như bố trí tại đây, làm trận địa giả để đánh lạc hướng địch. Còn trận địa thực trên sông

Luộc, ta đã sai Vũ Soạn đi chuẩn bị đêm qua.

- Bẩm tướng quân, xưa vẫn nói: “Lòng giặc sâu hiểm khôn lường” có thể Ba Lậu Kê khai ra Chế Ma Na và Nặc Mậu cũng là kế trí trá của Chế Bồng Nga. Thả tốt bắt xe. Kế ly gián. phản gián người xưa đã dùng nhiều. Ba Lậu Kê nói tới việc đại thần nước ta tư thông với giặc...

- Ta biết... Ông là người tâm phúc, nên hiểu lòng ta. Ông nên biết, ta trung với nhà Trần, ghét kẻ loạn thần, nhưng ta còn tởm lợm khi thấy bọn liếm gót ngoại bang. Kẻ nam nhi trượng phu phải có khí phách tự mình làm lấy việc lớn. Bằng không, hãy tự đập đầu chết quách, chứ đâu lại chịu gục mặt làm điều vô sỉ, quỳ gối cầu khẩn ngoại bang. Tuy nhiên, vẫn phải vô cùng tỉnh táo. Ta đâu có phải kẻ dễ bề cho Chế Bồng Nga lợi dụng kế ly gián làm cho vua tôi triều đình lục đục nghi ngờ lẫn nhau. Nhưng thôi, chuyện này hãy gác lại để về sau xem xét. Trước mắt là trận quyết chiến. Ta sẽ dùng gậy ông đập lưng ông. Chế Ma Na và Nạc Mậu khai ra ằng họ đã cho người về báo cáo tình hình trên sông Đáy với Chế Bồng Nga. Vậy là vua Chiêm vẫn chưa biết kế hoạch quyết chiến của ta chuyển sang sông Luộc. Ngày mai quân ta ở Hoàng Giang sẽ rút lui. Ta đã bàn với ông Khả Vĩnh kỹ càng kế hoạch dụ địch. Còn ông, bây giờ mau đi thuyền đến sông Luộc cùng Vũ Soạn bố trí lực lượng.

Đoàn chiến thuyền của tướng Phạm Khả Vĩnh trên sông Hoàng Giang gồm toàn thuyền nhỏ gọn; binh sĩ gồm toàn những thuỷ binh trẻ khỏe, thạo nghề sông nước rất cơ động.

Khi tiền quân Chiêm Thành phá cọc trên sông để tiến công thì bộ binh của ta trên bờ ào ạt bắn tên. Thuỷ binh của Khả Vĩnh cũng xông tới bắn tên như mưa làm thành hàng rào tên ở quãng cọc bị nhổ.

Quân Chiêm đành lùi lại.
Đợt tấn công thứ hai, tướng La Ngai thay cách đánh. Quân Chiêm dùng tượng binh theo bờ đê đánh vào toán bộ binh Việt bố trí trên bờ. Bị lộ trận địa, bộ binh ta rút lui. Lúc này quân Chiêm thế chỗ quân Việt trên bờ, họ bắn tên rào rào xuống chiến thuyền của ta.
Tướng Vĩnh hạ lệnh cho thuỷ quân cũng rút lui. Thuyền của ta nhẹ hơn, lại quen luồng lạch, nên bơi ngược dòng nhanh hơn đối phương. Quân Chiêm đuổi theo đến hàng rào cọc thứ hai. Quân Việt lại xối xả bắn tên từ trên bờ xuống.
Cứ như vậy, quân ta vừa rút vừa đánh suốt mấy ngày liền. Đến ngày thứ ba, quân Chiêm thắng lợi đuổi theo những đã mỏi mệt phờ phạc. Ba ngày đêm liền, trận chiến liên tục không ngừng.
Chiều ngày thứ ba, quân Chiêm đuổi kịp quân Việt trên sông Luộc. Phạm Khả Vĩnh tỏ ra rất tài tình đã nhử được đại quân của Chế Bồng Nga vào khu vực mai phục của ta. Vĩnh tài tình vì đã vừa đánh vừa rút, khéo léo ở chỗ không làm cho địch sinh nghi. Nếu chỉ rút đơn thuần, chắc chắn sẽ không che nổi mắt vua Chiêm. Khả Vĩnh, khi rút lui vẫn đánh rất hăng để Chế Bồng Nga có cảm giác quân Việt kém quân Chiêm, chứ không phải đang nhử chúng. Thậm chí, buổi sáng hôm ấy một đội thuyền để nhử quân địch đi vào sông Luộc đã phải tử chiến với giặc. Hơn bốn chục chiếc thuyền đã bị địch diệt một nửa. Những thuỷ binh Việt bị ngã xuống nước, bị quân Chiêm bắn tên diệt đến người cuối cùng, máu hồng cả một đoạn sông.
Mấy chục chiếc thuyền còn sót lại của Khả Vĩnh chạy trốn vào sông Luộc. Trận chặn địch khốc liệt như vậy thành thử vua Chiêm không thể ngờ có quân mai phục. Khát Chân đã chọn một khúc sông không rộng lắm, hai bên bờ có hai ngôi làng nhỏ. Trần Khát Chân bố trí voi

và bộ binh trong hai làng đó. Đặc biệt lại bố trí ba đội hoả pháo, hai đội ở hai bên bờ và một đội trên thuyền. Đích thân tướng quân chỉ huy trận đánh. Chờ cho toàn bộ chiến thuyền của Chiêm Thành gần lọt hết vào trận địa, quân ta mới đánh. Đoàn thuyền của Phạm Khả Vĩnh đang chạy, bỗng dừng lại, quay mũi thuyền chặn đường. Từ một con sông Đào, thuyền của ta đột ngột xuất hiện, cắt đôi đội thuyền Chiêm Thành.

Hơn trăm thuyền giặc, hơn trăm thuyền ta quần nhau trên một khúc sông dài. Khát Chân ngồi trên thuyền nhẹ, bên cạnh là tì tướng Vũ Soạn. đằng trước mũi là Ba Lậu Kê, chân bị trói vào cọc thuyền. Nó kia rồi? Chiếc thuyền mầu xanh xỉn đi sau hai. Chiếc thuyền khác sơn cùng màu. Chỉ có khác chiếc thuyền này mui gỗ. còn hai chiếc kia mui bằng tre.

- Ngươi nhận đúng rồi chứ?

- Hoàn toàn đúng! Kìa ông ta đang đứng trước căn buồng mui gỗ. Chế Bồng Nga đứng đó! Cao lớn! Vạm vỡ Râu quai nón!

- Còn người thứ hai mới chui ra?

- Đó là Trần Nguyên Diệu.

Lập tức, Trần Khát Chân ra hiệu lệnh. Đội hoả pháo trên chiếc thuyền sau lưng thuyền thống lĩnh liền tập trung phát hoả nhằm vào chiếc thuyền gỗ màu xanh xỉn của Chế Bồng Nga. Nhận được tín hiệu, hoả pháo trên bờ cũng nhằm vào mục tiêu đặc biệt. Những chiến thuyền khác đang đánh nhau gần đấy cũng bỏ dở cuộc chiến. tất cả đều nhằm vào chiếc thuyền mầu xanh xỉn bắn tên. Pháo nổ, tên bay. Lửa và mưa tên đổ ào ào xuống chiếc thuyền chỉ huy của địch. Diễn biến thật quá bất ngờ. Chế Bồng Nga chưa kịp quay vào trong thuyền đã bị trúng tên. Ông ta bị thương ngay loạt tên đầu.

- Gục rồi?
- Chế Bồng Nga trúng tên rồi!
- Chế Bồng Nga chết rồi!
- Kìa! Hắn gục ngay trên sạp thuyền.

Nghe tiếng reo hò của quân Việt, quân Chiêm rung động. rối loạn hàng ngũ. Hai chiếc thuyền hộ vệ Chế Bồng Nga vội quay lại cứu chúa.

Phạm Như Lặc, Dương Ngang, Bùi Bá Kỳ từ thuyền của ta nhảy lên thuyền Chế Bồng Nga. đánh nhau với quân Chiêm đang định đem chiếc thuyền chúa rút chạy. Quân Việt xô đến tiếp ứng. Trong khi đôi bên hỗn chiến. Chế Bồng Nga bị trúng tên xuyên suốt, ngực nhưng còn ngắc ngoải. Nhìn chung quanh thấy tình hình đã hoàn toàn thay đổi, phần thắng đã ngả hẳn về phía Đại Việt, Trần Nguyên Diệu lại nhìn thấy Vua Chiêm đã chết hẳn, liền lấy thanh kiếm chặt đầu Chế Bồng Nga. Ông ta định lập công chuộc tội. Nắm lấy mớ tóc giơ cao chiếc đầu lâu. Nguyên Diệu nói to:

- Ta đã chặt được thủ cấp Chế Bồng Nga.

Trông thấy đầu lâu vua Chiêm còn ròng ròng máu tươi toàn thể quân địch lập tức tan rã. Thuyền địch rút chạy tán loạn, binh sĩ Chiêm chẳng còn lòng dạ nào chiến đấu, đứa thì nhảy xuống nước thoát thân, đứa thì vứt cung tên, vứt giáo xin hàng. Phạm Như Lặc cầm đao hét Nguyên Diệu:

- Mày là ai? Bỏ cái đầu lâu xuống?

Không biết ta sao? Ta là Trần Nguyên Diệu. Ta là con vua.

- Mày là thằng phản quốc

Diệu trở nên lúng túng. Như Lặc và Dương Ngang, sát khí đằng đằng, xông tới như đôi hổ đói.

- Không biết nhục. Đồ hàng giặc! Tôn thất gì mày?
Diệu luống cuống. định chạy vào khoang thuyền nhưng không kịp. Hai người vung dao chém xả Nguyên Diệu chết tươi. Dương Ngang cướp lấy chiếc thủ cấp Chế Bồng Nga. Phạm Nhữ Lặc nhảy vào khoang thuyền. Bùi Bá Kỳ đã ở trong đó, đang lúi húi mở chiếc hòm nhỏ mầu xanh.
- Ông làm gì vậy?
- Ta thu nhặt giấy tờ của vua Chiêm cho tướng quân Khát Chân.
- Xin ông cứ để nguyên. Đó là phần việc của tôi.
- Ai cho ông quyền?
- Tôi được thái sư Quý Ly đặc biệt giao quyền phải thu nhặt những mật tin về Chiêm Thành.
- Ông đừng loè bịp.
- Ông không tin ư? Ta là liêm phóng sứ ngoài mặt trận. Ta sẽ trình giấy uỷ nhiệm với ngài tướng quân. Nếu ông cả gan ngăn trở, ông sẽ chịu trách nhiệm.
Bùi Bá Kỳ tức giận như điên, khi Phạm Nhữ Lặc ôm chiếc hòm xanh đầy giấy tờ của Chế Bồng Nga đi ra khỏi khoang thuyền.
***
Ngay đêm hôm ấy, Trần Khát Chân đặt thủ cấp Chế Bồng Nga vào trong chiếc hòm gỗ, cấp tốc gửi về triều đình. Phạm Nhữ Lặc, Dương Ngang được cử mang hòm đó về ngay Bình Than. Chọn hai con ngựa trạm thật khỏe chạy suốt ngày đêm. Đến mỗi trạm lại thay ngựa mới.
Đang đêm, lúc canh ba, hai người về tới Bình Than. Thái sư Quý Ly được tin, vội tức tốc sang cung Nghệ Hoàng. Nội thị vào đánh thức ông vua già. Nghệ Tôn giật mình tỉnh giấc, tưởng giặc Chiêm Thành

đã đến. Ông hoảng kinh hỏi:

- Chế Bồng Nga tới rồi sao?

Thái sư quỳ xuống tâu:

- Thần xin chúc mừng bệ hạ. Không phải chuyện xấu mà là chuyện vui lớn. Quân ta thắng trận rồi!

- Thắng trận?

- Muôn tâu thánh thượng. chẳng những thắng mà đại thắng. Tướng quân Trần Khát Chân đã chặt đầu Chế Bồng Nga, đem bỏ hòm, cấp tốc từ mặt trận mang về dâng lên thượng hoàng.

- Vậy ư? Thật là chuyện đại hỉ.

Ông vua già đã hoàn toàn tỉnh táo, mặt rồng rạng rỡ. Ông truyền:

- Khanh hãy triệu tập ngay trăm quan đến coi cho kỹ. Có đúng thực là thủ cấp Chế Bồng Nga hay không?

Đang đêm, toàn bộ hành cung Bình Than bỗng tưng bừng thức dậy. Những chiếc đèn lồng gấm nối đuôi thau đến cung hai vua.

Chiếc hòm đựng đầu lâu vua Chiêm được đạt trên bàn, nắp mở toang. Trăm quan lần lượt kéo nhau qua xem.

Thái sư Quý Ly xác nhận trước tiên:

- Thần đã nhiều lần đụng độ với con người này, đã thấy mạt con người này. Đúng là bộ râu quai nón đã đốm bạc! Đúng là đôi mắt xếch...

Nhiều vị quan đã đi sứ sang Chiêm Thành đều xác nhận nhân dạng.

Thượng hoàng Nghệ Tôn lúc đó mới từ ngai vàng bước xuống, nhìn vào chiếc hòm, giọng bùi ngùi đối thoại với chiếc đầu lâu:

- Trẫm đã đối địch với ông hơn hai chục năm, hôm nay mới nhìn tận mặt... Thật là râu hùm, hàm én. Là kẻ thù nhưng ông xứng bậc anh hào... Sao ông vẫn trợn mắt nhìn ta vậy? Hãy vuốt mắt cho ông ta...

Đại Việt và Chiêm Thành khác nào như Hán với Sở. Ta nhìn thấy mặt ông khác nào Hán Cao Tổ trông thấy đầu Hạng Vũ. Từ nay thiên hạ đã đại định. Ta sẽ chôn cất cho ông như bậc vương hầu...
Trăm quan cùng quỳ xuống chúc mừng hai vua. Nghệ Tôn và Thuận Tôn, vua cha và vua con, hai mắt rồng đều hớn hở rạng rỡ chưa từng thấy.
***
Đoàn thuyền treo đèn kết hoa, đàn sáo tưng bừng đưa toàn thể triều đình quay về Thăng Long. Nghệ Hoàng ra chiếu chỉ đại xá trong cả nước. Rồi khen thưởng hậu hĩ cho những người tham gia trận đánh lịch sử.
Thuyền của tướng quân Trần Khát Chân từ vùng châu thổ ngược sông Hồng về bến Đông. Người dân kinh đô nô nức ra đón vị anh hùng cứu nước. Vua sai chọn con voi to mầu trắng để rước tướng quân trên đường phố Thăng Long. Hai hàng binh sĩ gươm giáo sáng choang đi dẫn đầu. Một đoàn trống to nhỏ đánh theo nhịp rước kiệu, nhịp trống đặc biệt chỉ đánh vào ngày đại lễ khi rước kiệu vua đi. Trống con rung giòn và nhịp nhàng, xen kẽ tiếng trống cái. Những tiếng tùng trầm rơi vào những nhịp bất ngờ rất có duyên. Trống nghỉ, đến lượt chiêng biểu diễn. Đoàn chiêng cũng đông, xếp đầy từ chiêng nhỏ đến to, do một thày mường chỉ huy. Các cô gái đánh chiêng mặc váy đen, áo nhiều mầu. Tiếng chiêng nhịp nhàng như tiếng suối chảy, tiếng chim rừng líu lo lạc về nơi đô hội, đem lại cho đám rước một sắc thái vui tươi mới lạ chưa từng thấy.
Con voi trắng phủ trên mình tấm gấm mầu đỏ thêu hoa, tua ngũ sắc rủ gần sát đất. Trên lưng voi, chiếc bành gỗ sơn son bóng loáng. Tướng quân Khát Chân mạc võ phục ngồi trên đó vẫy tay đáp lại lời

tung hô chào mừng của dân kinh đô đứng chật hai bên lề đường. Nghệ Hoàng vốn khéo. Ông vua già muốn nhân chiến thắng, lấy lại uy tín cho họ Trần, đồng thời làm cho các trung thần của nhà Trần lấy lại tinh thần phấn chấn, nên đã cho tổ chức đám rước Trần Khát Chân thật long trọng. Ngoài đám rước tướng quân, còn cho khắp nước mở hội ăn mừng ba ngày sao cho thật linh đình. Bảo là linh đình nhưng thực ra cũng không tốn kém. Bởi chiến thắng Chế Bồng Nga xảy ra tháng giêng năm Canh Ngọ (1390). Trong mấy ngày Tết vừa qua, nhân dân khắp nước còn lo chạy loạn Phạm Sư Ôn và giặc Chiêm Thành nên có ai ăn tết đâu. Nay triều đình làm ba ngày tết đại thắng, điều ấy hợp lòng dân. Vua xuống chiếu cho các xã quan phải lo cho cả nhà nghèo cũng được ăn tết. Nhà chùa nấu bánh chưng phát chẩn. Suốt ba ngày đêm, các chùa làm lễ cầu siêu. Kẻ khó được phát gạo, thịt, bánh chưng ăn trong ba ngày. Ở bãi chùa làng tổ chức vui chơi: hát đúm, hát ví, hát dâng hoa cúng Phật, rồi rước kiệu, đánh đu, đánh vật đánh cờ người, chọi gà, chọi trâu. Ở Thăng Long hội được tổ chức rầm rộ nhất. Tại tháp Báo Thiên, đó là ba ngày tưng bừng chưa từng thấy. Ở thôn quê dân đấu vật, thì ở đây triều đình tổ chức đấu voi. Ở làng xã gái trai hát đúm, thì ở đây nhà vua sai đội vũ nhạc cung đình múa hát theo tích truyện. Ở chùa làng người ta dâng hoa cúng Phật, thì tại đây người ta làm hội đèn quảng chiếu và hội phóng đăng trên hồ Lục Thuỷ... Nghệ hoàng ban thưởng công trạng cho những người có công to trong việc bình Chiêm?
Trần Khát Chân được phong nội vệ thượng tướng quân, tước Vũ tiết quan nội hầu, lại cấp đất cả vùng Trại Mai.
Phạm Khả Vĩnh được phong xa kỵ thượng tướng quan, tước quan phục hầu.

Phạm Nhữ Lặc được làm quản lính cấm vệ đô, ban tước năm tư. Dương Ngang cũng được ban tước năm tư và cho 30 mẫu ruộng. Hết tháng giêng, sang tháng hai. sự phấn khởi do chiến thắng cũng qua di rất nhanh. Người dân quê lại phải lo đối mặt với miếng cơm manh áo, với nạn cường hào đục khoét, với nỗi cùng cực của kiếp nô tì mà chiến thắng Chế Bồng Nga cũng không tài nào giải quyết được.

Thượng tướng quân Khát Chân lui về đất phong hầu Trại Mai, để lo dựng nhà ở, xếp đặt vườn tược, và vỗ về đám nông dân sống trên mảnh đất của mình. để có thể thành lập riêng một đội thân binh. Thượng hoàng ban cho ông đất Kẻ Mơ cũng vì cái ý muốn đó. Trại Mai nằm ở cửa ngõ Thăng Long. Thượng Hoàng bảo riêng với Khát Chân: “Trẫm muốn khanh luôn ở gần trẫm, sợ những lúc thời tiết chẳng thuận hoà, có sự biến...” Vũ Soạn được giao việc kiểm lại số trai tráng trong vùng, cấp cho gia đình họ những mảnh đất màu mỡ. để họ yên tâm tập luyện. trở thành những người thân tín, gắn bó sống chết với thượng tướng quân.

Một buổi, Khát Chân đang cùng ngồi với Vũ Soạn, tì tướng Bùi Bá Kỳ dáng hốt hoảng xuống ngựa, vào gặp:

- Bẩm tướng quân, có việc vô cùng hệ trọng.
- Việc gì?
- Chiếc hòm xanh.

Thượng tướng nhíu mày hỏi:

- Có phải chiếc hòm mà Phạm Lặc và Dương Ngang hôm xưa đã cấp tốc đem về Bình Than cùng với thủ cấp Chế Bồng Nga?
- Bẩm, chính chiếc hòm ấy? Mấy bữa trước, thái sư Quý Ly tâu với đức thượng hoàng: “Trong đạo trị nước, theo thể chế của các tiên

vương, việc thưởng phạt rất nghiêm minh. Thời vua Trần Nhân Tôn sau khi cả phá quân Nguyên, có hai làng làm phản đi theo giặc. Hai làng đó bắt buộc phải xoá sổ. Làng xã nhà cửa bị triệt hạ thành bình địa, trai tráng phải thích chữ vào mặt đầy đi viễn châu, đàn bà con trẻ bị bắt làm nô tì suốt đời. Nay, việc khen thưởng đã xong, đã đến lúc phải trừng phạt những kẻ có tội phản nghịch, để làm gương cho mọi người. Ở Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá, có nhiều kẻ nhân lúc Chiêm Thành đương thịnh đã làm phản theo giặc. Nay xin theo lệ xưa trị tội".

Đức Nghệ Hoàng bảo: "Trẫm chuẩn tấn. Cứ theo luật lệ của tổ tiên mà làm". Khi đó, thái sư bèn dâng chiếc hòm xanh bắt được của Chế Bồng Nga lên: "Bẩm thượng hoàng, vừa rồi mới là tội của bọn dân đen. Còn những chuyện nằm trong chiếc hòm này hệ trọng hơn".

Đức Nghệ Tôn liền đọc những giấy tờ trong chiếc hòm. Càng đọc nét mặt của người càng tái lại, giận dữ...

Trần Khát Chân lắc đầu thở dài:

- Không ngờ cơ sự lại đến như thế.

- Tướng quân có biết trong hòm ấy có thư của những ai đi lại với Chế Bồng Nga?

- Ta không đọc những giấy tờ trong đó. Nhưng Ba Lậu Kê đã nói tên một đôi người cho ta biết. Đó là tư đồ Trần Nguyên Đĩnh, thiếu bảo Trần Tôn...

- Họ đều là những trung thần của nhà Trần.

- Ta thông cảm... ta hiểu họ là những người muốn bảo vệ cơ nghiệp tổ tiên. Nhưng thực lòng, ta không tán thành cách làm của họ. Tại sao vì chính nghĩa mà lại phải cần cứu đến Chế Bồng Nga, để đến nỗi đang từ chính bỗng thành tà? Còn Hồ Quý Ly? Ông ta đang làm

biến pháp. Thực ra, phải đổi thay mới cứu vãn được tình thế nước nhà. Nhưng liệu ông ta có chỉ dừng lại ở sự canh tân thôi không? Thực ra, tham vọng của ông ta đến mức nào, ta không hiểu. Và còn điều này cứ day dứt ta: có lẽ nào chỉ vì Hồ Quý Ly mà phải làm kẻ đầu hàng ngoại bang?

- Bẩm tướng quân, đối với kẻ loạn thần, bất kể biện pháp nào cũng có thể dùng được.

- Ngươi lầm rồi? Đã nhiều năm ngươi ở bên ta, ta hiểu trong bụng ngươi đang nghĩ gì. Ngươi đọc nhiều kinh sử Trung Hoa, ngươi biết rằng ở bên đó, mỗi khi một ông vua thất thế, người ta thường vội vã chạy sang cầu cứu ngoại bang. Nhưng phải nhớ đó là chuyện bên Trung Hoa. Còn ở Đại Việt ta, hoàn toàn khác hẳn. Nhà ngươi đọc sử nước nhà, có thấy một hoàng thân quốc thích người Việt thất thế nào chạy đi cầu cứu ngoại bang mà lại để tiếng thơm cho đến đời sau. Chính ta đã chặt đầu trần Nguyên Diệu... Thật là nhơ nhuốc... nhơ nhuốc Ta là người Việt Ngươi hãy nhớ cho kỹ. Ta là người nước Nam.

Bùi Bá Kỳ im lặng hồi lâu, rồi mới tiếp:

- Tuy nhiên, cũng phải nghĩ cách cứu lấy quan tư đồ Nguyên Đĩnh và thiếu bảo Trần Tôn. Nếu họ bị nguy, phe phò Trần sẽ suy yếu hẳn đi. Nguyên Diệu đầu hàng Chiêm Thành đã là một vết nhơ. Nay lại thêm vết nhơ Nguyên Đĩnh, Trần Tôn.

- Thái sư là người thâm hiểm.

Quý Ly thâm hiểm nhưng thực mưu lược. Phe tôn thất nhà Trần vừa mới thắng giặc, vừa mới phục hồi chút uy tín trước mọi người, thì thái sư lại đưa ra chuyện Nguyên Dĩnh, Trần Tôn. Ông ta muốn cho mọi người biết, muốn tố cáo với thiên hạ rằng phe tôn thất chỉ là lũ

thối nát, lũ bán nước.
- Vậy bây giờ cần phải làm gì?
- Làm gì ư? Phải nghĩ đến kế lâu dài. Định giúp họ chạy trốn chăng? Chạy đi đâu? Chiêm Thành đã bị đánh tan rồi. Hay ngươi định giúp họ chạy sang phía nhà Minh? Ôi thôi! Nhơ nhuốc làm rồi! Đừng bôi thêm vết nhơ vào mặt nữa? Ngươi là họ ngoại nhà Trần... Ngươi hãy tìm cách báo cho họ biết trước tình hình. Nhưng hãy bảo họ đừng làm sỉ nhục tới tổ tiên thêm nữa. Hãy tự xử lấy mình là hơn cả...
Ngay hôm ấy, Nghệ Hoàng bắt đem so tự dạng những bức thư trong chiếc hòm xanh. Những lá thư báo cho Chế Bồng Nga nội tình đất Việt, đem ra so thấy đúng là nét chữ của tư đồ Nguyên Đĩnh, của thiếu bảo Trần Tôn, và của một lũ hơn mười tên quan khác trong triều đình.
Nghệ Hoàng sai lính đến vây bắt Nguyên Đĩnh, Trần Tôn, nhưng họ đều đã uống thuốc độc tự vẫn. Cả lũ tay sai nhỏ hơn cũng đều tự xử lấy mình. Chỉ riêng Trần Khang đã luồn rừng chạy trốn sang Chăm Pa rồi sau đó trốn sang Trung Hoa (Sau này Trần Khang chính là tên vua bù nhìn Trần Thiêm Bình mà Trung Hoa dựng lên để làm con bài sang xâm lăng Đại Việt).
Người anh hùng Trần Khát Chân đã vụt lên như một ngôi sao rực rỡ trên chính trường Đại Việt. Ông xuất hiện trong hoàn cảnh vừa vinh quang vừa gay go. Ông xuất hiện trong hoàn cảnh đụng đầu lịch sử giữa hai phái tôn thất thủ cựu và canh tân đang quyết liệt nhất. Lịch sử như cái guồng quay. Nó cứ quay, quay mãi và bắt buộc con người cũng phải quay theo.

Hồ Quý Ly

Phần VI-Chương -1 -

Cô gái vườn mai

Một chiến lược lớn của cha tôi là thu hút người tài.

Bọn Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân, Phạm Cự Luận, Đỗ Tử Mãn... đều do tay cha tôi đào tạo. Cả đến sau này Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn cũng đều xuất thân từ vương triều họ Hồ chúng tôi mà ra cả. Cha tôi thường nói:

- Trừng ạ, cha chỉ tiếc một điều: tìm mãi không thấy một nhân tài quân sự. Trước kia, chúng ta có Nguyễn Đa Phương, nhưng tiếc thay ông ta chỉ có tầm nhìn quá ngắn.

Cha tôi vẫn để ý đến Trần Khát Chân, vị đô tướng lúc đánh trận Hoàng Giang mới ngót năm mươi tuổi. Sau khi Chân giết được Chế Bồng Nga, cha tôi để tâm lôi kéo ông ta rất nhiều. Tiếc thay, lúc đó phe tôn thất nhà Trần cũng lôi kéo ông ta không kém.

Bọn võ tướng thân cận với cha tôi thường chê bai thượng tướng:

- Cũng là vận may thôi. Nhờ Ba Lậu Kê chỉ điểm, chứ có mưu lược gì đâu.

Cha tôi không bằng lòng:

- Các ông hồ đồ rồi. Lúc đó, thế nước như ngàn cân treo sợi tóc. Phía bắc, nhà Minh nhòm ngó. Trong nước Sư Ôn cướp kinh sư, và nhiều kẻ tư thông với giặc. Trong lúc đó Chế Bồng Nga là tay kiệt hiệt, đùng đùng tấn công như mãnh hổ. Nếu không có ông ta giết chết Bồng Nga, không hiểu rồi sẽ ra sao. Chiến lược rút lui khỏi Hoàng Giang nhử giặc vào trận phục kích trên sông Luộc chẳng là mưu lược đó sao?

Trong khi đó, sự giao du giữa tôi và Khát Chân càng ngày càng khăng khít. Chúng tôi là đôi bạn vong niên. Thượng tướng đã ngoại tứ tuần, tôi mới ngoại ba mươi. Tôi thích ông ở sự thẳng thắn, đậm đà. Còn ông thích tôi vì cái tính hào hoa, không câu nệ. Cha tôi cũng khuyến khích mối giao tình ấy. Phải nói, lúc đầu thượng tướng có chút thiện cảm với cha tôi. Ông nói với tôi:

- Thái sư là người tài cao học rộng, mưu lược, quyết đoán, muốn đổi thay đất nước...

Có lẽ ông còn cảm tình, vì ơn tri ngộ; chính cha tôi đã giới thiệu ông với Nghệ Hoàng. Tuy nhiên. tôi biết trong thâm tâm, ông còn một điều không nói ra. Giá như cha tôi chỉ dừng lại ở chỗ làm cải cách, chứ không có tham vọng xa hơn nữa.

Cha tôi không bao giờ nói ra, ngay cả với tôi, nhưng mọi người đều nhìn thấy tham vọng ấy cứ dần dần lớn lên. Nói cho đúng, mới đầu cha tôi thực bụng chỉ muốn đơn thuần làm biến pháp giúp Nghệ

Hoàng cứu đất nước thoát khỏi nghèo khổ yếu hèn, nhưng sự phản đối thật vô cùng gay gắt. Hạn điền, người ta bảo cướp ruộng, chính sách tiền giấy, người ta bảo cướp tiền; hạn nô, người ta bảo bẻ nanh vuốt của người quân tử. Rồi còn bao nhiêu nhóm người, bao nhiêu âm mưu định giết ông. Và cha tôi phải đối phó lại. Triều đình bỗng biến thành chiến trường. Máu người liên miên chảy. Cùng với những sự đổ máu ấy, cha tôi mới hiểu ra thi hành biến pháp, muốn thay đổi đâu phải dễ. Và ông cũng hiểu muốn biến pháp cần phải có quyền hành. Từ đó tham vọng trong ông lần lần nảy nở, mới đầu chỉ là cái mầm, sau đó là một ý chí, cũng không ai biết điều đó chuyển biến từ lúc nào, manh nha từ lúc nào, thành hình rõ ràng từ lúc nào.

Và cùng với tham vọng lớn lên của cha, thì mối thiện cảm của Khát Chân đối với ông cũng lần lần giảm xuống. Cái ranh giới từ thiện cảm chuyển sang căm ghét là từ lúc nào, từ việc nào cũng không ai xác định nổi. Chỉ biết rằng sau trận Hoàng Giang ít lâu, thượng tướng cáo bệnh xin nghỉ ở nhà. Trong bài thơ tặng Khát Chân hôm đi theo Nghệ Hoàng dự tiệc Đại Mai, cha tôi có trách khéo:

Cây mai già

Cánh hoa ngọc ngà

Dầu dãi tuyết sương

Đã lâu rồi vẫn lặng tanh

Kẻ trượng phu sao phụ chí bình sinh...

Tôi cho rằng người bạn vong niên của tôi lúc đó còn đương do dự. Ông không biết nên đứng về tân pháp hay về phe bảo thủ. Sự tri ngộ của một người thông minh tài trí hẳn có hấp lực riêng của nó chứ. "Kẻ trượng phu sao phụ chí bình sinh?". Câu thơ ấy nói gì? Nhác nhở ư? Hay một chút nghi ngờ? ở thời "thiên tuý", ai dại gì gây sự chú ý, gây sự nghi ngờ. Thượng tướng cũng không ra ngoài thông lệ.

Từ hôm đó, ông lại trở về triều chính, nhưng ông ít nói. Ông như người đứng giữa, ít chống đối mà cũng chẳng về hùa với cha tôi. Tuy không lôi kéo được, cha tôi vẫn đối xử trọng đãi thượng tướng. Có thể đấy là dấu hiệu của sự chờ đợi, cũng có thể là đối sách tránh tạo thêm thù.

***

Ở thời đại tân pháp, cải cách, tranh tối tranh sáng, thời đại "thiên tuý" như ông già điếc Sư Hiền vẫn nói, thật mệt! Bao nhiêu là thay đổi. thay đổi đến chóng mặt: hôm nay xuất hiện chính sách tiền giấy; ngày mai là hạn điền hạn nô; hôm sau nữa bắt sư hoàn tục. rồi tiếp theo đặt chức liêm phóng sứ để dò la những kẻ tham nhũng, chống đối v.v... Sau khi thái thượng hoàng Nghệ Tôn chết, cha đã sai tôi vào Thanh Hoá khảo sát động An Tôn. Lúc đó mới chỉ là ý nghĩ manh nha; còn bây giờ đã được quyết định, cha tôi quyết xây dựng một kinh đô mới ở thanh Hoá: Tây đô. Cha trình bày ý kiến với vua Trần Thuận Tôn:

- Hiện nay ở phía Nam, đối với Chiêm Thành, đã ổn rồi; còn ở phía Bắc, nhà Minh luôn luôn rình rập, bắt buộc ta phải phòng bị. Thăng Long là nơi trung tâm Đại Việt, nhưng trống trải, giặc có thể đến rất nhanh. Đó là đất cai trị muôn dân lúc thời bình. Nhưng nếu có chiến tranh, ta phải có sẵn một nơi hiểm yếu. Do vậy, phải xây dựng Tây đô.

Trần Thuận Tôn, ông em rể yếu đuối của tôi, đối với cha tôi, vừa là con rể, vừa là học trò từ lúc trẻ thơ, còn biết nói thế nào nữa. Ông bảo:

- Tuỳ thượng phụ, thấy có lợi cho nước thì thượng phụ cứ làm.

Thế là triều đình lại rộn ràng ồn ào vì chuyện xây dựng kinh đô mới. Một đợt sóng gió lại nổi lên. Ngay cả hành khiển Phạm Cự Luận, một người ngả về cha tôi cũng can ngăn:

- Thái sư nên chú ý. Việc này không phải nhỏ, làm xôn xao lòng người rất nhiều. Khắp nơi dân chúng bàn tán.

Cha tôi trả lời:

- Chí ta đã quyết, nhà ngươi còn nói làm gì nữa?

Thái sư hỏi ý kiến Khát Chân. Ông ta nói:

- Thăng Long là đất rồng tụ. Nhưng đúng là nơi không thể cố thủ về mặt quân sự. Trăm năm về trước, giặc Nguyên xâm lấn, Vua Trần Nhân Tôn phải cùng triều đình rút khỏi Thăng Long và bôn ba khắp đất nước, sau mới thừa cơ thu thiên hạ về một mối. Vừa rồi. Chế Bồng Nga xâm chiếm, thái sư phải rước hai vua sang Đông Ngàn, Bình than tránh giặc. Tuy vậy, việc dời đô vốn là việc vô cùng hệ trọng xin thái sư cẩn thận cân nhắc.

Sử văn Hoa. viên quan chép sử, con người không biết sợ đã dâng sớ can ngăn, lời lẽ rất thống thiết:

Ngày trước, bên Trung Hoa nhà Chu, nhà Nguỵ thiên đô, về sau đều không sao ngóc đầu lên được. Nay, ở Đại Việt ta đất Thăng Long có núi Tản Viên, có sông Nhị Hà, cao sâu phẳng rộng; từ trước, các đời đế vương mở cơ nghiệp dựng nước, không triều đại nào không lấy đất này làm nơi căn bản, vì thế mặt bắc chông giặc Nguyên thì giặc Nguyên phải tan, mặt nam đánh Chiêm Thành thì vua Chiêm bị giết. Những việc đó chẳng phải nhờ địa thế tiện lợi hay sao? Dám xin nghĩ lại một chút để làm kế vững vàng cho nước nhà.

Còn như động An Tôn, Thanh Hoá, địa thế nhỏ hẹp và hẻo lánh; chỗ này là nơi sơn cùng thuỷ tận, không thể định cư được. Trông cậy vào chôn hiểm trở phỏng có ích gì? Cổ nhân có câu: “Cốt ở đức, không cốt ở nơi hiểm trở”.

Đọc xong tấu biểu, cha tôi tức giận:

- Tên nho sinh ngông cuồng này lại muốn dạy ta: “Cốt ở đức không cốt ở nói hiểm trở”.

Cha tôi tức giận câu nói đó, vì nó đâm trúng điểm yếu của ông. Đức ở đây hàm nghĩa lòng dân. Ở Thăng Long, lòng dân luôn hướng về nhà Trần, làm sao người yên tâm ngồi giữa một vùng thù địch. Mà ngay cả nhà Trần, họ cũng phải lấy phủ Thiên Trường, quê gốc của mình làm căn cứ địa. Tôi nhẹ nhàng nói với cha:

- Ai nói cũng có lý riêng của họ. Nhưng gia đình họ Hồ chúng ta, Thanh Hoá, Nghệ an là gốc, là quê hương. Cha nghĩ dựa vào quê hương cũng phải.

- Con nghĩ về nhà Mình thế nào?

- Hiện nay nhà Minh là mối lo lắng thứ nhất của đất nước. Cha xây dựng Tây đô cũng vì phòng khi nhà Minh xâm lấn. Con không sợ giặc Minh. Con chỉ sợ lòng dân không theo ta mà thôi.

Hai cô cung nữ Trần Ngọc Kỵ và Trần Ngọc Kiểm hầu hạ bên Trần Thuận Tôn nói kín với nhau: “Thiên đô tức là quan Thái sư sắp cướp ngôi”. Việc vỡ lở, cha sai bắt hai cô cung nữ cùng mấy viên quan nhỏ đồng mưu là Lê Hợp và Lương Ông, rồi đem giết cả mấy người.

Mỗi một lần có chính sách mới lại có người bị chết. Lần này là những kẻ tép riu không thấy có một đại thần nào. Triều thần đã rút kinh nghiệm rồi, hay sự sợ hãi đã làm tê liệt sức phản kháng, hay bạo lực

đã làm âm mưu chuyển dần vào bóng tối, âm mưu sẽ âm thầm len lỏi để chờ dịp nổ tung thành những cơn bão tố sấm sét.

Lúc này, tất cả mọi nơi đều im lặng, ngoan ngoãn, một im lặng mà tôi thấy sợ, còn cha tôi không thích. Việc xây dựng Tây đô tiến hành gấp gáp nhưng răm rắp. Tất cả các quan đại thần đều được huy động, luân phiên nhau đi chỉ đạo.

Đầu tiên, thượng thư bộ lại Đỗ Tỉnh được cử đến An Tôn đo đạc, đắp thành, đào hào, lập nhà tôn miếu, mở phố, xây dựng đường xá. Bắt một số nhà giầu phải đem tiền bạc đến xây dựng nhà cửa buôn bán. Bắt dân phố Hàng Đào, Hàng Bạc, Hàng Đồng, Hàng Lọng... Ở Thăng Long phải chia dân làm đôi, một nửa di cư vào Tây đô lập phố. Sai bộ công đến các làng nghề khảm trai ở vùng Châu Giang chiêu tập dân có nghề đến lập phố khảm trai. Lại chiêu tập thợ chạm trổ, sơn son thếp vàng ở lộ Bắc Giang đến lập những cửa hàng làm đồ thờ tự và làm đồ mộc phục vụ hoàng cung. Các vương hầu, các quan lại lớn nhỏ đều được chia đất quanh Tây đô, để xây dựng trang trại dinh thự. Phải làm sao hoàn tất trong vòng một, hai năm, để có sự trù phú, sự lộng lẫy của một kinh đô môi. Hoàng Thành phải kiên cố, sự trù phú phải vượt hay ít nhất phải bằng kinh thành Thăng Long mà sau này sẽ gọi là Đông Đô.

Quyết tâm xây dựng cho nhanh, cha tôi đã huy động nhân công cả nước đi đục đá, đi nung gạch, đi đắp đất. Từng đoàn thuyền, từng đoàn người liên tiếp nhau, ùn ùn kéo về lộ Thanh Hoá. Gấp gáp quá, nên sai hành khiển Lương Nguyên Bưu dỡ hẳn hai điện Thuỵ

Chương, điện Thiên An ở Thăng Long để lấy khung gỗ, lấy ngói lưu ly, đem đến Tây đô rồi lắp ráp lại cho nhanh.

Hồ Quý Ly

Chương 2

Tôi được cha sai đến Tây đô kiểm tra công việc, rồi về báo cáo với người. Cha tôi muốn đến mùa xuân năm tới mọi việc phải hoàn tất, để làm hội thề ở kinh đô mới.

Xem xét xong mọi việc, tôi từ Tây đô cưỡi voi trở về Thăng Long. Di chuyển bằng voi cũng có cái hay. Thứ nhất, voi tuy to lớn cồng kềnh, nhưng đi nhanh chẳng kém gì ngựa. Thứ hai, cưỡi voi còn được ngắm cảnh, được biết đời sống dân tình. Thứ ba, ngồi trên bành voi thoải mái hơn ngồi trên lưng ngựa, ít mệt, gần tối voi đã về đến Thăng Long. Trên đường thiên lý, tôi chợt nảy ý nghĩ vào thăm thượng tướng Khát Chân. Dạo đó, vào dịp đầu xuân. Từ đường lớn nhìn vào thấy rừng mai của Thượng tướng xanh ngát một mầu lá mạ. Khu rừng mai trứ danh ấy được chia cắt với đường cái bởi một dải đầm hình cánh cung. Nó như một con hào rộng hoặc có thể nói, như một con sông. Hồ hoang tự nhiên, lau sậy mọc từng đám bên bờ, làm chỗ trú ngụ cho những con cuốc, le le hay đàn vịt trời. Thỉnh thoảng. những cánh cò trắng lại cất lên từ những vạt bèo, để duyên dáng lượn vòng soi bóng trên mặt hồ. Tướng quân cho dựng chiếc đình bên hồ để uống rượu, ngắm cảnh. Tôi đã nhiều lần ngồi chơi ở

đó, đặt tên cho nó là Tị huyên đình (định tránh sự ồn ào). Khát Chân là quan võ nhưng thuộc loại người nhã. Đình nam gần mép nước. Khoảng nước cạnh đó, ông không trồng sen mà trồng hoa súng. Còn sen, ông cho trồng ở quãng hồ xa phía nam. Khát Chân bảo - Trồng gần, sen ngát quá, không thú. Trồng xa mới thú. Hương sen thoang thoảng ướp vào những cơn gió nam. Gió nhẹ thì hương mơn man như đùa, như dỡn. Có khi hương đượm vào những lùm lão mai rậm rì, rồi ngủ quên ở đó, để rồi một lúc nào đó sực tỉnh len lỏi vào toà thuỷ đình giữa buổi trưa hè. lúc ta đang nằm trên võng, đánh thức ta dậy, để ta được tận hưởng cái nôn nao sung sướng vì loài hương đồng nội, thứ hương rất quê nhưng không hề tục.

Sen là loài hoa quý, đẹp cả sắc, đẹp cả hương, song ông đành phụ hoa sen, chỉ dám nhận hương, không dám nhận sắc. Về sác, ông dành phần ưu ái cho hoa súng. Hoa súng nở sát bên toà Tị Huyên đình. Trồng gần để dễ ngắm hoa. Ngắm cả lá nữa, vì lá súng bồng bềnh trên nước cũng rất đẹp. Những chiếc lá hình trái tim, cái to cái nhỏ, cái đậm cái nhạt mầu bồ quân, mầu xanh sậm nổi trôi theo sóng, đôi chỗ, những mầm sen vươn xa cũng lẫn vào lá súng lá nâu sen lẫn lá mầu cốm, thỉnh thoảng, một con cá quẫy làm nước bắn lên trên mặt lá, đôi khi chúng giống những viên ngọc tráng, lăn tròn, toả ra những ánh cầu vồng mà chỉ những kẻ tinh mắt, yêu hoa mới nhận thấy. Còn những bông hoa súng. Ông quá yêu cái dáng thẳng đứng cương nghị của chúng. Hoa súng đẹp theo một vẻ riêng. Cũng là thứ hoa từ bùn trồi lên, nhưng nó không quá cao và yểu điệu như hoa sen. Nó cũng mầu tím đỏ, nhưng không giống hoa sen e ấp nghiêng đầu, nó tách ra khỏi đám lá bồng bềnh, nhô thẳng lên trời sát gần mặt nước, xòe cánh ra đón mặt trời, để hớp lấy ánh sáng. hớp lấy

Cuộc sống. Bảo rằng hoa súng không yểu điệu ư? Ông không tin vậy. Ông bạn vong niên của tôi cứ cho rằng cái yểu điệu của hoa súng tiềm ẩn, lặn vào bên trong. thứ yểu điệu ta chỉ cảm thấy, chứ không nhìn thấy...

Chiều hôm ấy, thượng tướng quân đang nằm trên võng, lặng lẽ nghe tiếng chim cuốc mùa xuân mới bắt đầu tha thiết kêu, thì gia nhân vào báo đức ông Nguyên Trừng đến chơi. Khát Chân mừng rỡ ra đón ở tận chiếc cầu đá vắt qua hồ ở quãng hẹp nhất. Thượng tướng nhìn thấy con bạch tượng xích dưới gốc cây gạo cổ thụ.

Tôi kính cẩn vái chào:

- Đệ vừa ở Tây đô trở về, vội vã vào thàm lão huynh.

- Lão đệ vừa tới Thăng Long? Ha ha... Tối nay phải ở đây, chúng ta cùng uống rượu, ngắm mai. Tôi vừa được biếu cây mai quý... cứ lo rằng lão đệ không về kịp...

- Sắp tàn xuân rồi, vẫn còn mai nở được sao? - Tôi hỏi thượng tướng nheo mắt, ý muốn giữ kín sự bí mật để lôi kéo tôi ở lại. Ông gọi cụ Lão Mai:

- Cụ bảo đem ngô và mía ra cho voi của đức ông ăn. Chuẩn bị nồi nước thơm cho đức ông tắm sạch bụi đường trường. Sau đó, bảo gia nhân chuẩn bị rượu và thức nhắm ra Tị Huyên đình để ta và đức ông thưởng xuân.

Tôi cười giòn, ý đã nhận lời:

- Tôi thực gặp may. Hai tháng về trước, khi ra đi, tôi cứ tiếc không được dự tiệc Đại Mai của lão huynh.

Hàng năm. cứ vào đầu tháng giêng thượng tướng vẫn mở tiệc Đại Mai đều đặn, lệ đó hình thành từ ngày đức Nghệ Hoàng đến thám trại Mai. Ông mở tiệc ý để kỷ niệm cái vinh dự lớn được thượng

hoàng đến thăm uống rượu tại vườn mai, nhưng cũng còn ý ngầm muốn nhắc nhở lòng trung, nhắc nhở công đức nhà Trần. Các quan đều sốt sắng khi được mời. Mà làm sao ai có thể cấm được một bữa tiệc đầu xuân nhã đến như vậy. Mà làm sao ai có thể đoán được nội dung những câu chuyện được trao đổi trên những bàn tiệc trong một rừng mai rộng đến như thế, tản mác đến như thế. Ở đấy, người ta uống rượu ngon, ngâm thơ và nghe đàn nghe hát. Ở đấy, chỉ thấy tiếng cười và sự vui vẻ nhưng đằng sau nó, ai biết nổi có làn sóng ngầm nào đang chực nổi lên. Lẽ dĩ nhiên, cả hai phe đều đến dự. Người ta nghĩ nhờ chén rượu sẽ tìm thấy một điều gì đó. Nhưng rút cục vẫn chẳng ai thấy điều gì khác lạ cả, ngoài một điều mà mọi người đều cảm nhận: chủ nhân là người tinh tế, mềm nở, và rượu lão mai thật quả ngon, thật quả độc đảo

Tôi tiếc bữa tiệc Đại Mai là phải. Bởi vì khác với mọi người, tôi là vị khách đặc biệt, vị khách mà khi mọi người đã về hết, thì chủ nhân giữ khách lại, rồi hai người tiếp tục uống với nhau thâu đêm.

- Lão đệ ạ - Thượng tướng nói - Huynh biết đệ bị lỡ hôm tiệc nên cứ để bụng tìm một cây mai nở muộn để đền cho chỗ thiệt thòi của lão đệ. May mắn có người biết huynh thích mai, nên đã tặng cho một cây mai quý, bao giờ cũng nở chậm nhất trong họ hàng nhà mai.

Ông bõ già bưng chậu mai ra. Nguyên Trừng tôi mở to mắt ngạc nhiên. Cây mai đã đẹp, riêng cái chậu hoa lam đẹp cũng chẳng kém. Đầu tiên ngắm nghía thưởng thức cái chậu. Vốn là hoạ sĩ nên tôi để ý ngay đến nét vẽ. Mới trông cứ tưởng cái chậu tầm thường vì chỉ vẽ mấy bông hoa cúc và mấy chiếc lá cúc. Người nghệ nhân đã dùng cây bút lông, chắc đã vẽ một mạch liên tục ba bông hoa cúc, một bông đang đơm nụ, hai bông kia còn hàm tiếu; bông nụ thì no tròn

đầy đặn, hai bông hàm tiếu thì lô xô, có cánh nhô lên, có cánh đã xòe ra như đang run rẩy trong gió đông. Người thợ gốm thường hay vẽ những bông cúc nở xòe cân đối. đều đặn. Còn ở đây không phải thợ gốm mà một danh hoạ nào đó đã mượn chiếc chậu để vẽ một bức hoạ về loài hoa cao quý. Trong tôi hiểu kiểu vẽ này rất khó. Người nghệ sĩ phải phóng bút trên xương chậu lúc còn chưa nung. Chỉ vẽ một lần không thể vẽ lại, vẽ hỏng là hỏng, vẽ đẹp là đẹp. Lúc vẽ, nét mờ mờ nhợt nhạt, nhưng sau khi nhúng men cho vào lò, nét mờ kia mới hiện lên. Có thể nói người nghệ sĩ như nhắm mắt lại mà vẽ, thế mà đã tạo ra được những nét lung linh thật thần diệu.

Trừng tôi gật đầu:

- Có lẽ chiếc chậu này chỉ có một cái độc nhất?

- Đúng là độc nhất vô nhị. Người vẽ vốn một nhà thư hoạ. Sau khi tôi đánh Chế Bồng Nga trở về, lúc đó ngôi nhà này chưa xây cất, có một nho sinh mang chiếc chậu hoa đến. Anh ta nói: “Thưa tướng quân, để mừng tướng quân thắng trận làm cho muôn dân được nhờ, tôi định vẽ một bức hoạ, nhưng rồi lại nghĩ vẽ tranh trên gốm sứ sẽ bền lâu hơn, nên đã vẽ bức tranh hoa cúc trên chậu này... để tỏ lòng thành, kính trọng”. Tôi nói: “Chiếc chậu thật quý?” “Vâng, tôi không vẽ chiếc thứ hai giống thế này nữa. Trên đời này chỉ có một người như tướng quân, thì chiếc chậu cũng phải là độc nhất!. Tôi cảm động, mang tiền, lụa ra biếu nhưng anh ta không nhận.

- Thật lạ lùng! Đệ thấy nét vẽ này quen quen, hình như đã gặp nó ở đâu rồi... nhất là những chiếc lá cúc, à cả những bông cúc hàm tiếu kia nữa.

- Huynh đố đệ đấy?

- Tùng... cúc... trúc... mai... phải, ông Chu Công Đán đứng dưới gốc

tùng già, ông Khổng Minh đang đi trong rừng trúc, ông Tô Hiến Thành đang ngắm chậu hoa cúc Phải, đệ nhớ rồi, đúng là những bông hoa cúc ấy. Chỉ có khác là ở bức tranh có những bông cúc đã nở rồi. Đúng, rất giống nét trong bốn bức tranh tứ phụ mà đệ đã trông thấy ở nhà. Bốn bức tranh thượng hoàng Nghệ Tôn đã ban cho cha đệ.

Trần Khát Chân giọng bỗng trở nên xúc động:

- Phải! Chính người nho sinh vẽ chậu đã vẽ tranh tứ phụ. Dạo đó Nghệ Hoàng ốm, thượng hoàng muốn vẽ tranh tứ phụ để ban tặng thái sư. lão huynh đã tiến cử người nho sinh này. Huynh nhớ, anh ta yêu cầu dọn một căn nhà nhỏ tĩnh mịch, cấm không cho ai lai vãng. Lại sai đốt trầm liên miên, và anh ta vẽ suốt ngày đêm, vẽ như một người say. Chỉ ngơi tay lúc ăn. Có đêm vẽ dưới những ngọn bạch lạp. Có những bản vẽ đã đẹp, nhưng anh ta vẫn chưa ưng đem xé. Vẽ gần một tuần trăng mới xong. Vẽ xong, ngủ một giấc dài hai đêm một ngày. Ngủ xong, lại khàn gói xin đi. Giữ thế nào cũng không ở lại...

- Tên anh ta là gì?

- Phạm Kỳ Ngộ... Thường vẫn gọi Phạm Sinh.

- Anh ta ở đâu?

- Tôi muốn tiến cử anh ta, nhưng anh cảm tạ, không muốn. Nghe đâu hiện nay Phạm Sinh làm nghề bán chữ ở khu tháp Báo Thiên.

Chúng tôi mải mê chiếc chậu đến nỗi quên cả hoa.

Thượng tướng cười khà khà:

- Ngắm hoa mới là chính, ở đây hoa mai mới là chính.

Lạc tới chiêm bao, mai một nhánh
Muôn đem tặng bạn khó vô ngần.

Huynh phục đệ đấy. Có bao nhiêu là thơ về hoa mai, thế mà đệ lại lẩy ra được hai câu tuyệt diệu ấy của đức Trần Nhân Tôn. Hà hà... phải nói chúng mình thành anh em với nhau cũng từ hai câu thơ ấy đấy... Lúc này, gia nhân đốt thêm nến, vì trời đã tối mịt, phải vừa đủ ánh sáng ngắm mai mới thú.

Khi trước, ngón cái chậu đã lạ. bây giờ ngắm cây mai, cũng lạ lùng không kém. Đó là loại mai nhỏ, cành khẳng khiu mà người đời vẫn gọi "chi mai". Cây mai cao chừng ba gang tay nhưng đã cổ thụ. ít nhất, nó cũng vài chục tuổi. Một người yêu hoa nào đó chắc đã tìm thấy nó từ một ngọn núi đá, ông liền bứng cả tảng đá nhỏ đem về; một cái hạt mai do một con chim trời nào đó đã tha tới, con chim đứng trên hòn đá mà rỉa, hạt mai chui vào hốc đá rồi nảy mầm. Hốc đá khô cằn, nhưng hạt mai cố sống nên rễ của nó đâm ra tua tủa, có cái bò trên mặt đá rồi chui xuống phía dưới; có cái đâm thẳng vào đá làm nứt đá. nó cố hút những chất bổ dưỡng nghèo kiệt trong đó; cũng có những chiếc rễ yếu hơn thui chột, teo đi, chỉ còn để lại một vết sùi ở gốc... Quan thượng tướng trồng hòn đá mang cây trên mạt đất mầu mỡ của cái chậu, và trồng thêm vài thứ rêu, thứ cỏ cằn để làm nền cho cây mai quý. Thân cây mai đã mốc thếch. Chiếc thân già được chín chiếc rễ nổi trên đá nâng đỡ trông giống một ông cụ trầm tư ngồi trên lưng chín con rồng. Nguyên Trừng tôi chợt bắt gặp những ánh mắt chờ đợi của thượng tướng quân. Tôi bỗng thoáng nhìn thấy những nếp nhăn trên mặt ông...

Cũng có thể gọi là một lão tướng rồi. Bất chợt, một nỗi buồn dâng lên trong lòng. "ông ta dang chờ một tiếng khen của ta đối với cái cây kỳ lạ này đây" - Tôi nghĩ - "Cây mai cũng tuyệt thật, tinh vi thật. Một nghệ nhân nào đó đã mất bao năm tháng. tâm huyết, để đem nó từ

đỉnh núi cao về; để nâng niu uốn tỉa, bắt cành này phải chúc xuống. cành nọ phải cong lên; để bắt ngọn này phải ngừng phát triển và kích thích ngọn kia phải đâm mầm; để đào khoét, nâng dần chín cái rễ kia lên khỏi đất, rồi ôm trùm lấy tảng đá, đem lại cho chúng hình hài của những con rồng hoang tưởng. Tướng quân còn khoe với tôi bằng một giọng run rẩy, hoang đường rằng cây mai kỳ dị này là một thật tuý mai. Tức là thứ mai người ta phải tưới tắm bằng nước rượu pha cực loãng, để hoa có phảng phất mùi rượu, để cái quả nhỏ xíu của nó ngậm vào miệng cũng thơm mùi rượu...".

Thật quả Trừng tôi không dám thở dài, chỉ biết ngậm ngùi trong dạ... Thấy thương cây mai già bị giam hãm trong chiếc chậu... Mặc dù nó ngồi trên lưng chín con rồng, nhưng chỉ là những con rồng đất... Mặc dù là cây mai quý, nhưng chỉ là thứ mai còi cọc... ừ! Thì nó đẹp đấy. Nhưng chỉ là thứ đẹp ảo, cái đẹp của sự già nua, thoi thóp, lất lưởng; cái đẹp của sự tàn lụi của một thời vàng son đã trôi qua, mà ai đó còn cố níu... Tôi tránh ánh mắt của người bạn già. Tôi tránh nói, tôi không nói... Chỉ còn biết nâng chén rượu lên để mừng cho cây mai kỳ lạ... Tôi không thốt ra lời; tôi khen cây mai, hay thương cho cây mai, chỉ biết dùng những chén rượu vơi đầy... Chỉ có rượu là thật lúc này... Quả là ngon... Tôi uống tràn cung mây...

Nhưng, những chén rượu run rẩy của tôi, ánh mắt lãng đãng của tôi làm sao dấu nổi cái nhìn tinh tế của vị lão tướng. Đã có nhiều lần như vậy, đã có nhiều lúc hai người chúng tôi đã lạc chân vào những lĩnh vực tế nhị mà hai chúng tôi khác nhau, mà hai chúng tôi cùng muốn lảng tránh, bởi vì chạm mạnh vào đấy tình bạn của chúng tôi sẽ vỡ tan tức khắc, những lúc ấy rượu là cứu tinh. Những lúc ấy, cả hai người đều lặng lẽ, phó mặc lòng mình trôi dần vào men rượu.

Cây mai già chỉ còn dăm bẩy bông mai to như những chiếc cúc áo trắng muốt. Một luồng gió xuân chợt ùa vào gian thuý đình làm chúng run lẩy bẩy. Rồi một bông mai như cố gượng nhưng không chịu nổi, đành đánh rơi những chiếc cánh nhỏ của nó, để mặc cho gió bồng bềnh kéo đến trước mặt tôi, rơi xuống cạnh chân tôi Tôi nhặt cánh hoa lên đặt trên lòng bàn tay. Thượng tướng Trần Khát Chân cười:

- Ta cứ chờ đệ mãi. Phải đặt chậu mai vào nơi kín gió mát mẻ... Chỉ sợ mai rụng hết trước khi đệ về. Lão huynh hàng ngày thăm hoa, cứ cầu xin thần hoa động tâm, cho phép hoa mai cố níu lấy cành. Thế mà thiêng thật! Hoa mai chờ được gặp mặt lão đệ xong mới chịu rụng...

Tôi gặp được duyên may rồi - Tôi cười ha hả - Và bao nhiêu lúng túng của chúng tôi chợt tan biến hết. Ông bõ già mang thức nhắm tới. Bóng trăng lu thả ánh sáng nhòe nhoà xuống vườn mai bao bọc chung quanh toà Tị Huyên đình. Đầu những lùm mai tưới đẫm ánh trăng ngả sang mầu bạc, thứ ánh sáng làm cho con người như nghẹn lại, chẳng muốn dài lời.

Nhưng rồi tôi cũng bất chợt nói:

- Tây đô đang khẩn trương lắm.

- Thế à...

Chuyện về Tây đô là câu chuyện cửa miệng của dân Thăng Long lúc này. Bởi vì nó động chạm hầu như đến khắp mọi người. Mấy bữa trước, tôi gặp một đoàn thuyền chở những người thợ đá, thợ đúc đồng, thợ mộc vào kinh đô mới. Trong đám họ nhiều người là dân Thăng Long. Lại thấy cả thuyền của các nhà quan. Họ sai gia nhân vào xây dựng dinh thự riêng.

Xây dựng Tây đô, tức là cha tôi đã đổ giọt nước cuối cùng vào chén

nước đầy ắp. Hầu như chẳng ai hé răng nói câu gì. Nhưng tôi biết rằng cả hai phe trong triều đình đều đang chuẩn bị...

Cha tôi hiểu, cả tôi cũng hiểu, rằng lúc này Thượng tướng đã dứt khoát. Ông đã đối đầu với cha tôi, nhưng không nói ra. Thực kỳ lạ, một điều cực kỳ nghiêm trọng thì hai phe đối lập chẳng ai thốt ra miệng, dù là quan thái sư cha tôi, hay thượng tướng Khát Chân. Điều ấy lại do hai người đàn bà thân phận nhỏ nhoi thốt ra, hai cô cung nữ Trần Ngọc Kỵ và Trần Ngọc Kiểm. Hai người đàn bà bị giết, nhưng lời nói của họ đã như một hồi chuông cảnh báo. Nhưng liệu lời nói đó có thể ngăn chặn được, hay chỉ thúc đẩy, làm cho âm mưu nổ ra nhanh hơn.

Cha tôi thực kiên quyết. Người không nói với ai chuyện ấy và cũng không muốn ai nói chuyện ấy. Cha tôi hầu như đã biết hết những người không tán thành mình, nhưng không ra tay. Bởi vì ông tự tin. Ông muốn cho sự căng thẳng đi đến cùng cực, sẽ bẻ gẫy nốt những chống cự trong đầu óc con người, và lúc đó con người chỉ là những chiếc lá trên mặt sóng. Ông cho rằng: “Chỉ cốt ngươi không chống cự ta ra mặt... Còn cuối cùng... tất cả sẽ ngả theo ta...”.

Lúc này, ánh sáng mờ mờ đã giúp che dấu khuôn mặt hai chúng tôi. Tình bạn muốn sự che dấu ấy. Chúng tôi cảm ơn ánh trăng vì nó đã xoá mờ nhân dạng. Chúng tôi muốn núp vào thiên nhiên hiền hậu; bởi vì một khi ló mặt ra cuộc đời thực, lập tức những bức tường thành giả tạo của con người sẽ vụt dựng lên ngay. bởi vì sấm sét của cơn giông tố đang tụ trên đầu chúng tôi...

Tôi thở dài nhè nhẹ, cố dìm tiếng thở.

Bên tai tôi, như còn nghe thấy tiếng hò chèo thuyền trên dòng sông Mã. Thuyền ngược nước. Từng đoàn người cởi trần kéo những con

thuyền đá. Hàng ngàn thợ đá, từ vùng Hoa lư, từ vùng núi Kim Âu kéo về Tây đô. Chỉ làm một chiếc cầu đá con con cũng mất bao công sức, đằng này cha tôi bắt xây một toà thành đá khổng lồ... Có con thuyền lớn cũng chỉ chở được vài viên đá vuông vức, dài hơn sải tay, cao đến ngực. Phải đào kênh vào sát chân thành chở đá tới. Hàng nghìn, hàng vạn nông phu kìn kìn đắp những cái dốc thoai thoải để seo đá lên cao...

Tôi chợt kể:

- Tôi gặp toán thợ đục khác là người làng Nhồi. Họ đang đục hai con rồng đá chầu ở bậc thềm bước lên điện Đại Minh.

- Quan thái sư cũng đặt tên Đại Minh giống như ở Thăng Long sao?

- Vâng. Cha tôi bảo Tây đô cũng là đất Đại Việt. Mà Đại Việt thì phải đại minh. Cha tôi thích... như vậy...

- à! Ra vậy... ờ... Tôi vừa mới cử đi một tốp thợ đá Chiêm Thành, vốn là người của Ba Lậu Kê. Hắn vào tận Hoá Châu tuyển ra. Họ đục đá khéo tay lắm.

Tôi cũng đến chân núi Đún vào thăm tư dinh của lão huynh đang xây cất. Có gặp Bùi Bá Kỳ. Hắn nhắn tôi về nói với lão huynh rằng chừng hai tháng nữa sẽ hoàn thành. Cái vườn của lão huynh cũng đẹp lắm. Thấy hao hao như khu vườn này. Khu trồng mai trong đó cây cũng đã bắt đầu trổ lá non.

- Tôi phải sai ông Lão Mai bõ già vào lập vườn. Ông lão rất giỏi trồng cây. Phải cải tạo lại khu vườn cũ vốn có sẵn từ trước, trồng dặm cam quýt vào đó, rồi lại phải trồng mới một vạt rừng mai... Thật công phu... Tôi định xây một ngôi lầu trên một gò đất, chung quanh bao bọc bởi vườn mai... Cái khác ở trong Tây dô với ngoài này là ngôi lầu đó. Ngôi lầu phải thật đẹp, thật mát...

- Thì tôi gặp Bùi Bá Kỳ ở ngay chính ngôi lầu. Lão huynh có con mắt thật tinh đời. Trên quả đồi còn sót lại mươi cây tùng cổ thụ. Ngôi lầu son, sau lưng có hàng tùng nhấp nhô, đằng trước mặt, những cây mai đã mọc lá non... Đã gần xong ngôi lầu rồi. Chỉ còn đợi ngói lưu ly là hoàn thành.

Khát Chân lúc này mới cười ha hả, ông sai người bõ già mang rượu ra tiếp, rồi nói:

- Huynh định dành chuyện ngõi lầu làm cho đệ bất ngờ, dè đâu lão đệ đã thấy nó rồi. Thôi, bao giờ vào Tây đô, anh em mình sẽ uống rượu mai trên đó. Sẽ uống một đêm ròng... uống thật say..

Hồ Quý Ly

Chương 3

Tôi vẫn thường nhủ: “Trong mỗi trận rượu, chỉ nên uống một thứ rượu. Trong môi đêm xem hoa, chỉ nên thưởng thức một loài hoa”. Tôi sợ sự pha tạp. Nhưng đêm nay tôi phá lệ. Bởi vì cái chậu hoá trứ đanh ấy hình như đem đến cho chúng tôi một niềm tư lự... Lúc này đã ngà ngà, tôi thấy nên quẳng gánh ưu phiền, bèn bảo thượng tướng:

- Lão huynh ơi đêm nay phá lệ...

- Sao? Phá lệ?

- Nghĩa là lão huynh nên cho đệ thưởng thức cái vườn lan của huynh.

Khát Chân có một vườn lan mà ông giấu kín ở sân sau nhà hậu đường. Ông dấu diếm những giò lan quý như dấu diếm những nàng ái phi. Ông vẫn độc hưởng vườn lan. Hiếm ai ông cho gặp mặt. Nhưng với Nguyên Trừng tôi hôm nay ông phá lệ. Khát Chân ghé tai nói mấy câu với ông lão bộc, rồi bảo tôi: Có giò Thanh Thanh lan mới ra hoa. Ở Thăng Long chưa nhà nào có giống lan này. Có người khách Chiêm Thành mang nó về từ núi Phù Nam vùng Chiêm Động, Hoá Châu.

Hai người gia nhân khiêng chậu lan ra. Khóm lan trồng trong chiếc chậu men nâu mộc mạc. Thượng tướng cho đặt chậu lan ở góc đình Tị Huyên, ông tỉ mỉ ngắm nghía, xê dịch cho cây hoa nằm ở một tư thế đẹp nhất, ưng mắt nhất. Hai giò hoa lan thanh mảnh, từ đám lá xanh mềm mại vươn lên trời run rẩy; tưởng chừng như chúng cũng cảm giác thấy sự lạ lẫm của góc đình nơi chúng vừa di chuyển đến. Những bông hoa đậu ở sát đầu cành dài như những con bướm mầu cốm, phảng phất xanh và thoáng ánh vàng; những con bướm mảnh dẻ xòe cánh rung rinh, nối đuôi nhau như chực bay vào ánh trăng đêm huyền ảo.

Không ai bảo ai, cả thượng tướng cả tôi đều sửa khăn, sửa áo, sửa cả tư thế ngồi trên chiếu cho thoải mái, cho tề chỉnh. Một lễ nghi để đón hồn hoa... Một lễ nghi để ngắm hoa...

Chúng tôi chờ đợi gió. Chờ đợi một thoảng gió xuân. Chờ đợi một sự di chuyển vô hình lặng lẽ của một cái gì đó như linh thiêng... Chúng tôi đang chờ đợi một mùi hương... Những cánh hoa mầu cốm rung rinh kia, đến một phút nào đó, sẽ toả ra một thứ hương tinh tế, gần thì chẳng thấy, chỉ ở xa xa mới nhẹ nhàng thoáng gặp. Lúc này, rất sợ một luồng gió phũ, chúng tôi cầu mong một thoáng hây hây, thứ gió thoảng mà ta hay bắt gặp lúc xuân. Rất lo lắng, bởi vì gió chỉ hơi quá chút xíu cũng đủ hương tan. Có cảm giác như chỉ một tiếng động mạnh cũng đủ làm thứ hương hiếm hoi ấy biến mất... Mùi hương vương giả chờ đợi ấy. tôi bỗng cảm thấy như nó đang e dè ẩn núp đâu đó. Chỉ đến lúc Nguyên Trừng tôi lim dim nhắm mắt, mới thấy nó chập chờn trước mặt.

Chén rượu hạt mít đang cầm trên tay bỗng dừng lại bên môi. Ta sợ cả vị rượu tê tê đầu lưỡi cũng làm lấn át hương chăng? Tôi từ tốn,

khẽ khàng đặt chén rượu xuống, cứ như thể cả đến một động tác thô tục cũng đủ làm tan vỡ thứ hương mảnh mai ấy.
Chính đến lúc này, hương lan bỗng ngát lên sực nức, để rồi chỉ một lát sau đó, nó đã chơi vơi trốn vào thinh không...
Lão tướng Khát Chân bỗng dưng cười ha hả.
Nguyên Trừng tôi sực tỉnh, ngạc nhiên ngẩng đầu lên và chợt trông thấy những chiếc đèn lồng đang từ rừng mai tiến ra. Hai cô hầu cầm đèn lui sang hai phía, nhường chỗ cho một cô gái áo hồng đến bên thềm cúi đầu thi lễ. Khi cô gái ngẩng đầu lên, Nguyên Trừng tôi hoàn toàn sửng sốt vì sắc đẹp của cô. Một vóc người gọn gàng thon thả, nhưng hoàn toàn khác những vóc dáng lả lướt của các cô công chúa, tiểu thư mà tôi vẫn thường gặp Cô chiết khăn vàng, khuôn mặt tròn, lông mày nét ngang, phía dưới cánh mũi xinh xắn là cái miệng rộng với đôi môi đỏ. Điều lạ lùng: Nguyên Trừng tôi bỗng cảm thấy khuôn mặt ấy rất quen thuộc, có thể đã gặp nhiều lần mà không tài nào nhớ ra.
Trần Khát Chân ân cần:
- Thật làm phiền con, Thanh Mai ạ. Đã khuya mà con vẫn đến. Sở dĩ phải mời ngay vì đức ông Nguyên Trừng mới từ Tây đô ra. Đức ông vắng mặt ở Thăng Long mấy tháng nay nên chưa được nghe giọng hát của con. Đức ông là người sành âm luật... Mà con lại tài đàn hát, mới xuất hiện danh đã nổi như cồn.
Cô đây là Thanh Mai ư? ở Tây đô người ta cũng đồn Thăng Long mới xuất hiện một trang tài sắc tuyệt vời. Thật hân hạnh hội ngộ...
Trần Khát Chân vuốt râu. Ông khẩn khoản:
- Đêm nay huynh muốn được hưởng cả tiếng đàn thanh tao của lão đệ nữa. Nghề đàn nức tiếng của lão đệ, huynh mới chỉ nghe danh

mà chưa một lần được thưởng thức.

Nguyên Trừng tôi chợt thấy cao hứng, bằng lòng. Cô hầu mặc áo xanh, bưng ra cây nguyệt cầm, rồi quỳ xuống dâng lên. Tôi ngồi trên chiếc đôn sứ, vắt chân chữ ngũ so dây, cầm đàn dạo khúc "phượng hoàng", rồi sang khúc "Chu trung thính vũ (Trong thuyền nghe mưa), rồi thong thả lẩy cung "Tuỳ hứng lan hương". Tiếng đàn bổng trầm, chờn vờn như cái bóng loang loáng của ngọn bạch lạp đùa dỡn lúc ẩn lúc hiện trên những lùm mai. Nó e ấp như hương lan ngập ngừng mời gọi. Nó lắng xuống đến mức như câm lạng, để rồi lan toả làm ta ngây ngất. Khúc nhạc tuỳ hứng không lời, khúc kỷ niệm về một loài hoa khi đã gặp sẽ suốt đời khó quên.

Tôi dạo đàn, thỉnh thoảng lại ngẩng lên và bất chợt gặp đôi mắt thăm thẳm của Thanh Mai. Tiếng đàn của tôi mời mọc, những mong muốn trong thâm tâm tôi cũng như mời mọc. Lúc đầu nàng thoáng cười, mãi sau mới đáp ứng. Một giọng hát trong veo cất lên:

Ai bảo hương lan không say?
Hương lan như rượu đầu xuân.
E ấp cho chàng ngất ngây.
Em là bông lan mảnh mai
Hãy tắt gió đi... chàng ơi!
Tắt cả tiếng đàn
Kẻo em run rẩy.

Tôi sung sướng mỉm cười. Cô gái đã đọc được ý thơ trong khúc nhạc không lời.

Ai xui câu hát nghiêng nghiêng
Ai xui chén rượu lung liêng?
Ai xui sóng sánh giao duyên?

Ai xui con mắt ưu phiền

Tôi sáng mắt lên. Tiếng đàn đã nhập đồng và tiếng hát cũng nhập đồng. Chưa một lần nào trong đời đã có người hiểu tiếng đàn của tôi đến thế. Tiếng hát, tiếng đàn càng lúc càng quyện vào nhau. Tưởng như những tà áo xanh, áo tím, những xiêm tráng váy hồng đang xoắn xuýt với nhau trên cột đu xuân. Tiếng hát Thanh Mai đã dứt, nhưng ngón đàn của Trừng tôi vẫn như lưu luyến. Tiếng đàn vẫn lãng đãng, như một nỗi lo, nó sợ rằng giọng hát sẽ ngừng dứt hẳn. Tiếng đàn chợt như tiếng lo âu. Nó chìm xuống, nhưng lại cố nổi lên bám víu, vẫy gọi.

Trên chiếu tiệc, mọi người lặng im. Tướng quân nhìn tôi, và Nguyên Trừng tôi nhìn Thanh Mai, còn cô gái thì... mơ màng. Tất cả đều như suy nghĩ. Mọi người nghĩ gì? Có phải sự liên tưởng về một dòng sông, trên đó những cánh bèo bồng bềnh?... Và những đợt sóng? Rồi cuối cùng là những gì đó... rất mơ hồ... có thể rất khủng khiếp... hoặc rất đẹp đẽ... đang như những vạt mây trôi tới?... Ai mà biết được...

Bỗng dưng Thanh Mai lại cất tiếng hát. Hát rằng

Ai bảo hương lan không say?

Ai uống hương lan để quên lối về?

Ai uống hương lan đường vào bến mê...

Câu hát lơ lửng của cô bỗng dứt, và tiếng đàn của tôi cũng bừng tỉnh, nó bặt im tức khắc. Chiếu tiệc chợt giật mình tỉnh mộng. Cả ba chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Thanh Mai đã hát gì vậy? Lão tướng nhìn cô kinh ngạc, và cả Trừng tôi nữa, tôi cũng nhìn cô, ngạc nhiên không kém. Tôi tự hỏi “Nàng là ai?”.

Cô ta trả lời câu hỏi thầm của tôi bằng một nụ cười bí hiểm - Và cô quay mặt nhìn ra khu vườn mai đang im lìm tắm ánh trăng lu.

Hồ Quý Ly

Chương 4

Cha tôi có hai bà vợ. Bà chính thất con một cụ lang nổi tiếng đất Thăng Long: cụ Phạm Công. Bà họ Phạm chính là mẹ đẻ ra tôi. Mẹ tôi mất khi tôi còn nhỏ. Cha đi bước nữa. Bà thứ thất ấy là một công chúa nhà Trần.

Chuyện kể lại rằng: hồi trai trẻ cha tôi là một con người thông minh dĩnh ngộ. Ông học giỏi. lại chăm đọc sách, có tài ứng đối rất nhanh. Nhờ hai bà cô lúc đó là ái phi của vua Trần Minh Tông nên cha tôi được một chức quan nhỏ.

Một hôm, trời nóng bức, vua Minh Tông và triều thần ra chơi hóng mát ở điện Thanh Thử nằm trong vườn ngự uyển. Trước cửa điện Thanh Thử, người ta trồng một rừng quế, những cây quế to toả bóng mát, thơm phức, làm dịu đi cái oi bức ngày hè. Minh Tông là ông vua hay chữ. Nhìn rừng quế, ông ngẫu hứng ra ngay một vế câu đối:

Thanh Thử điện tiền, thiên thụ quế

(Trước điện Thanh Thử, ngàn gộc quế)

Các quan tả hữu nhìn nhau, lúng túng. Toàn những bậc khoa bảng tài danh, nhưng chưa ai kịp nghĩ ngay được một câu văn hay để đối lại.

Giữa lúc ấy, chàng trai trẻ Lê Quý Ly, cũng đi theo hầu xin được đối. Một chàng trẻ tuổi, thứ học trò vô danh, thật quả to gan. Quý Ly quỳ xuống đọc:

Quảng Hàn cung lý, nhất chi mai

(Trong cung Quảng Hàn, một nhành mai)

- Bá quan đều tròn mắt, phục tài ứng đối mẫn tiệp của cha tôi. “Thiên thụ quế” mà đối bằng “nhất chi mai” thật là tuyệt. Một cánh rừng hùng vĩ, thơm ngát mà đối bằng một nhành mai mỏng manh, yểu diệu thật thần tình.

Nhưng người ngạc nhiên hơn cả là vua Trần Minh Tông. Trăm quan đều không rõ vua có một cô con gái út vừa thông minh, vừa xinh đẹp. Minh Tông rất yêu quý công chúa út. Vua lại rất thích bài thơ của đại sư Mãn Giác đời Lý vịnh mùa xuân. Vua cho rằng bài thơ ấy là một áng thơ tuyệt diệu, hiếm có, nhất là hai câu cuối cùng:

Mạc vị xuân tàn, hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ, nhất chi mai

(Đừng trọng xuân tàn, hoa rụng hết.

Đêm qua, sân trước, một nhành mai).

Minh Tông liền dùng chữ “Nhất Chi Mai” của câu thơ đặt tên cho cô con gái yêu. Rồi lại xây riêng cho con một cung điện nhỏ xinh nhưng tráng lệ và gọi là cung Quảng Hàn. Không hiểu ở đây có sự trùng hợp gì không. Hay chàng nho sinh láu lỉnh đã nghe lỏm được câu chuyện về cô Nhất Chi Mai nên ngẫu hứng thốt ra vế thứ hai câu đối. Cũng có thể người thư sinh tài ba ấy đã tơ tưởng đến cô công chúa từ thời xa xưa lắm, bởi vì hai bà vương phi họ Lê, những sủng phi của vua đều là cô ruột cha tôi.

Công chúa Nhất Chi Mai tên tục là Huy Ninh, là bạn thời thơ ấu, đồng

thời là anh em con cô con cậu với cha tôi. Vua Minh Tông gả bà cho tôn thất Trần Nhân Vinh. Trong loạn vua phường chèo, Nhân Vinh bị giết. Vua Nghệ Tôn sau đó gả bà cho cha tôi. Ông muốn dùng quan hệ hôn nhân để gàn chặt cha với nhà Trần.

Như vậy bà Nhất Chi Mai, một mặt là mẹ kế của tôi, một mặt là bà cô họ của tôi. Bà hiền hậu nhưng yếu ớt, trái ngược với cha tôi là một con người chắc nịch, đậm, bộ mạt vuông vức có chòm râu đen nhánh. Cả mẹ tôi, cả bà Nhất Chi Mai đều là những phụ nữ yểu điệu, mảnh mai. Lúc bà về nhà tôi, bà ôm lấy tôi mà rằng:

- Con đừng sợ. Ta yêu quý con. Ta sẽ là mẹ của con. Lúc đó, tôi là một thằng bé cao ngỏng, gầy gò. có đôi mắt rất to. Hồi đó, mới năm tuổi tôi đã phải học chữ với một vị lão nho. Ông thày của tôi uyên thâm nhưng rất nghiêm khắc; cứ thấy mặt ông là trong tôi như thất thần, toàn thân co rúm lại, chữ học vào trong đầu lại bật ra. Cha tôi vốn thiên kinh vạn quyển nên rất bực mình, không thể nào nghĩ được rằng con trai ông mà lại học dốt. Ông nghiêm khắc mắng:

- Làm con trai mà lười học, sau này sẽ vô dụng.

Bà Nhất Chi Mai cười, bảo ông:

- Để thiếp dậy tháng bé cho.

Lạ thay khi học với bà, tôi học rất nhanh. Hơn một năm sau tôi đã đọc chữ vanh vách. Lên bẩy tuổi đã thuộc lòng sách Đại Học.

Cha tôi thấy mẹ Nhất Chi Mai dạy tôi học nhanh như vậy, rất hài lòng. Tôi thường bắt gặp ánh mắt sáng lên của ông mỗi lúc hai mẹ con tôi ngồi học với nhau. Dần dần, tôi yêu quý bà Nhất Chi Mai, quấn quýt bên bà như mẹ ruột của mình. Có lẽ tôi đã tìm thấy ở bà những nét mơ hồ giống như mẹ tôi. Tôi nói mơ hồ, bởi vì mẹ tôi chết lúc tôi còn quá nhỏ. Hình ảnh về người mẹ đẻ chỉ còn là hình ảnh

nhòe nhoà của một người phụ nữ gầy gò, xanh lướt với nét mặt thanh tú và cao thượng, lúc nào cũng nằm dài trên giường, lặng lẽ, buồn bã nhìn tôi. Đứa bé côi cút ấy đã tìm lại được tình cảm mẹ con ở bà công chúa.

Song, tình cảm ấy rồi cũng vụt trôi đi, vì bà Nhất Chi Mai sinh Thánh Ngẫu em gái tôi. Hơn một năm sau, bà lại sinh em Hán Thương. Bà công chúa cũng hay ốm đau, bà lại phải bận bịu lo lắng cho hai đứa em; vậy nên cuối cùng bà phải ngừng dạy tôi học.

Thánh Ngẫu còn đỡ. Cô em gái xinh xắn dễ thương ấy đôi lúc còn nhường mẹ cho tôi. Thỉnh thoảng em vẫn để bà Nhất Chi Mai âu yếm vuốt ve tôi. Nhưng Hán Thương thật ghê gớm. Cứ môi lần tôi đến gần bà công chúa, nó lại hét to:

- Đi đi? Giả mẹ đây?

Những lúc như vậy, lòng tôi như bị xát muối. Tôi tủi thân, nén nỗi tức giận, dìm nó xuống đáy lòng. Có lẽ đó là lý do đầu tiên làm anh em tôi suốt đời bất hoà; đối địch nhau, thậm chí có lúc như hận thù nhau. Người ta còn giải thích sự xung dột ấy theo nhiều cách khác. Có thể, vì Hán Thương là con một bà công chúa, còn tôi là con một người đàn bà bình thường. Có thể, vì khi lớn lên, Hán Thương đã thầm cảm thấy ngôi vua nước Nam sẽ về tay mình, nên em tôi đã tranh ngôi báu ngay từ lúc chiếc ngai vàng còn chưa đến tay. Cũng còn có thể vì Hán Thương giống cha tôi. Nó cũng khỏe mạnh, cũng cương nghị, cũng đầy tham vọng, cũng quyết đoán như cha. Còn về phần tôi, tôi là loại người yếu đuối, mặc dù về mặt trí thông minh, có thể nói, tôi hơn hẳn Hán Thương. Còn cha tôi đối với chúng tôi thì sao? Người đàn ông cương nghị có thể yêu một người đàn bà yếu đuối, nhưng ít khi có thể yêu một người đàn ông khác mà tính chất lại yếu

đuối. Hơn nữa, cha lại là một con người lạnh lùng tính toán. Đối với ông, sự nghiệp là điều trên hết; tất cả phải phục vụ sự nghiệp. Có thể, từ khi chúng tôi còn nhỏ, cha đã lặng lẽ quan sát hai đứa con, rồi cân nhắc mọi điều lợi hại, để trù biện cho tương lai, nhưng thôi, đó là chuyện về sau...

Và như tôi đã kể, cũng vì sinh Hán Thương nên từ dạo ấy, tôi chuyển sang ở trại thuốc cùng với ông ngoại.

“Chàng ta lúc nào cũng u buồn! Người ta thường nhận xét về tôi như vậy - Đó là bản tính?”. Có thật đó là bản tính của tôi không? Hay do thời thế, không khí của một thời “thiên tuý” đã ảnh hưởng vào tính đa cảm của tôi? Cũng có thể đó là một sự sám hối - một cảm giác tội lỗi mà riêng tôi phải chịu đựng. phải gánh vác cho cả dòng họ? Cũng có thể, do cái chết của Quỳnh Hoa, ngươi vợ yêu quý. người đàn bà đã cho tôi biết bao hạnh phúc? Tôi đã biết nhiều người đàn bà, nhưng xét vé ý nghĩa sâu sắc, Quỳnh Hoa mới là người đàn bà đầu tiên của đời tôi.

Khi Quỳnh Hoa rời xa sang thế giới bên kia, tôi mới hiểu tình yêu của nàng với tôi là một điều hiếm ở đời. Nàng chết, tôi chẳng thấy thiết gì nữa. Tôi đã mất đi một niềm hạnh phúc, một niềm an ủi vô cùng to lớn, tưởng chẳng có gì thay thế nổi. Tôi lao vào uống rượu. Tôi lao vào kỹ viện. Người ta bảo tôi lao vào truy hoan để quên chuyện cũ, nhưng thực lòng tôi dửng dưng thờ Ơ với tất cả mọi người đàn bà. Cha tôi, bà Nhất Chi Mai đều muốn tôi lấy một người đàn bà khác, nhưng tôi cứ lặng lẽ. Rồi mọi người không nhắc đến nữa, có lẽ họ thông cảm, muốn để cho thời gian làm nguôi ngoai nỗi buồn. Người dân Thăng Long vẫn hay hát khúc ca do tôi phóng tác làm ra:

Phượng hoàng hề

Phường hoàng hề bay vút trời cao!
Nguôi xưa, mây cũ nay ở nơi nao
Chỉ thấy nơi đây lâu đài tàn tạ
Chỉ thấy bầu trời vắng trăng sao...
Nhưng ai có biết đâu con phượng hoàng trong bài ca ấy chính là nàng; và tâm trạng trong bài ca ấy chính là lòng tôi. Tôi viết bài hát ấy để tặng Quỳnh Hoa, để mỗi lúc cầm cây đàn nguyệt gẩy lên, những đêm thanh vắng, là bóng nàng lại hiện lên trong tâm tưởng, để khi thiếp đi lại nghe thấy tiếng thì thầm của nàng bên tai. Có thể nói, suốt một thời gian dài tôi sống với ảo ảnh, với hồn ma Quỳnh Hoa. Và nhiều đêm trong giấc mơ, tôi đã giao hoan với hồn ma ấy.
Cứ tưởng rằng. cuộc sống tình cảm của tôi sau khi Quỳnh Hoa chết là hết. Cứ tưởng rằng chẳng có người đàn bà nào có thể làm cho trái tim đang ngủ lịm vì đau buồn của tôi có thể thức dậy Không ngờ tôi lại gặp Thanh Mai. Cám ơn khu rừng mai của thượng tướng Khát Chân.
Mới gặp Thanh Mai, tôi đã bàng hoàng tỉnh giấc. Cứ tưởng như một người đang dụi mắt khi gặp bình minh, sau một giấc ngủ triền miên. Khi cô hát:
Ai xui câu hát nghiêng nghiêng
Cớ sao con mắt ưu phiền
Chính lúc ấy, tôi tự nhủ lòng: “Đây chính là người đàn bà của ta”. Sao nàng trông quen thuộc đến thế. Không biết đã gặp nàng ở đâu? Nhớ mãi chẳng ra. Hay đã gặp nhau ở một tiền kiếp? Cứ như thể nàng là một phần của xác thân tôi, mà mình cảm thấy vắng thiếu từ rất lâu nhưng không xác định nổi. nay bỗng dưng phần thiếu ấy hiện ra đột ngột... Và chẳng cần tra hỏi gì hết, nó nhập ngay vào tôi, làm

cho tâm hồn tôi tự dưng viên mãn, để xoá đi nỗi bâng khuâng nhớ mong do thiếu nó gây ra.

Tại sao. vừa mới gặp, tôi đã quả quyết: “Đây chính là người đàn bà của ta”? Cũng có thể vì những người đàn bà trong đời sống cung đình, trong dòng họ nhà tôi đều là những người đàn bà ẻo lả. Kỷ niệm về người mẹ yêu quý của tôi là một người đàn bà xanh lướt, ngày đêm nằm trên giường bệnh. Bà công chúa Nhất Chi Mai, mẹ kế của tôi có một sắc đẹp mong manh yểu điệu mà bà hoàng Thánh Ngẫu, em gái tôi, là một bản sao chép. Còn vợ tôi, quận chúa Quỳnh Hoa, như tôi đã kể là một mảnh đời u sầu khôn nguôi. Số phận, vóc tạng của hầu hết những người đàn bà quyền quý mà tôi biết đều như thế cả. Cứ như thể cả một đàn hậu duệ của một dòng họ đang suy tàn, không thể sản sinh ra những người phụ nữ... đáng gọi là phụ nữ. Hay chăng vì họ là những loài hoa nuôi trong chậu cảnh đã quá lâu năm, tuy dẹp đấy, nhưng quá mong manh. thiếu dần nhựa sống. Ngay đến như tôi, một người đàn ông quyền quý. cũng được chàm bẫm theo cùng một kiểu những người đàn bà nói trên, nên tôi cũng mỏng manh khác gì họ. Cái tạng nghiệp mong manh ấy có điều hay là làm ta trở nên bén nhạy.

Chắc vì đã quá quen thuộc với những nét đẹp ỏe oai của loài hoa chậu, nên khi bắt gặp cái đẹp chân phác của Thanh Mai, tôi nhận thấy ngay sức sống mới mẻ của nó và tôi đâm ra mê mẩn. Cô kỹ nữ ấy có một tạng nghiệp khác hẳn. Trông thấy cô gái lưng ong ấy ta thấy bừng ngay lên sự sống. Trông thấy cô là trông thấy mầu hồng của da thịt, thấy sự no tròn viên mãn, thấy ngay cả sự mặn nồng. Mãi về sau tôi mới biết Thanh Mai đã có một cuộc sống thật gian truân từng trải. Có thể mới đầu đó là cô gái thôn dã quê mùa, nhưng

cùng với thời gian sự từng trải đã mài dũa, làm sạch đi những nét thô cứng. Sự khác biệt giữa cô và những người đàn bà cung đình, đã cho phép tôi nhận diện thấy ngay cái đẹp hiếm hoi. Nhưng nếu là sự khác biệt đối nghịch chắc hẳn sắc đẹp của cô sẽ rơi vào thô kệch. Đằng này ở cô vẫn toát ra, vẫn thoáng gặp những nét cao sang. Đó là những cử chỉ tinh tế chỉ thấy ở những con người ưu tư, đã có lúc do số phận đưa đẩy nên đã trải qua những quãng đời kiêu sa. Đó là những bước đi khoan thai, tưởng như lười biếng, nhưng thực ra là sự tự nhiên. Đó là những ánh mắt trong trẻo không bao giờ lộ ra niềm giận dữ. Đó là sự bình thản khi tiếp xúc với những choáng ngợp giầu sang. Đó là những nụ cười đôn hậu, làm ta khi nhìn thấy, sẽ quên ngay những mệt nhọc trần gian. Có phải vì cô là người con gái chuyên nghề đàn hát, nên có lẽ hình như cô có khả năng làm thức dậy những gì tốt lành trong con người. Tôi có cảm giác như hé nhìn thấy sự linh cảm, sự thông tuệ và vẻ đẹp cao quý trên gương mạt nàng. Nhưng... tôi đã mê sảng rồi chăng, tôi đã linh thánh nàng rồi chăng?...

Như tôi đã nói, mới gặp Thanh Mai, tôi đã thấy ngay đây là người đàn bà của đời tôi. Việc đó không thể lấy lí mà xét được. Đó là tiếng nổ ngang trời đêm giông bão, khi hai con người bất chợt tìm thấy một nửa mảnh đời của mình. đã trôi dạt tận chân trời góc biển mịt mùng, nay đột nhiên xuất hiện trước mặt nhau. Cái lí làm sao hiểu được. Cuộc gặp gỡ trong vườn mai đêm hôm đó như để hoàn tất một cái nghiệp nào đó mà hai người chúng tôi phải làm cho trọn. Gọi là cái mệnh hoặc nói rằng ma quỷ đã dẫn đường để tạo nên cuộc gặp gỡ kỳ lạ ấy cũng được.

Có thể hai người chúng tôi khác nhau, mà cái duyên bắt phải phối kết

với nhau để mà hạnh phúc hoặc để xung đột cấu xé lẫn nhau. Có thể hai người chúng tôi giống nhau nên cuốn hút lấy nhau để làm trọn cái tình tri kỷ, hoặc để làm sâu đậm thêm một cái nghiệp mà riêng một người sẽ không gánh vác nổi. Phải chăng số phận chính là như vậy. Sau buổi tối gặp gỡ đầu tiên, tôi có cảm tình với Thanh Mai đã đành; ngược lại về phía nàng, tôi cũng đinh ninh rằng nàng có cảm tình với tôi, thậm chí tôi còn đọc thấy trong ánh mắt của nàng một cảm tình đặc biệt. Tôi tìm mọi cách để tìm hiểu về nàng. Chúng chẳng khó khăn gì vì từ mấy tháng nay Thanh Mai là cô gái nổi danh tài sắc đất kinh kỳ. Các nhà quyền quý ở Thăng Long mỗi khi mở tiệc mừng nhân ngày lễ thọ. khao vọng hoặc cưới xin đều mời nàng đến hát. Giọng nàng vừa đẹp, vừa trong vừa điêu luyện. Nàng biết nhiều giọng: giọng nam, giọng bắc, nhất là giọng lâm li ai oán kiểu Chiêm Thành. Đồn rằng Thanh Mai có một bài hát rất buồn và hay, tên gọi "Con ngựa Hồ", nhưng chưa bao giờ nàng hát cho ai nghe. Nhiều khách phong lưu nài nỉ, nhưng bao giờ Thanh Mai cũng nhũn nhặn từ chối:

- Đó là một kỷ niệm đau buồn của thiếp, xin ngài rộng tình thông cảm.

Khi nhắc đến bài hát đó, thường Thanh Mai buồn hẳn đi và mất hứng ca hát, thành thử không ai nỡ ép. Người ta lại đồn rằng chỉ có một lần Thanh Mai hát bài "Con ngựa Hồ", đó là dịp thượng tướng mở tiệc mừng công lúc đại thắng quân Chế Bồng Nga. Chuyện đó xảy ra đã mấy năm rồi.

Người ta cũng đồn rằng quan hệ giữa thượng tướng và Thanh Mai rất gần gũi. Thượng tướng nhận cô ta là con nuôi. Không hiểu đó có phải là thuật của Thanh Mai dùng để làm tăng phẩm giá của mình lên không. Thực ra, chẳng cần phải là con nuôi của quan Thượng tướng,

mà chỉ cần sắc đẹp, tiếng đàn, giọng hát của riêng mình, cô ta đã cao giá lắm rồi. Trong các tiệc, mỗi khi cô hát xong một bài, khách khứa, các bậc vương tôn công tử tung tiền thưởng như mưa, bạc trắng xoá chiếu hoa.

Thanh Mai rất tài sắc nhưng cũng rất kiêu kỳ. Kỹ nữ đấy nhưng nàng chỉ đàn và hát thôi. Cô ban cho người đời cả ánh mắt long lanh và nụ cười mê hồn nữa. Song, tất cả chỉ có thế thôi, đừng ai giở thói bờm xơm. Nhiều bậc vương tôn si tình, nhăm nhe mua cô về làm thiếp, nhưng tất cả đều bị từ chối. Có kẻ lại dùng cường quyền uy hiếp định chiếm đoạt cô, lập tức kẻ ấy nhận ngay được lời răn đe của bộ hạ quan thượng tướng.

Đấy cô gái kiêu kỳ như thế. mà tôi chỉ gặp cô mới một lần, tôi đã đinh ninh rằng cô là người đàn bà của riêng tôi, rằng cô có biệt nhãn với riêng tôi. Tôi tin chắc thế. Bởi vì nếu không, tại sao cô ta có thể cảm nhận được những âm thanh tiếng nguyệt cầm của tôi đêm ấy và phô diễn chúng ra bằng lời.

Ai xui câu hát nghiêng nghiêng

...

Cớ sao con mắt ưu phiền

...

Ai uống hương lan sẽ quên lối về

...

Ai uống hương lan đường vào bến mê.

...

Đó là lời thổ lộ chăng? Một lời thổ lộ ngoại ngôn tự.

Đó là một tiếng thì thầm chăng? Tiếng thì thầm chỉ mình tôi nghe được.

Tôi chợt mỉm cười tự chế diễu mình. vì tôi biết mình đang lập luận theo cách của kẻ si tình. Vâng, chính tôi là một kẻ si tình.
Đêm hôm ấy kẻ si tình đã uống rượu thật say, say cho đến quay cuồng trời đất. Bên người vẫn đeo hồ rượu, kẻ si tình đi đến nhà Thanh Mai...
Tôi chẳng đi kiệu, chẳng cưỡi voi, không cưỡi ngựa, tôi đi chân không, một minh đến tìm nàng. Nguyễn Cẩn biết tâm ý của tôi ít lâu nay, lúc này, khi trời sâm tối hai người uống rượu với nhau, Cẩn nói:
- Huynh có biết Thanh Mai quan hệ với thượng tướng Khát Chân ra sao?
- Cô ta là con gái nuôi thượng tướng.
- Huynh có biết cô ta từ đâu đến không?
- Tôi không rõ.
- Thanh Mai bị Chế Bồng Nga bắt. Thượng tướng đã cứu cô ta.
- Một cái ơn trời biển.
- Đúng! ơn trời biển! Vậy cớ sao huynh không tự hỏi: tại sao Thanh Mai lại đến với huynh?
Thôi! Các người ơi? Hãy thôi đi những lời xói móc. Ta biết chứ, ta hiểu những ẩn ý của người lắm chứ. Nhưng huynh ơi, tôi chẳng cần. Bởi vì tôi tin. Tôi tin ở tôi tôi tin ở nàng. Những lời nói của tôi khó hiểu lắm sao? Nó làm cho huynh trợn tròn đôi mắt. Huynh chẳng hiểu đâu. Mà làm sao huynh hiểu được cơ chứ.
Bởi vì... bởi vì những mưu toan đã làm tất cả đều mờ con mắt. Tôi chẳng cần. Tôi tung hê mọi thận trọng. Bởi vì có những tiếng thầm thì mà huynh chẳng bao giờ có diễm phúc được nghe...
Tôi cáo từ Nguyễn Cẩn, tức là tôi đuổi anh ta đi một cách khéo léo. Bên tai, tôi thực sự nghe thấy những tiếng thầm thì vẫy gọi... Tôi

đứng nhìn cho đến lúc Cẩn khuất hẳn... Tiếng thầm thì như mách bảo đôi chân khật khưỡng của tôi đi tới phường Hà Khẩu, đó là một dãy nhà vườn nằm dọc bên bờ sông Tô Lịch. Tôi đi trên bãi sông, qua một chiếc cầu gỗ tới một vườn dâu nằm dãi ánh trăng.

Nhà của Thanh Mai kia rồi. Một dãy hàng rào dâm bụt lô xô. Cái cổng gạch cửa khép hờ, bên trên bò lan một cụm xương rồng đang mùa hoa nở, loại xương rồng có hoa rất lớn màu trắng ngà, đêm xuống, hoa phun hương thơm ngát một vùng. Tôi hít mạnh thứ hương ngạt ngào ấy vào trong lồng ngực. Thứ hương ấy quyện vào men rượu làm lòng tôi càng thêm say. Tôi đẩy cổng, đi theo một con đường nhỏ hai bên có tường hoa thấp, dẫn đến trước cửa một ngôi nhà xinh xán, bên trong vẫn thấp thoáng ánh đèn. Thanh Mai vẫn còn thức. Tôi như hồi hộp xúc động, tôi cầm hồ rượu tu thêm một ngụm, rồi gõ cửa:

- Thanh Mai ơi! Mở cửa cho ta.

Bên trong hình như có tiếng động nhẹ, nhưng tất cả vẫn lặng tờ. Tôi lại nói:

- Thanh Mai ơi? Ta muốn nghe một khúc đàn...

Có tiếng đàn bà nói vọng ra:

- Ai đấy? Đã khuya lắm rồi!

- Ta đây

- Ta là ai?

- Ta là người quen của nàng... Đã từ thủa xa xôi lắm rồi...

- Người nào điên rồ đến thế?

- Ta điên ư?

Ông là kẻ rồ dại. Thời buổi này thiếu gì kẻ rồ dại. Tôi van ông, hãy đi đi. Ở đây chỉ có những người đàn bà yếu đuối hiền lành...

- Nàng mở cửa ra. Ta không phải kẻ ác. Chỉ muốn nghe một tiếng đàn.
- Ông đi đi! Chúng tôi nào có quen ông.
- Không quen ư? Không quen thật sao?
Tôi ngạc nhiên dần dần chuyển sang sửng sốt. Tôi ngồi xuống thềm nhà, tu thêm một ngụm rượu, đầu óc liên miên suy ngẫm: “Thế là nhầm rồi sao? Cô ta chẳng quen ta? Phải rồi! Ta đã ngộ nhận? Lần đầu tiên Nguyên Trừng tôi đã có một linh cảm sai lầm? Hay tại ta say? Hay tại suốt một thời gian dài ta đã sống trong quay cuồng của một thời thiên tuý? Hay tại vì nàng cũng chẳng khác một kẻ phàm phu, chẳng biết nhận ra người tri kỷ? Hay chính ta đây cũng chỉ là một phường tục tử, ngộ nhận ngay đến cả những tình cảm của chính mình?”.
- Ơ kìa, ông vẫn chưa đi sao? Tôi van ông, hãy buông tha chúng tôi.
Tiếng nói qua khe cửa làm tôi giật mình như tỉnh hẳn: người ta sợ ta đến thế sao? Chẳng lẽ cả đến giọng nói của ta cũng sặc mùi tục tử. đến nỗi làm cho nàng phải run rẩy?
Tôi buồn bã đứng dậy, lặng lẽ, cúi đầu, chệnh choạng bước ra khỏi cổng. “Ta đã ngộ nhận rồi. Nàng không phải là người đàn bà của ta. Nàng không phải là người đàn bà mà bấy lâu nay ta hằng ước ao tìm kiếm. Đúng là ta ngơ ngẩn điên rồ. Có được một người tri kỷ ở cõi nhân gian đâu phải dễ. Ta đã ngộ nhận... Ta đã hoang tưởng đi theo một vệt sao băng... Nó không phải của ta... nó chẳng có ở đời... kìa. Nó chỉ là một vệt sáng dài chạy trên bầu trời, rồi tắt ngấm...”.
Tôi ngồi trên nương dâu ven sông, lòng trĩu nặng. Tôi ngắm dòng sông lừ đừ chảy, ngắm những ngọn đèn chài thoắt hiện thoắt biến, như lửa ma trơi. tôi đi chân đất, tôi mặc áo vải đến đây... Tôi đi tìm

người đàn bà tri kỷ, mới chỉ một lần gặp hôm xưa đã để lại nỗi xốn xang trong lòng tôi, cứ tưởng như đó là duyên nợ từ một kiếp xa xưa. Lại hoá ra không phải. Tôi tự cười thầm về sự si dại của mình. Tôi lầm lì uống từng ngụm. từng ngụm cho đến hết hồ rượu bên người. Có lúc tôi cười phá lên để tự chế diễu mình. Cha tôi vốn không thích cái tính cuồng si đó nơi tôi. Trong cơn rượu, trong cơn thất vọng đêm nay. có thể tôi sẽ hiểu thêm được một chút gì về mình chăng?
Trên cửa lạch, từ sông Hồng rẽ vào sông Tô Lịch, bóng những chiếc thuyền đang chậm chạp di chuyển. Những ngọn đèn trên sông lúc mờ lúc tỏ như những con mắt ngái ngủ cố mở ra nhưng không cưỡng lại được. Gió hiu hiu. Những con dế trong nương dâu cất tiếng ri ri để hoà vào bản nhạc xạc xào của lá cùng những tiếng oàm oạp của sóng vỗ bờ. Tất cả hình như đều muốn ru tôi vào giấc ngủ. Và tôi mơ hồ nghe một giọng thầm thì:
“Ngủ đi! Ngủ đi!”. Cũng như những ngọn đèn trên sông kia, tôi cố cưỡng lại, cố mở mắt ra, nhưng lúc này đôi mắt chỉ muốn lim dim; cuối cùng chúng khép lại, đưa tôi vào một giấc ngủ dài...
***
Tôi ngủ rất lâu, chẳng biết đã ngủ bao lâu rồi nữa. Về sau này, hồi ức lại tôi chẳng nhớ mình đã mơ thấy gì trong giấc ngủ đằng đẳng ấy. Chỉ loáng thoáng mơ hồ nhớ rằng mình đã lạc vào một xứ sương mù khác hẳn cuộc sống cung đình hàng ngày. Gọi là xứ sở lãng quên hỗn mang cũng được. Bởi vì có lẽ số phận muốn gọi tôi đến đấy để làm quên đi cuộc đời xao động đã qua của tôi. Trong sương mù loãng chẳng có gì để bám víu ấy chợt loáng thoáng một thanh âm. như kẻ chết đuối thấy mơ hồ một chiếc cọc, trí óc tôi vội níu lấy thanh âm đó. Trí óc tôi căng ra để cảm nhận. mãi rồi nó cũng hiện ra rõ nét

dần dần. Mới đầu chỉ như tiếng những giọt mưa xuân ở đầu hiên rơi xuống vũng nước tí tách... Sau đó là lặng tờ như mạt nước một con sông hiền hoà nhưng rộng bao la, trên cái nền lặng tờ ấy một tiếng u ơ vang lên, thoạt tiên là u ơ sau chuyển thành một tiếng hò ơ buồn bã. Như một bức màn che khuất từ từ được kéo lên để hé lọt thêm một tiếng đàn văng vẳng. Nhầm sao được âm thanh của cây nguyệt cầm, thứ đàn mà tôi ưa thích. Người chơi nó đưa ngón tay lười biếng nhấn luyến chậm rãi, tạo ra một thanh âm tinh tế uốn lượn, những bước chuyển dịch mơ hồ mà tai người thường khó nhận ra. Một sự ngập ngừng lưu luyến một nỗi phiền muộn tha thủi, một mềm ai oán được nén chặt trong lòng...

Cùng với thanh âm nhận rõ, tôi cũng dần dần thức tỉnh - Cũng lúc đó, một tiếng hát khe khẽ cất lên:

Ơ! Con ngựa Hồ!

Ơ! Con ngựa Hồ!

Mi ăn cỏ phương Nam

Đêm đêm hí trăng hí về phương Bắc

Tôi đang nhắm mắt, nghe thấy câu hát “Con ngựa Hồ”, bỗng choàng tỉnh hẳn. Tôi tự hỏi trong lòng “Nàng hát ư?” Mắt tôi mở to. Lúc đầu tôi chỉ thấy một hình người nhòe nhoà. Bóng đó rõ dần. Tôi đã nhận ra Thanh Mai đang ngồi trên chiếc ghế, cây nguyệt cầm ôm trong lòng.

Cứ tưởng mơ, nhưng không phải giấc mơ. Đúng là Thanh Mai đương hát thật... Kìa! Nàng đã nhìn thấy tôi mở mắt, đã bỏ đàn, đứng lên, tiến lại gần. Tôi dụi mắt như để kiểm tra lần cuối xem thực hay mộng... Tôi đã hoàn toàn trở về cõi thực. Lạ lùng chưa! Tôi nhớ mình đã ngủ bên bờ sông, trong bãi dâu... sao lúc này tôi lại đương

nằm trên giường trong một căn nhà gọn gàng xinh xắn. Vẫn là mơ ư? Không... Tôi đang nhìn thấy cây nguyệt cầm treo trên vách. Cây nguyệt cầm trên đầu cần có treo hai cái thao xinh xinh mầu xanh đỏ, cây nguyệt cầm tôi đã đánh ở toà Tị Huyên đình, hôm xưa, bên rừng mai... Hoá ra là cây đàn của nàng?... Dưới cây đàn là chiếc bàn nhỏ chân quỳ, trên bày một lư trầm đang bốc khói, và một lọ hoa cắm một cành mai không phải đang đâm bông, cành mai có lá non xanh trĩu quả. Gió lùa vào làm cây đàn bật lên những thanh âm phảng phất.
Tôi nhìn gương mặt
Thanh Mai đã ở sát bên tôi và hỏi:
- Hoa mai đã kết trái rồi ư?
Nàng ngồi xuống cạnh giường, nắm lấy tay tôi:
- Em biết hôm nay chàng tỉnh dậy, nên đã ra vườn cắt một cành mai, thứ hoa chàng ưa thích, nhưng hoa đã kết trái rồi chàng ạ.
- Cành mai có quả cũng có cái duyên riêng... - Tôi mỉm cười - Chính ta đang đi tìm nó đấy.
- Tướng công đi tìm nó thật chăng?
- Tôi đã cầm hồ rượu uống cho say mềm, đi chân đất đến gõ cửa nhà nàng... và đã bị đuổi ra nằm ngủ bên bãi sông. Thanh Mai ơi! Nàng đã đuổi ta... sao lại đem ta vào đây?
Thanh Mai cúi đầu:
- Tướng công còn giận ư?... Đâu phải em đuổi... Chị Thu Cúc cùng ở với em tưởng một người say rượu...
- Vậy, nàng không có nhà. Nàng đã đi đâu?
Thanh Mai thì thầm kể cho tôi nghe:
Mấy hôm nay, em cứ bồn chồn đứng ngồi chẳng yên. Và em đã bơi thuyền đến nhà quan thượng tướng.

- Nàng đã đến rừng mai?
- Vâng, đến rừng mai. Và... tới lúc đó em mới hiểu tại sao mình bồn chồn.
- Nàng đi tìm ta ở Trại Mai, trong khi ta đến đây tìm nàng.
- Em đến Trại Mai, rồi bỗng dưng lại đột ngột xin về làm quan thượng tướng vô cùng ngạc nhiên. Song em không thể ở lại, dù chốc lát. Bởi vì lòng em như lửa đốt. Cứ nghĩ rằng có việc gì đó rất quan trọng sắp xảy ra. Em bơi thuyền trong đêm, về đến bãi dâu, hối hả định chạy về nhà. Chính lúc đó, em trông thấy chàng mê man nằm trên bờ cỏ. Em dùng hết sức đem chàng vào nhà. Lúc đó, em mới biết chàng đi tìm em và chàng đã say. Chị Thu Cúc đã kể hết với em đoạn chàng gõ cửa. Chàng đã say đúng hai ngày hai đêm.

Tôi mỉm cười:

- Ta phải cám ơn cơn say hữu duyên đó...

Thanh Mai cũng cười.

- Chúng tôi chả cần thổ lộ tâm tình nữa, bởi cơn say đó đã thổ lộ giúp chúng tôi rất nhiều.

Những ngày sau đó là những ngày quấn quýt mặn nồng của chúng tôi.

Nàng đã ban cho tôi tất cả. Lần đầu tiên tôi mới hiểu thế nào là một tình yêu của chốn dân gian. Trước kia tôi yêu Quỳnh Hoa, nhưng đó là một thứ tình yêu cung đình, ở đó xen lẫn cả những toan tính, những liên minh, những lôi kéo, những mà cả. Mặc dầu cả hai vợ chồng tôi đều cố giẫy giụa, cố thoát ra khỏi tấm lưới âm mưu, nhưng cuối cùng cái kết thúc của nó thật cay đắng. Còn bây giờ giữa Thanh Mai và tôi là một cuộc tình khác hẳn, chỉ ít điều đầu tiên, nó không phải là một cuộc tình cung đình. Tôi cũng hiểu rằng, âm mưu sẽ

chẳng dễ dàng buông tha chúng tôi, tấm lưới ấy lúc nào cũng muốn chụp xuống đầu con người, nhưng bằng linh cảm, tôi hiểu cả Thanh Mai và tôi đều nằm ngoài tấm lưới.

Tôi sung sướng vì đã được lạc vào một thế giới mới mẻ. Thanh Mai là một người ở chốn dân gian. Ở Quỳnh Hoa tôi được nhấm nháp một hương vị tinh tế của bông hồng trong chậu cảnh. Còn ở Thanh Mai tôi mới hiểu cái hương vị nồng nàn của thứ lan rừng, hương của nó nằm trong thiên nhiên bao la, vì vậy nó phải chống với gió táp mưa sa cùng với trăm ngàn hương hoa khác, nó phải tranh sống, nó không thể chết yểu, vì vậy nó phải mạnh khỏe, ngút ngát, phải tràn trề sắc hương... “Mình ơi? Mình ơi!... Người đàn bà ấy cuốn tôi vào cuộc tình, lúc êm đềm, lúc man dại.. Đôi vú phì nhiêu kiều diễm của nàng làm tôi chợt hé nhìn thấy một điều bí ẩn. Quỳnh Hoa vợ tôi xưa kia là một con người thanh mảnh. Nàng nhỏ bé xinh xinh. Tình yêu của nàng cũng xinh xinh như vậy... Thì ra đời sống cung đình đã cướp đi của người đàn bà cả đến cái thân xác no tròn viên mãn. Cung đình đã làm họ lả lướt dần dần để cuối cùng thành những hình hài thiếu nắng trần gian. Hay phải chăng đó là sự tàn tạ của một vương triều. Nó không còn đủ khả năng sinh thành ra những sức sống.

Thanh Mai nhắm hờ mi mắt, giang tay đón tôi vào khúc đàn ân ái đầy mới lạ. Thấy cả những khúc láy tinh tế và cả những âm thanh suồng sã xô bồ. Nàng vốn sành âm luật. Nàng đem cả tiếng đàn vào cuộc gối chăn. Đôi tay ấm áp lúc mơn trớn, lúc níu kéo, lúc buông lơi. Đôi mắt chớp chớp, lim dim, chúng đón nhận ánh vàng bạch lạp, giữ những giọt sáng ở đó để chúng toả ra sắc cầu vồng trên hàng mi mà chỉ riêng mình tôi trông thấy. Đôi môi nàng run run như muốn nói một

lời dịu ngọt nhưng không thành tiếng, tuy nhiên tôi vẫn nghe thấy thanh âm ve vuốt của nó. Tôi còn nghe thấy cả tiếng phập phồng của con tim nàng nữa. Không nghe bằng tai mà nghe bằng những làn da. Chợt hình như có một tiếng đàn thực sự đã mơ hồ lan toả trong thinh không. Hai chúng tôi nhìn nhau. rồi cùng nhìn lên bức vách. Cả hai chúng tôi đều nhìn vào cây đàn Nguyễn .

Đàn ơi? Nguyệt cầm ơi? Có phải chính ngươi đã phát ra âm thanh thầm kín đó không?

Hồ Quý Ly

Phần VII - Chương - 1

Vua Thuận Tôn va bà Hoàng thánh ngẫu

Năm Mậu Thìn (1388) Trần Ngung được vua cha Nghệ Hoàng lập lên làm vua, tức vua Trần Thuận Tôn. Lúc đó, Thuận Tôn mới mười ba tuổi. Ông dáng người cao, gày, khôi ngô tuấn tú. Trí thông minh hơn người, tuy còn ít tuổi nhưng đã làu thông kinh sử. Thái thượng hoàng Nghệ Tôn lập Ngung làm vua vì nhiều lẽ: thứ nhất, vì là con út giống cha như đúc về mọi mặt; thứ nhì, vì Ngung hiền; mà theo ý Nghệ Hoàng, hiền là điều quan trọng nhất của một ông vua; thứ ba, vì Ngung thông minh sáng láng. Thái bảo Trần Nguyên Hàng nói với Nghệ Hoàng:

- Thần nghĩ nên lập Trang Định Vương Ngạc, vì ông đã là người đứng tuổi.

- Ngạc đã lớn mà cỏn hồ đồ. Vả lại, nó đã nói với ta không muốn nhận ngôi báu. Còn Chiêu Định Vương Ngung tuy còn bé nhưng đã hiền lại thông minh. Lúc này xã tắc phải đối phó nhiều việc. Mặt bắc lo nhà Minh, mặt nam lo chống với Chế Bồng Nga. Cần một ông vua cứng rắn quyết đoán hơn một ông vua hiền. Khanh muốn lập Ngạc, chắc còn ẩn ý gì. Khanh cứ tâu rõ ta xem.

Ngạc và vua Trần Phế Đế Bàn nhau định diệt trừ Lê Quý Ly nên cách đây mấy tháng đã bị Quý Ly dùng mưu chống lại. Quý Ly tâu với Nghệ Hoàng, “Vua Phế Đế tin nghe lời bọn tiểu nhân, lập mưu định hại hạ thần, ý định của nhà vua không sao lường được. Phế Đế là cháu, còn Chiêu định Vương Ngung là con. Xưa, chỉ thấy bán cháu

nuôi con, chưa hề bao giờ thấy ai bán con nuôi cháu".
Câu nói làm rung động tâm can Nghệ Hoàng. Thượng Hoàng đã nghe lời Quý Ly giết Phế Đế và bè đảng. Còn Trang Định Vương Ngạc là con lớn của Nghệ Hoàng, nhưng đã theo Phế Đế nên Nghệ Hoàng không muốn cho làm vua.
Thái bảo Nguyên Hàng thấy thượng hoàng nói đến "ẩn ý", ông biết Nghệ Hoàng đã quyết, nếu nói thêm sẽ gây sự nghi ngờ cho mình nên thôi không can gián nữa. Thực ra, Ngung không muốn làm vua, chàng chỉ thích được đọc sách. Vả lại, mới mười ba tuổi nhưng chàng còn lạ gì những chuyện bê bối, chuyện chém giết trong cung đình. Ngung quỳ xuống nói:
- Xin cha thương con. Con vốn không có chí làm vua. Con chỉ muốn một cuộc đời nhàn rỗi, sống ngoài vòng cương toả. Sao con nghĩ vậy? Con tưởng cha cũng thích làm vua hay sao? Lúc loạn Dương Nhật Lễ, mọi người trong tôn thất bắt cha phải đứng ra gánh vác dành lại ngôi báu, cha cũng chối từ như con bây giờ. Công chúa Thiên Ninh là chị của cha nói với cha rằng: "Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông mình, sao lại bỏ được. Ông nên đứng lên phất cờ, chúng tôi đem bọn gia nô sẽ dẹp yên được"
Ông vua già rớm nước mắt:
- Bây giờ cha chỉ biết cậy vào con... Con không thương cha sao? Cơ nghiệp nhà Trần ta lúc này cần phải có một vị vua hiền... Cha tin con sẽ là một vua hiền.
Ngung thở dài. Chàng vốn yếu đuối. Chàng không muốn trông thấy nước mắt của một ông vua già tóc bạc, nhất khi người đó lại là cha mình. Sau khi lên ngôi vua, Ngung có bận nói với thái uý Trang Đình Vương Ngạc:

- Ngôi báu này vốn không phải của em. Chính anh mới xứng đáng lên ngôi đại thống.
- Em đừng nên phân tâm. Việc của em bây giờ là phải học. Học cho giỏi việc trị nước. Chỉ vài năm nữa em sẽ điều hành chính sự. Em nên nhớ, đức thượng hoàng chúng ta nay đã già lắm rồi. Em là người hiền, họ nhà Trần chúng ta đang cần một vua hiền.
- Có bận em đã nói riêng với cha: “Nay cha đã già và hay đau ốm. Cha nên nghỉ việc đi, để cho anh Ngạc làm phụ chính cho con cũng được”. Nghe em nói xong, cha chỉ cười.
- Em chớ nên nói với cha những chuyện như thế nữa. Em không hiểu, từ khi anh thân cận với vua Phế Đế, rồi Phế Đế bị giết, cha không tin anh nữa... Mà này, em đừng hở với ai những điều anh nói.
Ngạc và Quý Ly vốn hiềm khích với nhau từ mấy năm trước. Khi xưa Quý Ly có lần đánh thắng Chế Bồng Nga, ông được Nghệ Hoàng phong chức bình chương vào hàng quan nhất phẩm triều đình. Theo lệ cũ của nhà Trần, các quan từ chức bình chương trở lên, khi ngồi bàn việc chính sự, được ngồi ghế tựa sơn then, không phải đứng. Thái uý Ngạc đã bỏ ghế của Quý Ly không cho ngồi cùng hàng, việc đó làm Quý Ly giận thâm tím ruột gan. Tiếp đó, Ngạc lại bàn với vua cũ tức Trần Phế Đế, ngầm mưu giết Quý Ly; việc đó bại lộ, Quý Ly phản kích thắng lợi. Từ đó, Ngạc bị lép vế hoàn toàn. Mặc dù được phong tước đại vương, chức Thái uý, chức tước tột đỉnh nhưng thực chất chỉ là bù nhìn. Nghệ Hoàng có ba con trai: Húc, Ngạc và Ngung đều là người văn nhã.
Con cả là Ngự Câu Vương Húc. Húc theo Duệ Tôn đi đánh Chiêm Thành. Sau khi Duệ Tôn tử trận, Húc bị bắt, Chế Bồng Nga gả con gái cho và dùng làm vua bù nhìn Đại Việt, dùng làm kẻ dẫn đường

tiến đánh Thăng Long. Điều đó Nghệ Hoàng rất uất, cho là điều sỉ nhục nhất của mình.

Con thứ hai là Trang Định Vương Ngạc cũng là kẻ văn tài. Khi Ngạc lên làm Thái sư, quan tư đồ Trần Nguyên Đán cáo lão về ở Côn Sơn gửi hai câu thơ cho Ngạc:

Còn mất xưa nay xem đã rõ.

Cớ sao ông nỡ ít thư can?

Ngạc gửi tới Côn Sơn bài thơ trả lời

Tôi nay vào hạng vứt đi rồi

Ông chống nhà to chẳng có tài

Cùng một phường già suy yếu cả

Điền viên sớm liệu thoái về thôi.

Xem xong bài thơ, ông Đán thở dài.

- Dòng dõi đức thượng hoàng đều là những kẻ văn nhã, song khẩu khí u buồn quá, nhu nhược quá... Mà kẻ lắm văn tài liệu lúc này có gì ích lợi cho xã tắc không?

Người con thứ ba là Chiêu Định Vương Ngung, tức Trần Thuận Tôn. Ông vua trẻ rất kính trọng Trang Định Vương Ngạc, chỉ tiếc tuổi còn ít, chưa được điều hành chính sự nên không trọng dụng được anh mình. Trong khi đó mọi việc vẫn do Nghệ Hoàng điều khiển.

Tiếng là Nghệ Hoàng nắm việc đất nước. nhưng thực ra ông vua già rất tin Quý Ly nên đã dần dần trao hết quyền bính cho thái sư.

Tháng chạp năm ấy Ngung lên ngôi vua, tháng giêng năm sau Quý Ly đã bàn ngay với Nghệ Hoàng.

- Vào mùa xuân năm nay đức vua Thuận Tôn đã sang tuổi mười bốn, cũng nên lo đến việc lập hoàng hậu, tìm người làm mẫu nghi thiên hạ, để cho trăm họ được an lòng. Bây giờ nhiều chuyện biến động

nên lo sớm để đức vua chóng có người nối dõi cơ nghiệp tổ tông. Thần nghĩ việc đó phải lo liệu ngay. Ông vua già cười:

- Ta cũng đã nghĩ đến việc lập hoàng hậu cho “quan gia”. Chưa kịp nói, khanh đã tâu bày. Vậy ý khanh đã nhằm vào ai chưa?

- Thần đã bàn với Phạm Cự Luận, đã xem xét con cái các bậc đại thần, kê ra một bản các cô từ mười ba đến mười tám tuổi. Sẽ tổ chức một cuộc tuyển phi, chọn ra ba cô. Cô nào đủ điều kiện nhất sẽ lập làm hoàng hậu.

Ông vua già xua tay cười mỉm:

- Thôi! Khỏi phải bày vẽ. Thực ra, ta đã nhằm rồi, thái sư ạ. Ta nghĩ mẹ ta là người họ Lê. Mẹ em ta, vua Duệ tôn quá cố, cũng người họ Lê, thì con dâu của ta cũng nên là người họ Lê.

Nghệ Hoàng cười to:

- Hôm tết nguyên đán, công chúa Huy Ninh, em gái ta cùng đi với Thánh Ngẫu và Hán Thương đến chúc mừng. Ta thấy con gái khanh đã lớn bổng hẳn lên. Ta hỏi chuyện thấy con bé học hành rất khá, lại xinh đẹp nữa. Rất giống cô Huy Ninh lúc bằng trang tuổi nó. Lúc Huy Ninh còn nhỏ, ta rất quý cô ấy. Rồi lấy chồng, gặp ngay nạn Dương Nhật Lễ, cô ấy thật vất vả. May gặp được khanh. sinh được hai đứa trẻ đều thông minh dĩnh ngộ. Ta lấy làm mừng cho em gái ta. Chỉ phải một điều Huy Ninh tạng người yếu đuối. Hôm tết gặp ta cứ ho húng hắng. Mới đây lại nghe thấy nói công chúa đang mệt?

Quý Ly vội cúi đầu nói:

- Dạ tâu, phu nhân của hạ thần đã mệt, ho từ đợt gió đông trước tết, tưởng rằng mùa xuân ấm lên sẽ đỡ. Nhưng xuân này mưa nhiều quá, nên bệnh không thuyên giảm, mặc dầu thần đã cho mời khắp các danh y.

Nghệ Hoàng buồn rầu:
- Thế đấy!... Chính vì vậy nên ta mới nảy ra ý định, lập Thánh Ngẫu làm hoàng hậu cho Thuận Tôn... ý khanh...
- Thật là phúc lớn cho gia đình hạ thần - Quý Ly quỳ xuống bái tạ.
Nghệ Hoàng nghiêm trang:
- Cuộc hôn nhân này ta nghĩ có nhiều điều tốt đẹp. Thứ nhất, vì Thánh Ngẫu là người dòng dõi, phúc hậu, đoan trang rất xứng với Thuận Tôn. Thứ hai, vì ta muốn công chúa Huy Ninh em gái ta được vui mừng khi con gái được làm mẫu nghi thiên hạ. Ta muốn sự vui mừng làm cô ấy khỏi bệnh. Vả lại, Thánh Ngẫu ở trong cung, cứ nhìn thấy nó là ta lại nhớ đến lúc anh em ta khi còn nhỏ được sống hạnh phúc thế nào. Chắc điều đó làm khuây khoả tuổi già của ta. Thứ ba, điều này rất quan trọng... - ông vua già nói đến đây bỗng cầm lấy tay Quý Ly - Khi hai trẻ lấy nhau, tức thị Thuận Tôn là con rể của khanh. Ta già lắm rồi, ít lâu nay thấy trong người không khỏe. Nếu chẳng may ta có ra đi, ta cũng yên lòng vì đã giao phó được nó cho người cha vợ của nó...
Như vậy, cuộc tâm sự đã biến thành cuộc uỷ thác. Nghệ Hoàng muốn cuộc hôn nhân sẽ như một lời cam kết, một bó buộc. Ông vua già rất hiểu tài năng của người anh em họ ngoại của mình. Chỉ có Quý Ly lúc này mới đủ tầm vóc, trí lực để giữ con thuyền xã tắc trong cơn giông bão. Nhưng ông cũng hiểu con người mưu lược ấy đầy tham vọng, cần phải dùng mọi giây nhợ, kể cả mối liên hệ hôn nhân để kiềm chế, sau khi mình chết...
Nghệ Hoàng, từ khi về già đâm thích những nghi lễ, ông cho tổ chức lễ sắc phong hoàng hậu thật trọng thể. Quý Ly sai Phạm Cự Luận, người thân tín, làm bài văn sách phong:

“Một âm một dương là đạo trời đất. Trời đất cùng chở che, mặt trời mặt trăng cùng sáng soi, cho nên mới sinh thành muôn vật. Hoàng hậu sánh đôi với vua, nên có thể làm gương mẫu cho trăm họ. Chọn lấy ngày giờ tốt lành, ban cho sách vàng rục rỡ. Nay ban cho chính cung họ Lê tên Thánh Ngẫu làm hoàng hậu.
Ban cho áo vàng, khăn vàng, trâm ngọc.
Ban cho chỗ ở đặt tên là điện Hoàng Nguyên. Mong sẽ gìn giữ nề nếp tổ tông, gìn giữ đầu mối luân thường, làm nền tảng giáo hoá thiên hạ, để giữ nghiệp đế vương cùng nhau rạng rỡ vui vầy...”
Nghi lễ tiến hành ở điện Đại Minh, án thư sách phong mầu vàng đạt ở phía đông sân rồng. Cắm hai chiếc tàn vàng ở hai bên tả hữu án ấy. Sai đặt đồ đại nhạc ở hai bên sân rồng... trăm quan đều có mặt. Khi lễ sắc phong kết thúc, vua Thuận trôn và hoàng hậu Thánh Ngẫu đi kiệu đến cung để làm lễ tạ thái thượng hoàng, ông vua già rất hài lòng. Ông cầm tay hai người và nói:
- Chỉ nhìn thấy gương mặt hai con bên nhau, cha cũng đủ thấy vui lòng. Trai thì thông minh tuấn tú, gái thì yểu điệu đoan trang. Cha cầu mong cho đời các con là đời hiền minh hạnh phúc. Các con còn nhỏ tuổi trước hết phải học đã. Gái thì học để làm hoàng hậu. Trong kinh dịch, phần hạ kinh để quẻ Hàm quẻ Hằng nói về đạo vợ chồng lên đầu. Quẻ Hằng nói “Hằng kỳ đức trinh, phụ nhân cát” tức là cái đức lúc nào cũng bền bỉ là trinh, đức ấy ở người đàn bà thì tốt. Còn trai thì nên chuyên cần gắng sức học để làm vua, đất nước này là của con, ta sắp trao lại cho con rồi...
Ông vua già như xúc động, ngừng lại một lúc rồi tiếp:
- Từ nay Bình chương Lê Quý Ly vừa là thái sư, cũng là bố vợ, đồng thời là thày dạy học của con. Ta đã bàn với thái sư rồi. Sẽ chọn hai vị

học sĩ hàng ngày giảng bài. Nhưng cứ cách ba ngày, thái sư sẽ đích thân giảng cho con một buổi. Vậy là con phải học miệt mài. Phải gấp rút thế, vì ta tính khi con mười sáu tuổi, ta sẽ trao lại quyền hành cho con...

Sau đám cưới, vua Thuận Tôn phải suốt ngày tháng ở cung quan triều để học tập; còn hoàng hậu Thánh Ngẫu, ở điện Hoàng Nguyên, cũng suốt ngày miệt mài nghe các nữ quan giảng sách. Thi thoảng họ mới gặp nhau, dạo chơi với nhau trong vườn Ngự uyển. Thái sư Quý Ly bận việc triều chính, nhưng cũng không quên con gái và con rể. Ông làm hai cuốn sách. Đó là Thi Nghĩa và Vô Dật Nghĩa. Thi Nghĩa là sách giải nghĩa kinh Thi. Vô Dật Nghĩa là sách giải nghĩa thiên Vô Dật trong kinh Thư. Điểm đặc sắc: cả hai cuốn đều viết bằng quốc ngữ (chữ nôm). Ông tâu với Nghệ Hoàng: Bắc và Nam đều có nền văn hiến riêng. Từ xưa ta vẫn đọc và hiểu theo chữ nghĩa của người phương bắc, nay thần muốn cho người Nam ta đọc và hiểu theo chữ nghĩa của người phương Nam ta. Nghệ Hoàng bảo:

- Xưa kia, Hàn Thuyên sáng tạo ra loại chữ nam (nôm). Đức Trần Nhân Tôn dùng chữ nam làm thơ phú. Rồi tới Nguyễn Sĩ Cố, sư Huyền Quang là những người giỏi thơ phú bằng chữ Nam. Nay khanh lại dùng chữ Nam để giải nghĩa kinh Thi, kinh Thư, không nệ cổ, giải nghĩa theo ý người Nam ta, Trẫm nghĩ đó là việc nên làm.

Hồ Quý Ly

Chương 2

Quan niệm Vô dật của thái sư Quý Ly nghiêm khắc như vậy, thành thử nề nếp sống, học tập của vua Thuận Tôn và bà hoàng Thánh Ngẫu, trong những ngày mới cưới, rất ngặt nghèo. Nề nếp ấy chỉ được nới lỏng, khi cuối năm ấy, Chế Bồng Nga tiến vào sông Hoàng Giang, và đạo quân nổi loạn của nhà sư Phạm Sư Ôn chiếm Thăng Long ba ngày. Toàn thể hoàng gia và triều đình phải chạy sang châu Bắc Giang, sau đó theo sông Nguyệt Đức đến khu hành tại Bình Than.

Hai tháng chạy loạn năm ấy là hai tháng vua Thuận Tôn được tự do, không phải học. Thái Thượng hoàng Nghệ tôn và Thái sư Quý Ly suốt ngày phải lo việc quân cơ, bàn mưu đánh dẹp hai núi thù địch của Phạm Sư Ôn và Chế Bồng Nga. Đất nước loạn lạc nhưng Thuận Tôn còn nhỏ nên được nằm đọc sách. Nghệ Hoàng là người hay chữ. Tại Bắc Giang ông cho xây cung Bảo Hoà ở mũi Phật Tích làm hành tại, ở đó có một thư viện lớn. Trước khi đến Bình Than, hoàng gia có đi qua cung Bảo Hoà. Thuận Tôn liền chọn một số sách đem theo. Tại thư viện ở kinh sư, tuy có rất nhiều sách, nhưng hầu như

toàn bộ là kinh sử, rồi những hình thư, địa chí, điển lễ, tóm lại, đó là những sách phục vụ việc trị nước. Còn ở cung Bảo Hoà, nơi Nghệ Hoàng nghỉ ngơi sách ở đây đa dạng, chủ yếu nhằm cho thoải mái, di dưỡng tinh thần, giúp bậc quân vương có thể suy ngẫm nhân tình thế thái, hoặc tra cứu khi viết sách, làm thơ. Chính tại đây Nghệ Hoàng đã viết "Bảo Hoà dư tập" và chữa tập thơ "Nghệ Tôn thi tập" ở đây có đủ sách trăm nhà. Lần đầu tiên Thuận Tôn được tiếp xúc với phái đạo gia thời Nguỵ Tấn. Ở thư viện này có cả Bão Phác Tử của Cát Hồng, sách chú giải Trang Tử của Quách Tượng, cả sách Đạt Trang Luận của Nguyễn Tịch v.v... Ông vua thiếu niên cắm đầu vào đọc sách thuộc học phái Lão Trang. Một thế giới kỳ lạ nhưng còn như những đám mây mù dần dần xuất hiện nhưng chưa rõ hình rõ nét. Nó bảng lảng trong những truyện thần tiên. Nó huyền hoặc trong những chuyện luyện đan, trường sinh cửu thị. Nó thâm sâu vực thẳm trong những chuyện sinh sinh hoá hoá; cái chết hoà vào cái sống. Sinh, ấy là vì không sinh không đặng. Hoá, ấy là vì không hoá không đặng. Cho nên thường sinh thường hoá. Không lúc nào không sinh không hoá. Âm dương vậy! Bốn mùa vậy?...

Lần đầu tiên, ông vua con gặp bảy người hiền rừng trúc . Thuận Tôn thích câu nói của Kê Khang, luận về người quân tử:

"Hành vi của người quân tử là hiền không xét ở chỗ đắn đo rồi mới làm...

Ngạo nhiên quên đức hiền đi, mà đức hiền với độ lượng lại có...

Hốt nhiên cứ theo tâm mà làm, nên tâm với thiện gặp nhau..."

Nhưng trong bảy người hiền thời Nguỵ Tấn ấy Thuận Tôn thích nhất Nguyễn Tịch, con người dung mạo khác thường, chí khí rộng mở tự nhiên. Thường đóng cửa đọc sách hàng tháng chẳng ra ngoài. Có

khi trèo núi, lội sông mấy ngày liền không về. Thích rượu, giỏi đàn. Khi đắc ý chợt quên hình hài mà siêu thần, nhập hoá. Người đời vẫn bảo Nguyễn Tịch là người điên. Điên ư? Tịch chẳng bao giờ mở miệng bàn lỗi của người khác. Cớ sao thiên hạ cứ xì xào về Tịch. Ai điên? Thuận Tôn phát hiện ra, ngoài quan niệm Vô dật khắc kỷ mà Quý Ly dẫn dắt ông vào, còn có quan niệm tiêu dao phóng dật hầu như đi ngược lại dòng. Ông vua trẻ tuổi bàng hoàng vì đã mơ hồ hé thấy sự phù du của kiếp sống. Đúng chăng? Sai chăng? Cái cảm giác phấp phỏng buồn bã của cuộc sống trên ngôi cao, mà nhiều khi ông đã cảm thấy, hoá ra tiền nhân đã từng suy ngẫm. Ở Bình Than, ông vua con đã đóng cửa nằm mê man đọc sách cũng như Nguyễn Tịch ngày xưa. Mới mười bốn tuổi, ông đã lạc bước vào những câu hỏi về lẽ còn mất, sống chết.

Triều thần nhiều người đọc hai cuốn sách của Quý Ly phản ứng dữ dội, nhưng chẳng ai trực tiếp phản đối, vì sợ uy thái sư, chỉ có Đoàn Xuân Lôi đỗ thái học sinh khoa Giáp Tí (1384) làm trung thư thị lang đã dâng thư can khéo:

Từ sau khi thày Mạnh Tử mất, người làm thầy đều chuyên về môn của mình, thành thử việc giải nghĩa kinh sách đâm chia tách. Các bậc đại nho tuy có chỗ đáng khen nhưng vẫn chưa đại thuần; việc giải kinh chưa khỏi những tì vết. Phải đến Chu Tử ở cuối đời Tống, nối tiếp các tiên nho Hán Đường, đã chú giải sáu kinh, hiểu ý được thánh nhân, rõ được đạo thánh hiền, nghiền ngẫm xa rộng, nên lời lẽ chú giải đáng gọi là tập đạo thành, làm khuôn mẫu cho hậu học. Người sau chỉ mở cho rộng thêm, tô chuốt cho bóng thêm. Chỉ có thế thôi, chứ sao dám thay đổi, chê cãi, thêm bớt tuỳ tiện...".

Thượng hoàng đưa cho Quý Ly xem bức thư. Quý Ly mang về nhà,

đề sang bên lề: “Các nhà khoa bảng của ta thảm hại thế sao! Họ học rộng nhưng chỉ biết tích cóp nhặt nhạnh câu ý của người đời xưa. Buồn thay! buồn thay!”.

Mặc sự phản đối, thái sư vẫn đưa cuốn Thi nghĩa cho các nữ quan dậy hoàng hậu Thánh Ngẫu, rồi sau đó sẽ dậy cho toàn thể cung phi. Còn đích thân ông dậy cuốn Vô Dật Nghĩa cho vua Thuận Tôn. Cả đời, từ lúc còn trẻ cho đến nay đã về già, thái sư vẫn lấy bốn chữ “vô dật, nãi dật” làm châm ngôn cho mình. Trong gia đình, ông dậy Nguyên Trừng rồi sau đó đến Thánh Ngẫu và Hán Thương bốn chữ ấy: “Hãy tránh hưởng lạc, rồi tự khắc nguồn vui sẽ đến”. Ông nói với các con:

- Phải hiểu nghĩa hai chữ dật hoàn toàn khác nhau. Chữ dật thứ nhất là đam mê thú vui, chữ dật thứ hai là hưởng niềm vui sướng chính đáng.

Còn nhớ, có một lần Nguyên Trừng mất một ngày ngồi nghe người vũ nữ Chiêm Thành đánh đàn. Bận ấy ông nổi giận đùng đùng, phạt con một tháng trời không được ra khỏi buồng học. Ông bảo: Con phải ghi nhớ suốt đời hai chữ vô dật. Ngoài nghĩa không được ham thú vui, nó còn nghĩa phải chăm chỉ làm việc. Hai tay luôn phải làm việc. Nếu tay không làm việc, thì đầu óc phải làm việc. Đừng để con người mình nhàn rỗi. Phải kiếm việc mà làm. Hết việc rồi, thì đọc sách, vắt óc suy nghĩ. Cứ như thế, ngày này qua tháng khác, nguồn vui sẽ tới. Cái tinh tuý của thiên Vô dật trong Kinh Thư nằm ở chỗ ấy. Ngày nay, ông lại đem thiên sách tâm đắc của mình dạy cho con rể, ông vua trẻ:

- Bệ hạ nên biết, phàm những ai ở ngôi chí tôn, lúc nào cũng cần nhớ đinh ninh bốn chữ “Vô dật, nãi dật”, bởi vì càng ở ngôi cao

người ta càng có nhiều điều kiện hưởng lạc. Kiệt, Trụ vì ham lạc thú nên thân bại danh liệt bêu tiếng xấu ngàn thu. Các vua Trung Tông, Cao Tông, Tổ Giáp vì hiểu và thi hành bốn chữ ấy nên được hưởng ngôi báu dài lâu. Không nói chuyện phương Bắc, ngay ở nước Nam ta, vua Lý Thái Tôn, trước lúc lên ngôi, đã phụng mệnh vua cha, ra ngoài hoàng thành sống với dân một thời gian dài, nên hiểu rõ nỗi thống khổ của dân, nên khi lên ngôi vua, phía nam đánh vào Chiêm Thành, chém đầu vua Chiêm Xạ Đẩu mở mang bờ cõi; phía bắc dẹp yên bọn giặc Nùng Trí Cao. Vua nổi tiếng anh minh, nhân từ, đất nước văn hiến rực rỡ. Ngay ở triều đại nhà Trần ta, đức Trần Nhân Tôn, hai lần đánh thắng giặc Nguyên hung bạo. Vua nhân từ, thân dân, nên cả nước một lòng tin theo. Về già, vua tu hạnh đầu đà, sống đạm bạc, đi chân đất trải khắp miền đất nước. Đó là vị vua đại anh minh, chưa từng thấy. Dưới thời ông, đất nước thịnh trị... không một tiếng oán hờn. Được như vậy, tất cả đều dựa vào chữ Vô dật.

Một bữa, Thuận Tôn đang nằm đọc sách bỗng có tiếng gõ cửa và tiếng nói rụt rè: “Tâu thánh thượng...” Ông vua con ra mở cửa và chợt ngỡ ngàng nhìn thấy hoàng hậu Thánh Ngẫu kính cẩn cúi chào. Thuận Tôn hoàn toàn sửng sốt vì trước mặt là một thiếu nữ kiều diễm, hồng hào. Cả hai người đều lặng im nhìn nhau. Đầu năm, khi họ mới cưới, hai người còn ẻo lả, gầy guộc, xanh mướt, họ vẫn chỉ là những đứa trẻ. Rồi sau đó một năm trời, dưới sự rèn cặp của thái sư, họ chúi đầu vào học để trở thành bậc quân vương, và bậc mẫu nghi thiên hạ. Thái sư không muốn họ sớm bị chìm đắm vào vòng sắc dục, ông muốn đến năm họ tròn 16 tuổi mới cho làm lễ hợp cẩn. Đôi khi, hai vợ chồng vua ấy cũng gặp nhau ở những buổi lễ, tiệc; nhưng ở đó họ phải đóng gông trong những bộ quần áo sặc sỡ, nặng

chình chịch; và họ chỉ được nói, được hành động, theo những nghi thức cung đình cực kỳ chặt chẽ. Có nhìn vào mặt nhau cũng chỉ được nhìn một cách nghiêm nghị và thoáng qua, vì đó là cái nhìn trước văn võ bá quan.

Lúc này, Thánh Ngẫu mặc một bộ đồ lụa nhẹ màu hồng, chứ không phải bộ đồ gấm thêu vàng rực rỡ. Bộ đồ nghi lễ ấy cũng giống bộ đồ quân vương của ông, khi đeo lên người, tự nhiên có cảm giác nặng nề và cứng quèo ngay. Nay, được cởi bỏ bộ đồ nghi lễ ra, Thánh Ngẫu như phổng phao, mơn mởn hẳn lên. Thuận Tôn ngạc nhiên vì sự đổi lốt nhiệm mầu ấy, ông vua con không thể ngờ rằng Thánh Ngẫu lại có thể có một thân hình mềm mại và no đầy như vậy. Ở trong chiếc áo gấm hoàng hậu, Thánh Ngẫu trông như một chiếc hộp dẹt và cứng, còn bây giờ Thánh Ngẫu là những đường cong, những sắc mầu linh động. Thấy Thuận Tôn nhìn mình chằm chằm không chớp mắt, hoàng hậu đỏ mặt lên và nói:

- Sao bệ hạ nhìn thiếp thế! Chẳng nhìn thấy thiếp bao giờ sao?

- “Bệ hạ” ư? - Thuận Tôn mỉm cười. Rồi ông vua trẻ hiền lành nói - Thủa nhỏ gặp nhau, chúng mình chẳng xưng hô anh em là gì.

- Bây giờ khác

- Chẳng khác... Xin hoàng hậu cứ gọi ta là anh như như xưa.

- Bệ hạ có muốn đi với muội vào rừng không... Mấy hôm nay huynh đọc sách nhiều quá. Có đêm muội thấy nến sáng thâu đêm.

- Muội lo ư?

- Chung quanh đây có những rừng tùng cổ thụ. Cảnh vật thật đẹp - Có cả một thung hoa... Một con suối rất trong... Trời hôm nay lại nắng ấm. Muội đã sai bọn cung nữ chuẩn bị bánh trái hoa quả. Chúng mình vào rừng... Sẽ nghe nhiều tiếng chim hót mê hồn... ăn

cơm trên một tảng đá bằng phảng, rộng, nhãn bóng... Nghe nói xưa có tiên ngồi ở đó đánh cờ...

Ngày hôm ấy, ông vua trẻ đi với bà hoàng Thánh Ngẫu vào rừng, không biết có phải vì đang đọc sách tiên lại nghe nói có bàn cờ tiên trong rừng; hay vì chàng trai trẻ chợt nhận ra sự duyên dáng trong cái líu lo của bà hoàng đột nhiên trở nên xinh đẹp; hay vì đọc cuốn Đạt Trang của chàng đãng tử Nguyễn Tịch nên đột nhiên những giấc mơ về rừng về suối, về cỏ cây hoa lá bỗng bừng thức giấc trong lòng ông vua trẻ. Thánh Ngẫu, trong những ngày Thuận Tôn mê man đọc sách đã đi thăm khắp vùng quanh Bình Than, nên hôm nay làm người dẫn đường. Những ngọn đồi như bát úp nằm sau lưng khu hành tại có thể nói là khu vườn thượng uyển tự nhiên. Gần nhất là khu rừng tùng cổ thụ, những cây tùng đủ dáng vẻ cổ kính, tạo thành không gian thơm mát. Hết rừng tùng đến khu đồi bàng. Những cây bàng đã trút hết bộ lá nâu đỏ mùa đông, và đã thấy nhú tua tủa những chiếc lá xanh cốm, vẫy gọi những con chim phường chèo lông xanh lông đỏ từng đàn từ núi xa bay tới.

Đi hết rừng bàng đến hòn đá xanh hay còn gọi bàn cờ tiên. Thánh Ngẫu trải tấm lụa trắng lên đá, lấy ra những chiếc bánh cốm thơm phức bầy lên đĩa. Bà hoàng líu lo:

- Bánh này mẹ làm, muội chỉ phụ giúp. Mẹ muốn tự tay làm đãi ông con rể.

- Thế ra tự tay cô mẫu làm... Cô mẫu đã dự định cho chúng mình đi chơi hôm nay sao?

- Mẹ thấy huynh đọc sách nhiều quá. Bà rất thương bảo: “Con phải chú tâm chăm sóc chồng con chứ”. Mẹ còn bảo...

- Bảo sao?

- Bảo rằng vợ chồng vua mà không biết cách sống thì chẳng vui sướng bằng vợ chồng người thường.

Lần đầu tiên, Thuận Tôn được ăn bữa bánh ngon đến như vậy. Trong khi hai cô cung nữ còn bận dọn dẹp, đem bát đũa xuống suối rửa, Thuận Tôn nắm tay Thánh Ngẫu theo dọc con suối dẫn tới thung hoa. Hoa rừng trong thung lũng mọc ê hề. Trên nền đất ẩm, những khóm hoa loa kèn mầu đỏ tía, chen lẫn màu hoàng yến, màu hồng nhạt hoặc màu trắng mỡ màng. Những bông hoa năm cánh nở loe, phơi ra chùm nhuỵ tím vàng mảnh mai rung rinh trên cuống hoa xanh mướt tròn và thẳng như cây sáo nhỏ. Một đàn chim xanh nằm lẫn trong một thảm cúc vàng, bị đánh động, bay túa lên trời, để cho hai người ngẩn ngơ nhìn theo tiếng chim ríu rít mất hút ở khu rừng trước mặt. Đó là khu rừng sung nằm trên một quả đối, nơi đây rót rách tiếng suối. Suối chảy ở khe đồi, hai bên bờ lả xuống những cây sung già cổ thụ chi chít quả từ ngọn đến gốc. Sung chín xen lẫn sung chưa chín. Màu đỏ bầm, đỏ tươi xen lẫn mầu tím, màu xanh. Hàng trăm con chào mào về ăn sung, thấy người, vội bay vút lên những cành tre cong, tiếng hót gọi nhau xáo xác. Hàng ngàn vạn con bướm từ thảm hoa bay đến như một đám mây sặc sỡ, chập chờn đón hai người.

Mải theo hoa, theo chim, theo bướm, mải theo suối rót rách, họ rẽ cây tạo lối mòn đi vào rừng trúc. Họ bỗng sửng sốt khi thấy một ngôi đền nhỏ hiện ra trước mặt. Ngẩng nhìn lên, thấy đề ba chữ “Thanh Hư Quán”.

Một con vượn nhỏ đứng trên cành đa cổ thụ kêu vang như chào đón họ. Thuận Tôn giơ tay vẫy. Con vật nhỏ lông mầu trắng nhẩy từ cành cao xuống hòn đá phẳng có lẽ dùng làm bàn, đôi mắt chăm chăm

nhìn hai người. Thuận Tôn cười, giơ tay ra, đến gần. Con vật không chạy. Điều lạ lùng: dù mới gặp, con vật đã để cho ông vua con ôm lấy. và vuốt ve nó. Thuận Tôn hỏi: Chủ ngươi là ai? Chắc một vị chân nhân đắc đạo, lấy suối trong, rừng rậm làm nơi ẩn cư, và lấy muông thú làm bầu bạn? Điều lạ lùng nữa: con vật hình như nghe hiểu tiếng người. Con vật đứng lên, nắm tay Thuận tôn dẫn vào cửa ngôi quán . Cũng lúc ấy, một ông già mặc áo rộng mầu xanh, tóc bạc, lưng đeo cái giỏ đựng lá, tay chống gậy, từ trong rừng bước về. Con vượn trắng nhỏ ríu rít mừng rỡ chạy ra đón ông cụ. Ông già đưa cho con vật một chùm quả rừng, vuốt ve hỏi nó:

- Bạch viên, ngươi đón khách giúp ta rồi chứ?

Thuận Tôn và Thánh Ngẫu bước tới. Ông già vòng tay kính cẩn nói:

- Lão đi hái thuốc trong rừng, sáng nay thấy nóng lòng. bấm đốt ngón tay, biết có quý khách đến, vội vàng quay về nghênh đón. Về muộn một chút, xin bậc tôn quý tha lỗi. Nói xong, ông già quỳ xuống. Thuận Tôn vội đỡ cụ dậy, rồi hỏi:

- Lão trượng biết thân phận của ta sao?

- Tâu đức vua, người và hoàng hậu là bậc tôn quý nhất trong thiên hạ. Vẻ tôn quý ấy hiện ra trên nét mặt, ai cũng phải nhận ra ngay. Huống chi bần đạo còn có chút tiền duyên...

- Tiền duyên?...

- Mấy hôm trước, bần đạo đang ngồi nhập định chợt nghe văng vẳng một tiếng nói: “Đạo sĩ... Hãy chuẩn bị để đón bậc tôn quý nhất trong thiên hạ đến thăm Thanh Hư Quán”.

Ông già mời họ vào ngôi quán nhỏ, sạch sẽ không một vết bụi, ngào ngạt hương trầm. Họ ngồi trên chiếc sập đá Chiếu bồ đoàn làm bằng trúc vàng. Họ uống một loại chè núi, nước thơm và sánh vàng như

hổ phách - Vua Thuận Tôn rất khoan khoái:
- Này đạo sĩ Thanh Hư, lạ lắm, ta thấy nơi ở của đạo sĩ rất quen. Hình như ta đã thấy ở đâu rồi.
Đạo sĩ cười bí ẩn:
- Thưa bệ hạ. Chắc là bệ hạ có duyên...
- Khanh bảo có duyên, nghĩa là sao?
Ông đạo sĩ chưa kịp trả lời. đã nghe thấy tiếng lao xao ngoài cửa. Hai cô cung nữ, lúc trưa xuống suối rửa bát, khi đi lên không thấy vua và hoàng hậu đâu, vội vã về cung gọi quan thái giám vào rừng đi tìm. Viên thái giám giục:
- Bẩm, hạ thần đã mang kiệu đến rước vua và hoàng hậu hồi cung.
Thuận Tôn thấy luyến tiếc chưa muốn rời chân. Ông đạo sĩ già vội quỳ xuống:
- Xin bệ hạ hồi cung kẻo hạ thần mang tội. Trời đã sắp về chiều. Bệ hạ có nhiều duyên với núi rừng. Thần xin dâng con Bạch viên. Con vật nhỏ này cũng rất có duyên với bệ hạ. Sắp có tin vui lớn. Bệ hạ về chốn đô hội, cứ nhìn thấy con vượn nhỏ hiền lành này là có thể nhớ đến rừng, đến suối, đến am thanh, cảnh vắng... Lời nói của ông đạo sĩ già có nghĩa gì? Sắp có tin vui lớn? Lúc đạo sĩ nói, Thuận Tôn ngơ ngác chẳng hiểu. Ngay đêm ấy, Phạm Lặc và Dương Ngang từ Hoàng Giang đã phi ngựa về đến Bình Than, mang theo cái hòm đựng chiếc đầu lâu của Chế Bồng Nga. Chiến Tranh Chiêm Việt từ hôm đó kết thúc. Hoá ra tin vui lớn là như vậy. Kỷ niệm về cuộc du ngoạn với hoàng hậu Thánh Ngẫu là một kỷ niệm mà Thuận Tôn đem theo suốt cuộc đời.

Hồ Quý Ly

Chương 3

Sau khi Chế Bồng Nga chết, sau khi chấm dứt những ngày lưu vong, ông vua trẻ thơ ngây tưởng rằng sóng gió đã chấm dứt, nào ngờ một cơn bão tố mới lại nổi lên.

Thái sư Quý Ly phát hiện được những bức thư của quan tư đồ Trần Nguyên Đĩnh và quan Thái bảo Trần Tôn gửi cho vua Chiêm Thành Chế Bồng Nga, hẹn làm nội ứng để dẹp bỏ một triều đình hôn ám, quyền lực nằm trong tay lũ gian thần. Nguyên Đĩnh và Trần Tôn tự tử, thành ra mất hết dấu tích của những tên hàng giặc khác còn nằm trong triều đình. Nghệ Hoàng rất đau đến và tức giận vì một câu Nguyên Đĩnh viết trong thư: “Thái uý Ngạc và nhiều đại thần khác không dám nói ra, nhưng trong bụng đều ngầm đồng lòng với chúng tôi”. Nghệ Hoàng hôm ấy quẳng bức thư vào mạt Trang Định Vương Ngạc và nói:

- Thằng nghịch tử? Mày cũng theo giặc để định giết chết cha đẻ của mày sao?

Trang Định Vương quỳ xuống khóc và thề:

- Con mà có lòng phản nghịch, sẽ bị trời chu đất diệt. Thực ra, con bị hàm oan.

Ông vua con Thuận Tôn can:

- Cha còn lạ gì cung cách của bọn Trần Tôn, Nguyên Đĩnh. Chúng có ít cũng tố lên nhiều, thậm chí nêu cả tên những người quan trọng, cốt để tỏ ra vây cánh của mình rất mạnh. Con nghĩ ta không nên mắc kế ly gián của giặc. Vả lại thái uý là anh ruột của con, Ngạc là người như thế nào con biết. Con xin đảm bảo sự trong sạch của anh con.

Nhờ Thuận Tôn, Trang Định Vương không bị tội.

Nhưng Ngạc từ đó đâm ra sợ hãi. Vả lại trong bá quan vẫn có lời xì xào: “Không có lửa, sao có khói”. Lúc vào chầu, nhiều người nhìn ông bằng con mắt khác. Ngạc cáo ốm, nghỉ ở nhà. Lại có lời đồn đại đến tai Ngạc: “ông ta ở nhà, song vẫn ngấm ngầm...”. Thuận Tôn thương anh, sai người gọi Ngạc vào cung:

- Anh đừng lo nghĩ quá. Lúc giận cha mang thế thôi. Thực ra, cha thương anh lắm. Hôm qua cha hỏi em: “Nghe nói thằng Ngạc ốm phải không? Bảo thái y đến thăm bệnh cho nó chưa?” Thế là cha hết giận rồi.

Ngạc trầm ngâm:

- Cha hết giận, nhưng thái sư thì sao?

Thuận Tôn im lặng không biết nói gì nữa. Ngạc rầu rầu tiếp:

- Người thân tín của anh bảo thái sư Quý Ly nói với Nguyễn Cẩn rằng: “Cái thằng họ Mai đáng tội chết, may mà thoát nạn kỳ này...

Từ đấy, Quý Ly cho người bao vây và dò la quan thái uý..

Một đêm, vua Thuận Tôn đang mơ màng, bỗng có thái giám đến báo đức thượng hoàng mời nhà vua đến cung thượng hoàng ngay, có việc cơ mật. Khi Thuận Tôn tới nơi đã thấy thái sư Quý Ly ngồi đó,

còn Nghệ Hoàng vẻ mặt đầy tức giận. Thái sư Quý Ly nói:
- Tâu bệ hạ, Trang Định Vương Ngạc đã bỏ trốn.
- Ta thực không ngờ thằng nghịch tử ấy lại có lòng phản phúc thật. Trước kia, ta tưởng nó chỉ có lòng ghen Lệ nhà Trần, tôn thất đầu hàng giặc phải đổi họ Trần sang họ Mai. ghét... - Thượng hoàng vừa nói vừa đau đớn lắc đầu - Sao lại thế. Đã là con ta, đã mang dòng máu quân vương, thì phải hiểu rõ điều này... dù là ghen tức, dù là bất mãn, dù là bất đồng, dù là... gì cháng nữa thì cũng không có quyền... theo giặc...
- Con xin cha bớt giận... Trước kia, con đã tâu trình với cha việc bức thư của Nguyên Đĩnh viết cho Chế Bồng Nga có nhác đến tên anh con. Lá thư đó cũng không đủ căn cứ xác thực... rằng anh con phản bội.
- Không phải chuyện đó... chuyện ấy đã qua rồi...
Thượng Hoàng khoát tay, ra hiệu cho Quý Ly tâu trình tiếp. Quý Ly nói:
- Tâu Thượng hoàng và bệ hạ. Tin mật báo nói rằng: chập tối, Trang Định Vương và lũ gia thần đã lên thuyền rời khỏi Thăng Long.
- Rời Thăng Long ư?... Đi hướng nào?
- Đi lên hướng Bắc. Ngạc đã đi theo sông Thiên Đức, tìm đến sông Lục Đầu.
- Có thể anh của ta đến Bình Than chăng? ít lâu nay, người hay phiền muộn, có thể người muốn đi du ngoạn cho khuây khoả.
- Thần cũng đã nghĩ đến chuyện đó. Nhưng có hai điều không giải thích được. Thứ nhất, tại sao lại phải đi vào ban đêm. khi không có công vụ, mà chẳng ai hay biết gì? Thứ hai, điều này quan trọng hơn, tin mật báo cho biết, trên thuyền có người của bọn Nguyễn Tông Đạo

và Nguyễn Toán.
- Đạo và Toán là ai?
- Tông Đạo và Nguyễn Toán là lũ hoạn quan người Việt, trước đây ta đem cống vua Minh. Bọn chúng được nhà Minh tin dùng. Tên người nhà của Đạo vừa rồi về thăm quê, thần đã cho người theo dõi. Tên đó về quê, rồi bí mật lẻn vào tư dinh của Trang Định Vương, sau đó mất tích, tối nay lại đột nhiên xuất hiện trên thuyền cùng với đại vương Ngạc.
Vua Thuận Tôn im lặng, chẳng còn biết nói ra sao.
Thượng hoàng nói với Quý Ly:
- Khanh cứ tâu trình cho cặn kẽ mọi đường:
- Theo ý ngu thần, hướng đi như vậy chắc chắn Trang Định Vương sẽ ra châu Vạn Ninh, ở đó có hàng ngàn hòn đảo mà dân gian vẫn gọi là vùng Hạ Long. Điều hiện nay chúng ta phải hết sức quan tâm là phương Bắc. Sau khi Chế Bồng Nga bị ta đánh tan, nước Chiêm suy yếu. Bọn phản thần bây giờ không liên hệ với phương Nam nữa, chúng đã hướng về phương Bắc. Tôn Trần Khang là người tâm phúc của Nguyên Đĩnh, Trần Tôn, sau khi Đĩnh và Tôn bại lộ tự tử, đã trốn sang nước Lão qua, nay đã tìm đường đến với nhà Minh. Trần Khang cấu kết cùng Tông Đạo, Nguyễn Toán vẫn lén lút đưa người về nước. Hiện nay, đã manh nha một bè đảng dựa vào thế lực nhà Minh. Chúng vẫn giả làm lái buôn qua lại biên giới trên biển, và thường tụ tập trên một hòn đảo ở cửa Vân Đồn...
- Vậy ý khanh ra sao?
- Thưa, đây là một việc nghiêm trọng, vừa là việc quốc gia đại sự, lại vừa là việc trong gia đình tôn thất... Quả thật, thần không dám hồ đồ... Phải chính đích thân thượng hoàng quyết định.

Nghệ Tôn trù trừ một lát rồi hỏi:

- Có đúng nó ra châu Vạn Ninh không?

- Thần được tin hoàn toàn đính xác.

- Vậy, phải bắt nó về ngay. Không thể để cho tên nghịch tử ấy trốn sang với nhà Minh. Thằng Húc xưa kia đã làm việc điếm nhục đầu hàng giặc phương Nam, nay không thể để thằng Ngạc lại làm việc ấy với phương Bắc.

Quý Ly vòng tay nói:

- Vâng thần đã hiểu. Nhất thiết bằng giá nào cũng không thể để đại vương Ngạc sang với nhà Minh.

***

Trang Đức Vương Ngạc giả làm lái buôn, cùng mấy người tâm phúc đi thuyền nhẹ ba ngày ba đêm mới đến vùng biển đông bắc.

Người dẫn đường là người nhà của Nguyễn Tông Đạo đã từ Bắc Quốc trở về mang theo thư của một người Việt dấu tên, một bức thư nói về lòng cao thượng bao dung che chở của một đại quốc sẵn sàng giúp đỡ một nước nhỏ đang cơn nguy khốn, gặp kẻ quyền thần lộng hành làm ngả nghiêng xã tắc, làm bại hoại nhân nghĩa. Bức thư có đoạn đề ra cách ứng xử rất khôn khéo:

Đại vương hiện nay ở trong triều khác nào như cá nằm trên thớt. Sao chẳng như Thân Bao Tự, quan đại phu nước Sở, khi quân Ngô xâm chiếm, đã đứng khóc ròng bảy ngày đêm trước cung vua Tần, xin viện binh về cứu nước. Nếu chẳng được như Thân Bao Tư, sao chẳng tìm cách thoát ra khỏi vòng cương toả, tìm một chỗ chẳng Sở cũng chẳng Tần làm chôn dung thân. Tôi đã lưu lạc nhiều nơi, thấy đất Vạn Ninh cũng là đất khả dĩ, có thể tiến có thể thoái. Đó là nơi hải đảo dễ bề ẩn náu, dễ bề đi lại. Nếu cần, trong chớp nhoáng có thể

nằm ra ngoài vùng cương giới, và cũng trong chớp nhoáng có thể dùng đường thuỷ dong buồm thẳng tới kinh sư. Đó là nơi có thể nằm gai nếm mật, chở thời cơ thu lại giang san...

Con thuyền buồm chạy trên mặt biển vào lúc trăng hạ huyền. Nửa đêm, trăng lưỡi liềm mới mọc. Biển đang đen kịt bỗng dần dần lấp lánh sáng. Đêm mùa hạ, hàng ngàn vạn ngôi sao tắm mình đùa dỡn trên biển bao la. Đã đủ sáng để nhận ra mờ mờ những hòn đảo như những con vật khổng lồ nằm xoài ngủ mơ màng trên sóng. Trang Định Vương tỉnh cơn suy tư, hỏi người dẫn đường:.

- Biển bao la thế này, ngươi có lạc đường không đấy?

- Bẩm đại vương, xưa kia, trước khi vào hầu hạ quan Tông Đạo, con vốn làm nghề buôn bán ở vùng này. Cả châu Vạn Ninh con thuộc như lòng bàn tay.

- Ta nghe nói Tông Đạo và ông là chỗ thân quen, tâm phúc.

- Dạ con vốn buôn trầm hương và ngà voi. Mà ông Tông Đạo lại làm thái giám trong cung, lại là người quảng giao có nhiều chỗ thân quen, nhất là quan sát hải sứ ở Vân Đồn. Hai bên dựa vào nhau thôi ạ.

- Còn ngày nay?

- Bây giờ, ông Đạo sang đất Bắc, được vua Minh tin cậy

- Ta hiểu... Ta hiểu... Nhưng này, trời hửng rồi. Sắp sáng rồi. Sắp tới nơi rồi nhỉ.

- Vâng, lúc chạng vạng ta sẽ tới nơi. Đại vương có nhìn thấy hòn đảo trước mặt không? Chỗ có hình lồi ra như cái ngà voi đó. Cứ nhằm mỏm ấy mà dong buồm... Đó là nơi ta đến...

- Một ngôi chùa trên biển ư?

- Vâng, một ngôi chùa cổ. Một đại danh lam vùng biển...

- Tên là gì nhỉ?

- Dạ... chùa Lấm!
- Chùa Lấm? Hình như ta có nghe quen cái tên đó...
Có phải, trước đây, cụ Trần Khánh Dư đánh thuyền lương quân Nguyên ở vùng này?
- Vâng, quãng này là quãng quân Nguyên chở thuyền đi qua. Nhưng đánh tan thuyền lương thì ở vùng cửa Lục gần mạn đất liền phía trong...
Mải nói chuyện, nên trời sáng lúc nào không rõ. Mặt trời đỏ chậm chạp từ dưới nước nhô lên, toả ánh sáng chan hoà trên mặt biển lặng. Từ mũi thuyền, ngẩng đầu đã thấy ngôi chùa hùng vĩ hiện ra bên đảo. Ngôi chùa nằm trong một lòng chảo, ba bề núi cao che chở. Chùa Lấm như nằm trong một cái ngai thiên nhiên màu xanh. Toàn bộ ngôi chùa trải dốc theo sườn núi, thành thử ta nhìn rõ thấy từng lớp chùa xếp thành hình chữ tam với những mái cong duyên dáng. Hai ngọn tháp, sau cơn mưa, gạch đỏ au như hai chiếc bút đỏ vẽ lên nền trời xanh. Toàn bộ ngôi chùa như một nét son hiện trên biển cả. Vũng biển trước mặt chùa Lấm cũng đẹp vô cùng. Một bãi cát trải dài ra biển tới vài trăm thước. màu trắng phau óng ánh trong bình minh. Ngoài bãi cát, có khoảng chục hòn núi đá nhỏ màu xám xanh, hòn cao. hòn thấp, nhấp nhô nổi trên biển như một đàn cá nhô đầu trên sóng để chờ nghe một tiếng chuông chùa. Ba sư bác, mắt sáng quắc, đã đứng sẵn trên bãi biển chờ đón mọi người. Họ đã nhận ra vẻ tôn quý của Trang Định Vương Ngạc, vội vã đến trước mặt kính cẩn cúi chào:
- Bẩm đại vương, anh em chúng tôi đều là những nghĩa sĩ, hiện trụ trì tại đây, xin đặt mình dưới quyền đại vương, tuỳ người sai bảo.
Ba vị sư này đều là nghĩa quân trong cuộc nổi loạn đánh vào Thăng

Long của Phạm Sư Ôn. Nghĩa quân tan rã. Họ trốn ra vùng đảo, đến chùa Lấm là nơi mà trước kia hai người trong số họ đã trụ trì. Ngạc vội vàng nâng ba người dậy, và hỏi:

- Tình hình vùng này ra sao?

- Bẩm đại vương, trong chùa còn mấy chú tiểu, họ cũng đều là người tâm phúc. Sau chùa, có một đường hẻm thông ra một vũng biển nhỏ kín đáo, ở đấy lúc nào cũng có sẵn một chiếc thuyền dấu trong hang. Tình hình quan quân chẳng có gì đáng ngại. Những người lính tuần biển thường qua lại cũng là chỗ thân quen. Đại vương sẽ ở trong một ngôi nhà nhỏ sau chùa... Ngôi nhà kín đáo người ngoài chùa không được vào khu đó...

Trang Định Vương yên tâm mỉm cười cùng dắt tay mọi người tiến vào chùa hộ. Vương càng vui lòng hơn khi biết rằng suốt dọc hải đảo sang đến biên hải Bắc Quốc còn có ba, bốn cơ sở khác để liên lạc, cũng vững chãi và đáng tin cậy như ở chùa Lấm này.

Trang Định Vương khoan khoái về nghỉ ở ngôi am cỏ cạnh con đường hẻm tháo lui. Nhưng nỗi khoan khoái của ông chẳng được bền. Ông nằm chợp mắt đến giờ ngọ thì có tiếng chân dồn dập chạy tới. Một sư bác mắt sáng đánh thức vương dậy:

- Xin đức ông mau theo con. Quan quân đã đến chùa ngoài, họ đang sục tìm.

Vương theo nhà sư chạy theo đường hẻm sau núi, lẻn đến hang dấu thuyền. Vương sắp sửa xuống thuyền bỗng nghe tiếng nói:

- Tôi chờ đợi các vị ở đây từ lâu lắm rồi.

Từ sau một tảng đá xuất hiện một tốp lính tay kiếm tay dao. Trang Định Vương quắc mắt nhìn lũ lính:

- Các ngươi muốn chết? Không biết ta là ai sao?

Lúc này một nho sinh mới từ một kẽ hang bước ra:

- Các ngươi chớ vô lễ - Rồi quay sang vương, nho sĩ kính cẩn thi lễ - Xin đại vương bớt giận. Hạ quan được lệnh vua ra đón đại vương cấp tốc về triều.

- Thế lệnh chỉ của cha ta đâu?

Nho sĩ giả cúi xuống tìm trong bọc. Trang Định Vương chàm chằm nhìn theo nho sĩ. Thừa lúc Ngạc bất ý không phòng bị phía sau, bọn lính xông ngay tới ôm chặt lấy Ngạc. Người sư trẻ chưa kịp rút gươm đã bị mấy tên lính khác đâm chết ngay. Mấy người hầu tâm phúc của Ngạc cũng bị một toán lính khác từ khe đá xông ra bắt sống. Bọn lính trói Ngạc đem vào nhà tổ. Ngạc hỏi nho sĩ.

- Anh là ai? Ta trông hơi quen.

- Tôi là Nguyễn Cẩn, làm chức quan nội tẩm học sinh.

- Ta nhớ ra rồi. Có phải anh làm trong phủ thái sư - ông thở dài - Thế thì ta hiểu rồi... Hiểu rồi... Ta đã thua chủ của anh.

Nguyễn Cẩn lặng lẽ, chẳng chút lên mặt, ông nói:

- Thua được là lẽ thường. Đại vương đã rõ, cũng dễ dàng đôi phần cho việc của hạ quan.

- Ta hỏi một câu. Cha ta ra lệnh, hay thái sư ra lệnh cho ngươi?

- Đích thân thượng hoàng ra lệnh.

Ngạc mỉm cười:

- Chắc cha ta chỉ ra lệnh dẫn ta về triều thôi chứ gì. Ha ha... Cha ta cũng bị mắc lừa nốt. Nhưng ta chỉ thắc mắc một điều: Sao các ngươi lại đuổi kịp ta nhanh đến thế?

- Chả có gì khó hiểu. Tôi và tướng quản lĩnh quân Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liệt được lệnh đem quân đi bắt đại vương. Chúng tôi tức tốc phi ngựa chạy suốt ngày đêm ra trấn Vân Đồn. Vần Đồn là nơi biên

ải trên biển. Nơi đây trọng yếu nên bộ phận Liêm phóng rất đông. Họ đã chú ý đến ngôi chùa Lấm này từ rất lâu. Họ biết các nhà sư ở đây là quân của Phạm Sư Ôn trốn chạy. Sở dĩ chưa bắt họ ngay vì còn phải tìm hiểu những ai ở bên Bắc quốc về đây rồi chui vào đất liền liên lạc với ai...

Nói đến đoạn này, mặc dù Nguyễn Cẩn vốn là người điềm tĩnh cũng không che dấu được sự đắc ý hiện ra trong ánh mắt. Ngạc thở dài:

- Các ông nhầm rồi, hay chính các ông muốn vu cho ta đã liên lạc với nhà Minh. Ta ra đây cốt chỉ lánh nạn... Và muốn chiêu tập những nghĩa sĩ để chống lại chủ của các ngươi thôi.

- Chính đại vương mới lầm. Sự lầm lạc đáng thương! Bởi vì chính ở nơi đây tổ tiên của nhà Trần đã kiên quyết chống giặc, lập chiến công hiển hách. Nhưng nay nhà Trần đã lụi tàn. Các ông chẳng hiểu thiên thời. Chẳng biết tự mình lặng lẽ rút lui, mà lại cố sống cố chết bám víu, cố hết sức dùng quá khứ để bênh vực cho hiện tại, cứ tưởng như một thời mình đã giỏi là sẽ giỏi mãi. Thậm chí, dùng cả thủ đoạn hàng giặc để bám chặt vào ngai vàng. Chỉ có kẻ ngu xuẩn mới không nhận ra chân tướng các ông.

Nói rồi, Nguyễn Cẩn phẩy tay, bỏ xuống bãi biển, để mặc cho bọn lính dùng gậy tre đực đánh vào đầu Ngạc cho đến vỡ ra.

Chính lúc ấy, ở trong cung, vua Thuận Tôn cũng gào to ôm lấy đầu, ngã làn ra đất. Ông vua con lăn lộn và hét lên:

- Đau quá? Đau quá! Như có kẻ nào đang cầm dao đâm vào óc ta.

Hồ Quý Ly

Chương 4

Những cơn đau đầu khủng khiếp bỗng dưng ập xuống làm Thuận Tôn choáng váng ngất đi. Ông vua già được tin, vội vã đến ngay. Ông ôm lấy con và nức nở:
- Ngung ơi! Hãy tỉnh lại đi! Con đừng làm cho cha sợ!
Quan thái y vội vã tìm hết mọi cách cấp cứu. Khi Thuận Tôn tỉnh lại, cứ khốc nấc lên. Ngung nói với thái thượng hoàng:
- Cha ơi! Con vừa gặp anh Ngạc trong cơn mê. Người anh con đầm đìa những máu. Anh giang tay ra lảo đảo đi về phía con như muốn cầu cứu, đằng sau có một bóng mờ mờ đuổi theo. Miệng anh cứ mấp máy như muốn nói điều gì, song con nghe không rõ. Chẳng biết đã xảy ra chuyện gì với anh ấy...
- Con hãy yên tâm. Thằng Ngạc có tội, nhưng cha chỉ sai Nguyễn Nhân Liệt đi thuyền ra Vạn Ninh bắt buộc phải về triều đình ngay thôi.
- Vậy tại sao anh con lại đầm đìa những máu?
- Con không nên tin vào chuyện mê sảng.
Hai ngày sau, Nhân Liệt đưa xác Trang Định Vương Ngạc về đến Thăng Long. Thuận Tôn biết tin, khóc rống lên, ngất đi, tỉnh lại mấy lần và cứ đòi vào gặp mặt anh trai. Thái thượng hoàng Nghệ Tôn không nghe vì sợ Thuận Tôn vốn yếu đuối. Nghệ Hoàng liền gọi Nhân Liệt đến hỏi tình hình. Liệt nói:
- Trang Định Vương ra đến Vạn Ninh bị quân lính canh giữ Vân Đồn ngăn không cho thuyền đi, định bắt lại xét hỏi. Trang Định Vương Ngạc vốn có thư của Bắc quốc lại có người của địch dẫn đường nên sợ không dám dừng thuyền, cứ dong buồm chạy. Hai bên giao chiến. Trong lúc hỗn loạn, quân lính không biết ông là ai nên lỡ tay đánh chết.

Thuận Tôn chỉ vào mặt Nhân Liệt:
- Ngươi nói láo. Chính ngươi đã giết anh ta. Đúng là ta đã trông thấy ngươi cầm gậy đuổi theo đại vương. Đúng, bóng ngươi mờ mờ, nhưng ta đã nhận ra ngươi.
Nhận ra thủ phạm giết người trong một cơn mê sảng, thật huyền hoặc. Nghệ Hoàng lưỡng lự. nhưng vì thương con nên phải ra lệnh cho bắt Liệt giam vào ngục tối. Nghệ Hoàng tiếp tục cho gọi Nguyễn Cẩn lên hỏi. Cẩn đáp:
- Hạ thần vâng lời thái sư, sau khi Liệt lên đường truy đuổi đã quá nửa ngày, phải cấp tốc ra ngay vùng đảo Thái sư sợ Nhân Liệt sơ suất, để xảy ra chuyện không hay. Không dè thần tới nơi thì chuyện đã xảy ra rồi. Đúng là bọn lính canh tuần đảo không biết nên đã lỡ tay giết chết Trang Định Vương.
Nghệ Hoàng càng bối rối khi Thuận Tôn xin thẳng tay trừng trị tên giết người. Nghệ Tôn định sẽ trao việc tra xét vụ án cho Thái bảo Trần Nguyên Hàng, nhưng sáng hôm ấy lại được tin Liệt sợ quá đã thắt cổ tự tử trong ngục.
- Sao lại chết nhanh thế? Nó tự tử bằng gì?
Tâu thượng hoàng, tên Liệt đã xé áo làm giây thừng treo lên xà nhà thắt cổ.
Vụ án qua đi. Nhưng hậu quả nó để lại đã làm cho triều đình đau đầu. Thuận Tôn đã mắc chúng điên. Cả ngày, Thuận Tôn chỉ chuyện trò với con vượn trắng của đạo sĩ Bình Than.
- Ngươi có đi với ta không?
Con vượn nhỏ kêu lên những tiếng chút chít. Đi đâu à? Ta lên rừng hay ta xuống biển. ứ, ta chẳng xuống biển đâu. Ở đó có bọn người hung ác. Chúng giết chết anh Ngạc của ta rồi. Chúng mình lên rừng thôi, ở đó có sư phụ, có bậc chân nhân, có suối, có hoa, có quả...
Con vật như hiểu được tiếng người, nó buồn bã giơ bàn tay xinh xắn như bàn tay trẻ nhỏ lên lau giọt nước mắt đương bò lăn trên gò má của ông vua con.
Thái y cho thuốc, suốt ngay chăm sóc, nhưng Thuận Tôn vẫn không ngừng nói lảm nhảm.
Thái sư dẫn cụ lang Phạm ông bố vợ Quý Ly vào thăm bệnh. Cụ lang tâu với thái thượng hoàng:
- Bệnh của đức vua do thất tình xáo trộn. Cần phải chữa bằng sự tĩnh lạng, tránh hết mọi xúc động. bên mình luôn chỉ thấy sự ân cần âu yếm. Thêm vào đó, thần sẽ cho uống những loại thuốc an thần.
Nghệ Hoàng hỏi:
- Chữa chừng bao lâu mới khỏi?

- Thần không thể biết rõ. Chỉ biết rằng phải mất thời gian dài.
Nghệ Hoàng nói với thái sư:
- Trẫm muốn quan gia phải khỏi trong thời gian ngắn.
Nguyễn Cẩn nói:
- Chỉ còn cách nhờ đến cha của hạ quan. Phụ thân hạ thần vốn ưa sự tốc chiến. Y đạo của ông là như vây. Quý Ly đồng ý. Nguyễn Cẩn đưa Nguyễn Điền vào bắt mạch cho Thuận Tôn. Sau đó, gặp thái thượng hoàng. Ông vua già hỏi:
- Có chữa được không?
- Dạ, có thể.
- Có nhanh không?
- Tâu, y châm của thần là tốc chiến tốc thắng. Từ xưa đến giờ, chữa cho ai, năm ngày không chuyển bệnh, thần sẽ thôi ngay.
- Vậy khanh thử chữa. Mười ngày sau phải có kết quả.
Nguyễn Điền vẫn quỳ mọp, chưa chịu đứng dậy.
- Khanh còn có điều gì?
- Dạ muôn tâu... cách chữa của thần... tuy nhiên có điều khác lạ, cần phải tâu trình cho rõ...
- Sao? Khác lạ thế nào? - Nghệ Hoàng nhíu mày.
- Thần sẽ cho uống... thuốc kích dương.
Ông vua già nẩy người lên:
- Sao lại kích dương?
- Dạ quan gia mới ở mức si ngốc, chưa đến mức điên rồ. Cái lý là uất hoá sinh đờm, đờm làm mê tâm khiếu. Phải giải uất. khai khiếu. Khí dương vượng lên và tụ lại. Tuy nhiên, nó chưa đủ mức. Vậy, phải kích cho nó mạnh hơn nữa... để rồi tìm chỗ thoát ra.
Nghệ Hoàng nhíu mày chưa hiểu. Nguyễn Điền ngẫm nghĩ, sau đó giải thích:
- Tâu, quan gia là người có thể tạng mảnh mai... Tuy đã đến tuổi... nhưng người yếu đuối, lại thêm đầu óc thông tuệ, chỉ chăm đọc sách.. Nay thần thúc thuốc cho quan gia mạnh mẽ lên... Dạ... thần trộm nghĩ... bệnh này chỉ lấy tình nhi nữ... mà an ủi, giải toả.
Ông vua già gật gù cười mỉm và hỏi:
- Ngươi có chắc không?
- Dạ, thần dám chắc đến bẩy tám phần. Nhà thần vốn gia truyền chuyên trị những chứng bệnh tương tự như vậy.
Thái giám mật báo chuyện trong cung với quan Thái bảo Trần Nguyên Hàng. Hàng bàn với thượng tướng Khát Chân. Chân bảo:
- Đây là cơ hội tốt và cấp bách. Thứ nhất: Phải cứu hoàng thượng đang mắc bệnh hiểm nghèo. Lý Huệ Tôn khi xưa cũng chỉ vì mắc

bệnh điên rồ, nên đã tạo điều kiện thuận tiện cho ngôi vua rơi vào tay nhà Trần ta. Không thể để hoàng thượng cũng điên rồ, Quý Ly lại có thời cơ lợi dụng. Thứ hai: hoàng thượng tuy đã cưới Thánh Ngẫu làm hoàng hậu, nhưng chưa làm lễ hợp cẩn. Nếu lần này ta kiếm được một người con gái đẹp, thông minh, để gần gũi hoàng thượng... Nếu cô ta được sủng ái, thì chả cần làm hoàng hậu, cũng rất có lợi cho đại nghĩa.
Nguyên Hàng chợt sáng mắt lên:
Tôi đã nghĩ ra rồi. - Nói xong Hàng vuốt râu cười. Nguyên ở cung quan triều có cô cung nữ tên là Trần Ngọc Kiểm. hàng ngày làm việc hầu hạ Thuận Tôn. Tuổi đã đôi tám thông minh lanh lợi. Cô rất xinh đẹp, lại là con gái họ Trần. Gia đình nhà Kiểm thuộc chi họ xa. Bố Kiểm chỉ ở hàng lục phẩm, vốn chịu ơn giúp đỡ của Trần Nguyên Hàng. Hàng đưa Thị Kiểm vào hầu vua từ lúc cô mới mười ba, vốn có ý dành cho chuyện dài lâu.
Ngay tối hôm ấy, Hàng cho mời cô Kiểm đến phủ Thái bảo. Ông cung kính vái nàng và nói:
- Họ Trần nhà ta đến lúc này phải nhờ đến tay cháu. Hoàng thượng đang lâm bệnh hiểm nghèo. Cháu phải đem tấm thân ngàn vàng giúp cho hoàng thượng được trở về minh mẫn...
Cô Kiểm quỳ xuống vừa khóc, vừa nhận lệnh. Tiếp đó, quan Thái bảo sai một cung nữ già đến dạy cho nàng đủ các ngón nghề chăn gối. Kiểm ù tai, hai bàn tay ôm lấy mặt thẹn thùng. Bà già cau mày mắng:
- Có phải chuyện chơi đâu. Trăng gió đấy mà chẳng hề trăng gió - Bà thở dài rồi nghiêm nét mặt - Cả cơ đồ nhà Trần lúc này đều trông vào cái tài trăng gió của cô đấy
Sau đó, Hàng vội vã vào mật tấu với thượng hoàng. Ông vua già bằng lòng theo kế của quan Thái bảo. Ông lang Nguyễn Điền cắt thuốc cho ông vua con, toàn những vị đại bổ, những vị kích thích sự sống. Thêm vào đó, ông cắt vài lát thân cây leo đỏ quánh, thứ cây thuốc bí truyền của riêng gia đình ông. Điền nói với Nguyễn Cẩn:
- Cái thứ giây leo này đã một lần làm cho nhà ta vinh hiển, con có biết không?
Cẩn đăm chiêu:
- Xin cha nên cẩn trọng. Con nghe các vị thái y xì xào về cách chữa bệnh của cha.
- Ta biết chứ. Lần này thật khó khăn nhưng con hãy tin cha.
- Lần này, thượng hoàng cần vua khỏi bệnh. Thái sư cũng muốn thế... và cả Trần Khát Chân và Nguyên Hàng cũng vậy... Cha biết

không... Cả triều đình đều chăm chú nhìn vào công việc của cha.
- Cha cũng biết cả điều đó...
Vì thế, ông Điền ở luôn trong cung, hàng ngày nấu thuốc. Cứ ba canh giờ lại cho vua con uống một lần. Hôm thứ nhất, ông vua con đã chợp mắt ngủ được một giấc. Hôm thứ hai, Thuận Tôn đòi ăn cơm nhưng vẫn nói lầm bầm. Hôm thứ ba, thứ tư, ngài đã nở nụ cười Hôm thứ năm, ngài ngủ được một giấc dài. Đang đêm bỗng mưa rào. ếch nhái kêu lên inh ỏi làm ngài tỉnh giấc, sau đó không tài nào ngủ lại được. Sáng sớm, thái sư vào thăm vua liền hỏi Điền:
- Sao trông thần sắc đức vua hôm nay không được như hôm trước?
- Bẩm, đêm qua mưa, ở hồ sen canh toà thuý đình, ếch nhái đua nhau kêu thâu đêm. Đức vua lúc này rất cần sự yên tĩnh. Mà trời sầm sịt thế này, chắc đêm nay cũng sẽ mưa - ông lang Điền vò đầu, thở dài, lo lắng - Kẻ tiểu dân này chưa biết làm thế nào với lũ ếch nhái.
Thái sư cười:
- Thì ông hãy bịt miệng chúng lại - Quý Ly an ủi - ông cứ yên tâm lo việc thuốc thang cho hoàng thượng. Còn lũ ếch nhái ta sẽ có cách...
Đêm hôm ấy, Thái sư sai Nguyễn Cẩn dẫn một trăm quân cấm vệ đến cung vua. Trời lại mưa to như đêm hôm trước. Ông lang Điền ngồi bên giường bệnh nghe tiếng mưa rả rích, lòng lo lắng, chỉ sợ tiếng lũ ếch nhái lại đột ngột cất lên. Ông vua con được uống thuốc ngủ đã yên giấc nồng. Không một tiếng ếch nhái chẫu chuộc... Chỉ có tiếng mưa rơi như một khúc đàn tí tách, nó làm vơi nhẹ, xoa dịu: nó kéo con người vào một giấc ngủ sâu, an lành, một giấc ngủ mà một tháng nay ông vua con chưa bao giờ gặp. Ông vua con nào đâu có biết, trong lúc ông cuộn tròn trong chăn ấm, thì trăm người lính phải cởi trần đứng giăng khắp ao sen; tay mỗi người lính cầm một chiếc roi tre nhỏ liên tục đập xuống mặt nước, để nhắc nhở loài ếch nhái phải im lặng, để bắt chúng phải lạn xuống đáy ao sâu. Ngâm mình suốt đêm lạnh lũ lính môi thâm sịt, run rẩy. Nhưng sáng hôm ấy vì ngủ được say suốt đêm Thuận Tôn tươi tỉnh hẳn lên. Bệnh đã khỏi được bảy tám phần. Thái sư thưởng cho lũ cấm quân mỗi người một quan tiền giấy. Ông vua con đã hết điên nhưng vẫn còn ngây. Ông hết nói lảm nhảm. nhưng thần trí như vẫn còn lạc ở đâu đâu. Tuy vậy, triều đình đã thở phào nhẹ nhõm. Và các bánh xe âm mưu lại bắt đầu xoay chuyển. Trong lúc thái sư Quý Ly còn đang bình thản, vì ông nghĩ mọi sự vẫn theo đúng dự tính của mình, thì viên thái giám của phe thủ cựu đã báo cho quan Thái bảo Nguyên Hàng:
- Bệnh tình của hoàng thượng đã ổn.
Ai đã nói vậy?

- Bắt đầu từ đêm nay, ông lang Điền thôi ngủ trong cung.
- Quan thái sư biết chưa?
- Chính thái sư đã cho phép ông ta về nhà ngủ. Mấy hôm nay, thấy bệnh nhà vua gần khỏi, quan thái sư mặt mày tươi tỉnh. Ngài thưởng cho ông Điền trăm lạng bạc.
Khát Chân bảo Nguyên Hàng.
- Chúng ta cần phải nhanh chân; đã đến lúc rồi đấy.
Hàng hỏi tiếp thái giám:
Vậy, ban đêm, ai trông nom hoàng thượng?
- Các cung nữ. Mỗi đêm hai người.
- Ông có thể cử hai người chuyên trách không?
- Dạ được. Quyền đó ở trong tay tiểu nhân.
- Từ nay, ông cắt Ngọc Kiểm và Ngọc Kỵ chuyên làm việc đó.
Tối hôm ấy, cô Kiểm sửa soạn chăn nệm và buông màn cho Trần Ngung đi ngủ. Ngung vẫn còn ngây ngây, cứ ngồi thõng chân xuống giường. Kiểm cởi áo ngoài cho đức vua, dùng nước nóng lau rửa, thay quần áo ngủ mới, rồi bắt đầu bóp vai, bóp tay, bóp chân. Ngung hỏi:
- Cô tên là gì? Sao không thấy mặt bao giờ?
Thần thiếp là Trần Ngọc Kiểm, trước đây vẫn hầu hạ đức vua nhưng

làm việc ở phòng ngoài.

- Chị làm việc gì?

Thần thiếp đun nước thơm, pha nước thơm, chuẩn bị nước rửa mặt lúc sáng, nước tắm lúc chiều, và nước ngâm chân lúc sắp đi ngủ.

- Thảo nào, người chị thơm lắm. Đưa tay trẫm xem nào. ừ, ngón tay búp măng đẹp thật... mà cũng thơm nữa... khéo nữa.

Thị Kiểm đã được mụ cung nữ già dậy cho cách xoa bóp. Cô cởi áo cho ông vua con, rồi trùm chăn lên người ông, thò tay vào trong chăn xoa nhẹ lên lưng. véo nhẹ làn da non trẻ, rồi lúc vuốt ve, lúc mơn man truyền làn hơi dịu dàng ấm áp của mình cho Trần Ngung.

- Ôi! Tay chị Kiểm khéo thật!

- Thiếp chữa bệnh cho đức vua đấy...

- Thật sao? Ta thấy dễ chịu lắm...

- Thế thì bệ hạ hãy ngủ đi, ngủ đi... Thiếp sẽ xoa đầu, xoa làn da mạt... Bệ hạ nhắm mắt lại... Ngủ cho say vào... say vào... Sớm mai, lúc tỉnh dậy... ắt là sẽ khỏi bệnh... ắt là sẽ hoàn toàn mới mẻ...

Giọng Thị Kiểm ngọt ngào như một lời ru. Dưới ánh bạch lạp, Kiểm nhìn vào gương mặt đã mơ màng của ông vua con, vẫn thấy đôi môi nhếch xuống và phảng phất những nét u buồn trên vầng trán thông minh.

Ngung chợt nói trong mơ:

- Đừng bỏ ta! Các ngươi đừng bỏ ta?...

Kiểm chợt thấy mủi lòng. Lòng thương xót của người đàn bà bỗng bùng dậy. Kiểm cúi xuống vô nhè nhẹ lên lưng ông vua con. Bao nhiêu ngón nghề của bà cung nữ già đã dầy công truyền cho, lúc này Kiểm bỗng quên sạch.

- Đừng giết ta! Ta van đấy? Các ngươi đừng giết ta! Thế là Kiểm

chẳng còn nề hà gì nữa.
Lúc này Kiểm bỗng hoàn toàn hiện thân như người mẹ khi thấy đứa con yếu đuối của mình đang cần sự che chở. Thị Kiểm ôm lấy Trần Ngung. bế lên lòng.
- Đừng sợ! Bệ hạ đừng sợ! Có thần thiếp đây.
Thuận Tôn mở mắt ra, nhìn thấy Thị Kiểm. Đôi mắt ngơ ngác, ngây dại của chàng bỗng như dịu đi.
- Chị Kiểm đấy ư? Ta sợ lắm.
- Có gì mà sợ? - Kiểm lấy chiếc khăn hồng thấm những giọt mồ hôi trên trán ông vua con.
- Ta vừa nằm mơ thấy có kẻ cầm dao đuổi theo ta...
Nào, bệ hạ nhắm mắt lại... Thiếp sẽ xoa bàn tay lên mặt bệ hạ. Nhà vua hãy cứ nhẩm đọc trong lòng, cứ như đọc thần chú ấy. Đọc rằng: "Bàn tay thơm, đôi bàn tay thơm... " Vừa đọc vừa nhớ đến thiếp...
Thế là hình bóng thiếp sẽ hiện ra... Thiếp sẽ xua đuổi tà ma, xua đuổi những cơn ác mộng...
Trần Ngung nhắm mắt lại, rồi dặn dò như đứa trẻ thơ. - Chị Kiểm đừng đi nhá... Hãy nam lấy tay ta... Có chị, ta không thấy sợ nữa... à, chị nằm xuống đi... Nằm sát bên ta ấy... Thế, như thế đấy...
Cô cung nữ nằm dài bên ông vua con. Cô vòng tay ôm lấy tấm thân trần trụi, đến lúc này vẫn còn run rẩy. Cô cố gắng xua đuổi những tàn dư của cơn mê sảng, lúc này đây còn đập rộn ràng trong trái tim của ông vua cô đơn. Cô vuốt ve mái tóc. Cô vỗ bàn tay nhè nhẹ vào lưng Thuận Tôn. Thị Kiểm chợt thấy muốn hát một bài hát thật buồn. Thế nào nhỉ? Cái bài hát cổ mênh mang như một con đò lênh đênh trên sông bao la... "Ai xui chớp bể mưa nguồn? Để cho con sáo dạ buồn ngẩn ngơ..." Chợt ông vua con thì thào bên tai:

- Chị Kiểm ơi! Chị khóc đấy ư?

- Thiếp có khóc đâu!

Bàn tay của Trần Ngung rụt rè, khẽ khàng sờ lên mi mắt cô, nó ngập ngừng đến đôi gò má, dừng lại ở đấy, để mơn man xoa khô những giọt nước tự nhiên nhưng cũng hữu tình. Rồi cũng chính bàn tay ấy đã dần dần trở nên tinh nghịch. Nó đùa với đôi môi không hề thoa son nhưng lúc nào cũng đỏ chót, đôi môi mọng đỏ, mềm tự hào, một nét son thắm tươi trên gương mặt cô gái. Đôi môi hé ra thơm nhẹ bàn tay. Đôi môi và những ngón tay quấn quýt với nhau, không nỡ rời nhau.

Nhưng đôi môi cũng biết khuyến khích, biết nhắc nhở bàn tay hãy tìm đến cái cổ trắng phau, cái cổ kiêu ba ngấn, ở đó sự nõn nà mời gọi di mau đến cái phập phồng ấm áp của đôi nhũ hoa, cái mềm mại nóng bỏng của người đàn bà... Ông vua con đã đọc bao nhiêu sách thánh hiền. Những quyển sách thâm thuý, đã làm Thuận Tôn trở thành khô héo, làm Ngung chẳng hiểu gì, chẳng để ý gì đến sự sống thực... Hôm nay, cơn rồ dại, cơn mê sảng, đã làm Thuận Tôn chợt phút chốc quên mất sách thành hiền. Phút mê sảng sợ hãi đầy ơn phước đã hé lộ lần đầu tiên cho chàng biết thế nào là người đàn bà, nhất là một người đàn bà ở độ tràng tròn.

Còn Thị Kiểm cũng đã hoàn toàn quên phắt những thuyết lý của bà cung nữ già.

Đối với cả hai người, đều là bài học đầu tiên. Ông vua con hấp tấp, luống cuống, run rẩy đi vào lòng nàng. Và ngay lập tức, chợt thấy mênh mang, ràn rụa... Trần Ngung rùng mình, co rúm lại, sợ hãi.

Đến lúc này, cô Ngọc Kiểm mới chợt nhớ đến những lời dặn dò của người thầy trăng gió. Cô thì thầm vào tai Thuận Tôn:

- Bệ hạ đừng sợ?... Lần đầu tiên... nó thế thôi...
- Sau thì sao?... Sẽ khác ư?...
- Khác chứ? Lần sau chậm chạp hơn... ngọt ngào hơn...
Thị Kiểm chợt cười khúc khích... Cô đang đóng vai một người thầy, thầy mà cũng mù tịt như trò. Nhưng chẳng hề gì... Bản năng thương yêu sẽ dậy họ. Thị Kiểm nóng bỏng ôm chặt lấy tấm thân gảy gò, non tơ của Thuận Tôn. Còn Thuận Tôn thì đang bơi trên một dòng sông bao la, mà Thị Kiểm là một mảnh ván đôn hậu, biết an ủi, biết xoa dịu lòng chàng. Hai tấm thân non trẻ ấy bám vào nhau tìm về sự sống... Lần này, Trần Ngung đã bình tĩnh hơn, tự tin hơn, cuối cùng chàng trai cũng biết âu yếm hơn... Cùng với thân xác người đàn bà... chàng cũng hiểu mình hơn... ré ra trong con người yếu đuối ấy cũng vẫn có một sức mạnh... Đến lúc đó. cuối cùng hoàn toàn là hạnh phúc.
Cũng chính lúc đó Thuận Tôn đã bắt đầu đi vào hồi phục.
Được biết sự thành công của đêm mây mưa thứ nhất, bà cung nữ già liền truyền dạy cho Ngọc Kiểm những ngón nghề điêu luyện hơn. Người cung nữ già này vốn là thị tì của công chúa Thái Dương, vợ vua Trần Phế Đế. Khi Phế Đế bị Nghệ Hoàng giết, công chúa Thái Dương goá chồng, nàng tằng tịu với Phủ Quân Ty Nguyên Uyên, Chính người cung nữ ấy đã bầy ra trò hoan lạc trên Tây Hồ. Bầy thị nữ và công chúa Thái Dương trần truồng bơi thuyền. Dưới ánh bạch lạp, hồng lạp, Nguyên Uyên đánh trống, công chúa Thái Dương đánh đàn, người cung nữ kia cầm phách hát... Đêm hoan lạc trứ danh ấy, người ta đồn đại khắp Thăng Long và cả trong triều đình. Nghệ Hoàng nổi giận, liền gả Thái Dương công chúa cho Trần Nguyên Hàng. Hàng là em ruột Nguyên Uyên. Bà cung nữ già, gọi là già thực ra mới bốn mươi tuổi, lẽ dĩ nhiên phải theo công chúa về phủ Nguyên

Hàng. Người thị tì của một bà hoàng thường cũng là thê thiếp của chồng bà hoàng đó. Như vậy, người cung nữ ấy đã trải qua ba người đàn ông: Phế Đế. Nguyên Uyên rồi Nguyên Hàng.

Ở cuối thời nhà Trần, sau khi ba lần đánh thang giặc Nguyên, nước Đại Việt được hưởng hơn một trăm năm thái bình. Nhờ chính sách đắp đê, khai khẩn ruộng bãi hoang nên thóc lúa ê hề trong thiên hạ. Được no ấm, các làng xã đua nhau mở hội, Quân Nguyên thích kịch, trong quân đội cũng có những người diễn trò đi theo. Giặc Nguyên thua, những nghệ sĩ xâm lăng ở lại cung đình và trong dân gian. Hát dân ca vào một tích trò tức là hát tuồng chèo cũng ra đời. Còn ở cung đình, gặp thời thái bình, các ông hoàng bà chúa cũng có điều kiện để sống xa hoa, rồi việc thông thương buôn bán ở cửa biển Vân Đồn, việc hàng năm phải cống sư sãi, gái đẹp, con trai tuấn tú, thái giám giỏi việc sang triều Minh, càng làm cho chuyện học tập cách sống xa hoa của các ông hoàng bà chúa thêm phần tinh xảo. Một trong những sản phẩm xa hoa ấy là người cung nữ đầy kinh nghiệm kia. Nàng đã học được ở người đàn ông thứ nhất cuộc sống mây mưa của bậc đế vương. Mây mưa trong hương thơm, trong yến tiệc, nhung lụa. Học được ở người đàn ông thứ hai: cuộc sống hoan lạc tinh tế. Hoan lạc trong một con đò được mênh mang vỗ sóng đu đưa. Hoan lạc sau một thoáng hương lan, một khúc đàn mưa rả rích, sau một bài thơ có sóng mát đưa tình. Học được ở người đàn ông thứ ba: sự yêu thương rồ dại. Yêu đương sau những cơn say tuý luý, trong những mưu mô cuồng nộ, đem những giọt mật chết người để làm đổ cả những toà lâu đài cao ngất.

Trần Nguyên Hàng rất yêu thích người cung nữ ấy, đãi nàng vào bậc hồng nhan tri kỷ. Người cung nữ bảo Ngọc Kiểm:

- Em đang độ xuân chín. Mỗi người chỉ có một độ xuân. Nhất là người đàn bà trong cung cấm, phải biết nắm lấy tình thế. Gặp thời, một cuộc mây mưa cũng có thể làm lung lay ngai vàng, tung chiếc váy hồng mà làm sáng cả một thời. Em đã gặp may. Hãy bám lấy cái may. Thứ nhất, là để cứu lấy nhà Trần. Thứ nhì, là để lập nghiệp. Người đàn bà trong cung cấm được vua yêu, việc cấp bách: phải nhanh chóng có một đứa con...

Nếu như những cuộc mây mưa đầu tiên là những cơn mưa xuân rả rích, ở đó chồi non bén nụ, ấm áp mát lành; ở đó hai con người chập chững những bước chân đầu tiên trong trường tình; ở đó có xen e ấp run sợ lẫn những khoan khoái còn chưa rõ nét; thì những cuộc mây mưa thứ hai lại là những cơn giông. Ở đợt mưa thứ hai này, người con gái đã nhanh chóng sành sỏi hơn người con trai. Cũng có thể, do bản tính, thể tạng, cô cung nữ Ngọc Kiểm chợt như thức giấc. Đằng sau cuộc mây mưa âm mưu cung đình ấy, cô con gái chợt tìm thấy những khoái cảm ở người đàn ông; cô không biết mệt mỏi khi tìm ra gương mặt lạ lùng của lạc thú. Không còn là những cơn mưa xuân, mà đã là những cơn mưa dầm dề làm chàng quân vương non tơ kia chợt thấy đắm say, nhưng cũng bồn chồn lo lắng. Trong đêm dài, chàng đã nhiều lúc giật mình ngơ ngác.

Người con trai thể tạng yếu ớt ấy, khi thân xác hao mòn đi, thì tinh thần cũng dần dần hồi tỉnh.

Bà cung nữ, người thầy trăng gió, ngoài việc truyền thụ những ngón nghề ân ái, hình như còn dùng những lời nói để khuyến khích, còn đem hết những ẩn ức của mình để truyền thụ, để dồn chuyền đầy ắp những đam mê vào tâm trí Ngọc Kiểm. Bà ngây ngất chiêm ngưỡng thân hình kỳ diệu của nàng.

- Ôi! Con gái của ta? Kẻ nào có thể cưỡng lại nổi sự quyến rũ của con - Đôi bàn tay của con... Con hiểu chưa? Đôi bàn tay búp măng mềm mại? Con hãy nhớ đôi bàn tay là kẻ dẫn đường khôn khéo nhất - Đôi môi mọng đỏ kia nữa! Cái hàm răng hạt na xinh xỉnh kia nữa! Đó là khởi động của đợt ân ái thứ ba. Ở quãng tình này, đã hết nhưng cơn mưa phùn, đã tạnh những cơn mưa dầm, đã tiến sang bão tố ái ân. Cô cung nữ Ngọc Kiểm như một nữ thần hoan lạc; cô trần truồng, tóc xoã tung trong niềm đam mê. Cô rên rỉ, cô cầu xin, cô đòi hỏi. cô chiếm đoạt... Ở một động tác lạ lùng quái dị của Ngọc Kiểm, bỗng dưng Thuận Tôn giật mình ngạc nhiên nhìn cô gái rồi lại nhìn mình:

- Này... Sao thế này?... Ai thế này?... Và tôi làm gì thế này? - Sự cuồng si của cô gái bỗng làm ông vua con sợ hãi.

- Chàng ơi! Sao bỗng dưng...

- Nàng là ai?...

- Ô hay... Em là Ngọc Kiểm... Bệ hạ quên hay sao...

Từ sợ hãi đến chỗ sực tỉnh cũng rất nhanh.

Thuận Tôn vội vã choàng tấm áo vàng lên người đứng dậy, rời khỏi giường và nhíu mày ngồi trên chiếc đôn sứ. Ông vua con chợt nghe giọng nói run run của cô cung nữ.

- Bệ hạ quên rồi ư... Đã mười hôm nay... đêm nào... thiếp cũng hầu hạ bệ hạ... Thiếp là Ngọc Kiểm... Thiếp vâng lời... đến hầu hạ... đến chữa bệnh cho bệ hạ.

- Nàng nói gì?... chữa bệnh cho ta?

- Vâng... Bây giờ... bệ hạ đã tỉnh cơn mơ... Còn thiếp... lúc nào thiếp cũng xin tận tuỵ... vì bệ hạ...

Cô cung nữ đã choàng chiếc áo hồng lên người. Cô quỳ gục trước

mặt Thuận Tôn và cô vẫn nói. Thuận Tôn liếc nhìn cô gái; một gương mặt rất lạ, cũng rất quen. Chợt bao hình ảnh diễn ra trong tâm tưởng. Những hình ảnh lạ lùng, kỳ diệu, nghĩ đến làm ông vua con chợt như đỏ mặt. Nó có thật không nhỉ? Ta đã mơ sao? Sao lại là mơ? Người đàn bà, mà tấm áo quấn hờ gần như loã lồ kia, chẳng ở trước mặt ta sao?... Ta sẽ làm những việc ấy ư?... Có lỗi hay là không có lỗi? Ta đã lỗi với nàng? Ta đã lỗi với ta? Hay ai đã có lỗi với ta?... Người cung nữ trẻ vẫn nói:

- Thần thiếp lúc nào cũng tận tuỵ... vì bệ hạ. Thần thiếp lúc nào cũng tận tuỵ... vì ngôi báu nhà Trần.

- Sao? Còn vì ngôi báu nhà Trần nữa sao?...

Thuận Tôn nhíu mày, ông vua con bỗng thở dài. Ông phẩy tay, nói nhẹ nhàng:

- Thôi... nàng hãy tạm lui ra.

Hồ Quý Ly

Phần VIII- Chương -1

Trong vườn ngự uyển

Trần Nguyên Hàng, Trần Khát Chân đã tính sai. Cả bà cung nữ dày dạn kinh nghiệm kia cũng tính sai nốt. Trần Thuận Tôn, sau khi khỏi bệnh, bỗng biến đổi hoàn toàn, khác hẳn dự tính của mọi người. Ông vua con, như ta biết, vốn được hưởng một nền giáo dục rất nghiêm ngặt, rất khổng giáo. Chàng lại còn ham mê sách vở, là con người trầm tư. Về mặt thể tạng, Trần Ngung gầy gò ốm yếu, không phải sinh ra để đam mê những thú vui thể xác.

Căn bệnh hiểm nghèo đã làm chàng, trong một thời gian, quên mất địa vị, thân phận, sách vở và những lời nói vàng ngọc của các bậc thánh hiền cũng tan biến trong cơn rồ dại; những cử chỉ thanh nhã, tế nhị mà cuộc sống cung đình đã vun trồng tạo thành từ bao năm nay bỗng bị lãng quên, nhường chỗ cho những bản năng, những thèm khát như những con thú mơ màng ngủ lịm bỗng chồm thức dậy.

May mắn thay, những con thú đã được xổng xích. May mán thay, những cơn điên rồ đã làm chàng được sổ lồng. Những ràng buộc nghi thức và tinh thần được nới lỏng, làm chàng lạc vào miền lạc thú; và lạc thú đã cứu chàng khỏi bị tù hãm trong xứ hôn mê. Lạc thú đã làm thức dậy sự sống, nó xoa dịu, ru ngủ những đau buồn, thất bại. để đem lại một cân bằng; cuối cùng an hoà ngự trị...

Nhưng một khi tỉnh lại, Thuận Tôn bỗng trở lại như Thuận Tôn khi xưa. Điên rồ ra đi, lý trí trở về. Nó lập tức không cho phép chàng sống như những ngày rồ dại. Dư vị của những ngày ấy nay chỉ còn là

những tiếng thở dài, một nỗi luyến tiếc mơ hồ ngọt ngào; có lúc, nó trở thành một niềm xấu hổ, nỗi sợ hãi của một kẻ đã phạm một điều cấm kị. Chắc chắn đó là nôi đày vò của một con người hiền lương - Cũng chắc chắn Thuận Tôn là một con người hiền lương. mà những dấu vết của đạo lý của sách vở, bao giờ cũng là những khuôn mẫu, những vết hàn in đậm trong tâm trí không thể mờ phai.
Chính vì vậy, Thuận Tôn lại lao đầu vào sách vở. Trước đây, Ngọc Kiểm và những đam mê đã cứu chàng, còn lúc này sách vở đã làm phai mờ hình bóng cô cung nữ. Nhưng có phải sách vở đã xoá hình bóng Ngọc Kiểm, hay còn do một nguyên nhân khác, hay còn do một thế lực nào đó đã cố tình xoá mờ hình bóng nàng đi. Cô cung nữ trẻ đã biến mất lúc nào chẳng hay, cứ như thể bốc hơi. Sau những buổi đọc sách, ông vua trẻ cảm thấy một nỗi bâng khuâng khó xác định. Cứ như thấy đánh mất một cái gì đó. Nhưng rồi sách vở lại cuốn hút chàng. Ông vua trẻ có cái tài đọc sách rất tập trung. Đêm hôm đó, Thuận Tôn đọc sách khuya lắm, sau đó chàng mơ một giấc mơ rất đẹp. Và dĩ nhiên chàng dậy muộn vì chân cứ còn muốn nấn ná trong giấc mơ huyền ảo. Lúc chàng tỉnh dậy. Cô cung nữ nhỏ bé xinh xinh đứng bên cạnh giường vội quỳ xuống mừng rỡ:
- Chúc hoàng thượng một giấc mơ đẹp lành.
- Sao ngươi biết ta có một giấc mơ lành và đẹp?
- Bẩm, thần thiếp biết vì... trong lúc ngủ, trên môi người luôn có nụ cười.
- Ừ. Lạ thật? Ta mơ thấy đến một ngôi nhà nhỏ xinh xắn trồng toàn những liễu...
Cô cung nữ nhỏ mủm mỉm cười.
- Sao ngươi lại cười?

- Bẩm, thấy liễu là có hỉ sự. Người xưa nói phận liễu bồ để chỉ người con gái. Chúc mừng bệ hạ sắp có hỉ sự. Lúc này Thuận Tôn mới để ý đến cô gái, liền hỏi:
- Ta chưa thấy ngươi bao giờ? Xem ra nàng rất lanh lợi.
- Tiện thiếp Uyển Nhi là cung nữ của hoàng hậu. Sớm nay có lệnh của thượng hoàng mời bệ hạ đến diện kiến. Hoàng hậu đến...
- Hoàng hậu tới thăm ta?...
- Tâu bệ hạ... Sáng nào hoàng hậu cũng đến thăm đức vua, và sáng nào đức vua cùng ngủ say... hoàng hậu không dám đánh thức, sợ làm kinh động long thể... Sáng nay... hoàng hậu cũng đến... nhưng phải về cung Hoàng Nguyên để chuẩn bị trang điểm... vào chầu...
- Nghĩa là hoàng hậu cũng đến thăm vua cha cùng với ta?
Cô cung nữ giục giã:
- Đã có trống gọi chầu bên cung Thượng hoàng...
Thần thiếp đã cho sắp sẵn nước thơm và quần áo... Xin bệ hạ chuẩn bị để mặc long bào kẻo đức thượng hoàng mong.
Cô cung nữ xinh xinh kia đoán gặp cây liễu tức là gặp hỉ sự, hoá ra lại đúng. Nghệ Hoàng triệu tập thái sư, Thuận Tôn và hoàng hậu Thánh Ngẫu đến nói:
- Ta rất vui vì con đã hoàn toàn khỏi bệnh. Cũng là lúc con đã tròn mười sáu tuổi. Nay, ta cho mở tiệc, ban yến cho bá quan. Triều đình sẽ làm lễ hợp cẩn cho hai con vì các con đã trưởng thành. Thứ nhất để yên bề xã tắc. Ta muốn các con mau chóng sinh hoàng tử. Thứ nhì để ta được vui tuổi già. Xem ra năm nay, ta thấy trong người đã yếu.
Sau bữa tiệc hợp cẩn, vua Thuận Tôn và hoàng hậu Thánh Ngẫu lên thuyền đến khu hành tại Bình Than hưởng tuần trăng mật. Bình Than

có rừng núi, sông hồ. phong cảnh hữu tình, được đôi vợ chồng coi trọng như một vườn ngự uyển tự nhiên.
Con vượn trắng, từ khi Thuận Tôn bị ốm, cứ ủ rũ ngồi trên cây bưởi đầu nhà. Thuận Tôn điên rồ đuổi nó: Về đi! Về đi! Về rừng mà ở? Lâu đài cung điện có phải là nhà của ngươi đâu.
Khi Thuận Tôn đắm đuối với nàng Ngọc Kiểm, con vật thù ghét cô cung nữ ra mặt, mỗi lần thấy nàng đi qua, nó lại kêu la ồn ĩ, làm náo động cung vua, bọn lính mang cung tên ra bắn, nó sợ chạy biến vào vườn thượng uyển ẩn náu. Một buổi sáng, khi đã khỏi bệnh, ông vua con đang đứng ngắm hoa bỗng nghe tiếng kêu mừng rỡ của con vật. Thuận Tôn ngẩng đầu lên thấy con vượn trắng vẫn còn như rụt rè sợ hãi. Chàng vẫy vẫy tay:
- Thì ra là ngươi. Mấy hôm nay ta vẫn hỏi thăm. Bọn lính bảo ngươi đã bỏ đi rồi. Thường đêm, lúc ngủ, ta vẫn nghe thấy tiếng động ở đầu nhà. Hoá ra ngươi vẫn ngủ trên cây bưởi cạnh buồng ta. Ngươi vẫn chẳng bỏ ta khi ta điên dại...
Con vật nhẩy từ cây bưởi xuống. Thuận Tôn ôm lấy nó, vuốt ve và dồn dập hỏi nó như nói chuyện với một người bạn lâu ngày xa cách.
- Khổ thân? Ngươi gầy thế ư? Hàng ngày ngươi ăn gì? Ngươi ăn trộm hoa quả? Vườn thượng uyển làm gì có quả ở đó chỉ có cây cao và hoa bốn mùa. A? Ta hiểu rồi? Có phải ban đêm ngươi đã lẻn ra phố phường, tìm đến những ngôi chùa, những miếu hoang để ăn trộm đồ lễ. Ngươi ranh ma lắm. Mà ngươi có thay ta đến điện Hoàng Nguyên thăm bà hoàng Thánh Ngẫu không? Trông con mắt ngươi ta biết là có. Nàng cũng yêu quý ngươi lắm. Sao lúc ta ốm ngươi không ở bên cung của nàng - Thở dài - Ta biết ngươi không nỡ bỏ mặc ta - Và nàng nữa? Nàng vẫn hàng ngày đến thăm ta... chuyện ấy bây giờ

ta mới biết... Và cả chuyện của ngươi nữa, bây giờ ta mới biết...
Ông vua con, con vượn, bà hoàng hậu trẻ ngồi trên thuyền rồng; và lòng Thuận Tôn cứ miên man nghĩ ngợi. Con thuyền đi trên dòng sông, hai bên bờ trải dài những xóm làng trù phú, những ruộng lúa, ngô xanh mướt rồi tiếp theo đến những đồi cây nhấp nhô, những khu rừng bát ngát.
Con vượn trông thấy rừng, bỗng nhẩy lên mui thuyền và hú lên tiếng hú dài man rợ. Trong cánh rừng, bỗng có tiếng hú đáp lại; rồi từ đỉnh những ngọn cây một đàn chim bay túa lên trời, tạo nên một khung cảnh rất thanh bình ngoạn mục.
Thuyền đến Bình Than, con vượn cuống quýt cầm tay đôi vợ chồng trẻ, quay đầu nhìn vào trong rừng. Thuận Tôn cười:
- Người đến thăm sư phụ trước đi chúng ta sẽ đến sau.
Đêm hôm đó mưa rào.
Xưa kia, Thuận Tôn thường tưởng tượng đêm đầu tiên giao kết của hai người phải là một đêm trăng sáng, nào có biết đâu đêm nay lại là đêm mưa. Mưa rừng, mưa sông!... Ở sau lưng toà đại diện là những đồi thông nối đuôi nhau dẫn tới khu rừng đại ngàn. Mưa không to lắm, nhưng dầm dề, tạo nên một nền âm thanh rì rào không dứt. Thỉnh thoảng, một trận gió lùa vào những tán lá đại thụ làm nước rơi lộp bộp. Nổi lên trên cái nền âm thanh thì thầm ấy là tiếng của muôn vàn loại côn trùng, tiếng con dế gáy ri ri, tiếng con ếch gọi bạn ộp oạp, rồi tiếng chẫu chuộc kêu inh ỏi, tiếng con cóc nghiến răng khó nhọc, tiếng con ễnh ương đều đều buồn tênh. Ở đâu đó, tít tận rừng sâu có tiếng con nai giác, tiếng con nai mừng mưa, hay tiếng mừng mùa cỏ mọc, hay tiếng tha thiết gọi bạn tình...
Thuận Tôn chợt nói khẽ:

- Thánh Ngẫu ơi! Nàng còn thức hay nàng đã ngủ?
- Thiếp vẫn nằm nghe.
- Ta cũng nằm nghe.
- Nghe thấy gì?
- Tiếng rừng hay thật!
- Tiếng mưa cũng hay.
- Tiếng dế, tiếng ếch nhái nghe cũng thích? Đủ giọng... to, nhỏ, bổng, trầm... Nàng thích nhất tiếng gì?
- Tiếng con dế gáy. Chàng có nghe thấy không? Con này gáy rất to. Ở sát đầu giường chúng ta, chắc nơi cửa sổ dưới bụi hoa hồng...
- Thánh Ngẫu ơi! Sao nàng lại cười?
- Thiếp chợt nhớ đến một chuyện lúc bệ hạ đang ôm...
- Chuyện gì? Kể cho ta nghe đi.

Những hôm đầu mới ốm, chàng không ngủ, suốt mấy đêm chỉ đi lang thang, nói lảm nhảm. Đêm đó, ông lang Điền cho uống thuốc ngủ. Nhưng trời mưa, lũ ếch nhái ở ao sen kêu suốt đêm làm chàng giật mình thức giấc. Cha thiếp phải sai một trăm cấm binh ngâm mình dưới ao, cầm roi liên tục vụt xuống nước, bắt lũ ếch nhái côn trùng phải lặng im. Nhờ cơn mưa mát, nhờ không có tiếng động. đêm đó chàng ngủ yên...

- Có chuyện đó thật sao?
- Thật chứ! Mà cũng hay! Cùng một tiếng ếch nhái kêu, đêm xưa sao mà ghét thế Bắt chúng phải im? Còn đêm nay, em cầu mong cho chúng kêu mãi mãi. Nghe tiếng côn trùng kêu mưa, đêm nay sao thiếp thấy hay đến như vậy.
- Ta cũng thấy tuyệt. Lần đầu tiên ta để ý đến chúng.
- Lần đầu tiên, thiếp được nghe cả tiếng nai lẫn vào đó.

- Lần đầu tiên, ta biết thế nào là dế gáy...

Cuộc giao kết đầu tiên của vua Thuận Tôn và bà hoàng Thánh Ngẫu xảy ra như thế đó. Thật khác hẳn cuộc ái ân sôi nổi của Ngọc Kiểm đã hiến dâng cho ông vua nhỏ. Nhưng cuộc ái ân nào chẳng có cái duyên riêng của nó. Có thể Thuận Tôn như kẻ đã được nếm vị ngọt nồng của trái mít, nay bỗng phát hiện được vị thơm mát dịu dàng của trải lê. Cũng có thể, ông vua con suốt ngày tháng vùi đầu vào triết lý vô dật, rồi sau đó ông đã đi ngược lại triết lý khắc kỷ ấy; và dù mới chỉ là một bước nhỏ thôi, cũng đã đủ làm ông áy náy trở về sám hối. Cũng còn có thể, vì thể tạng của Thuận Tôn mong manh, nên ông chỉ hợp với một cuộc tình thanh mảnh. Lại cũng có thể, vì bà hoàng Thánh Ngẫu là người con gái ông yêu quý nhất...

Sáng hôm sau, Thánh Ngẫu và Thuận Tôn theo lối mòn xưa đi đến thung hoa, men dòng suối có những cây sung đỏ ối quả. rồi theo hút đàn chim phường chèo vào rừng thẳm đến thạch am thăm vị đạo sĩ. Con vượn trắng. từ lúc thuyền cập bến Bình Thanh đã trở về rừng, nay ra đón hai người. Nó cầm tay Thuận Tôn đi về phía động đá. Đạo sĩ đứng ở cửa hang quỳ rạp chào vua và hoàng hậu.

- Con bạch viên cho bần đạo biết hoàng thượng đến từ chiều hôm qua. Bần đạo, vì ốm đau, không xuống núi được để nghênh giá. Thật muôn phần có lỗi.

Nhà vua đỡ đạo sĩ đứng dậy. Sau khi đã phân ngôi chủ khách, Thuận Tôn nói:

- ít lâu nay, có nhiều chuyện xảy ra. lòng ta rất bối rối. Nay muốn đến tham vấn sư phụ.

Đạo sĩ Thanh Hư nhìn nét mặt nhà vua rồi nhắm mắt lại hồi lâu. sau đó bảo:

- Tâu bệ hạ, đúng là có nhiều điều phức tạp, dễ làm rối lòng người. Nếu giữ không cẩn thận sẽ đi tới mê cuồng.
- Sư phụ nói không sai. Vừa qua có lúc ta đã lâm bệnh, mắc chứng mê sảng.
Đạo sĩ già nhắm mắt lại, giọng ông đều đều:
- Đời người mờ mịt; thoắt đến thoắt đi, biết đâu là phúc, biết đâu là hoạ; biết đâu là thị, biết đâu là phi... Sao chẳng như hơi thở của đất trời, đã không nổi lên thì thôi, đã nổi lên sẽ ra muôn giọng. Gặp hang, gặp rừng rú: gào, gầm thét; gặp hốc, gặp bọng, gặp ao sâu, vũng cạn: nỉ non, rù rì; lúc buồn nức nở lúc thì hiu hiu... Sao chẳng khiến cho hình hài như cây khô, lòng như tro lạnh... Đời người mờ mịt. há phải riêng ai mờ mịt... Ôi thôi! Khó thay? Khó thay... Ai biết nẻo về?... Nẻo về giăng sương...
Thánh Ngẫu chẳng hiểu lời nói của đạo sĩ ra sao, nhưng Thuận Tôn tỏ ra xúc động. Ông đứng trước bàn thờ, thắp nén nhang, cúi lạy.
Đạo sĩ lấy một tờ giấy bạch, viết tặng một bài thơ:
Tro lạnh dù tàn đốm lửa
Xin đừng ủ trấu, nhen rơm
Dưới tro nào ai có biết
Đâu là hạt, đâu mầm xanh
Cơ trời nhiệm màu khôn xiết
Thị phi cũng một chữ đồng.
Lại lấy từ bàn thờ xuống, một tảng đá. Nhìn kỹ, thấy giống hình một ông già râu dài, tay chống gậy trúc, đang ngồi trầm tư. Đạo sĩ nói:
- Một đêm, bần đạo nằm mơ gặp đức Thái thượng lão quân; hôm sau vào một hang núi, thấy tảng đá thiêng này. Nay, xin tặng bệ hạ, để cho trọn cái duyên hữu tình. Bệ hạ trở về, xin cẩn trọng. Một ngày

gần đây sẽ gặp nhau.

Con vượn quyến luyến ông đạo sĩ già mãi không nỡ dứt. Ông vuốt ve nó:

- Bạch viên, hãy nghe lời ta. Cuộc vui nào chẳng có lúc tàn. Ngươi hãy hầu hạ đức vua, làm cho người khuây khoả. Hết kỳ hạn, thày trò ta khắc gặp nhau.

Thuận Tôn đem hòn đá thiêng về kinh. ngày ngày thắp hương, và không ngày nào quên đọc sách đạo. Ít lâu sau, hoàng hậu Thánh Ngẫu có tin mừng. Hai vợ chồng vội đi thuyền đến Bình Than, tìm đến Thanh Hư quán để tạ ơn đạo sĩ. Khi đến nơi không thấy bóng dáng ông già đâu cả. Động đá hương tàn khói lạnh. Cây cỏ đã mọc kín gần che lấp cửa hang. Giây leo đã bò lên cả bàn thờ thánh. Rêu xanh đã gần phủ mờ những chữ khắc trên vách đá. Gặp người tiều phu gánh củi, Thuận Tôn hỏi thăm mới biết ông đạo sĩ sau khi gặp đức vua đã bỏ hang đá, đi miết vào rừng sâu, về phía núi Bạch Vân, từ đó không ai gặp nữa.

Hồ Quý Ly

Chương 2

Tuần trăng mật Bình Than ấy đã đem lại niềm vui cho cả triều đình. Hoàng hậu Thánh Ngẫu mang thai. Lúc bà lâm bồn, Nghệ Hoàng đang ốm nặng. Khi được tin sinh thái tử An. Ông vua già nhẹ hẳn bệnh, tự ngồi dậy được. Ông sai khênh kiệu đưa ông đến thái miếu, để thắp hương lễ tạ tổ tiên. Ông nói với Thuận Tôn:

- Trời còn phù hộ nhà Trần. Thằng An bây giờ vừa là cháu ta, vừa là cháu Thái sư. Ta có thể yên tâm nhắm mắt được rồi.

Còn Thuận Tôn biết Thánh Ngẫu mang thai. Ông thấy lòng mình thanh thản, như đã trả được món nợ cho hoàng triều, cho dòng họ Trần. Nhưng từ khi ở Bình Than về, lòng ông luôn băn khoăn; có nhiều điều ông không tài nào giải thích được. Tại sao Thanh Hư chân nhân lại đột nhiên bỏ nơi tu hành, trốn vào rừng sâu mất tích. Cả câu thơ “Tro lạnh dù tàn đốm lửa. Xin đừng ủ trấu nhen rơm” nghĩa là thế nào? Ông buồn rầu hỏi con vượn trắng. Nhưng con vật chỉ thẫn thờ nhìn về phương trời xa tít.

Đức vua càng nghĩ càng thấy như hũ nút. Dần dần, Thuận Tôn trở nên tư lự. Triều thần lo lắng. sợ bệnh mê cuồng của nhà vua lại tái phát. Nguyễn Cẩn nói với Thái sư:

- Tại sao không để đức vua đi du ngoạn những nơi phong cảnh đẹp, những nơi non nước hữu tình? Tiểu thần thấy chí ngài ưa những nơi am thanh cảnh vắng.
Thái sư Quý Ly bèn khéo léo dò hỏi ý kiến, đức vua ưng thuận ngay. Từ đó, Thuận Tôn đi hết những danh sơn. Tìm đến núi Na ở Thanh Hoá, vì nghe nói ở đó có bậc chân nhân đã đắc đạo trong một am cỏ. Tìm đến Bạch Vân Sơn, bái yết tượng An Kỳ Sinh nằm trong mây trắng. Tìm đến cửa Thần Phù để dò hỏi dấu vết những vị tiên ngoài hải đảo. Ông không nói ra, nhưng chắc trong thâm tâm, ông muốn đi tìm Thanh Hư chân nhân, con người ông kính trọng ngay từ buổi gặp ban đầu. Nguyễn Cẩn tâu với nhà vua:
- Ở Bạch Hạc có quán Thông Thánh được xây dựng từ mấy trăm năm, nghe nói từ đời nhà Đường. Nghe nói hiện nay có bậc châu nhân tu ở đấy. Sao bệ hạ chẳng lên xem sao?
Thuận Tôn nghe lời, ngược dòng sông Nhĩ Hà đến nơi, quả nhiên quán Thông Thánh là nơi linh thiêng. Quán nằm trên đồi cao, nhìn ra dòng sông Lô hùng vĩ. Bậc chân nhân tu ở đó là đạo sĩ Nguyễn Khánh râu tóc bạc phơ, rõ ràng là bậc tiên phong đạo cốt. Nói chuyện, thấy Khánh tỏ ra thông hiểu lẽ huyền. Nhà vua ở quán ít lâu, lòng quyến luyến không nỡ rời chân.
Những đêm trăng, chân nhân và nhà vua, ngồi dưới rừng thông, nhìn dòng nước cuồn cuộn chảy dưới chân, bàn về đạo. Nguyễn Khánh giảng giải cho vua nghe:
- Tâu bệ hạ, đạo Hoàng Lão đã xâm nhập nước ta khoảng hơn một nghìn năm rồi. Nghe nói từ thời thuộc Hán.
- Vậy là đạo Thần Tiên đã sang nước ta cùng thời với đạo Phật.
- Muôn tâu, đúng như vậy. Đạo Phật nước ta đã có nhiều cao tăng;

còn đạo Thần Tiên ở nước ta cũng có những bậc đắc đạo không kém.

- Mong chân nhân hãy nói tỏ tường cho ta nghe, để mở rộng thêm tầm mắt.

Theo Sử ký của Tư Mã Thiên, Nhạc Thần Công dòng dõi Nhạc Nghị đã học đạo Hoàng Đế - Lão Tử. Bậc chân nhân đắc đạo dậy ông chính là Hà Thượng Trượng Nhân, bậc chân nhân nổi tiếng thời cổ. Hà Thượng Trượng Nhân dậy Yên Kỳ Sinh. Yên Kỳ Sinh dạy Mao Hấp Công. Mao Hấp Công dậy Nhạc Hà Công. Nhạc Hà Công dạy Nhạc Thần Công... Chính Yên Kỳ Sinh thời nhà Hán đã sang nước Nam ta làm lò luyện đan trên núi Yên Tử. Lúc đó chưa có bằng cớ gì để nói đạo Phật đã thịnh hành ở Đại Việt. Về sau đến thời Trần đạo Phật mới dấy mạnh lên nhất là thời đức Trần Nhân Tôn. Vậy, theo sử sách, đạo Thần Tiên còn đến nước ta trước cả đạo Phật.

- Hoá ra vậy - ông vua trẻ tần ngần, thở dài.

Đạo sĩ Nguyễn Khánh đã đoán ra tám chín phần tâm sự của nhà vua. Ông ta lựa lời:

- Cớ sao bệ hạ lại thở dài?

- Ta thở dài, vì tài hèn chí đoản, không theo gót được tổ tiên.

- Bệ hạ là người có căn cốt... Can chi phải nghĩ ngợi nhiều cho thêm hao tổn tinh thần. thần nghĩ có dăm bảy đường nối chí người xưa...

- Thế nào gọi là dăm bảy đường?

- Lập nên chiến công hiển hách rạng rỡ núi sông là nối chí người xưa... Văn đức rạng ngời, làm đất nước ngày càng văn hiến cũng là nối chí người xưa...

- Nhưng riêng ta... có làm được những điều khanh vừa nói đâu...

- Thần nghĩ vẫn còn một cách khác để nối chí tổ tiên... Thần trộm

nghĩ, nay việc nước bệ hạ đã có thái sư quốc trượng tài kiêm văn võ đêm ngày phò tá, lo toan hết những đại sự thay cho bệ hạ. Nhà vua chỉ còn việc rủ tay áo, ngồi trên ngai vàng an hưởng thái bình. Tại sao bệ hạ lại chẳng biết tận đụng cái thời gian quý báu ấy.

- Tận dụng ra sao?

- Có một cách nối chí người xưa, nếu bệ hạ làm được. chắc chắn sẽ làm rạng rỡ cho vương triều nhiều lắm. Đó là việc gì?

- Về việc mở tông khai phái, đức Trần Nhân Tôn đã khai lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Cụ trở thành vị bồ tát, đệ nhất tổ. Công đức ấy to lớn lắm. Vậy tại sao bệ hạ vốn là người tướng mạo uy nghi, càn cốt thần tiên thanh tịnh, lại không khai sáng ra một tông phái đạo Thần Tiên. Các bậc tiền nhân khai tông lập phái cho đạo Phật. Còn bệ hạ thì khai tông lập phái cho đạo Hoàng Lão. Thiết tưởng việc đó cũng vẻ vang và tạo nhiều ân đức cho trăm họ lắm.

Gương mặt Thuận Tôn cứ theo lời nói của đạo sĩ mà tươi dần lên. Nguyễn Khánh củng cố thêm quyết tâm cho vua:

- Đạo Phật ngày nay đang suy. Còn đạo Hoàng Lão tuy có mặt ở nước ta đã ngót ngàn năm nhưng chưa có lúc nào cực thịnh. Thế lực vẫn còn nhỏ bé. Đây là cơ hội để bệ hạ thi ân. ý chỉ của đạo huyền chỉ còn chờ bệ hạ ra tay, ngõ hầu cái ánh sáng của Đạo mới tưới trải được đều khắp các hang cùng ngõ hẻm.

Điều lạ lùng, dù ông đạo sĩ Bạch Hạc uyên bác đến thế, đác đạo đến thế, nhưng riêng con vượn trắng lại rất ghét ông. Mới trông thấy mặt đạo sĩ ở xa, con vật đã kêu la ồn ĩ, nhảy nhót loạn xạ, gãi đầu gãi tai, tỏ vẻ tức giận. Thuận Tôn phải cho nó ở ngoài rừng thông, và chiều chiều ra thăm nó. Nhà vua vỗ về nói riêng với nó: Bạch Viên ơi! Ngươi cũng là kẻ tu hành. Cớ sao lại tức giận như vậy? Cái gì đã

làm ngươi tức giận? Hay là ngươi ghen ghét, ngươi nhớ chủ ngươi, nhớ Thanh Hư chân nhân và không muốn ta học đạo với người khác. Thôi, ta xin ngươi... Hãy mở lòng...

Con vượn buồn rầu lặng lẽ. Nó không biết thổ lộ những ý nghĩ của nó bằng cách nào...

Thuận Tôn nghe lời đạo sĩ Nguyễn Khánh, ở lại quán Thông Thánh ít lâu để đạo sĩ trực truyền cho cách tĩnh tu, học phép trường sinh cửu thị.

Được ba tháng, đạo sĩ Bạch Hạc hỏi:

- Bệ hạ thấy ra sao?

- Bây giờ tai ta đã thấy dửng dưng với đàn ngọt, mắt ta đã hững hờ với sắc đẹp. Của ngon vật lạ ta nếm cũng chẳng khác chi cơm hẩm tương cà.

- Còn trong lòng thì sao?

- Đạo sĩ hỏi ý ta về lẽ hưng vong ư? thị phi ư?

- Hưng vong thì sao?

- Một chữ đồng Ta đã nhìn thấy phía sau cái sự mất còn.

- Bệ hạ nghĩ gì về lẽ ở - về? Về thôi! Về thôi! Ta đành về thôi! Ta về với Thiên quân.

Đạo sĩ Bạch Hạc hớn hở:

- Bệ hạ thật sáng láng phi thường. Cái mà bệ hạ đạt được sau một tháng, thì kẻ phàm phu phải mất hàng đời. Ngay cả như bần đạo cũng phải mất vài năm. Thời kỳ đầu này vô cùng khó khăn vì ta đang sống trong cõi tục, nó vốn đậm đà, nay phút chốc phải thay đổi chuyển ngược lại, làm sao cho lòng lạt lẽo... Điều đó trong đạo gọi là tâm trai, một điều vô cùng quan trọng cho bậc chân tu, mà cũng rất khó đạt...

- Ước gì ta được như thầy Liệt Ngự Khấu hoà đồng vào cùng trời đất...
- Khi lòng lạt lẽo thì tâm sẽ hư không. Hư không thì sẽ hoà đồng vạn vật. Ta là gỗ đá, mà gỗ đá cũng là ta. Ta là gió mây, mà gió mây cũng là ta. Lúc ấy còn lo gì thân ta chẳng như chiếc lông hồng... còn khó gì cái chuyện đi mây về gió...

Phải nói, vua Thuận Tôn dần dần như mê man đi lao đầu vào việc thấu hiểu Đạo. Cho đến lúc thượng hoàng Nghệ Tôn ốm nặng, nhà vua mới đành lòng rời bỏ quán Thông Thánh trở về kinh đô. Thái thượng hoàng nằm trên giường bệnh cầm tay con trai hỏi:
- Con nhất định theo đạo ư? Ông vua con cúi đầu nức nở.
- Con nhất định rời ngôi cửu ngũ, từ bỏ cơ nghiệp của nhà Trần chúng ta ư? Thái Thượng hoàng nói xong quay mặt vào tường. Nước mắt ông ứa chẩy, ứa chảy cho đến lúc không còn giọt nước nào để mà khóc. Từ lúc đó người không nói một lời nào nữa. Cũng từ lúc đó người đòi cởi bỏ bộ quần áo triều phục thêu rồng nặng tới vài cân, và chỉ mặc bộ quần áo lụa vàng nhẹ tênh. Người ta bảo lúc hoàng hậu Thánh Ngẫu mang thái tử An vào tiễn biệt đức thượng hoàng, ông già chỉ giơ tay xoa đầu cháu, và lần này ông lại khóc nhưng chỉ ra được hai giọt nước mắt đỏ như máu.

Khi thượng hoàng băng hà. Ông vua trẻ Thuận Tôn hầu như trao toàn bộ việc triều chút vào tay thái sư Quý Ly, để có thì giờ chuyên tâm vào việc tu đạo. Đạo sĩ Bạch Hạc tâu với nhà vua:
- Ở quán Thông Thánh có cung Thái Thanh có quả chuông quý.

Quán Thông Thánh cung Thái Thanh dựng được nhờ Chiêu Văn Vuông Trần Nhật Duật và gia tướng của ông là Hứa Tông Đạo. Cả hai người có công đánh giặc Nguyên, và cũng đều là bậc chân nhân

của đạo Hoàng Lão. Để nhớ ơn và noi gương tiền nhân, xin bệ hạ cũng cho dựng cung Thái Thanh ở trong vườn ngự uyển. Như vậy bệ hạ vẫn thoả được chí bình sinh học đạo, và luôn luôn ở bên triều đình lo việc cho muôn dân.

Thuận Tôn nghe theo, cho tu sửa lại ngôi quán trong vườn ngự uyển và gọi là cung Thái Thanh.

Hồ Quý Ly

Chương 3

Vườn ngự uyển nằm ở phía Bắc hoàng thành, trên một diện tích hàng trăm mẫu ruộng. Dựa trên địa thế tự nhiên, nó được ngăn cách với bên ngoài bằng một cái hồ dài ở phía đông, hai phía tây, bắc là những cánh rừng giới hạn bởi hào và luỹ tre, phía nam liền với hoàng thành. Bên kia hồ là những dinh thự, đình các của các vương hầu soi bóng vàng son nguy nga xuống mặt nước. Bên này hồ là những công trình nhằm phục vụ việc vui chơi giải trí, việc nghỉ ngơi hóng mát của hoàng gia.

Ở thời kỳ đầu nhà Trần, những vị vua anh minh như Trần Thái Tôn, Trần Thánh Tôn, Trần Nhân Tôn... vườn ngự uyển cũng giống như chủ của nó, có vẻ mộc mạc, trang nhã, u tịch. bởi vì các vị vua ấy đều theo đạo Phật không lấy sự xa hoa làm thích. Chỉ cho xây vài cung điện nhỏ làm nơi đọc sách hoặc hóng mát ngày hè, vài khu đình tạ làm nơi uống rượu thưởng tráng, hoặc cùng với những người thân đàm đạo. Điểm xuyết thêm vào, có một am nhỏ thờ Phật, xinh xắn nằm bên cạnh một vườn hoa. Đó là nơi vua Trần Thái Tôn hàng ngày vẫn tụng kinh dâng hương hoa buổi sáng và buổi tối, đó cũng là

nơi vua Trần Nhân Tôn học đạo thiền cùng với Tuệ Trung thượng sĩ. Những khu đất còn lại, các vua cho trồng nhiều cánh rừng. Ngoài những cánh rừng hỗn hợp, còn có mấy khu rừng đạc biệt chuyên trồng một loại cây. Cạnh chùa có khu trúc lâm và tùng lâm. Cạnh hồ có khu liễu lâm và quế lâm. Ở rừng liễu thướt tha có dựng toà liễu đình để các nàng công chúa học đánh đàn và làm thơ...

Trứ danh nhất là rừng quế. Tương truyền những cây quế ở đây đã được trồng từ thời nhà Lý. Như vậy, đến lúc câu chuyện này xảy ra, đã có những cây quế được vài trăm năm tuổi, những cây đại thụ quế gốc to người ôm khôn xuể. Thực ra, rừng quế này được phát triển thịnh vượng nhất là vào thời trị vì của vua Trần Minh tôn. Hai bà ái phi họ Lê của Minh Tôn, cô của Quý Ly, vốn quê ở xứ Thanh, quê hương của thứ quế nổi tiếng, mà hàng năm ta vẫn phải cống cho phương Bắc. Khi hai bà được tiến cung, họ đã mang theo những cô cung nữ cùng quê. Những cô gái xứ Thanh này lúc ở nhà vốn làm nghề nông. Khi vào cung, nhiều thời giờ nhàn rỗi, họ bèn ra ngự uyển chăm bón và phát triển rừng quế. Ở quê hương Thanh Hoá, cây quế trồng sau năm năm đã được bóc vỏ thu hoạch, sau đó chặt cây đi. Nhưng ở ngự uyển, người ta không thu hoạch vỏ quế thành ra ngày càng có nhiều quế cổ thụ. Đó là những cây quế vô cùng quý giá, bởi vì quế càng lâu niên, vỏ quế càng giá trị.

Vì hai bà phi yêu thích rừng quế, nên vua Minh Tôn cũng lây thích cây quế. Nhà vua sai làm điện Thanh Thử bên cạnh hồ. trong rừng quế, để mùa hè ra tránh nắng. Quả thực, ngày hè được ở trong điện Thanh Thử thật dễ chịu. Rừng quế toả hương thơm ngan ngát. Gió từ hồ rộng hây hây thổi dễ làm tiêu tan đi những ưu tư cung đình. Cũng chính tại cung điện Thanh Thử này đã đẻ ra giai thoại về mối

tình của nàng công chúa Nhất Chi Mai xinh đẹp và Hồ Quý Ly, và đôi câu đối.

Thanh Thử điện tiền thiên thụ quế

Quảng Hàn cung lý nhất chi mai.

Trong cuốn Trần sử, Sử Văn Hoa có ghi lại; mô tả lại khu vườn ngự uyển của Dụ Tôn:

“ Mùa đông, tháng 10, vua Dụ Tôn sai sửa sang đào đắp hồ ở vườn ngự. Bên hồ sai dân phu chở đá quý đá đẹp ở khắp nơi về xếp làm hòn núi cao. Quanh hồ cho khai ngòi làm suối nước chảy từ những hồ đầy nước tới. Cho xây cầu đá chạm trên ngòi. Bên bờ hồ có rừng tùng, rừng trúc và các vườn hoa thơm, cỏ lạ. Lại làm chuồng nuôi những chim quý, thú quý. Ở đó có con voi. trắng, và một con kiến khổng lồ mà vua Chiêm thành Chế Mỗ đem cống. Con Kiến đó dài 1 thước 9 tấc. Lại có những lồng lớn nuôi loài trĩ trắng, loài vẹt đỏ. Phía Đông núi đá nhân tạo, sai đào hồ con, bắt dân lộ Hải đông chở nước biển đổ vào để nuôi đồi mồi san hô cùng các loài cá lạ ngoài biển đông. Lại bắt dân châu Hoá làm một chiếc ao khác, mang cá sấu tận Hoá Châu về nuôi. Thấy khu điện Thanh Thử của vua cha Minh Tôn không vừa ý, Dụ Tôn phá đi cho xây điện Song Quế vì ở hai bên điện có hai cây quế cổ thụ. Sau xét thấy chữ Song Quế tầm thường, bèn đặt tên là điện Lạc Thanh (Tiếng của sự hoan lạc). Âu cũng là cái chí ở đời của nhà vua. Rồi cũng đặt tên luôn cho khu hồ lớn là hồ Lạc Thanh. Kể từ đó, trong khu hồ hoan lạc, đêm nào cũng có thuyền ngự treo đèn kết hoa bơi tung tăng, giữa tiếng đàn sáo du dương và tiếng cười giòn tan của đoàn mỹ nữ. Như thế vẫn chưa đủ, ở dưới chân quả núi nhân tạo còn cho xây lầu tố nữ nguy nga, tám mái, hai tầng, cột sơn son chạm rồng, ngói lưu ly mầu xanh. Riêng khu vườn

ngự đó, để hoàn thành, phải dùng hơn vạn dân phu làm ròng rã trong ba năm".

Đó là sơ lược kể về khu vườn ngự uyển thời Trần. Nó đã biến thiên qua nhiều mầu sắc, từ u mạc thanh tịnh thời Thái Tôn, Nhân Tôn, qua bất định lơ lửng thời Minh Tôn, rồi đến xa hoa đài các thời Dụ Tôn. Khi Dụ Tôn chết, Dương Nhật Lễ tiếm ngôi, rồi Nghệ tôn phục hưng nhà Trần, lúc này nhà Trần đã bước hẳn sang thời kỳ mạt vận. Quân Chế Bồng Nga, nhân cơ hội, xâm chiếm Đại Việt đốt phá Thăng Long.

Dĩ nhiên, vườn ngự uyển cũng bị cướp phá. Cung điện Lạc thanh bị kéo đổ, lầu tố nữ bị bắt hết gái đẹp. Voi trắng đồ cống của Chế Mỗ bị cướp lại. Kiến khổng lồ bị chém làm nhiều khúc. Chim trĩ đem nướng chả. Rừng quế bị chặt ngả nghiêng. Vườn ngự uyển thật hoang sơ, tiêu điều chưa từng thấy.

Sau đó, năm Kỷ Tỵ, thày chùa Phạm Sư Ôn chiếm Thăng Long ba ngày. Vườn ngự uyển lại một lần nữa bị tàn phá. Vì là thày chùa, nên người lãnh tụ nông dân ấy không thể chịu nổi sự xa hoa, sự giam giữ kiểu cá chậu chim lồng. Bao nhiêu chuồng trại muông thú, ông ra lệnh dỡ bỏ hết. Chim, ông cho thả về trời. Đồi mồi, cá heo ông thả về biển. Hổ báo hươu nai, ông phóng thích về rừng...

Thời kỳ đó, Thăng Long hoàn toàn bị rơi vào tình trạng bỏ mặc. Chẳng ai còn bụng dạ nào để tái dựng vườn ngự uyển. Ông vua già Nghệ Hoàng thì rầu rĩ buông tay trước cơ đồ đang trong cơn lũ. Thuận Tôn thì nhỏ tuổi và như chiếc lông hồng trong cơn bão tố. Còn thái sư Hồ Quý Ly, ông lại có một ý đồ chiến lược khác. Đối thủ đáng lo ngại của ông, sau khi Chế Bồng Nga chết là nhà Minh phương Bắc, một đối thủ đang lên, bước vào thời kỳ thịnh vượng, sung mãn.

Ông phải lo lắng dành hết tâm lực vào việc xây dựng Tây Đô. Nước Đại Việt đang suy yếu. Nếu như trước kia, khi Chế Bồng Nga xâm chiếm Thăng Long, ông phải đem Nghệ Hoàng chạy sang Dông Ngàn, sau đó ra Bình Than, rồi mới tìm cách đánh lại; thì sau này nếu như nhà Minh tiến đánh Thăng Long, chắc chắn ông cũng phải rút lui về một căn cứ địa, mà nơi tốt nhất đối với ông, chẳng có chỗ nào hơn động An Tôn.

Có thể nói, lúc này Hồ Quý Ly đã bỏ lơ Thăng Long, mặc cho nó dần tự huỷ. Đến kinh đô còn như thế, huống hồ vườn ngự uyển. Khu đại hoa viên đẹp đẽ ấy, bây giờ xơ xác như một khu rừng hoang. Quan thái sư chỉ cho sửa sang tạm thời vài khu đình tạ nhỏ, trồng lại vài vườn hoa, phá bỏ những nhà cửa bị đổ nát, để trước mắt có chỗ hóng mát hoặc dạo chơi khi chưa rời Thăng Long.

Sau khi Nghệ Hoàng mất, Thuận Tôn suốt đêm ngày ở trong quán Ngọc Thanh thuộc vườn Ngự Uyển. Đức vua gắng sức tu tiên. Trước kia, qua chiếc cầu đá ngang con ngòi, từ hoàng cung vào vườn ngự uyển, người ta đã nhìn thấy ngay toà lầu Tố nữ vàng son chói lọi nằm ngay dưới chân hòn núi đá nhân tạo. Ngôi lầu ấy bị quân Chiêm đốt phá. Chính trên nền toà lầu, đạo sĩ Bạch Hạc đích thân đo đạc và chỉ đạo xây dựng quán Ngọc Thanh theo đúng kích thước của quán Thông Thánh. Tượng Thái thượng lão quân uy nghi trầm mặc. Cả quả chuông đồng từ thời chân nhân Trần Nhật Duật do đạo sĩ Hứa Tông Đạo đúc cũng được đem về, để cho tiếng chuồng tràn trề linh khí của người xưa được lan toả đêm ngày nơi kinh kỳ, giúp nhà vua mau thành chánh quả. Vua Thuận Tôn vẫn buồn rầu, ý không vui. Ông nói:

- Trẫm muốn xa hẳn nơi phồn hoa đô hội. ý trẫm muốn ra vùng Bình

Than.

Đạo sĩ Nguyễn Khánh quỳ xuống tâu:

- Tu đạo cốt nhất ở lòng mình tĩnh lặng và ở một nơi tràn trề linh khí. Có nhiều linh khí, công quả sẽ chóng thành. Vùng Lục đầu giang, các núi thiêng đều rơi vào tay Phật giáo hết rồi. Nay thần đã xem xét kỹ lưỡng. Thăng Long chính là nơi hội tụ khí thiêng sông núi, nhất là vườn ngự uyển. Bệ hạ tu ở đây có cái lợi: đã gần đạo, lại gần đời.

Nghe đạo sĩ nói, Thuận Tôn chỉ im lặng.

Cô cung nữ Ngọc Kiểm, từ sau ngày hoàng hậu Thánh Ngẫu có mang lại được điều về hầu hạ Thuận Tôn.

Thuận Tôn đã trải qua chăn gối với nàng, nên rất tin nàng. Khi đạo sĩ đi khỏi, Ngọc Kiểm tâu với vua:

- Thần thiếp thấy đạo sĩ Bạch Hạc có điều khả nghi.

- Điều gì?

- Có người trông thấy đạo sĩ đi kiệu đến tư dinh của quan thái sư.

- Có việc đó sao?

- Quan Thái bảo Nguyên Hàng nói với thiếp: ý của thái sư muốn dùng Nguyễn Khánh để mê hoặc bệ hạ, dụ bệ hạ đắm say vào việc tu tiên. Nguyễn Khánh là tay chân của thái sư. Xin bệ hạ đề phòng.

- Đề phòng thế nào?

- Tương tựu kế. Kể ra đến Bình Than cũng có cái hay, ở đấy các quan trấn, phủ nhiều người là của ta. Nhưng thái sư chắc không nghe. Họ muốn bao vây dò xét bệ hạ. Tốt nhất bây giờ bệ hạ cứ giả ngây đi tu ngay tại Thăng Long... chờ đến thời cơ...

- Thời cơ ư? - Thuận Tôn chua chát mỉm cười - Thôi ta mệt lắm rồi. Nàng lui ra cho ta tĩnh toạ.

***

Mấy tháng sau, Thuận Tôn không ngồi trong quán Ngọc thanh bằng gạch ngói nữa. Ông sai làm một gian lều cỏ gần đó, và ngày đêm tu luyện trong am cỏ. Bàn ghế, giường ngủ xuềnh xoàng thô kệch như nhà của người nông phu. Bữa cơm của ông toàn gạo lức với tương cà, rau dưa.

Hoàng hậu Thánh Ngẫu hàng ngày mang thái tử An chưa đầy ba tuổi ra thăm chồng. Hoàng hậu nức nở:

- Thần thiếp cúi xin thánh thượng mau hồi cung. Cả triều đình. cả muôn dân đều mong như vậy.

Đức vua nhẹ nhàng khuyên nhủ:

- Nàng hãy nín đi. Nhìn nàng khóc, lòng ta không chịu nổi. Nhưng chí ta đã quyết. Hãy đừng làm rối cái chân tâm của ta.

- Bệ hạ không thương thần thiếp sao?

Cha mẹ ta đều chết cả rồi. Các anh ta đều chết cả rồi. Bây giờ, trên đời này chỉ có nàng là người thân thiết với ta nhất.

- Bệ hạ không thương đứa con bé bỏng của chúng ta sao?

Nhà vua đưa tay ra đón đứa trẻ mũm mĩm nhưng mắt buồn rười rượi. Thái tử An nép đầu vào ngực cha.

- Cha ơi? Cha về với con đi?

- Sao mặt con tôi ngơ ngác thế này?

- Con nó sợ!

- Con sợ gì?

- Nhà vắng. Đêm mẹ khóc.

- Vũ công công đâu? Sao con không chơi với bọn chúng.

- Con không thích các công công.

- Con sợ gì nữa?

- Sợ ông Hâu đen.

- Sao?
- Ông Râu đen bắt học.
- Trời ơi? Đứa bé hơn hai tuổi học làm gì? Còn sợ gì nữa không?
- Còn sợ ông ngoại bắt An tập làm vua.
- Tập làm vua?
Bà hoàng Thánh Ngẫu phải giải thích hộ thái từ An.
- Cha thiếp bảo nếu bệ hạ nhất quyết đi tu... Thì... một ngày đất nước không thể không có vua được... Thuận Tôn thở dài, ôm chặt đứa con vào lòng:
- Cha có lỗi... Cha có lỗi đã sinh ra con.
Thánh Ngẫu cũng nức nở:
- Thiếp xin bệ hạ... Xin bệ hạ đừng khóc nữa...
Nhà vua lau nước mắt cho hoàng hậu:
- Và cả nàng... Xin nàng cũng đừng khóc nữa. Thuận Tôn giang tay ra ôm cả hoàng hậu và cả con trai vào lòng. Ông tự hỏi mình:
- Làm vua?... Kiếp làm vua là thế này hay sao?
Thượng tướng Trần Khát Chân vào vườn ngự Uyển đến quán Ngọc Thanh, bắt gặp vua Thuận Tôn đang ngồi tĩnh toạ. Ông quỳ rạp xuống đất, chờ đến lúc đức vua cho phép đứng dậy. Ông rạp sát đất rất lâu, nghe ngóng mãi không thấy động tĩnh. Ông kiên nhẫn rạp đầu quyết không ngẩng nhìn trộm. Phải bằng quãng thời gian ăn hết một bừa cơm, mới nghe thấy tiếng thở dài. Rồi một giọng nói hiền từ cất lên:
- Ông ngồi dậy đi chứ.
Khát Chân ngồi trên chiếc nệm cỏ.
Nhà vua hỏi:
- Khanh đến thăm ta chắc có chuyện muốn nói?

Khát Chân mở đầu bằng câu chuyện xưa:

- Chác bệ hạ không quên chuyện cũ, lúc Trần triều ta mới mở nước. Đức vua Trần Thái Tôn bỏ Thăng Long một mình lên Yên Tử đi tu. Phù Vân quốc sư đã nói với đức Thái Tôn: “Phàm là bậc nhân quân. tất phải lấy ý muốn thiên hạ làm ý muốn của mình”. Nay muôn dân đều một lòng muốn đón bệ hạ trở lại triều đình, bệ hạ nỡ không về sao được.

Nhà vua lặng thinh, chỉ khẽ bảo:

- Ông nói nốt chuyện xưa đi.

- Thái sư Trần Thủ Độ đem cả triều đình đến hội tụ quanh chùa Vân Yên... đêm ngày cầu khẩn xin vua trở về.

Thuận Tôn ngắt lời:

- Này, khanh thử đem so sánh giữa ta và đức Trần Thái Tôn xem sao?

Khát Chân kính cẩn:

- Dạ, nhà vua không bằng.

- Còn chí khí của riêng ông so với thái sư Thủ Độ thì sao?

- Dạ, thần cũng không bằng.

Nhà vua hỏi tiếp thêm:

- Còn đạo sĩ Nguyễn Khánh với Phù Vân quốc sư?

- Cũng không bằng.

Nhà vua thở dài, chậm rãi nói.

- Thế đấy! Tình thế bây giờ, con người bây giờ khác với thời xưa một trời một vực.

- Như vậy tức là... - Trần Khát Chân chợt lúng túng, nhưng hình như có chút vui mừng.

- Nghĩ sao khanh cứ việc nói.

- Như vậy, tức là bệ hạ không tin gì ở đạo sĩ Bạch Hạc?

Thuận Tôn im lặng hồi lâu mới trả lời:

- Ta đã đọc qua nhiều kinh sách. lẽ nào đến nỗi ngu đần cả tin vào câu chuyện Trường sinh bất lão. Chúng ta làm sao có thể cướp được mệnh trời.

Trần Khát Chân dè dặt:

- Như vậy... việc bệ hạ bỏ ngôi báu tu tiên... phải chăng chỉ là...

Thuận Tôn lắc đầu:

- Khanh không hiểu ta rồi. Ta vẫn tu chứ. Ta vẫn tin tưởng chứ... Nhưng ta tin vào một điều mà khanh không hiểu được đâu.

- Bệ hạ chẳng nên mềm lòng yếu đuối. Nhà Trần chúng ta vẫn còn rất nhiều trung thần nghĩa sĩ. Họ sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn. Cơ nghiệp hiển hách của nhà Trần đang lung lay, nhưng muôn dân vẫn nhớ ơn nhà Trần. Chẳng lẽ bệ hạ lại nỡ rời bỏ ngôi báu, rời bỏ thần dân trăm họ...

Thuận Tôn lại thở dài:

- Ông cứ làm theo ý của riêng mình...

Khát Chân còn hùng biện rất lâu, rất dài. Nhưng Thuận Tôn vẫn như tượng đá lặng im, gương mặt không hề xúc động. Rồi pho tượng ấy từ từ nhắm mắt lại. Cuối cùng, Khát Chân hỏi ý kiến nhà vua về những điều ông mới trình bày. Nhà vua chỉ trả lời:

- Ta đã quên mất lời nói rồi.

- Bệ hạ nói sao? Khát Chân ngơ ngác.

- Ta đã quên mất tiếng nói của ta rồi.

Khát Chân đành ròng ròng nước mắt sụp xuống vái tạ rồi nín lặng quay về.

***

Hồ Nguyên Trừng đến vườn thượng uyển thăm Trần Thuận Tôn. Người ông nồng nạc mùi rượu. Ông quỳ xuống, lảo đảo cơ hồ muốn ngã. Nhà vua nhẹ nhàng trách:

- Khanh vẫn đêm ngày đắm mình trong rượu ư?

- Hạ thần thật bất kính. Mong bệ hạ tha tội. Nhưng kẻ tiểu thần này thật không thể không say được.

Thuận Tôn cười nhếch mép:

- Cũng như ta chứ sao? Ta thật không thể không đi tu được.

- Hạ thần xin rập đầu muôn cậy. Chính vì bệ hạ nhất quyết rời bỏ ngai vàng nên hạ thần đã cả gan đến xin bệ hạ hồi tâm nghĩ lại...

- Khanh muốn đến khuyên ta nghĩ đến cơ đồ, nghĩ đến giang san xã tắc?... Ôi xã tắc! Đã có biết bao nhiêu người lo lắng cho nó. Còn ta ư...

- Thần không dám vì đại nghĩa đến van xin bệ hạ. Thực ra... chỉ vì đứa em gái của thần thôi. Hôm qua, thần đến thăm hoàng hậu... Đứa em gái hiền hoà xinh đẹp của thần đã khóc ròng rã mấy hôm nay... Hoàng hậu đang ốm... không ăn không uống... Thần đến thăm... Thánh Ngẫu run rẩy không đứng lên nổi nữa... Hoàng hậu cầm lấy tay hạ thần và bảo: “Đại huynh ơi! Muội chết mất” Xin bệ hạ hãy rủ lòng thương cứu lấy Thánh Ngẫu... Cả thái tử An, đứa con xinh đẹp thông minh của bệ hạ nữa... thằng bé cũng khóc ròng.

Thuận Tôn thở dài:

- Sớm nay, nghe tin hoàng hậu ốm nặng, ta đành rời am cỏ tới thăm nàng. Khổ thân Thánh Ngẫu. Ta chẳng nói nhiều lời. Ta chỉ cầm tay nàng mà rằng: “Hoàn cảnh... Ta thật không thể không đi tu được”. Câu nói ấy ta cũng vừa nói với khanh. Ta chắc nàng cũng thể tất cho ta. Mà khanh nữa. Chắc khanh cũng hiểu ta... Sớm nay, sau khi ta

đến, nàng đã bình tĩnh hơn... Ta nghe nói nàng đã chịu ăn bát yến.
Thuận Tôn thở dài, rồi cầm lấy tay Nguyên Trừng: Trong triều đình, khanh là người thân tình hơn cả. ra tin ở khanh. Ta biết khanh có chút lòng thương ta. Ta muốn nhờ cậy một việc.
- Xin bệ hạ cứ giao phó.
- Khanh là một người mà nhiều người có thể tin cậy. Ngay cả thượng phụ cũng rất xem trọng ý kiến của khanh. Ta nhờ khanh... nói với thái sư... rằng ta đồng ý...
- Bệ hạ đồng ý điều gì?
- Ta bằng lòng nhường ngôi cho con ta là thái tử An.
- Nhường ngôi cho thái tử An... Thái tử An chưa đầy ba tuổi...
- Đúng vậy... Mà khanh cần gì lo lắng... Thái sư là người mưu lược... là vị lão thần... Ông ngoại phò ấu chúa... Ta hoàn toàn yên tâm... Ta chỉ có một yêu cầu... Để cho ta yên... Để cho ta được lên rừng tu hành... Làm bạn với rừng với suối, vui với cỏ cây hoa lá... Chí ta đã quyết khanh không cần phải bàn luận... Triều đình không cần dâng tấu biểu khuyên can... Thôi, khanh hãy lui ra... Ta mệt lả đi rồi... Ta cần yên tĩnh...
Con vượn trắng thấy Thuận Tôn ngước mắt nhìn ra phía cửa sổ; như chỉ chờ có vậy. Bạch Viên đang ngồi trên cành cây khô gần đó vội nhanh nhẹn chui qua ô trống. nhảy tới ngồi vào lòng nhà vua. Nó kêu khe khẽ, rồi gãi bụng, rồi phẩy tay như muốn thay mặt nhà vua tiễn khách.

Hồ Quý Ly

Chương 4

Vua Thuận Tôn ngồi tĩnh toạ dưới gốc cây. Cô cung nữ Uyển Nhi rón rén bưng mâm cơm đặt trên chiếc bàn gỗ gần đó, cô thấy nhà vua nhắm mắt, thở đều đều nên không dám làm kinh động. Con vượn trắng bám sát nhà vua như hình với bóng. Lúc này nó cũng lặng lẽ ngồi vắt vẻo trên cành cây sát cạnh. Thấy cô cung nữ còn ngần ngừ, con vật nhăn nhó, nhe răng làm mặt xấu Nó không muốn có ai bên nhà vua. Uyển Nhi lặng lẽ lui ra xa, ngồi ở chiếc cầu đá vắt qua con ngòi. Nhiệm vụ của cô là ngồi ở đấy.

Khi Thuận Tôn ra lập am tĩnh tu, nhà vua cho bọn thái giám, cung nữ trở về hết, và chỉ giữ lại một mình nàng Trần Ngọc Kiểm. Sau đó không hiểu sao Ngọc Kiểm phải đổi đi rồi bị giết, Uyển Nhi đang hầu hạ hoàng hậu lại được chuyển sang đây. Ông Nguyễn Cẩn nói với nàng:

- Nhà ngươi phải biết giữ mồm giữ miệng. Những chuyện ở đây phải biết giữ kín trong lòng, không được kể với ai ngay cả với người thân. Hàng ngày hầu hạ nhà vua. Có ai đến thăm vua, phải báo ngay cho ta.

Uyển Nhi chăm sóc Thuận Tôn rất chu đáo. Đáng lẽ ra thức ăn của nhà vua phải do bọn đầu bếp trong hoàng cung nấu, nhưng Thuận Tôn lại ưng những món ăn do tay nàng làm. Chao ôi. Nhà vua sao đổi thay đến thế. Không thèm làm vua, lại muốn đi tu. Không thèm gấm vóc lụa là, chỉ khoác lên người một bộ đồ trắng vải thô. Không thèm nem công, chả phượng, chẳng màng long tu, yến xào; mà chỉ đòi nàng nấu cho bát canh cua đồng, đĩa rau muống luộc xanh biếc với quả cà giòn tan...

Uyển Nhi thở dài. Chợt thấy thương ông vua trẻ. Số phận một cung nữ đã đáng thương, song số phận ông vua kia còn đáng thương hơn. *Chẳng qua cũng là cá chậu chim lồng mà thôi.*

Chợt cô ngẩng lên trời vì nghe thấy tiếng vỗ cánh của đôi chim lớn. Đó là đôi công. Hồi ông thày chùa Phạm Sư Ôn chiếm kinh thành, ông đã phá chuồng thả đôi công này vào rừng quế. Khu rừng quế bên hồ Lạc thanh bây giờ rậm rạp lắm. Trên mặt đất trống, những bụi sim, bụi dành dành, bụi lan cỏ tím, bụi cúc dại và lau sậy đã phủ kín. Những bụi cây leo bò cả lên vài cây quế mép hồ. tạo thành những tấm mành lá xanh đung đưa trong gió. Và đôi công xinh đẹp kia đã làm tổ, ẩn náu trong khu rừng đó. Thi thoảng, người ta lại bắt gặp con chim trống xòe đuôi múa quanh con mái trên bãi cỏ. Vừa múa vừa kêu lên những tiếng tố hộ trầm và đục. Hễ thoáng thấy bóng người, chúng đã lủi ngay vào khu rừng quế.

Chỉ riêng vua Thuận Tôn làm quen được với đôi công nhút nhát, kể từ ngày vua vào ngự uyển ẩn tu. Chiều chiều, khi ánh mặt trời đã nhạt, lúc nhà vua dùng bữa xong, ông nhẩn nha trèo lên ngọn núi đá nhân tạo, ngồi trên một tảng đá bằng phẳng hóng mát. đó là lúc đôi công xuất hiện. Đôi chim từ trên cây quế cao nhất cất tiếng như để

chào đón ông vua đang ngẩn ngơ bên sườn núi. Từ trên cao, đôi chim to lớn vạch thành hai đường thẳng suốt từ rừng quế đến ngọn núi. Chúng bay là là, đôi cánh rộng nặng nề quạt phành phạch. Dọc đường, chúng đỗ lại trên cây liễu để lấy sức và thăm dò. Cuối cùng, khi đã nhận ra đúng là bóng nhà vua, chúng bay vòng quanh ngọn núi, cánh mở rộng hết cỡ để cho bộ lông sặc sỡ đón nhận ánh sáng biến thành long lanh muôn mầu. Vua Thuận Tôn lúc này chậm chạp từ trên núi bước xuống thảm cỏ xanh, nơi đôi công thường tình tự bằng những điệu múa. Vua bưng liễn cơm mà ông ăn không hết, tung ra bãi cỏ cho đôi công. Đàn chim sẻ, chim ri rừng đã phục kích từ lâu trên những ngọn liễu bên ngòi nước, lúc đó bất thình lình bay ùa xuống thảm cỏ để tranh ăn với đôi công. Cung nữ Uyển Nhi chiều nào cũng ngồi trên cầu đá để chờ xem cảnh tượng này mà cô vẫn gọi là cảnh chim chầu đức vua. Cả con vượn trắng hình như cũng thích cảnh này. Nó từ trên cây nhảy xuống thảm cỏ, đùa dỡn nhảy nhót. Nó chạy đến đâu lũ chim ri lại bay túa lên kêu xáo xác. Nhưng khi nó ra chỗ khác, đàn chim lại ùa xuống ngay. Biết nhà vua thích đàn chim, nên không đợi lệnh vua ban, Uyển Nhi ngày nào khi bưng cơm chiều đến cũng để sẵn một bát gạo to để nhà vua bố thí cho lũ chim trời. Chỉ có những phút ấy, Uyển Nhi mới thấy gương mặt rạng rỡ sung sướng của đức vua.

Uyển Nhi ước muốn cảnh nhà vua hạnh phúc cùng đàn chim cứ kéo dài vô tận. Nhưng bóng chiều nhá nhem đã đổ xuống. Đôi công luyến tiếc không muốn rời chân, nó lại lượn vòng quanh quả núi rồi bay vút vào rừng quế. Bóng của chúng dần dần hoà vào bóng hoàng hôn. Đàn chim sẻ, chim ri cũng rúc rích rủ nhau bay về tổ của chúng ở những ngôi đình, ngôi nhà hoang phế nằm rải rác trong vườn ngự

uyển.

Thuận Tôn thở dài bước vào am cỏ. Uyển Nhi đã đốt sẵn một ngọn bạch lạp, sau đó cô lùi ra ngoài, lặng lẽ chui vào bóng tối của cái chái bên cạnh.

Thuận Tôn lại ngồi tĩnh toạ. Thông thường lúc bóng tối phủ hẳn xuống, lúc không gian khu vườn bao la hoàn toàn tịch mịch, cũng là lúc Thuận Tôn sợ hãi nhất, và ông phải vật lộn với chính mình nhiều nhất. Buổi tĩnh toạ ban ngày, nhà vua thấy làm trống rỗng lòng mình dễ hơn, có thể vì khi có ánh sáng chí khí trong lòng con người mạnh mẽ hơn. Còn ban đêm thì khác hẳn. Sự lặng lẽ quá đỗi, sự mịt mù quá đôi hình như dễ tạo chỗ ẩn náu cho những hình ảnh, những ý nghĩ, những màu sắc, những mùi vị; chúng nép mình ở một hốc, một ke nào đó trong bóng tối và trườn mình bò ra khỏi nơi lẩn trốn lúc nào chẳng hay. Thoạt đầu, chỉ là một nét, một chấm mờ nhạt trong tâm tưởng; cái chấm đó dần to ra, vụt lớn biến thành một hình ảnh, hoặc một tiếng nói. Lúc đó, có đè nó xuống, nó vẫn nổi bềnh lên trong tâm khảm, rồi rủ rê ta cùng đi lang thang vào một cuộc phiêu lưu kỳ lạ. Gọi nó là mộng mị chăng? Là giấc mơ chăng? Hay như đức vua Trần Thái Tôn gọi nó là một tà thiền? Hay như đạo Hoàng Lão gọi nó là một tà tĩnh toạ? Nó chẳng xui ta làm gì ác đâu. Chẳng qua, nó chỉ muốn rủ rê ta hãy tung hê tất cả để rong chơi vào một cuộc mộng du, ở đó chẳng còn trách nhiệm, chẳng còn ràng buộc. Vọng niệm đã dậy, và người tu hành phút đó bỗng lạc vào một tà đạo lúc nào. Chẳng hay, họ bỗng thành một kẻ phàm tục mà cứ tưởng mình không tục, họ đi tìm cái nhởn nhơ trong một cuộc lang thang tĩnh lặng. Cái đó cũng là một lạc thú chẳng kém một thứ lạc thú nào trên thế gian này, mà chỉ một số người mắc bệnh, hoặc không có

bệnh nhưng được trời phú cho cái linh khiếu đó hưởng được, nó như một thứ ma tuý tinh thần.

Thuận Tôn mắc phải thứ ma tuý đó, nó vẫn rủ rê ông trốn việc đi chơi. Ông ngồi tĩnh toạ đấy, nhưng thực ra hồn ông đang rong ruổi tận đâu đâu; lúc thì lông bông với những ý tưởng buồn bã, lúc thì đụng đầu với một kẻ đối thoại vô hình rất thông minh và vô cùng ma quái. Nhiều đêm, ông đã nói chuyện với kẻ đối thoại ấy. Có lúc nó là một bóng đen không mặt. có lúc nó là một màn sương nhòe nhoà. Ông đồ chừng rằng chính nó vẫn thường hằng phục kích trong lòng ông, trong tâm hồn ông, để đêm đêm hiện ra hành hạ ông. Ông ngồi tĩnh toạ và cố xua đuổi nó bang những câu thần chú. Ông lẩm bẩm:

... Tắc kỳ đoài

Bế kỳ môn

Chung thân bất cần

Khai kỳ đoài

Tê kỳ sự

Chung thân bất cứu...

Đó là một câu nói của Lão Tử mà đạo Thần tiên đã biến thành một câu thần chú. Hãy ngậm miệng; hãy nhắm mắt, hãy làm đôi tai điếc đặc; hãy thở nhè nhẹ, nhè nhẹ thôi... Như vậy có nghĩa hãy cắt đứt hoàn toàn với cuộc sống trần thế, đừng để cho ngũ quan liên hệ với ngoại cảnh. Lúc đó riêng ta sẽ đối diện với ta; hay nói cho đúng hơn, cả bản thân ta cuối cùng cũng biến nốt, để cho ta đi đến một trạng thái hư không, phiêu diêu tự tại. chẳng phải là sống, cũng chẳng phải là chết... Trạng thái một thân xác lâng lâng, nhẹ như một sợi khói mong manh, loãng như làn nước trong... Và tâm hồn nhạt nhẽo, nhạt thếch, hết buồn, hết vui, trạng thái đó đối với Thuận Tôn thật dễ chịu,

thật an ủi.

Nhưng đột nhiên trong màn mờ của tâm tưởng phiêu diêu cái chấm đó bỗng hiện lên. Đuổi nó đi. Cút đi! Đừng theo đuổi, bám lấy ta như vậy! Thuận Tôn tự nhủ. Ông lại cố tập trung lầm bầm câu thần chú. Cái chấm đó nhạt nhoà, sắp sửa tan loãng, nhưng rồi nó lại hiện ra như ma trơi. Cố gắng mãi, con ma trơi tâm tưởng ấy cuối cùng cũng biến đi. Thuận Tôn thở dài. Nhà vua hầu như đã thắng, nhưng không trụ lại trong trạng thái hư vô được nữa. Cũng có thể là ngược lại nỗi ám ảnh ma trơi đó đã thắng, bởi vì ông đã buộc phải quay về trần thế, phải mở đôi mắt ra để ngỡ ngàng nhìn vào đêm đen u tịch. Ông lẩm bẩm: Tịch mịch quá! - ông thở dài - Ta thèm... được như đêm suông. Gió hây hây. và cỏ cây rì rào. Ta thèm... được như cỏ cây hoa lá. Ước gì... cứ đêm mãi. Ta sợ ngày đến, bởi vì khi ngày đến, khi mặt trời mọc là muôn vật lại nhốn nháo. Con ngựa tranh nhau chuồng cỏ. Lũ gà sống tranh nhau tiếng gáy. Kỳ quặc cả đến tiếng gáy cũng tranh hơn. Rồi triều đình nữa? Ôi? Cái triều đình rồ dại? Thiên hạ như một bầy người điên. Họ tranh nhau từ màu áo cho đến lọng che, cho đến kiệu đi, ngựa cưỡi. Thèm áo đỏ, áo tía. Thèm nhiều tàn, nhiều lọng, thèm kẻ hầu người hạ, tì thiếp đông đúc...

Ôi! Còn cái áo hoàng bào của ta nữa đấy. Ngôi báu làm bao kẻ thèm khát. Thượng phụ ơi ông là thầy của ta là cha vợ của ta. Ông đã vất vả vì nó từ hơn hai chục năm nay. Ta biết chứ. Mà thiên hạ hỏi còn ai không biết? Thượng phụ ơi! Ta xin biếu người đấy. Nhưng than ôi! Ngôi báu tiếng là của ta nhưng có thực là của ta đâu. Bên ta, còn biết bao nhiều người giữ tay ta lại, bịt miệng ta lại, không cho phép ta trao nó cho ông. Họ bảo đó là việc làm rồ dại. Ông khôn ngoan nghĩ ra một kế, gợi ý cho ta truyền ngôi cho con trai. Thằng An chưa đầy ba

tuổi, nó đi chưa vững, nói chưa thạo; nó đã hiểu ngai vàng là cái gì. Đối với nó có khi không bằng một thứ đồ chơi trẻ nít.
Thế là ta đã đồng ý để mọi việc triều chính rơi hết vào tay ông. Như vậy ông đã thoả chưa? Tại sao ông vẫn chẳng buông tha, trả ta về với sự bình an tịch mịch? Ôi... Đêm dịu hiền. Ta muốn hoà mình vào đêm. Ta khát khao tịch mịch.
Nhưng, có lúc nào ông muốn lỏng tay buông tha ta.
Cả đến những người gần gũi ta, có chút xót thương số kiếp của ta, ông cũng không tha. Số phận của nàng Ngọc Kiểm, ai mà chẳng rưng rưng giọt lệ. Ta đã chịu ơn dầy của người con gái nhẫn nhục, đầy đức hy sinh. Trong lúc ta điên rồ, nàng chẳng tiếc tấm thân ngọc ngà, để an ủi ta, ban phát tình yêu cho ta, nâng niu dìu ta khỏi vực thẳm điên rồ. Khi ta khỏi bệnh, các người lại bắt nàng đi, giam lỏng, buộc nàng phải ròng rã một tháng trời, uống thứ thuốc đắng ngắt, uống thứ thuốc thất đức, vì các người sợ sự trung thành dịu dàng của nàng sẽ đâm hoa kết trái. Ôi! nàng tiên tinh khiết của ta! Hãy tha lỗi cho ta, vị quân vương chẳng có quyền lực gì. Họ bảo với Ngọc Kiểm thuốc đó là thuốc bổ. Triều đình muốn cảm cái ơn cứu tử đã giúp ta lành bệnh. Kể với ta, nàng ròng ròng nước mắt. Nàng không nói, nhưng ta biết nàng đã khóc cho cái mầm tình yêu bị đốn chặt ngay từ lúc chưa hình thành, cái mầm sống mà nàng nâng niu và ta cũng ước ao. Mấy tháng sau, khi ta đã hoàn toàn tỉnh táo và nhớ lại chuyện xưa, ta đòi nàng về hầu hạ ta. Họ bắt buộc phải cho nàng về với ta, nhưng đêm đó nàng đã khóc nức lên:
- Bệ hạ ơi! Thiếp bây giờ chỉ là thứ cây khô.
- Nàng nói thế nghĩa là sao?
- Thiếp chẳng thể sinh con cho chàng được nữa.

Thế đấy. Nỗi đắng cay của nàng đến thế mà cũng không xong. Khi thượng phụ sai thượng thư Hà Đức Lân dỡ ngói lưu ly ở điện Thiên Chương. dùng thuyền chuyên chở vào động An Tôn, để cấp tốc xây dựng Tây Đô, Ngọc Kiểm nói với ta:

- Thái sư dời đô là sắp có chuyện cướp ngôi đó.

Lấy lý mà suy, chuyện dời đô có một mục đích như thế thật. Bởi vì tổ tiên nhà Trần ta đã tạo ra bao ân đức. Ba lần đánh thắng quân Nguyên, xây dựng nước Đại Việt trở nên văn hiến, hùng cường... những điều đó há chẳng ghi sâu vào tấm lòng người Việt sao, nhất là dân Thăng Long. Thượng phụ định dời đô tức là sợ dân Thăng Long, đã thấy cái yếu vì lòng dân chẳng ủng hộ mình. Tuy nhiên, bè đảng của ông quá mạnh, ông lại là người cứng cỏi... Chuyện dời đô, dân Thăng Long đang xì xầm khắp nơi. Ai chẳng nói giống Ngọc Kiểm. Chỉ có khác, Ngọc Kiểm đã dám thẳng thắn nói với ta... Ta thật sơ suất, ta thật ngây thơ, chỗ nào mà chẳng có tai mắt của thượng phụ; ta đã có lỗi với nàng vì đã để mình nàng gánh chịu hậu quả. Chỉ chờ có cớ, lập tức một vụ án đã xẩy ra. Đầu tiên, người bắt Ngọc Kỵ cô cung nữ em họ Ngọc Kiểm, hầu hạ ta ở ngoại phòng. Bị tra tấn khủng khiếp. Ngọc Kỵ khai ra Ngọc Kiểm. Ngọc Kiểm lại bị tra tấn ráo riết hơn. Họ muốn tìm ra những đại thần phía bên trên Ngọc Kiểm. Thượng phụ muốn nhân vụ án, khủng bố để dập tắt dư luận và tiến thêm một bước bẻ gãy phe chống đối. Ngọc Kiểm vẫn không một lời khai. Đến chết cô vẫn chỉ nói:

- Dời đô, tức là sắp cướp ngôi.

Hồ Quý Ly

Chương 5

Trong gian mật thất tại dinh quan thái Bảo, hai mái đầu chụm gần nhau. Trần Nguyên Hàng lắc đầu:

- Thế là hỏng rồi. Đức vua đã hoàn toàn suy sụp.

Trần Khát Chân trầm ngâm:

- Sắp dời đô? Hiểm hoạ đang đến gần. Nàng Ngọc Kiểm đã hy sinh cả tính mạng để cảnh báo chúng ta. Chẳng lẽ chúng ta, những rường cột của nhà Trần, lại không bằng người đàn bà đó, lại không nghĩ ra được một điều gì để cứu vãn cơ đồ?

Thái bảo Trần Nguyên Hàng giọng lo lắng:

- Nghe nói hoàng thượng đang có ý định truyền ngôi cho thái tử An. Ván cờ đang ở thế kịch liệt. Hồ Quý Ly đang đi nước rút. Quý Ly sẽ làm nhiếp chính.

Thực ra dù hoàng thượng có bị mất quyền, có đi tu, hoặc xấu nhất có bị giết, thì chúng ta vẫn có cớ để nêu cờ chính nghĩa. Ngoài đức vua Thuận Tôn ra, Nghệ Hoàng hiện nay vẫn còn những người con các bà cung phi như Mẫn Vương Ngọc và Nam quận vương Trần Ngôi. Vấn đề chủ chốt vẫn là lực lượng phò Trần của chúng ta. Theo ý tôi, thế của phe Quý Ly đang rất mạnh, nhưng phe phò Trần thực ra

cũng không yếu. Chỉ có điều bất lợi cho chúng ta là phe Hồ Quý Ly nắm được những địa vị chủ chốt, nắm được những quan lại cấp dưới. Còn các đại thần hầu như đều ngả theo ta. Hiện nay, tình thế đã hoàn toàn rõ ràng. Trước kia, Quý Ly chỉ lộng quyền. Chúng ta đã thất bại trong việc ngăn chặn sự lộng quyền. Quyền hành càng lớn tất nhiên sẽ đi đến tiếm ngôi. Tình hình cấp bách lắm rồi!

Trần Nguyên Hàng ngậm ngùi:

- Chúng ta đã hao tổn tâm trí sắp đặt bao mưu kế...

Trần Khát Chân giọng nghiêm trọng:

- Những mưu kế sắp tới cần phải quyết liệt hơn.

Nguyên Hàng ghé tai thì thầm:

- Bùi Bá Kỳ lại mới gặp tôi...

- Sao? Bá Kỳ ư?

- Phải... Ông ta vẫn muốn liên hệ với chúng ta.

Khát Chân:

- Trước khi gặp ông, Bá Kỳ đã đến nói chuyện với tôi

- Ông từ chối?

- Đúng vậy Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi. Phải từ chối thôi. Tôi bảo với Kỳ: "Ông nghĩ kỹ mà xem, Thân Bao Tư nước Sở đã đứng trước cung vua Tần khóc ròng rã bảy ngày đêm; Tần đã cứu Sở. Nhưng kết quả cuối cùng là Tần thâu tóm toàn bộ các nước về tay mình, kể cả nước Sở Nay, nếu chúng ta cầu cứu nhà Minh... cái chung cục chắc ông đã rõ..."

Thái bảo Nguyên Hàng lắc đầu:

- Tôi lại nghĩ có hơi khác một chút. Tôi nghĩ: bọn loạn thần tặc tử ai cũng có thể giết được. Đó là vâng mệnh trời, việc đó ta không thể một ngày làm ngơ. Người trong nước giết không được, thì người

nước láng giềng có thể giết. Người nước láng giềng không giết được, thì kẻ di địch, mọi rợ cũng có thể giết... Vì thế có thể nhờ người Minh giết.

Trần Khát Chân có vẻ buồn:

- Tôi không ngăn trở Bùi Bá Kỳ. Ông ta cứ làm theo cách nghĩ của ông ta. Nhưng còn về phần chúng ta, nếu như lòng dân có thể theo ta, điều đó chính vì chúng ta có đại nghĩa; mà một điều để chứng tỏ đại nghĩa là chúng ta không thể sơ suất thơ ngây, đem lòng tin vào kẻ ngoại bang. Họ không hào phóng cho không chúng ta đâu. Điều quan trọng trong cuộc mua bán này, chúng ta không thể dễ dàng đặt cọc nhân phẩm của riêng mình và non sông gấm vóc của tổ tiên.

Thái bảo Nguyên Hàng lặng đi, nhưng rồi ông cũng phải gật đầu:

- Huynh nghĩ như vậy là cặn kẽ. Vì nôn nóng nên tôi có phần nào sơ suất.

- Bá Kỳ cũng rất nôn nóng, nhưng phải nhận rằng ông ta là bậc trung thần. Tuy nhiên... mà thôi ta nên gác chuyện đó lại.

Nguyên Hàng hỏi:

- Vậy theo huynh, hiện nay ta có cách gì?

- Đệ nghĩ nên nắm lấy binh sĩ. Tôi là nhà võ nên biết có rất nhiều tướng sĩ của ta có lòng vì đại nghĩa. Ông thấy Đỗ Tử Mãn, Đặng Tất ra sao?

Trần Khát Chân lắc đầu.

- Còn Nguyễn Cảnh Chân, Trần Vấn?

Khát Chân lại lắc đầu.

- Còn xa kỵ tướng quân Phạm Khả Vĩnh? Ông này vô cùng kín đáo.

Khát Chân cười:

- Đúng ông ta thật kín đáo. Lắm lúc ta còn tưởng ông về hùa với Quý

Ly... Tuy nhiên, ông ta có mối giao tình với tôi.
- Ông nói sao?
- Khả Vĩnh có mối giao tình với tôi kể từ ngày đánh Chế Bồng Nga. Ông Vĩnh và tôi đều được Nghệ Hoàng phong tước hầu và chức tướng quân. Nghệ Hoàng còn ban yến riêng cho hai người. Lúc ăn, Nghệ Hoàng nắm lấy tay hai chúng tôi đặt lên nhau. Người nói: “Các khanh đã cứu nguy cho nhà Trần thoát khỏi một phen đại nạn. Ta nay đã già rồi, cũng sắp trở về với tiên tổ. Nhà vua hãy còn ít tuổi. Các khanh là những người giỏi quân cơ. Khi ta đã đi xa rồi, tới lúc đó chắc còn nhiều việc xảy ra. Mong rằng các khanh sẽ là những cột trụ cho nước nhà. Ta rất trông cậy ở hai khanh”. Nói xong thượng hoàng rơm rớm nước mắt. Càng ngày thái sư càng lộng quyền. Phạm Khả Vĩnh đóng cửa ở nhà ít giao du với mọi người. Ra triều đình, ông ta ít nói. Tôi thở dài cho rằng ông ta đã đổi chí, hoặc sợ hãi, nên mũ ni che tai, an hưởng thái bình, sống chết mặc bay. Cháu Khả Vĩnh là Phạm Tổ Thu làm gia tướng của tôi. Tôi thăm dò thái độ. Thu bảo: “Bác Vĩnh tôi rất kín đáo ngay cả vợ con, bác cũng chẳng bao giờ hở ra điều gì về việc triều chính”. Tôi nói: “Ông Vĩnh từ xưa đến nay vốn trọng lễ nghĩa và nghiêm trang, linh cẩn”. Tổ Thu dè dặt: chính vì vậy, nên tiểu nhân mới mạnh dạn xin đức ông trực tiếp gặp gỡ bác. Tôi hỏi: “Tại sao anh khuyên tôi như vậy? “ Tổ Thu thưa: “Chính vì bác tôi là người trọng lễ nghĩa”. Nghe lời khuyên của Tổ Thu tôi đến gặp xa kỵ tướng quân Phạm Khả Vĩnh.
Nhận được danh thiếp của tôi, tướng quân ăn mặc tề chỉnh cùng gia thuộc ra đứng chờ đón ở thềm nhà tiền đường. Câu đầu tiên của ông ta là: “Nhờ ơn sáng đức vua, nhờ tài kinh bang tế thế của quan thái sư, anh em ta mới được an hưởng thời thái bình như hôm nay...”.

Tôi như bị một gáo nước lạnh, đớ người ra. Sau đó, ông chuyện trò với tôi rất niềm nở. Tôi phải gượng gạo tiếp chuyện. Đang ở thế chủ động, tôi đâm ra bị động, mãi mới nhập được vai, làm cho câu chuyện bớt phần lúng túng. Sau đó, tôi định cáo từ ra về, nhưng Khả Vĩnh cứ ân cần mời tôi ở lại uống rượu, lấy cớ rằng bữa tiệc đại mai mà tôi mời ông đầu năm, ông không dự được vì ốm. Tôi lại đành gượng gạo ép mình vào tiệc, định nâng chén tiêu sầu mà lòng càng sầu thêm. Ông ta nhắc lại trận đánh Chế Bồng Nga ở Hoàng Giang. Ông kể chuyện, đôi mắt long lanh. Tôi hỏi: “Té ra quan huynh vẫn còn nhớ chuyện xưa?”. Ông ta cười hỏi lại: “Ông cũng còn nhớ chuyện xưa chứ?”. Lúc đó tôi cũng cười. Mấy đứa gia nhân chạy xuống bếp lấy thêm rượu và món nhắm. Đến bấy giờ, Vĩnh mới hỏi tôi: “Còn việc thượng hoàng ban yến sau đó. Ông có nhớ không “Quên sao được!”. “Hôm đó hoàng thượng khóc” - rồi dặn dò chúng ta...”. “rồi cầm hai tay chúng ta đặt lên nhau” - “tôi không quên?” - “Cả tôi cũng ghi sâu trong lòng?” Chúng tôi cầm tay nhau cười lên ha hả. Đúng lúc đó bọn gia nhân mang thêm thức nhắm và rượu lên.

Trần Nguyên Hàng trầm ngâm:

- Tôi hiểu ý bác. Ngoài Phạm Khả Vĩnh, trong triều còn nhiều người cùng chí hướng với chúng ta nhưng không dám bộc lộ ra.

Tôi chắc vậy. Còn vài người chủ chốt như trụ quốc Trần Nhật Đôn, hành khiển Lương Nguyên Bưu, thượng thư Hà Đức Lân...

Thái bảo Nguyên Hàng rất chú ý đến triều chính, nên việc nhân sự thuộc như lòng bàn tay:

- Trần Nhật Đôn là tôn thất, lại chơi thân với Sư Hiền, cứ nhờ Sư Hiền thăm dò là tốt hơn cả. Lương Nguyên Bưu và Hà Đức Lân từ trước đến nay chúng ta vẫn dè dạt không dám quan hệ, vì họ được

Quý Ly kéo vào vây cánh. Chính Quý Ly, sau khi thượng hoàng băng, đã cất nhắc họ vào chức hành khiển, làm người thân tín bên cạnh Thái sư. Tuy nhiên. chừng hơn năm nay tình thế đã khác. Lương Nguyên Bưu vốn dòng dõi vinh hiển lâu đời, tổ tiên làm quan từ đời nhà Lý; cụ nội Bưu lại có công lớn trong trận đánh Toa Đô, được vua Trần Nhân Tôn phong tước hầu. Bưu là người tài, lúc đầu Bưu tâm phục Quý Ly, nhưng từ khi thái sư bắt dời đô vào Thanh Đô Trấn. Ông ta thay đổi hẳn. Việc Quý Ly bắt ông dỡ điện Thuỵ Chương và Đại An đem vào xây dựng Tây Đô, đã làm ông phẫn nộ. Có người thân cận với Bưu đã cho tôi biết tâm sự kín đáo của ông. Còn Hà Đức Lân năng nổ nên được Quý Ly tin cậy Nhưng gần đây, ông rất ưu tư. Nhất là chính sách hạn điền, bắt người có ruộng tự cung khai, cắm biển đề tên chủ ruộng, ai thừa số quy định thì sung công. Hành khiển Hà Đức Lân phản ứng, chỉ dám nói với người thân tín trong phủ: “Đặt ra phép này chỉ cốt để cướp ruộng của dân mà thôi”. Thế mà câu nói đó cũng đến tai Quý Ly. Thái sư giáng Lân từ chức hành khiển xuống thượng thư.

Thượng tướng Khát Chân vui vẻ:

- Việc chúng ta chỉ cốt nắm các đại thần. Cánh quan võ đã có tôi và tướng Khả Vĩnh. Còn cánh quan văn, xin ông lo liệu giúp. Việc cơ mật này chỉ vài người biết với nhau là đủ... Những ngày sắp tới, tôi lo thu xếp gia đình vào Tây Đô ngay kẻo Quý Ly ngờ vực. Trong lúc lộn xộn thế này, ta có nhiều cơ hội tiếp xúc với các vị đại thần... Tình thế khẩn trương lắm rồi, xin quan huynh cẩn trọng...

Hai người bái biệt chia tay. Nhà quan Thái bảo ở gần Quốc Tử Giám, sát Đại Hồ, chạy dài suốt từ phía Tây đến phía Nam Thăng Long, từ Quốc Tử Giám nối liền đến khu Trại Mai của Thượng tướng. Khát

Chân mặc giả dân thường, Phạm Ngưu Tất đội nón lá làm người lái đò chèo thuyền cho tướng quân. Trong đêm lạnh, con thuyền của Khát Chân xào xạc đi trong bãi sậy. Những con vạc từ mặt hồ bay lên, kêu ngơ ngác trong cái mù mịt hơi nước được ánh trăng chiếu vào trông như khói đục. Những người đánh cá trên hồ gõ nhịp đuổi cá, tiếng thanh tre đều đều buồn man mác. Một người đàn bà nào đó cất tiếng hát. Hát rằng:

...Can qua... rồi lại can qua...

Cái cò lầm lũi ai mà xót thương

Đêm trường... rồi lại đêm trường

Co ro cánh vạc gió sương lạnh lùng...

Thượng tướng nghe tiếng hát thấy nao nao trong dạ. Giọt sương đêm hay giọt nước mắt chợt đọng lại và chảy dài trên gò má vị anh hùng... Ông giơ bàn tay to, lạnh ngắt của mình quệt ngang mặt.

Hồ Quý Ly

Phần IX- Chương -1

Một ngày của Thái sư (Minh đạo 1)

Thái sư Quý Ly choàng tỉnh giấc, mồ hôi vã ra như tắm. Lại một cơn ác mộng. Từ lúc đó mắt ông cứ chong ra, không ngủ lại được nữa. Mới đến canh ba. Ông nghĩ ngợi liên miên: “Ta lại gặp ông ấy, Thật quái quỷ...” Trong giấc mộng, thái sư đã gặp Nghệ Hoàng. Ông vua già đang nằm võng đọc sách. Gió hây hây. Ông già đặt cuốn sách lên chiếc đôn sứ ở phía đầu võng, rồi che chiếc quạt trầm hương lên mặt, thiu thiu ngủ. Thái sư bước vào; ông tò mò cầm cuốn sách lên, nhìn vào trang giấy Nghệ Hoàng đọc dở...”Cái lo của nhà vua là ở chỗ tin người. Mình tin người sẽ bị người kiềm chế... Gần đến như vợ, thân đến như con, còn không thể tin; cho nên không thể tin ai vậy...” Đó là phần đầu chương phòng bị bên trong” của Hàn Phi, cuốn sách mà ông hầu như đã thuộc lòng. Thái sư lặng lẽ đặt cuốn sách xuống, rồi chậm chạp ngồi trên ghế chờ Nghệ Hoàng thức dậy. Trong lòng ông, trăm ý nghĩ vấn vương. Ông vua già tỉnh giấc ngay sau đó. Ông nhìn thái sư và cười.

Quý Ly lật đật:

- Tâu Thượng Hoàng...

- Thôi, thôi! Chúng ta cứ xưng hô huynh đệ như thời còn trẻ, lúc ta chưa làm vua và đệ cũng chưa làm tể tướng - Nghệ Hoàng ngẫm nghĩ một lúc, rồi lại mỉm cười - Đệ biết không, ta có thể đoán những ý nghĩ của đệ lúc này.

- Huynh nói sao?

- Ông em yêu quý ạ, có phải đệ nghĩ rằng: ông già khờ khạo ấy cũng đọc Hàn Phi à? Đọc để làm gì?

Quý Ly tỏ ra vô cùng ngạc nhiên, nó hiện ra trên nét mặt. Ông lúng túng:

- Tâu Thượng Hoàng...

- Đã bảo rồi mà. Chúng ta cứ thân mật như xưa... Ta đã chết rồi... Anh hồn nay chỉ còn là phảng phất... Cần gì những lời khách sáo... Mà thôi. Để ta giải thích cho đệ nghe... Sách của Hàn Phi chính thực là sách viết cho vua chúa. Sách dạy làm vua, dạy giữ quyền hành, dạy cách điều khiển trăm quan... Sách dành cho vua chúa mà không đọc, có hoạ là khờ... Các bậc tri giả nói: “Vua hiền không nên đọc Hàn Phi, Bá đạo!” Người ta vẫn bảo ta hiền, nhưng ta không tin, và ta vẫn đọc sách bá đạo ấy. Và nhờ nó, ta hiểu đệ hơn.

- Thượng Hoàng hiểu thần ra sao?

Nghệ Hoàng bỗng thở dài:

- Ta nghe nói đệ hơn ta một bậc. Không những đọc mà thôi, đệ còn thuộc lòng sách đó.

- Quả thực, thần có xem kỹ Hàn Phi.

- Đệ thấy ra sao?

- Dạ, một cuốn sách sâu sắc

- Thôi Đệ đừng nhắc lại những lời sáo mòn mà bao nhiêu người đã nói. Ta muốn nghe ý riêng của đệ.

- Dạ, một cuốn sách rất hay. Thần cũng thấy đã làm vua thì phải đọc nó. Ở đấy dạy ta bao nhiêu cách để giữ gìn ngôi vua. Tuy nhiên... có một điều thần rất quan tâm, sách lại không nói...

- Điều gì? - ông vua già tỏ ra sốt ruột

- Ông ta không dạy được một điều, đó là: Khi đất nước đã trở nên

thối nát, bị trăm lũ sâu mọt đục khoét; khi người nông phu chết đói đầy đường; khi dân hèn bị lũ cường hào bóp hầu bóp cổ, không chỗ kêu oan; khi nhân tài bỏ lên rừng ở ẩn; khi ngoại bang dòm ngó và giặc cướp tứ tung. thì lúc đó người quân tử phải làm gì?

- Đệ nói câu: “Lúc đó người quân tử phải làm gì?” tức là đệ thành thật đấy. Ông già Sư Hiền nói “Thời thiên tuý” thế mà hay? Thời buổi trời say. Ông trời là người cầm cân nẩy mực cho muôn vật đã say rồi thì làm gì mà chả được. Có kẻ trốn lên rừng, hay tu giữa chợ, mạc xác sự đời, cốt sao cho phỉ chí riêng mình là được Có kẻ giữ chữ trung trinh với vua cũ, bằng mọi cách để vẹn chữ trung; bằng mọi giá để diệt những kẻ Chống lại chữ trung; âu cũng là một cách sống. Nhưng có những kẻ vỗ tay ha hả, cho rằng thời cơ đã đến, tụ họp những phường yêu ma quỷ quái để tạo phản, hòng lập nên một vương triều mới.

Quý Ly cau mày:

- Một thời thế mới thì đúng hơn.
- Sao? Thời thế mới ư?

Quý Ly bỗng nhiên trở nên rất bình tĩnh. Ông muốn cố gắng tìm cách làm cho Nghệ Hoàng hiểu:

- Biết làm sao được! Đệ quý trọng và biết ơn huynh lắm chứ. Nhờ có sự tri âm của huynh nên đệ mới được như ngày nay. Nhưng khi mà cơ đồ đã rệu rã; khi mà toàn bộ quan lại chỉ là lũ sâu mọt; khi mà nhà Trần không có nổi một nhân tài tầm cỡ; khi mà tất cả phải cày xới lên để gieo giống mới, thì dù nhà Trần có công vĩ đại với Đại Việt cũng phải trải qua một nạn kiếp, muôn dân cũng phải trải qua một cuộc đổi đời... Đau thương đấy? Tàn nhẫn đấy? Nhưng đệ biết làm sao được Đành phải sai lời thề với huynh.

- Bây giờ, ngươi mới dám tự lật mặt nạ. Cả đến lời thề ngươi cũng dám vứt bỏ sao?
- Vứt đi!
- Cả đến tình nghĩa ngươi cũng dám vứt bỏ sao?
- Trái lại? Chính vì nhân nghĩa nên đệ vứt bỏ.
- Hỡi thiên hạ! Hãy đến mà xem một sự trơ trẽn! Hãy đến mà xem một loài rắn độc? Ta tin cậy ngươi, ta gây dựng cho ngươi, ta vun vén cho tài năng của ngươi, ta đem tình nghĩa trao tận tay ngươi. Để đền đáp lại, ngươi đã tráo trở... ngươi đã phản bội.
- Nghệ Vương? Ông hãy bình tĩnh lại đi! Hãy hiểu cho tôi... Hãy hiểu đến lẽ tuần hoàn...
- Ta không muốn hiểu? Ta không cần hiểu? Ta phải giết ngươi. Ta phải tự tay bóp chết cái mầm tráo trở, mà chính tay ta xưa kia đã vun trồng.

Nói đoạn, ông vua già chồm đến với tất cả sức mạnh thù hận. Những ngón tay khô gầy, dài ngoẵng như những vuốt sắt, bám chặt vào cổ Quý Ly, để cấu xé, để phanh toạc; ông muốn như loài bạch tuộc, rút kiệt thứ máu tanh hôi, phản trắc.

Hồ Quý Ly hét lên, cố giẫy giụa để thoát ra khỏi hai cánh tay gầy guộc, khỏi những nanh vuốt thù hận, độc địa, nhưng không tài nào thoát nổi. Không hiểu sao, tay ông lại có sẵn một con dao, ông cũng dùng hết sức đâm vào cái bóng ma già nua. gầy guộc của Nghệ Hoàng. Ông đâm liên hồi, còn những móng vuốt của Nghệ Tôn cũng siết chặt thêm, hình như một chiếc vuốt sắc móc cả vào tận trái tim ông. Máu của cả hai bên ồ ồ chảy ra, nhấn chìm cả Quý Ly và Nghệ Tôn xuống cái ao mầu đỏ. Quý Ly đau một cái đau khủng khiếp, điếng dại cả tâm hồn. Ông ú ớ, rồi thét lên, gào lên như muốn phá

tan lồng ngực và cả khối óc nữa, cho cái đau tan loãng đi.”
Tiếng hét ấy làm ông tỉnh giấc. người lạnh toát, quần áo ướt sũng.

***

Cũng như những đêm mất ngủ khác, Quý Ly triền miên trôi theo những dòng suy nghĩ...

Năm Nhâm Thân (1392) thái sư hoàn thành cuốn sách Minh Đạo. Cái đạo sáng, đó là ước mơ cả đời của ông. Dù bận việc triều chính, hằng đêm, ông vẫn chong đèn nghiền ngẫm viết nên cuốn sách tâm huyết đó. Một cuốn sách táo tợn! Ông phê phán Khổng Tử đã đến yết kiến nàng Nam Tử, vợ vua Vệ Linh Công, một người đàn bà tà dâm. Ông chê sự kém minh mẫn của ngài, khi Công Sơn Phất Nhiễu. Công Sơn Phất Hất đều là những kẻ tầm thường, kém tư cách, thế mà Khổng Tử đã có lúc muốn thờ làm chúa. Rồi thái sư lại phê phán cả Chu, Trình hai bậc đại nho thời Tống, hai người dựng nên lý học. Họ là những con người viển vông, không nghĩ đến việc đời. Có thể họ giỏi đấy, học rộng đấy nhưng chẳng có lợi gì cho dân Đại Việt chúng ta cả. Ông ca ngợi vua Trần Minh Tông, khi hai nhà nho nổi tiếng là Lê Quát và Phạm Sư Mạnh khuyên vua sửa đổi việc nước theo khuôn mẫu lễ giáo của Trung Hoa. Vua Minh Tông bảo: “Nhà nước ta đã có phép tắc nhất định. Nam, Bắc khác nhau. Nếu theo kế của kẻ học trò mạt tráng cố tìm đường tiến thân thì sinh loạn to ngay”.
Lúc đó Thượng Hoàng Nghệ Tôn đọc xong cuốn Minh Đạo liền ban tờ chiếu khen ngợi:
- *Ta trộm nghĩ: đúng là Nam Bắc mỗi phương một khác.*
Như tiên ta khi xưa, đức Trần Nhân Tôn hai lần đánh tan giặc

Nguyên, uy danh lừng lẫy; vậy mà vẫn không quên tục lệ xăm vẽ hình giao long trên người, giống như người Lạc Việt cổ, đến khi già lại lập nên thiều phái Trúc Lâm, làm bậc bồ tát riêng một cõi. Đến như Trần Hưng Dạo, đánh giặc cũng đánh theo kiểu sông kiểu nước, khiến cho phương Bắc đôi phen khiếp vía kinh hồn. Và cả đến cha ta; đức Minh Tông sáng suốt, cũng không hùa theo kẻ học trò mặt trắng để làm loạn nề nếp tổ tông.

Nay, ta đọc sách Minh Đạo của quan Bình Chương, thấy ngay được tinh thần riêng một cõi. Thánh hiền là người xa xưa, chúng ta là người bây giờ. Thánh hiền cư ngụ phương Bắc, chúng ta bờ cõi phía Nam. Không thể theo thời xưa để có hại cho thời nay. Không thể hoàn toàn theo Bắc để có hại cho lề thói nước ta. Thế mới biết, tài trí chẳng phân Nam Bắc.
Nay ta ban chiếu này, tỏ lời khen ngợi.
Khanh hãy khá hết lòng vì nước non gấm vóc, khá hết lòng vì ấu chúa dại thơ. Tài đấy! Trí đấy!
Hãy đem ra thi thố, sao cho Minh Đạo rạng ngời, hẻo phụ lòng ta mong đợi...

***

Đọc xong tờ chiếu, thái sư rưng rưng cảm động.
Đúng Nghệ Hoàng là tri kỷ của ông.
Chỉ ít lâu sau, cuốn Minh Đạo bỗng trở thành đề tài cho mọi người xì xào bàn tán.
Ông nhớ lại hồi ông mới viết xong cuốn sách. Những người ông cho xem đầu tiên là những người gần gũi ông nhất: Hồ Hán Thương, Nguyên Trừng, Nguyễn Cẩn... Ông muốn biết phản ứng của những

người còn trẻ, còn nhiều nhiệt huyết. Bữa ấy, ông muốn đàm đạo với ba người trẻ tuổi đó về Minh Đạo. Phòng riêng của ông ở cạnh thư phòng nơi ông sẽ gặp họ. Ông còn đang đọc sách bỗng nghe thấy từ phòng bên ấy vang lên tiếng đàn nguyệt. Trừng đấy! Cậu con cả đấy. Nó lại đánh đàn ở thư phòng. Đánh đàn tức là nó vừa uống rượu xong. Trừng thường có thói quen như vậy. Trừng hát rằng:

Đàn ơi đàn hỡi, hề ta muôn điên say.

Thanh trầm thanh bổng, hề ta vui tối ngày

Mỹ nữ u buồn, hề anh hùng bảng lảng

Thiên hạ đại loạn, hề biết làm chi đây.

- Đêm nay thân phụ gọi ta đến. Người muốn giảng sách Minh Đạo. Đường sáng ư? Đạo sáng ư? Sao mắt ta chỉ thấy toàn một mầu xám xịt. Đường ở đâu? Đường ở đâu? Đêm qua, ta đốt bạch lạp đọc sách Minh Đạo suốt đêm. Thật dị kỳ? Ta bị thu hút, không rời khỏi được những trang sách lạ lùng. Những ý tưởng làm con người muốn cuồng nộ, muốn điên rồ, muốn đứng lên để xoay vần, đắp đổi lại núi sông này. Trước mắt ta thấy hàng đoàn những hồn ma đang khai sông phá đá. Tay ta run lên, đầu ta nhức buốt. Ngủ một ngày dài mà vẫn thấy những ngón tay ta lẩy bẩy. Hỡi nguyệt cầm dịu dàng! Hãy cất tiếng lên làm liều thuốc để êm dịu lòng ta.

Tiếng đàn lại cất lên thánh thót. Bên này buồng, thái sư cúi đầu suy ngẫm. Rồi ông đứng lên, đi đi lại lại. Tiếng đàn trầm bổng đó, hay những câu nói của Nguyên Trừng lúc nãy đã bắt ông suy nghĩ. Mắt ông chợt dừng lại trên tường, vào bức tranh núi yên Tử mà Trừng đã tặng. Trí óc ông chợt lạc vào những dòng thơ nôm của sư Huyền Quang được Nguyên Trừng viết như một đàn bướm trên bức hoạ:

Ngự sử mai hai hàng chầu rắp

Trượng phu tùng mấy chặng phò quanh.

Hình như cái sự đông đúc của cỏ cây ấy lại càng làm ông buồn thêm, ông buông tiếng thở dài. Chợt từ buồng bên một tiếng nói sôi nổi bỗng vang lên kéo ông trở về thực tại. Ông cười mỉm khi nhận ra tiếng nói của Hán Thương, cậu con trai thứ hai:

- Anh ạ, đêm qua em thắp một trăm ngọn bạch lạp. Ở khắp phòng, cả trên cao, cả dưới thấp, cả trên án thư, cả những xó xỉnh nơi cư ngụ của lũ gián, của bầy chuột bọ. ánh sáng bập bùng. Hãy cho ánh lửa rực rỡ thêm lên! Em bảo tên gia nhân và sai thắp thêm một trăm ngọn nữa... Những ngọn bạch lạp nối nhau, nắm tay nhau chạy quanh phòng ở. Và em đi giữa ánh sao sa ấy để đọc cuốn sách Minh Đạo của cha. Đường sáng! Đạo sáng! Ôi! Em cảm thấy cứ mỗi bước đi là chạm phải những mảnh sao sa nóng bỏng. ý tưởng của cha như những viên ngọc lấp lánh trước mặt. Em đi suốt đêm trong phòng dát đầy ánh sao, vừa đi vừa đọc to những lời tâm huyết của cha. Đọc liên tục, đọc mải miết đến nỗi trời sáng lúc nào chẳng rõ. Minh Đạo vạn tuế! Cám ơn người cha kỳ diệu đã cho em cuộc sống, lại còn cho nhìn rõ những ánh sao trên con đường mà em đang bước...

Quý Ly lặng im, nhắm mắt lại. Ông hiểu sự nhiệt tình của Hán Thương. Nó giống ta - ông thầm nghĩ - Còn Nguyên Trừng thì sao? - ông tự trả lời ngay sau đó - Nó cũng giống ta, nhưng... còn khác ta...

Ông không kịp suy nghĩ tiếp vì một tiếng nói thứ ba cất lên, tiếng nói của Nguyễn Cẩn:.

- Minh Đạo là gì? Đó là đường đi của minh chủ. Tôi đã được sống gần minh chủ. Tôi hiểu tâm huyết của người...

Hai chữ minh chủ của Cẩn làm ông xúc động. Nó chứng tỏ Cẩn có nhiều suy nghĩ. Ở thời buổi đại loạn có bao người xứng được gọi là

minh chủ. Những người lỗi lạc thường phải đắn đo suy ngẫm, bởi vì chỉ một bước chệch chân sẽ ôm hận ngàn năm. Đem tấm thân gửi gắm cho ai? Người hiền tài như cô gái đẹp, sao cho bõ công trang điểm má hồng. Ở thời thiên tuý giả hay thật quả là mù mờ hỗn độn. Một người nào đó đã nói: thà làm hoa hèn cỏ dại, chịu nát trong rừng sâu núi thẳm, còn hơn thờ một kẻ thất phu... Có người nói Phạm Sư Ôn xứng danh minh chủ. Nhà sư đó là kẻ thù của ông, nhưng thái sư vẫn trọng. Ông ta thật hào hùng, tiếc thay vẫn còn thiếu một cái gì đó mà nhà Phật gọi là đại trí. Ngẫm lại mình, ông đã xứng đáng một minh chủ hay chưa? Người đời vẫn gọi ông là một kẻ gian hùng. Ông thở dài... Thôi, cũng đành mặc miệng thế gian! Chỉ cốt ta thành công. Mà cả sự thành công nữa, ông cũng mong nó ở một tầm cao mà người đời không thể nhìn thấy... Còn Trần Khát Chân, Trần Nguyên Hàng thì sao? Họ có khả năng trở thành minh chủ chăng? Ông không tin. Ở họ bốc lên mùi mốc meo cũ kỹ. Nhưng họ là những người trung thực, những người tài. Ông vật lộn với họ, nhưng vẫn tiếc, vẫn trọng...

Ông cứ nghĩ miên man như vậy và chợt hiểu ra một điều: ý định giảng giải Minh Đạo của ông đêm nay không cần thiết. Những người như Hán Thương, Nguyễn Cẩn, với ông vốn đồng thanh tương ứng. Họ chỉ cần đọc qua sách là hiểu; thậm chí chưa cần phải đọc, họ đã hiểu ông; bởi vì họ với ông là một, họ có thể cảm nhận được ông. bởi vì trong họ đang chảy một bầu máu nóng hoàn toàn mới mẻ. Ở những cuộc đổi đời nào cũng vậy, họ là những người làm nên sự đổi đời, họ sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn, họ là những người anh hùng. Còn những người như Nguyên Trừng, những kẻ thông minh, có thừa nhiệt huyết để làm anh hùng mà chẳng chịu làm; mỗi bước họ đi đều

suy ngẫm đắn đo, họ bị sự nghi ngờ vò xé. Chính những người như vậy ông rất thích; bởi vì họ có thể là lỗi lạc; bởi vì đấu tranh với họ, vật lộn với họ, đối thoại với họ, tức tự vật lộn, đối thoại với chính mình. Sự đấu tranh ấy, sẽ xua tan nốt đi những ngờ vực bản thân, mà những tư tưởng dù lớn thế nào vẫn có; sẽ bịt nốt những kẽ hở, thiếu sót, mà một bộ óc phi phàm đến đâu cũng có thể mắc phải.
Tối hôm ấy, Quý Ly bãi bỏ cuộc nói chuyện với ba người. Sáng hôm sau, ông gọi riêng Nguyên Trừng đến:
- Cha thấy không cần hỏi ý kiến Hán Thương và Nguyễn Cẩn, chỉ muốn hỏi ý riêng của con về cuốn Minh Đạo.
Nguyên Trừng nói:
- Con nghĩ cuốn sách hay là cuốn sách có nhiều điều đáng bàn. Minh Đạo của cha như vậy. Chính cha là người nước Nam đầu tiên đã dám xem xét lại đức Khổng Phu Tử. Đức Khổng là mặt trời đạo Nho. Mặt trời còn đem ra bàn luận, chắc sách của cha cũng nên đem ra bàn luận.
- Con nói rõ ý thực ra sao?
- Sách của cha chẳng qua là một biến pháp.
- Tốt hay xấu?
- Quản Trọng làm biến pháp. Tử Lộ, Tử Cống chê, nhưng đức Khổng Tử lại khen hết lời, bởi vì họ Quản đem lại văn hiến cho đời. Thương Ưởng, Lý Tư làm biến pháp cũng có phần thành công, nhưng thiên hạ đời sau nhiều người chê, vì đem lại cho dân lành nhiều điều ai oán.
- Ta khác họ Thương họ Lý chứ. Ta đâu có đốt sách chôn nho. Ta làm sách, khuyến hiền, đem việc học đến tận làng xã. Ta muốn làm văn hiến...

Nguyên Trừng tiếp:

- Minh Đạo của cha không câu nệ chữ Trung.

- Đúng. Quản Trọng không chết theo công tử Củ, trái lại còn thờ Tề Hoàn Công là kẻ thù của Củ làm minh chủ.

- Quyển sách của cha bàn về sự đổi thay, nhưng là sự đổi thay cực nhanh. Và điều đáng bàn chính ở chỗ đó.

Quý Ly nhíu mày:

- Sao lại đáng bàn?

- Đức phu tử muốn trong một nước, người nào lo việc người nấy. Dân lo việc của dân, quan lo việc của quan, vua lo việc của vua. Không được lạm bàn việc người trên. Nay, cha làm quan lại bàn việc của vua, thậm chí lại dám khen chê cả lời của Phu Tử. Vì muốn nhanh nên chẳng theo vết người xưa. Cha đã phạm chính danh. Chính vì vậy kẻ sĩ trong nước nhao nhao phản đối. Lại cũng vì muốn nhanh, nên chính sách thay đổi. Người dân đen chỉ muốn ăn no ngủ kỹ. Trong khi đó, lúc thì cha ban chiếu tiền giấy, lúc thì hạn nô, rồi hộ khẩu, chính sách liêm phóng... Kẻ thừa hành nhân cơ hội đục nước béo cò. Cha ơi cha? Xin hãy nghe con. Con xin dâng lời nói thẳng: Lòng dân không theo cha đâu.

- Nào, nào? Bình tĩnh lại đi Nguyên Trừng. Ta biết, nhiều điều con nói đúng. Nhưng con vẫn thiếu sót ở một điều cơ bản: đó là đất nước ta quá ư hỗn loạn, cần có một thay đổi, cần có một sự đảo lộn. Lẽ dĩ nhiên, tàn nhẫn đấy, đau thương đấy, nhưng ta sẽ cố gắng cho bớt đầu rơi máu chảy. Chỉ duy có một điều bất lợi cho ta: Nhà Minh đang lăm le nhòm ngó. và họ đã ổn định, đã hùng cường rồi. Trong khi đó công việc của nước ta còn đang bê bối. Việc chưa xong, lòng người lại khảng tảng. Ta chỉ cầu mong trời cho ta được hai chục năm nữa...

Nguyên Trừng? Hãy tỉnh lại đi! Đừng uỷ mị thế, con... Chỉ cần hai mươi năm nữa thôi, ta sẽ đào tạo một lớp kẻ sĩ mới. Bọn hủ nho này lúc đó đã chết, lo gì lòng dân chả ngả về ta...

Hồ Quý Ly

Chương 2

Chỉ riêng Đoàn Xuân Lôi, trợ giáo Quốc Tử Giám, phản đối cuốn Minh Đạo của Hồ Quý Ly kịch liệt nhất. Ông viết hẳn một lá thư dài, dâng vua để phản đối cuốn sách đó.

Ông là người kiên trì đạo Khổng hiếm thấy. Từ trẻ đi học đã nổi tiếng liêm chính ngay thẳng, đói sạch rách thơm. Mọi thứ với ông đều phải hài hoà nghiêm chỉnh. Nhà ở thì cửa phải chính giữa không được sai một phân. Cửa sổ phải cân đối, đều đặn ở hai bên. Nhà lệch lạc không ở. Bát không sạch không ăn, áo bẩn không mặc. Nét mặt ông bao giờ cũng nghiêm trang, ăn nói từ tốn, chọn từng chữ để nói. Vua Nghệ Tôn có một người thày đàn rất giỏi, biết xử dụng mọi thứ nhạc cụ một cách tinh vi. Nghệ Hoàng rất yêu quý; người thầy đàn thường được gọi vào cung đánh đàn cho vua nghe. Một bận Đoàn được Nghệ Hoàng triệu tập. Ông vào cung Thánh Từ, lúc đi qua khu nhạc đường là nơi tập luyện ca múa của cung nữ. Ông chợt nghe thấy một điệu hát nỉ non ai oán. Nhìn vào thấy người thày đàn đang dạy các

cô cung nữ múa hát một điệu Chiêm Thành. Ông bèn về viết bản tấu về lễ nhạc, quyết gìn giữ sự trong sạch của cung cấm, không cho phép thứ nhạc sầu thảm ấy được lọt vào tai thiên tử:

Thiên tử là bậc tôn quý. Cung vua là nơi ngự trị thái hoà. Bất cứ một điều gì làm hại đến sự hài hoà của nơi tôn nghiêm đều phải loại bỏ. Kìa, xem nhu trên nóc điện Đại Minh, rồng chầu còn phải có đôi mà vầng nhật nguyệt biểu tượng cho bậc thánh thiên tử thì phải nằm ngay chính giữa.

Thần trộm nghĩ: tiếng nhạc ai oán ấy là một điều xộc xệch. Xưa kia, Lý Cao Tông nghe gẩy đàn Bà Lỗ, nhạc Chiêm Thành mà nhà Lý mất ngôi. Gần đây Dương Nhật Lễ vì biến cung đình thành một chốn hát xuống nên đất nuộc ta phải trải qua một thời nghiêng ngả...

Nghệ Hoàng tiếc tài người thày đàn, không nỡ loại bỏ. Xuân Lôi dâng biểu ba lần, cuối cùng người thày đàn buộc phải trở về nơi quê cũ vùng núi Lạn Kha. Những năm vừa qua, giặc Chiêm Thành liên tục ra đánh phá Đại Việt, khi giặc đến, nhân dân chạy hết vào rừng núi, hoặc trú ẩn ở những đầm lau sậy. Quê ông cũng phải chạy giặc như vậy. Giặc tiến công mạnh quá, do đó một số người đầu hàng, theo giặc. Làng ông nằm trong vùng điền trang của hoàng thân Nguyên Diệu. Diệu đầu hàng Chế Bồng Nga nên một số dân làng cũng theo chủ hàng Chiêm. Sau khi Trần Khát Chân diệt được họ Chế, Lôi về làng và thề rằng: "Đất làng này theo giặc, ta thề suốt đời sẽ không bao giờ dẫm chân lên đất này nữa". Quả nhiên, suốt đời ông giữ vững lời thề ấy. Vì mồ mả tổ tiên Lôi đều ở làng quê nên người cháu trưởng của ông phải ở lại coi sóc mồ mả, khói hương ở nhà thờ họ. Do đó, tết Nguyên Đán, ngày giô tổ tiên, Lôi vẫn phải về quê. Đã thề không thèm đặt chân lên đất làng, nên ông phải giữ chữ tín. Ông bèn

giải quyết bằng cách đi kiệu về làng. Kiệu vào thẳng trong nhà, sát chiếc giường ngủ; hạ kiệu ông lên giường ngay. Thậm chí, ra thăm ao thăm vườn, đi tảo mộ, ông cũng ngồi trên ghế kiệu, không hề dẫm chân xuống đất.
Người đời bảo ông là đồ gàn, nhưng vẫn phải nể trọng. Ông nói:
- Kẻ sĩ đâu chỉ nói thao thao những lời thánh hiền. Cái chính là việc làm. Việc gì đúng lời thánh hiền, chết cũng làm. Việc gì sai với lời thánh hiền, chết cũng không khuất phục.

Lá thư ông dâng Nghệ Hoàng để phản đối cuốn Minh Đạo có đoạn viết:

Đức Khổng Phu Tử là bậc thầy của ngàn đời. Hành vi của người là khuôn vàng thước ngọc cho hậu thế. Quan thái sư trách nhiệm điều hoà âm dương, ngày đêm ở bên cạnh thiên tử, việc ăn nói phải cân nhắc kỹ lưỡng; cớ sao dám khinh xuất bàn đến... Thật là không biết tự lượng sức mình.

Trong sách có thiên bàn về kế sách, Thái sư đưa ra những chính sách như ruộng đất, hộ khẩu, tiền tệ v.v... hoàn toàn trái ngược với kế sách của tổ tiên. Há chẳng nghe thấy câu chuyện đức Trần Minh Tông nói với bọn Lê Quát, Phạm Sư Mạnh hay sao: “Không thể tin nghe theo bọn học trò mặt trắng để làm loạn nề nếp tô tiên”. Nay, đất nước ta đang gặp cơn khó khăn, mất mùa, bão lụt. Nông dân đói khát nghe lời xúi dục của bọn phản loạn, rủ nhau kéo bè kéo đảng đi ăn cướp. Những kế sách của thái sư phải chăng như lửa đô thêm dầu, gây thêm mầm phản loạn. Trộm nghĩ: dục tốc bất đạt. Những ý

kiến của thái sư chẳng hợp với đạo Trung Dung. Nay, thái sư xem xét lại tiên thánh, chê bai đức Phu Tử, phê phán các bậc đại nho Chu Trình, rồi đảo lộn nề nếp tổ tiên, có lẽ nào vì trong lòng quá ư nôn nóng. Nếu như vậy còn có điểm khả dĩ, có thể sửa mình. Còn nếu như chỉ là ngông cuồng, điếc không sợ sấm, lại bàn đền những điều quá u to tát, thì thần nghĩ việc đầu tiên phải huỷ cuốn sách, sau đó thiên tử phải ra tay sấm sét, quở trách, biếm chức, xử tội, để làm gương cho hậu thế...

Hồ Quý Ly được Nghệ Hoàng cho đọc lá thư. Đọc xong, ông vừa buồn, vừa tức giận. Buồn vì con mắt của bọn nho gia sao mà hạn hẹp. Đoàn Xuân Lôi đỗ Thái học sinh, được người đời khen là kẻ sĩ có tư cách. Cứng cỏi thật! Chính trực thật! Dám chống lại ta lúc này quả là có dũng khí. Chỉ đáng tiếc, tầm mắt ngắn quá. Kẻ sĩ đại phu mà như thế sao? Chẳng lẽ lại chỉ như thứ cuốc kêu ra rả, cúi đầu tầm chương trích cú người xưa? Bước ra khỏi nhà là sợ, bước ra khỏi sách là run rẩy. Than ôi? Sách là lầu vàng, nhưng sách cũng là tù ngục. Thế mới biết, Nghệ Hoàng có con mắt tinh đời. Cũng là một câu của Trần Minh Tông: “Đừng nghe theo bọn học trò mặt trang làm loạn nề nếp tổ tông”. Ông đã hiểu khác hẳn Xuân Lôi. Ta đổi thay nề nếp xưa, Nghệ Hoàng không cho là loạn, bởi vì ông hiểu thời thế đã xoay chuyển, chính sách phải thay đổi. Cũng bởi vì ông hiểu ta không muốn nước Đại Việt giống phương Bắc; nước non một cõi, văn hiến phải khác. Có lẽ kẻ đọc sách Minh Đạo, Nghệ Hoàng là người tri âm tri kỷ nhất của ta. Cũng chính vì vậy - Quý Ly thở dài - nên ta cứ dùng dằng... không nỡ...

Đưa cho Quý Ly đọc xong lá thư, Nghệ Hoàng bảo:

- ý nghĩ của Bình Chương khác người, táo bạo...
- Phàm cái gì mới lạ, người ta hay chống lại. Đó là lẽ thường tình. Xuân Lôi học rộng, có khí tiết, nhưng chưa thuần. Thái sư chỉ cần quở trách nhẹ nhàng là đủ. Quý Ly thấy phải, không trị tội nặng, chỉ biếm chuyển Đoàn Xuân Lôi ra châu gần. Lôi làm trợ giáo Quốc Tử Giám nên được cử đi trông coi việc học của Châu Vạn Ninh vùng Vân Đồn.

Quan thái sư rất quan tâm tới việc học. Ông thấy các lộ, phủ, châu việc học chưa vào nền nếp, ông bèn đặt ra chức học quan, đề bạt một loạt những nhà khoa bảng, đưa về các địa phương trông coi việc học hành của dân. Ông chú ý đến những người đỗ đạt có tài nhưng chưa được cất nhắc đúng mức. Vừa qua Trần Mộng Dữ, con rể ông và là con trai quan tư đồ Trần Nguyên Đán về Côn Sơn thăm gia đình. Ông viết riêng một lá thư gửi cho Nguyễn Ứng Long, anh rể của Dữ. Ứng Long lấy Trần Thị Thái con gái quan tư đồ Nguyên Đán. Ứng Long cũng đỗ Thái học sinh cùng khoa với Đoàn Xuân Lôi .

Vì Ứng Long là dân thường lại lấy con gái hoàng tộc, Nghệ Hoàng cho rằng như vậy là bất kính, nên bỏ đi không dùng. Nay, Nghệ Hoàng đã băng, thái sư thấy đã đến lúc nên chuẩn bị dùng Nguyễn Ứng Long.

Nhận được thư của thái sư, Ứng Long viết một lá thư hồi đáp:

- Kẻ hàn sĩ quê mùa này nhận được lá thư của ngài gửi lời lễ vỗ về an ủi, lòng dạ chợt vô cùng cảm kích, biết ơn.

Tiểu nhân may mắn được đọc cuốn Minh Đạo của ngài, thấy từng dòng, từng chữ đều là những lời tâm huyết, mong cho nước mạnh dân giầu, mong cho cõi trời Nam ta sáng ngời văn hiến... Kẻ hàn sĩ xem Kinh Dịch thấy sau quẻ Tỉnh (giếng) đến quẻ Cách (thay đổi).

Giếng để lâu ngày nước tù đọng, thiếu phần trong sạch. Nay phải thau nước cũ, để dòng mạch mới chảy vào... Trong thư, đại nhân có khuyên tiểu nhân nên dùng tình đồng khoa để khuyên nhủ giúp những người còn mê lầm (ám chỉ đến Đoàn Xuân Lôi).
Trộm nghĩ: lời thoán từ quẻ Cách có nói: "Cách, dĩ nhật nãi phu...". Việc đổi thay, phải lâu ngày con nuôi mới hiểu được... Vậy nên, việc thay cũ đổi mới, ngược với thói quen cũ, con người, dù có được học hành, cũng dễ thủ cựu, cho là đa sư. Những kẻ như vậy chỉ là lẽ thường tình... chắc rằng chẳng chóng thì chày sẽ thay đổi... Xin đại nhân hãy rủ lòng kiên nhẫn... Việc đổi đời, làm thay sông đổi núi, công việc nhiều và nặng tựa thái sơn cần phải có nhiều người tài trí đồng lòng ra tay gánh vác.
Nay, đại nhân lấy việc nuôi dưỡng, khuyến khích kẻ hiền tài làm trọng... tiểu nhân trộm nghĩ tấm lòng âu lo ấy, tấm lòng đau đáu vì non sông ấy chắc chắn sẽ được thiên hạ ủng hộ, hưởng ứng...
Chỉ cúi xin đại nhân nghĩ tới câu: "Cổ lai thức tự đa ưu hoạn". Từ xưa đến nay, kẻ sĩ bao giờ cũng nhiều suy nghĩ lo lắng. Chúng tôi đi đâu, về đâu? Đó là câu hỏi của kẻ sĩ trong thời đại loạn. Cúi mong đại nhân thấu đến một câu nhân tình, mở rộng lượng bao dung chờ đợi. Được như vậy, loài ngựa ký ngựa kỳ hẳn không phải là thiếu. Kẻ sĩ như vậy cũng được nhờ, mà đất nước cũng có điều kiện bước vào thịnh hội...

Lá thư ấy, tối qua, thái sư vừa mới nhận được. Làm ông suy nghĩ mãi. Đến lúc này, trong giờ phút mất ngủ, ông lại liên miên nghĩ tới nó. Làm sao để thu phục được kẻ sĩ, một chiến lược lớn đã làm ông mất bao tâm huyết. Tại sao ông đã cố gắng hết sức chiều chuộng họ

mà họ cứ mãi xa rời ông. Tại sao Hán Cao Tổ đã đái cả vào mũ của kẻ sĩ mà cuối cùng kẻ sĩ vẫn theo ông? Tại sao Trần Thủ Độ đã tuyệt diệt hoàng tộc nhà Lý, hành động tàn ác hơn cả loài cầm thú, mà cuối cùng nhà Trần cũng được trăm họ đồng lòng ủng hộ, ba lần phá tan được giặc Nguyên hung ác? Đó là câu hỏi lớn mà ông nhất quyết phải tìm cho ra.

Hồ Quý Ly cứ chong mắt ra, nghĩ mãi, nghĩ mãi... Chợt một tiếng gà gáy làm ông giật mình. Trong hoàng thành nuôi rất nhiều gà chọi. Đó là tiếng con đầu đàn vang lên lẫm liệt, uy nghi. Tiếng gà oai hùng ấy vang lên ba lần rồi ngừng bặt. Sau đó, đủ trăm giọng gáy nối tiếp theo... Giọng sang, giọng hèn, giọng vang vang, giọng cụt lủn, giọng dõng dạc, giọng nhỏ nhoi... thậm chí cả tiếng ọ ẹ của những chú trống choai...

Thái sư Quý Ly bỗng ước ao mình cũng có được những tiếng gáy đồng ca đủ màu sắc như vậy...

Hồ Quý Ly

Chương 3

Con gà chọi của quan cai ngục gáy dồn báo hiệu bình minh. Có lẽ con gà xoàng nhất trong lũ gà ở đây, bởi vì nó gáy muộn nhất. Tiếng gáy lại quê mùa, như tiếng ho sù sụ của một ông già, chẳng có khí thế gì hết. Nhưng nghe nói nó lại là con gà chọi hay... Thời nhà Trần, cái thú chơi gà chọi được mọi người ưa chuộng. Tại Thăng Long, từ nhà quan đến nhà dân, không mấy nhà không nuôi gà chọi. Gặp ngày lễ tết, ngoài chợ, ngoài chùa, dưới gốc đa đầu làng, đâu đâu cũng có đám chọi gà. Gặp buổi thanh bình, con gà chọi hay, có nhà giầu mua tới vài chục quan tiền. Sử Văn Hoa chợt thở dài: “Rõ thật lẩm cẩm! Sao lại nghĩ tới gà chọi. Mình có thời giờ đâu, mà cũng có tiền đâu, để nghĩ tới việc chơi gà,” Bỗng nghĩ miên man, bỗng nhớ tới người vợ già cô đơn ở cái làng heo hút phía nam kinh thành. Ngày xưa, hồi trẻ, ông nghèo lắm. Cha mẹ mất sớm, một nhà sư ở vùng Hải Đông đem ông về nuôi. Thấy ông thông minh, Thiền sư Vân Tiên dạy ông học. Dạy đủ tao giáo, Nho, Phật, Lão. Sắp đến kỳ vua mở khoa thi, Sư Vân Tiên bảo:

- Số của con còn nhiều duyên nợ trần gian. Con phải đi thi để gánh

hết duyên nghiệp của mình. Đạo là con thuyền lớn để mọi người cùng đi. Tăng và tục cũng chẳng khác gì nhau. Con nên nhớ câu: ở đâu có tâm tức là có đạo.

Văn Hoa lạy tạ thiền sư, khăn gói lên đường ra Thăng Long. Gần đến khoa thi, anh học trò nghèo Văn Hoa phải đến nghe giảng tại trường học của một bậc đại nho mở bên bờ sông Tô Lịch, phường Giang Khẩu.

Hàng ngày, Văn Hoa vẫn thường gặp một cô hàng bán rượu đến cửa trường bán cho các thày khoá. Thấy một anh học trò nghèo, quần áo rách, mặt mũi sáng sửa, không bao giờ mua rượu, cô lấy làm lạ, bèn lân la hỏi chuyện. Anh trả lời:

- Quê tôi miền Hải Đông, tiền bạc chẳng dư dật, lấy đâu ra để tiêu xài chè rượu. Vả lại, tôi ở chùa từ nhỏ... Nhà chùa có ngũ giới, trong đó cấm rượu là một...

- Thày ra Thăng Long có nơi nào ở trọ?

- Tôi trọ ở chùa Tiên.

Ngôi chùa này ở nam kinh đô, nằm cạnh Thái Hồ, trước có hoà thượng người Chiêm Thành trụ trì. Các sư thày cũng người Chiêm có nghề đục đá. Họ đục hình những con voi, con hươu, con trâu... đặt hai hàng từ cổng chùa đi vào và trong vườn chùa. Tượng hình khéo léo tinh xảo, tạo nên một nét riêng, không giống mọi ngôi chùa khác: Hoà thượng bị giết khi Chế Bồng Nga ra đốt phá Thăng Lon,. các sư thày sợ hãi nên cũng bỏ đi hết cả. Ngôi chùa Chiêm Thành biến thành ngôi chùa hoang, làm nơi trú ngụ cho những kẻ phiêu bạt vô gia cư và những thày khoá ở tỉnh xa về Thăng Long trọ học. Cô hàng rượu đến thăm, thấy cảnh đổ nát của ngôi chùa, và cảnh cơm niêu nước lọ của Văn Hoa nên động lòng thương, vẫn thường qua lại

giúp đỡ.

Văn Hoa thi đỗ. Nhiều nhà tai mắt ở Thăng Long gọi đến gả con cho nhưng Văn Hoa không nhận. Ông đến làng Mơ hỏi cô bán rượu làm vợ. Nhà vợ nghèo, ông làm quan cũng thanh bạch, nên khi làm nhà viết sử danh tiếng, được vua đặt cho họ Sử, ông cũng chẳng biết hưởng thụ ăn chơi gì. Cũng bởi vậy nên ông mới thở dài khi nghe tiếng gà và nghĩ đến thú chơi gà chọi. Nói đúng sự thực, từ khi làm quan ông cũng có hưởng thụ một chút: đó là thú uống rượu. Ông đã phá một trong ngũ giới. Đặc biệt, ông chỉ uống rượu làng Mơ, do chính tay vợ nấu.

Hồi mới bị bắt, Sử Văn Hoa trằn trọc mấy ngày đêm không ngủ, suốt ngày đêm ngồi lặng im, mắt thao láo nhìn chòng chọc vào không trung, cứ như thể đôi mắt mở to ấy không hề biết chớp. Ngục quan vốn là người quen, liền mang một bình rượu Kẻ Mơ đến, rồi lén đem vào cho ông.

- Này, tiên sinh uống đi cho nó hạ cái uất xuống.
- Không uống?
- Rượu Kẻ Mơ đấy.
- Hả?
- Vợ ông mang đến đấy.
- Thế hả?
- Uống đi? Kẻo phụ lòng bà ấy.
- Ừ, thì uống...

Sử Văn Hoa bưng vò rượu lên uống ừng ực như tu nước lã. Đôi mắt ông vẫn chòng chọc như mất hồn. Lúc đó ngục quan mới tỉ tê.

- Ông có biết con gà chọi của tôi không?
- Sao lại gà chọi hở?

- Trông nó như con gà gỗ ấy!
- Sao lại gà gỗ hử... à.. à... Nó đá hay hả...
- Lúc tôi mới mua về, nó hăng lắm. Nghe thấy tiếng gà lạ, là nó giương cổ gáy đáp lại. Tôi nghĩ nó vẫn còn hăng lắm, chưa đá được. Một tháng sau, trông thấy bóng gà lạ, nó vẫn còn sục sặc lồng lộn. Tôi lại nghĩ: nó vẫn còn hăng, Chưa được! Ba tháng sau, nó như con gà gỗ, nghe gà lạ, trông thấy gà lạ, nó cứ dửng dưng như không. Lúc đó tôi mới bảo: Được rồi đây... Từ đó con chọi của tôi đá rất hay, nổi tiếng khắp kinh thành...

Nghe ngục quan nói, đôi mắt Sử Văn Hoa như dần dần hồi tỉnh. Nét mặt bừng bừng nhìn vào không trung của ông dãn ra. Ông lặng lẽ ngồi rất lâu, rồi bỗng giật mình. Ông quay lại, lấy hai cái chén rót rượu và đưa cho ngục quan một chén.

- Kẻ tù tội này đã cả đời đèn sách mà không đạt đạo được như bác. Nhờ bác đem lời vàng ngọc của Nam Hoa Kinh ra chỉ dẫn, tôi mới giật mình tỉnh ngộ. Xin bác nhận cho một lạy này để tỏ lòng cảm tạ của tôi.

Sử Văn Hoa cúi xuống vái. Ngục quan đỡ dậy:

- Bác là người chép sử cả một thời. Điều ấy mấy ai làm được. Mong bác bình tĩnh giữ gìn. Chẳng nên để chuyện không may làm rối trí...

***

Cũng từ hôm đó, Sử thay đổi hẳn. Ông đã bình tĩnh trở lại. Và ở ngay trong ngục thất, ông đêm ngày suy ngẫm về cuốn sách mà cả đời ông ao ước viết. Lúc này đây, ông viết nó trong óc, viết nó trong tưởng tượng. Ông dàn ý, ông tính toán phần dài phần ngắn, ông xem xét lại các sự việc, các nhân vật, các chi tiết, ông luận bàn, ông đánh giá... Thật điên rồ. Trong một hoàn cảnh ngặt nghèo như thế này...

Và mạng sống như treo đầu sợi tóc. Thế mà lại viết sách... Không giấy... Không bút... Thật hoang đường? Nhưng có lẽ nhờ sự hoang đường ấy nên ông còn bám vào cuộc sống. Có lẽ nhờ nó nên ông không tự vẫn, cái điều mà khi mới sa ngục thất ông vẫn hằng trông thấy ở cuối chân trời, nơi con mắt chòng chọc điên rồ của ông vẫn thường chằm chằm nhìn vào. Ông thở dài. Số phận thật kỳ lạ, tại sao ông sinh ra đời lại để làm một sử quan, người chép sử. Cả một đời ông mê man trong đống sách. Ông vui buồn, giận hờn, căm tức, bi ai, sống cùng số phận của biết bao nhân vật lịch sử từ xưa tới nay. Ông đã nhìn thấy trong đống giấy biết bao nhiêu cuộc hưng vong. Ông đã từng nghiên cứu về cuộc đời của biết bao nhân vật kiệt xuất. Chợt thấm thía nghĩ tới câu: “Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu” . Mưu sâu kế lạ ư? Tàn bạo giết chóc đến sởn gáy ư? Tư tưởng thâm trầm nhân nghĩa ư? Cứu dân độ thế ư?... Tất cả rút cuộc cũng chỉ có thể làm cho cái khí âm dương của đất trời ngơi nghỉ lại trong chốc lát, trong cái thế hoà hoãn. Cũng ví như kẻ du hành đi trên cánh đồng nắng chang chang bỗng gặp một gốc cổ thụ bên đường, anh ta dừng chân ngơi nghỉ, để rồi lại tiếp tục dấn thân vào con đường nắng chang chang trước mặt. Cánh đồng nắng là chủ yếu, gốc cây bên đường là chốc lát. Điều kỳ lạ: con người phải mất bao tâm huyết vật lộn để tìm bóng mát ấy, nhưng tại sao phút mát mẻ kia, cái bóng cây an dịu kia lại chỉ là thoảng qua, chỉ là ngắn ngủi.

Trong cuộc vật lộn lịch sử dài dàng dặc ấy, nhà chép sử chỉ là kẻ vật lộn trên đống giấy. Ông trói gà không chặt, ông chưa bao giờ biết đến trận mạc gươm đao, ông chưa bao giờ trải hiểm nguy. Ấy thế mà cái hiểm nguy trên đống giấy, nghĩ cho kỹ, lại còn gớm ghê hơn cả cái hiểm nguy chốn trận tiền. Sau khi thi đỗ ông được bổ làm một

chức quan khiêm nhường, người chép sử. Văn Hoa là người nhẫn nại, tỉ mỉ, chăm chỉ đều đặn như một cỗ máy. Hàng ngày, hàng tháng, hàng năm, ông cặm cụi ghi chép những sự việc xảy ra cả trên trời, cả dưới đất, không bỏ sót việc gì. Ngòi bút của ông có lúc là sâu bệnh, châu chấu, bão lụt, mất mùa; có lúc là náo động cung đình, tranh quyền cướp vị; có lúc là thắng giặc khải hoàn; có lúc ngòi bút ông run rẩy theo chân của Chế Bồng Nga vào điên đảo Thăng Long; có lúc nó ghi tội giết vua; nhưng nó cũng không quên những vụ án oan khuất kêu trời chẳng thấu...

Hồi Nghệ Hoàng ốm nặng cho vời Sử vào cung đoán mộng và giải bài thơ: “Con khỉ mõm đỏ, leo lên lầu gà trắng”. Hồi ấy, Hồ Quý Ly đã căm ông lắm. Bởi vì trong triều người ta đồn rằng Sử Văn Hoa đã tiết lộ tuổi của Quý Ly là tuổi khỉ và hé ra bằng cách bóng gió rằng Quý Ly định cướp ngôi nhà Trần. Nhưng Sử được Nghệ Hoàng che chở, vả lại nếu bắt Sử chẳng hoá ra có tật giật mình, do vậy bận ấy Sử Văn Hoa thoát nạn. Tuy nhiên, nhà chép sử vẫn luôn luôn nằm dưới con mắt theo dõi chặt chẽ của những người thân tín của thái sư.

Nhưng đến khi Sử dâng tấu biểu can ngăn việc xây dựng Tây Đô thì Hồ Quý Ly không thể chịu đựng nổi ông ta nữa. Như ta đã biết, Sử viết: “Động An Tôn là nơi nhỏ hẹp, hẻo lánh, là chốn sơn cùng thuỷ tận, không thể định cư được. Trông cậy vào chốn hiểm trở phỏng có ích gì? Cổ nhân có câu: “Cốt ở đức, không cốt ở nơi hiểm trở”.

Thật hỗn xược? Hắn dám chê ta không có đức: Hắn muốn bóng gió đến chỗ lòng dân chẳng theo ta. Chưa ai nói, hắn đã nói. Việc chưa làm, hắn đã lu loa. Không thể để yên cho một kẻ dám ngang nhiên chê bai ta. Hồ Quý Ly sai bắt Sử Văn Hoa, tống giam vào ngục tối. Hồ Nguyên Trừng xin nhận xét xử vụ này. Khi điều tra, một số người

muốn ngoắc vụ Văn Hoa vào vụ cô cung nữ Ngọc Kiểm, bởi vì gốc rễ cũng là chuyện dời đô. Có người còn định tạo chứng cứ giả, nhưng Nguyên Trừng không cho:

- Ông ta ngay thẳng, thấy không bằng lòng thì nói. Đừng làm chuyện ám muội, oan uổng. Ông ta là người viết sử. Giết oan ông ta sẽ để tiếng xấu ngàn thu đấy.

Chính vì vậy, Sử cứ bị giam hoài, dằng dai mãi vẫn chưa xử án được.

Cuốn sách mà cả đời Sử Văn Hoa ao ước viết, cuốn sách mà Sử đã ngày đêm suy ngẫm, sau khi được viên ngục quan giúp cho bình tĩnh trở lại, đó là một quyển quốc sử. Hoài bão của ông là phải viết một quyển quốc sử cho thật đàng hoàng, thật trung thực. Một đất nước mà thiếu sử sách cho hệ thống, rành mạch để nói lên sự nối tiếp quật cường và nền văn hiến của dân tộc thì sẽ khó trở thành một đất nước thực sự. Cụ lang Phạm, ông ngoại Nguyên Trừng, ưu ái nói rằng: Sử là cái kho trí nhớ của người nước Nam ta. Đến kẻ phản loạn như Phạm Sư Ôn cũng không nỡ giết ông vì ông là người chép sử. Cứ nhớ mãi hàm râu quai nón và giọng nói ồm ồm của ông ta: "Vì Sử Văn Hoa không biết nịnh nọt, cũng không quá khích đại ngôn, ta tha cho về. Để cho ông ta được sống làm người chép sử". Còn bao nhiêu người dân bình thường khác trông thấy ông nghèo nàn, nhưng nghe nói ông là người chép sử, ai cũng quý mến, trọng vọng. Thế đấy! "Chép sử" hai chữ ấy nó thiêng liêng... Vậy làm sao ông có thể phụ những tấm lòng của những con người như vậy? Sử Văn Hoa bị tống ngục đã lâu vẫn chẳng hề thấy ai hỏi tới. Sử nghĩ: "Quái lạ! Hay người ta đã bỏ quên ta? Tại sao không thấy động tĩnh gì? Thực ra, không phải như vậy. Người ta sục sạo đi tìm chứng cứ, song

chẳng tìm thấy gì. Người ta muốn đưa ra chứng cứ giả, song Nguyên Trừng không nghe. Thả cũng khó, mà giam lại cũng dở. Đình uý ty biết Sử Văn Hoa nguy hiểm, nhưng để buộc Hoa vào tội chết thì chứng cứ lại chưa đủ. Còn ý kiến thả Hoa ra cũng chẳng ai dám quyết, bởi vì bắt Hoa là lệnh của thái sư. Người ta cứ lần lửa, lần lữa mãi. Cuối cùng, có khi lần lữa cũng là một đối sách hay.

Còn Sử Văn Hoa, những ngày tù ngục đối với ông dần dần cũng quen đi. Mà cũng có thể nói cuộc sống tù ngục này đã rèn rũa làm cho ông đạt tới độ chín cũng được.

Còn nhớ khi mới bị giam, ông thất vọng và căm giận. Đôi mắt ông không chớp, đau đáu nhìn vào hư vô như để tra hỏi. Giá như lúc ấy, những tia mắt nóng của ông có thể thiêu trụi thế gian, ông cũng chẳng từ. Nhưng vị quan ngục đã tỉ tê vào tai ông câu chuyện về gà chọi của Trang Tử. Ông bàng hoàng vì đó là chuyện tu thân. Đối với kẻ sĩ, việc tu thân phải đặt hàng đầu. Ông không như chú gà chọi lúc đầu chỉ mới nghe tiếng gà lạ đã hăng lên gáy đáp lại. Nhưng xét câu chuyện, ông mới ở mức thứ hai, nghĩa là nghe thì chưa sao, nhưng mắt nhìn thấy, lòng còn xáo động. Còn bây giờ, qua ba tháng trầm luân, ông đã như con gà gỗ, lòng dửng dưng điềm tĩnh, nhưng khí lực lại tràn trề. Ông tự nhủ với mình: “Ước gì bút lực của ta cũng được như vậy. Trước kia, ta sôi nổi quá, để bút lực của ta nổi trôi trên trang giấy. Còn bây giờ, làm sao để ngòi bút ta phác ra được những nét trầm tĩnh, có thể nó kém bay bướm hơn xưa, nhưng khí lực của nó thì giàn giụa ẩn ngầm bên dưới...”

Trong buổi lấy cung đầu tiên, Hồ Nguyên Trừng bảo ông:

- Tôi biết ông là bậc chính nhân. Ông hiểu lẽ sống chết ở đời. Chỉ mong ông nói hoàn toàn đúng sự thật.

Sử là bạn vong niên với cụ lang Phạm. Ông gặp Nguyên Trừng từ lúc chàng còn nhỏ. Và chính ông đã đoán giấc mộng bay cho chàng. Quan chép sử hiểu Nguyên Trừng vốn ngay thẳng. Ông thầm cảm ơn số phận đã dun dủi cho ông gặp Trừng làm người hỏi cung. Sử Văn Hoa liền thành thật kể cho Trừng nghe chuyện mình đoán mộng cho đức Nghệ Hoàng ra sao, rồi chuyện ông dâng tấu biểu can ngăn việc dời đô...

- Cốt ở đức, không cốt ở nơi hiểm trở - Trừng thở dài nhắc lại câu nói.

Trừng hiểu mấu chốt vấn đề chính là ở đó ông biết không thể phút chốc có thể làm cho cha mình nguôi cơn giận, và cuối cùng ông cũng hiểu mình không thể đứng hẳn về phía quan thái sử, nếu biết Trừng ra mặt bênh Văn Hoa, Quý Ly sẽ không cho phép ông thụ lý vụ án nữa và sẽ trao nó cho người khác. Nếu thế, Sử Văn Hoa sẽ nắm chắc phần chết. Nguyên Trừng nói với Sử:

- Hiện nay điều cốt yếu phải biết nhẫn nại. Ông sẽ phải nhẫn nại trong tù ngục. Còn tôi, tôi sẽ tìm cách kéo dài sự nhẫn nại của cha tôi.

Lúc ấy, Sử đã được quan cai ngục cho uống rượu và kể chuyện con gà gỗ. Ông đã lấy lại được phong độ trầm tĩnh. đức ẩn nhẫn vốn là đức tính hàng đầu của người đạt giả. Nguyên Trừng một hôm nói với Quý Ly:

- Cha vẫn dậy con: lúc này việc quan trọng nhất của chúng ta là chiêu nạp kẻ hiền tài. Con nghĩ Sử Văn Hoa mới chỉ có những lời xấc xược, chứ chưa phải có âm mưu chống lại cha. Có người định làm chứng cứ giả để ghép ông ta vào tội âm mưu. Con sợ rằng giết ông ta sẽ làm cho kẻ sĩ trong thiên hạ không phục.

Quý Ly cười nụ. Thực bụng, ông chỉ chờ Nguyên Trừng nói ra câu đó. Nhưng Quý Ly không trả lời con trai ngay. Ông nghĩ rất lâu, rồi bảo:

- Thôi được. Hãy cứ để ông ta trong ngục thất. Việc đó xét sau.

Thế là vụ án được kéo dài. Và Sử Văn Hoa ngày đêm nằm trong tù, viết quyển sử của mình, viết trong tưởng tượng.

Cách đó mấy tháng, Nguyên Trừng vào ngục thăm quan Thái sử:

- Tôi nghe nói ông định viết một cuốn sách?

- Vâng, đúng ra một cuốn sử.

- Sử gì?

- Lê Văn Hưu, thầy tôi, mới chỉ viết lịch sử nước Đại Việt đến hết triều Lý...

- Cụ định...

- Tôi đang viết cuốn “Trần sử”

- Một cuốn sách về triều đại đương thời?

- Thật khó?

- Khó vì nó đụng chín đến nhiều người đang sống?

- Chỉ một phần nhỏ.

- Cái gì khó... lại lớn hơn.

Sử Văn Hoa chợt cười to:

- Còn gì nữa ư? Khó vì đầu tôi sắp lìa khỏi cổ - Giọng ông bỗng trở nên bi phẫn - Song giá như tôi được viết nó ra trước khi chết... Như vậy, chết cũng thoả, chết cũng chẳng ân hận gì...

Nguyên Trừng lặng lẽ ra khỏi ngục thất.

Hôm mới bị bắt, Sử Văn Hoa bị cùm chân tay, cổ bị đóng gông, mồm bị đóng hàm thiếc. Người ta sợ ông gào la chửi rủa hay sợ ông tự vẫn? Theo lệ xưa, tội càng nặng gông càng nặng. Sử Văn Hoa tội

nặng nên phải đeo chiếc gông sáu chục cân. Sử Văn Hoa vừa già vừa yếu nên khi đeo gông hầu như ông không ngồi nổi dậy. Thành thử ông nằm cả ngày, chỉ có lúc ăn, mới được tháo gông ngồi dậy. Sau khi gặp Nguyên Trừng lần thứ nhất, ông được đổi chiếc gông nhẹ hơn, chỉ nặng hai chục cân. Sau lần gặp thứ hai, ông được tháo bỏ hẳn gông cùm. Phải mất nửa tháng những vết loét ở cổ chân, cổ tay do bị cùm mới lành trở lại. Cũng khi ấy, viên cai ngục hớn hở vào gặp ông:

- Xin có lời mừng tiên sinh. Tâm nguyện của tiên sinh sắp được thành tựu.

Sử nắm lấy tay viên cai ngục.

- Có chuyện gì vậy? Xin bác cho biết.

- Đức ông Nguyên Trừng sai đưa đến đủ cả giấy trắng, bút, nghiên và mực; Viên thư lại nói với tôi rằng gửi cho bác. Lại dặn bác cứ yên tâm viết cuốn sách cho xong. Đức ông nói: “Sách sử là của quý ngàn đời. Phải là người tâm huyết mới viết nổi sách trong tù ngục”. Đức ông còn dặn tôi phải chăm sóc cho bác ăn uống tử tế.

Từ hôm đó, Sử Văn Hoa bắt đầu viết cuốn Trần Sử, ông viết hối hả, cứ như thể những ngày cuối cùng của đời ông đã cận kề. Mỗi ngày, ông viết vài trang giấy. Ông làm việc như một kẻ ốp đồng. Cách làm việc của ông như sau: ban đêm suy nghĩ thật kỹ lưỡng, ban ngày viết ra giấy. Trong đêm tĩnh lạng, ông tìm tứ, dàn ý chọn chữ, chọn câu. Có đêm, chữ nghĩa của cả một đoạn văn hiện về trong giấc mơ. Điều kỳ lạ, lúc tỉnh dậy, ông vẫn còn nhớ như in có khi cả một đoạn văn dài; và ngày hôm sau, ông chỉ còn việc phóng bút chép nó lại trên giấy trắng. Lúc còn là khoá sinh. Ông nổi tiếng viết chữ đẹp. Nhưng trong những ngày viết sách lạ lùng ấy, ông không tài nào có thể viết

nắn nót, những dòng chữ như run rẩy, hối hả, nóng lòng tuôn ra khỏi chiếc bút lông. Ông viết cả trong lúc ăn, viết cả trong lúc ngủ. Có đêm gặp được ý hay. Ông sợ nó biến mất, thế là vội vã nhỏm dậy, lần mò trong gian ngục tối om, tìm giấy, tìm bút, tìm mực và ghi các ý ấy lại bằng vài ba chữ nguệch ngoạc loằng ngoằng - Nhưng về sau để tiết kiệm những tờ giấy hiếm hoi, ông xin viên cai ngục những hòn than và viết chúng ra trên mặt đất, trong đêm đen.

Sử Văn Hoa quá hối hả, ông chạy đua với thời gian, vì sợ đời mình còn quá ngắn. Ông chẳng còn chú ý đến sức khỏe. Sự mải miết đêm ngày ấy biến ông chỉ còn là bộ xương. Viên cai ngục xót xa, xin với Nguyên Trừng cho vợ con Sử vào thăm, nhưng đức ông không nghe:

- Nhà ngươi nên hiểu, ta không ác với ông Sử đâu. Người như ông Sử đâu có nhiều. Hàng trăm năm mới có vài người. Hoàn cảnh lúc này xáo động, được ngồi tĩnh lạng mà viết một cuốn sách như ông Sử hiện nay đâu có phải lúc nào cũng có thời cơ. Hơn nữa, ông Sử đang phẫn chí, quyết chí... nhà ngươi nên biết chỉ trong những lúc như thế này, may ra mới nảy sinh những cuốn sách hay... mà lại cần cho Đại Việt. Ta nghĩ bổn phận của ta và của ngươi lúc này là phải giữ cho ngọn lửa đang nhen nhóm trong đầu óc ông Sử đừng bị tắt lụi nửa chừng...

Viên cai ngục vái tạ Nguyên Trừng, rồi lui ra. Ông đã tự biến mình thành một người đày tớ hầu hạ, mà ông chủ chính là viên tử tù Sử Văn Hoa chẳng hề hay biết. Ông đến nhà Sử, bảo vợ con ông ta tự tay nấu cho ông những vò rượu Mơ ngon nhất. Và cứ cách vài ngày, chờ lúc Sử viết xong vài chục trang giấy, ông lại mang rượu thịt vào đánh chén với người tử tù.

Hôm ấy, ông già viết sử có vẻ hứng thú đặc biệt. Đôi mắt sáng quắc

của ông ta hình như được tiếp thêm lửa. Chúng long lanh roi rói như biết cười. Ông đi đi lại lại trong phòng giam, miệng đọc bài thơ "Dựng bia" (Lập bi) của Bạch Cư Dị:

Công đức đã sút kém
Văn chương cũng dần suy
Vẫn lấy đá trong núi
Bên đường dựng thành bia...
Khoe tài là Thái Công
Khoe đức là Khổng Ni
Càng nói nhiều càng đắt
Nghìn chữ vạn đồng thuê...

- Ha ha ha ha! Sử Văn Hoa chợt dừng đọc, cười khoái trá. Đúng lúc ấy, viên cai ngục mở cửa buồng giam, bước vào.

- Kìa quan bác! Sao đúng lúc thế? Thật là khéo! Đúng khi tôi thèm uống rượu, bác lại mang rượu vào.

Viên cai ngục:

- Hôm nay mua được chiếc vó bò. Thấy bác ngâm thơ, chắc là viết được một đoạn văn thú vị, nên đánh bạo mang rượu vào mừng bác. Món tương này bà vợ tôi làm đấy. Tương ngô ngọt lịm, hoà với nhánh gừng đập giập, ăn với vó bò thật tuyệt.

Hai ông già xếp bằng tròn trên nền nhà tù ngồi nhắm rượu. Sử tâm sự:

- Kẻ hàn sĩ thật khổ nhục. Tài đến như Bạch Cư Dị vẫn phải viết văn bia kiếm sống. Nhà quyền quý giầu có thuê ông viết kể lể công đức rồi đục đá thành bia để khoe với ngàn đời sau. Các nhà viết văn bia đều đế họ lên, rồi biến ông quan nào cũng đều có tài như Khương Tử Nha và có đức như Khổng Phu Tử. Đêm qua, tôi mơ thấy Bạch

Cư Dị đến trong mộng, đọc cho tôi nghe bài thơ “Dựng bia”. Quái lạ! Nghe xong tôi giật mình tỉnh dậy và toát mồ hôi lạnh. Tôi sợ bác ạ...

- Làm sao bác sợ?

- Chắc bác hiểu đấy! Tôi sợ mình yếu lòng. Mà lòng ai chẳng yếu... Biết đâu đấy sẽ có lúc tôi cũng chỉ là một kẻ viết văn bia...

- Đấy là bác lo xa.

- Phải lo xa chứ bác. Người ta... ai chẳng có thê nhi.

- Tôi có là tôi nữa không khi người ta bắt nốt vợ con tôi... Tôi thử hỏi lúc đó tôi có trở thành kẻ đi viết văn bia kia không... Vì vậy cả đêm tôi đã nghĩ... Bác là người tri âm. Một lạy này, tôi xin nhờ cậy bác...

- Kìa, bác chớ làm thế... - Viên cai ngục đỡ lấy hai tay vái lạy của Sử Văn Hoa - Bác cứ yên lòng, tôi sẽ xin hết sức giúp bác.

- Có thể tôi sẽ chết. Nhưng tôi chỉ có thể yên tâm nhắm mạt khi vợ con tôi được yên lành. Ngày mai, nhờ bác đến gặp vợ con tôi bảo hãy trốn khỏi nhà - Hãy trốn lúc ban đêm... Trốn thật xa... Mai danh ẩn tích...

Tại sao Sử Văn Hoa lại hối hả như vậy? Tại sao Sử Văn Hoa lại lo lắng như vậy, thậm chí phải nghĩ đến cả kế vẹn toàn, mai danh ẩn tích cho vợ con sau này. Câu hỏi thứ nhất về sự hối hả như ta biết, do Sử nghĩ rằng thái sư sẽ chẳng tha ông; đã bao nhiêu cuộc thanh trừng xảy ra, chắc chắn ông phải hiểu số phận của mình. Vì hiểu số phận còn ngắn ngủi, nên ông phải tìm một cách viết thích hợp. Ông không thể viết theo trình tự thời gian, không thể tỉ mỉ gọt dũa câu văn. không thể chùng chình ở những câu chuyện trên trời dưới biển. Ông tổng kết, chọn lựa trong diễn biến lịch sử, tìm ra những vấn đề, những sự việc, những nhân vật mà ông coi là quan trọng, mấu chốt, rồi viết theo những chủ đề ấy. Có những ngày ông viết về một đời

vua. Rồi ngày khác lại viết về một nhân vật. Có khi suốt vài chục trang giấy chỉ là ghi chép, thống kê về một năm nào đó. Ví dụ ghi chép chung quanh cái tết năm Canh Ngọ (1390), lúc Phạm Sư Ôn chiếm Thăng Long ba ngày, và Chế Bồng Nga đồng thời mang quân uy hiếp kinh đô, để rồi dẫn tới chiến công hiển hách của Trần Khát Chân.

Một đoạn viết đắc ý của ông là đoạn viết về vua Trần Nhân Tông. Ngọn bút lông của ông đã háo hức muốn viết về ông vua hiếm có ấy từ bao lâu nay. Một ngôi sao sáng nhất trong bầu trời lịch sử Đại Việt. Một ông vua văn võ kiêm toàn: võ - thì hai lần đánh tan giặc Nguyên; văn - thì làm văn hiến Đại Việt rực sáng, người tài mọc lên nhiều như sao sa, lại sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm. Người đời bảo rằng Trần Nhân Tôn là hoá thân của Phật tổ, đã đầu thai xuống trần đem lại cho dân Việt những giây phút hào hùng và một cuộc sống thịnh trị hoà mục. Một số nhà nho cạn nghĩ, vì bài bổ Phật giáo, vì cho rằng vua đi tu không phải một ông vua sáng; họ không dám dè bỉu vua, nhưng lại tìm hết cách để làm lu mờ cái ánh sáng hiền minh rực rỡ của đức Trần Nhân Tôn. Đó là một đức vua văn hiến; một nước Đại Việt có được tồn tại sánh vai được với thiên hạ hay không, ngoài chiến công hiển hách, còn phải có Văn hiến. Không Văn hiến, dân Nam ta sẽ chỉ còn là một bộ tộc dã man mông muội. Dưới thời đức Nhân Tôn, quyển sử Việt Nam đầu tiên được ra đời. Văn Hoa là người chép sử nên ông hiểu ý nghĩa của một quyển sử, nhất là quyển sử đầu tiên của nước nhà. Một khi quyển sử đầu tiên ra đời, tức là cái hồn của dân Việt đã được định hình rõ nét. Rồi còn sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm nữa, nó là thiền phái Đại Việt. Thật cạn nghĩ khi ghép hết cả chiến công đánh giặc cho Trần Hưng Đạo. Đánh

giặc: công lớn nhất là của toàn dân. Có ông vua hiền, có hội nghị Diên Hồng và Bình Than thì mới được lòng dân. Vả lại, phải nhớ tới câu: vua nào tôi ấy. Phải nói vua Nhân Tôn là người đạo đức mới dám đủ gan dùng Trần Hưng Đạo, vốn là con Trần Liễu, kẻ kình địch với ông, cha mình, làm đại tướng thống lĩnh ba quân. Và cái tâm của Trần Nhân Tôn phải đại trí, đại từ, đại bi thế nào mới thu phục nổi cái tâm của Trần Hưng Đạo, vốn là một anh hùng kiệt hiệt một thời...
Điều mà Sử Văn Hoa muốn nói lên nhiều nhất: đó là đức vua Nhân Tôn chính là người đã điều hoà được âm dương, vì người có tầm nhìn rộng lớn. Núi sông cũng có âm dương; một đất nước cũng có âm dương: Phật giáo và Nho giáo Phật giáo là phần âm của hồn dân Việt. Đạo Phật giữ phần linh thiêng, phần chìm, phần lặng lẽ và thâm thuý của núi sông. Đã bao đời nay, nó vẫn ngân nga trong tiếng chuông chùa làng, lẩn khuất trong đầu ngọn tre, dưới mái rạ, để xoa dịu, nâng đỡ hồn người dân quê trong những lúc nhiễu nhương loạn lạc, trong những năm lụt hạn đói khát, đem lại cho người dân ta sức chịu đựng dẻo dai để chờ đến buổi bình minh sẽ tới. Còn Nho giáo, phần dương của núi sông; đó là phép tắc, lễ giáo, đó là cương cường xông pha, đó là mở núi lấp biển, đó là vàng son vinh quang...
Nhưng vinh quang mãi cũng có ngày tàn lụi - Vả lại chỉ có phần dương ấy con người sẽ trở nên cuồng nộ. Những lúc tàn lụi ấy, những lúc cuồng nộ đến mất trí ấy cái phần âm tĩnh lặng, u uẩn, linh thiêng sẽ giúp ta trở nên cân bằng, biết cắn răng mà chịu, biết nuốt nước mắt vào lòng, biết chấp nhận nhục nhã. để chờ một ngày nào đấy, có thể lại đứng dậy, lại lau sạch khuôn mặt, làm cho đất nước trở nên rạng rỡ.
Đức Trần Nhân Tôn hiểu rõ lẽ đó, nên ngài đã khuếch trương Thiền

phái Trúc Lâm. Ở thời vua trị vì, Nho Phật hoà đồng, nhật nguyệt cân bằng, sáng tối luân phiên, đó là phút Thái hoà trời đất. Vẫn còn câu hỏi: Tại sao Sử Văn Hoa lại quá lo lắng, và nghĩ cả đến việc mai danh ẩn tích cho vợ con? Điều này cũng vì những trang sử, hoặc nói cho đúng hơn, một đoạn sử mà ông viết mới gần đây, đoạn sử có tên "Minh Đạo luận". Trong thiên Thuyết nan, Hàn Phi Tử nói: "Rồng là giống vật có thể cợt đùa, thậm chí có thể cưỡi. Nhưng ở dưới cổ nó, có cái vảy ngược. Ai động đến vảy đó nó giết ngay". Đoàn Xuân Lôi viết bài "Phản Minh Đạo" tức là đã chạm vào cái vảy ngược, lúc đó Trần Nghệ Tôn còn sống, nên chỉ bị lưu đày làm chức học quan bé nhỏ. Còn ông, lúc này Thượng Hoàng Nghệ Tôn đã băng, và quyền hành của quan thái sư đã sắp lên tới đỉnh chót vót, trong khi ông lại đang sa ngục thất vì tội can gián dời đô, nếu ông viết Minh Đạo luận, tức là ông đã mắc chồng thêm tội; vậy ông có nên viết đoạn văn đó hay không? Ông suy nghĩ, đắn đo, viết rồi lại xé, xé rồi lại thấy lòng như lửa đốt. Và ma đưa lối quỷ đưa đường hay sao, mà cây bút lông của ông lại viết đoạn văn đó lần thứ hai; lần này bão tố hơn, sắc sảo hơn, kiên quyết hơn. Viết xong Minh Đạo Luận, Sử Văn Hoa thấy nhẹ người... Ông như bà mẹ mang thai thấy đứa con mình ra đời khỏe mạnh, xinh xắn và giống mình như đúc. Lúc đang viết, ông nghĩ sẽ chỉ dành nó cho riêng mình...

Cứ nửa tuần trăng, viên thư lại của Hồ Nguyên Trừng lại tới cấp giấy bút cho Sử, và mang đi những trang giấy đã viết xong.

Và sáng hôm ấy, lại cũng như ma đưa lối quỷ đưa đường lần thứ hai. Sử Văn Hoa cũng không hiểu tại sao ông lại đưa cho viên thư lại thiên Minh Đạo Luận, mà đêm hôm trước ông vẫn cứ đinh ninh rằng đây chỉ là bản thảo mình viết riêng cho mình. Điều lạ lùng, khi giao đi,

ông không hề hối hận. Thậm chí có lúc, ông thấy lòng mình sảng khoái, và tỉnh táo; bằng chứng: sáng hôm ấy ông đã ngỏ lời xin viên ngục quan giúp vợ con ông trốn khỏi làng rồi mai danh ẩn tích. Ông đã tính toán kỹ, nếu việc xảy ra cho vợ con ông, thì nhanh nhất phải mươi ngày, vì còn phải đọc, còn phải cân nhắc, bàn tính, rồi người ta mới xử tội ông, tiếp đó mới đến vợ con ông; và việc mới xảy ra ông đã nhờ viên ngục quan ngay.

Hai hôm sau, viên ngục quan rỉ tai ông rang đã lo việc cho ông xong xuôi.

Và thế là, lúc này đây, ông an tâm chờ đợi điều xấu xảy đến.

***

Và nó đã ập đến thật.

Sáng hôm nay, còn rất sớm đã thấy quan Kiểm pháp Nguyên Trừng đích thân vào gặp ông. Nguyên Trừng buồn rầu nói:

- Sáng nay, có lệnh cha tôi đòi gặp mặt ông.

Sử Văn Hoa rất bình tĩnh:

- Có thể lần này chúng ta gặp nhau lần cuối... vì vậy, tôi xin tỏ lòng cảm kích và biết ơn quan Kiểm pháp đã giúp tôi hoàn thành điều tâm nguyện lớn lao nhất của đời tôi.

Hồ Nguyên Trừng:

- Tôi đã đọc xong cuốn Trần Sử của ông. Tôi đã đọc kỹ phần cuối là Minh Đạo Luận. Tôi cứ suy đi tính lại, định bỏ phần đó, không đưa cho cha tôi. Nhưng rồi lại nghĩ: cuốn sách đó là cả đời tâm huyết của ông, nếu thiếu đoạn cuối cùng, cuốn sách sẽ khập khiễng, bất nhất. Và điều đó chắc ông chẳng bằng lòng...

Sử Văn Hoa tươi cười vái tạ:

- Xin cảm ơn quan Kiểm pháp, cảm ơn người tri kỷ đầu tiên của tôi.

Xin chớ áy náy. Quyển sách này là của tôi. Tôi xin chịu trách nhiệm đến từng chữ một.

Hồ Quý Ly

Phần X- Chương -1

Một ngày của Thái sư (Minh đạo 2)

Từ khi Nghệ Hoàng mất, nghiễm nhiên Quý Ly trở thành thái thượng hoàng. Ông vào ở cung Thánh Từ ngay cạnh cung Quan Triều (nơi "quan gia" tức là vua ở) Theo tục lệ nhà Trần, Thái thượng hoàng phải thường xuyên ở bên cạnh vua để bảo ban, rèn cặp, cố vấn. Cung Thánh Từ, nơi ở của Thái thượng hoàng, dĩ nhiên phải đẹp đẽ và tiện nghi, nhưng Quý Ly vẫn chưa ưng. Ông vẫn cảm thấy nó cũ kỹ và thấp bé. Ông sai thợ sửa chữa lại tí chút. Bảo là tí chút, vì ông để nguyên ba ngôi nhà hình chữ tam như cũ; chỉ cho sửa lại ngôi trung đường, đang bốn mái nâng lên thành tám mái, đang thấp nâng lên thành cao, đang ngói lưu ly mầu xanh, đổi thành ngói lưu ly màu vàng. Chỉ có tí chút thế thôi nhưng cung điện bỗng đường bệ hẳn lên, rực rỡ hẳn lên. Cái tên cung Thánh Từ cũ kỹ cũng phải thay đổi, ông đặt tên nó là cung Hoạ Lư. Quý Ly vốn thích hoạ, ông thay đổi hết đồ bầy biện trong nhà, thay đổi một loạt những bức tranh, bức chữ viết, bức hoành phi, câu đối.

Khu cung điện Hoạ Lư chia làm ba: nhà tiền đường dành cho các đại thần và thư lại đến làm việc; nhà hậu đường làm nơi thờ cúng; nhà trung đường, được sửa chữa lại nhiều, cao to đẹp đẽ nhất, là nơi ông làm việc, và có lúc ở.

Trước cung điện, thời Nghệ Tôn, có đôi rồng đá. Ông ngắm nghía, chê rằng đôi rồng ấy giống như đôi rắn, liền sai bỏ đi, gọi một

phường thợ đá ở làng Nhồi Thanh Hoá ra. để đẽo tạc một đôi rồng đá mới" ông bảo.

- Các người hãy làm cho thật đẹp, ta sẽ ban thưởng.

Khi tạc xong đôi rồng, Quý Ly ra ngắm nghía, ông nắm lấy cái bờm rồng dựng đứng, vuốt ve cái thân rồng lượn cong dịu dàng, rồi âu yếm sờ vào những chiếc móng rồng ở đôi chân đang thu lên phía trước. Ông cười ha hả:

- Rồng ở tư thế sắp bay... Các ngươi khá lắm. Xứng đáng là thợ đá làng Nhồi. Mỗi người được thưởng hai mươi lạng bạc. Mấy hôm nữa, các ngươi sẽ vào ngay Tây Đô. Ở đó, các ngươi cũng tạc rồng cho ta nhưng đôi rồng to hơn. Phải tạc cho thật khá, thật uyển chuyển. Đôi rồng mới ấy phải cương mãnh, phải bay lên thực sự Các ngươi có hiểu ý ta không.

Cung điện Hoạ Lư, đầy chữ, đầy tranh, đầy điêu khắc ấy, làm trăm quan đều phải trầm trồ. Ngay cả Trần Khát Chân, Trần Nguyên Hàng là những người khó tính nhất, phản đối Quý Ly nhiều nhất, cũng phải im lặng thán phục.

***

Đêm hôm ấy, giấc mơ gặp Nghệ Hoàng làm Hồ Quý Ly tỉnh giấc, và sau đó không tài nào ngủ lại được. Ông hầu như thức suốt đêm. Ông miên man nghĩ: nghĩ tới Thuận Tôn, ông vua con rể đang tu đạo trong vườn uyển; nghĩ tới Nguyên Trừng người con trai tài hoa với nhiều ý tưởng ngông cuồng lắm lúc ngược với ông nhưng không phải không có lý; nghĩ tới Trần Khát Chân, Trần Nguyên Hàng, những con người đối địch với ông mà ông ra sức kéo níu, rồi cả tới Đoàn Xuân Lôi, Nguyễn Cẩn, Nguyễn Phi Khanh, Sử Văn Hoa... Đêm qua, ông vừa đọc xong thiên Minh Đạo Luận của Sử. Chao ôi?

Minh Đạo? Một dàn nhạc khổng lồ mà những nhạc công vẫn còn tấu lên những điệu khúc theo cách của họ. Minh Đạo? Phải chăng nhiệm vụ của nó là làm cho những nhạc công ấy trở nên "người tấu cùng một điệu".

Ông trằn trọc, ông thở dài, ông suy ngẫm, ông ngồi dậy đốt nến và viết, rồi đứng lên ra khu sân rộng trước cung, đứng cạnh đôi rồng đá, vuốt ve chúng, rồi đi lại ngắm sao trên trời. Người đời bảo ông táo bạo, cương nghị, sắc sảo, cả gan làm đất trời rung chuyển. Có kẻ chê ông tàn nhẫn, gian hùng, xảo quyệt và lắm tham vọng. Những kẻ thô thiển thì nói ông mưu cầu hạnh phúc cho mình. Ông chợt cười trong lòng: Hạnh phúc ư?

Ta sung sướng hay ta không sung sướng? Ông không nén được nụ cười thầm bật ra thành tiếng. Những tiếng cười giòn mà chỉ có mình ông nghe, chỉ có những ngôi sao tinh quái trên trời nghe. Tiếng cười làm lũ gà chọi, trong cung cấm đang bắt đầu gáy sáng cũng đột nhiên sợ hãi ngừng bặt. Tiếng cười thoả mãn, hay tiếng cười buồn, hay tiếng cười cô đơn? Có ai biết được? Hoạ chăng có mình ông biết, vì chỉ có riêng ông nghe thấy nó mà thôi. Lũ lính canh đêm đi vòng ngoài cung điện, vừa đi thỉnh thoảng lại gõ lên một tiếng mõ, cũng chỉ nghe thấy tiếng cười ấy một cách mơ hồ...

Cả đêm mất ngủ nhưng thái sư không mệt. Tham vọng đã đem lại sức lực cho ông, hay là những diễn biến dồn dập của thời cuộc đã bắt ông không có quyền mỏi mệt? Sáng sớm ông tàm nước nóng rồi ăn một bát canh gà hầm sâm, và cảm thấy hoàn toàn khỏe khoắn. Việc đầu tiên ông làm là sai khiêng kiệu đi đến điện Hoàng Nguyên thăm con gái, hoàng hậu Thánh Ngẫu. Ngồi trên kiệu, ông nghĩ tới chuyện đã xẩy ra hơn một tháng trước. Một bận, ông đến thăm con

gái. Ở trước cửa điện Hoàng Nguyên ông đã nghe thấy tiếng cười giòn giã của thái tử An. Quý Ly rất yêu cháu ngoại; cứ vài hôm ông lại phải tới chơi với cháu một lần. Hôm ấy, thấy ông ngoại đến, thằng bé từ trong nhà chạy ra gian đại sảnh, ôm lấy cổ Quý Ly:

- Cháu chào ông ngoại.

Thấy chú bé mồ hôi lấm tấm trên trán, ông hỏi:

- Cháu đang chơi trò gì vậy?

- Cháu chơi trò “ông vua con” với các công công.

- Ông vua con?

- Vâng, nhũ mẫu cũng gọi cháu là ông vua con. Các công công làm ngựa cho ông vua con cưỡi.

Quan thái sư nghe xong, chợt phá lên cười. Cười rất lâu đến chảy nước mắt. Rồi đặt cháu xuống đất, thái sư im lặng lùi xa, đi lại ngắm nghía cậu bé. Cuối cùng ông bảo:

- Ngoại sẽ cho cháu làm vua thật sự, chứ cần gì phải chơi trò làm vua.

Mấy hôm sau, Quý Ly sai Nguyễn Cẩn đến điện Hoàng Nguyên. Cẩn quỳ lạy tâu:

- Thần được lệnh thái sư đến dâng lệnh bà một lá thư.

Hoàng hậu xem thư xong nhíu mày hỏi:

- Thái sư sai ngươi đến dạy thái tử học lễ?

- Bẩm vâng.

- Thái sư bảo phải học những lễ gì?

- Dạ, đầu tiên phải học đi đứng cho đúng quy cách. Rồi tiếp đó phải học lạy...

- Cái gì? Quy cách gì? Thái tử mới lên ba tuổi.

Dạ tâu lệnh bà. Xin lệnh bà đọc kỹ. Tất cả đã được viết trong thư.

Thánh Ngẫu lúc đầu mới đọc lướt, nay đọc kỹ mới thấy hết ý nghĩa của lá thư:

“Phải dạy ngay cho cháu ta biết đi đứng, ăn nói cho đường hoàng để xứng với bậc thiên tử. Nhất là phải nhanh chóng dạy cho thái tử An biết lạy theo đúng nghi lễ triều trung... Cha đang mắc việc hệ trọng, nay mai sẽ đến thăm con và cháu ngoại, ngay khi xong việc”

Thế là, cung Hoàng Nguyên suốt ngày trở nên một sân trò nhộn nhịp. Hơn một chục thị tì và thái giám phải đóng vai các đại thần đi theo hầu ông vua con. Chiếc ghế bành được đặt ở giữa đại đường để làm ngai vàng. Lũ người hầu xếp hàng hai bên. Chúng quỳ rạp và tung hô vạn tuế, khi chú bé đĩnh đạc đi giữa lối tiến lên ngồi vào chiếc ghế bành. Nguyễn Cẩn có bộ râu ba chòm đen nhánh rất đẹp. Cẩn gật đầu hài lòng, khi thấy ông vua con hào hứng đóng vai vua. Tập đi đứng được vài lần, chú bé An bỗng nói:

- Ông râu đen ơi? Đổi trò khác đi, ta chơi trò này chán lắm rồi.

Râu Đen chuyển sang tập quỳ lạy.

Một cái bàn được bày ra, trên có nến và lư hương. Tất cả dàn hàng ngang. Ông vua con một mình đứng trước hàng. Nguyễn Cẩn đứng đằng sau hô “Bái!”. Vua con cười sằng sặc vừa cười, vừa lạy.

Nguyễn Cẩn nói:

- Nghi lễ này rất trang nghiêm. Bệ hạ không được cười.

Rồi ông làm động tác mẫu hai bàn tay đan nhau trước mặt. cúi đầu xuống, quỳ một chân, rồi cả hai chân, sau đó đầu rạp sát đất. Cậu bé tập một lần, rồi nhõng nhẽo không chịu làm nữa. Hoàng hậu bảo, thái tử cũng không chịu. Cuối cùng hoàng hậu nói:

- Thái tử còn bé, bảo dần dần thôi. Hôm nay thế là đủ cho nhà ngươi về nghỉ.

Nguyễn Cẩn lạy tạ lui ra.
Hôm sau, Nguyễn Cẩn lại đến, đưa cho hoàng hậu là thư của Thái sư ra lệnh rước thái tử An một mình đến cung Hoạ Lư gặp ông ngoại. Hoàng hậu định đi theo nhưng Nguyên Cẩn ngăn lại:
- Bẩm lệnh bà, thái sư dặn đi dặn lại chỉ có một mình thái từ đến cung Hoạ Lư học lễ, không cho bất cứ ai đi theo.
Kiệu rước thái tử đến cung Hoạ Lư. Ông ngoại dắt An leo bậc lên nhà tiền đường, qua nhà trung đường rồi đến nhà hậu đường. Ông ngoại dẫn An đến bàn thờ, trên đó có pho tượng một người đàn bà và nói:
- Bà ngoại con đó. Con lạy bà ngoại đi.
Thế là, bé An phải học lạy ở toà nhà hậu đường rộng thênh thang và vắng ngắt, ở đó suốt đêm ngày chỉ có khói trầm hương và chỉ có mặt ông râu đen nghiêm nghị. Vắng mẹ rồi. Biết lấy ai bênh vực cho đây. Chú bé len lét đành làm theo lời ông Râu đen. Buổi chiều, khi kiệu rồng về đến nhà, chú bé chạy sà vào ôm lấy cổ Thánh Ngẫu và oà khóc to:
- An đau chân lắm. An sợ lắm.
Hoàng hậu ôm lấy con, khóc theo.
- An nhớ mẹ lắm. An không đến cung ông ngoại nữa. An không chơi trò làm vua nữa đâu.
Hôm sau, thái tử An nhất định không đến cung Hoạ Lư nữa. Hoàng hậu Thánh Ngẫu cũng đồng lòng với con. Thái sư nghe tin, đang họp việc cơ mật cũng bỏ dở, lên kiệu tức tốc đến cung Hoàng Nguyên. Ông đùng đùng nổi giận, quát mắng con gái:
- Mẹ con nhà ngươi cho chuyện học làm vua là trò đùa sao?
- Ngoại ơi! An không chơi trò làm vua nữa đâu.

Quý Ly quắc mắt.
- Trò gì? Trò gì?...
- An không thích chơi làm vua nữa - Đứa bé run rẩy khóc.
Hoàng hậu quỳ xuống, đầm đìa nước mắt, van xin:
- Con lạy cha. Xin nguôi cơn giận. Cháu nó còn nhỏ dại.
Quý Ly tay cầm cái quạt cũng run lên. Ông ném cái quạt xuống đất, rồi bảo:
- Con hãy nghe ta đây. Đã sinh ra làm con cái vua chúa, tức là không có số phận riêng nữa. Tất cả phải vâng theo thiên mệnh. Dù đứa bé nhỏ xíu cũng vậy. Không thích cũng phải làm. Đây là việc hệ trọng. Con đã nghe ra chưa?
Quan thái sư bỏ về. Hoàng hậu Thánh Ngẫu lập tức lên cơn sốt. Quan thái y được phái đến đêm ngày túc trực chữa bệnh. Năm hôm sau, hoàng hậu khỏi bệnh. Bà trở nên một con người câm lặng. Ông Râu Đen Nguyễn Cẩn lại được phái đến, dạy thái tử học lễ. Lần này, thái tử không bị ép buộc gay gắt như trước. Thời gian học cũng ngắn hơn. Thái tử cũng biết nghe lời hơn. Nhưng bây giờ cung Hoàng Nguyên trở nên nghiêm trang, vắng lạng. Trò chơi làm vua hết những ngúng nguẩy, õng ẽo, hết những tiếng cười ngây thơ. Trò chơi đã tiến đến gần giống thật, hay nó càng ngày càng xa sự thật?
Hôm nay, Thái sư đến thăm con gái và cháu ngoại, mục đích để thông báo với hoàng hậu, rằng tất cả hoàng gia phải chuẩn bị chuyển vào Tây Đô. Kinh đô mới gần như đã hoàn thành. Thuận Tôn đã đồng ý rời bỏ ngai vàng đi tu tiên. Thái tử An.. đã sắp thực sự trở thành ông vua con. Trò chơi đã sắp là sự thật... Sở dĩ ông cho dạy An học dạy, là vì sắp đến ngày làm lễ đăng quang.
Thấy kiệu thái sư đến, bọn cung nữ lập tức vào báo cho hoàng hậu.

Thánh Ngẫu cùng con trai bước ra ngoài đại đường. Hoàng hậu đến trước mặt cha, ngồi xuống sửa lại váy áo cho chỉnh tề, rồi rạp đầu xuống đất Thái tử An đứng sau mẹ, như một cái máy làm theo. Mẹ lạy một, con cũng lạy một. Mẹ lạy hai, con cũng lạy hai...

Quý Ly nhìn gương mặt trắng bệch buồn bã của con gái, nhìn bộ mặt vô hồn của cháu ngoại, ở đấy, hình như đã hết cả sự linh hoạt, và chỉ còn lại toàn sự ẩn nhẫn, cam chịu; tự nhiên trong lòng ông dâng lên một mềm xót thương vô hạn, nhưng ông không thể nói ra. Đáng lẽ, ông thông báo với Thánh Ngẫu chuyện sắp đi Tây Đô, nhưng ông hiểu mình không nên nói. Ông lặng lẽ đỡ con và cháu đứng dậy và hỏi:

- Con đã thấy trong người khỏe hẳn chưa?

Ông cúi xuống, ôm đứa cháu ngoại vào lòng, rồi bế nó lên đùi, ngồi vào chiếc ghế bành đặt giữa đại đường. Ông ôm cháu, nhưng chợt cảm thấy thiếu vắng một điều gì đó. Ông nghĩ mãi không ra. Chợt ông nhìn vào đôi mắt buồn bã của thằng bé, và ông rùng mình hiểu ngay. Thiếu vắng cái gì ư? Có lẽ đó là tiếng bi bô của thằng bé, có lẽ đó là hơi ấm da thịt, của đôi cánh tay mũm mĩm mà chú bé vẫn quàng vào cổ ông mỗi khi ông đến. Ông cảm thấy mất mát. Phải rồi, từ nay ông sẽ bị mất sự đầm ấm của đứa trẻ vẫn ban phát cho tuổi già, và thay thế vào đó là sự lạnh lẽo hờn giận của đôi mắt ngây thơ... Nhưng biết làm sao được! Số phận của các bậc vua chúa là thế ư?

Quan thái sư muốn an ủi con gái và cháu ngoại, nhưng ông thấy lúng túng; vả lại, lời nói lúc này là thừa. Ông chỉ còn biết dùng những tia mắt xót thương để nhìn Thánh Ngẫu, mong con gái hiểu được phần nào lòng mình. Ông trao cho hoàng hậu chiếc hộp ngà trong đó đựng

những thỏi nhung hươu, thỏi cao hổ cốt:
- Đây là quà biếu của sứ thần Chiêm Thành. Họ bảo nấu từ xương con hổ đen đang sung sức, và nhung loài hươu trắng đang tuổi dậy thì. Con bảo cung nữ hàng ngày nấu cháo với cả hai thứ cao, cho chóng lại sức.
Trên đường về cung Hoạ Lư, Quý Ly thấy trong lòng dâng lên một nỗi buồn khó nguôi ngoai.

Hồ Quý Ly

Chương 2

Trước khi đi, viên quan coi ngục còn cho Sử Văn Hoa ăn cơm nắm muối vừng, rồi trao cho ông bộ quần áo nâu mới giặt thơm tho. Ông giơ hai tay nắm lấy tay Sử, dặn dò:
- Xin tiên sinh cẩn trọng?
Sử văn Hoa cảm động trước sự chân tình của ngục quan, tuy nhiên ông không khỏi nghĩ thầm chua chát: “Cứ như thể ta sáp lên đoạn đầu đài”. Mà cũng có thể lắm chứ. Khi quyết định đưa đoạn văn “Minh Đạo Luận” nộp lên trên, ông cũng đã nghĩ đến điều không may nhất. Song, ông không nghĩ tới việc Quý Ly muốn trực tiếp gặp ông. Ông đã gặp thái sư nhiều lần, chỉ có khác lần gặp này ông ở tư thế kẻ tử tội, còn Quý Ly ở địa vị ngươi phán xét tối hậu. Cứng rắn ư?

Mềm dẻo ư? Chọn lựa thái độ nào? Ông không phải kẻ cuồng sĩ, không phải kẻ ngu trung, cũng không biết lựa theo chiều gió... Ông chỉ muốn mình vẫn là mình... Đó là sự dại khờ của ông, nỗi khổ đau của con người sống trong thời "thiên tuý". Hay là, theo lời khuyên ông già ngục quan: hãy như con gà gỗ kia. Phải là bậc đại hiền và đại trí mới có thể được như con gà gỗ. Sử đã suy ngẫm kỹ về mình. Chẳng qua, trong lúc quẫn bí, ông mới chỉ chạm tới cải vỏ bề ngoài của triết lý ấy, để làm cho lòng mình bình tĩnh trở lại, để khỏi sa vào vực thẳm của sự mất trí. Chỉ thế thôi? Còn phần cốt lõi, tinh tuý của nó, mấy ai đã chạm tới được. Ta sống ở đời, ta chỉ là kẻ nửa vời. Nhưng nghĩ cho cùng, lúc này đây, lại sắp phải đối mặt với một tình cảnh căng thẳng, triết lý ấy há chẳng đem lại cho ta sự bình tĩnh, sự can đảm để dương đầu với số phận? Có lẽ đó là cái nghiệp, mà đã là nghiệp mấy ai tránh nổi?

Lần này, ông bị giải đi nhưng không phải đeo gông ở cổ - Đức ông Nguyên Trừng ra lệnh như vậy. Chỉ bị trói giật cánh khuỷu và được hai tên lính ngục áp giải trên con đường rộng, xum xuê những cây đại thụ, con đường dẫn tới nơi ở của thái sư Hồ Quý Ly.

Con đường dẫn thẳng tới cửa cung điện. Từ xa đã thấy vàng son chói loà. Càng đến gần, càng bị choáng ngợp hơn. Cái cổng đã là một công trình lớn, cao vút và nguy nga. Trên có tầng lầu đặt trống canh. Ngói mũi hài mầu xanh. Đỡ dàn mái là hàng cột gỗ lim đen nhánh. Cửa chính trên uốn cong, dưới có bánh xe gỗ. Hai cánh sơn son, trên vẽ rồng vàng bay trên những đám mây vàng. Hai cánh cửa lớn đóng im ỉm, hầu như chẳng bao giờ chúng được mở ra. Người ta đi lại ở hai cửa bên, cũng cuốn tò vò, cũng sơn đỏ. Vào một cửa, ra một cửa. Gần sát mái ngói xanh, là tấm hoành phi chạm trổ, tất cả

dát vàng, và trên cái nền vàng chói lọi ấy là ba chữ đại tự sơn son: Hoạ Lư Cung.

Sau khi xem tờ lệnh gọi có dấu son của cung Hoạ Lư, tất cả còn phải chờ, một người lính đưa giấy tờ vào trình. Một lúc sau mới có lệnh giải tù vào. Bọn lính ngục bị gạt ra ngoài nhà chờ, áp giải tù ở trong do những lực sĩ nội vệ đảm nhiệm.

Sử Văn Hoa đi trên con đường đá xanh nằm giữa một cái sân lát gạch đỏ mênh mông. Song song với con đường đá phiến là hai dãy chậu đá khổng lồ to như những chiếc nong, bên trong đổ đất trồng những cây lạ và hoa quý hiếm.

Đôi rồng đá ngạo nghễ chầu hai bên chín bậc thềm đá để bước lên toà tiền điện. Đến đây. Sử văn Hoa lại phải khai trình đủ điều trước bàn một người thư lại. Tiếp đó, lại phải chờ. Viên thái sử đưa mắt nhìn khắp căn nhà. Ở hai bức tường đầu hồi treo những bức tranh, những bài châm, hoặc bằng mực nho vẽ trên lụa, hoặc bằng sơn vẽ trên vóc gỗ, hoặc bằng khắc chạm. Vì đứng xa, nên Sử không nhìn thấy viết gì, vẽ gì nhưng chắc chắn đó là những nét bút của những bậc đại nho và hoạ sĩ có tài. Và ấn tượng chung của tất cả những nét bút ấy đã làm cho ta kính phục, và nhắc nhở rằng ta đang ở một chốn văn nhã đúng thực như cái tên Hoạ Lư của nó. Nhưng đập vào mắt Sử nhất vẫn là hai bức đại hoành treo ở phía tường hậu. Hai cái bảng lớn hình chữ nhật, mỗi cái to chừng hai chiếc giường, được khắc nền bàng những hình kỷ hà, những hoa lá, những chim, những thú; toàn bộ nền ấy được thiếp vàng, ánh sáng chiếu vào những nét khắc chìm nổi của vàng đã trở thành long lanh, chỗ đậm, chỗ nhạt, nhiều sắc độ sáng tối. Và trên đó nổi lên những chữ sơn đen khỏe khoắn, vững chãi, đầy hứng khởi.

Một tấm viết bốn chữ “Vô dật, nãi dật” rút ra từ thiên Vô dật của Kinh Thư, một châm ngôn dành cho các bậc vua chúa đã được Quý Ly giảng ra quốc ngữ và dạy vua Thuận Tôn.

Tấm thứ hai có ba chữ: “Nhật nhật tân” rút từ câu: “Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hựu nhật tân” (ngày mới, ngày ngày mới, lại ngày mới). Dòng chữ này trong sách Đại học, biểu lộ chí hướng của quan thái sư mà ai ai cũng biết.

Điều đáng chú ý: cả hai bức đại hoành ấy đều do chính tay Quý Ly tự viết. Cũng chính ông đã kiểm tra đám thợ khắc, thợ sơn; đôn đốc họ rồi bắt sửa chữa từng ly từng tí. Quý Ly muốn khoe chữ của mình; hay ông muốn dùng những nét chữ ấy để trấn áp, đồng thời trấn an mọi người trong triều đình, rằng ý chí cải cách của ông là bất biến, rằng ông là người có tài, có văn hiến, rằng cuộc cải cách không phải một việc làm mò, mà do một bộ óc chứa đầy kinh sử đã lo toan, tính toán kỹ lưỡng. Sử Văn Hoa thầm nghĩ: “Hãy gạt những ý nghĩ ấy sang một bên, chí ít hai bức đại hoành này cũng vẫn là hai tấm hoạ tự vô song, làm rung động mỗi ai vào đây”.

Sử chợt giật mình, ngừng dòng suy nghĩ khi viên lực sĩ vào bẩm báo đã quay ra để dẫn ông đến gặp thái sư. Họ cởi trói cho người tù. Ông dùng bàn tay nọ bóp khuỷu tay kia; những khuỷu tay bị tê dại vì trói đã lâu. Rồi ông chỉnh từ quần áo, sắc mặt, và lặng lẽ khoan thai đi theo người lực sĩ từ toà tiền đường theo giải hành lang tiến về phía toà trung đường cao vút. Giải hành lang hai bên có lan can đá, phía ngoài lan can là vườn hoa đủ màu sắc. Hết hành lang dài đến một chiếc cầu đá năm nhịp bắc ngang một chiếc ao nhỏ, dưới ao những bông hoa súng mầu đỏ tía lô nhô mọc ở một góc, những con cá vàng, cá chép đỏ vẫn thường được Quý Ly ra đứng trên cầu thả

xuống những bánh bỏng gạo cho ăn, nay nghe tiếng chân người tưởng là bước chân của chủ, chúng lao xao nổi lên mặt nước.
Toà nhà chính, điện Hoạ Lư với bộ mái vàng với những hàng cột và những cánh cửa sơn son, nguy nga, sừng sững trước mặt, chợt làm viên quan thái sử nhỏ bé thấy trái tim mình đập rộn ràng. Người lực sĩ dừng chân, và bắt Sử cũng phải dừng chân. Gương mặt lạnh tanh, hắn chằm chằm nhìn vào mặt viên quan chép sử; rồi hai bàn tay to của hắn rà soát lại một lần nữa khắp người Sử Văn Hoa. Rà soát xong, hắn ve vuốt, vỗ nhẹ lên bộ quần áo Sử, ý chừng để cho chúng được phẳng phiu, hết xộc xệch. Thậm chí, hắn còn bắt Sử chít lại chiếc khăn nhiễu tím và sửa sang lại những nếp gấp trên khăn.
Điện Hoạ Lư là một toà nhà năm gian, ba gian giữa được đội cao lên một tầng nữa; tầng gác trên gọi Tàng thư các, nơi Quý Ly đọc sách; tầng dưới là nơi làm việc. Ở hai bên tả hữu, lùi lại phía sau, là hai dãy nhà dành cho vệ sĩ và thị nữ.
Sau khi được lệnh, viên lực sĩ dẫn Sử Văn Hoa vào điện. Như được dặn từ trước, Sử đến cửa đã phải cúi đầu không được ngẩng lên, hai tay chắp trước mặt. Đi chừng mười lăm bước, người lực sĩ ở phía sau vỗ nhẹ vào lưng và Sử dừng lại, quỳ xuống vái lạy, đầu rạp xuống đất. Chờ một lát, mới thấy tiếng nói rất thản nhiên:
- Cho ông ta đứng lên? Và chờ đấy!
Sử Văn Hoa đứng dậy. Lúc này, ông mới được ngẩng mặt nhìn. Quan thái sư đang đọc một cái gì đó. Đứng sau lưng ông, sừng sững người lực sĩ lạnh lùng, khoanh tay trước ngực.
Sử đưa mắt nhìn quanh. Điều đập vào mắt ông trước tiên là bốn chiếc cột ngọc am. Bốn chiếc cột to hơn người ôm mầu đỏ sậm, hầu như ngả sang đen bóng nhẵn như sừng. Bốn chiếc cột chính của toà

nhà, nằm ở khoang giữa. vươn lên tầng trên, có thể nói, làm vững chãi, chống đỡ cho toàn bộ ngôi điện. Quý Ly đã sai người vào dãy Yên Tử chọn lựa trong ngàn vạn cây tùng mới tìm được bốn cây xích tùng ngàn tuổi, to và cao đủ tầm hai tầng nhà. Gỗ của nó vừa cứng, vừa quánh, lại vừa thơm, vừa đẹp, nhân dân vẫn gọi là gỗ ngọc am. Thái sư Quý Ly hàng ngày vẫn ngồi làm việc giữa bốn cây gỗ trứ danh ấy, trên một chiếc ghế bành phủ da hổ. Bốn chiếc cột quý được bào nhẵn, mài và lau cho bóng lộn, soi gương được. Dưới ánh sáng của cây đại lạp mầu ngọc am đen lánh pha ánh đỏ. Nhìn vào một cây cột ta thấy hình ảnh của ngọn đại lạp được biến thành nhiều đốm sáng. Sau chiếc ghế bành là chiếc sập gụ. Sau chiếc sập gụ, trên tường là bức tranh "Núi Yên Tử" của Nguyên Trừng. Ở hai bên bức hoạ có đôi câu đối và Sử Văn Hoa nhận ngay ra nét chữ cứng cỏi sảng khoái của chính quan Thái sư. Đôi câu đối của Quý Ly và con trai cả:

Hòn đá bằng nắm tay này, có lúc làm mây, làm mưa, thấm nhuần thiên hạ.

Cây thông nhỏ ba tấc ấy, ngày sau làm rường, làm cột, chống đỡ nước non.

Sử thầm nghĩ: "Chí của cha con họ thật rõ ràng như vậy Một người thì muốn làm mây làm mưa để thấm nhuần cho toàn thiên hạ. Một người ngay từ lúc trẻ đã dự định làm rường cột cho nước non. Ông thở dài, nghĩ tới những dòng viết "Minh Đạo Luận" những dòng chữ ông đã thuộc lòng trước khi viết ra giấy:

Năm Nhân Thân (1392) thái sư Quý Ly viết mười bốn thiên Minh Đạo dâng lên Thái thượng hoàng. Nghệ Hoàng ban chiếu khen ngợi nhưng triều thần nhiều người phản đối. ý của thái sư là muôn duy tân

đất nước, không chịu theo vết người xưa. Dù bậc tiên thánh, thấy không phải cũng đem ra bàn luận.

Thái sư là người thông hiểu đạo Dịch. Đạo của càn khôn là biến dịch. Có biến mới có thể hoá, có hoá mới có thể thông. Đất nước có thịnh cũng phải có suy. Suy rồi biết biến dịch, sẽ dần dần thịnh lại. Thiền sư Vạn Hạnh nói: “Nhậm vận thịnh suy vô bố uý”. Kẻ đại trí hiểu lẽ thịnh suy ở đời, nên chẳng có gì sợ hãi.

Xem như Đại Việt ta đã trải qua bao cuộc thịnh suy. Suy đến như nghìn năm nội thuộc Phương Bắc tưởng chẳng có mức nào suy hơn. Nhưng hồn nước vẫn còn. Các bậc tiền nhân như Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Đại Hành đã đem bao xương máu tâm huyết, vẫy vùng, chống lại phương Bắc, mới dưng lại được hồn của núi sông.

Nhà Lý với chiến công hiển hách phá Tông bình Chiêm, nhưng cuối cùng cũng lại suy tàn.

Còn như nhà Trần, ba lần đại thắng giặc Nguyên, chiến công tưởng không có gì hiển hách hơn, thế mà nhà Trần nay đang rơi vào vận bĩ.

Biến dịch là đúng, thay đổi là phải, vì thế thái sư viết ra mười bốn thiên Minh Đạo.

Nhung Minh Đạo có sáng ngời hay không, có thành công hay không, việc đó phải xem nó có đáp ứng được với hồn nước hay không? Hồn của núi sông tức là hồn Đại Việt. Hồn của núi sông tức là quyền tự chủ của nước non. Tức là sự an vui no ấm của người dân. Túc là rạng rỡ văn hiến. Tức là đem ánh sáng đến tận từng nhà, đem tự chủ đến tận từng người.

Tất cả những điều đó bàng bạc ẩn ngầm ở khắp mọi nơi, nên mới gọi là hồn sông núi.

Nay Thái sư biến dịch là đúng, duy tân là sáng suốt Nhưng tôi trộm

nghĩ: thái sư bài bác đạo Phật, bắt sư tăng hoàn tục, bỏ hoang những ngôi chùa làng để đến nỗi gây nên sự phiến động của thầy chùa Phạm Sư Ôn nổi lên đột phá kinh đô, sự việc ấy khiến lòng người hoang mang.

Minh Đạo phải có âm dương điều hoà. Đạo Khổng là phần dương của hồn nước, đạo Phật chính là phần âm. Dân có được thuần phong mỹ tục, có được văn hiến sáng ngời, phần nào nhở vào đạo Phật.

Hồn nước ở ngôi chùa làng. Ngôi chùa làng giáo hoá, làm vơi nỗi khổ của người dân hèn. Nay nếu ta bỏ hoang ngôi chùa làng thì hồn nước biết trú ngụ nơi đâu và thái sư lấy ai làm người ủng hộ cho Minh Đạo

Thiển nghĩ, bọn Nho sĩ Lê Quát, Trương Hán Siêu bài bác đạo Phật, chỉ vì cạn nghĩ. Đã đành đạo Phật đến lúc suy cũng có nhiều điều dở. Nhưng chỉ nhìn vào cái dở nhỏ mà quên mất những cái hay lớn nằm ẩn ngầm ở ngôi chùa làng là điều chẳng nên. Thêm nữa, nếu Minh Đạo chỉ lấy đạo Nho làm nền tảng, e rằng sẽ bị thiên về phần dương của càn khôn. Dương cương là cứng, là nhanh, là thái quá.

Lòng cứng sẽ không không biết đến sự mềm mại khoan dung. Lòng cứng sẽ là bạn đường của những điều tàn nhẫn. Người ta sẽ chỉ biết tới máu và nước mắt. Dương cương và nhanh vội sẽ dẫn tới những điều suy vi.

Suy vi ít thì xao động, người trong nước chém giết lẫn nhau, đớn đau một thời gian rồi ổn định.

Suy vi nhiều thì đất nước điêu linh, miếng mồi ngon cho lũ ngoại bang lăm le nhòm ngó, chỉ chờ dịp là đem quân dày xéo non sông...

Ông đã phê phán Minh Đạo của thái sư như vậy đó, chả trách lúc

này lòng ông chao động. Ông đã cặn kẽ bố trí chu toàn cho vợ con khi ông quyết định đưa bài viết, tức là ông đã cương quyết, chẳng lo đến bản thân mình, quyết kình trụ chống trời.

- Ông Sử Văn Hoa!

Tiếng nói trầm trầm của quan thái sư bỗng làm người tử tù sực tỉnh khỏi dòng suy nghĩ.

- Ông đang nghĩ gì vậy?

Khuôn mặt Quý Ly, với bộ râu dài đốm bạc, với mái tóc hầu như bạc trắng, với cái miệng ngang bằng không nhếch lên, cũng không trễ xuống, khuôn mặt của một con người luôn luôn trầm tĩnh. Chỉ có đôi mắt ông ta biểu hiện thôi. Đôi mắt to với đôi lông mày rậm cũng bạc trắng. Đôi mắt thông minh, đen láy, hình như cười cợt, hình như muốn bảo Sử rằng: Ta biết thừa điều ông đang suy nghĩ. Đôi mắt làm Sử lúng túng.

Điều ngạc nhiên, Sử mới nhận ra: người vệ sĩ đã rút khỏi lúc nào không hay. Lúc này, chỉ có mình ông đối diện với Quý Ly. Và ông cũng nhận ra ngay ở đay chỉ có một chiếc ghế bành, một cái bàn, một chồng sách, một cái đôn, và một cây nến. Cây nến cắm trên nhành hoa ở mỏ một con hạc tạc bàng đá quý. Hoá ra ở đây tất cả đều là số một. Ở đây thái sư chỉ có thể đối diện với một người. Không có mặt người thứ ba. Ông chợt vỡ lẽ; đây là gian mật thất. Ở đây thái sư sẽ hỏi, sẽ nghe, sẽ ra lệnh... thái sư không muốn người thứ ba được nghe, được biết những việc của ông.

Đôi mắt sắc sảo của Quý Ly, lúc này đã thôi diễu cợt Thái sư lại đưa ra một câu thứ ba.

- Ông có biết hôm nay ta cho mời ông đến làm gì không?

Sử Văn Hoa lại thêm lúng túng. Ông chưa biết nên trả lời thế nào.

Thái sư đột nhiên tự trả lời:
- Chắc ông nghĩ rằng ta gọi ông đến để xét hỏi thẩm vấn? Cũng có thể ông nghĩ rằng ta muốn ra một quyết định trị tội ông vì... tờ sớ ngăn việc dời đô, hay vì đoạn văn luận bàn về Minh Đạo... có phải không?
Sử Văn Hoa đoán đối phương đang định giở trò gì; mãi vẫn chưa đoán ra. Chẳng lẽ đây chỉ là một trò mèo vờn chuột, một ngón đòn cân não, làm cho đối thủ hoang mang, rối loạn, lo sợ, hoảng hốt, mệt mỏi, rồi cuối cùng nhũn ra, hai tay buông xuôi.
Quý Ly nhìn nét mặt căng thẳng của Sử, bỗng cười to:
- Ông đoán sao được! Bởi vì, thực ra, hôm nay ta cũng chỉ muốn như mọi người bình thường mà thôi. Ông nổi tiếng về đoán mộng. Và ta muốn nhờ ông giải cho ta một giấc mộng.
Giải mộng ư? - Văn Hoa không nén nổi sự ngạc nhiên hiện ra trên nét mặt, rồi lẩm bẩm - Quan thái sư lại đi tìm lời giải mộng ở một tên tử tù sao? Đến lúc này, Quý Ly mới giơ tay ra phía chiếc cẩm đôn độc nhất bầy bên cạnh chiếc cột ngọc am bóng lộn:
- Bây giờ đã hiểu ý định của ta, mời ông an toạ để ta đàm đạo.
Và cũng đúng lúc khi cánh tay quan thái sư giơ ra, chiếc áo thụng tay giang rộng như lá cờ, Sử Văn Hoa mới nhận ra mầu vàng của nó. Không phải mầu vàng nguyên rực rỡ như các vua thường mặc, mà là mầu vàng sậm, ở sắc vàng có pha một chút nâu đỏ, cho mầu dịu đi. nhã nhặn hơn mà người ta vẫn gọi là mầu bồ hoàng. Xưa kia, Quý Ly vẫn mặc đồ tía, đúng với hàng nhất phẩm của thái sư. Nhưng, thực ra sự thay đổi mầu sắc ấy cũng chẳng làm Sử Văn Hoa ngạc nhiên. Ông đã biết sẽ như thế từ lâu rồi. Chỉ có khác, giá như trước kia nhìn thấy màu sắc đó, hẳn ông sẽ bừng bừng nổi giận, còn bây

giờ, ông chỉ thấy thờ ơ... Đây là lần đầu tiên Sử thấy thái sư mặc màu vàng... chắc hẳn ông ta muốn trưng bày thẳng thắn ý của ông ra, có thể để thàm dò Sử. Thái sư mặt kín như bưng, bỗng vào đề bằng một câu hỏi:

- Ông có cho rằng mộng mị có ý nghĩa hay không? Có phải điềm triệu không? Hay chỉ là sự hão huyền?

- Dạ. Mộng là một phần của đời người. Đêm nào ta chẳng mộng, ta thường sống với mộng, nên nó là phần thâm sâu của đời ta. Chỉ có điều, mộng bao giờ cũng khó hiểu, nó giúp ta che kín một sự thật nào đó mà ta chẳng muốn nói ra. Do nó mập mờ, nên có nhiều cách giải. Nhưng, chắc chắn trong những cách giải, thế nào cũng có cách đoán đúng.

- Ông nói sự thật là thế nào? Ta rất quý sự thật.

- Ai cũng thích nghe nói nịnh. Sự thật trong mộng là điều người ta muốn che dấu. Vì vậy đoán mộng thực sự luôn khó nghe.

- Ta hiểu. Ông định nói với ta những lời khó nghe... Chắc vì thế ông sợ.

- Tôi không sợ.

- Vì sao?

- Xin Thái sư miễn cho câu trả lời.

Quý Ly cười:

- Ta hiểu. Bởi vì người quân tử không sợ sự thật. Còn kẻ tiểu nhân thì ngược lại và ông không trả lời vì không muốn nịnh ta, cũng không muốn làm ta nổi giận. Nhưng thôi... Bàn suông mãi thế để làm gì. Ta bắt đầu kể giấc mộng của ta cho ông nghe:

... Đêm qua, ta mất ngủ. Già rồi, nhiều đêm vẫn mất ngủ như vậy. Ta miên man nghĩ biết bao nhiêu chuyện. Rồi đứng trên cầu đá ngắm

sao. ngắm đàn cá đớp trăng... Chán rồi, vào đọc sách. Mệt quá, ta thiếp đi trên chiếc bàn này, và mơ màng lạc vào giấc mộng. Ta mơ thấy mình đi ngang qua dưới lầu Đại Minh. Đứng từ xa, đã thấy một bóng người trên lầu. Quái lạ! Ta thầm nghĩ: kẻ nào mặc áo không màu sắc lại dám đứng trên đó? Chẳng phải tía, chẳng phải bồng, cũng chẳng xanh. Đại Minh cái là nơi dành riêng cho các bậc đại thần.

Tên thất phu thật láo xược. Ta lại gần và quát to: “Tên gian tặc là ai lại dám leo lên đó? Ngươi muốn mất đầu hay sao?” Tên thất phu vẫn điềm nhiên đi lại trên hành lang toà lầu, như không nghe thấy lời ta hỏi. Ta tức quá, đến gần toà lầu. Hắn đứng trên cao, ta đứng dưới đất, vậy nên để biết rõ mặt hắn, ta phải ngửa cổ lên nhìn. Nhưng ác hại, tên thất phu lại chắp tay sau đít, quay lưng về phía ta. Ta quát to thêm và nhủ thầm nhất định phải biết rõ mặt hắn. Vừa ngửa mặt, ta vừa hét: “Ta sẽ chặt đầu ngươi?” Chắc ta đã gào lên vì tức giận. Lúc đó hắn mới đủng đỉnh quay lại. Chao ôi! Bộ mặt hắn ta sao quái lạ! Cái bộ mặt quét vôi trắng xoá, với đôi môi đỏ chót, trông thật khiếp hãi. Bộ mặt bôi vôi ấy nhe răng ra để doạ. Trông hắn như loài yêu ma. Ta sợ hãi thét lên, tỉnh dậy; mồ hôi vã ra khắp người. Hỡi nhà đoán mộng tài ba? Kẻ bôi vôi mặt ấy là ai? Hắn định làm gì? Hắn âm mưu gì?...

Sử Văn Hoa lặng lẽ ngồi trên chiếc cẩm đôn độc nhất, cúi đầu suy nghĩ... Chuyện giải mộng này là thế nào đây? Một cái bẫy, hay lòng thành thật? Nỗi lo lắng của một con người đầy tham vọng cảm thấy mình cô độc hay đơn thuần chỉ một cuộc thăm dò? Một cách đảo lộn vai trò? Đang là người đoán mộng ta sẽ là kẻ nói ra giấc mộng của chính ta? Một giấc mộng bịa đặt ư? Tất cả chỉ là xếp sắp thôi ư?

Cũng chẳng sao - ông chợt mỉm cười - Một giấc mộng giả cũng có thể ẩn chứa trong nó nhiều sự thật. Trong những lần giải mộng trước, ông đã gặp nhiều giấc mơ giả. Giấc mơ của Duệ Tôn vật lộn với Chế Bồng Nga là giấc mơ rút ra từ sách vở, giấc mơ nổi tiếng Sở Vương vật lộn với Tấn Vương, Nhưng cái sự thật Duệ Tôn muốn dấu đi vẫn bị Duệ Tôn buột miệng nói ra với chi tiết "bầu trời lúc đó đen kịt, sầm sịt". Nhìn lên trời lại hoá ra nhìn xuống đất. Muốn được lại hoá thành thua. Sử Văn Hoa tự cười thầm với những ý nghĩ ngờ vực của mình - Và ông nhắm mắt lại, bấm đốt ngón tay, tập trung vào suy nghĩ những chi tiết và những diễn biến của giấc mộng Quý Ly, mà sau này người ta gọi là "giấc mộng kẻ bôi vôi mặt".

Thực ra, giấc mộng là một câu đố hắc búa đối với Sử. Giải mộng thế nào đây? Quý Ly là người đa sát. Chẳng lẽ nói ra để rồi hứng chịu một hậu quả thảm khốc? Chịu chết để lấy một tiếng khen hậu thế ư? Ta đâu có cần. Điều ta cần là một cái gì ích lợi, hữu hiệu, làm thế nào bây giờ? May mắn thay, đúng lúc đó Quý Ly ra khỏi căn phòng. Ông ta để cho Sử Văn Hoa suy ngẫm. Sử vẫn nhắm mắt, thở nhè nhẹ, ý thủ đan điền... Dần dần ông quên đi những điều hệ luỵ, những sự vật chung quanh. Một giọng nói vô thanh khẽ nhủ thầm với ông: "Giấc mơ thật đấy. Hãy nói cho ông ta biết sự thật đi. Lúc này, ông ta cần biết nhiều sự thật nhất. Có thể một sự thật thô thiển sẽ làm cho ông ta bực bội, tức giận. Song cũng có thể những sự thật mờ ảo lại giúp ích hơn...".

Quý Ly bước vào. Ông ta không ngồi trên chiếc ghế da hổ nữa, mà đứng cạnh án thư. Ông chắp tay sau lưng và nói:

- Nào, tôi xin nghe lời giải mộng của ông đây. Sử Văn Hoa, nhìn thẳng vào đôi mắt sáng quắc của Quý Ly, lúc này chúng có vẻ háo

hức và xởi lởi, Sử chậm rãi nói, giọng trầm trầm:
- Trong giấc mộng của thái sư, có hai điều then chốt cần chú ý. Thứ nhất "khuôn mặt bôi vôi" đứng ở tầng lầu của Điện Đại Minh, nghĩa là khuôn mặt ấy ở trên cao, thứ hai "thái sư ngửa mặt lên" nghĩa là ngài đứng dưới đất. Giấc mộng có nhiều chi tiết nhưng chỉ là những đồ gia vị thêm thắt. Giải được hai điểm chính ấy ta sẽ biết được cái sự thật mà lương tâm ngài muốn che giấu với mọi người, và muốn che giấu với cả chính bản thân ngài nữa.
- Ta lại muốn che dấu cả với ta? Hay thật? Ông Sử ơi! Ông đã làm ta phải chú ý rồi đó.
Sử Văn Hoa vẫn nhìn thẳng vào đôi mắt Quý Ly:
- Tôi nói thái sư tự dấu mình, bởi vì giấc mộng cũng là ngài, ngài che dấu nên giấc mộng muốn chiều người cũng che dấu hộ cho. Ta hãy đoán giải điểm thứ nhất, "Khuôn mặt bôi vôi" ấy là ai? Hắn không mặc áo tía, áo đỏ áo xanh, vậy kẻ ấy chỉ là dân thường. Bộ mặt bôi vôi tức là kẻ mặt trắng. Kẻ mặt trắng, như người ta vẫn thường gọi "bạch diện thư sinh", tức là kẻ sĩ. Còn điểm thứ hai: tại sao ngài lại ngửa mặt lên? Bởi vì thường ngày ngài vẫn từ trên cao hạ cố nhìn xuống kẻ sĩ; họ tầm thường quá, họ ngốc nghếch quá; thực sự thái sư đã coi thường họ, căm tức họ, thậm chí đối nghịch với họ. Giấc mộng muốn chỉnh đốn giúp ngài, nó bảo ngài hãy ngửa mặt lên nhìn kẻ sĩ, họ ở trên cao... Bẩm thái sư, lời nói của tôi thật thô thiển, khó nghe, ngài trọng sự thật nên tôi đành liều nói hết... Bẩm thái sư, tuy nhiên đó là giấc mộng vàng; khuyến hiền là điều vô cùng hệ trọng...
Thái sư đã ngồi trên chiếc ghế bành da hổ tự lúc nào không hay. Nét mặt đăm chiêu nhíu lại. Sử Văn Hoa dừng lại chốc lát để suy nghĩ, đắn đó, tìm lời rồi mới tiếp:

- Trong giấc mộng còn một điểm nhỏ đáng chú ý: “Kẻ mặt trắng chắp tay sau lưng”. Thái sư nhớ đến cái lưng của hắn tức là hắn quay lưng lại. Tại sao kẻ sĩ lại hiện về trong mộng, và lại quay lưng? Kẻ tiểu nhân xin đánh bạo trả lời. Vì ngài luôn luôn nghĩ đến chuyện kẻ sĩ, nghĩ nhiều đến họ tất nhiên họ phải về trong mơ; còn họ quay đi chắc chắn vì họ còn nhiều điều chưa tán đồng...
- Theo ý ông, ở Thăng Long có bao nhiêu kẻ sĩ không ủng hộ ta?
- Hầu hết kẻ sĩ ở Thăng Long đều bất mãn với thái sư.
- Vậy, ta nên thế nào?
- Xin liều chết trả lời: Mong thái sư hãy ngừng việc dời đô.
- Cái gì? Ngừng dời đô ư? Không được! Lại câu nói giả nhân giả nghĩa. “Cốt ở đức, không cốt ở nơi hiểm trở? “ Ta kiên trì cắm lại ở đây ư? ở cái chốn đầy rẫy những kẻ ngu trung, những kẻ ngoài miệng thơn thớt nói đến vương đạo, nhưng bên trong lại đầy tham nhũng, và âm mưu quỷ kế, để kéo dài sự thối nát đến ngàn đời nữa ư? Cả đến ông, kẻ mà người đời cho là người chép sử quân tử, kẻ âu lo cho hồn nước suy vong, mà cũng về hùa với họ ư?...
Quan thái sư đột ngột nổi giận. Ông ta thay đổi vô cùng nhanh chóng. Đang từ một con người trầm tĩnh đến mức lạnh ngắt, ông trở nên đùng đùng sát khí. Mắt long lanh, đôi mày xếch lên, Quý Ly quát to:
- Hãy trói hắn lại? Mang hắn đi! Hãy cho hắn nếm hết mùi tân khổ của sự ngu tối, trước khi chết!
Người lực sĩ xuất hiện, nhanh nhẹn xềnh xệch lôi Sử Văn Hoa ra khỏi gian đại điện.
Quý Ly ngửa người trên chiếc ghế da hổ, vẻ mặt buồn tênh. Ông nhắm mắt lại, để đầu óc dần dần trở về yên tĩnh. Ông cảm thấy bải

hoải. Ông kêu lên trong lòng:
“Chao ôi! Sao ta mệt mỏi! Ta thèm giấc ngủ... giá như...”. Một tiếng nói âu yếm bỗng vang lên trong tâm tưởng: “Tướng công hãy thư giãn, hãy nới lỏng bàn tay, nới lỏng lòng mình... Hãy nghĩ đến một cánh hoa, một tiếng đàn, một dòng suối rót rách, hãy rũ sạch lòng mình... và giấc ngủ dịu dàng sẽ đến. Nào Ngủ đi! Ngủ đi...”
Giấc ngủ bồng bềnh ấy cũng chẳng kéo dài. Nhưng khi thái sư mở mắt ra đã thấy nhẹ nhõm hơn nhiều. và trước mặt ông, Nguyên Trừng đã ngồi sẵn chờ đợi Thị nữ dâng trà sâm. Ông lặng lẽ nhấp từng ngụm. Trong khi uống, ông đã cân nhắc từng lời nói và những quyết định:
- Thế nào? Lúc nãy, con đã nghe câu chuyện giữa Văn Hoa và ta rồi chứ?
- Vâng. Con đã nghe hết.
- Thế nào?
- Ông ta thành thật. Và người thành thật thì không có âm mưu.
- Đúng Sử không âm mưu. Nhưng hắn ta bướng bỉnh... đến mức xấc xược. Ta không chấp điều đó... Nhưng hắn là người ta không dùng được... Quan thái sư ngừng lại để tìm ý - Hắn khác bọn hủ nho, bọn phản đối ta nhưng ngu tối, chỉ biết dựa vào lời thánh hiền. Sử biết phải biến dịch thay đổi, nếu không non sông sẽ suy vong. Những điều hắn ta đề ra đều sắc sảo. Sử nghĩ tới hồn nước... Chính vì thế nên ta quyết định như thế này: Hãy giam hắn vào hầm xử chém, đeo gông cổ thật nặng, cùm chân tay, mồm đóng hàm thiếc, bỏ đói, bỏ rét... Sau đó, một sáng sớm, mang ra pháp trường. Hãy cho hắn sợ đến vãi cứt, vãi đái ra... Đến lúc đó, con hãy mang lệnh của ta đến, ân xá cho hắn, đuổi về thôn quê.

Hồ Nguyên Trừng nín thở mà nghe. Đến câu cuối cùng ông mới thở phào nhẹ nhõm.

Hồ Quý Ly

Chương 3

Buổi chiều, thái sư xem tấu biểu. Từ lúc Trần Thuận Tôn bỏ hẳn triều chính đi tu tiên, thái sư phải hoàn toàn một mình gánh vác mọi việc. Ngoài những cuộc thiết triều, việc xem bản tấu chiếm mất của ông khá nhiều thời gian. Ông lật giở từng tờ tấu và thư từ, tìm những việc quan trọng, và cấp thiết nhất, cần phải quyết định ngay. Đầu tiên là những công việc liên quan tới nhà Minh. Từ khi Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương lên ngôi, nước Việt và nhà Minh đã quan hệ với nhau nhiều lần. Lúc đầu, khi mới dành được đất nước từ tay nhà Nguyên, đuổi quân Nguyên ra khỏi bờ cõi, Chu Nguyên Chương đối với ta rất mềm dẻo, vì ông còn bận củng cố quyền lực trong nước. Quý Ly biết Chu Nguyên Chương là người võ biền, nên ông có ý xem thường, nhất là khi vua Minh giết các công thần, rồi chia các vùng đất xa cho các con làm vua thì ông không còn lo. Bởi vì nước Trung Hoa rộng bao la vấn đề tập trung hay phân tán quyền là một vấn đề cực kỳ nan giải. Nhà Tần tập trung quyền nên bắt buộc phải cưỡng chế bạo tàn, nhà Tần bị cô lập, sụp đổ nhanh chóng. Nhà Hán lại đi vào thế phân tán, chia ra các nước nhỏ, dùng người thân tín cai trị để làm phên dậu cho trung ương; cuối cùng lại đẻ ra thế bảy nước, Trung

Hoa lại suy yếu. Đường và Tống Nguyên lại đi vào thế tập trung, nhưng gặp khó khăn trong việc cai quản đất nước bao la. Nhà Minh lên ngôi lại bắt chước nhà Hán, chia đất cho các con cai quản. Chính vì thế, họ không đủ sức mạnh để nhòm ngó nước ta.
Khi Chế Bồng Nga xâm chiếm Đại Việt. Thế nước ngàn cân treo sợi tóc, nhưng nhà Minh vẫn chưa kịp thay đổi đối sách với ta cũng vì lẽ đó.
Nhưng gần đây, ông vua già Chu Nguyên Chương thấy đất nước họ đã vững chãi, họ bắt đầu thăm dò phương nam. Nhà Minh luôn luôn sai sứ thần sang ta đòi cống nạp người và của. Họ cho bọn hoạn quan người Việt về thăm nhà, tiếng là thế, nhưng thực ra để thăm thú tình hình nước ta. Bọn quan lại. sứ thần nhà Minh cũng là một tai hoạ. Chúng gây sự nhũng nhiễu đủ điều: đòi ăn đút lót, rồi chê bai bắt bẻ rằng ta tiếp đón không đúng nghi lễ.
Triều đình nhà Minh gửi cho ta bộ sách “Đại Minh Tập Lễ”, hoạnh họe, bắt ta phải thi hành nhiều nghi thức rườm rà mỗi khi sứ thần nhà Minh mang chiếu sắc vào Đại Việt. Minh sứ thần nói:
- Nghĩ rằng nước An Nam vốn là nước văn vật, thành tâm sợ mệnh trời thờ nước lớn, không việc gì thiếu chu đáo, riêng về lễ tiếp sứ thần vẫn còn có chỗ chưa ổn. Nay, tôi vâng mệnh thiên tử, xông pha muôn dặm đến ban cho sách về lễ. Về sau cứ thế mà làm. Đại để, sách đó quy định chặt chẽ sáu điều nghi thức:
1 - Khi sứ thần vào đến biên giới, phải tổ chức tiếp đón suốt dọc đường.
2 - Khi chiếu sắc đến gần Thăng Long, thì ở kinh đô trăm quan phải tập dượt đón tiếp trước. Sau đó vua phải đích thân sang bờ bắc sông Cái ngủ nơi trai sở. Các vị đại thần các nhà sư đạo cao đức trọng

cũng đi theo đón tiếp.
3 - Chiếu sắc vào đến Thăng Long. Khắp kinh đô phải treo đèn kết hoa. Sắp sẵn long đình và hương án ở Ngọ Môn. Vua quan ăn mặc triều phục, kỳ lão tăng đạo chỉnh tề, rồi đến đồ nghi trượng, âm nhạc, chiêng trống rước chiếu đến điện Đại Minh.
4 - Quy định cách tuyên đọc: sứ quay mặt hướng Nam, vua ta quay mặt hướng Bắc... Yến tiệc đãi sứ giả cũng quy định hướng ngồi. Ngay cả nghi thức mời rượu cũng phải cho đúng.
5 - Đến ngày sứ sắp trở về, vua quan lại phải thết tiệc rồi làm thơ thù tạc với sứ giả.
6 - Cuối cùng là nghi thức tiễn sứ giả về nước.
Mỗi lần sứ nhà Minh sang, triều đình lại như gặp vạ. Họ trách cứ đủ thứ, họ moi móc đủ điều. Ông thở dài: “Phải chăng thời của bọn sứ thần ngạo nghễ kiểu Sài Thung lại tái xuất hiện? Làm thế nào để tiếng trống đồng Thăng Long lại một lần nữa làm bạc tóc kẻ đi sứ của phương Bắc?” .
Những lời chúc tụng sáo rỗng ấy làm Minh Huệ Đế đẹp lòng. Ông ta ban cho vua nước Nam Kim sách. Trong đoàn đi sứ sang kinh đô nhà Minh để dâng biểu mừng lên ngôi, thái sư Quý Ly bí mật đưa cả người sang thăm dò tình hình mới ở triều đình phương Bắc.
Lúc này đây, trước mặt Quý Ly là tờ tấu của quan trấn thủ Lạng Sơn báo cáo tình hình mới biết được từ kinh đô Trung Hoa. Minh Huệ Đế lên ngôi, vẫn thường lo về mối loạn phiên vương như loạn bảy nước đời nhà Hán, nên bàn với các địa thần thân tín, tìm cách tiêu diệt những phiên vương vốn là anh em của mình, một số người đã bị giết. Một trong số các người con của Chu Nguyên Chương tên là Lệ. Ông làm vua nước Yên tại Yên Kinh (Bắc Kinh sau này) lấy làm phẫn

uất. Ông ta đang rắp tâm chống lại Huệ Đế. (Ông ta sau này sẽ là Minh Thành Tổ, một ông vua tài giỏi của nhà Minh, và chính ông đã xâm lấn Đại Việt).

Quý Ly mừng thầm: Trung Hoa lại sắp loạn rồi. lúc này, thời cơ của ta đây... phải nhanh chóng... Chẳng thể chần chừ được nữa...

Thái sư lại đọc tiếp đến lá thư của viên quan nhà Minh ở Liêm Châu, đòi ta phải nộp 10 nhà sư, 10 người trai trẻ tuấn tú, có học hành và phải thiến trước khi đưa sang. Thái sư cười mỉm phê sang bên cạnh:"Chuyển cho nội thị học sinh Nguyễn Cẩn. Thi hành nhanh chóng, theo như kế hoạch". Hoạn quan là một thể chế tai hoạ của Trung Hoa. Nạn hoạn quan lũng loạn ở triều đại nào của phương Bắc cũng có. Minh Thái Tổ biết rõ. Để trừ hoạ, Chu Nguyên Chương hạn chế lượng hoạn quan và cấm họ không được dính dáng vào chính sự. Hoạn quan không có con cái nhưng vẫn còn có gia đình, anh em, họ hàng, nên danh và lợi vẫn còn. Họ vẫn muốn quyền hành và của cải dành cho vây cánh, gia đình. Vậy để cắt đứt nhiều nhất nguồn gốc tai hoạ, Minh Thái Tổ tăng cường dùng những hoạn quan người nước ngoài. Một hoạn quan Việt ở Trung Hoa chắc hẳn chẳng có giây mơ rễ má nào ở đó. Họ biết quan hệ với ai, họ vơ vét nhiều để làm gì... Và nếu họ chết đi, thì của cải của họ lại trở về tay nước Trung Hoa... Chính vì vậy, hàng năm ta vẫn phải cống một số người thiến cho nhà Minh. Vậy tại sao lại không dùng cách gậy ông đập lưng ông, cài người của ta vào ở ngay trong cung cấm của Trung Hoa.

Thái sư Quý Ly tự cười mỉm với mình lần nữa. Ông đọc tiếp tờ tấu của An Phủ sứ Hải Đông. Các trang trại của cháu chắt cụ Hưng Đạo Vương ở vùng đó vì chế độ hạn điều và hạn nô, nên không chiêu mộ

quân lính nữa. Các đội quân riêng của các vương hầu nhà Trần bị giải tán. Những điền trang nô và tam bảo nô được giải phóng đã thành những đoàn người lang thang đi làm thuê ở khắp vùng. Và lắm kẻ tụ tập thành bè đảng đi ăn cướp, lắm kẻ được cấp đất cũng không chịu làm ruộng, bởi vì họ không quen làm chủ đất đai của mình, và cũng không có những kinh nghiệm làm ăn. Họ đã quen bị sai khiến, nay được thành người tự do cũng không biết xử dụng cái lợi thế ấy của mình. Rất nhiều người lâm vào cảnh còn khổ sở đói khát hơn lúc làm nô tì ở điền trang. Những tờ tấu ở trấn Tam Giang, Châu Hồng, Châu Khoái... cũng nói lên tình hình tương tự. Điều làm Quý Ly bực nhất, đó là những ẩn ý đằng sau những tờ tấu. Ví dụ có những câu như: “kẻ nông nô lầm than điêu linh” “lắm kẻ lại quay về điền trang cũ xin làm nô trở lại, nhưng không được nhận”... Nghĩa là bản thân các viên quan làm tấu sớ, trong thâm tâm cũng vẫn muốn phục hồi như cũ.

Thái sư thở dài. Ông hiểu rằng chế độ mới được thi hành, chắc chắn còn nhiều trục trặc. Đúng là ban đầu người dân có thể khổ hơn trước. Tuy nhiên, thái sư đang nghĩ ra những giải pháp. Ví dụ: Nguyễn Phi Khanh đã gợi ý cho ông nên thành lập đồn điền ở các vùng đất rộng, người thưa, đưa dân vào Hoá Châu, vùng Châu Ô, Châu Lý, nơi ấy cần thành lập những làng Việt mới. Việc đó có lợi vì người dân được no đủ và làm phên dậu của ta cũng được thêm vững chắc. Quý Ly cũng nghĩ tới việc đặt thêm các sở tuần thú ở các cửa sông, các nơi trọng yếu, để lùng bắt cướp, cho người dân được yên ổn.

Chợt nhớ tới chuyện thời Minh Tông, có người dâng sớ nói trong dân gian có nhiều kẻ lang thang du đãng, không có tên trong sổ, không

chịu thuế dịch. Vua Minh Tông bảo: “Nếu không có kẻ lang thang sao thành được đời thái bình...”. Thái sư cười mỉm và tự nói với mình: “Còn ta, ta không muốn trong dân gian có kẻ lang thang. Sắp tới, ta sẽ cho làm sổ hộ khắp nước. Không một người dân nào được sót. Các xã trưởng sẽ phải trách nhiệm chú ý đến từng người dân, cấp đất cho họ làm ruộng, và nhất là phải ghi tên họ trong sổ hộ. Quản lý được từng người dân mới đích thực thời thái bình”.

Hồ Quý Ly

Chương 4

Thái sư Quý Ly còn đọc tấu biểu cho đến tận khuya. Thị nữ dâng canh sâm cầm hạt sen. Ăn xong, ông cho mọi người lui hết.
Giờ này chỉ còn mình ông trong cung điện mênh mông. Ông ra cầu đá thả bỏng xuống hồ nước, để nhìn lũ cá lao xao tranh ăn dưới ánh trăng. Rồi lững thững ra trước toà tiền điện ngắm đôi rồng đá, vuốt ve chúng, và thầm thì trong óc, tự bàn luận với bản thân về những ý tưởng tương lai. Tiếp đó, lại quay về toà chính điện toà lâu đài chạm trổ xinh đẹp, niềm tự hào của ông. Ông chợt nhớ tới lời của Nguyên Trừng.
- Ở Tây Đô, cung điện của cha căn bản cũng đã xong. Đó là bản sao của cung Hoạ Lư ở Đông Đô. Duy chỉ có một điểm khác: ở đây, gỗ là chủ yếu; còn ở Tây Đô, đá là chủ yếu. Toà chính điện có kích thước

và kiểu dáng hệt như bản chính. Chỉ thay bốn cây cột ngọc am bằng bốn cây cột đá cẩm thạch. Đẹp vô song là chiếc long sàng. Chiếc sập chân quỳ tạc bằng đá toàn khối. Bọn thợ đá đục những phiến đá khổng lồ để xây thành, phát hiện ra một phiến đá quý rất to. Phải dùng một chiếc thuyền lớn mới chuyển được đá về An Tôn. Chính phường thợ tạc rồng đã làm chiếc sập. Khi hoàn thành, đánh bóng mặt sập, mới phát hiện ra đó là chiếc long sàng có một không hai. Những vân xanh đen bỗng xuất hiện trên mặt đá tạo thành năm mảng được bố trí cân xứng. Ở giữa phảng phất hình một con rồng đang bay, chung quanh là những đám mây vờn...

Quý Ly thầm nghĩ: một điềm tốt lành.

Cũng như mọi đêm, ông làm nốt việc cuối cùng: đến nhà hậu đường - nơi có bàn thờ của bà công chúa Huy Ninh mới mất, trước đây vài tháng. Quan thái sư có tình nghĩa sâu nặng với bà, ông rước vong linh của bà về nhà hậu đường; ông muốn bà luôn kề cận bên ông. Và hằng đêm, trước lúc ngủ, ông vẫn đến bàn thờ bà để thắp hương, để tâm sự... Ông làm việc đó đều đặn như một tín đồ. Nói thế cũng không ngoa, vì ông coi việc thắp hương cho Huy Ninh công chúa như một phần việc phải làm của đời ông.

Nhà hậu đường, nơi thờ bà Huy Ninh, giống như một ngôi chùa quê. Năm xưa, lúc thượng hoàng Nghệ Tôn ở đây, ngôi nhà này chưa có, khi đó nơi đây chỉ là khu vườn cổ thụ. Lúc vợ chồng Quý Ly đến, bà Huy Ninh bèn cho xây một ngôi nhà năm gian để ở cho yên tĩnh, và đó cũng là nơi bà thờ Phật. Ngôi nhà giữa, cung điện chính rực rỡ vàng son, nguy nga tráng lệ bao nhiêu, thì toà hậu đường quê mùa và khiêm nhường, ẩn dật bấy nhiêu. Trước nhà có hai cây đại to, mà những cành lá nhô cao như những bàn tay xòe ngón vươn lên trời để

hứng móc mưa, phật lộ. Những bông hoa đại trắng ngà. thơm ngọt rải rắc trên sân rêu tạo thành một tấm thảm màu nâu cài hoa xanh trắng.

Vào trong nhà, gian giữa thờ Phật A Di Đà. Trên bàn thờ chỉ có pho tượng mầu cánh gián, pho tượng dưới dạng người phụ nữ ngồi kiết già, hai tay đặt trước bụng, vẻ trầm tư, phảng phất một nét buồn nhân thế. Trước mặt tượng Phật đặt một bình hoa, một lư hương. Thái sư không thích đạo Phật, nhưng hàng năm, ông vẫn vào đây thăm vợ, nên dần dần pho tượng trở nên quen, rồi thân thiết với ông. Cứ nghĩ rằng pho tượng ấy như một người mẹ, đã chứng kiến, an ủi, xoa dịu những nôi đau khổ của bà Huy Ninh trong những ngày cuối cuộc đời, nên mặc dù công kích đạo Phật, ông vẫn để nguyên trạng gian thờ sau khi phu nhân mất. Cứ coi đó là một kỷ niệm của vợ ông, mà kỷ niệm bao giờ chả linh thiêng. Ngay cả đến những kỷ vật nhỏ nhoi nhất như cái mõ, cái chuông, chiếc dùi gỗ, ông cũng bảo quản trân trọng.

Bên trái bàn thờ Phật có chiếc giường xưa bà nằm, bên phải chính là nơi thờ cúng bà, ở đó có bức tượng của công chúa Huy Ninh tạc bằng đá trắng. Bà ở tư thế ngồi trên ghế, hai chân thõng xuống, hai bàn tay giơ ra, đẩy ra phía trước, như thể muốn can ngăn, muốn chối bỏ. Những ngón tay thon thả khum khum trắng ngần tạo thành hai đoá hoa ngọc ngà. Thái sư nhẹ nhàng nắm lấy hai bàn tay đá lạnh ngắt ấy. Đầu pho tượng trắng hơi cúi, ông ngồi xuống chân pho tượng để được ngắm khuôn mặt thánh thiện, thân quen của bà, khuôn mặt mà ông thuộc từng đường cong dịu dàng, khuôn mặt mà ông đã được ngắm nhìn từ thủa ấu thơ, khuôn mặt mà sự u buồn thấm vào từng đường, từng nét. Ông chợt thở dài...

Thủa bé, Quý Ly vẫn thích chơi với lửa. Người họ Hồ truyền lại rằng lúc còn tí xíu, lắm bận đang đêm Quý Ly cứ khóc ngằn ngặt, dỗ bằng cách nào cũng không nín, lúc đó nếu thắp lên một ngọn bạch lạp, cậu bé sẽ ngừng khóc ngay, và tròn đôi mắt nhìn vào ngọn nến lung linh. Chẳng hiểu sao, ngọn lửa lung linh đó cứ ám ảnh ông suốt đời.
Ông bố Quý Ly là quan kinh lược sứ Lê Quốc Kỳ thấy vậy nói với vợ:
- Thằng bé này thích lửa, sau này sẽ là người có chí khí.
Quả nhiên, Quý Ly lớn lên rất thông minh dĩnh ngộ. Đặc biệt rất có ý chí, đã làm gì là quyết làm cho bằng được Kinh lược sử cũng dày công đào tạo con trai. Ông tìm những thầy giỏi nhất kinh đô, cả văn lẫn võ, để đào tạo con trở nên văn võ song toàn.
Thủa bé, Quý Ly thích chơi với lửa - Câu nói ấy lúc đầu mang nhiều nghĩa đen. Lúc Quý Ly còn nhỏ, đó là lúc ngọn lửa cây nến. Lớn lên chút nữa, khi biết chạy nhẩy, ngọn lửa ấy ở trong khu vườn gia đình. Thủa ấy những ngôi nhà dân Thăng Long đều là những ngôi nhà vườn.
Nhà nghèo, vườn nhỏ; càng giầu sang khu vườn càng to rộng thêm. Trong khu vườn nhà họ Hồ có một hòn giả sơn nằm trong một khu vực cây cối um tùm; trên cao bao trùm cả vùng đất là một cây đa lớn, tán xòe ra che kín chừng mẫu ruộng. Quý Ly thường chơi ở đó. Lúc tám tuổi, cậu bé bỗng nảy ra ý nghĩ phải nhen một ngọn lửa, tự mình nhen lấy. Hương tàn sẽ tắt; ngọn lửa của cây bạch lạp, của một ngọn đèn hễ hết đêm rồi cũng tắt; ngay như ngọn lửa của vầng mặt trời rực rỡ đến bao nhiêu, mà lúc hoàng hôn cũng phải chìm dần. Riêng Quý Ly, cậu bé muốn một ngọn cửa không khi nào tắt. Có thể đó chỉ là một trò nghịch ngợm của tuổi ấu thơ; nhưng cũng có thể đó là một bản năng khát khao thầm kín của con người muốn giữ một ngọn lửa

đời đời

Quý Ly nuôi ngọn lửa tí xíu ấy trong một hốc đá, cạnh cây đa xum xuê. Cậu bé tiếp sống cho nó bằng những cành khô, lá khô, nhất là thứ lá ngải, mầu xám xanh, thứ lá tùng chết mầu nâu, và những bụi cúc rạc nắng, đó là những loài cây cho ta mùi hương ngan ngát khi thành khói bốc lên.

Quý Ly suốt ngày phải học, và phải thơ thẩn chơi một mình, vì vậy khi nào bà Minh Từ dẫn cô công chúa Huy Ninh về nhà ngoại, ngày đó đối với Quý Ly là một ngày hội. Chắc chắn đối với cô công chúa xinh xinh kia. mềm vui hôm đó cũng không phải nhỏ. Hai đứa bé dắt tay nhau, lang thang trong khu vườn rộng, khu vườn hoang dại ấy đi theo tâm trí của cả hai suốt đời người.

Ngọn lửa tí xíu trong vườn, ở hốc đá vốn là của riêng Quý Ly. Đó là bí mật mà cậu bé thề sẽ chẳng cho ai biết. Cậu không hiểu tại sao, nhưng cậu đã bảo vệ sự bí mật ấy đối với tất cả mọi người, ngay cả những người thân nhất. Cậu cứ mường tượng như ai nhìn thấy nó tức là đã nhìn thấu ruột gan mình, tức là ta đã bị trần truồng trước người khác...

Ấy thế mà khi gặp cô bé Huy Ninh, ý định giữ bí mật ngọn lửa thiêng ấy đã bị lung lay. Huy Ninh là một sinh vật trắng ngần, dịu dàng, mềm yếu, vô hại. Điều đặc biệt Quý Ly cảm thấy tin cậy, khi đi cạnh cô, cậu như thấy được an lành; sự an lành ấy toả ra từ dáng điệu, giọng nói, ánh mắt, thậm chí từ mùi hương của mớ tóc đen nhánh. Và cậu bé đã hỏi Huy Ninh.

- Em có thích lửa không?

- Em thích đốt nến. Có đêm, em đốt một cây nến và nhìn nó cháy cho đến hết. Ngọn nến chẩy ròng ròng như người khóc. Giọt nến giống

như giọt nước mắt.
Cậu bé ngẫm nghĩ:
- Em cũng giống anh đấy.
- Mẹ em bảo anh cũng thích nến? Có đúng không?
- Lúc mới đẻ anh hay khóc, cứ đốt nến lên là anh nín. Có đúng thế không?
Thế là cậu bé gật đầu và quyết định chia xẻ ngọn lửa bí mật ấy với Huy Ninh. Cậu cho phép Huy Ninh được biết nơi dấu ngọn lửa trong vườn. Cho phép cô gái được đi nhặt những bụi cúc khô và giúp giữ gìn ngọn lửa. Quý Ly lại dạy cô cách tết vấn những nùn rơm bằng các loại cỏ dại cho thật chặt để rấm lửa, kéo dài ngọn lửa từ ngày này sang ngày khác trong hốc đá. Cậu bảo: “Nhóm lửa không khó, nhưng rấm lửa mãi mãi mới là chuyện khó”.
Quý Ly còn khuyến khích Huy Ninh nhóm một ngọn lửa bí mật cho riêng cô. Tiếc thay, công chúa lại không chịu làm việc đó...
Huy Ninh càng lớn càng xinh đẹp. Cô mảnh mai yếu đuối như một bông hoa, đẹp như một chiếc bình ngọc quý mong manh, trong vắt, tưởng như bất cứ một thứ gì thô kệch nặng nề đều có thể xâm hại. Vua Minh Tông yêu thương cưng chiều con gái; có thể nói cả hoàng tộc đều nâng niu cô công chúa.
Càng lớn, hai người càng thân thiết... nhưng họ đều chẳng dám nói điều gì với nhau cả... Bởi vì luật lệ nhà Trần lúc đó rất ngạt nghèo. Thời vua Minh Tông, thế lực nhà Trần còn mạnh mẽ, vững chãi. Nhà vua cấm các cô công chúa không được lấy con trai ngoài họ Trần. Huyền thoại dân gian thêu dệt rằng, trong giấc mơ, Quý Ly được thần gà cho một vế đối:
“Quảng Hàn cung lý nhất chi mai” để ông đối lại vế đối mà vua Minh

Tông đưa ra: “Thanh Thử điện tiền thiên thụ quế”. Thực ra, với một tình cảm quá thân mật từ thủa ấu thơ, với sự cảm thụ cái vóc dáng mong manh trắng ngần của cô em họ, Hồ Quý Ly có thừa đủ trí thông minh, óc tưởng tượng để so sánh cô với chị Hằng Nga trong cung Quảng Hàn, hoặc so sánh cô với một nhành hoa mai. Và với vế đối ấy, người ta cũng hé thấy sự ước ao tuyệt vọng của Quý Ly: cô em gái thủa ấu thơ đẹp như một nhành mai nhưng ở xa vời quá, tận cung trăng trên trời cao, làm sao Quý Ly với tay tới được
Công chúa Huy Ninh, nàng Nhất Chi Mai đã được vua Minh Tông gả cho tôn thất Trần Nhân Vinh. Quý Ly đành ôm hận lấy một cô gái hiền thục khác và sinh ra Hồ Nguyên Trừng.
Sự xoay vần của lịch sử thật trớ trêu, đối với con người, nhiều khi rủi nhưng cũng có khi may. Hồ Quý Ly, nhờ thế lực hai bà cô, được vào làm chức quan nhỏ vô danh, hầu hạ trong cung đình. Làm chức nhỏ nhưng ông vẫn ngày đêm dùi mài kinh sử. Thân phận nhỏ nhoi, vô danh, có tính chất tôi đòi ấy chẳng làm nhụt lòng, mà trái lại, nó khuyến khích chàng trai cố ngoi lên, để thoả mãn những tham vọng ngày càng lớn lên trong tâm trí chàng.
Quý Ly hầu hạ vua Minh Tông sau khi Minh Tông mất lại vào giúp việc cho Cung Định Vương Trần Phủ, tức là vua Nghệ Tông sau này. Trần Phủ đã nhanh chóng nhận ra tài năng sắc sảo của người em họ ngoại. Quý Ly được tin dùng, được thăng chức cao đã là cái may, ông còn tiếp tục được Nghệ Hoàng ban cho cái may thứ hai không kém phần quan trọng. Trong vụ loạn Dương Nhật Lễ, chồng bà Huy Ninh, tôn thất Trần Nhân Vinh bị ông vua phường chèo giết chết. Nghệ Hoàng rất quý cô em gái đẹp người mà bạc mệnh, nên quyết định gả Huy Ninh công chúa cho Quý Ly vừa mới goá vợ.

Đêm đầu tiên, hai người gặp nhau, Quý Ly hỏi:
- Nàng còn nhớ tới ngọn lửa trong hốc đá thủa xưa không?
- Thiếp vẫn nhớ.
Những năm qua nàng để nó ở đâu?
Bà công chúa không trả lời thẳng vào câu hỏi:
- Hôm đi lấy chồng, thiếp khóc suốt một ngày ròng.
Bà không trả lời nơi để ngọn lửa, nhưng Quý Ly đã hiểu bà để nó ở đâu. Cũng như nhiều bà công chúa nhà Trần, Huy Ninh rất sùng đạo Phật. Và càng sống lâu với Quý Ly, sự sùng đạo ấy càng thêm sâu đậm. Lúc mới về nhà họ Hồ, bà chỉ đọc kinh gõ mõ vào buổi tối. Sau này bà tăng dần lên: mỗi ngày đọc kinh sám hối ba lần; cuối cùng bà gần như quy y đạo Phật ngay trong nhà mình. Tại sao như thế, bà không nói ra, và mọi người cũng tránh không hỏi. Bà không bao giờ biết đến việc triều chính. Nơi bà sống và đi lại chỉ có hai chỗ: chùa Báo Thiên và gia đình. Những diễn biến và âm mưu cung đình hầu như chẳng bao giờ lọt đến tai bà. Vậy thì không phải sự bạo liệt cuồng nộ của thời thế đã biến bà thành người sùng đạo, hay cũng có thể "thời thiên tuý" có cách riêng của nó để truyền lan ảnh hưởng đến từng người, dù người đó chui vào mật thất, cách ly với cuộc đời.
Điều kỳ lạ Quý Ly nhận thấy: bà chưa hề bao giờ trách móc ông nửa lời, dù ông làm những việc mà bản thân ông cũng thấy ghê gớm. Bà khiêm nhường, lặng lẽ dịu dàng... Cũng như hồi bé, ở bên bà ông thấy sự an lành xoa dịu. Những ngày xưa, cảm giác an lành ấy ông nhận được từ sự toả sáng của một ánh mắt, một sắc thái âm thanh, hay từ hơi thở thơm tho của bà. Còn ngày nay khi đã là vợ chồng, sự an lành ấy đi theo bà để tràn vào khắp nơi trong nhà ông.
Sự dịu hiền của bà ám vào trong không gian, trên cái gối, cái chăn

luôn luôn thơm tho mời đón, trên mâm cơm giản dị ngon lành tự tay bà nấu. Có bận ông ốm, bà nấu cho ông bát canh sâm cầm nóng. Ông chậm rãi nhìn những mẩu hành như những đốm hoa mầu ngà xanh bơi trong thứ nước sóng sánh... Ông nhìn chậm rãi.. Ô kìa? Sao lại thế? Hành mà có vị thơm đến thế ư? Lần đầu tiên trong đời ông cảm nhận được hương thơm của một nhánh hành hoa. Có lẽ cuộc sống chính trường vội vã, hối hả và bạo hệt đã làm cho tất cả giác quan của con người bị thui chột... Và chỉ có bàn tay người đàn bà mới có thể làm thức dậy những cảm xúc tinh tế mà con người đã đánh mất...

Tiếc thay! Những phút như vậy, ông có ít làm. Ông làm gì có thời gian nhàn rỗi để nhấm nháp những hương vị tinh tế ấy. Thời giờ để ốm ông cũng không có. Ông sống như một cơn lốc, hay cuộc sống cung đình như một cơn lốc đã hút ông vào, không cho phép ông được hưởng thụ những điều tầm thường ấy. Ông thiếu cảm giác ư? Không cảm giác của ông buộc phải mài nhọn vào hướng khác, nhạy bén vào hướng khác. Cái mũi. cái mắt, cái tai của ông phải hướng về những âm mưu; phải đánh hơi, phải nghe, phải nhìn thấy chúng ngay từ lúc chúng còn ở xa chưa xuất hiện... Tiếc thay! Chỉ những phút hưởng thụ hương vị của một nhánh hành tầm thường như vậy, người đời mới gọi là hạnh phúc. Tiếc thay? Chỉ những cảm giác hiền hoà an lành mới thực sự là hạnh phúc. Còn ông, đêm ngày ông phải bận rộn, vật lộn; tâm trạng lúc nào cũng khắc khoải, cuồng nộ. Và những đam mê những khát vọng của ông cho đến lúc thành tựu, thực bụng lúc đó ông thấy kiêu hãnh và thoả mãn. Vâng, ông rất thoả mãn, và chỉ có thế mà thôi? Cái đó có gọi là hạnh phúc không nhỉ? Còn tham vọng thì vẫn như những đợt sóng; đợt này qua, đợt khác

tới. Và ông lại say sưa đi vào những tham vọng mới...
Cũng chính vì vậy, nên những phút bên bà công chúa Huy Ninh, ông rất quý. Ông càng lao đầu vào chính trường bao nhiêu, ông càng kính trọng sự thánh thiện an lành trên gương mặt bà bấy nhiêu. Có đêm, ông đang nằm ngủ với một giấc mộng dữ. Ông bỗng choàng tỉnh giấc vì có tiếng mưa rơi tí tách. Ông nhổm dậy đã nhìn thấy bà Huy Ninh đang kính cẩn quỳ gối trước bàn thờ Phật, khuôn mặt đầm đìa nước mắt. Ông chợt hiểu ngọn lửa ông nuôi là sự cuồng nộ hành động. còn ngọn lửa của bà nằm ở sự sám hối...
Hoá ra... bà vẫn ngày đêm cầu khẩn cho ông...
Vì thế, khi bà mất, ông thấy choáng váng cô đơn. Những người như ông, nỗi cô đơn là bạn đồng hành. Ông kiêu hãnh vì sự cô đơn ấy. Thậm chí, ông nghĩ phải có sự cô đơn, ông mới làm nên sự nghiệp ở đời. Thế gian này dễ mấy ai hiểu nổi ông. Nhưng với bà, lại hoàn toàn khác. Ông chưa hề bao giờ nói những chuyện to tát với bà, hầu như bà chẳng biết việc ông làm, nhưng thực ra bà lại rất hiểu ông. Thật nghịch lý! nhưng lại là sự thật, bởi vì bà là một phần của đời ông. Bà là điều ông thiếu, là cái khát khao mà ông không có. Bà là cái mầu trắng mát mẻ luôn tràn vào tâm hồn ông để hoà dịu cái mầu đỏ luôn đêm ngày rừng rực trong ông.
Ôi! Người đàn bà thánh thiện của ông đã ra đi! Bà đã cho ông rất nhiều. Những việc ông làm được, phần nào nhờ bà nên mới có. Ông vật lộn giành giật, bà chẳng trách móc ông. Có lúc ông xé ruột xé gan kẻ thù và xé nát cả tâm hồn mình, bà giơ bàn tay trắng ngần xoa dịu lòng ông. Có lúc ông tàn nhẫn độc ác, bà sám hối thay ông...
Cũng chính vì vậy, hằng đêm ông vẫn đến trước bàn thờ công chúa Huy Ninh, ngồi dưới chân pho tượng đá trắng, để nói chuyện với bà

bằng những thì thầm trong tâm tưởng. Có lúc chẳng nói gì, mà chỉ cần nhìn vào gương mặt đá trắng ấy, ông cũng thấy lòng vơi nhẹ. Đêm nay, nhìn pho tượng trắng ngần hai tay giơ ra phía trước như muốn can ngăn ấy, nhìn vào khuôn mặt đá trắng buồn héo hắt và thương xót ấy... Ông mới thấy hết nôi cô đơn của mình mênh mông biết nhường nào! Cứ như thể lòng ông muốn khóc, cứ như thể pho tượng đá trắng kia muốn giục giã cho những giọt nước mắt trong lòng ông tuôn chảy cho vơi nhẹ... song không tài nào được.
“ Ngủ đi! Ngủ đi! Cứ nhắm mắt lại? Hãy quên hết, quên hết đi...” Giọng thì thầm của bà bỗng vang trong lòng ông... như nhiều đêm ông đã gặp. Và người đàn ông hùng mạnh ấy đã gối đầu lên chân pho tượng đá. Ông đi tìm gặp lại bà trong giấc mơ.

Hồ Quý Ly

Phần XI -Chương 1

Ngôi chùa đổ

Thời nhà Trần, ở phía nam kinh thành Thăng Long có một khu hồ lớn gọi là Đại Hồ .
Nó còn to hơn cả Tây Hồ. Thực ra, đó là một hệ thống những hồ ăn thông với nhau gồm nhiều nhánh, ở giữa lại có những đảo đất cao trồi lên. Tuỳ theo hình thể hoặc địa danh từng nơi, có đoạn gọi là hồ Phượng Hoàng, có đoạn là hồ Bích Câu, có đoạn gọi là đầm Vạc, đầm Sậy... Thời đó, hồ khá nổi danh, vì trong khu vực ấy có Quốc Tử Giám ở vùng trên và Từ Thiên Giám ở vùng giữa. Vùng dưới Tư Thiên Giám, khu hồ rộng phình ra, quanh năm hơi nước bốc lên, mặt hồ lúc nào cũng phủ hơi sương. Chung quanh hồ, những làng rải rác mọc lên đây đó. Ở vùng hồ phình rộng có một chỗ cây cối mọc um tùm, những bụi tre lưu niên suốt ngày đêm đung đưa cót két, xào xạc. Quãng hồ ấy, mặt nước mọc đầy chỗ thì hoa súng, chỗ thì sậy lác. Vắng người, lại cận kề hồ nước nên cò vạc kéo về trú ngụ, nhất là vạc, vì vậy dân gọi vùng đó là đầm Vạc.
Bên bờ đầm Vạc có một xóm rất đặc biệt, xóm Đà La. Một cái tên rất Chiêm Thành, bởi vì nơi đây trú ngụ những người tù binh Chiêm Thành từ đời nhà Lý, trải qua mấy trăm năm, thôn Đà La đã biến âm thành làng Già. Cũng như mọi làng Việt, làng Già có một ngôi chùa tên gọi chùa Tiên. Tên như vậy, vì người đến vãn cảnh chùa thấy nó đẹp như một động tiên. Nghề tạc đá người Chiêm mang từ vùng

Chiêm Động ra vẫn được lưu truyền. Những người thợ đá làng Già đã đục nên những con hươu, con voi, con hổ... và đặt trong vườn chùa dưới những bóng cây, cạnh những bụi hoa và bên bờ con ngòi thông ra đầm Vạc, tạo thành một phong cảnh kỳ tuyệt khác hẳn mọi ngôi chùa. Sư cụ chùa Tiên là một nhà sư du phương từ phương Nam tới. Ông gầy khô, ngày chỉ ăn một bữa, có tài chữa bệnh cho mọi người nhưng không bao giờ lấy công.

Năm Tân Hợi (1371), Nghệ Hoàng mới lên ngôi, Chế Bồng Nga từ Nam tràn ra đốt phá Thăng Long lần thứ nhất. Sau khi giặc rút, vua hỏi quần thần:

- Ta nghe nói trong dân gian có người tiếp tay cho Chiêm Thành.

Quý Ly tâu Với Nghệ Hoàng.

- Từ thời Lý đến giờ, ta với Chiêm Thành xảy ra nhiều cuộc chinh chiến. Những tù binh, vũ nữ người Chiêm ta bắt được nay đã hoà vào dân cư. Những kẻ đó không nói làm gì. Nhưng vẫn có những người Chiêm hoặc là người buôn bán, hoặc là những du tăng khất sĩ vẫn thường xuyên qua lại nước ta. Những kẻ đó ở những trấn, lộ xa sẽ chẳng sao, nhưng ở kinh đô Thăng Long thì ta cần chú ý, vì quân do thám có thể trà trộn lẻn vào...

Đô hộ phủ Thăng Long do đó rà soát lại tất cả những người gốc gác Chiêm Thành. Sư cụ Đà La chùa Tiên bị xét hỏi. Ông trả lời;

- Bần tăng là người tu hành, suốt đời chỉ làm Phật sự, lòng chẳng chút dinh dáng tới việc trần tục.

- Dân chúng nói hàng ngày ông vẫn đi từ làng này qua làng khác, phường này qua phường khác, phải chăng để dò xét tình hình quan quân?

- Oan cho bần tăng, bần tăng chỉ đi chữa bệnh cứu người. Cũng có

lúc chỉ đi khất thực.
- Có những người Chiêm lạ mặt thỉnh thoảng ngủ tại chùa?
- Họ là người buôn bán trầm hương... có cả người buôn voi, thấy chùa có sư người Chiêm... vì tình đồng hương nên khi ra buôn bán có ghé thăm chơi.
Rủi cho ông sư, người ta cho rằng kẻ buôn voi đó chính là quân do thám người Chiêm, vì vậy ông sư chùa Tiên bị ghép vào tội chết. Ngôi chùa Tiên từ đó trở thành hoang phế. Hoang phế nhưng lúc nào cũng nhộn nhịp đông đúc. Đám cư dân đầu tiên đến nương nhờ cửa Phật là lũ cò vạc. Sự thực, người đầu tiên rủ đám chim đến là sư cụ Đà La. Hồi chưa bị chết thiêu, sư Đà La một đêm đang tụng kinh bỗng nghe thấy một tiếng chim kêu thảm thiết ngoài vườn chùa. Tụng xong, sư cụ cầm đèn ra vườn tìm, sư thấy một con vạc lớn bị một con chim đêm hung dữ nào đó đánh bị thương xoã cánh từ ngọn tre rơi xuống đất. Sư là một lương y giỏi, đã chăm sóc lành vết thương cho con chim, tuy vậy nó còn đi khập khiễng. Một đêm, cụ thả con vạc về với trời đất. ít lâu sau, một đêm cụ lại nghe thấy tiếng vạc ngoài vườn. Cụ cầm đèn ra, con vạc khập khiễng xưa đã trở về. Lần này nó rủ theo một con vạc khác. Con này chắc là chồng, con chim đực như vẫn sợ hãi, nó đậu ở ngọn tre và kêu xáo xác. Cụ bảo:
- Đừng sợ! cứ về đây mà ở. Đất này là đất Phật.
Đôi vạc đẻ ra một lũ vạc con. Thấy gia đình nhà vạc được sống yên ổn, dần dần lũ chim trời rủ nhau đến, càng ngày càng đông đúc thêm. Vườn chùa trở thành vườn chim. Hôm sư Đà La bị chết thiêu, ba ngày liền, lũ chim xáo xác bay trên bầu trời vùng chùa.
Thiếu bóng sư cụ, mấy sư bác và chú tiểu cũng chuyển đi ở chùa khác; ngôi chùa hoang phế hoàn toàn. Sự vắng lặng đã khuyến khích

lũ chồn cáo đến chiếm lĩnh. Chứng đào hang hốc trong các bệ thờ. Những đêm tĩnh mịch chúng nô đùa đuổi nhau trên mái làm sụt lở từng mảng, để nước mưa luồn vào phá hoại thêm.

Chúng trèo lên cây cao bắt chim non làm vườn chim xơ Những cư dân cuối cùng đến ở là những con người lang thang, những anh học trò nghèo đến Thăng Long học tập, những nô tỳ trốn chủ hoặc được giải phóng, những kẻ ăn mày, những người lỡ độ đường, thậm chỉ cả bọn trộm cướp tạt qua... Có bóng người, lập tức lũ chồn cáo chuồn ngay, trả lại sự yên lành cho lũ chim và những con người. Người lang thang vốn không thích nhiễu sự, không thích ai nhòm ngó, họ không muốn đàn chim xáo xác, kéo sự chú ý đến ngôi chùa, vì vậy người và chim sống rất hoà thuận. Vườn chim từ đó lại đông đúc như sinh thời sư cụ Đà La. Kể từ ngày Chế Bồng Nga cướp Thăng Long lần thứ nhất, đã gần ba mươi năm; thời gian không người chăm sóc dài như vậy đã đủ làm ngôi chùa trở thành tiều tuỵ biết nhường nào. Một nho sinh tên là Phạm Sinh đến Thăng Long làm nghề viết mướn, nghe mách có ngôi chùa hoang, bèn tìm đến trú ngụ. Nhìn thấy cảnh hoang phế, đôi mắt sáng của anh buồn bã tối sầm lại. Anh thở dài và xắn tay áo dọn dẹp ngôi chùa.

Bước vào nhà tiền điện đã thấy ngay hai pho hộ pháp, ông Thiện ông ác khổng lồ đắp bằng đất sét tô sơn. Hai ông uy nghi đầu sát mái chùa nhìn trừng trừng vào mặt Phạm Sinh.

Phạm đến trước bệ thờ ông Thiện, thắp một nén nhang. Ông khổng lồ râu ba chòm, mắt hiền hậu buồn rầu như cúi nhìn Phạm Sinh. Tay trái ông giơ ra phía trước cầm viên ngọc, như muốn tặng cho người đời. Một luồng sáng tròn như cái cột từ lỗ thủng trên mái dọi xuống, chiếu thẳng vào bàn tay ấy, rồi đâm trúng nơi đầu gối trên vạt áo sặc

sỡ vàng son. Chắc nước mưa cũng qua lỗ hổng ấy đã rơi xuống làm lói lở bàn tay, làm rã ra một mảng áo nơi đầu gối. Ông có đau đớn không? Sao mắt ông vẫn dịu dàng như vậy? Phạm thầm nghĩ và chợt nhìn sang ông ác, ông hộ pháp khổng lồ này vẫn rực rỡ vàng son. Ông ta như mỉm cười với pho tượng bạn đã đang dần dần trở nên phôi phai cùng với thời gian.

Ngay ngày hôm sau, Phạm Sinh cắt cỏ, đánh tranh, bịt lại những chỗ đột trên mái chùa Tiên.

Ngôi chùa hình chữ Công. Nhà hậu điện thờ các tổ nhỏ hơn, nên vững chắc hơn, nó hầu như không bị phá huỷ. Phạm Sinh dọn dẹp một ngày ròng và ngôi chùa chợt như bừng sáng trở lại. Anh thấy ưng ý, và cảm thấy căn hậu điện trở nên ấm cúng như ngôi nhà đích thực của mình vậy.

***

Chắc chúng ta không quên anh chàng học trò đã gặp gỡ Thiên Nhiên Tăng, Phạm Sư Ôn lúc nhà sư bắt đầu nổi loạn với ba vạn quân du đãng ở lộ Quốc Oai. Người đó chính là Phạm Sinh và cũng chính là con trai ông thày chùa Phạm Sư Ôn và cô nô tỳ cắt cỏ bên bờ đầm năm xưa. Cô nô tỳ sau một tháng ròng giao hoan với nhà sư trẻ cường tráng, thấy trong lòng mình đã đâm hoa kết trái. Cô nô tỳ xinh đẹp từ lâu đã lọt vào mắt ông trại chủ quý tộc Trần Tùng. Kể về dòng dõi, ông là cháu đời thứ bẩy của cụ Trần Liễu. Cụ Trần Liễu là anh ruột cụ Trần Cảnh tức vua Trần Thái Tôn. Cụ Liễu là cha cụ Trần Hưng Đạo, cụ tính hào hoa phóng đãng. Cụ Liễu một lần Thăng Long bị lụt, chèo thuyền đi chơi. Cụ thấy một cô cung nữ xinh đẹp, liền bắt lại, rồi mây mưa cùng nàng. Cô cung nữ mang thai, vì thế cụ Liễu bị triều thần hạch tội, bị giáng chức. Cụ Trần Thái Tôn muốn cho yên

chuyện liền cấp mười mẫu ruộng cho cô cung nữ để cô sinh nở. Cô cung nữ cũng khéo xoay xở nên từ mười mẫu ruộng đã biến thành ba mươi mẫu ở lộ Quốc Oai; và trang trại ấy được truyền tới đời thứ bẩy cho Trần Tùng thì nó đã được mở rộng tới gần trăm mẫu.
Công bằng mà nói, cụ Trần Liễu có cả ưu điểm cả nhược điểm: ưu điểm là sự thông minh, táo bạo quyết đoán còn nhược điểm là tính phóng đãng, quá đa tình. Trí thông minh, và quyết đoán cụ truyền kết cho con trai cả là Trần Hưng Đạo. Còn đứa con hoang với cô cung nữ, ông đại chỉ truyền cho cái tính đa tình dâm loạn. Vì là chúa đất một vùng, có điều kiện thuận lợi nên tính phóng đãng ấy sang đời con đời cháu ở lộ Quốc Oai lại càng phát triển. Chắc người đọc không quên cô quận chúa Trần A Kim trong truyện Hà Ô Lôi (Lĩnh Nam trích quái). Cô quận chúa xinh đẹp goá chồng ấy đã tằng tịu với anh chàng người Chiêm Thành đen như củ súng nhưng đặc biệt hát rất hay và rất cường tráng. Cuộc tình sôi động ấy, thời Trần Dụ Tôn đã làm xôn xao dư luận Thăng Long, đến nỗi được ghi lại thành sách trong cuốn Lĩnh Nam trích quái truyền cho hậu thế. Cô Trần A Kim chính là cô ruột Trần Tùng. Tùng còn có năm anh em trai đều là trại chủ và quan chức ở lộ Quốc Oai. Tùng rất háo sắc, hầu hết nô tỳ trong trang trại đều bắt buộc phải qua tay Tùng.
Hôm ấy Tùng dắt chó đi săn cầy ở đầm Thiên Nhiên. Đến lều vịt, Trần Tùng gặp cô nô tỳ cắt cỏ. Cô bé kia ngẩng đầu lên. Cô chào thế đủ rồi. Cô nô tỳ đang quỳ lạy. từ từ ngẩng bộ mặt nhem nhuốc sợ sệt nhìn ông chủ.
- Cởi chiếc khăn vuông ra. Ôi! Sao đầu tóc lại rối tung, mặt mũi lại đầy bùn.
Bôi bùn vào mặt, để đầu tóc rối bời, là một mưu kế hay của một bà

nô tỳ già dậy cho cô để tránh sự dâm loạn của ông chủ. Cô bé cắt cỏ chỉ rửa mặt và chải tóc mỗi khi chiều xuống, để chờ đón ông thày chùa cường tráng của mình. Cô nô tỳ run rẩy khi nhà quý tộc Trần Tùng ra lệnh:

- Xuống hồ rửa mặt ta xem.

Khi bộ mặt trắng hồng với đôi mắt bồ câu đen láy hiện ra, ông chủ cười mỉm:

- Cô đừng sợ! Trông mặt sáng sủa thế này... Người như cô mà phải cắt cỏ ư? Đô quản đâu.. Nhà ngươi cho cô bé này tắm rửa sạch sẽ, phát cho quần áo mới, ngày mai cho chuyển vào làm việc trong nhà chăn tằm...

Cô nô tỳ càng run rẩy hơn. Nhà chăn tằm, đó là nơi ở của những cô gái được ăn sung mặc sướng, hay nói khác đi, đó là nơi ở của bầy thê thiếp của Trần Tùng... Đêm hôm ấy cô nô tỳ bỏ trốn, không kịp một lời báo tin cho Thiên Nhiên Tăng.

Khi Phạm Sư Ôn trốn chùa đi làm giặc ông biết mọi sự đều do Trần Tùng. Việc đầu tiên ông làm khi trở về Quốc Oai là bắt ngay tên chúa quý tộc. Ông không giết mà chỉ cắt phăng bộ "tam sự". Ông bảo:

- Việc đầu tiên phải làm là cắt bỏ sự dâm loạn của dòng dõi nhà Trần .

Cô nô tỳ trốn thật xa khỏi lộ Quốc Oai, ra trấn Hải Đông, định đi tìm bà nô tỳ già người đã chăm sóc và dậy dỗ cô lúc bé, nay đã được giải phóng, cùng với một ông già khác dắt díu nhau ra vùng biển. Đi ròng rã một tháng trời, một bận cô đói quá vào ăn mày cửa Phật tại một ngôi chùa nhỏ vùng Yên Tử. Thật may mắn cô đã gặp sư cụ Vô Trụ người đã nuôi dạy Thiên Nhiên Tăng khi xưa, sau khi học trò trốn đi làm giặc, ông cũng chuyển chùa ra đây trụ trì. Cô nữ tỳ xin làm tam

bảo nô, chăn trâu, cắt cỏ làm ruộng cho ngôi chùa núi. Phạm Sinh được sinh ra ở đây. Sư cụ thấy thằng bé thông minh, dạy cho học chữ. Khác với ông bố Phạm Sư Ôn chỉ phát triển về sức mạnh cơ bắp, Phạm Sinh lại có sức mạnh rất lớn về tinh thần. Cậu bé học đâu biết đấy, ham đọc sách, tham khảo đủ cả Phật và Nho. Một bận sư Vô Trụ nói với cô nô tỳ:

- Con không nên cho thằng bé biết cha nó là ai

- Bẩm thầy, sao lại phải thế

Sư thở dài, lắc đầu, không trả lời. Cậu bé hay trầm tư và thường hỏi những câu hỏi nằm ngoài kinh sách. Càng lớn, cậu càng hỏi những câu hỏi mà sư khó trả lời. Gần đến tuổi thanh niên, cậu lại hỏi những câu hỏi thuộc về thời cuộc. Sư Vô Trụ bảo;

- Học đạo là để tự mình giải thoát, để tránh xa đường tục luỵ níu chân ta lại.

Sinh nói:

- Đức đệ nhất tổ Trúc Lâm (tức Trần Nhân Tôn) làm vua, đánh giặc rồi mới đi tu. Ai bảo người không mắc tục luỵ?

- Người là Bồ Tát. Còn chúng ta chỉ là kẻ thường nhân.

Sinh không cho là phải. Một bận, Sinh xin phép thầy lên đường để tìm hiểu mọi lẽ huyền ở đời. Sư Vô Trụ lắc đầu:

- Nghiệt chướng? Ta lại mắc lầm như xưa rồi.

Sinh không hiểu, gặng hỏi. Sư lặng lẽ nói:

- Con đã đọc sách của Trúc Lâm đại sĩ (tức Trần Nhân Tôn). Con hãy đi đi! Ta chỉ nhắc con nên nhớ hai câu của người:

Cư trần lạc đạo thả tuỳ duyên

Cơ tắc xan, hề, khốn tác miên...

(ở cõi phàm trần, vui đạo hãy tuỳ duyên

Đói thì ăn, mệt ngủ yên...).

Phạm Sinh lạy thầy, rồi giã từ mẹ, khăn gói lên đường. Sinh lang thang khắp đó đây, vừa để biết sự kỳ thú của núi sông, vừa có chí tìm thầy học đạo. Anh đã đến nhiều ngôi chùa, nhưng chỉ thấy ở đấy rặt những người trốn tránh cuộc đời, hoặc những ông thày chùa thân thì nương nhờ bóng Phật, hồn thì tham vọng bon chen.

Một bận, đi trong rừng, bụng đói, lại lên cơn sốt. anh hôn mê trong một căn nhà mồ. Một ông lão bán than đem anh về nhà thuốc thang mấy hôm mới tỉnh. Ông già quắc thước, râu tóc đã bạc phơ hỏi:

- Có phải anh là kẻ thư sinh ngán việc đời đi tìm Phật trong núi. Há chẳng biết câu: núi không có Phật?

- Thưa cụ, con chưa đủ cao vọng để đi tìm đức Phật...

Ông già cười:

- Vậy, chắc muốn di tìm cái lý ở đời? - Nhìn chàng thư sinh im lạng, ông ôn tồn - Nhưng xem ra anh ốm yếu quá. Chưa tìm được nó thì mình đã thân tàn, lực kiệt. Thôi, cứ tạm ở đây. Ta sẽ dậy cho anh phép dưỡng sinh. Con người ta sống ở đời, trước tiên thể xác phải cương kiện. Thân có vững vàng thì hồn mới có nơi mà nương tựa.

Phạm Sinh biết đã gặp được cao nhân, liền cúi xuống lạy tạ. Ông già dạy anh phép hít thở, sau đó dạy anh luyện võ. Được ít lâu sau, Phạm Sinh mạnh khỏe trở lại.

Nửa năm sau, ông lão càng thấy mến chàng trẻ tuổi. Thầy trò đã quấn quýt chẳng khác tình cha con. Lại được biết Phạm Sinh là con một nô tỳ bỏ trốn, và được sư Vô Trụ dạy dỗ cẩn thận, lúc đó ông già mới bảo:

- Ta tên là Sư Tề, xưa kia mở trường dạy võ ở Thăng Long. Hồi ấy, học trò ta đông lắm, trong số đó có cả Quý Ly. Ta có người con trai là

Nguyễn Đa Phương. Quý Ly vụt lên, giữ ngôi cao trong triều đình, nhận Đa Phương làm nghĩa đệ. Ta bảo thằng Phương: “Triều đình là chốn hang hùm ổ rắn; chớ đắm đuối vào đó, nguy hiểm lắm”. Con ta không nghe, nó làm tướng dưới quyền Quý Ly. Trận đánh nhau với Chế Bồng Nga ở Lương Giang Thanh Hoá, Quý Ly thua chạy. Con ta là kẻ hữu dũng vô mưu, về triều nó cứ lu loa Quý Ly là kẻ bất tài quân sự. Vì lẽ đó Quý Ly đã giết Đa Phương. Ta đã già rồi, nhưng ta hiểu, nếu còn ở Thăng Long, ta cũng sẽ bị giết nốt. Ta bỏ trốn lên đây làm nghề đốt than...

Phạm Sinh nghe xong liền quỳ lạy xin cụ Sư Tề thu nhận làm học trò. Ông già đỡ dậy:

- Năm nay ta đã ngoại tám mươi, anh là người học trò cuối cùng. Thời gian còn lại của ta ngắn lắm. Ta không còn đủ thời gian để dậy nghề đao kiếm cho anh... Vả lại, anh tư chất thông minh nhưng ốm yếu, không hợp với nghề luyện võ. Hơn nữa anh còn muốn tìm hiểu cái lý ở đời, ta sẽ truyền cho anh binh thư, những mưu lược chiến trận. Binh thư học đến chỗ uyên áo, cũng sẽ vỡ ra cái lý ở đời. Bởi vì gốc của binh thư là đạo, là thiên lý...

Từ đó ông già giảng cho anh binh pháp Tôn Tủ, binh thư Trần Hưng Đạo, và nguyên lý cương nhu của Hoàng Thạch Công... Ông dạy cho học trò một cách hối hả, hình như ông đã cảm nhận được cái gì đó khác thường trong người. Một năm sau ông ngã bệnh. Có những cơn đau dữ dội đến tắc thở trong lồng ngực. Ông gọi người học trò nhỏ bé nhất của mình đến dặn dò.

- Sau khi thầy chết, không phải việc báo thù là điều chính yếu. Đất nước mới là chính yếu. Có thể kẻ thù của ta sẽ làm điên đảo đất nước... Cũng có thể kẻ thù của ta sẽ làm phồn vinh đất nước... Ta

chẳng biết dạy con thế nào cho phải. Lúc đó con phải tự mình quyết định. Ở Thăng Long hiện nay còn có nhiều sư huynh của con... Hãy tìm họ...

Cụ Sư Tề trút hơi thở cuối cùng. Sau khi chôn cất thầy, Phạm Sinh quay trở về ngôi chùa núi. Sư Vô Trụ đã đi du phương. Còn mẹ anh, bà nô tỳ đang ốm và ngày đêm mỏi mắt chờ Phạm Sinh về. Người mẹ bảo:

- Đã hơn hai chục năm, mẹ dấu không cho con biết cha con là ai. Nhưng mẹ thấy mình yếu lắm rồi, mẹ không có thể dấu điều bí mật ấy ở trong lòng nữa.

- Cha con là ai?

Ông ấy là Thiên Nhiên Tăng, cũng là học trò của sư cụ Vô Trụ đã cưu mang mẹ con con ta.

Phạm Sinh buồn rầu:

- Không hiểu tại sao sư cụ cũng dấu con điều ấy?

- Cụ bảo con rất giống cha. Cái mầm phản loạn cũng có trong con... Sư cụ thương con lắm. Cụ không muốn con đi theo vết cũ của đời trước. Nhưng gần đây, trước khi đi ẩn tu trong rừng sâu, cụ bảo mẹ: “Ta nghĩ kỹ rồi. Không thể bắt nó theo ý người lớn. Nghiệp thế nào, phải chịu thế ấy. Chịu cho hết nghiệp của mình mới là phải đạo. Tránh cũng chẳng được”. Cụ cho phép mẹ nói với con về cha con.

- Vậy cha con bây giờ ở đâu?

- Sau khi rời chùa. Cha đi tìm mẹ con ta mãi nhưng không gặp. Mẹ cũng chẳng biết tin gì... Mãi gần đây, người ở kinh đô về nói rằng cha con đã dấy binh chống lại triều đình. Người đã chiếm được hầu hết địa phận Quốc Oai.

Nói rồi, bà lục cái hòm gỗ lấy ra chiếc khăn vuông bốn góc có bốn cái

thao ngũ sắc.

- Con hãy cầm vật này đến Quốc Oai đưa cho ông, xem ông còn nhận ra không? Hãy nhớ con chưa nên nói ngay mình là ai đối với ông. Con xem xét rồi trở về cho mẹ biết. Nhớ cho kỹ, con chỉ được gặp cha, nhưng không được nhận cha.

Người mẹ đã nghĩ thế nào lại dặn con như vậy. Bà sợ ông thay lòng đổi dạ rồi chăng? Hay bà lo cho số phận của người con nếu gắn với người cha? Hay trước khi đi ẩn tu, sư Vô Trụ đã nhìn thấy một điều gì đó trong số phận của Phạm Sinh và sư muốn tránh cho chàng... Hôm con trai ra đi, bà thức suốt đêm không ngủ. Bà dậy sớm nấu cơm nếp gói cho con ăn đường. Cuối cùng bà nói với con một câu, có lẽ là gan ruột của bà.

- Đừng cho cha con biết là mẹ còn sống. Mẹ không muốn làm vướng chân ông ấy. Khi gặp, hỏi ông xem còn nhớ đến chiếc khăn vuông bốn quả đào phủ lồng con sáo khi xưa không. Và nhớ nói với ông câu này: “Con sáo đã sổ lồng, nhưng sáo phải khôn ngoan. Đừng để sa vào lồng lần nữa”.

Như ta đã biết, Phạm Sinh đã gặp Phạm Sư Ôn ở lộ Quốc Oai khi đội quân dấy loạn của ông thầy chùa đang đùng đùng nổi dậy, đi đến đâu quân triều đình tan rã đến đấy. Hai cha con gặp nhau rất tương đắc. Phạm Sinh hiểu ngay ra mình có một người cha anh hùng. Cảm giác cô đơn côi cút anh mang trong mình từ lúc bé đột nhiên tan biến, để nhường chỗ cho một cảm giác hào hùng, bạt núi lấp sông mà anh chưa hề biết tới. Nhưng Phạm Sinh cũng rất tỉnh táo, anh hiểu Phạm Sư Ôn có thừa dũng khí nhưng lại thiếu sự trật tự sự kỷ luật khắt khe, điều kiện rất cần cho việc lớn. Hơn nữa, cha anh còn nóng vội mà chí lớn thì cần sự bình tĩnh kiên nhẫn.

Ở với cha được nửa tháng, Phạm Sinh bỗng thấy lòng nóng như lửa đốt. Anh ra đi lúc mẹ đang ốm... Vậy nên, lúc này cha anh sắp tiến vào Thăng Long, một trận đánh hào hùng và chắc chắn, anh rất muốn tham dự, nhưng cũng phải đành lòng dứt áo, nhanh chóng trở về với mẹ. Nhất là đêm qua anh lại mơ thấy bà đầm đìa những máu đang vẫy gọi anh. Lúc chia tay, Sư Ôn ôm lấy anh và bảo:

- Về quê xong việc. cậu lên đây ngay với ta. Ta sẽ nghe lời cậu, đánh xong Thăng Long, ta lại rút đi ngay, lúc đó, thanh thế quân ta sẽ như sấm dậy. Cậu hiểu đấy, ta rất mến cậu và rất cần cậu...

Lúc đó... Phạm Sinh về đến ngôi chùa núi lúc bà mẹ đang ốm rất nặng. Bà nằm trên giường thều thào hỏi con:

- Ông ấy có nhận ra chiếc khăn bốn quả đào của ta không?
- Dạ, nhận ra ngay. Cầm lấy chiếc khăn, cha con nhỏ nước mắt.
- Ông ấy khóc ư? Tức là... Ông ấy còn nhớ đến mẹ.
- Vâng. Cha con còn nhớ đến mẹ. Ông không nói nhưng con biết, tình của cha con rất sâu nặng. Người đã luôn để chiếc khăn vuông của mẹ trong người...

Người mẹ mỉm cười, nước mắt bà trào ra. Phạm Sinh nắm lấy tay mẹ:

- Cha con đã đánh chiếm Thăng Long. Người thật oai hùng.

Người mẹ bóp chặt tay con, lắc đầu:

- Sư cụ đã đoán trước được hết cả... Người biết cha con sẽ rất kiêu hùng... nhưng rồi sẽ thất bại... Sư cụ còn bảo: sắp đến rồi đấy. Chính vì thế cụ dặn mẹ: con chỉ được gặp mặt cha rồi phải về đây ngay...

Người mẹ tắt thở, nụ cười thoả mãn còn đọng trên môi. Cùng lúc chôn cất mẹ, Phạm Sinh lại được tin, Phạm Sư Ôn đã bị triều đình bắt giải về Thăng Long.

Phạm Sinh tức tốc lên kinh đô. Anh chỉ còn được nhìn thấy mặt cha lần cuối cùng ở tháp Báo Thiên. lúc triều đình đem ông ra xử trảm.

Hồ Quý Ly

Chương 2

Phạm Sinh ở lại Thăng Long tìm cách trả hận. Nơi ở của anh là ngôi chùa đổ làng Già. Còn việc kiếm sống hàng ngày, anh làm nghề bán chữ tại tháp Báo Thiên.

Chùa Báo Thiên là danh thắng kinh đô. Ngôi chùa nằm giữa một vườn cây rộng chừng chục mẫu Những cây đại thụ, lá xum xuê có chỗ che kín không đế lọt ánh sáng mặt trời. Lại có những vạt đất trồng hoa thơm cỏ lạ như chào đón làm say lòng khách thập phương. Đặc biệt nhất là ngọn tháp cổ Đại thắng tư thiên mà nhân dân vẫn gọi tháp Báo Thiên, xây ngay phía trước chùa. Ngôi tháp cao ngút trời, mềm tự hào của dân Thăng Long, được đánh giá là một trong An Nam tứ khí, một trong bốn vật quý của Đại Việt. Tháp xây bằng đá, xen lẫn gạch nung có in hoa, trên một gò đất. Đứng ở tầng cao cuối cùng của tháp, có thể nhìn quang cảnh khắp Thăng Long. Tháp mười hai tầng; tầng dưới cùng to rộng bằng một ngôi chùa quê. Tháp hình tứ giác, bốn mặt có bốn cửa ra vào. Cửa chính đông nhìn ra hồ Lục Thuỷ và xa xa nhìn thấy cả bãi dâu tít tắp trải đến tận bờ sông Cái. Hai cửa bắc, nam là hai cửa phụ, cửa tây là cửa giả. Chung

quanh khu tháp có tường bao bằng đá chạm trổ tinh xảo, dưới chân tường đặt những chậu hoa quý. Điều đập mạnh vào mắt khách thập phương là tám pho tượng đá bát bộ kim cương kích thước cao gấp rưỡi người thường. Mỗi cửa có hai pho đứng gác. Cửa chính đông, một pho tay trái cầm ngược thanh kiếm giơ lên, tay phải như đang đi xuống; một pho tay phải cầm thanh long đao, tay trái để ngang lồng ngực. Những pho tượng dáng vẻ nghiêm khắc đến độ hung dữ như nhắc nhở con người phải nghiêm trang giữ cái tâm của mình khi vào cửa Phật.

Qua cửa chính vào trong tháp, ta gặp ngay tượng A Di Đà tạc bằng đá trắng ngồi trên toà sen hiền từ nhìn xuống. Trước tượng là chiếc giường đá, nơi khách thập phương vẫn đặt tay lên để được nhận linh khí của đức Phật, để được nhận sự hộ niệm, an ủi của Người.

Phạm Sinh hàng ngày đi từ ngôi chùa đổ đến tháp Báo Thiên hành nghề. Anh treo mấy tờ giấy đỏ lên cây đa cổ thụ mọc ở phía hữu khu tháp, trải chiếc chiếu, ngồi xếp bằng tròn ngay ngắn, bên cạnh người chiếc bút chiếc nghiên, chờ người viết mướn. Việc anh làm là viết sớ, viết văn tự bán nhà, văn tự bán người, cả viết câu đối, hoành phi... Ngòi bút lông của anh đã vẽ nên bao cảnh thương tâm, bao cảnh lên voi xuống chó của người dân Thăng Long: cô Trịnh Thị ả bán mình làm lễ một ông già để lấy mấy quan tiền chữa bệnh cho cha. Ông Lê Văn Mỗ bán mẫu ruộng để lo lót cho con đi lính thú tận miền Hoá Châu giáp Chiêm Thành trở về; ông huyện quan Trần được thăng hàm tứ phẩm và được chuyển vào làm việc ở Đô hộ phủ nay làm lễ ăn khao, những người có máu mặt ở kinh đô đi mua chữ về khắc câu đối mừng...

Ngoài viết tại chỗ, anh còn nhận việc mang sách về nhà chép thuê.

Thời đó, sách in bản ít lắm. Những cuốn sách hiếm, muốn có cần phải thuê chép... Như vậy, nhờ nghề viết mướn, Phạm Sinh đọc được rất nhiều sách. Lại biết được nhiều việc, quen được nhiều người. Bọn lính tráng, tôi tớ nhà quan, hễ có việc đến chữ lại phải ra gốc đa Báo Thiên nhờ cậy đến anh. Bọn chúng hay bép xép nên anh biết khá nhiều chuyện chung quanh những người tai to mặt lớn.
Phạm Sinh viết chữ rất đẹp. Sư cụ Vô Trụ là người cẩn thận. Cụ bảo: chữ thế nào, người thế ấy, rèn người việc đầu tiên phải rèn chữ. Vì vậy, hồi Phạm Sinh mới học viết, cụ rèn cho anh từng nét; có khi suốt một tháng ròng cụ bắt anh chỉ viết có ba chữ. Viết nhỏ, viết to, viết chân phương, viết bay bướm... Viết đi, viết lại, viết mãi bao giờ chữ nhập vào ngòi bút, vào khối óc, thậm chí nhắm mắt lại viết chữ vân có hồn... lúc đó mới tạm được. Nhờ viết nhiều đến như vậy, dần dần Phạm hiểu ra cái đậm cái nhạt, cái nhặt cái khoan. cái xa cái gần, cái chơi vơi bay bướm của nét chữ... Và thế là những nét hoạ đầu tiên của anh ra đời. Lúc rỗi rãi, anh vẽ những cánh chim, những con trâu, rồi khói núi ban chiều, cuối cùng là những bức hoạ Phật những bức tranh thiền... Sư Vô Trụ bảo: “Con hãy tập vẽ mây bay, nước chảy, bao giờ thấy như bay thật, chẩy thật mới vẽ sang thứ khác”. Một năm sau, sư cụ bảo: “Con vẽ cho ta một bức tranh mùa thu”. Phạm Sinh loay hoay vẽ mãi, vẽ xong lại xé, xé rồi lại vẽ. Cuối cùng anh vẽ một đôi chim sẻ xù đậu trên cành đang rỉa lông cho nhau, cạnh một hốc cây, nơi đó thò ra mấy cọng rơm được nắng hanh làm cho sáng bừng lên. Cành cây đang rụng lá. Những chiếc lá lóng lánh nửa muốn rời cành, mà cành còn cố níu lại...
Sư ngắm nghía bức tranh rất lâu, rồi nói “Con đã biết dùng mực đen để vẽ một chiếc lá vàng rồi. Thu đến hơi lạnh, nhưng vẫn còn sự

nồng nàn ở đó. Con đã hiểu thế nào là cái hồn của tranh". Từ đó, phạm Sinh nổi tiếng về hoạ, nhưng càng ngày anh càng vẽ ít đi. Thi thoảng mới vẽ, nhưng đã vẽ là tranh rất đẹp.

Phạm Sinh không vẽ tranh bán mà chỉ bán chữ, nhưng có một lần anh đã phá lệ vẽ tranh. Lần đó Phạm không vẽ tranh trên giấy mà vẽ tranh trên gốm. Hồi đó, anh vừa mới đi dự cuộc xử trảm cha anh, nhà sư nổi loạn Phạm Sư Ôn ở tháp Báo Thiên được chừng một tháng. Anh ngụ tại ngôi chùa đổ và bắt đầu làm nghề bán chữ. Hôm ấy, người dân Thăng Long nô nức ra bến Đông để đón người anh hùng Trần Khát Chân vừa mới chém được đầu Chế Bồng Nga, nay ca khúc khải hoàn, trở lại kinh sư.

Ông vua già Nghệ Tôn sai làm lễ đón mừng Trần Khát Chân cực kỳ long trọng. Người anh hùng cứu nước ngồi trên chiếc bành son đỏ, che lọng tía, trên lưng con voi tràng khổng lồ. Đoàn nhạc cung đình, chiêng trống tưng bừng mở lối cho voi đi. Từ bến Đông, voi trắng theo đại lộ đến tháp Báo Thiên để dâng hoa cúng Phật và tế cáo trời đất, mừng thanh bình thịnh trị từ nay lại trở về với dân Đại Việt. Dân Thăng Long trẻ già trai gái mặc quần áo đẹp, nô nức đi trảy hội thanh bình. Phạm Sinh đứng dưới gốc cây đa Báo Thiên và anh đã được chiêm ngưỡng vẻ uy nghi, tràn trề hùng khí của người anh hùng. Anh thầm nghĩ: Ông cũng giống như cha ta. Có thể, con người này sẽ là một cứu tinh chăng? Có thể, ông ta sẽ mở ra được một lối đi chăng? Với ý nghĩ ấy, Phạm Sinh có cảm tình với Khát Chân ngay. Anh nghĩ cách ra mắt quan thượng tướng. Phạm đến một lò gốm cạnh kinh đô, mua ba cái xương gốm, phóng bút vẽ ba chiếc chậu hoa. Lúc gốm ra lò, ba chiếc chậu: Một chiếc vẽ hoa sen, một chiếc hoa mai, một chiếc hoa cúc. Đáng lẽ phải tặng thượng tướng hoa mai mới đúng, vì

đất phong hầu của ông là Trại Mai, nhưng hoa mai mong manh quá, Phạm không muốn Khát Chân như vậy. Tặng chậu hoa sen ư? Sự từ bi hiền hậu của đức Phật cũng không phải cái cần lúc này. Còn cúc? Lúc vẽ Phạm đã nghĩ tới một bài thơ mà anh rất khoái. Lập tức Phạm đập tan hai chiếc chậu vẽ hoa sen và hoa mai, rồi bọc kín chiếc chậu vẽ hoa cúc đem dâng thượng tướng. Lúc đó, trên gò đất định xây dinh thự còn hoang sơ. Khát Châu tiếp chàng nho sĩ cạnh đôi mai già. Chàng thư sinh gầy gò có đôi mắt sáng, dáng điệu kính cẩn:

- Để mừng tướng quân thắng trận, tiểu nhân định vẽ một bức hoạ, nhưng nghĩ rằng vẽ tranh trên gốm sẽ lâu bền hơn, nên đánh bạo dâng chiếc chậu tự tay vẽ này lên thượng tướng để tỏ lòng thành kính.

Nhìn chiếc chậu men hoa lam với nét vẽ lung linh thần tình, mặt tướng quân rạng rỡ:

- Chiếc chậu thật quý! Có lẽ độc nhất...

- Thưa vâng. Tôi không vẽ chiếc thứ hai. Trên đời này chỉ có một người như tướng quân, thì chiếc chậu cũng phải độc nhất vô nhị.

Thượng tướng ngắm nghía có vẻ hài lòng, nhưng nét mặt vẫn đọng lại những băn khoăn. Hình như chàng nho sinh hiểu ý vị tướng, anh nói:

- Tiểu sinh vẽ nó theo ý một bài thơ mà hai câu cuối ý tứ thật hào hùng..

Lúc đó có người tới, thượng tướng không tiện hỏi nữa, tuy nhiên chiếc chậu hoa cúc với ba bông hoa vừa nụ vừa hàm tiếu ấy cứ ám ảnh ông mãi. Thậm chí, cho tới đêm ông còn suy nghĩ. Bài thơ nào nhỉ? Hai câu hào hùng nào nhỉ? Trong giấc ngủ, ba bông hoa như vẫn chập chờn trong mơ. Và đến gần sáng, ông bỗng choàng tỉnh

giấc vì bài thơ ấy bỗng hiện ra trong óc. Sao ta tối tăm thế? Hàng ngàn bài thơ Đường chỉ có độc nhất một bài hoa cúc. Người làm ra nó chính là Hoàng Sào, một nho sĩ đã nổi loạn ở cuối triều đại nhà Đường. Hàng chục vạn dân theo ông đã làm lung lay nền móng của một triều đại. Đang đêm, ông cũng dậy, pha một ấm trà rồi độc ẩm, miệng ngâm khe khẽ:

Táp táp tây phong mãn viên tài
Nhị hàn hương lãnh điệp nan lai.
Tha niên ngã nhược vi thanh đế.
Báo dữ hoa đào nhất xứ khai
(ào ào gió tây vườn cúc hoa
Nhị tàn hương lạnh bướm khó qua
Nếu xuân năm tới ta làm chúa
Lệnh nở hoa đào khắp xứ gần xa)

Ông cứ nghĩ mãi tới cái ý thơ hào hùng của hai câu cuối Nếu năm sau ta lên ngôi vua, ta sẽ truyền lệnh cho hoa đào khắp đất nước phải nở hoa cùng một lúc. Chà! Cái chữ "nhất xứ" dịch ra quốc âm mới khó làm sao. Rồi ông lại nhớ tới chàng thư sinh tặng chậu. Sao anh ta lại nhắc tới bài thơ Cúc của Hoàng Sào? Có ý gì đây? Từ một chậu hoa đẹp, đầu óc ông lại chuyển sang việc triều chính. Đêm ấy, ông mất ngủ.

Tới lúc Nghệ Hoàng ốm người muốn vẽ tranh tứ phụ để ban tặng và nhắc khéo thái sư Quý Ly, ông tiến cử Phạm Sinh.

Một tháng trời vẽ tranh tứ phụ tại nhà quan thượng tướng, Phạm Sinh được tiếp xúc với một số người trong trại Mai. Sinh vẽ trong một căn nhà nhỏ ở khu vườn rộng không ai lai vãng. Hàng ngày chỉ có một tráng sĩ râu rậm đến đưa cơm và chăm sóc. Anh ta trạc ngoại ba

mươi, vạm vỡ, ít nói. Phạm Sinh cũng ít nói. Hình như thượng tướng cho anh ta đến thăm dò mình. Sinh nghĩ thầm. Đôi bên đối với nhau rất khách sáo.

- Đệ tên Phạm Sinh, từ miền Hải Đông tới Thăng Long, nghèo túng nên làm nghề bán chữ qua ngày.

- Tôi là Phạm Tổ Thu, vốn lưu lạc, trong trận đánh Chế Bồng Nga có chút công nhỏ, nên được thượng tướng thu nhận làm người giúp việc.

Một tối, hai người ngồi uống rượu, ngắm trăng trong vườn. Tổ Thu bảo:

- Mấy bức tranh vừa rồi thấy đã đẹp lắm, sao tiểu huynh lại xé đi?

- Hôm nọ, đệ ngồi ngắm mai với thượng tướng, ngài bảo:

- Mai đẹp cốt ở thưa, không cốt ở rậm; cốt ở gân guốc, xù xì, dãi dầu sương gió, không cất ở mập mạp trẻ tươi; cốt ở nụ, không cốt ở hoa...” Chơi hoa còn tìm đến cái thần của hoa, nữa là cầm bút vẽ. Vẽ, bao giờ tìm thấy cái thần của tranh mới được.

- Đệ nói hay lắm. Xưa kia học kiếm, thầy huynh cũng nói như vậy.

Tổ Thu hào hứng múa bài kiếm loang loáng, làm đám lá cây nhảy múa rung rinh. Phạm Sinh cũng nổi hứng theo, lấy giấy điều viết một chữ “thần” đẹp tựa rồng bay để tặng Tổ Thu. Người tráng sĩ ngắm bức hoạ, lấy làm khoái trá, anh cởi áo quần ra múa một bài quyền. Hai bàn tay Tổ Thu tựa như đang nâng niu một cái gì đó. Đường quyền mềm dẻo song tràn trề sát khí. Phạm Sinh đang ngồi bỗng ngạc nhiên đứng dậy ngắm người tráng sĩ, anh ta càng lúc múa càng nhanh. Rồi đột nhiên, chàng nho sĩ vô cùng cao hứng, chàng cũng vứt nhanh chiếc áo dài, rồi xắn tay áo nhảy vào cùng múa theo. Tổ Thu cười lên ha hả. Hai bóng người xoắn suýt với nhau. Bốn bàn tay

như nâng niu một cái gì đó dâng lên trước mặt, rồi đặt vào nơi tim.
Tổ Thu dừng lại mừng rỡ kêu lên:
- “Song Ngọc Trản”. Đã lâu lắm ta mới được một đêm thoả thích thế này. Té ra... ngươi là sư đệ của ta.
Nói rồi, người tráng sĩ rậm râu ôm chầm lấy chàng nho sĩ
Ngọc Trản (cái chén ngọc) là bài quyền đặc biệt của cụ Sư Tề. Trước khi chết, cụ dặn Phạm Sinh: “Ngọc Trản là bài võ riêng của ta. Chỉ có ai là học trò của ta mới biết. Con sẽ nhờ nó mà tìm gặp được các sư huynh. Bao giờ gặp họ, con nhắc đừng làm mai một ngọc trản. Hãy gìn giữ chén ngọc”.

Hồ Quý Ly

Chương 3

Như vậy, Phạm Sinh đã gặp được những người đồng chí hướng của mình, các sư huynh Phạm Tổ Thu và Phạm Ngưu Tất, hai gia tướng thân tín của quan thượng tướng Khát Chân và quan Thái bảo Nguyên Hàng. Trên vai anh bây giờ khoác ba gánh nặng thù hận: nợ nước, thù của thầy và thù nhà.
Khi Phạm vẽ xong bốn bức tranh tứ phụ dâng lên Nghệ Hoàng, ông vua già khen ngợi, ban tặng lụa và tiền bạc. Thượng tướng biết Phạm Sinh là học trò cụ Sư Tề nên có ý định tiến cử. Chàng nho sinh

tạ ơn:
- Kẻ tiện dân rất cảm kích lòng rộng rãi giúp đỡ của ngài, song le vốn là kẻ ưa bay nhảy, chí chưa muốn trụ lại một nơi.. Vả lại ngày nay, Quý Ly chuyên quyền lại thâm độc. Tụ lại một nơi không có lợi. Tiểu nhân không muốn ông ta nhận ra chân tướng của mình. Tiểu nhân muốn là kẻ chìm trong bóng tối... nhưng sẽ hết lòng phụng sự ngài.
Quan Thái bảo Nguyên Hàng nghe tiếng cũng muốn thu dụng làm người tâm phúc. Ngưu Tất nói riêng với ông:
- Trước khi chết, sư phụ tôi có gửi cho tôi một lá thư nói về người sư đệ này. Thầy tôi bảo Phạm Sinh có tài lại có chí. Thu nạp được là điều tốt. Tôi đã bảo: nếu đệ không muốn ở dinh thượng tướng, thì có thể sang dinh quan Thái bảo. Chú ấy cười nói: “Đệ có cái lợi hơn các huynh, Quý Ly chẳng biết đệ là ai, đệ sẽ tìm hết cách để vào bên cạnh Quý Ly”
Quan Thái bảo gật gù:
- Nếu đã có ý ấy còn gì bằng. Làm được như vậy sẽ có lợi gấp nhiều lần. Ta không ngờ trong thiên hạ lại có người tài trí đến như vậy. Mình cũng phải tìm hết cách giúp anh ta.
Vậy là Phạm Sinh đã lộ ra ý định đến gần Quý Ly. Thực ra, tâm hồn anh đầy mâu thuẫn. Chuyện anh là con ông thày chùa nổi loạn Phạm Sư Ôn anh không hở cho ai biết. Hồi anh gặp cha ở lộ Quốc Oai, ông thày chùa nói với Phạm:
- Nhà Trần mục ruỗng rồi. Khắp nơi nhung nhúc bọn tham quan ô lại. Ngôi trời chẳng phải của riêng ai. Quý Ly định cướp ngôi cũng là lẽ thường. Chỉ tiếc rằng ông ta là người tàn nhẫn. Phải diệt ông ta nhưng cũng phải diệt nhà Trần.
Như vậy, mình sẽ đi chung với họ một quãng đường

- Phạm thầm nghĩ - Diệt xong Quý Ly chắc phải chia tay. Đến lúc đó chẳng biết rồi sẽ ra sao. Mục đích của họ chỉ là giữ lại ngôi báu cho nhà Trần.

Sau đó, Phạm Sinh lại quay về ngôi chùa đổ. Ngưu Tất và Tổ Thu trước kia làm tướng trong đội quân của Nguyễn Đa Phương, ngoài phận thủ túc, còn là sư đệ của Phương. Trong trận đánh Lương Giang Thanh Hoá, Quý Ly thua. Đa Phương đem đội quân Thánh Dực rút lui. Đa Phương cậy có công bảo vệ được lực lượng, sinh lòng kiêu ngạo, chê bai Quý Ly, nên bị thái sư giết. Lúc ấy, Khát Chân lên nắm quân thắng được Chế Bồng Nga, xoay chuyển được tình thế. Ngưu Tất và Tổ Thu tham gia trận đánh, vì vậy chuyển sang làm gia tướng tâm phúc của quan Thái bảo và thượng tướng. Cũng may, Quý Ly chỉ giết Nguyễn Đa Phương mà không cho rằng Phương còn có những người thân tín, nhờ đó hai người thoát chết. Cũng từ đó, hai người căm thù Quý Ly đến tận xương tuỷ, nhất là từ khi được ở gần hai vị đại thần, tinh thần trung quân của Trần Khát Chân và Trần Nguyên Hàng, lòng căm thù ấy càng sâu sắc. Họ sẵn sàng xả thân vì nhà Trần.

Cứ độ một tuần trăng, họ lại mặc giả làm người đánh cá. áo rách nón mê, bơi thuyền trên Đại Hồ, đêm xuống mới lẻn vào đầm Vạc đến ngồi chùa đổ liên lạc với Phạm Sinh. Họ muốn truyền vào trong lòng người sư đệ trẻ tuổi lòng căm hận ngút trời của họ. Ngưu Tất nói:

- Quý Ly chẳng khác loài chó lợn. Đối với vua thì lăm le tiếm ngôi, đó là tội bất trung. Đối với thầy, cụ Sư Tề chẳng khác gì cha thế mà cũng tìm cách săn đuổi, đó là tội bất hiếu. Đối với Đa Phương đã nhận làm em mà cũng nỡ đang tâm giết chết, đó là tội bất nghĩa. Tàn tặc nào bằng! Trời đất cũng phải nghiến răng căm hận.

Hai người còn luôn thông tin cho Phạm Sinh biết tình hình triều chính, cho chàng đọc những bài viết phản đối Quý Ly như bài Phản Minh Đạo của Đoàn Xuân Lôi, tờ tấu ngăn việc dời đô của Sử Văn Hoa. Hôm ấy, họ mang đến cho chàng bài biểu của một tôn thất nhà Trần sau trốn sang nhà Minh xin giúp đỡ.

Cáo nạn biểu

Hạ thần là Trần Thiêm Bình cháu quan tư đồ Trần Nguyên Đĩnh đã hầu hạ vua Trần từ bé, làm quan đến hàm tứ phẩm, sau đó giúp việc cho quan tư đồ. Năm Kỷ Tỵ, đời Hồng Võ, sau khi Võ Tiết Hầu Trần Khát Chân diệt giặc Chế Bồng Nga, cha con tặc thần Lê Quý Ly âm mưu cướp ngôi đã vu oan giết hại tôn thất nhà Trần: quan tư đồ Trần Đĩnh, quan thiếu bảo Trần Tôn, sau đó là Trang Định Vương Trần Ngạc. Những bậc trung lương bị giết kể có hàng trăm. Anh em vợ con thần cũng đều bị giết hại, lại sai người đuổi bắt thần định chém đầu muối xác.

Thần phải thay hình đổi dạng, trốn lủi trong dân gian, ẩn mình trong hang núi, lưu lạc sang nước Lão qua, tìm mọi cách tới nơi cửa khuyết để phơi bày gan ruột. Phải lặn lội cực khổ mấy năm ròng mới trông thấy mặt trời.

Thần trộm nghĩ Lê Quý Ly là con của cố kinh lược sử Lê Quốc Kỳ, đời đời ăn lộc nhà Trần, thế mà một khi đắc ý đã manh tâm thoán đoạt. Nay hắn đã phế truất Trần Thuận Tôn là con rể, đưa Trần An cháu ngoại y lên ngai vàng, để dễ bề làm việc đại nghịch, không thèm kính nể gì mệnh lệnh của thiên triều, khiến cho các bậc trung thần nghĩa sĩ phải đau lòng nhức óc.

Lê Quý Ly đang dời đô. Nhà Trần sắp mất.

Mong Hoàng đế cử đội quân thăm dân, phạt tội, với danh nghĩa giúp

dòng dõi sắp đứt quét sạch bọn gian hùng, thì thần đây dù chết cũng không nát.

Thần nguyện bắt chước lòng trung của Thân Bao Tư quỳ kêu xin dưới cửa khuyết, mong Hoàng đế rủ lòng xem xét.

Chàng nho sinh đọc xong bài biểu cứ ngồi lặng im. Khó ai biết nổi lòng chàng đang nghĩ gì. Phạm Ngưu Tất nói:

- Tình hình cấp bách lắm rồi. Một nửa triều đình đã vào Tây Đô. Gia quyến quan Thái bảo, và thượng tướng cũng rục rịch rời Thăng Long. Âm mưu thoán đoạt của họ chỉ là nay mai. Các nghĩa sĩ trung thần ở địa vị nào cũng đang làm hết sức mình tận trung cứu nước. Nhà Minh cũng hứa sẽ giúp chúng ta. Tiểu đệ còn nghĩ gì nữa?

Chàng nho sinh cười:

- Đệ cũng đang làm việc của mình đấy chứ. Chỉ có khác, việc của đệ làm phải lặng lẽ. Càng lặng lẽ càng thuận lợi... Và có lẽ còn cần đến sự chậm chạp...

Phải nói, những tin tức, và lòng sốt sắng tận trung với nhà Trần, chí căm thù đối với Quý Ly của Tổ Thu và Ngưu Tất ảnh hưởng đến Phạm Sinh không phải nhỏ. Những tác động ấy cộng với hình ảnh về cái chết của người mẹ, của thầy Sư Tề cộng với tiếng kêu của Sư Ôn trước khi bị trảm quyết: “Nhớ lấy! Hãy trả thù” làm Phạm Sinh dần dần hình thành trong óc quan niệm: chính Quý Ly là người đã gây ra tất cả mọi chuyện đau thương trên đất Đại Việt. Và bởi vì chỉ trực tiếp gặp gỡ tâm sự với Tổ Thu và Ngưu Tất nên dần dần ngọn lửa bừng bừng trong họ cũng truyền mạnh sang chàng...

Thực ra, Phạm Sinh có một điểm rất khác mà mọi người gần chàng đều không hiểu. Đó là quan niệm về thời gian mau chậm. Người chung quanh đều như hối hả cuống quýt. Người ta bảo xây dựng

xong Tây Đô là mọi việc sẽ xấu hẳn đi. Người ta bảo cần diệt Quý Ly ngay, cứ như thể diệt xong con người ấy là mọi việc sẽ lại tốt đẹp. Nhanh chóng sẽ tốt ư? Chậm chạp sẽ hỏng ư? Biết đâu đấy, dòng đời tuy đủng đỉnh nhưng vẫn có cái lý riêng của nó. Nó ẩn ngầm tác động chẳng theo ý ai. Nó cuốn phăng ta cùng trôi với nó, còn ta háo hức theo dòng mà cứ tưởng như chỉ riêng mình nhìn thấy chân trời, nhưng thực ra ta làm vậy chỉ vì cái nghiệp. Ta gánh chịu số phận riêng mình bởi vì ta đã từng gieo mầm ấy...

Nói là đủng đỉnh, nhưng sự thực là sự đủng đỉnh háo hức. Con ếch trông thấy con rắn như bị thôi miên. “Quý Ly và ta, ai là rắn ai là ếch?”. Nói thực lòng, anh rất bị hấp dẫn vì con người độc đáo ấy. Cả xã hội, nhất là những con người như Khát Chân, Ngưu Tất, quan Thái bảo... đều thù hận ông ta. Còn anh, khi đọc xong cuốn Minh Đạo của Quý Ly, Phạm Sinh thấy bàng hoàng, và hình như anh thấy căm ghét ông ta hơn, đồng thời cũng bị hấp lực của sự táo bạo của ông ta cuốn hút. Nhưng liệu sự căm ghét ấy là cảm nhận của riêng anh, hay chỉ là cái bóng mơ hồ của những ý kiến đương thời? Anh chỉ là một cánh bèo trong cái biển thù hận. Và Phạm Sinh càng bị thu hút hơn, tìm mọi cách đến gần Quý Ly.

Phạm Sinh ngồi bán chữ ở gốc đa Báo Thiên, để ý thấy có một phu nhân cứ cách vài ngày lại đến lễ chùa. Bà đi kiệu sơn nâu, thường mặc áo mầu tối, nhưng dáng vẻ rất nghiêm trang và cao quý. Anh hỏi Ngưu Tất và Tổ Thu, họ cho biết người phụ nữ tôn quý ấy là ai.

Phạm Sinh để ra mấy ngày ròng rã mới vẽ xong một bức tranh rất đẹp. Anh treo bức tranh độc nhất ấy lên gốc cây đa.

Người tò mò bâu đến xem. Bức tranh khổ dài vẽ một cành trúc trên cao và những chiếc lá trúc đang rủ xuống, rơi xuống thấp; những

chiếc lá quấn quýt lấy nhau, điểm xuyết vào đó là một đôi chim như đang xòe cánh lượn, chúng nô đùa với nhau hay chúng đang tìm cách để nâng những chiếc lá lên ngăn cho chúng chẳng được rời cành.

Có người hỏi mua, nhưng chàng đặt giá quá cao nên không ai mua nổi. Phu nhân áo sẫm màu, một buổi sáng đến lễ, thấy đám đông xúm quanh gốc đa, sai thị tì đến hỏi xem chuyện gì. Thị tì đến, rồi quay về bẩm:

- Dạ, người ta bán tranh, nhưng đòi giá cao lắm.

Phu nhân tò mò bước đến. Đám đông vội rẽ ra.

Phạm Sinh ngẩng lên, thấy phu nhân trạc tuổi sáu mươi, da dẻ trắng xanh, tóc bạc, khuôn mặt trái xoan buồn bã có đôi mắt rất hiền từ.

Phu nhân ngắm bức tranh, rồi gật đầu:

- Ta không sành về hoạ, nhưng thấy bức tranh trang nhã. Phu quân ta rất yêu tranh, nhưng phải là tranh đẹp mới được.

Phạm Sinh nói rất tự tin:

- Bẩm phu nhân, nếu là tranh không quý, kẻ hèn mọn này sao dám đặt giá cao?

- Đắt ta cũng mua. Chỉ hiềm không biết phu quân ta có ưng hay không.

Chàng nho sinh lễ phép:

- Kẻ vẽ tranh chỉ cốt gặp được người tri âm. Phu nhân cứ mang bức vẽ về. Nếu tướng công không ưng, kẻ tiểu nhân này tình nguyện sẽ xé bức hoạ, và bẻ bút không làm nghề bán tranh nữa.

Phu nhân cười, trả tiền, rồi mang bức hoạ về nhà. Phu nhân đó chính là công chúa Huy Ninh, vợ thái sư. Bà vẫn thường đến dâng hoa cúng Phật ở tháp Báo Thiên. Bà đều đặn đến chùa đọc kinh sám hối,

cầu nguyện cho chồng. Gặp bức hoạ của Phạm Sinh, bà rất ưng. Bà thấy những chiếc lá trúc và đôi chim rất đẹp. Thần tình ở chỗ những chiếc lá trúc vẽ bằng mực đen, nhưng lại trong veo hình như đang ửng nàng. Đã lâu bà không mua quà tặng chồng. Bà đem về, treo bức tranh ở toà hậu đường cung Hoa Lư. Bà ngồi ngắm nghía, càng ngắm càng thấy bức tranh có duyên. Đôi chim xòe cánh rất vui, hình như mắt của chúng cũng mang mầu nắng. Tuy nhiên, bà vẫn phập phồng lo ngại, không biết bức tranh có làm thái sư vui lòng chút nào không?

Thái sư Quý Ly chiều hôm ấy đến thăm vợ. Trông thấy bức tranh trên tường, ông đến gần để ngắm. Công chúa Huy Ninh theo dõi nét mặt của chồng. Ông đến sát, rồi lại lùi ra, nghiêng đầu xem xét, rồi cuối cùng gật đầu làm phu nhân cũng vui theo. Tưởng chỉ đến thế, nhưng ông vẫn đứng nguyên tại chỗ và thốt lên "quái lạ". Ông lại ngắm bức tranh lần thứ hai, lần này lâu hơn, kỹ lưỡng hơn. Cuối cùng ông à lên một tiếng và hỏi:

- Bà mua tranh này ở đâu?

- Của một nho sinh ở tháp Báo Thiên... Nhưng... Ông đã thấy điều gì trong đó?

- Ở đây có hai điều đặc biệt. Thứ nhất: nét vẽ của người này cũng là nét vẽ bốn bức tranh tứ phụ mà đức Nghệ Hoàng đã ban cho tôi. Thứ hai: điều này thật tài tình... bà hãy nhìn những chiếc là tre đang rơi xuống... theo hai dòng đấy... nhìn kỹ mới thấy chúng xếp thành những chữ. Đúng chưa?

- Dòng thứ nhất thành những chữ gì?

- Thiên... Thụ... Quế... Chà, khéo thật!

- Còn dòng lá thứ hai chắc chắn bà nhận ra ngay là tên bà Nhất Chi

Mai... giỏi thật! Người nho sinh này đã biết hai câu đối xưa kia.

Thanh thử điện tiền thiên thụ quế

Quảng hàn cung lý nhất chi mai.

Anh ta còn nói với bà thế nào nữa?

- Anh ta còn bảo nếu tướng công không thích, anh ta tình nguyện xé tranh và bỏ bút không vẽ nữa.

Thái sư Quý Ly và bà Huy Ninh bỗng nhìn vào mắt nhau, cười to. Đã lâu lắm bà Nhất Chi Mai mới được nghe thấy tiếng cười sảng khoái của chồng, trên gương mặt buồn của bà, cũng đã lâu lắm nét hoa mới rạng rỡ hẳn lên.

Sau đó, phu nhân Nhất Chi Mai ốm rồi nằm liệt giường. Bà ốm mấy tháng liền, không đi chùa được nữa, nhưng không ngày nào bà quên dâng hoa và đọc sám kinh trước tượng phật A Di Đà thờ ngay gian giữa. Sáng hôm ấy, đột nhiên bà thấy trong người dễ chịu. Bà ra ngồi trên chiếc ghế bành. Con gái bà, hoàng hậu Thánh Ngẫu đến thăm mẹ, dâng lên một bó hoa hồng. Bà đã ngồi đúng như pho tượng của bà hiện nay, giơ hai bàn tay ngọc ngà ra phía trước, đẩy bó hoa đỏ ra xa và lắc đầu:

- Ở đây không dùng hoa đỏ. Ta chỉ xin con, sau khi ta mất, hãy hàng ngày thay ta dâng hoa cúng Phật. Có hai cây đại trắng trước cửa nhà ra hoa quanh năm. Hãy hái những bông hoa vừa trắng vừa thơm ấy dâng lên bàn thờ Phật giúp mẹ. Còn bàn thờ mẹ, con chỉ cần nhặt vài bông rụng trên sân rêu đặt lên là đủ...

Ngày hôm ấy, bà đã ra đi vĩnh viễn, sau khi dâng đĩa hoa trắng sở nguyện lên trước bàn thờ Phật A Di Đà và cúi đầu đảnh lễ.

Hồ Quý Ly

Chương 4

Cũng vào khoảng thời gian ấy, một đêm, Phạm Sinh mất ngủ, đang nằm nghĩ ngợi liên miên trong ngôi chùa đổ, bỗng nghe tiếng lũ chim xáo xác ngoài vườn. Anh nghĩ; lại có bọn đi ăn sương nào xong việc về ngủ tạm ở chùa? Hay chẳng lẽ sư huynh Tổ Thu hoặc Ngưu Tất có việc gấp đến gặp ta? Phạm Sinh tập trung tinh thần lắng nghe. Lũ chim vẫn tiếp tục xáo xác. Điều này khác thường, bởi vì khi người đi qua xong, lũ chim lại im lặng ngay. Vậy đã có ai đang ngồi dưới những tán cay, ngay ở chỗ lũ chim trên cao trú ngụ. Lẫn trong tiếng xáo xác ấy hình như có chen thêm một tiếng lạ. Thoang thoảng tiếng ti tỉ - Ô hay? Có người đang khóc? Phạm Sinh mò trong bóng tối ra vườn chùa. Đúng là có người đang khóc thật. Anh lần theo tiếng khóc đến chỗ con trâu đá, và hỏi:

- Ai đấy? Làm sao lại đến đây mà khóc?

Hai mẹ con người đàn bà rách rưới ẩn trốn dưới bụng con trâu đá. Phạm Sinh dìu họ vào trong chùa. Người mẹ đã già, cô con gái mới chừng đôi tám. Cô ăn mặc rách rưới nhưng không dấu được những nét xinh đẹp khác thường. Họ bị lạnh cóng và đói lả. Phạm săn sóc nấu cháo cho ăn. Họ nhìn Phạm như e ngại, có vẻ muốn dấu diếm điều gì. Nhưng rồi thấy sự ân cần và biết Phạm cũng chỉ là một kẻ vô

gia cư, bán chữ sinh nhìn, nên bà mẹ tỏ lòng tin cậy, thú nhận:
- Mẹ con tôi chỉ là những người đang chạy trốn. Chồng tôi bị quan thái sư tống giam ngục thất...
- Chồng bà là ai?
- Ông ấy là quan thái sử Sử Văn Hoa.
- Tôi hiểu rồi. Nay mẹ con cụ định đi đâu?
- Mẹ con tôi đang đêm trốn khỏi làng định đi thật xa, nhưng chẳng biết chồng tôi sống chết ra sao, nên định nấn ná tìm nơi trú tạm gần Thăng Long, để chờ biết tin của ông ấy ngã ngũ ra sao...
Phạm ngẫm nghĩ rồi nói:
- Bà cụ đừng sợ. Nếu vậy, tôi có thể thu xếp được. Khu đầm Vạc này vắng vẻ lắm. Chỉ có vài người xiêu tán dựng mấy túp lều bên hồ kiếm ăn bằng cách mò cua, đánh dậm... Người ta đến rồi lại ra đi. Gần chùa có một túp lều bỏ hoang, mẹ con cụ ở tạm nơi đó thật kín đáo. Việc dò hỏi tin tức đã có tôi lo.
Tổ Thu, Ngưu rất ban đêm bơi thuyền lẻn tới ngôi chùa đổ liên lạc với Phạm Sinh, nghe câu chuyện của mẹ con bà Sử Văn Hoa. vừa ngậm ngùi vừa bừng bừng nổi giận:
- Cụ Sử Văn Hoa là người tài cao đức trọng, đầy khí tiết, thế mà ngày nay thân phận tử tù. Nông nôi này do bởi tay ai? Việc giúp đỡ mẹ con bà là nghĩa cử phải làm của chúng ta.
Từ đó, Phạm Sinh có hai mẹ con bà Sử làm hàng xóm nên cũng đỡ hiu quạnh. Có Tổ Thu và Ngưu Tất giúp đỡ gạo nước, cộng thêm với đồng tiền viết mướn của Phạm Sinh, nhưng họ cũng không ỷ lại. Cô con gái tên là Thị Hạnh vẫn hàng ngày xuống hồ mò cua bắt ốc. Cô bận bịu làm, đi kiếm ăn xong lại về nấu cơm phụng dưỡng mẹ.
Bà mẹ, cô bán rượu làng Mơ xinh xắn thủa xưa, nghèo khó, nhưng

đã truyền lại cho con gái một gia tài vô giá đó là sự duyên dáng tươi tắn. Cô Hạnh cũng có đôi mắt bồ câu của mẹ. có tiếng nói trong veo và ấm áp của mẹ, nhưng cô còn được thừa hưởng thêm sự thông minh sắc sảo của người cha. Sự thông minh bén nhậy ấy làm cho sắc đẹp của cô trở nên tinh tế hơn. Cô biết cách nói bằng ánh mắt, bằng nụ cười, bằng cái dáng vẻ không nói. Tất cả những thứ ấy, âm thầm trong con người cô, nhưng nó vẫn toát ra lặng lẽ mỗi khi ta gặp, để tạo nên một cảm giác mà người đời vẫn gọi là “có duyên”. Cô Hạnh sợ người ta chú ý, cố dấu nét duyên ấy đi bằng sự lam lũ nghèo hèn, bang cái bề ngoài nâu sồng lấm láp, bằng chiếc khăn vuông tùm hụp suốt ngày; sự kín đáo ấy ngay cả trước mặt Phạm Sinh cô vẫn giữ. Nhưng ngay từ lúc đầu mới gặp, nhìn vào mắt cô, anh đã nhận ra cái duyên ngay. Đôi mắt người nguỵ trang khó nhất. Anh học trò viết Sử Văn Hoa, ngày xưa, trong khốn khó đã tìm thấy cái duyên của cô bán rượu làng Mơ thế nào, thì ngày nay anh chàng viết mướn bơ vơ trong ngôi chùa đổ cũng nhận ra cái duyên của cô Thị Hạnh như vậy. Một mối tình thầm lặng được nhen.

Một hôm, cô Hạnh ngồi trên một phiến đá vườn chùa nói chuyện với Phạm. Cô ngồi nghiêm trang, hai tay đặt trên đầu gối. Bỗng nhiên Phạm chăm chú nhìn cô, rồi bảo cô giơ hai tay từ từ đẩy ra phía trước, những ngón tay cong lên. Anh ngắm nghía, nhìn nghiêng rồi lại nhìn thẳng nét mặt của Hạnh. Hạnh đỏ mặt lên cười khúc khích. Mấy hôm sau, anh đã vẽ được một bức tranh. Cô Hạnh nhìn bức tranh người phụ nữ nõn nà, với dáng vẻ buồn cao quý đương ngồi tay đẩy ra phía trước. Hạnh ngạc nhiên:

- Huynh vẽ em đấy ư? Sao quần áo em lại sang trọng như một bà mệnh phụ? Sao mớ tóc em lại được búi cao và trên đó có mũ vàng

trâm ngọc? Sao nét mặt lại u buồn... như đức Phật?

Phạm gật đầu khe khẽ:

- Đúng! Huynh vẽ muội là đức Phật.

- Huynh điên rồi sao?

- Cả em, cả bà ấy đều giống Phật.

- "Bà ấy"? Huynh nói thế là nghĩa làm sao?

- Bà ấy là một người nhân hậu. Tôi chỉ một lần giáp mặt đã nhận ra ngay... Hàng ngày bà đến chùa dâng hoa. Dáng vẻ của bà ấy mới tôn quý làm sao, u buồn làm sao... Cả em cũng vậy, mới nhìn vào mắt em lần đầu tiên, huynh đã thấy ngay...

- Huynh điên thật rồi Những lời nói sao em không hiểu.

- à! Bà ấy là công chúa... bà Huy Ninh... bà thái sư. Ôi. sao mắt bà ta buồn làm vậy... Đã lâu chẳng thấy bà ấy đi chùa... Rồi hôm trước, nhìn thấy em trên tảng đá chợt nghĩ, hình như em có nét hao hao... Huynh đã trộn lẫn cả hai người vào tranh. Ở bà là nét u buồn cao quý nhưng đôi mắt bà tối quá. Phải đem sự trắng trong, sự ấm áp của mắt em vào tranh... Chắc là như thế... Phải, đúng rồi Bởi vì em là tuổi trẻ... em bồn chồn... nhưng cuộc sống còn dài. Em lo lắng cho số phận của cha. nhưng vẫn còn những tia hi vọng... Nhưng ở mắt bà, chẳng thấy le lói một mảy may sự sống. Huynh thầm nghĩ chắc bà ta chết rồi, cảm thấy bà Huy Ninh đã chết rồi.

- Câu chuyện của huynh thật buồn...

- Và nếu đoán không sai, ông ta sắp đến đây.

- Ông ta là ai?

- Ông ta là thái sư, là Hồ Quý Ly.

***

Điều Phạm Sinh dự đoán đã xảy ra thật. Một buổi sáng, có người lính

ở cung Hoạ Lư đến gốc đa tháp Báo Thiên, đưa giấy mời Phạm đến ngay phủ thái sư. Phải qua bao nhiêu thủ tục rườm rà, phải qua bao nhiêu toà ngang dãy dọc, Phạm mới đến được cung Hoạ Lư nổi tiếng.

Người lính dẫn đường trao Phạm cho viên lực sĩ nội vệ dẫn anh đi trên con đường đá xanh từ cổng đến toà tiền điện. Phạm liếc nhìn cái sân lát gạch đỏ mênh mông và dãy chậu đá khổng lồ, ở đó mọc đủ các thứ hoa quý hiếm. Đến trước đôi rồng đá, người lực sĩ bắt anh dừng lại, chỉnh đốn khăn áo. Hắn đi vòng quanh Phạm, ngắm nghía anh từ đầu đến chân, rồi vuốt ve quần áo, chỉnh lại chiếc khàn nhiễu tím cho anh. Phạm hiểu, hắn muốn xem anh có gài dắt thứ gì sắc nhọn trong người. Cuối cùng, sau khi đã yên tâm, hắn mới dẫn anh bước lên chín bậc thềm đá để vào nhà tiền điện.

Thái sư ngồi trên chiếc sập cao đặt chính giữa, sau lưng ông ở hai phía tả hữu là hai bức đại hoành rực rỡ "Vô dật nãi dật" và "Nhật nhật tân".

Quý Ly cho Phạm ngồi ở chiếc đôn phía dưới, cách xa ông. Thái sư cất tiếng hỏi:

- Có phải anh chính là người vẽ bức hoạ trúc mà phu nhân ta đã mua về từ tháp Báo Thiên?

- Bẩm thái sư, đúng kẻ học trò này.

Thái sư vuốt râu, đôi mắt sáng của ông nhìn vào mặt Phạm rồi nói bằng cái giọng vang và trầm:

- Vẽ khéo đấy Nhà ngươi có thể vẽ... ngay lúc này, trước mặt ta? à, cũng chẳng cần vẽ. Viết cũng được. Chỉ cần viết một chữ đại tự. Thế nào? Có được không?

- Kẻ tiểu nhân xin viết - Phạm Sinh điềm đạm nhận lời.

- Ta cho phép tự chọn. Viết chữ gì cũng được. Tuỳ ý.
Người hầu bê ra cái nghiên mực lớn bằng đá, một bó bút các cỡ, một tờ giấy đại bạch, một tờ hồng điều, một vuông lụa lớn. Phạm chọn cái bút to nhất và tấm lụa bạch. Tấm lụa được căng lên khung. Phạm trầm ngâm đứng trước tấm lụa, mắt nhắm lại hồi lâu, tay đặt lên đầu chạm vào chiếc bút cài sau gáy.
Rồi anh choàng mở mắt, chấm chiếc bút vào nghiên đá, khẽ quay đầu bút vài vòng, rồi khoan thai như múa chiếc bút trên nền lụa.
Thái sư chằm chằm nhìn. Một chữ lớn đen nháy, khỏe khoắn, dịu dàng hiện lên trên mầu trắng ngà tinh khiết. Ông nói:
- Chữ “Thần” ư? - Thư pháp được đấy. Nhưng tại sao lại chữ thần? Ngươi nghĩ gì mà viết chữ thần?
- Tiểu nhân mạo muội xin phép được nói. Trộm nghĩ: mọi vật không có thần sẽ bất dạng. Người không có thần là kẻ thất phu. Kẻ viết chữ không có thẩn chỉ là con mọt sách. Việc làm không có thần chỉ là việc làm của phường ngu muội. Ngay cả đến sông kia, núi kia, tất thảy đều mang một chữ thần, nên mới làm cho bậc tao nhân mạc khách phải ưu tư, làm cho kẻ sĩ trong thiên hạ phải đau đáu tấm lòng...
Thái sư lặng lẽ khoanh tay trước ngực rồi gật đầu:
- Thôi được. Ta hiểu ngươi - giọng ông chợt như trầm xuống - Sở dĩ hôm nay ta gọi ngươi đến, vì muốn nhờ ngươi một việc. Từ ngày phu nhân của ta mất đi, ta muốn có một bức tranh vẽ bà. Cứ băn khoăn tìm người hoạ sĩ mãi. Đêm trước, bà về trong mộng, bảo ta sao không đến tháp Báo Thiên, tìm người viết thuê dưới gốc đa, người đã vẽ bức trúc hoạ. Vậy ngươi có nhớ được mặt bà không? Có thể vẽ lại được không? Tiểu nhân đã nhiều lần thấy phu nhân đến chùa dâng hoa cúng Phật. Tiểu nhân vẫn còn nhớ được dáng vẻ tôn quý

của người. Dạ thưa đó là khuôn mặt từ bi...
- Đúng? Phu nhân ta là người nhà phật... Đúng? Ngươi đã biết tên bà là Nhất Chi Mai... chắc phải rất chú ý. Và đã chú ý chắc phải nhớ. Cũng chính vì vậy nên ta đã quyết định gọi người đến. Ta hẹn ngươi trong mười hôm, ngươi hãy về nhớ lại, vẽ bức hoạ về bà. Nhớ gắng hết sức. Ta sẽ trọng thưởng.
Phạm Sinh trở về ngôi chùa đổ, tìm cách báo tin cho Tổ Thu và Ngưu Tất biết chuyện. Một đêm, hai người lẻn đến ngôi chùa đổ. Tổ Thu nói:
- Quan thượng tướng bảo đã đến gặp được Quý Ly là điều rất tốt. Chỉ có điều ông ta đa nghi, kỹ lưỡng. Để đến gần ông ta hơn nữa không phải dễ. Đệ cần phải nhớ ngay như sư huynh Nguyễn Đa Phương đã được ông nhận làm nghĩa đệ mà ông ta vẫn nghi ngờ, khi cần vẫn giết.
Ngưu Tất truyền lại lời của quan Thái bảo Nguyên Hàng:
- Từ nay cần ít liên hệ với người bên ta. Quý Ly khi gặp có nói: đã biết tên phu nhân là Nhất Chi Mai chắc người phải rất chú ý rồi, tức là trong đầu óc ông đã muốn tìm hiểu người bán chữ này là ai, tại sao lại quá quan tâm tới gia đình thái sư như vậy.
- Đệ xin ghi lời các sư huynh. Và đệ đã có cách... Chắc chắn bức tranh của đệ vẽ bà Nhất Chi Mai phải làm ông ta ưa thích.
Khi sắp đến ngày gặp thái sư, cô Hạnh rất lo lắng.
- Hang hùm đấy? Cha em đã gặp nạn vì vào đó, đến nay còn chưa biết sống chết. Em thật không hiểu chốn hang hùm ấy có cái gì lại hấp dẫn được cả anh.
- Chính vì muốn giúp những người như cha em, nên anh phải vào đó.

Cô gái cúi đầu:
- Mẹ con em lúc này bơ vơ. Nhỡ anh có thể nào...
Phạm Sinh mang bức tranh đến gặp thái sư. Trông thấy bức tranh, Quý Ly mắt sáng hẳn lên.
- Thật tài hoa. Từ bi. đúng là từ bi như bà ấy? Mà lại giống. Nhà ngươi có trí nhớ thật tài tình... có bàn tay vàng... Thần! đúng là thần hoạ! Này lúc nhà ngươi giảng giải cái thần, ta lấy làm... sốt ruột quá... Nhưng hôm nay, xem tranh, ta mới hiểu ngươi thực lòng. Thái sư nhìn sâu vào mắt Phạm - Ta thích sự thật lòng.
Phạm Sinh nhún nhường:
- Đa tạ thái sư quá khen.
Quý Ly cầm khư khư bức tranh người đàn bà buồn rầu đang đẩy hai bàn tay ra phía trước, ngắm nghía không chán; hôm ấy ông thật cởi mở. dễ tính. Chính ông dẫn Phạm vào toà hậu điện nơi thờ Phật và thờ bà vợ Tự tay ông treo bức hoạ lên bàn thờ, thắp hương, rồi dịu dàng thì thầm trong tâm tưởng:
- Phu nhân hãy về mà xem. Phạm Sinh đấy, người thợ vẽ mà bà trân trọng đấy. Anh ta đã vẽ bà cũng trân trọng như tấm lòng của bà. Kìa? chàng thư sinh đang hái hoa đại để dâng lên bàn thờ. Ai mách bảo mà anh ta biết bà thích những bông hoa mầu trắng?
Mà kỳ lạ thật. Từ lúc vào đây, Phạm trông thấy hai cây hoa đại, và như có một hấp lực ẩn ngầm vào đó đã hướng dẫn chân anh đến cây hoa. anh cung kính hái để dâng lên cúng bà. Và anh cũng không ngờ cử chỉ tự nhiên ấy bỗng dưng tạo rất nhiều thuận lợi cho anh.
Quý Ly hỏi chàng nho sĩ:
- Nhà ngươi thấy nơi đây ra sao?
- Dạ, thật tĩnh! Đúng như sự tưởng tượng của tiểu nhân về phu nhân.

Nhưng lúc này, chợt thấy như còn thiếu một chút gì đó...
- Thiếu gì?
- Dạ, tiểu nhân chợt nảy ra một ý... Có lẽ một pho tượng... Vâng, đúng! Một pho tượng của phu nhân.
- Sao?
- Vâng! phải tạc một pho tượng. Bằng gỗ ư?... không!
- Tốt nhất là bằng đá... đá cẩm thạch... hay đá trắng? Tinh khiết... như Phật bà... Vâng pho tượng lớn bằng người thực... rất tinh khiết và từ bi...
- Hay? Ngươi nghĩ như thế cũng phải. Vậy thì ngày mai, ta sẽ cho ngươi thợ, cho ngươi đá.. sẽ tạc một pho tượng bằng đá trắng giống hệt như bức tranh ngươi đã vẽ... Ngươi phải đứng lên trông nom cho ta.
Câu chuyện về pho tượng đá trắng, về pho tượng người đàn bà tinh khiết như Phật bà xảy ra như vậy đó. Thái sư sai người đến làng Nhồi, Thanh Hoá, tìm một tốp thợ khéo tay nhất, tìm một tảng đá trắng đẹp nhất mà dân làng Nhồi vẫn thờ ở đình làm vật hương bảo, một tảng đá mà họ chỉ dành để tiến vua, để tạc một pho tượng quý. Nghe nói tìm đá tạc tượng công chúa Huy Ninh, một bà công chúa từ bi của dòng nhà Trần, làng Nhồi sẵn sàng cung tiến ngay.
Hôm khởi công tạc tượng, phường thợ làm lễ, ông thợ cả dâng hương hoa. Rồi ông lấy chiếc dùi gỗ gõ vào tảng đá. Tiếng đá vang vang như tiếng chuông vàng; dứt hồi gõ vẫn ngân nga kéo dài không muốn dứt. Thái sư đến dự, ông nghe tiếng đá ngân như tiếng thì thầm dịu dàng của bà Huy Ninh còn lưu lại trên đời.
Xưởng đá nằm trong hoàng cung. Hàng ngày, tốp thợ và Phạm Sinh đều đặn đến đó từ sớm. Ông thợ cả cùng Phạm Sinh nghiên cứu

bức hoạ tỉ mỉ rồi mới cho đục. Khó nhất là gương mặt sao cho thật giống. Phải có nỗi buồn nhân thế nhưng không bi luỵ. Khi tạc gương mặt bà Huy Ninh chính tay ông thợ cả phải làm suốt mười lăm ngày ròng rã. Thái sư đến thăm, bắt gặp cuộc trao đổi giữa ông già và Phạm Sinh.

- Tôi đã thấy gương mặt từ bi của đức Phật - ông già nói - Mắt đã toả ra ánh dịu dàng.

Phạm Sinh lắc đầu:

- Gương mặt mới chỉ là trìu mến, hiền hậu, ánh mắt hãy còn hẹp. Gương mặt bà phải toả ra bao la rộng rãi. - Anh chau mày lại, tìm lời diễn tả - Thế nào nhỉ. dưới ánh mắt của bà, người thiện cũng như người ác đều được ân huệ, ví như một bóng mát bao la giữa mênh mông nắng. Người tốt thấy mình tốt hơn. Người xấu không thấy xấu hổ và chợt lóe nhìn thấy ánh sáng vơi nhẹ. Nghĩa là ta cảm thấy an lành... Đúng... phải cảm thấy an lành, đó là điều cần đạt tới...

Rồi Phạm hì hục dội nước để ông già lấy đá nháp mài đi những nét tục còn đọng lại đó đây trên pho tượng đá. Thái sư gật đầu:

- Ngươi hiểu đúng. Ở phu nhân chính là sự an lành. Ta thấy sự an lành trong bức hoạ của ngươi còn toả ra trên đôi bàn tay ngà.

Cụ thợ cả gãi đầu:

- Vâng. Tạc tượng khó nhất là gương mặt và đôi bàn tay. Bàn tay cũng là gương mặt của người. Bẩm thái sư hoàn thiện đôi bàn tay cho thật ưng ý có khi mất tới nửa tháng.

Cũng nhờ việc làm tượng lâu như thế. Phạm Sinh đã nhiều lần được nói chuyện với thái sư. Quý Ly dần dần thấy mến và hiểu chàng nho sinh ngoài tài viết vẽ, con có một sức học khá uyên thâm. Ông hỏi:

- Có phải nhà ngươi là người đã vẽ bốn bức tranh tứ phụ?

- Bẩm vâng.

Con trai ta, quan kiểm pháp Nguyên Trừng cũng là người vẽ tranh, rất khen nét bút của ngươi.

Đó là điều vinh hạnh cho kẻ học trò này.

- Ta nghe nói thượng tướng Khát Chân, sau khi nhìn ngươi vẽ xong, thấy mến tài, có ý định tiến cử, sao ngươi không nhận?

- Tiểu nhân là người ít gặp may, chính lúc đó lại mắc công việc, phải đi xa ít bữa.

- Ừ! Ngươi vẽ rất khéo, sao lại không vẽ tranh bán? Làm nghề bán chữ, phỏng được bao tiền?

- Bẩm thái sư tiểu nhân bán chữ là vạn bất đắc dĩ, chỉ cốt kiếm sống qua ngày là đủ. Còn nghề vẽ... kẻ học trò này từ khi cầm bút, đã có lời nguyền chỉ vẽ cho người tri âm, tri kỷ.

- à, ra thế. - Rồi ông gật gù - Tiếc thật. Tiếc thật!

- Đáng tiếc, triều đình lúc này đang bận nhiều việc, chưa có điều kiện mở khoa thi, để cho những người trai trẻ như ngươi được vẫy vùng cho thoả chí.

Hồ Quý Ly

Chương 5

Khi bức tượng hoàn thành, Phạm Sinh được thái sư thưởng rất hậu. Lại có lần, quan nội thị Nguyễn Cẩn đến tận nơi ở của Phạm, tức

ngôi chùa đổ, mang tặng vải lụa, quà của thái sư, Cẩn nói:
- Thái sư biết anh là học trò có chí. Gắng dùi mài kinh sử, chờ đến khoa thi. Thái sư còn dặn, mà có khi chưa đến khoa thi, có dịp người sẽ cất nhắc.
Phạm Sinh tỏ vẻ cảm động, tạ ơn. Cẩn về, trong lòng Phạm thấy hồi hộp. Anh biết Cẩn là người tâm phúc của Quý Ly; Cẩn đến đây cái chính là để xem xét chàng. Anh thầm nghĩ: như vậy Quý Ly có ý định dùng ta.
Hai mẹ con cô Hạnh, từ ngày về ở tại túp lều hoang bên đầm Vạc, lo việc cơm nước luôn cả cho Phạm Sinh. Hàng ngày, cứ buổi chiều, cô lại mang cơm sang ngôi chùa đổ. Còn bữa trưa, Sinh ăn cơm hàng ngoài chợ Báo Thiên. Trưa hôm ấy, ăn cơm xong Sinh đang lúi húi bên gốc đa nghe thấy tiếng người tíu tít gọi: “Phạm Huynh! Phạm huynh”. Ngẩng đầu lên, thấy cô Hạnh đang rảo bước đi tới. Phạm thầm nghĩ: Hạnh rất hiếm khi xuất hiện ở chỗ đông người, vì sợ lộ hình tích. Sao hôm nay cô ấy lại ra đây? Hạnh đứng trước mặt anh lau mồ hôi trán, má ửng đỏ, vừa nói vừa thở, đôi mắt tươi cười:
- Huynh ơi! Mừng rồi. Mừng quá rồi?
- Nàng nói mừng gì? Sao lại ra đây? Quên cả lời dặn dò mất rồi?
- Huynh ơi? Cha em... Cha em đã về.
- Sao? Nói lại anh nghe.
- Cha em về rồi... Cô gái báo tin vui sung sướng quá đến nỗi hai dòng nước mắt chảy ra. Cha được tha sáng hôm nay... Mẹ bảo mời Phạm huynh về ngay uống rượu với cha em... mừng cho mẹ con em.
Hai người vội vã quay về ngôi chùa đổ. Họ thấy hai ông bà Sử Văn Hoa đang đứng nói chuyện bên cạnh con trâu đá, dưới tán cây nhãn. Hạnh giữ Phạm Sinh đứng lại, thì thầm:

- Ngày xưa cha mẹ em quen nhau ở chỗ con trâu đá ấy.
- Sao?
- Cha bảo, lúc mới ra Thăng Long, cha ở trọ trong chùa đổ. Còn mẹ thỉnh thoảng đến bán rượu, vẫn đặt gánh ở chỗ con trâu đá. Vì ở đó có bóng mát, lại có cái bệ đá dưới chân con trâu, ngồi rất tiện.
Cô gái nói xong cười khúc khích. Phạm cũng cười.
- Thảo nào lúc chạy nạn, đêm hôm đó tối trời đến thế, bác vẫn nhớ đường đến chỗ con trâu đá. Mà này...
- Làm sao?
Cả chúng mình cũng gặp nhau lần đầu tiên ở chỗ con trâu đá... Em không nhận ra ư?... Điều lành đấy... Hạnh đỏ mặt lúng túng, và trông cô càng xinh đẹp. Phạm Sinh đến trước mặt ông già, cúi đầu vái chào. Ông Sử gầy gò lom thom, tươi cười:
- Gia đình tôi được đoàn tụ ngày hôm nay, phải chịu ơn sự cưu mang của công tử nhiều lắm.
Nói xong, ông lễ phép cúi mình vái. Phạm lúng túng không dám nhận lễ. Ông già đi dẫn đầu mọi người vào trong chùa. Ông chỉ một cây đề to, bóng mát toả một vùng:
- Chỗ này xưa kia, người ta xếp giàn củi để thiêu sư Đà La. Sau khi sư chết, có người để tưởng nhớ ông thày chùa từ bi, chết oan uổng, đã trồng một cây đề con vào nơi đó. Thế mà, nay cây đề đã thành đại thụ xum xuê... Còn ngôi chùa thì tiêu điều đổ nát. Nhanh thế đấy - ông nhìn bà và hỏi - Từ dạo ấy đến nay đã bao nhiêu năm rồi nhỉ?
- Từ dạo quân Chiêm đốt phá Thăng Long đến nay đã ngót nghét ba chục năm.
- Nhanh thật! Tôi với bà nay đã thành người già cả rồi.
Ông ngậm ngùi đứng trước pho tượng hộ pháp lở lói:

- Xưa kia, pho ông Thiện đẹp nhất chùa này. Nơi đây vàng son chói lọi. Hương khói không bao giờ tắt. Thế mà ông Thiện nay đã cụt tay. Cô Hạnh thật khéo. Không biết bằng cách nào đã tìm được một hũ rượu mơ thơm nức. Ông nhấp hớp rượu rồi sáng mắt nhìn vợ:
- Đúng là rượu nhà ta. Những ngày gian truân ấy mà bà vẫn giữ được nó sao?
- Những ngày gần đây, đã thấy nguôi nguôi, chẳng còn ai để ý đến mẹ con tôi nữa. Không hiểu sao tôi cứ tin rằng ông sẽ tai qua nạn khỏi. Tôi bảo con Hạnh: “Nhà mình còn hũ rượu quý chôn ngoài vườn. Con về đào lên. Bố mày sắp về rồi đó...”. Con Hạnh về làng. Nhà mình ở rìa đồng, vang vẻ, không ai để ý...
Ông Sử Văn Hoa tinh ý, đã thấy Hạnh nhìn Phạm mỉm cười và đỏ mặt lên. Ông cũng mỉm cười nói: Con gái tôi mang rượu ngon về, thứ nhất để mừng cha, nhưng thứ hai cũng để tạ ơn Phạm công tử nữa chứ.
Mọi người đều vui vẻ cười ran. Lúc chỉ còn hai người đàn ông bên mâm rượu, ông Sử hỏi:
- Bác nghe em Hạnh nói vừa qua cháu vào hoàng cung làm tượng, được thái sư Quý Ly ban thưởng?
- Bẩm... vâng... thưa bác...
- Nếu ta không lầm... cháu có ý định... đến gàn thái sư.
Phạm nghĩ ngợi, rồi nói:
- Cháu nghĩ... bác là người đã bị ông ta làm cho điêu đứng?
- Đúng vậy. Bác chỉ bị... Ông ta làm cho khổ thôi, còn nhiều người khác bị ông ta cướp đi cả tính mạng.
- Vậy phải làm thế nào? ý đồ của ông ta, hầu khắp mọi người đã biết... Ông ta là một người tài giỏi ư?.. Một kẻ bất trắc ư?... Hay một

hôn quân, bạo chúa ngày mai? Phải ủng hộ ông ta hay phải tiêu diệt ông? Cháu là đứa con mồ côi. Ai là người đã giết cha mẹ cháu? Ai là người gây nên sự hôn độn, điêu linh hôm nay? Nhà Trần đã đến thời mạt vận hay sao?... Bao nhiêu câu hỏi cháu đã suy ngẫm, cháu đã thấy lý lẽ của bao nhiêu người và thấy ai cũng có cái lý riêng. Tuy nhiên, chỉ có một điều ai ai cũng thấy, ông ta là một con người quá ư tàn nhẫn...

- Cháu có biết Quý Ly định nay mai đặt quốc hiệu cho nước ta là gì không?

- Cháu chưa được rõ.

Đã có tiếng xì xào ông ta sẽ đặt tên cho nước Đại Việt mình là nước Đại Ngu (Ngu Thuấn). Ông ta có kỳ vọng tạo nên một đất nước rạng rỡ như thời Nghiêu Thuẫn.

- Hồ Quý Ly có niềm say mê quá đỗi. Nó biến ông thành con người việc gì cũng dám làm.

Theo bác tựu trung phải nghĩ tới cái hồn nước cháu ạ. Hồn nước là giấc mơ của người dân. Dân ta mơ như thế nào, ai đi quá giấc mơ ấy cũng không được, chậm hơn cũng chẳng xong. Đi chệch, đi chậm, đi nhanh đều phải thất bại... Hồn nước có cách đi của nó. Có thể vinh quang... tàn lụi.. và máu nữa... Nó chẳng xót thương cho riêng từng người... Ai đi đúng cái đạo nó vạch ra sẽ thành công. Nhưng đạo ấy lại ẩn ngầm... phải tự tìm ra. Chẳng ai có thể thông minh hơn cái hồn của đất nước mình...

- Ý bác định khuyên cháu ra sao?

- Cháu phải tự ngẫm lấy... Những lúc như lúc này có bao nhiêu là gió... Đừng bị cuốn theo các cơn lốc... có khi một cơn lốc mạnh lại dễ làm ta loạng choạng. Môi người một nghiệp. Nghiệp ai người ấy đi.

Nghiệp của cháu ra sao? Ma đưa lối quỷ đưa đường... tất nhiên cháu sẽ phải đi theo con đường mà tiền kiếp, quá khứ, gia đình, hoàn cảnh... đã vạch ra cho cháu.. Bác ngăn cũng chẳng được... Ai cản trở cũng chẳng được...

Phạm Sinh mơ màng:

- Cháu đã hiểu... cháu đã mất công toan tính... Cháu như kẻ đi câu... thả miếng mồi thơm... nhử con cá lớn... Cá cắn mồi... và cháu phải giật. Cháu sẽ bắt được cá nhưng cũng có thể.. con cá lớn quá nó sẽ kéo phăng cháu đi...

Phạm Sinh nói xong, anh khẽ mỉm cười.

Một hôm, Sử Văn Hoa đến dinh Trần Khát Chân, thượng tướng hoan hỉ:

- May quá? May quá! Thật mừng cho lão huynh. Trong triều ai ai cũng tưởng thái sư sẽ chẳng tha cho ông.

- Cũng nhờ hồng phúc tổ tiên... Vả lại, tôi bao giờ cũng lấy lòng thành đối đãi với mọi người...

- Lòng thành ư? Cái đức của nó lớn đến mức cảm hoá được cả con người sắt đá như thái sư?

Sử Văn Hoa đem mọi việc, nào chuyện viết sách trong ngục, nào chuyện gặp gỡ Quý Ly kể cho Khát Chân nghe. Quan thượng tướng rất chăm chú; nghe xong ông lặng im không nhận xét, mà chỉ hỏi tới chuyện sau này của Sử. Viên thái sử trả lời:

- Tôi nay đã là người dân thường. Việc sinh kế cũng chẳng đáng lo. Bán mấy mẫu ruộng ở làng đi, mua ít ruộng bên đầm Vạc. Tôi thấy đất chỗ ấy cũng tốt, lại cạnh Đại Hồ, phong cảnh hữu tình. Có thể tôi hứng lên, cắp cái tráp ra tháp Báo Thiên làm nghề tướng số cũng nên. Nghề ấy chắc tôi làm được - ông chợt cười xoà thú vị - Còn

chiếc bút lông của tôi nữa chứ. Tôi không làm quan, nhưng có ai cấm tôi chép sử đâu...
Khát Chân cũng cười theo. Ông bảo lão Mai lấy vò rượu quý tặng ông già, rồi ân cần nói:
- Khi nào rỗi rãi lão huynh nhớ ghé chơi - Nhưng thượng tướng chợt sững lại, vẻ buồn rầu - Quên mất một điều. Trong vòng hai tuần trăng nữa, triều đình sẽ đi hết vào Tây Đô. Riêng tôi, một tháng nữa đã phải đi. Tình hình gấp gáp lắm rồi, lão huynh biết không?
Hai người nắm tay nhau lắc lắc, gương mặt xốn xang. Hôm sau, thượng tướng gặp quan Thái bảo, Khát Chân nói:
- Quái lạ! Quý Ly vốn tính đa sát, xưa nay có bao giờ tha chết cho kẻ thù của mình đâu, nhất là khi kẻ ấy đả kích ông ta chính diện... Hay là... Ông ta chỉ tha chết cho những ai đổi hướng.
Nguyên Hàng ngẫm nghĩ:
- Con người ấy đầy mưu mô... Cũng có thể ông ta muốn gây lục đục trong phe đối lập... Thả một người ra, để đối phương nghi ngờ lẫn nhau.
- Dù sao cũng phải giữ ông Sử lại với mình... Sử Văn Hoa]à người có uy tín...
Nguyên Hàng im lặng hồi lâu, rồi gật gù.
- Tôi đã có cách.
Cũng thời gian ấy, thái sư nói với Nguyễn Cẩn:
- Phạm Sinh là người có tài - Anh ta có thể là danh hoạ. Không những vẽ giỏi, Phạm còn uyên bác. Chúng ta cần những người trẻ tuổi như vậy. Có bận ta đã ướm hỏi, nói xa xa với anh ta. Phạm bảo: “Thưa đất trời có bao giờ ngừng đắp đổi. Xưa nay, có cái gì vĩnh hằng đâu. Chuyển vần vốn là lẽ thường.” Mấy đêm liền, ta đều mơ

gặp phu nhân. Phu nhân khuyên ta liền dùng Phạm... Nhưng dùng như thế nào? Khoa thi còn lâu mới mở được... Và lòng ta vẫn như... e ngại.

- Bẩm, thái sư e ngại là phải. Sĩ tử đi thi, lai lịch rõ ràng... còn anh ta... quê quán ở đâu, con cái nhà ai... Có xã quan nào biết mà chứng nhận?

Nguyễn Cẩn sai người đi dò tìm gốc gác của Phạm.

Cuối cùng, Cẩn tâu với Quý Ly:

- Bẩm mẹ Phạm là tam bảo nô. Bà ta đã bị bệnh, chết rồi.

- Cha hắn là ai?

- Bẩm, bọn nô tỳ lấy nhau thường chẳng cưới cheo.

Thời gian qua, đánh nhau với quân Chiêm Thành liên miên, rồi lập đồn điền ở Hoá Châu, rồi hạn nô nữa, dân cư xáo trộn, biến động. Vả lại, số đàn ông ở thôn quê vợi đi phân nửa. Các nơi chỉ thấy nhan nhản toàn đàn bà con gái. Rất khó truy tìm tung tích người bố...

- Thầy học của hắn là ai?

- Bẩm, một ông sư già tu hạnh đầu đà, luôn đi du phương, nay đây, mai đó. Ông ta đã già lắm. Không chừng chết ở một xó nào rồi.

Quý Ly ngẫm nghĩ:

- Ngày xưa, Đoàn Như Hài là học trò đã đội biểu quỳ trước cung Trùng Hoa, xin đức thượng hoàng Trần Nhân Tôn tha lỗi cho Trần Anh Tôn. Như Hài không đi thi, cũng trở thành người tài của nhà Trần, Ngày nay, ta thấy Phạm Sinh cũng có cái phong thái của Như Hài... Nhà ngươi nghĩ thử xem có cách nào để ta khỏi mang tiếng bỏ phí người hiền...

Cẩn biết ý thái sư, suy ngẫm rồi nói:

- Bẩm, hạ quan đã nghĩ ra.

Hồ Quý Ly

Chương 6

Nguyễn Cẩn trở nên thân thiết với Phạm Sinh. Cẩn thường mang rượu đến ngôi chùa đổ, lúc ngắm hoa, lúc ngâm thơ cùng Phạm. Một đêm, hai người tay xách bình rượu đồ nhắm vai, mang ống sáo, xuống thuyền chơi tráng trên Đại Hồ. Ra khỏi vũng lau sậy, thấy mặt hồ bao la, lóng lánh sóng nước. Cẩn thổi sáo. Tiếng sáo buồn như ngọn gió hiu hiu lan toả khắp mọi nơi. Chợt khói sương từ hòn đảo bồng bềnh giữa hồ lẻn ra, lan toả, giăng mùng trước mắt. Chẳng biết đâu là trời, là nước. Hòn đảo mọc đầy lau lách trước mắt bỗng trở nên mờ ảo, khi ẩn khi hiện. Nhìn lên chẳng thấy bóng trăng, chỉ còn thấy màn sữa đục, loãng và xôm xốp. Tiếng sáo dứt. Vắng lạng mênh mông. Mấy con vạc, từ khu chùa đổ bay ra cánh đầm, thỉnh thoảng kêu lên vài tiếng buồn tênh. Một cô gái đánh cá đêm ở phía tít xa, hát lên một giọng ca chài không rõ tiếng, nhưng buồn não ruột. Trông khắp mọi nơi, chợt Phạm thấy trong lòng thổn thức. Bèn gõ khẽ mạn thuyền mà hát rằng:

Sương đêm tim tím,
Đáy nước trăng tà.
Hạc đêm cô quạnh
Góc trời ngân nga.

Gõ mạn thuyền bài hát “Chu trung thính vũ”
Vạn cổ sầu mỗi khúc mỗi tơ vương.
Thăm thẳm dòng xuân tràn khắp ngả,
Đòi đoạn tơ lòng,
Ròng ròng sương nhỏ.
Núi sông ơi! Mưa gió đến bao giờ
Nguyễn Cẩn rót một chén rượu, sung sướng mời Phạm:
- Thật không ngờ, huynh lại có tài ngẫu hứng nhả ngọc phun châu đến vậy. Chả trách...
- Quan huynh? ý quan huynh...?
- Chả trách đã lọt mắt xanh của... thái sư.
Phạm nói giọng tâm sự khéo léo:
- Từ thủa nhỏ kẻ học trò hèn này vốn thích câu ca... nét chữ... chỉ là những thứ tài mọn... Còn như huynh, cái tài giúp đời mới là điều hữu ích...
Mắt Cẩn chợt sáng lên. Giọng dần dần sôi nổi và sảng khoái:.
- Thái sư thật có con mắt tinh đời. Chỉ mới qua nét bút của huynh, người đã nhận ngay ra. Xin có lời mừng cho huynh. Giữa trần ai mà đoán mặt anh hùng; việc ấy thực là.. tài minh chủ. Nói thật lòng, lúc mới gặp huynh, nghe thái sư đoán nhận, ta vẫn có ý không phục, nhưng rồi gần huynh, ta mới hiểu.
- Minh chủ ư?
- Trong lúc như thế này... đất nước rất cần một minh chủ... Trong những năm qua... đã có bao nhiêu người... Và hiện nay... cũng có bao nhiêu người... Nhưng thử hỏi có ai xứng làm minh chủ.. kẻ sĩ... người có chí... cũng phải có con mắt tinh đời... để nhận ra đâu là chân, đâu là giả. Cái độc ác, cái khủng khiếp lắm khi chỉ là cái vỏ...

vờ vĩnh... để đằng sau nó ẩn nấp cái chân thiện, mà người đời, kẻ tầm thường không bao giờ nhìn thấy.
- Minh chủ? - Phạm bâng khuâng nghe giọng sôi nổi của Cẩn. Lạ thật Con người như anh ta cũng mang một cái vỏ che dấu ư? Hay ta cũng chỉ là kẻ ngốc nghếch. Có ai nghĩ rằng con người tưởng như chỉ là một kẻ tay sai xoàng xĩnh, một thứ thư lại, lại có những ý nghĩ như vậy. Cẩn không nhìn vào mặt Phạm. Đôi mắt anh nhìn ra mặt hồ bao la, sương khói mù mịt. Giọng anh như thể nói với chính bản thân:
- Minh chủ. Đó là điều quan hệ! Khách đa tình sẵn sàng vứt bỏ tất cả vì một hồng nhan tri kỷ. Người anh hùng sẵn sàng chết vì bạn tri âm. Kẻ sĩ sẵn sàng liều thân vì một minh chủ. Trên đời có mấy ai vừa đại trí... đại đức, lại có đôi mắt xanh?...
Rồi Cẩn đưa sáo lên môi thổi khúc Phượng hoàng mà Hồ Nguyên Trừng lúc say vẫn hát.
Phượng hoàng hề.
Phượng hoàng hề, bay vút trời cao...
Phượng hoàng hề, ngươi ở nơi nao
***
Thượng tướng Khát Chân, qua Phạm Tổ Thu, gửi đến Phạm Sinh những lời nhận xét về Nguyễn Cẩn:
- Một kẻ thông minh lanh lợi. Anh ta cuồng nhiệt vì ý tưởng Minh Đạo của Quý Ly. Nhiệt tình ấy, những người trung thần nào có thiếu. Cá đã cắn câu nhưng còn lượn lờ qua lại. Cần hết sức thận trọng với Cẩn. Sự thân mật của Cẩn với Phạm sau đêm bơi thuyền trên Đại Hồ, lại thêm phần gắn bó. Có lẽ Cẩn muốn tìm thấy ở Phạm Sinh một tri âm; Cẩn mang ngựa mời Sinh đến chơi nhà mình.

Nguyễn Cẩn dòng dõi Trâu Canh. Trâu Canh, thời vua trần Dụ Tôn, có công chữa bệnh liệt dương cho vua nên được vua yêu. Canh cậy thế làm càn nên phải tội may được tha chết. Trâu Canh có nhiều điều lạ. Đồn rằng: Trâu Canh cải sang họ Nguyễn, vì vậy con trai thành Nguyễn Điền, cháu nội thành Nguyễn Cẩn. Lời đồn đại về Trâu Canh có nhiều điều lạ. Đồn rằng: Trâu Canh bố là Trâu Tôn chết sớm. Ở với mẹ nghèo khó. Hàng ngày, Canh đi mò cua bắt ốc. Một hôm xuống nước, Canh bứt một sợi dây leo bên bờ ao buộc quanh bụng để treo cái rọ. Không ngờ, sau đó con chim của anh ta cứ cương cứng suốt ngày không chịu rũ xuống lúc nào. Hổ thẹn quá, Canh không dám lên bờ, suốt cả ngày ngâm mình dưới nước. Về sau, cởi chiếc giây leo ra, thấy yên ổn. Và Canh hiểu ra, sở dĩ con chim của anh cương cứng lên như vậy là do sợi dây leo. Nó là dây cường dương. Canh mang thứ giây leo ấy về vườn nhà mình và trở thành ông lang giỏi vô địch về chữa bệnh liệt dương. Chữa khỏi bệnh cho vua Dụ Tôn và nhiều vương gia nhà quyền quý khác trong triều đình. Cẩn biết Phạm cũng nghe được lời đồn như thế. Nguyễn Cẩn cười và giải thích cho Phạm về thân thế của mình:

- Cụ nội tôi, Trâu Tôn, là thầy thuốc đi theo quân đội nhà Nguyên, chữa thương cho binh lính. Quân Nguyên thua nhà Trần. Cụ Tôn ở lại Đại Việt, lấy vợ đẻ ra Trâu Canh. Cụ Canh mắc tội đi đầy, may được người con gái họ Nguyễn thương yêu cưu mang nên còn sống, cảm ơn cứu tử, cụ đổi họ Trâu sang họ Nguyễn. Cụ Trâu Tôn giỏi nghề mổ xẻ và có nhiều phương thuốc bí truyền nên mấy đời nay gia đình tôi nổi tiếng ở Thăng Long, nhất là cách chữa bệnh nhanh chóng và quyết liệt.

Phạm nói:

- Có lẽ cụ tổ gia đình huynh làm thày thuốc mổ xẻ nên đẻ ra cách trị bệnh quyết liệt như vậy.

Cả hai cùng cười.

Khu trang trại của gia đình Nguyễn Cẩn khá rộng rãi, đẹp đẽ, nằm cạnh Tây Hồ. Những thửa đất bên hồ trồng hoa, những chỗ xa hồ trồng nhãn. Con đường dẫn vào nhà tiền đường đi giữa vườn hoa muôn sắc hương đó Nguyễn Cẩn đưa bạn đến khu ở riêng của mình.

Phạm nói:

- Đệ muốn làm lễ ra mắt với cụ lang trước đã.

- Thân phụ tôi đang mắc việc bận.

Vợ Cẩn dẫn con ra chào khách. Phạm chợt nhận xét trong bụng: "Sao người đàn bà này buồn làm vậy. Rõ ràng chị ta tươi cười đón khách, nhưng vẻ mặt và đôi mắt mới u buồn làm sao?". Cẩn dẫn Phạm đi thăm các nơi.

Đặc biệt là khu trại voi. Khi Cẩn và Phạm đến nơi thì những người quản tượng đương cho một chục con voi tập. Những quản tượng mặc áo đỏ nẹp vàng cầm chiếc đòn và chiếc búa điều khiển ngồi trên đầu voi. Thấy Cẩn đến, người chánh quản hô chào. Những quản tượng gõ chiếc búa gỗ theo một nhịp nào đó lên đầu voi. Tức thì những con voi quỳ hai chân trước xuống. Sau đó họ cho voi tiến, lui, chạy rất quy củ.

Cẩn giải thích:

- Voi là một sức mạnh riêng của quân phương nam chúng ta. Phương bắc không có tượng binh. Vừa qua, đội tượng binh của chúng ta rất yếu. Tôi tuân lệnh thái sư củng cố đội voi trận. Tôi tìm hiểu kỹ chuyện này. Phải vào Hoan, ái tìm những quản tượng giỏi, hậu đãi họ, để họ chuyên luyện voi và dạy nghề quản tượng cho bọn

trai trẻ. Trước sau, ta cũng phải đối mặt với phương Bắc... Huynh đài có hiểu ý tôi không?

Lúc Cẩn mời Phạm đến nhà, Phạm chưa hiểu ý định của Cẩn, lúc này Phạm mới hơi vỡ lẽ một chút. Anh ta đã tin mình phần nào rồi đây. Nhưng tiếp theo...

Nguyễn Cẩn như cũng đoán được những ý nghĩ của Phạm, anh ta nói:

- Không hiểu sao mới gặp nhau, tôi đã rất tin tưởng ở huynh. Tôi nghĩ: đây là người bạn của ta...

Lời nói làm Phạm ngạc nhiên. Người làm những việc như Cẩn lại mong muốn một tình bạn ư? Hay là... hay là kìa sao gương mặt Cẩn lại rất thành thật? Một lời tâm sự, hay những trá nguỵ? Cũng có thể lắm chứ? ở tít cạnh một ngôi cao... mở mắt ra... chạm tay về tứ phía... lúc nào, chỗ nào cũng lúc nhúc những cạm bẫy và âm mưu. Sống như thế, chắc hẳn phải thấy cô đơn. Anh ta muốn một tình bạn là phải.

Cẩn vẫn tiếp tục:

- Cả huynh nữa, rồi thì... rốt cuộc... huynh cũng sẽ thèm một một người bạn, khi huynh hoàn toàn là người của thái sư... Tôi sẽ dần dần chỉ cho hết, nói cho huynh hết. Trại voi này chỉ là một điều quan trọng, còn nhiều điều khác quan trọng hơn. Hôm nay, chính hôm nay, huynh sẽ biết thêm một điều nữa... một điều cực kỳ bí mật... mà sẽ chẳng ai ngoài huynh được biết.

Về đến nhà, người đàn bà có gương mặt buồn, vợ Cẩn, chạy ra nói:

- Tôi đã chuẩn bị cơm rượu sắp xong. Mời bác và chàng vào nghỉ ngơi, rửa mặt.

Cẩn quay sang Phạm nói:

- Lúc này, cha tôi đã về rồi. Để tôi dẫn huynh sang chào cụ.
Nguyễn Điền, tức Trâu Điền, trạc sáu mươi tuổi, để râu dài, nét mặt quắc thước, đang ngồi trên chiếc tràng kỷ khảm trai. Sau khi chào hỏi, ông Điền đưa ra một câu nói làm Phạm Sinh ngỡ ngàng sửng sốt.
- Có phải đây là vị khách con mời đến để coi thăm “tịnh thân đường” của chúng ta không?
Cẩn trả lời:
- Phạm huynh là người bạn con mới gặp.
Phạm Sinh vẫn chưa hết sửng sốt, anh hỏi ông già:
- Thưa bác, “tình thân đường” có phải... nghĩa là..
Giọng ông già bình thản giải thích:
- Vâng, đúng nghĩa chữ “tình thân” đấy... Làm cho thân ta trở nên chay tịnh... hết những hệ luỵ dày vò. Con người sẽ tập trung được tinh thần vào những việc mà ta ao ước... những việc có thể lưu danh với đời.
Phạm Sinh càng ngạc nhiên hơn khi ông già tiếp:
- Việc “tình thân” là một công việc khó khăn, hệ trọng. Sinh mạng con người đặt vào hai bàn tay này. Có phải như chuyện thiến một con gà đâu? Con người ta phức tạp hơn nhiều. Phải làm thế nào để ít chảy máu. Phải làm thế nào để cho tuyệt nọc. Làm một lần là xong.. sạch sẽ... phải làm thế nào cho thật nhanh và chính xác. Rồi trước khi tịnh thân, sau khi tịnh thân, phải kiêng cữ ra sao? Nhưng, ông tổ tôi đã làm công việc y đức này... Việc bí truyền trong dòng họ... Hầu như chẳng bao giờ sai sẩy... Như hôm nay, tôi vừa tịnh thân cho ba người xong. Ba chàng trai dành cho việc triều cống nhà Minh vào cuối năm nay. Bên Bắc họ kỹ càng lắm. Quan tổng quản thái giám

bên ấy cũng biết tiếng gia đình tôi. Ông ta biên thư sang: yêu cầu triều đình ta phải để do chính tay tôi làm...
Ông già nói giọng sang sảng, nhưng vừa tiến hành xong mấy trường hợp phẫu thuật, nên không dấu được vẻ mệt mỏi trên gương mặt.
Cẩn và Sinh vội cáo từ, lui về, cho ông già nghỉ ngơi.
Phạm Sinh trở nên ngơ ngác, suy nghĩ câu chuyện này có ý nghĩa gì? Phạm đang đi vào một mảnh đất đầy bí ẩn. Nguyễn Cẩn hay thái sư định trao cho ta làm một việc gì đây? Sao Cẩn lại hé lộ cho ta thấy những điều mà người ta không nên để mắt tới? Phải chăng đây là điều bí mật mà lúc thăm trại voi anh ta đã đả động tới? Cẩn dẫn Phạm đi qua một vườn cây, trông thấy một dãy nhà bên hồ và nói:
"Tịnh thân đường" của cha tôi đấy. Nhà Minh, đầu năm nay, yêu cầu Đại Việt phải nộp cống hai chục đồng nam, để làm hoạn quan. Tuổi từ mười, đến mười lăm, mười sáu. Khôi ngô tuấn tú, thông minh, biết chữ. Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương là người đa nghi. Ông giết hại công thần, không cho hoạn quan tham dự triều chính. Ông sợ nạn hoạn quan nhưng không thể thiếu hoạn quan. Vì thế cả ông khi còn sống và con ông lúc nối ngôi đều tăng cường dùng hoạn quan người nước ngoài. Dùng cách này có nhiều cái lợi... Trong những điều lợi ấy, nhà Minh có thể mua chuộc, dùng hoạn quan và người nhà của họ làm gián điệp dò xét đất nước ta.
- Đã có dấu hiệu đó?
- Đã có nhiều chuyện rõ ràng về việc dụng gián của họ.
- Tại sao ta không lợi dụng lại đưa người của ta sang...
Nguyễn Cẩn gật đầu:
- ý của huynh thật đúng với ý thái sư.
Hai người đến bên bờ rào khu "nhà thiến" đã được mang cái tên mỹ

miều: “Tịnh thân đường”. Những chuyện vừa xảy ra kích thích trí tò mò của Phạm đến cao độ. Nhưng Cẩn không đưa bạn vào đó, anh ta chỉ đứng bên ngoài để giới thiệu:

Người được tịnh thân phải hoàn toàn tự nguyện. Ký giao kèo cam kết bằng lòng, gia đình được trả một món tiền lớn. Ba ngày đầu tiên, họ được nhốt trong căn nhà thứ nhất; mỗi người một phòng riêng, kín gió. Ba ngày đó kiêng ăn uống mọi thứ để sau đó không đại tiểu tiện. Sáng hôm thứ tư, người tịnh thân được uống một thứ rượu thật nặng, uống cho đến say mềm, mê man bất tỉnh. Tiếp đó, đưa họ sang căn nhà thứ hai. Nơi đây chính là y đường, nơi tiến hành việc cắt bỏ. Chỗ sẽ cắt phải tẩm dầu tê. Dao thật sắc, cắt một nhát là xong tất cả cụm, không bỏ sót một tí gì. Cái khó là chọn đúng chỗ. Cắt chệch chỗ có thể chết. Người tịnh thân nằm trên bàn, cái bàn đặt trên một hố vôi bột. Sau khi cắt, họ được đưa sang ngôi nhà thứ ba, ngôi nhà dưới gốc cây mát rượi. Chung quanh bao bọc những vườn hoa. Người tịnh thân xong, nhịn ăn thêm ba ngày, và ở trong nhà kín, kiêng gió nửa tháng...

Nghe Cẩn say sưa nói, một thoáng nghĩ chua chát chợt len lỏi vào trong tâm tưởng Phạm Sinh. Từ trước đến nay, Phạm cứ tưởng mình đã bày đặt sắp xếp cho mọi việc phải xảy ra theo ý riêng mình, hoá ra lại là bị xỏ mũi. Tưởng chủ động hoá ra bị động. Hai người quay trở về lúc trời đã xế chiều. Người đàn bà có gương mặt buồn đã sắp sẵn cơm rượu. Phạm cáo từ định ra về, nhưng Cẩn cố giữ lại. Đêm nay, huynh phải ở lại. Chúng ta sẽ hàn huyên cho thoả thích. Huynh đã cho tôi bơi thuyền ngắm tràng trên Đại Hồ. Còn tôi, đêm nay sẽ đãi huynh một bữa tiệc trăng thâu đêm suốt sáng trên Tây Hồ. Nguyễn Cẩn sai gia nhân chuẩn bị một con thuyền nửa có mui, sắp

sẵn đủ cả chăn màn, đồ nhạc khí, rượu ngon và thức nhắm. Chờ trăng lên mới cho thuyền rời bến.

Lũ gia nhân đẩy mái chèo ra đến giữa hồ, cắm sào, neo thuyền, rồi sang thuyền khác bơi tản vào sương mù, chỉ còn để lại hai người giữa mênh mông sóng nước. Chiếc đèn lồng buộc trên cọc thuyền cao thấp lên, ánh vàng lan toả vào sương đêm, làm cho không gian quanh vùng hồng hồng sắc đỏ, nhưng đưa mắt nhìn đến cuối trời thì lại chỉ thấy một mầu tím ngắt. Phạm Sinh thở dài. Nguyễn Cẩn vội thả đèn xuống, tắt đi, rồi nói:

- Đã lâu lắm tôi chẳng bơi thuyền. Ngày trước hai hoàng thân Nguyên Dận và Nguyên Uyên vẫn thuê thuyền để chơi bời hát xướng trên hồ. Lúc đó, thuyền này chứa được chục người. Đèn lồng treo quanh thuyền toả ánh xanh đỏ xuống mặt nước. Rồi kỹ nữ đàn ca thâu đêm... Rộn ràng, đẹp đẽ như cảnh tiên. Về sau Dận và Uyên, lúc Nghệ Hoàng mất, có ý phản nghịch, bị thái sư xử tội chết. Từ đó, Tây Hồ hết cảnh náo nhiệt. Bọn gia nhân tưởng tôi và huynh cũng như Dận và Uyên khi xưa nên đã thắp đèn lồng... nhưng chỉ thắp thử một chiếc thôi.

Phạm cười vang mặt nước.

- Hoá ra họ có ý thăm dò... tưởng tôi là một công tử, biết đâu rằng chỉ là anh học trò kiết.

Hai người ra đứng ở đầu thuyền, ngắm nhìn đêm Tây Hồ. Trăng lu. Cả một bầu trời pha sữa loãng. Không có gió, chỉ có sương giăng mù mịt và một không gian tịch mịch, vắng cả tiếng chim đêm.Thỉnh thoảng, sương lại vén màn, để mắt ta thoáng nhìn thấy những ngọn đèn chài ở tít xa xa, như những đốm lửa ma trơi lúc phồng to bằng quả bưởi, lúc xẹp nhỏ chỉ như hạt đậu rồi thoắt một cái đã biến mất,

chỉ còn để lại dấu tích của chúng ở những tiếng thanh tre gõ cá lách cách vang lên, nhưng rồi cuối cùng cũng mơ hồ, mất tích trong tịch mịch.

Hai người uống rượu, ngâm thơ, đàn hát, lấy làm thoả thích. Nguyễn Cẩn, nhân chén rượu cao hứng, tay đánh đàn miệng hát. Đầu tiên hát bài “Trăng có tự bao giờ?” rồi sang điệu “Hoa say” cuối cùng lại trở về “khúc Phượng Hoàng”.

Phượng hoàng hề

Phượng hoàng hề bay vút trời cao..

Đến bài này, cao hứng đã đến tột độ, giọng chàng cảm khái, vang vang trong đêm, hoà cùng tiếng sóng oàm oạp vỗ thuyền. Nghe hát xong, Phạm gật đầu:

- Thật bi tráng, nhưng phảng phất chút buồn.

Cẩn gật đầu với sự tri âm... chàng lặng lẽ ngồi xuống uống luôn ba chén rượu. Câu chuyện dần dần đi vào tâm sự.

- Người ta sinh ra ở trên đời không gì bằng thoả chí bình sinh...

- Thế nào là thoả chí?

- Thứ nhất: có một người bạn tri âm, đêm xuống thả thuyền mặc trôi trên sông. nghêu ngao hát khúc “Chu trung thính vũ” chẳng là thoả thích hay sao?

Hai người cười to, chúc nhau cùng uống.

- Thứ nhì: có một tấm hồng nhan, vừa là người đẹp, vừa là bạn tri kỷ, lúc sênh sang thì cùng lên xe xuống ngựa, lúc thất thế sa cơ thì rau cháo không lìa, há chẳng phỉ chí ở đời lắm sao?

- Còn thứ ba?

- Thứ ba là rồng mây gặp hội. Kẻ sĩ chỉ là những đám mây trôi nổi trên trời... may ra chỉ hoá thành một cơn mưa, một bóng râm che mát

cho đời chốc lát. Mây phải gặp rồng. Có rồng thì mây mới trở thành vần vũ, mới tạo thành chớp giật sấm ran, mới có thể đổi thay thiên hạ, mới có được cái cao vọng nhất trụ kình thiên (trụ chống trời) thay sông đổi núi... Làm cho thiên hạ thành đời Nghiêu Thuần... thái bình.
Phạm Sinh cầm bầu rượu lên tu một hơi dài, chàng không rót ra chén nữa. Và chàng bâng quơ hỏi:
- Nghĩa là phải có biệt nhãn, phải biết nhận ra rồng.
- Phải. đúng là biệt nhãn. Mây phải có biệt nhãn để tìm rồng... mà rồng phải có biệt nhãn để nhận mây. Trên đời mấy ai được phú cho biệt nhãn?
Đến lúc này, họ đã uống tràn cung mây. Họ luân phiên nhau nói, những tiếng nói có lúc là tự nhủ với mình, có lúc lại là lời tâm sự.
- Thật thoả chí bình sinh khi rồng gặp mây. Nhưng đã bao giờ huynh gặp tiên chưa? Tôi nghe nói ở Tây Hồ có vị thuỷ tiên trú ngụ... đêm đêm lúc hoá thành cô gái hái sen, người nức hương, vừa bơi thuyền vừa hát, tiếng hát làm ngát cả một góc trời, có lúc lại biến thành một ông già râu tóc bạc phơ, thổi tiếng tiêu buồn vào đêm tĩnh lặng, ru êm cơ cực trần gian... Như thế cũng chẳng thoả chí lắm sao?
- Con rồng ẩn nay đã hiện hình...
- Tôi hiểu, tôi hiểu ý huynh muốn nói gì...
- Còn chần chờ gì nữa... Thái sư đã nhìn ra tài của huynh.
Cuộc chuyện trò đã quay về đời thực. Cái thực khủng khiếp may nhờ đêm trăng ấp sương, nhờ những hồ lô rượu mịt mù, đã làm giảm bớt sự thô kệch, mài nhẵn những góc cạnh gồ ghề của nó. Chẳng nhớ được rượu nói hay là ai nói nữa?
- Huynh có biết tại sao chúng ta lại uống rượu đêm nay ở một nơi chỉ có trời nước mênh mông và riêng hai chúng ta không?

- Là bởi bài " Chu trung thính vũ" của tôi hôm xưa. Nó cũng là một câu tâm sự.
- Để tôi kể cho huynh nghe một câu chuyện ngày xưa của nước ta. Ở phường Thái Hoà, bên Hồ Tây, khoảng chỗ kia kìa... thời vua Lý Thánh Tông có một kẻ sĩ tên là Lý Tuấn. Anh ta, ngày học võ, đêm học văn, trở thành người văn võ kiêm toàn, nức tiếng Thăng Long. Tuấn lại có gương mặt khả ái, được bổ vào ngạch thị vệ hầu vua. Lý Thánh Tông rất yêu mới bảo: "Nhà ngươi mặt mày đẹp đẽ, lại có tài, ta muốn hậu dụng. nhược một nỗi không trong hoàng tộc, khó có chức cao. Nếu người bằng lòng "tịnh thân" ta sẽ phong cho chức Hoàng môn chỉ hậu, ngày đêm ở bên ta làm người tâm phúc". Lúc ấy, Lý Tuấn mới 23 tuổi, mới có vợ, nhưng vì là người có chí lớn, nên bái tạ ơn vua, nhận ba vạn quan tiền, rồi tự hoạn... Ông đã lập bao chiến công hiển hách phá Tống, bình Chiêm, lưu danh trong sử sách đến muôn đời...
- Vâng, Lý Tuấn tức vị đại anh hùng Lý Thường Kiệt...
- Kẻ được người tri âm, nhất là khi người tri âm ấy lại là một đấng minh chủ thì thân ta phỏng có sá gì. Ôi! Đại nghĩa? Vì đại nghĩa, vì người tri kỷ mà Dự Nhượng nuốt than... Này, huynh có để ý đến gương mặt người vợ hiền của tôi không?
- Một gương mặt buồn đến tan nát...
- Thế đấy tôi đâu dám sánh với người xưa... Nhưng một bận thái sư gặp tôi, người bảo: "Ngươi là kẻ có tài, ta rất yêu...". Còn tôi, tôi đã đọc sách Minh Đạo và phải nói, tôi đã tôn sùng thái sư. Và để tỏ rõ lòng sùng kính, sự tri âm của mình... Tôi đã... tự... tôi... đã để lại một vết thương không chữa nổi trong lòng. trên gương mặt vợ tôi.
- Huynh đã...?

- Vâng... tôi đã làm như vậy...
- Cha huynh có bằng lòng không?
- Cha tôi bảo: “Anh đã có con trai, đã có người nối dõi. Còn chí trai... tuỳ anh quyết định. Ở đời, chẳng có việc lớn nào lại dễ dàng... Làm việc lớn, thân mình có thể tiếc được chăng?...
- Chí lớn! Ha ha... Chí lớn!
Phạm nâng hồ lô rượu lên uống một hơi dài và cười sằng sặc.
- Lý Thường Kiệt đấy? Tư Mã Thiên đấy? Toàn những con người bị thiến hoạn. Ngay cả như huynh... nếu huynh muốn được trọng dụng, cũng không thoát khỏi các thông lệ đó đâu. Ở cạnh một con người kiệt xuất, nếu ta không phải là kẻ bị hoạn hỏi có ai tin? Mà người ta cũng lo liệu cho thấu tình đạt lý... ví dụ huynh sẽ có ba vạn quan tiền... Huynh sẽ mua năm người thiếp... và chờ cho đến khi những người đàn bà ấy đã mang thai... lúc dó.. lúc đó.. sẽ là...
- Ha ha. ta sẽ có năm người thiếp... sẽ có năm đứa con, sẽ là anh quan thị... sẽ thực hành chí lớn...
Phạm và Cẩn uống cho đến li bì quay cuồng trời đất. Họ đếm sao, đếm trăng, nhìn thấy một trăm ông trăng chìm đáy nước. Họ cúi đầu qua mạn thuyền rồi nôn mửa cả vào mặt nước, cả vào những mặt trăng... những mặt trăng vàng úa như những kẻ mác chứng hoàng đản...

Hồ Quý Ly

Chương 7

Sáng hôm sau, lúc tỉnh dậy. Phạm ngạc nhiên thấy mình đang nằm trong một phòng ngủ ở trang trại của họ Nguyễn. Người gia nhân vào báo Nguyễn Cẩn có việc gấp phải đến cung Hoạ Lư từ sớm. Trên bàn có một lá thư Cẩn để lại.

Phạm huynh nhã giám.

Đêm hôm qua, đệ đã rút hết tâm can phơi bày cùng huynh. Những lời đề nghị là những lờ tâm huyết, mong huynh suy nghĩ. Rất mong sớm nhận được phúc đáp, trao cho rồng mây gặp hội. Rồng mây gặp hội.

Câu nói đó bỗng làm thức dậy toàn bộ diễn biến của bữa tiệc trăng trên mặt hồ Tây đêm qua. Rồng mây gặp hội! Thế là chuyện thật chứ không phải một giấc mơ, hoặc những lời của rượu. Như vậy, mục đích Nguyễn Cẩn mời ta đến "Tịnh thân đường" nay đã rõ ràng. Hay thật? Để trở thành một người tâm phúc ngày đêm bên cạnh Hồ Quý Ly, ta sẽ phải... tự huỷ hoại thân mình...

Thế là... như kẻ bị ma đuổi, Phạm Sinh tức tốc trở về ngôi chùa đổ. Chàng bồn chồn. ngồi đứng chẳng yên.

Chợt thấy chẳng muốn gặp ai lúc này. Phạm ra bờ hồ, ngồi lên con thuyền nhỏ, bơi thăng ra hòn lau, hòn đảo hoang; ngay thẳng chùa

nhìn ra thấy nó nằm dài như một người ngủ mơ trên mặt nước.
Có lẽ từ hàng ngàn vạn năm xưa nơi đây có một dòng sông chảy qua, rồi trải nhiều cuộc dâu bể, đã trở thành hồ nước; còn cái bãi nổi trên sông nay đã trở thành một hòn đảo hoang đầy lau lách, làm nơi trú ngụ cho lũ chồn cáo và nơi trốn lủi cho đám dân manh lệ, sa cơ lỡ bước...
Phạm Sinh cắm sào, lên bờ. Những bãi đất gần mép nước là những nương ngô, còn ở sâu bên trong toàn cây hoang và lau sậy. Trước đây, có mấy lần Phạm đã đi cùng cô Hạnh và bà Sử ra vỡ đất. Anh còn nhớ nương ngô của Hạnh. Ngô xuân mới nhú như tấm thảm mượt. Phạm theo ruộng ngô đi đến túp lều trú nắng mưa. Ở đây có nhiều lều. Người ta chỉ cần dọn một vạt đất nhỏ bằng chiếc chiếu, rồi vít những cây lau chung quanh, buộc túm đầu lại là đã có một cái túp chống nàng. Cẩn thận hơn nữa đánh một chiếc tranh mềm và dài, rồi che vòng quanh trên cao, kiểu như mặc áo tơi, là chiếc túp lại có thể chống mưa.
Cái lều nhà Hạnh, do tay Phạm làm. Anh làm cẩn thận hơn. Phạm kiếm những cây lau, cây sậy già, rót hết lá, rồi cũng buộc túm đầu lại, chân choãi ra, nhưng chung quanh Phạm ken dầy, và đều đạn tạo thành một cái vách tròn kín mít. Sau đó, anh đan gianh, lợp như lợp nhà. Phạm nhớ hôm ấy làm xong, cô Hạnh cứ chui ra chui vào như đứa trẻ thơ, mắt long lanh, miệng cười: Huynh là học trò mà khéo tay thế.
Hạnh kiếm một số bông lau buộc lại như bó hoa, cắm trên đỉnh; chiếc lều càng thêm đẹp.
Lúc Phạm ra hồ lấy thuyền, cái dáng vẻ bồn chồn của anh, từ lúc về, không thoát khỏi con mắt tinh tường của Hạnh. Cô nói với cha

chuyện đó. Hôm sau, ông già Sử sai cô chở mình ra đảo lau tìm Phạm. Anh đang nằm co ro trong ổ rơm suy ngẫm. Thấy ông già Sử, anh vội ngồi dậy chào. Sử Văn Hoa bảo:
- Anh mới ra đây một ngày, đã có bao nhiêu người đi tìm. Đêm qua, Tổ Thu và Ngưu Tất hỏi. Biết anh ở ngoài đảo nhưng tôi không nói. Sáng nay lại đến lượt Nguyễn Cẩn. Tôi nghĩ: chắc là có chuyện.
Phạm và ông già Sử, trở thành đôi bạn vong niên từ lúc mới gặp nhau. Khí chất, sự từng trải, nỗi ưu tư của ông già, làm cho anh tin tưởng. Anh chẳng nói nhưng ông Sử hầu như đã hiểu mọi tâm sự của anh. Hôm nay, ông kể cho Phạm một câu chuyện về Nguyễn Cẩn: Cẩn là người thông minh, học giỏi có tiếng ở Thăng Long so với những người đồng trang lứa. Anh ta có người anh song sinh tên Nguyễn Trọng. Cẩn thư sinh còn Trọng quắc thước. Cẩn giỏi văn, còn Trọng giỏi võ. Bộ đôi song sinh này quấn quýt với nhau lắm. Họ đầy triển vọng. Nhưng về sau, Trọng có hiềm khích với con trai một vị vương nhà Trần. Sự hiềm khích chuyển thành xung đột. Trọng giỏi võ, nhưng cậu công tử họ Trần lại đông tay chân. Một lần, bọn nô tì nhà công tử họ Trần vây đánh Trọng một trận nên thân. Họ đánh đòn hiểm. Trọng bị nội thương thổ huyết; mặc dù ông Nguyễn Điền là thầy thuốc giỏi cũng không cứu nổi mạng con trai. Từ khi Trọng chết, Cẩn mắc bệnh trầm tư Hồi về sau. Cẩn luôn luôn nghe thấy một tiếng nói trong đầu. Ông Điền không giỏi về chữa chứng cuồng phải nhờ tay ông lang Phạm, ông ngoại Nguyên Trừng. Hôm Cẩn đến xin thăm bệnh có mặt cả ông Sử vì cụ lang và ông Sử vốn là bạn thân Cụ lang bảo: Công tử phải kể chi tiết cho tôi. Ai nói trong đầu? Nói những gì? Nói vào lúc nào? Công tử đừng ngại... Tôi vốn là người kín đáo.. Vả lại, nếu không rõ... sẽ khó cho việc chữa trị.

Công tử Cẩn ngẫm nghĩ hồi lâu rồi trả lời:
- Cháu chẳng bao giờ nói với ai kể cả thân phụ cháu... sợ những ngộ nhận nhưng thực ra đó là những lời của đức Phật.
- Công tử nghe Phật nói... Nhưng tại sao lại biết chính là đức Phật?
- Dạ, từ khi anh Trọng cháu mất, hằng đêm cháu vẫn đến thắp hương trước điện thờ Phật cầu cho vong linh anh ấy... Rồi sự khẩn cầu được linh nghiệm... Cứ mối tối, đến trước bàn thờ Phật, là tiếng nói của Người bỗng đột hiện trong đầu óc. Tiếng nói hiền từ... Người khuyên nhủ nên viết ra những điều mà thâm tâm tôi hằng suy nghĩ... Viết ra mới nhẹ người.
- Công tử đã viết chưa?
- Dạ đã viết... Đó là bản: “Nhật tân thập nhị sách”
- Nhật Tân... à, tôi hiểu... tôi hiểu... sau đó ra sao?
- Sau đó thấy bệnh đỡ hẳn nửa phần... Còn bây giờ đức Phật lại khuyên cháu... “Đã đi, phải đi hết con đường của mình. Sứ mạng của con rất nặng nề”.
- Sứ mạng ấy là gì?
- Điều này cháu không thể nói với cụ được... Và chính nó đã làm cháu suy nghĩ ngày đêm... Nên hay không nên...
- Việc này... tự công tử phải suy ngẫm... Nhưng tôi chỉ khuyên một điều... Sức người có hạn... Vả lại... cuộc đời vốn có con đường đi theo cái lý của nó... Không vội được! Vội vã sẽ bất cập. Công tử đọc sách phật có để ý đến thuyết “tuỳ duyên” của Trúc Lâm bồ tát chưa? Người đại trí trông cứ tưởng như người ngu... Đói thì ăn, mệt thì nghỉ... Duyên đến đâu. Làm đến đó... Có thể cả đời ta không gặp cái duyên ấy, nhưng sẽ có người khác gặp được, họ sẽ làm thay ta... Còn nếu ta gặp, thì cứ làm... không làm không đặng... Làm xong rũ

áo bỏ đi. Cuộc đời thản nhiên. nhi nhiên. Cứ như thế... Đừng quá sức lội ngược... Đừng một mình làm cây trụ chống trời... Bệnh của công tử do suy nghĩ thái quá. Tôi sẽ cắt thuốc điều hoà cho... Nhưng điều chính, công tử phải tự mình giải quyết lấy.

Ít lâu sau, thấy Nguyễn Cẩn khỏi bệnh, và làm người tâm phúc của thái sư. Nghe đến đây, Phạm nói:

- Cháu đã hiểu đoạn sau câu chuyện... Việc này chắc chỉ có mình cháu biết, Nguyễn Cẩn đã đã tự tịnh thân.

- Tự cắt bỏ... mình đi.

- Vâng! Để chiếm được sự tin cậy tuyệt đối của thái sư.

- Và và anh ta đã khuyên cháu.

- Vâng Cẩn đã khuyên cháu.

Ông già viết sử ngậm ngùi:

- Cái giá phải trả đấy? Ta cứ ngẫm nghĩ mãi về cái tâm bệnh của Cẩn. Tiếng nói trong đầu ư? Lời của Phật ư? Chẳng qua cũng vẫn chỉ là giấc mơ cuồng. Nó không phát ra thành hình, thành tượng, trong phút mơ màng. thì phải biết thành lời nói vang vang, nhỏ to trong đầu óc.

Ông già Sử suy ngẫm một lúc lâu rồi chợt nói:

- Đáng lẽ ta cũng chẳng nói ra một chuyện về ta. Nhưng chắc nó sẽ có ích cho cháu... Cháu có biết cách đây ít bữa, một đêm Ngưu Tất chèo thuyền đưa ta đến gặp quan thượng tướng và quan Thái bảo không?

- Cháu có biết.

- Họ định nhờ ta làm cho một việc. Một việc mà Trần Khát Chân bảo hợp với khả năng của ta, mà một kẻ sĩ trung hiếu như ta phải làm lúc này. Ta nhớ hôm ấy, thượng tướng đãi ta rượu “Thập niên cổ mai”,

thứ rượu hiếm, không phải lúc nào cũng dám đem ra mời khách. Uống thứ rượu ấy, ta biết có việc quan trọng. Thượng tướng ân cần nắm lấy tay ta: “Đoàn Xuân Lôi đã viết Phi Minh Đạo. Trần Thiêm Bình đã viết Cáo Nạn Biểu, khóc dưới cung khuyết nhà Minh. Và chính ông cũng đã viết Minh Đạo luận để vạch trần tội ác của Quý Ly. Những bài văn ấy xúc động và thức tỉnh lòng người. Nhưng theo ý chúng tôi như thế chưa đủ. Phải viết cả một cuốn sách, vạch ra đủ mọi tội ác, từ cuộc sống tư riêng đến việc triều chính. Phải làm sao biến tên ông ta thành một vết nhơ trong sử sách. Hiện nay cũng có lợi cho chúng ta, sau này cũng có lợi... Ví dụ việc ông ta đầu độc bà công chúa Huy Ninh... Việc ông ta có con riêng với lũ kỹ nữ... Việc ông ta nhục mạ ông lang già, ông bố vợ, làm ông này phẫn chí lên núi Yên Tử đi tu... Việc viết quyển Minh Đạo là một sự nhận vơ... Chính Nguyễn Cẩn đã viết ra cuốn sách đó...”. Ta càng nghe nói càng ngạc nhiên, bởi vì các chuyện đó đều không có. Ta bèn nói: “Việc viết sách là việc tâm huyết của kẻ sĩ. Phải điều tra cho tận tường. Không có thật thì không thể nói. Bởi vì nói vu cáo, kẻ bị hại sẽ không hề gì, mà chính vết nhơ sẽ in lên mặt kẻ sĩ cầm bút”. Trần Khát Chân bảo ta: “Ông không nên câu nệ. Để tỏ rõ lòng trung hiếu, để tiêu diệt kẻ thù, thì ta có quyền làm tất cả, ngay cả dựng nên sự việc...”.

- Chắc bác không viết cuốn sách đó - Phạm Sinh hỏi, song ông già Sử không nói vào việc đó. Giọng ông lúc này chợt buồn bã:

- Thế đấy! Thời nay sao đẻ ra làm kẻ cuồng. Nguyễn Cẩn là một kẻ cuồng tín. Đến cả Khát Chân cũng chẳng ra ngoài một chữ cuồng. Họ đinh ninh với một ý tưởng, rồ dại vì suy nghĩ của mình, không từ một thủ đoạn nào, không dung tha cho một ai trái ý... Có đúng

không? Có đáng hy sinh cho những điều như vậy không? Ai cũng rồ dại vì những câu nói khoa trương.
Họ có hiểu đâu được hồn nước mới là điều chính yếu.
Chẳng ai thông minh hơn được hồn của núi sông mình. Ai đúng, ai sai? Khát Chân hay Quý Ly? Vả lại đường đi của hồn núi sông thật là ngoắt ngoéo. Đánh giá thành ư? bại ư? Có khi bại mà mấy trăm năm sau lại là thành. Có khi người đời chỉ vì mê muội mà kéo ánh sáng trở về bóng tối. Sự mơ màng lòe loẹt làm chậm bước chân của hồn núi hồn sông?
Những câu nói của Sử Văn Hoa làm Phạm thấy mình dần dần tỉnh lại. Ông già sau khi nói một hồi dài, cũng thấy như mình được vơi nhẹ nỗi lòng. Cả hai người trở nên ít nói hẳn đi. Ông Sử lấy ra bình rượu mà ông đã mang sẵn bên người. Một già một trẻ nhâm nhi lặng lẽ. Cuối cùng, ông già Sử nói: - Ta đã bị Quý Ly hành hạ nhiều. Nhưng lúc này còn quá sớm để khen chê ông ta. Chỉ biết rằng đất nước mình đang cần lột xác Quý Ly là một người đầy táo bạo. Một kẻ cướp phải có gan: trên đầu nào biết có ai. Ông ta là một con người dám “trên đầu chẳng có ai”. Ta không thích ông ta, nhưng cũng không viết cuốn sách mà thượng tướng đã giao cho. Còn cháu, ta quý cháu như con trai. Nếu cháu thấy lời ta là phải... thì cái Hạnh đấy, ta biết các con thương yêu nhau. Các con hãy mang nhau đi... Đi đi, đi thật xa, đến nơi thôn ổ nghèo nàn không bon chen mà ở... Chốn náo nhiệt này không phải là chỗ của các con đâu.
Ông già lấy một cuốn sách. trao cho Phạm:
- Đây là cuốn Trần Sử bác mới phác thảo và chưa hoàn thành. Ta già rồi, vả lại trước mắt có nhiều bất trắc, con hãy mang nó đi và viết tiếp rồi hoàn chỉnh lại nó... Việc này có lẽ là cái duyên nợ cháu phải

làm, nó hợp với cháu hơn.
Qua lời ông già. Phạm cảm nhận cứ như một cuộc chia tay. Anh bùi ngùi hỏi:
- Tại sao bác lại nói tới chữ bất trắc?
- Bởi vì... bởi vì.. à quên chưa nói với cháu một điều. Chuyện dạo xưa cháu vẽ chậu hoa cúc, lại nói theo ý bài thơ Cúc của Hoàng Sào. Hoàng Sào là giặc, tại sao cháu có cảm tình với Hoàng Sào? Quan thượng tướng để ý và cho người đi dò la. Cuối cùng, họ đã biết cháu là con trai của Phạm Sư Ôn năm xưa đã chiếm Thăng Long ba ngày, Cháu là kẻ thù của Quý Ly, nhưng cũng là kẻ thù của nhà Trần... Cháu đã hiểu ý bác chưa?
Đến lúc này, Phạm Sinh đã hoàn toàn tỉnh mộng. Anh muốn cả gia đình nhà Hạnh cùng đi với anh. Nhưng ông Sử cho rằng đi bốn người líu ríu rất dễ gặp nguy hiểm. Trong lúc đó cả Nguyễn Cẩn, cả Tổ Thu Ngưu Tất đều đang rất muốn tìm anh.
***
Phạm Sinh và Thị Hạnh nghe lời cụ Sử Văn Hoa, ngay đêm ấy, bơi thuyền rời khỏi Đại Hồ, đi về phía nam Thăng Long ở nhờ một nhà quen cách kinh đô chừng vài mươi dặm. Cụ Sử hẹn mấy hôm sau cả nhà sẽ đoàn tụ. Nhưng đã mười hôm rồi mà vẫn chưa thấy bóng dáng cụ Sử ông và cụ Sử bà. Hai người lòng nóng như lửa đốt. Không chịu nổi nữa. Phạm Sinh định giả trang trở về Thăng Long nghe ngóng tin tức.
Phạm mới rời chỗ ở một quãng đường, đến một cái chợ, may mắn gặp người quen. Anh ta là một nô tì được giải phóng, không có việc làm, phải lên Thăng Long làm nghề gánh thuê, thỉnh thoảng vẫn đến ngủ đô ở ngôi chùa đổ. Gặp Phạm, anh ta kéo ngay ra chỗ vắng báo

tin:

- Huynh chớ có về Thăng Long. Người ta đang vẽ hình truy nã huynh. Giấy dán ngay ở chợ Báo Thiên. Vả lại...

- Tôi muốn hỏi bác tin tức về hai ông bà Sử.

- Thật khổ? Huynh chưa biết tin tức gì sao? Chùa Tiên bị đốt cháy rồi.

- Chùa cháy?

- Cả hai vợ chồng cụ Sử cũng bị chết cháy trong đó...

- Hai cụ Sử đều chết cả rồi sao?

- Thật khổ! Sau khi huynh và cô Hạnh bỏ đi, vợ chồng cụ Sử về ngủ ở toà hậu điện, chỗ huynh ở cũ. Đêm hôm ấy, có một toán người bịt mặt đến chùa. Tôi may mắn hôm ấy không ngủ tại chùa. Nghe nói toán người này rất hung ác, chúng sục sạo khắp chùa, trói gô tất cả ai có mặt, đánh đập dã man, rồi giết tất cả chẳng trừ một ai. Hôm ấy chỉ có ba người thì phải. Ông bà Sử và một thằng bé ăn mày, thằng bé nhỏ người nằm dưới đít ông Thiện hộ pháp. Nó nhìn thấy tất cả. Nó thấy lũ bịt mặt đánh đập ông bà già tra hỏi điều gì đó, thằng bé nhanh nhẹn lẻn được ra khỏi chùa, xuống hồ lặn đi mới thoát chết. Bọn bịt mặt giết hai vợ chồng ông bà già xong, liền phóng hoả đốt chùa. Lửa cháy ngùn ngụt cho đến sáng. Người ta đến thấy xác vợ chồng ông Sử bị cháy đen. Và có một điều rất dã man và rất kỳ quặc.

- Điều gì kỳ quặc?

- Bọn bịt mặt đã dùng dao sắc cắt toàn bộ cụm ngọc hành của cụ Sử Văn Hoa...

Cắt sạch! tại sao lại cắt? tại sao phải dã man như vậy? Là một tín hiệu gì hay một sự đe doạ? Ai đã làm việc này? Cũng có thể họ muốn tìm ta. Cũng có thể cụ Sử đã chửi rủa hoặc làm phật ý một

nhóm người nào đó?
Phạm lặng người đi vừa buồn rầu vừa tức giận. Cũng xen lẫn một cảm giác hối hận, vì Phạm nghĩ có thể cụ Sử chết vì người nào đó muốn tra hỏi để tìm anh, vậy anh đã gây ra cái chết của vợ chồng cụ Sử, mà cũng là bố mẹ vợ của anh.
Phạm chợt nghĩ đến một câu nói của cụ Sử cái đêm ngoài túp lều bãi ngô: “Con người có ba thứ quý nhất: khối óc. trái tim và tinh lực. Nếu ở cạnh một quân vương, chắc chắn con người sẽ bị mất một trong ba vật quý ấy “ Phạm liên miên suy ngẫm. Anh lại nhớ xa hơn đến những lời dạy của ông thầy già Sư Tề khi dạy võ Ngọc Trản cho anh. Có ba miếng võ độc thủ: Thượng Ngọc Trản, Trung Ngọc Trản và Hạ Ngọc Trản. Dùng độc chiêu Thượng Ngọc Trản kẻ thù sẽ mất đầu; dùng miếng Trung Ngọc Trản, kẻ thù sẽ bị đâm qua tim, dùng miếng Hạ Ngọc Trản kẻ thù sẽ mất cái sinh khí ở đời.
Phạm không đi sâu vào võ thuật nên không học những thế võ giết người quái quỷ ấy. Song ở đây cụ Sử bị cắt toàn thể bộ sinh thực khí, liệu có gì liên hệ với thế võ Hạ Ngọc Trản kia không? Và như vậy, liệu có liên quan gì tới Tổ Thu và Ngưu Tất hay không?
Tuy nhiên Phạm Sinh vẫn miên man nghĩ tiếp - Cái đêm tâm sự với Nguyên Cẩn trên hồ Tây, rồi chuyện Nguyễn Cẩn đã tự hoạn, rồi Nguyễn Cẩn đã gợi ý cho chính anh... liệu tất cả những cái đó có mối liên hệ nào tới cái chết bi thương và tàn độc một cách quái dị của cụ Sử không?
Sao lại không? Đối với những kẻ cuồng tín tất cả đều có thể.
Vậy thì ai là người đã giết chết Sử Văn Hoa? Ai là người đã đang tâm giết một con người đã cõng một bồ sử trên lưng, leo đèo lội suối, trốn tránh một hôn quân để đi tìm một chân mạng thiên tử? Ai là kẻ

đã dã man giết một con người nhân hậu chỉ muốn đi tìm cách giải giấc mộng cuồng ở đời? Ai là kẻ đã mất hết nhân tính đến mức giết một người suốt đời ghi chép sử di tìm hồn của núi sông, dù trong tù ngục vẫn giải một câu đố về sự thái hoà dân tộc?

HẾT